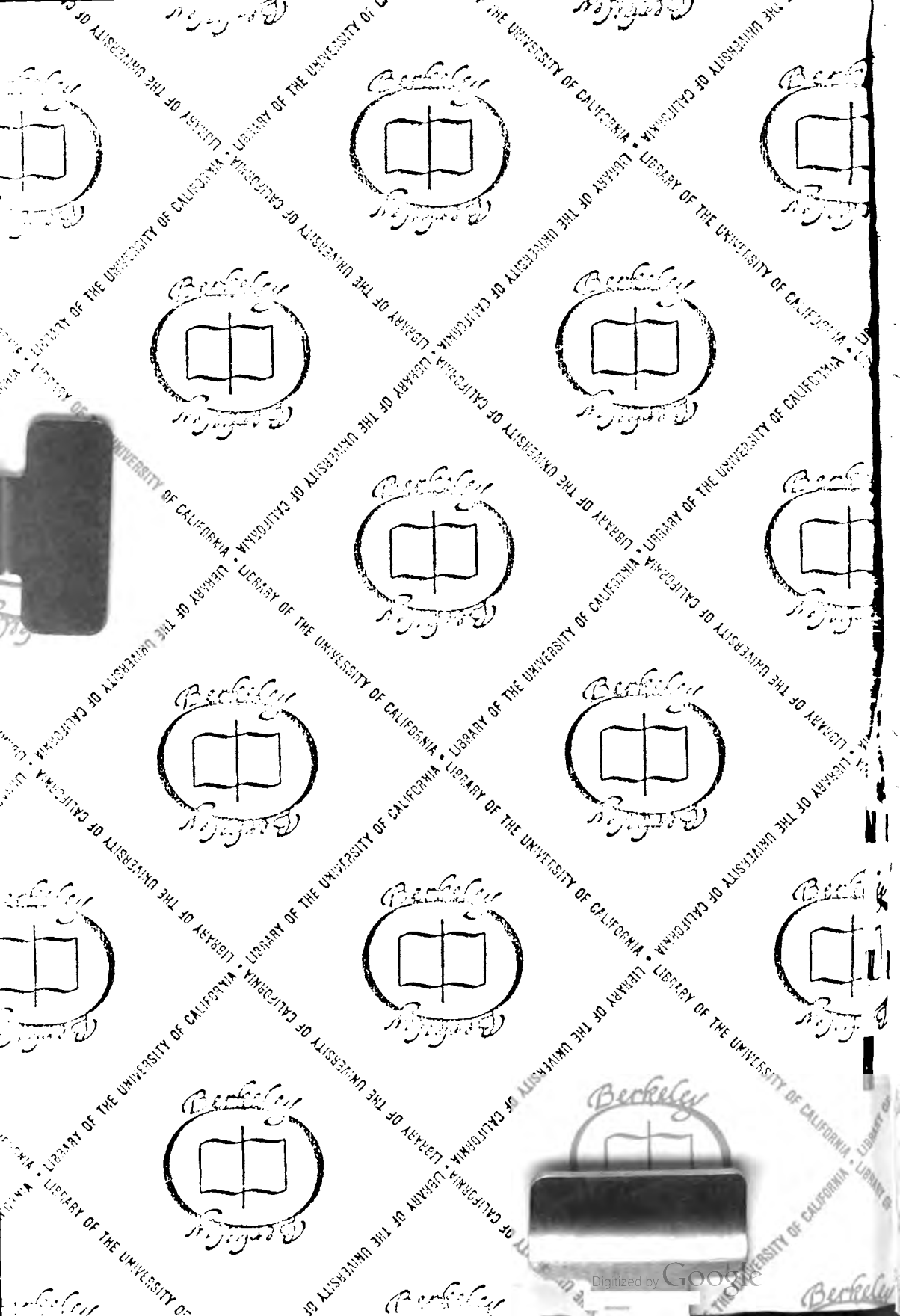
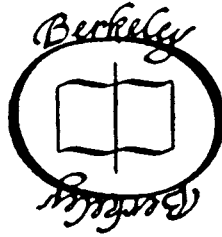
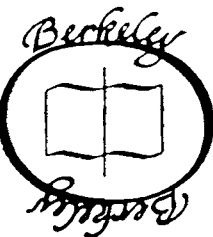
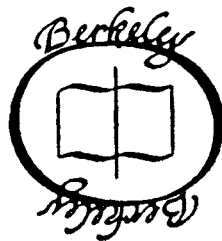
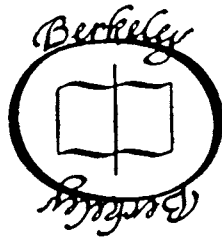
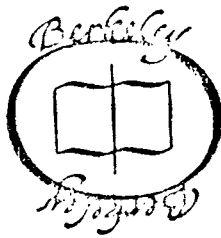
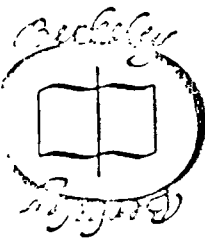
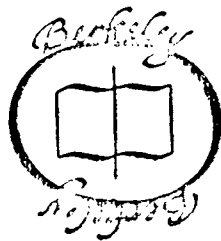
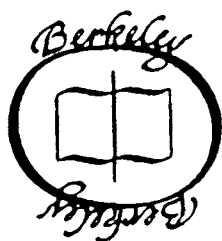
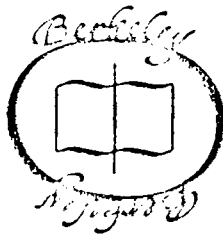
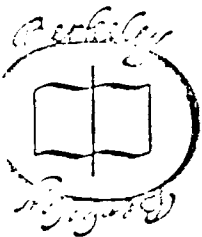
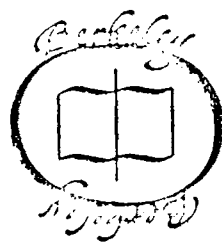
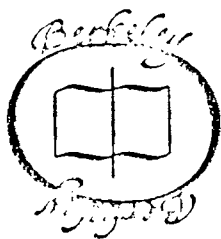
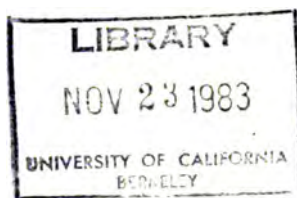






Tạp chí Cộng sản

1983: 7-12
CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



7

7.1983

THẤU SUỐT NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ — XÃ HỘI

Dể quản lý kinh tế — xã hội được tốt, chúng ta phải luận theo những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về quản lý kinh tế — xã hội. Trong các nguyên tắc đó, **tập trung dân chủ** là nguyên tắc cơ bản nhất.

Cần thực hiện tập trung dân chủ vì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và phát triển có kế hoạch và cân đối đòi hỏi phải có sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, của trung ương. Cần thực hiện tập trung dân chủ, vì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế do nhân dân làm chủ, trực tiếp xây dựng và quản lý. Cần thực hiện tập trung dân chủ, vì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ có thể phát triển mạnh mẽ và vững chắc khi được kết hợp hài hòa giữa sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước với việc phát huy lao động sáng tạo của nhân dân.

Tập trung dân chủ có nghĩa là vì lợi ích chung của toàn xã hội, tất cả các cấp, các ngành, các địa phương và cơ sở phải phục tùng nghiêm túc sự lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương trên các vấn đề cơ bản như đường lối kinh tế, chiến lược phát triển và chiến lược quản lý, các « quốc sách », các mặt quan hệ và cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Tập trung dân chủ cũng có nghĩa là, dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương, chúng ta phải thường xuyên chăm lo mở rộng dân chủ, phát huy cao độ tinh thần làm chủ của các ngành, các cấp, các địa phương, các cơ sở và của quần chúng nhân dân trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, quản lý kinh tế — xã hội.

Tập trung và dân chủ là thống nhất, là hai mặt của một vấn đề. Không thể và không nên đối lập tập trung với dân chủ. Lý luận và thực tiễn đã chứng minh rằng càng mở rộng dân chủ thì càng có điều kiện để tập trung và càng tăng cường tập trung bao nhiêu thì càng phát huy được dân chủ bấy nhiêu. Nói một cách khác, tập trung chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở dân chủ thật sự, và dân chủ chỉ có thể được bảo đảm dưới sự lãnh đạo tập trung đúng đắn. Tập trung quan liêu thì không thể nào có dân chủ và dân chủ hình thức thì không thể nào có tập trung.

Lâu nay, chúng ta đã vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế — xã hội và gần đây có một số liên bộ. Có những cơ quan Đảng và Nhà nước đã chú ý đấu tranh chống tệ quan liêu, bảo thủ trì trệ, lúng nhẽ, nghiến cừ, ừng hờ những sáng kiến và nhân tố mới của địa phương và cơ sở, vừa đòi những chính sách, chế độ không thích hợp. Nhiều địa phương và cơ sở đã nêu cao tinh thần chủ động sáng tạo, vận dụng chính sách của Đảng, của trung ương phù hợp với hoàn cảnh địa phương, nhạy bén với cái mới, đề ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn để phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Việc bước đầu thay đổi cơ chế quản lý như khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh trong các xí nghiệp, cải tiến một số chính sách phân phối, lưu thông đã khơi dậy được phong trào lao động sản xuất sôi nổi trong quần chúng và đưa đến những biến chuyển mới có ý nghĩa trong nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, nhìn chung chúng ta còn phạm hai khuyết điểm mà Đại hội thứ V của Đảng đã phê phán là: “Trong Đảng và cơ quan Nhà nước, bên cạnh tư tưởng nóng vội, tình trạng thiếu nhạy bén, quan liêu, bảo thủ **nặng nề đang là một nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trì trệ hiện nay**. Tình hình đó đang hạn chế việc tiếp thu sâu sắc và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, kim hãm sáng tạo của quần chúng, của cán bộ, đảng viên, cản trở việc đổi mới cơ chế quản lý, việc sửa đổi các chính sách, chế độ đã lạc hậu” (1) và, “những năm gần đây, nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi không được chấp hành triệt để. Tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, địa phương với mức độ khác nhau phát triển phổ biến” (2).

Lẽ-nin đã chỉ rõ, tập trung dân chủ hoàn toàn khác với tập trung quan liêu và cũng hoàn toàn khác với chủ nghĩa vô chính phủ. Vì vậy, chúng ta cần kiên quyết khắc phục hai khuyết điểm nói trên, để thực hiện đúng đắn tập trung dân chủ. Trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế đang còn nhiều thành phần, sản xuất nhỏ còn phổ biến..., để quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế — xã hội, chúng ta cần giải quyết đúng đắn ba mối quan hệ:

- Quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân
- Quan hệ giữa cấp trên và cơ sở
- Quan hệ giữa trung ương và địa phương



Theo đường lối của Đảng, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đề quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế — xã hội, trước hết cần giải quyết đúng đắn mối **quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân** theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân hằng ngày tham gia các hoạt động xây dựng kinh tế,

(1), (2) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. Tạp chí Cộng sản số 5-1982, tr. 17.

phát triển văn hóa. Mấy năm gần đây, do bước đầu thay đổi quản lý và chính sách, một khí thế mới đã xuất hiện trong đời sống kinh tế và xã hội. Trong nông nghiệp, chủ trương khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động đã đẩy lên một phong trào lao động sôi nổi trong nông dân. Trong công nghiệp, việc mở rộng các hình thức khoán và trả lương theo sản phẩm cuối cùng đã khơi dậy được phong trào lao động sáng tạo trong công nhân. Phong trào thi đua hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật trong công nhân viên chức đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Thực tiễn chứng minh rằng khả năng của quần chúng là to lớn và vô tận. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ là công việc của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở quốc doanh mà là sự nghiệp của toàn dân.

Để thực hiện tốt phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », cần triệt để xóa bỏ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, không những đã kìm hãm tính sáng tạo của quần chúng mà còn gây ra tâm lý ỷ lại vào Nhà nước. Cần thật sự phát huy quyền làm chủ của quần chúng trong quản lý kinh tế và xã hội, từ làm chủ về sản xuất đến làm chủ về phân phối, từ làm chủ về kinh tế đến làm chủ về khoa học kỹ thuật. Việc gì nhân dân có thể lo được, làm được thì để cho nhân dân lo, nhân dân làm, Nhà nước chỉ hướng dẫn, giúp đỡ, không ồm ồm, bao biện.

Phải thực hiện tốt đường lối, chính sách kinh tế của Đảng. Từ sản xuất nhỏ đi lên, đi đôi với phát triển kinh tế quốc doanh, cần hết sức coi trọng phát triển kinh tế tập thể, sử dụng tốt kinh tế cá thể, khuyến khích kinh tế gia đình. Huy động và tổ chức tốt hơn lao động nghĩa vụ để làm thủy lợi, phát triển giao thông vận tải... Đẩy mạnh phong trào trồng cây, nuôi cá và phát triển ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp. Duy trì và phát triển phong trào trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ, dệt lụa để tăng thêm vải mặc cho nhân dân. Hoàn thành sớm việc giao đất, giao rừng cho nhân dân làm chủ, khoán cho gia đình xã viên trồng và chăm sóc rừng theo quy hoạch của Nhà nước và kế hoạch của hợp tác xã. Cần phát triển mạnh mẽ và rộng rãi tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở thành thị và nông thôn. Mở rộng hơn nữa phong trào nhân dân tham gia xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi, y tế...

Đã làm kinh tế thì phải tính toán đến lợi ích kinh tế của Nhà nước và lợi ích kinh tế của nhân dân, kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của nhân dân, bảo đảm lợi ích của Nhà nước đồng thời chú ý thỏa đáng đến lợi ích của người lao động. Cần có cơ chế làm cho lợi ích riêng và lợi ích chung thể hiện cùng chiều và tỷ lệ thuận với nhau, để người lao động khi hành động theo lợi ích của mình thì đồng thời cũng bảo đảm được lợi ích chung.

Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, một vấn đề rất quan trọng là các cơ quan Nhà nước, các cán bộ làm kinh tế phải luôn luôn sát quần chúng, nắm vững linh hình sản xuất, đời sống và diễn biến của phong trào quần chúng, kịp thời phát hiện cái mới, ủng hộ cái đúng, sửa chữa cái sai, đề ra được ý kiến xác đáng để bổ sung chủ trương chính sách cho phù hợp. Cần chú ý lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của quần chúng trong các vấn đề kinh tế, đời sống và cố gắng giải quyết kịp thời, thỏa đáng những ý kiến, nguyện vọng chính đáng. Ngoài ra, Nhà nước còn phải tăng cường pháp

chế xã hội chủ nghĩa, có biện pháp nghiêm khắc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, các hành động vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, nghiêm trị những cán bộ làm sai pháp luật, kiên quyết trấn áp bọn lưu manh, ăn cắp, hối lộ, đầu cơ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Việc động viên nhân dân làm kinh tế còn gắn liền với hoạt động của các đoàn thể quần chúng, vì nhân dân lao động không những làm chủ bằng Nhà nước mà còn làm chủ thông qua các đoàn thể quần chúng. Các đoàn thể quần chúng phải chăm lo phát huy quyền làm chủ về kinh tế của quần chúng, làm cho quần chúng được thật sự tham gia quản lý kinh tế - xã hội, quản lý Nhà nước. Các đoàn thể quần chúng cần đổi mới phương thức công tác, khắc phục lối hoạt động quan liêu, hình thức, xa rời thực tế, xa rời quần chúng, khôi phục truyền thống vận động quần chúng của Đảng, đi sát quần chúng, giáo dục, thu hút phục quần chúng, làm cho quần chúng hiểu rõ chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng, đồng thời phản ánh kịp thời, chính xác những ý kiến, nguyện vọng của quần chúng với Đảng.

« Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong ». Đó là đạo lý đã được chứng minh trong thực tiễn cách mạng. Trong lĩnh hình hiện nay, sự kết hợp đúng đắn sức mạnh của Nhà nước với sức mạnh của nhân dân là nhân tố quan trọng hàng đầu để khắc phục khó khăn, chuyển biến lĩnh hình, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên.

Các xí nghiệp, các hợp tác xã... là những tế bào của nền kinh tế quốc dân, là nơi trực tiếp thực hiện quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng. Đó là những phân hệ « động » của hệ thống kinh tế. Các xí nghiệp, hợp tác xã... có tự vận động, điều chỉnh, thích nghi và phát triển như một tế bào thì toàn bộ cơ thể mới phát triển được. Nhưng lâu nay, cơ chế quản lý tập trung quan liêu đã làm cho các cấp, các cơ quan quản lý Nhà nước can thiệp quá mức cần thiết vào chức năng sản xuất kinh doanh của các đơn vị ở cơ sở, gò bó trói buộc cơ sở, làm cho cơ sở trở thành thụ động, không thực hiện tốt chức năng và do đó không phát huy được tiềm năng kinh tế của mình.

Vì vậy, đề quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế - xã hội, một vấn đề quan trọng khác là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với cơ sở. Một mặt, các cơ quan quản lý Nhà nước (các bộ, các ủy ban) cần tập trung làm tốt chức năng quản lý Nhà nước như xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế, nghiên cứu ban hành luật pháp, chính sách và chế độ quản lý kinh tế, quyết định các chủ trương, phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật...; mặt khác, phải thật sự thực hiện quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Thực hiện quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở không phải chỉ là mở rộng quyền mà là gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của cơ sở với kết quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm cho cơ sở có thể kinh doanh nhanh nhẹn, xuất nhập linh hoạt để phát triển sản xuất với hiệu quả cao. Cụ thể là cơ sở có trách nhiệm quản lý tốt lao động vì tài sản được giao, khai thác mọi khả năng ở trong và ngoài cơ sở để làm ra nhiều sản phẩm, tăng năng suất lao động và kinh doanh có lãi. Cơ sở có quyền làm mọi việc cần thiết và có lợi để thực hiện tốt trách nhiệm của mình, đồng thời chấp hành đúng chính sách và

pháp luật của Nhà nước. Về trách nhiệm vật chất, làm giảm hưởng nhiều, làm kém hưởng ít, làm hỏng phải bồi thường, làm sai phải chịu kỷ luật.

Phải bảo đảm quyền làm chủ về kế hoạch của cơ sở. Kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước giao cho cơ sở tập trung vào một số chỉ tiêu chủ yếu như sản lượng sản phẩm chủ yếu và giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách; quỹ tiền lương tương ứng với sản lượng, vốn đầu tư và thiết bị, vật tư do Nhà nước phân phối. Thật sự xây dựng kế hoạch từ cơ sở bằng cách dựa vào số kiểm tra của Nhà nước, cơ sở tìm mọi cách cân đối từ nhiều nguồn (từ khả năng của mình, từ khả năng của cấp trên, từ khả năng hiệp tác với cơ sở khác, từ khả năng xuất nhập khẩu), đồng thời quan hệ giao dịch, ký kết hợp đồng kinh tế với các cơ quan đơn vị hữu quan (cung ứng, tiêu thụ, xây dựng, vận tải...) để xây dựng kế hoạch và báo cáo lên cấp trên. Kế hoạch pháp lệnh mà Nhà nước giao cho cơ sở là một kế hoạch thống nhất được cân đối hiện thực do cơ sở xây dựng lên thông qua hợp đồng kinh tế, chứ không phải là một kế hoạch từ trên đặt xuống, hoặc cò kè bớt một thêm hai như lâu nay.

Quyền tự chủ về tài chính của cơ sở cũng phải được xác định cụ thể. Trên cơ sở thực hiện đầy đủ các khoản nộp ngân sách, các cơ sở có quyền bố trí và sử dụng các loại vốn, các loại quỹ của mình và thực hiện các hình thức trả lương, khen thưởng thích hợp nhất, có lợi cho sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, còn phải bảo đảm quyền làm chủ về các mặt khác của cơ sở. Cơ sở có quyền quyết định cải tiến tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý và xác định biên chế của mình theo hướng gọn nhẹ, giảm trung gian, tăng hiệu lực. Thủ trưởng các cơ sở có quyền lựa chọn, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu tuyển dụng và cho công nhân thôi việc. Cơ sở có quyền giải quyết vật tư hàng hóa ứ đọng, tận dụng phế liệu phế phẩm, thực hiện các quan hệ hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật với các cơ quan, đơn vị hữu quan. Các cơ sở đủ điều kiện còn có quyền trực tiếp thực hiện các quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng quy định của Nhà nước và sự lãnh đạo của Bộ ngoại thương.

Quản trị nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa tăng cường chức năng quản lý hành chính kinh tế của các cơ quan Nhà nước, vừa mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở là một quá trình gắn liền với quá trình đổi mới quản lý kinh tế. Vừa qua, chúng ta mới làm được một phần, chưa toàn diện và triệt để, cần tiếp tục bổ sung cải tiến để sớm hoàn thiện.



Trong đường lối xây dựng kinh tế, Đảng ta đã xác định: « Vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất ». Phương châm phát triển kinh tế địa phương là « trung ương và địa phương cùng làm ». Để thực hiện tốt đường lối đó, một nội dung cơ bản trong việc vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ là cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa trung ương và địa phương.

Về mối quan hệ này, Lê-nin đã chỉ rõ, chế độ tập trung dân chủ, một mặt bảo đảm sự hoạt động tuyệt đối ăn khớp và thống nhất của các ngành kinh tế

như đường sắt, bưu điện và các ngành vận tải khác ..., một khác, nó nhằm phát huy một cách đầy đủ và tự do không những các đặc điểm của địa phương, mà cả những sáng kiến của địa phương, tính chủ động của địa phương, tính muốn màu muốn vẽ của các địa phương, của các phương pháp và phương tiện để đạt mục đích chung.

Đại hội thứ V của Đảng cũng đã vạch rõ, để thích ứng với nền kinh tế hiện nay, « phải có một cơ chế quản lý năng động, có khả năng xóa bỏ tập trung quan liêu, bảo thủ trì trệ và bao cấp tràn lan » (3), cơ chế đó « phải mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, đồng thời bảo đảm cho trung ương nắm chắc những việc, những khâu cần quản lý » (4).

Theo nguyên tắc và cơ chế đó, mối quan hệ giữa trung ương và địa phương cần được giải quyết theo hướng việc gì địa phương có thể làm được, làm tốt thì giao cho địa phương làm, trung ương tập trung sức làm các việc lớn cho cả nước. Trách nhiệm của trung ương là phải làm cho các địa phương trưởng thành, tạo điều kiện cho các địa phương làm giàu dưới sự quản lý thống nhất của trung ương.

Trung ương sẽ tập trung sức làm tốt các việc lớn như xây dựng chiến lược phát triển kinh tế — xã hội, xây dựng lòng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất trong cả nước, quyết định luật pháp kinh tế và các chính sách lớn, quyết định các cân đối lớn và các chỉ tiêu chính trong kế hoạch Nhà nước, nắm quyền lực về các lĩnh vực quan trọng, các công trình lớn, các sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, tổ chức hợp tác quốc tế và thống nhất quản lý ngoại thương...

Mỗi địa phương (tỉnh, thành phố cũng như huyện) là một cấp kế hoạch toàn diện. Kế hoạch của địa phương phải phân đầu cân đối cho được sản xuất và tiêu dùng của từng địa phương (cân đối nội tại) đồng thời đóng góp ngày càng nhiều cho nhu cầu cả nước. Quan hệ kinh tế giữa trung ương và địa phương là quan hệ nghĩa vụ hai chiều: trung ương cung cấp những gì cho địa phương để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, và các địa phương phải cung ứng những gì cho trung ương để góp phần phát triển kinh tế cả nước. Nghĩa vụ đó được thể hiện trong một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như tổng giá trị và sản phẩm hàng hóa chủ yếu địa phương giao nộp cho trung ương, tổng giá trị và vật tư, hàng hóa chủ yếu trung ương điều về, cho địa phương, vốn đầu tư xây dựng cơ bản do trung ương cân đối cho địa phương, tổng số lao động địa phương điều cho các nhu cầu của trung ương và tổng số lao động kỹ thuật và cán bộ do trung ương phân cho địa phương, một số chỉ tiêu chủ yếu về đời sống dân cư trên lãnh thổ, tổng số thu chi ngân sách địa phương...

Để bảo đảm nhu cầu của địa phương và làm tròn nghĩa vụ đối với trung ương, trong khuôn khổ pháp luật, chính sách và chế độ quản lý của Nhà nước, các địa phương có quyền quyết định kế hoạch phát triển kinh tế địa phương và những phương án kinh tế kỹ thuật hợp lý nhằm phát huy thế mạnh của mình. Các địa phương có quyền vận dụng những chính sách chung của trung ương phù hợp với hoàn cảnh địa phương và ban hành những chính sách cụ thể

(3), (4) Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong năm 1981 — 1983 và những năm 80. Tạp chí Cộng sản số 4 — 1982, tr. 122.

có lĩnh chất địa phương. Các địa phương có quyền mở rộng quan hệ hợp tác kỹ thuật, khoa học kỹ thuật với trung ương và các địa phương khác. Các địa phương cũng có quyền trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng ngoại tệ theo đúng quy định của trung ương và sự hướng dẫn của Bộ ngoại thương.

Đề quản trị nguyên tắc tập trung dân chủ trong mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, còn phải thực hiện đúng đắn nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Quản lý theo ngành là các bộ, vừa trực tiếp quản lý toàn diện các tổ chức kinh tế thuộc bộ, vừa quản lý hành chính, kinh tế đối với các cơ sở kinh tế thuộc ngành do địa phương trực tiếp quản lý. Các bộ thống nhất quản lý toàn ngành trong cả nước và làm các việc như xây dựng chiến lược và quy hoạch, kế hoạch phát triển toàn ngành, xây dựng các phương án kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành, nghiên cứu ban hành hoặc kiến nghị với Nhà nước ban hành những chính sách, chế độ chuyên ngành, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân và kiểm tra các hoạt động toàn ngành.

Quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là Ủy ban nhân dân các địa phương vừa trực tiếp quản lý toàn diện các cơ sở kinh tế thuộc địa phương, vừa tham gia quản lý các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương. Các địa phương thống nhất quản lý kinh tế theo lãnh thổ và làm các việc như xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế địa phương và kinh tế lãnh thổ, tổ chức liên kết và điều hòa phối hợp các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ, cung cấp lao động, nguyên liệu địa phương cho các cơ sở kinh tế trung ương trên lãnh thổ, bảo vệ sản xuất, bảo vệ môi trường, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với tất cả các cơ sở kinh tế trên lãnh thổ.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa trung ương và địa phương theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ là một vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản trong quản lý kinh tế - xã hội. Quản trị nguyên tắc này, chúng ta sẽ khác phục được cả tình trạng tập trung quan liêu và phân tán vô tổ chức, góp phần làm cho kinh tế trung ương và kinh tế địa phương phát triển nhịp nhàng ăn khớp trong cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.



Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Đó cũng là mục tiêu trước mắt trong đời mới quản lý kinh tế. Các cấp, các ngành cần quán triệt và vận dụng đúng nguyên tắc này đề ra nên sức mạnh tổng hợp to lớn, đưa nền kinh tế nước ta nhanh chóng ra khỏi khó khăn hiện nay, thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Phấn đấu tạo ra những bước tiến mới trong sự nghiệp xây dựng thủ đô (*)

LE - DUÂN

Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,

ĐẠI HỘI của các đồng chí họp dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ năm của Đảng. Đầu năm nay, có thêm Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương và Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác của thủ đô. Theo phương hướng của các nghị quyết nói trên, Đại hội lần này của đảng bộ Hà-nội đã được chuẩn bị chu đáo. Trong các báo cáo trình ra Đại hội, những nhiệm vụ cải tạo và xây dựng thủ đô đã được vạch rõ.

Hôm nay, tôi đến thăm, chúc mừng Đại hội của các đồng chí và nói thêm một vài ý kiến.

Thế giới hiện nay đang ở trong một thời kỳ đấu tranh rất gay gắt giữa hai hệ thống. Đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng đang điên cuồng đẩy mạnh chạy đua vũ trang, gây ra tình hình cực kỳ nguy hiểm. Thảm họa chiến tranh hạt nhân đang đe dọa

hòa bình và cuộc sống của loài người. Đại hội hòa bình sắp họp tại Pra-ha là sự biểu dương ý chí đánh thép và lực lượng khổng lồ của các dân tộc đấu tranh chặn bàn tay gậy chiến của bọn đế quốc, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Năm mươi lăm triệu đồng bào Việt-nam ta đoàn kết hoàn toàn với các chiến sĩ hòa bình trên các lục địa. Nhân dân ta quyết luôn luôn góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới.

Ở Đông-Nam Á, bọn bành trướng Trung-quốc câu kết với Mỹ và bọn phản động khác đang ráo riết tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt rất thâm độc và gay gắt chống nhân dân ta và nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào anh em. Chúng nhằm làm suy yếu đề tiến lên thôn tính nước ta, xóa bỏ ngọn cỏ

(*) Bài nói tại Đại hội thứ IX đảng bộ thành phố Hà-nội.

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà cách mạng Việt-nam đang giương cao. Âm mưu chiến lược này của bọn phản động Trung-quốc không hề thay đổi. Đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác cũng hùa theo hồng đề bịp chúng ta.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nhận rõ tình hình đó. Phải xây dựng quyết tâm lớn nhất, tạo ra lực lượng mạnh nhất để đánh thắng cho kỳ được cuộc chiến tranh này. Chúng ta có lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng. Chúng ta có sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có liên minh chiến đấu đặc biệt của ba nước Đông-dương. Chúng ta có sự hợp tác toàn diện của Liên-xô, sự đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sự ủng hộ của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới. Chúng ta nhất định thắng.

Trong thời gian qua, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn. Hà-nội cũng có những tiến bộ đáng mừng. Đó là mặt cơ bản của tình hình. Song, để làm tròn hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải nỗ lực phấn đấu lâu dài, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách. Sự nghiệp cách mạng ở thủ đô cũng trong tình thế đó.

Những năm trước mắt, Hà-nội phải có những cố gắng rất cao để phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Phải phát huy mọi tiềm năng về ngành, nghề, đất đai, lao động, khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất thực

phẩm. Trong công nghiệp, đặc biệt chú ý nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế. Trong nông nghiệp, đặc biệt chú ý thâm canh, tăng nhanh năng suất trồng trọt và chăn nuôi. Hàng công nghiệp Hà-nội phải là loại tốt nhất, năng suất nông nghiệp Hà-nội phải vào hạng cao nhất trong cả nước. Phải cùng với các bộ có liên quan tổ chức việc hợp tác và giao lưu giữa Hà-nội với các tỉnh, các thành phố để thúc đẩy sản xuất và có thêm nguồn hàng, nhất là tạo ra cho được dự trữ đáng kể về lương thực.

Phải có những cố gắng vượt bậc khai thác nguyên liệu trong nước làm ra nhiều hàng xuất khẩu có chất lượng. Trên cơ sở đầy mạnh xuất mà nhập máy móc, vật tư cần thiết cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp của thành phố. Xuất khẩu là công tác quan trọng hàng đầu. Tất cả các ngành, các cấp, các cơ sở đều phải làm hàng xuất khẩu.

Phải huy động lực lượng của nhân dân và quân đội cùng với Nhà nước xây dựng và cải tạo thành phố. Phải ra sức khắc phục khó khăn, xây thêm nhà ở, từng bước cải thiện điều kiện vệ sinh, điện, nước, sửa chữa nhà cửa, chấn chỉnh giao thông, mở mang dịch vụ.

Phải làm mạnh hơn nữa việc thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông, để thúc đẩy sản xuất, ổn định đời sống. Quét sạch đầu cơ, buôn lậu, xóa bỏ thương nghiệp tư doanh, sắp xếp và cải tạo người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ, gắn liền với củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Phải tăng cường nắm

hàng, nắm tiền. Nhà nước phải nắm được toàn bộ sản phẩm của kinh tế quốc doanh, chống tham ô, mất mát, hư hỏng. Các xí nghiệp phải đề cao kỷ luật giao nộp sản phẩm. Nhà nước phải nắm được phần lớn hàng nông sản và hàng của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thông qua hợp đồng hai chiều. Về lương thực hàng hóa, Nhà nước phải nắm tuyệt đại bộ phận, tiến đến độc quyền lương thực. Phải củng cố và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, ổn định giá cả trong thị trường có tổ chức, bảo đảm cung ứng đầy đủ những mặt hàng thiết yếu theo định lượng cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Phải quản lý nghiêm ngặt và liên tục giá cả trên thị trường tự do.

Đề tăng cường chuyên chính vô sản phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Hà-nội phải đẩy lên phong trào quần chúng làm chủ tập thể thật sôi nổi. Phải làm cho phong trào cách mạng đó trở thành ngày hội của quần chúng, ở từng phường, từng xã, từng xí nghiệp, từng cơ quan, đơn vị...

Làm chủ tập thể để đẩy mạnh cải tạo, xây dựng, sản xuất, tiết kiệm. Ai có sức lao động đều phải lao động. Đã lao động thì phải làm đúng giờ, đúng buổi; lao động có kỷ luật, chống chây lười, bê trễ; lao động có kỹ thuật, chống làm dối, làm ẩu.

Làm chủ tập thể để nắm vững phân phối, lưu thông. Mỗi người dân thủ đô phải thực hiện và tích cực đấu tranh để thực hiện các luật lệ về quản lý thị trường, bảo đảm việc phân phối được công bằng, hợp lý.

Làm chủ tập thể để xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Phải giữ vững và phát huy truyền thống ngàn năm văn hiến của thủ đô, giữ gìn và trau dồi những giá trị tinh thần của dân tộc. Phải quét sạch văn hóa phản động đồi trụy, chống hủ tục, mê tín dị đoan. Phải đập tan âm mưu và thủ đoạn của địch đang tìm mọi cách phá hoại hồng làm lung lạc tư tưởng, làm xói mòn đạo đức, làm suy đồi lối sống của nhân dân và thanh niên ta.

Làm chủ tập thể để bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Làm chủ tập thể là sức mạnh lớn nhất đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Hơn ở đâu hết, Hà-nội phải phấn đấu để trở thành tiêu biểu cho chế độ làm chủ tập thể. Ở Hà-nội, phải thực hiện người người làm chủ, ngày ngày làm chủ. Công đoàn Hà-nội, Đoàn thanh niên Hà-nội, Hội phụ nữ Hà-nội, hội Nông dân tập thể Hà-nội phải là những tổ chức làm chủ tập thể mạnh nhất trong cả nước.

Dù khó khăn đến mấy, Hà-nội cũng phải đi đầu về xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, xây dựng nếp sống trong sạch, lành mạnh, về chăm sóc, nuôi dạy nhi đồng và thiếu niên.

Hà-nội và cả nước phải luôn luôn sẵn sàng đối phó với mọi tình huống chiến tranh, quyết không để cho quân xâm lược dẫm đến thủ đô ta.

Đảng bộ Hà-nội phải ra sức nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Phải khẳng định mạnh mẽ thắng

lợi và thành tựu. Phải nhận rõ các yếu kém và hư hỏng. Phải nhìn thẳng vào khó khăn, khuyết điểm để khắc phục và sửa chữa. Phải tăng cường kỷ luật của Đảng, giữ vững kỷ cương Nhà nước. Phải nâng cao trách nhiệm quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bảo vệ của công, phục vụ nhân dân. Phải biểu dương những cán bộ, đảng viên xứng đáng, khen thưởng những người có công. Phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, hư hỏng.

Cán bộ quyết định tất cả. Từng cán bộ, đảng viên phải luôn luôn phấn đấu giữ vững phẩm chất và nâng cao năng lực của mình. « Phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đi đầu thật trung thành của nhân dân » như Bác Hồ đã dạy. Phải lựa chọn chỗ các quận, huyện, các xí nghiệp, các cơ quan của thành phố những cán bộ chủ

chốt có đủ bản lĩnh tạo được sức bật cho phong trào từng nơi.

Thành ủy và các cấp ủy quận, huyện phải chủ động, sáng tạo, không trông chờ, ỷ lại. Phải chống bệnh quan liêu, chăm lo xây dựng cơ sở, khơi dậy và tổng kết sáng kiến của quần chúng, giải quyết kịp thời các công việc thiết thực.

Các cơ quan trung ương có trách nhiệm lớn trong việc cải tạo và xây dựng thủ đô, phải thực sự cùng thành phố thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác của Hà-nội.

Đảng bộ Hà-nội phải phát huy truyền thống vẻ vang của mình, vươn lên làm tròn sứ mệnh trọng đại trong sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Chúc Đại hội lần thứ chín của đảng bộ Hà-nội thành công, mở ra những bước tiến mới trong công cuộc xây dựng thủ đô.

ĐẠI ĐOÀN KẾT, ĐẠI THÀNH CÔNG

DẠI HỘI THỨ II CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT-NAM đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã nhất trí thông qua Chương trình hành động. Lời kêu gọi đồng bào cả nước, và bầu Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-nam. Thành công của Đại hội, một lần nữa chứng tỏ các giới đồng bào ta trong cả nước luôn luôn làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại:

*« Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công »* (1)

Sáu năm qua Mặt trận Tổ quốc Việt-nam đã có sự cống hiến to lớn vào sự nghiệp củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc anh em sống chung trên đất nước Việt-nam yêu dấu, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội; phát huy nhiệt tình cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, động viên toàn dân hăng hái thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện vai trò là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước chuyên chính vô sản, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam đã tích cực góp phần đẩy nhanh quá trình thống nhất nước nhà về mọi mặt, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, củng cố và

bảo vệ chính quyền nhân dân; thường xuyên vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, giáo dục toàn dân đề cao cảnh giác trước âm mưu và hành động của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ phá hoại và xâm lược nước ta, động viên các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang nhân dân kịp thời giáng trả và đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc và tay sai của chúng.

Ở các tỉnh phía Nam đã được giải phóng, Mặt trận Tổ quốc thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, giải thích chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp đồng bào ta yên tâm xây dựng cuộc sống mới, đem tài năng và sự hiểu biết của mình đóng góp vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vận động bà con lao động chống lại sự bóc lột của tư sản cả ở thành thị và nông thôn, giúp đỡ những bà con đổ bước vào con đường làm ăn tập thể. Mặt trận đã chân thành giúp đỡ các nhà công thương tiếp thu chính sách cải tạo của Đảng và Nhà nước.

Mặt trận kiên trì động viên, đoàn kết các dân tộc, kịp thời ngăn chặn và làm thất bại những âm mưu chia

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên bố*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 280.

rẽ dân tộc do bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, bọn đế quốc và các phần tử phản cách mạng gây ra.

Tổ chức Mặt trận các cấp trong cả nước đã phối hợp với các đoàn thể thành viên động viên nhân dân lao động tham gia quản lý công việc Nhà nước, quản lý xã hội, tham gia xây dựng và thực hiện Hiến pháp xã hội chủ nghĩa, tham gia phong trào giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng và củng cố quốc phòng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận Tổ quốc Việt-nam đã không ngừng phấn đấu đề tăng cường tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân Liên-xô vĩ đại, nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, nhân dân các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đoàn kết cùng nhân dân các nước trên thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình, đòi giải trừ quân bị, chống chính sách xâm lược hiếu chiến, chạy đua vũ trang của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Một thành tích đáng chú ý nữa của Mặt trận trong 6 năm qua, là việc xây dựng hệ thống Mặt trận bốn cấp đã căn bản hoàn thành trong phạm vi cả nước, việc xây dựng Mặt trận ở cơ sở đã được chú ý đúng mức. Việc hình thành mạng lưới Mặt trận cơ sở với những phương thức hoạt động phong phú đã tạo điều kiện thuận lợi cho toàn bộ hệ thống tổ chức Mặt trận quan hệ trực tiếp với cuộc sống hằng ngày của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn cư trú; thực hiện được việc thống nhất hành động giữa các thành viên ngay tại cơ sở; giúp cho Mặt trận có những hoạt động thiết thực nhằm tập hợp, đoàn kết nhân dân phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cùng nhau

khắc phục khó khăn, xây dựng cuộc sống mới tại khu dân cư.

Những thành tích đó nói lên vai trò to lớn của Mặt trận Tổ quốc, đồng thời chứng tỏ rằng: « Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng » (2).



Dưới ngọn cờ của Đảng, dân tộc Việt-nam đã chiến đấu dũng cảm, lao động cần cù, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng « không lúc nào Tổ quốc Việt-nam ta, dân tộc Việt-nam ta vững vàng và mạnh mẽ như ngày nay » (3).

Song, đất nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt. Chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng nhưng cũng đang đứng trước những khó khăn to lớn. Đất nước ta đang phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Thành quả của 28 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và 8 năm cải tạo

(2) Hồ-Chí-Minh: Sách đã dẫn, tập II, tr. 277.

(3) Bài nói của đồng chí Phạm-Văn-Đồng, ủy viên Bộ chính trị, đại diện Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam tại Đại hội thứ hai Mặt trận Tổ quốc Việt-nam.

xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam đã làm cho xã hội nước ta có những thay đổi sâu sắc.

Tuy nhiên do sự phát triển không đồng đều của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn có sự khác biệt giữa các vùng về cơ cấu kinh tế, xã hội, về mức độ cải tạo, về trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa...

Tình hình đó đặt ra cho Mặt trận Tổ quốc Việt-nam những nhiệm vụ nặng nề và phức tạp.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Nếu cao truyền thống đoàn kết của nhân dân ta, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam cần tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các dân tộc, các nhân sĩ hàng hái tham gia các phong trào cách mạng, xây dựng và củng cố chính quyền, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần của xã hội ta, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc » (4).

Nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa trong những điều kiện hết sức khó khăn và phức tạp, mọi người phải nhận thức rõ hơn nữa vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam đã được thể chế hóa trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Cần phải xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt-nam xứng đáng là tổ chức chính trị xã hội rộng lớn nhất, vừa có tính liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc. Cần phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam là đại diện chung cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân

lao động, là sợi dây nối liền các tầng lớp xã hội rộng rãi với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc Việt-nam — được xây dựng trên cơ sở liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam — cùng các đoàn thể thành viên là một bộ phận cấu thành của hệ thống chuyên chính vô sản và của cơ chế làm chủ tập thể của chúng ta.

Nhiệm vụ lớn nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay là « thực hiện tốt liên minh công nông, đoàn kết chặt chẽ trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, các nhân sĩ, những người Hoa đã từ lâu sống trên đất nước Việt-nam gần bó với nhân dân Việt-nam, những người Việt-nam hiện đang sống ở nước ngoài muốn góp phần xây dựng đất nước nhằm thực hiện mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ gìn hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới » (5).

Mặt trận Tổ quốc Việt-nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cần phối hợp và thống nhất hành động nhằm thực hiện những nhiệm vụ công tác được đề ra trong Nghị quyết Đại hội thứ V cùng các nghị quyết của Trung ương Đảng cộng sản Việt-nam và Chương trình hành động của Mặt trận mà Đại hội Mặt trận vừa rồi đã thông qua.

Để làm tốt các nhiệm vụ lịch sử to lớn đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam cần tăng cường quan hệ phối hợp giữa Mặt trận và chính quyền trong việc động viên, tổ

(4) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 132 — 133.

(5) Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trong giai đoạn mới (18-4-1983).

chức và hướng dẫn nhân dân thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của mình, tự giác và tích cực tham gia xây dựng, củng cố bộ máy Nhà nước; trong việc thực hiện các nhiệm vụ và công tác có tính chất toàn dân. Ủy ban Mặt trận các cấp có kế hoạch giúp đỡ các đại biểu dân cử tăng cường mối liên hệ mật thiết với nhân dân; động viên và giúp đỡ cử tri theo sát và góp ý kiến về hoạt động của các cơ quan Nhà nước và đại biểu dân cử; giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân tham gia góp ý kiến xây dựng các dự án pháp luật, thi hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn giúp đỡ và tạo điều kiện để quần chúng tham gia rộng rãi và thường xuyên vào việc quản lý kinh tế và xã hội.

Thực hiện tốt sự *thống nhất hành động của các thành viên trong Mặt trận* và giữa các thành viên đó với các cơ quan Nhà nước. Mỗi tổ chức chính trị - xã hội tham gia Mặt trận với tư cách là một thành viên của Mặt trận vừa phải thực hiện nhiệm vụ của tổ chức mình đối với mỗi tầng lớp, mỗi giới mà mình có trách nhiệm vận động bằng những hình thức thích hợp, vừa phải phối hợp hoạt động với các tổ chức thành viên khác trong những công tác chung, phong trào chung, theo Chương trình hành động của Mặt trận. Sự thống nhất hành động đó phải được thực hiện theo đúng năm nguyên tắc *thương lượng; dân chủ; thống nhất hành động; tôn trọng tính độc lập của các tổ chức; thân ái hợp tác, phê bình tự phê bình, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ*; mà điều lệ của Mặt trận đã ghi rõ. Ủy ban Mặt trận các cấp có vai trò quan trọng trong việc tổ chức sự thống nhất hành động này.

Củng cố tổ chức và cải tiến phương thức hoạt động của Mặt trận cho linh hoạt, phong phú, phù hợp với tình

hình mới; tổ chức tốt việc phối hợp hành động giữa Ủy ban Mặt trận với các tổ chức thành viên và với các cơ quan Nhà nước. Đặc biệt, chú trọng xây dựng tổ chức Mặt trận cơ sở (xã, phường, thị trấn) vững mạnh, vì chính các tổ chức Mặt trận cơ sở này có nhiệm vụ và khả năng đưa công tác Mặt trận và công tác vận động quần chúng đi sâu vào các tầng lớp nhân dân, vào từng hộ gia đình, động viên các phong trào cách mạng của quần chúng trên từng khu vực dân cư bằng nhiều hình thức và phương pháp sinh động thích hợp.

Điều then chốt bảo đảm cho Mặt trận phát huy đầy đủ vai trò của mình là *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*. Các cấp bộ Đảng làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ tầm quan trọng của công tác Mặt trận trong giai đoạn hiện nay, uốn nắn những quan điểm tư tưởng không đúng về công tác Mặt trận, sớm kiện toàn bộ máy làm công tác Mặt trận. Các cấp ủy Đảng cử những cán bộ có năng lực, có tin nhiệm chuyên trách công tác Mặt trận. Ở các cấp quận, huyện, phường, xã, phân công đồng chí thường vụ đảng ủy phụ trách dân vận chăm lo công tác Mặt trận. Các tổ chức Đảng quan tâm đến việc tìm ra những hình thức tổ chức thích hợp để thu hút mọi người hăng hái tham gia công tác Mặt trận và tạo điều kiện cho cán bộ Mặt trận làm tròn nhiệm vụ.

Chính sách lớn trước sau như một của Đảng ta là củng cố và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, đoàn kết mọi lực lượng và mọi người Việt-nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phấn đấu giữ vững độc lập tự do và xây dựng cuộc sống mới, xã hội chủ nghĩa. Mọi cấp ủy Đảng, cơ quan chính quyền, tổ chức quần chúng, mọi cán bộ, đảng viên cần nắm vững và thực hiện tốt hơn nữa chính sách lớn trước sau như một ấy của Đảng.

VỀ NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

NGUYỄN-DUY-TRINH

NHỮNG năm gần đây, quản lý kinh tế được xem là một trong những khâu yếu nhất và chúng ta tập trung nhiều công sức để cải tiến quản lý kinh tế. Các chủ trương, chính sách, biện pháp cải tiến quản lý kinh tế đã được ban hành, đều liên quan đến việc vận dụng một trong những nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa quan trọng nhất: nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong bài viết này, tôi xin nêu một số suy nghĩ về nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế và việc thực hiện nguyên tắc ấy trong chặng đường hiện nay.



Mọi người đều biết tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức quan trọng nhất có tính chất quyết định đối với việc xây dựng một chính đảng thật sự cách mạng và phong trào cách mạng do chính đảng ấy lãnh đạo. Đó là nguyên tắc tổ chức của xã hội mới — xã hội xã hội chủ nghĩa. Điều lệ của Đảng cộng sản Việt-nam ghi rõ: “*Tập trung dân chủ* là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng” (1). Nguyên

tắc này thể hiện bản chất và ý thức tập thể của giai cấp công nhân, thể hiện sự mệnh lệnh sử của giai cấp công nhân muốn giải phóng mình thì đồng thời phải giải phóng cả dân tộc. Ý nghĩa của nguyên tắc này là nó tạo điều kiện đầy đủ nhất, có hiệu quả nhất cho sự phát huy nghị lực cách mạng của nhân dân lao động và đội quân chính trị tiên phong là giai cấp công nhân, thúc đẩy quần chúng tham gia rộng rãi vào cuộc đấu tranh giải phóng, đưa tinh tổ chức vào cuộc đấu tranh đó và bằng con đường ngắn nhất hướng cuộc đấu tranh đi đến mục tiêu.

Sau khi giành được chính quyền, cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng thay đổi: Đảng nắm chính quyền, lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới, cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới. Lúc này, nhiệm vụ quản lý trở thành nhiệm vụ chủ yếu, nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức quan trọng nhất trong quản lý.

(1) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt-nam, tr. 12.

Với chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, nguyên tắc đó có thêm những cơ sở mới về kinh tế - xã hội, vật chất - kỹ thuật, chính trị, tinh thần.

Cơ sở kinh tế - xã hội của nguyên tắc tập trung dân chủ là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, gắn các ngành, các địa phương thành một chỉnh thể thống nhất và liên kết những người lao động thành lực lượng lao động xã hội, đồng thời bảo đảm sự làm chủ trong quản lý của mỗi tập thể và cá nhân người lao động.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nguyên tắc này là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và cách mạng - khoa học - kỹ thuật. Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi tập trung, chuyên môn hóa, liên hiệp và hiệp tác sản xuất ngày càng sâu rộng. Tinh thần sáng tạo của khoa học, kỹ thuật đòi hỏi phát huy và tổng hợp mọi cố gắng của đông đảo các nhà bác học, những người thực hành và quản lý.

Cơ sở chính trị của nguyên tắc này là sự thống nhất về chính trị và tinh thần của xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, sự đối kháng giai cấp bị xóa bỏ, lợi ích của những người lao động là thống nhất, trình độ hiểu biết của họ không ngừng được nâng cao, tính chủ động, sáng tạo của tập thể và cá nhân những người lao động được phát huy cao độ để đạt tới những mục tiêu chung của xã hội.

Cơ sở tinh thần của nguyên tắc này là hệ tư tưởng Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng chung của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tập trung dân chủ biểu hiện bản chất cách mạng và khoa học sâu sắc của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó phản ánh quan hệ biện chứng giữa toàn thể và bộ phận, giữa cộng đồng và cá nhân trong sự phát triển xã hội, phát triển kinh tế, giữa vai trò quyết định của toàn thể và tính độc lập tương đối của mỗi bộ phận.

Trong quản lý kinh tế, nguyên tắc tập trung dân chủ mang một nội dung kinh tế cụ thể, rõ ràng. Nguyên tắc này một mặt tinh đến trình độ xã hội hóa của sản xuất và sự cần thiết Nhà nước phải quản lý tập trung nền sản xuất lớn; mặt khác, xuất phát từ sự tất yếu phải lôi cuốn ngày càng đông nhân dân lao động tham gia vào quản lý kinh tế, vì chính nhân dân lao động đã trở thành người chủ của tư liệu sản xuất và trách nhiệm chính về sản xuất xã hội ngày nay thuộc về họ.

Sự cần thiết phải quản lý tập trung chính là do sự xã hội hóa sản xuất. Trong chủ nghĩa tư bản, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, bản chất giai cấp của giai cấp thống trị xã hội không cho phép thực hiện điều này. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất loại bỏ tính thống nhất của ý chí, rất cần thiết cho việc quản lý toàn bộ nền sản xuất xã hội. Trong quá trình tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, có một vấn đề lớn gồm hai mặt gắn bó với nhau cần được giải quyết, đó là xã hội hóa tư liệu sản xuất, làm cho nhân dân lao động trở thành người chủ của chính nền sản xuất, và thiết lập một hệ thống quản lý kinh tế tập trung dân chủ.

Tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế có nghĩa là sự kết hợp hữu cơ, sự thống nhất chặt chẽ của tập trung, tức là quản lý từ một trung tâm, kỷ luật nghiêm minh, chế độ một thủ trưởng, với dân chủ, với quyền làm chủ của người lao động, với tinh thần chủ động sáng tạo của quần chúng, với tính độc lập tương đối của từng khâu trong quản lý kinh tế, tính đa dạng của các phương pháp, phương tiện, nhằm đạt được mục tiêu chung. Mỗi quan hệ biện chứng giữa tập trung và dân chủ đã được Lê-nin vạch rõ như sau: "Chế độ tập trung, hiểu theo nghĩa thật sự dân chủ, đã bao hàm khả năng - khả năng này do lịch sử tạo ra lần đầu tiên -

phát huy một cách đầy đủ và tự do không những các đặc điểm của địa phương mà cả những sáng kiến của địa phương, tính chủ động của địa phương, tính chất muốn hình muốn vẽ của các đường lối, của các phương pháp và phương tiện để đạt đến mục đích chung" (2). Và «tính chất muốn hình muốn vẽ đó càng phong phú, — tất nhiên là với điều kiện nó không biến thành lập dị, — thì chúng ta lại càng thực hiện được chế độ tập trung dân chủ và thực hiện được nền kinh tế xã hội chủ nghĩa một cách chắc chắn và nhanh chóng hơn» (3).

Tập trung là điều kiện tuyệt đối cần thiết để bảo đảm tính xã hội chủ nghĩa của phát triển kinh tế, bảo đảm sự phối hợp công việc giữa tất cả các khâu quản lý nền kinh tế quốc dân. Lê-nin cũng đã nêu rõ, chế độ tập trung đó không phải là tập trung quan liêu, độc đoán chuyên quyền, mà là «chế độ tập trung dân chủ». Người chỉ rõ: «Chúng ta chủ trương theo chế độ tập trung dân chủ. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ...», «chế độ tập trung dân chủ... bao hàm khả năng để cho các địa phương và cả các công xã trong nước có quyền tự do đầy đủ nhất trong việc định ra các hình thức khác nhau về sinh hoạt chính trị, xã hội, kinh tế» (4). Hình thức sinh hoạt chính trị, xã hội, kinh tế có thể khác nhau giữa các địa phương, «nhưng pháp chế thì phải thống nhất». Người cho rằng: «Mối nguy hại to lớn nhất trong đời sống của chúng ta, cũng như trong tình trạng kém văn hóa của chúng ta là ở chỗ chúng ta dùng từng quan điểm muốn thuở của nước Nga và những tập quán nửa man rợ muốn duy trì pháp chế của tỉnh Ca-lu-ga cho khác với pháp chế của tỉnh Ca-dan» (5).

Lê-nin kịch liệt phê phán đầu óc địa phương, bản vị, cục bộ gây trở ngại cho công cuộc xây dựng và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất của cả nước. Người căn dặn: «Những đồng chí có uy tín nhất của chúng ta đó phải kiên quyết nổi lên và phổ biến tại các địa phương rằng các cơ quan địa phương phải tập cho quen với việc bị chúng ta bắt buộc phải thi hành nghiêm chỉnh chính sách của chính quyền trung ương (tôi gạch dưới — N.D.T)... nếu không thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội, vì đây là công cuộc xây dựng một nền kinh tế tập trung, một nền kinh tế từ trung ương» (6).

Kinh tế là một hệ thống phát triển, năng động. Hệ thống quản lý kinh tế phải luôn luôn được cải tiến cho phù hợp với tiến trình phát triển của nền kinh tế. Việc thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ có tính đến những đặc điểm của từng chặng đường phát triển kinh tế là điều kiện tối cần thiết để cho hệ thống quản lý kinh tế hoạt động được bình thường. Điều đó có nghĩa là trên cái nền của nguyên tắc tập trung dân chủ, mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ, hình thức vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ khác nhau cùng với tiến trình cải tiến hệ thống quản lý kinh tế. Kết quả của công cuộc cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới phụ thuộc rất nhiều vào việc tìm ra và áp dụng một cơ chế quản lý linh hoạt, sát hợp với từng chặng đường, vào việc nhạy bén thay đổi đúng lúc mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trong cái khuôn khổ của tập trung dân chủ. Khi nói nền kinh tế được điều khiển từ một

(2), (3) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 186 — 187.

(4) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tập 36, tr. 185 — 186.

(5) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tập 45, tr. 232.

(6) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tập 37, tr. 519.

trung tâm theo một kế hoạch thống nhất, cần tập trung đích đáng ở trung ương, đó là nói đến tập trung dân chủ ở cấp trung ương. Còn khi nói mở rộng quyền chủ động, sáng tạo, cho cấp dưới, cho cơ sở, là nói đến tập trung dân chủ ở cấp dưới, cấp cơ sở. Việc giải quyết những nhiệm vụ đề ra cho mỗi tập thể xí nghiệp, mỗi ngành đòi hỏi phải có sự chủ động, sáng tạo, tháo vát từ phía những người thực hiện. Trong khi nhấn mạnh việc phát huy tính độc lập và tính chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế, không được coi thường tính thống nhất và tính kế hoạch của nền kinh tế quốc dân, phải lấy đó làm tiền đề và phương hướng cho sự phát huy tính độc lập chủ động của các đơn vị kinh tế. Có quan điểm cho rằng tất cả những việc làm ở cấp trung ương đều thuộc về tập trung, đều nhằm tăng cường tập trung; những việc làm ở cấp dưới, ở cơ sở đều nhằm mở rộng dân chủ. Đây là một quan điểm sai lầm, vì nó tách biệt tập trung và dân chủ và quên rằng tập trung dân chủ là một thể nguyên vẹn, không tách rời, là một nguyên tắc thống nhất. Một trong những nguyên nhân của những thiếu sót trong quản lý kinh tế của chúng ta vừa qua là khi tình hình thay đổi, nhiệm vụ chiến lược thay đổi, đã không kịp thời thay đổi phương thức quản lý, không nhạy bén điều chỉnh đúng lúc, đúng liều lượng mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trên cái nền của tập trung dân chủ. Một nguyên nhân nữa là chúng ta không thấy hết mặt tiêu cực của tâm lý người sản xuất nhỏ và chưa có biện pháp tốt để khắc phục nó.

Tập trung dân chủ trong kinh tế thể hiện trong tổ chức bộ máy quản lý, trong chế độ làm việc như: thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, lợi ích bộ phận phục tùng lợi ích toàn cục, quân chúng theo đúng Hiến pháp và pháp luật,

bầu cử và bãi miễn người thay mặt mình làm công tác quản lý v.v. Tập trung dân chủ trong kinh tế còn có một nội dung kinh tế cụ thể, rõ ràng và sâu sắc, thể hiện trong cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, trong bộ máy quản lý và công tác cán bộ.

Công tác quản lý kinh tế của chúng ta thời gian qua có tình trạng vừa tập trung quan liêu, vừa phân tán tản mạn trong cả cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy và chế độ làm việc. Văn kiện Đại hội V của Đảng ghi rõ: « Những năm gần đây, nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi không được chấp hành triệt để. Tình trạng vô tổ chức vô kỷ luật, cục bộ, địa phương với mức độ khác nhau phát triển phổ biến » và « tình trạng quan liêu, bảo thủ, trì trệ, vô trách nhiệm, phân tán trong tổ chức thực hiện là nghiêm trọng » (7).

Cơ cấu kinh tế thể hiện khả năng chủ động, tự giác vận dụng các quy luật kinh tế khách quan trong việc phân công lao động xã hội giữa các ngành kinh tế, các khu vực kinh tế thông qua các quan hệ tỷ lệ, các hình thức trao đổi và liên hệ giữa các ngành và các loại sản phẩm, giữa các thành phần kinh tế và giữa các khu vực kinh tế. Cơ cấu kinh tế thay đổi theo thời gian dẫn đến sự hình thành có mục đích, có kế hoạch cơ cấu tối ưu của nền kinh tế quốc dân. Khuyết điểm của chúng ta trong thời gian qua về cơ cấu kinh tế là một mặt chỉ thấy kinh tế trung ương, chỉ thấy có ngành mà không thấy được vị trí, đặc điểm của địa phương, của cơ sở. Mặt khác thì ngược lại, quá nhấn mạnh đến cơ sở, cường điệu phiên diện kinh tế địa phương, làm mất vị trí của ngành, của kinh tế trung ương. Đồng thời không thấy rõ là phải xây dựng cơ cấu kinh tế cho

(7) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tập III, tr. 25 và 17.

phù hợp với tình quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, với các quy luật kinh tế và yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, coi cơ cấu kinh tế là một cái bất biến.

Trong cơ chế quản lý, thì một mặt « kéo dài cơ chế quản lý quan liêu bao cấp với cách kế hoạch hóa gò bó, cứng nhắc, không đề cao trách nhiệm và mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, và cũng không tập trung thích đáng những vấn đề mà Trung ương cần và phải quản lý » (8), tuyệt đối hóa quan hệ dọc, không chú ý đến các quan hệ ngang, xem nhẹ quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong quản lý. Ngược lại có xu hướng chạy theo cơ chế thị trường, chạy theo lợi ích cục bộ, thả lỏng việc cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Đây là xu hướng nguy hiểm, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, cần kiên quyết khắc phục.

Còn trong bộ máy quản lý và chế độ làm việc, thì biểu hiện của tập trung quan liêu là làm việc theo lối cửa quyền, không dân chủ, không tôn trọng ý kiến của quần chúng, của cấp dưới, không mở rộng quyền hạn, trách nhiệm thích đáng cho cấp dưới, muốn ôm hết mọi công việc, mọi chức năng, trong khi khả năng thực tế không đảm đương nổi. Biểu hiện của phân tán, tản mạn là vô kỷ luật, vô tổ chức, lộng quyền, không chấp hành đúng và đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, không tôn trọng pháp luật, v.v.

Giữa cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý và tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức cán bộ có mối liên hệ qua lại rất chặt chẽ. Khuyết điểm của bộ phận này là hậu quả đồng thời là nguyên nhân làm tăng thêm khuyết điểm của bộ phận kia. Tập trung quan liêu bao cấp dẫn đến vô kỷ luật, vô trách nhiệm, không thực đầy được một cơ cấu kinh tế mới ra đời; vô kỷ

luật, vô trách nhiệm khiến cho càng tập trung quan liêu bao cấp, càng tinh phân tán tản mạn, tăng sự trì trệ, bảo thủ của hệ thống quản lý hiện hành.

Cần kiên quyết chống cả hai xu hướng không đúng trên đây: tập trung quan liêu và phân tán tản mạn. Cả hai xu hướng này trái với quan điểm của Lê-nin về tập trung dân chủ.



Trong quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội hiện nay, chúng ta phải kiên quyết thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

1 - Điều quan trọng trước hết là phải bảo đảm tập trung thống nhất về đường lối, tư tưởng và hành động. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế thì sự tập trung thống nhất trước hết phải được quán triệt trong Đảng. « Sự đoàn kết, thống nhất của Đảng ta dựa trên cơ sở vững chắc là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, và nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng » (9). Một sự tập trung không có cơ sở tư tưởng vững chắc là vô nghĩa. Một sự tổ chức trên cơ sở những quan điểm, hành động không phải của Đảng, trái với đường lối của Đảng là cực kỳ nguy hiểm. Chúng ta cần kiên quyết thực hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở mọi cấp, mọi ngành, mọi địa phương, trên mọi lĩnh vực của đời sống. Chính vì vậy, chúng ta cần kiên quyết chống lại quan niệm làm chủ theo kiểu phương hội, chống lại cách làm trái hoặc không thi hành nghị quyết của Đảng. Đường lối của Đảng phải được cụ thể hóa một cách sáng tạo thành các nghị quyết của Đảng, các chính sách quản lý của

(8) Văn kiện đã dẫn, tập II, tr. 14.

(9) Văn kiện đã dẫn, tập I, tr. 178.

Nhà nước. Những nghị quyết, chính sách cụ thể ấy phải theo đúng đường lối của Đảng, phải tạo ra sự nhất trí ngày càng sâu sắc. Tuyệt đối cần thiết là Đảng phải giữ nguyên tắc tập trung nghiêm ngặt và kỷ luật chặt chẽ. Tất cả các nghị quyết của cấp trên, cấp dưới phải tuyệt đối thi hành nghiêm chỉnh. Lúc này, chúng ta phải ghi nhớ và làm theo đúng lời đi huấn của Lê-nin: "Do tình trạng rối loạn về kinh tế, chúng ta không thấy sự cải thiện, nhưng chúng ta chỉ có thể khắc phục được tình trạng rối loạn đó bằng chế độ tập trung, bằng cách từ bỏ những lợi ích thuần túy địa phương là những lợi ích rõ ràng đã ham cho người ta chống lại chế độ tập trung, song chế độ tập trung lại chính là lối thoát duy nhất cho tình thế của chúng ta" (10).

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý, là phải tập trung thống nhất về đường lối, tư tưởng và hành động trước hết trong Đảng, rồi sau đó trong các lực lượng cách mạng, trong quân chúng những người lao động.

2- Cần phải tăng cường và củng cố những tiền đề kinh tế của nguyên tắc tập trung dân chủ, tức là nâng cao trình độ xã hội hóa của sản xuất. Điều này đòi hỏi một mặt phải ra sức củng cố và phát triển mạnh kinh tế quốc doanh thành trụ cột vững chắc của nền kinh tế quốc dân, mà mỗi đơn vị kinh tế quốc doanh là một tế bào khỏe mạnh đầy sức sống. Củng cố và phát triển kinh tế tập thể thành lực lượng hỗ sung chủ yếu cho kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế quốc dân thống nhất, có sức bứt mạnh mẽ đối với kinh tế cá thể.

Mặt khác, phải thật sự đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế khác. Đối với các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu-long, cùng với việc hoàn thành điều chỉnh lại ruộng đất phải đưa nông dân vào

con đường làm ăn tập thể; phát triển các hợp tác xã mua bán để loại ảnh hưởng của tư thương; phát triển hợp tác xã tín dụng để nông dân có điều kiện giúp đỡ nhau thuận tiện hơn và để ngăn chặn sự cho vay nặng lãi. Tổng kết công tác khoán trong nông nghiệp, nhất là ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung, uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện chế độ khoán, hoàn chỉnh cơ chế khoán thành cơ chế quản lý toàn bộ hợp tác xã. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, vận tải, xây dựng. Củng cố và phát triển thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, xóa bỏ tư sản thương nghiệp bao gồm cả những hộ tư sản kinh doanh ăn uống, dịch vụ mới xuất hiện, sắp xếp lại những người buôn bán nhỏ, quản lý chặt chẽ thị trường, làm cho thị trường xã hội chủ nghĩa, nhất là thương nghiệp quốc doanh nắm vững vai trò lãnh đạo.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, bên cạnh thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn tồn tại các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là phải sử dụng đúng đắn, hợp lý đi đôi với đẩy mạnh cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước nắm những khâu then chốt, thiết yếu nhất, từ đó điều khiển mọi hoạt động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo nền kinh tế chính là nâng cao trình độ xã hội hóa sản xuất, làm cho người lao động thật sự trở thành người chủ của tư liệu sản xuất, đưa sản xuất tiến lên. Việc thực hiện nghiêm túc và đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ là điều kiện tối cần thiết để chúng ta giành thắng lợi quyết định trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ

(10) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 37, tr. 526.

nghĩa đang diễn ra quyết liệt hiện nay trên mặt trận kinh tế, nhất là trong lúc bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ và tay sai đang tiến hành gay gắt cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta.

3 - Để thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, cần thiết lập cho được một cơ cấu kinh tế mới ngày càng hợp lý hơn. Nền kinh tế quốc dân của chúng ta phải là nền kinh tế có tính thống nhất cao, hài hòa về cơ cấu, phong phú và đa dạng về các mối quan hệ giữa các ngành kinh tế, các lĩnh vực kinh tế, các đơn vị kinh tế trên cơ sở liên kết, hợp tác và phân công lao động, có sự nhịp nhàng, linh hoạt trong điều hành.

Cần tạo ra một quan hệ đúng đắn giữa kinh tế trung ương, kinh tế địa phương và cơ sở, vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa xây dựng kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Kinh tế trung ương là phần kinh tế do các bộ trung ương trực tiếp quản lý, có sự tham gia quản lý theo lãnh thổ của chính quyền địa phương. Kinh tế địa phương là phần kinh tế do địa phương (tỉnh, huyện) trực tiếp quản lý dưới sự chỉ đạo thống nhất của trung ương, có sự quản lý theo ngành của các bộ. Cơ sở (xi nghiệp, công trường, nông trường, cửa hàng, hợp tác xã...) là những đơn vị cơ bản của nền kinh tế. Phải làm cho mỗi cơ sở trở thành một tế bào năng động có sức sống thì nền kinh tế mới có thể phát triển nhanh chóng được. Trong tình hình hiện nay, cấp trung ương có thể trực tiếp quản lý những cơ sở kinh tế lớn, then chốt, có ý nghĩa kinh tế - kỹ thuật quan trọng, có tác dụng quyết định đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân, bảo đảm trung ương trực tiếp nắm những sản phẩm quan trọng của cả nước, những sản phẩm xuất khẩu chủ lực, và một số cơ sở

tác biệt khác. Những cơ sở không có những tính chất trên thì giao cho các địa phương quản lý.

Trong nền kinh tế quốc dân thống nhất, cơ cấu kinh tế trung ương và cơ cấu kinh tế địa phương phải được xác định cho phù hợp với yêu cầu kinh tế - kỹ thuật của từng ngành và điều kiện kinh tế - xã hội, tài nguyên thiên nhiên của từng địa phương, trình độ phát triển của cả nước và từng địa phương.

Xây dựng quan hệ đúng đắn giữa trung ương và địa phương, giữa ngành, địa phương và cơ sở có nghĩa là đối với bất kỳ một đơn vị kinh tế, một hoạt động kinh tế nào cũng đều có phần trách nhiệm cụ thể của trung ương và phần trách nhiệm cụ thể của địa phương. Các xí nghiệp trung ương đóng ở địa phương có nghĩa vụ giúp đỡ địa phương, đóng góp một phần nguồn thu ngân sách cho địa phương. Đơn vị kinh tế của trung ương thiếu lao động, thiếu nguyên liệu..., địa phương phải giúp đỡ giải quyết. Xí nghiệp địa phương phải được ngành giúp đỡ về các mặt kỹ thuật, quản lý và hướng dẫn về nghiệp vụ; hoạt động của xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương, và sự chỉ đạo của Bộ hoặc Tổng cục phải gắn với tổng thể kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần thúc đẩy, giúp đỡ kinh tế địa phương và phục vụ đời sống của nhân dân địa phương.

Cơ sở luôn luôn giữ hai vị trí: một mặt là một bộ phận hợp thành của hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất; mặt khác là một tổ chức kinh tế tương đối độc lập, có nhiệm vụ bảo đảm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt được hiệu quả cao, phù hợp với hoàn cảnh của từng đơn vị. Nhân dân lao động làm chủ ở cơ sở, đồng thời cũng là một thành viên làm chủ ở địa phương, làm chủ trong cả nước. Để nền kinh tế quốc dân phát

triển nhanh chóng, cả trung ương, địa phương đều phải giúp đỡ, tạo mọi điều kiện cho cơ sở phát triển, không kể cơ sở đó nằm trong cơ cấu kinh tế trung ương hay là trong cơ cấu kinh tế địa phương. Thực hiện tập trung dân chủ chính là phát huy đúng đắn chế độ làm chủ của nhân dân lao động. Nhân dân lao động càng thật sự làm chủ thì nguyên tắc tập trung dân chủ càng được bảo đảm.

Cơ cấu kinh tế hợp lý phải thể hiện quan hệ giữa các khâu của quá trình tài sản xuất mở rộng: sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng, diễn ra thông suốt, khâu này phải thúc đẩy, giúp đỡ cho khâu kia phát triển. Đồng thời, sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất phải ngày càng được bảo đảm. Cơ cấu kinh tế càng tiến dần đến hợp lý, lực lượng sản xuất càng phát triển thì quan hệ sản xuất mới — xã hội chủ nghĩa càng được củng cố. Và ngược lại, quan hệ sản xuất mới càng được củng cố là cơ sở vững chắc bảo đảm cho lực lượng sản xuất phát triển đúng hướng, tạo ra tiền đề xây dựng cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý hơn.

4 — Điều rất quan trọng nữa là thiết lập và điều hành cho được một hệ thống quản lý kinh tế sát hợp với chặng đường hiện nay. Ở đây có hai khối công việc có liên quan với nhau cần được giải quyết, đó là cơ chế quản lý và tổ chức bộ máy quản lý. Trong bài này, tôi chú ý tới cơ chế quản lý.

Việc cải tiến cơ chế quản lý hiện nay nhằm vào mục tiêu nhanh chóng xóa bỏ lối quản lý quan liêu bao cấp (kể cả những biện pháp cung cấp cần thiết trong thời chiến, nhưng nay không còn phù hợp nữa), thực hiện phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy kế hoạch Nhà nước làm trung tâm, thi hành chế độ hạch toán kinh tế, sử dụng đúng đắn các

đòn bẩy kinh tế. Cơ chế quản lý thường có tác động nhanh, trực tiếp.

Kế hoạch là công cụ trung tâm của quản lý, là cương lĩnh thứ hai của Đảng. Kế hoạch thể hiện đường lối chính trị và đường lối kinh tế của Đảng. Kế hoạch là pháp luật quản lý của Nhà nước. Thực hiện kế hoạch là nghĩa vụ của mỗi người công dân, của mỗi tổ chức kinh tế. Trong việc kế hoạch hóa mấy năm gần đây có vấn đề nổi lên là gắn kế hoạch với việc sử dụng các quan hệ thị trường, quan hệ hàng hóa — tiền tệ, gắn kế hoạch với các chính sách kinh tế đòn bẩy. Về vấn đề này, tinh thần cơ bản của nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) là sử dụng rộng rãi các quan hệ thị trường, các chính sách kinh tế đòn bẩy nhưng phải trên cơ sở kế hoạch là trung tâm.

Nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, nền kinh tế chịu sự tác động của một hệ thống các quy luật kinh tế, trong đó các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội ngày càng chiếm vị trí chủ đạo. Trong hệ thống các quy luật ấy có quy luật giá trị. Chúng ta phải tuân theo các yêu cầu của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, và phải tạo điều kiện cho các quy luật ấy ngày càng phát huy tác dụng trong nền kinh tế quốc dân. Chúng ta chủ trương sử dụng rộng rãi các quan hệ hàng hóa tiền tệ trên cơ sở kế hoạch là trung tâm, chính là vận dụng quy luật giá trị để thực hiện kế hoạch một cách có hiệu quả hơn.

Hiện nay đang có một xu hướng xem nhẹ kế hoạch tập trung thống nhất, muốn phát triển “ngoài kế hoạch”. Đó là một xu hướng sai lầm. Đánh rằng công tác kế hoạch của chúng ta có thiếu sót, cần phải sửa chữa cả nội dung và phương pháp kế hoạch hóa. Nhưng như thế không có nghĩa là thu hẹp kế hoạch hóa lại, là

đặt quan hệ thị trường lên trên kế hoạch hóa. Một số nơi, một số cơ sở mở rộng thị trường đến mức làm cho nhiều chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước không thực hiện được, lực lượng và vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh bị yếu đi. Có một số cơ sở, một số địa phương trong khi không hoàn thành nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho trung ương theo một kế hoạch tập trung thống nhất, đã dành vật tư, năng lượng của Nhà nước cấp cho đề « sản xuất hàng ngoài kế hoạch » và tự động giữ lại sản phẩm để « trao đổi ngoài kế hoạch ».

Cần phải sử dụng các phạm trù giá trị, các quan hệ hàng hóa tiền tệ; cần chú ý khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với người lao động. Nhưng nếu đặt quy luật giá trị ngang hàng (thậm chí lên trên) các quy luật của chủ nghĩa, xã hội, đặt thị trường (với nghĩa « thị trường tự do ») lên trên kế hoạch Nhà nước và quá nhấn mạnh nguyên tắc khuyến khích bằng lợi ích vật chất thì sẽ phạm sai lầm cơ hội hữu khuynh. Ngược lại, xem thường, bất chấp và muốn loại trừ quy luật giá trị, các phạm trù giá trị, các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, v.v. thì nhất định sẽ phạm sai lầm « tả » khuynh và càng làm cho hệ thống quản lý kinh tế quốc dân trở nên quan liêu, trì trệ, không có hiệu lực.

Hiện nay đang có tình trạng hiểu lệch và giải quyết không đúng vấn đề « ba lợi ích ». Nhiều nơi trong khi nêu cao những hoạt động vì « ba lợi ích », đã chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân của người lao động, xem nhẹ lợi ích toàn xã hội và lợi ích của tập thể, hoặc lấy danh nghĩa lợi ích tập thể để che đậy cho việc thỏa mãn không chính đáng các lợi ích cá nhân, vì phạm lợi ích của toàn xã hội. Như vậy là đi chệch ra khỏi nguyên tắc tập trung dân chủ, xa lạ với chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quan hệ giữa ba lợi ích là quan hệ giữa tổng thể và

bộ phận, giữa cộng đồng và cá nhân. Xem nhẹ lợi ích của cộng đồng thì lợi ích của cá nhân cũng sẽ không được bảo đảm (nhất là về lâu dài).

Việc mở rộng quyền tự chủ về tài chính, quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho cấp dưới, cho các đơn vị cơ sở là để mở đường cho sản xuất phát triển, mở đường cho mọi cơ sở, mọi ngành, mọi cấp, cho từng người lao động khai thác hết và sử dụng tốt nhất mọi tiềm năng, làm cho việc tổ chức quá trình tái sản xuất được khoa học hơn, hợp lý hơn, sát thực tế hơn; làm cho quan hệ giữa ba lợi ích gắn bó chặt chẽ hơn, quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã ngày càng khăng khít hơn. Tuyệt nhiên đây không phải là dịp để bòn rút của cải của Nhà nước, của nhân dân, càng không thể là dịp để làm suy yếu những cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân.

Vấn đề gắn kế hoạch hóa với các chính sách kinh tế đòn bẩy, với các biện pháp quản lý khác đang còn là một khâu yếu trong cơ chế quản lý của chúng ta. Trước hết cần khẳng định rằng kế hoạch là một loại đòn bẩy kinh tế mạnh nhất trong các đòn bẩy kinh tế. Trong kế hoạch đã bao hàm thực chất của các chính sách kinh tế, nội dung của hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hạch toán phải lấy kế hoạch làm trung tâm. Bản thân kế hoạch phải chứa đựng nội dung kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Và kinh doanh xã hội chủ nghĩa chủ yếu phải theo kế hoạch, còn phần kinh doanh « ngoài kế hoạch » cũng phải theo quỹ đạo của kế hoạch. Trong khi đặt kế hoạch, cũng như trong quá trình thực hiện kế hoạch, phải quán triệt các chính sách kinh tế, các biện pháp quản lý. Những chính sách kinh tế, những biện pháp quản lý là một nguồn đề cân đối kế hoạch, là động lực để thực hiện kế hoạch. Mỗi một phương án kế hoạch

ứng với một hệ thống các chính sách kinh tế và biện pháp quản lý nhất định. Và kết quả của việc thực hiện kế hoạch lại phụ thuộc vào việc ban hành và thực hiện các chính sách kinh tế và các biện pháp quản lý. Kế hoạch thu mua nông sản năm 1982 được hoàn thành vượt mức, một phần cũng vì có chính sách thu mua đã được cải tiến ở một mức độ nhất định. Sản xuất nông nghiệp phát triển, một phần quan trọng nhờ áp dụng đúng đắn chính sách khoán trong sự tác động lẫn nhau của một chỉnh thể các biện pháp kỹ thuật - quản lý liên hoàn. Nhiều xí nghiệp công nghiệp phát triển sản xuất khá vững chắc trong hoàn cảnh khó khăn chung của nền kinh tế hiện nay, một phần quan trọng cũng là nhờ biết căn cứ vào các chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước, tìm ra và vận dụng một cơ chế quản lý, các biện pháp quản lý sát hợp với hoàn cảnh của từng đơn vị cụ thể. Sản xuất phát triển, nhưng Nhà nước không nắm được sản phẩm làm ra, một mặt do các đơn vị cơ sở không chấp hành kỷ luật giao nộp sản phẩm, nhưng mặt khác khá quan trọng là chúng ta chưa có chính sách, biện pháp quản lý tốt, đã để nhiều sản phẩm thất thoát ra bên ngoài.

Qua các thí dụ trên đây, càng thấy rõ sự gắn bó giữa kế hoạch và các chính sách kinh tế, các biện pháp quản lý. Nếu có chính sách đúng,

khuyến khích sản xuất phát triển và có biện pháp quản lý sát hợp, có hiệu quả, thì kế hoạch có thể thực hiện vượt mức. Nếu có kế hoạch mà không có chính sách và biện pháp thích hợp thì kế hoạch không vững chắc. Gắn kế hoạch hóa với các chính sách kinh tế và các biện pháp quản lý đúng đắn ngay từ đầu là rất quan trọng và cần thiết, nhất là hiện nay khi trong nền kinh tế của ta, thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa còn khá lớn. Đối với các thành phần kinh tế này, chưa thể làm kế hoạch trực tiếp được, mà phải thông qua kế hoạch gián tiếp, thông qua các chính sách kinh tế và các biện pháp hành chính và giáo dục v.v. để điều khiển chúng theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.



Tập trung dân chủ là một nguyên tắc tổ chức và quản lý cơ bản nhất. Thực hiện đúng dân nguyên tắc đó là một bảo đảm cực kỳ quan trọng để thấu suốt đường lối của Đảng, khắc phục những khó khăn trước mắt, mở đường cho kinh tế phát triển. Tất cả mọi người, trước hết là những đảng viên cộng sản, phải làm hết sức mình để nguyên tắc tập trung dân chủ được thực hiện đúng đắn, nghiêm túc trong sinh hoạt Đảng, trong công tác tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân, trong công tác tổ chức và quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

TÁM MƯƠI NĂM ĐẤU TRANH ANH DŨNG VÀ THẮNG LỢI VẺ VANG

CÁCH đây 80 năm, ngày 30 tháng 7 năm 1903, Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga (1) đã họp Đại hội thứ II. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh gồm có Chương trình tối thiểu (hoàn thành cách mạng dân chủ — tư sản lật đổ chế độ chuyên chế Nga và thiết lập nước Cộng hòa dân chủ) và Chương trình tối đa (thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ chủ nghĩa tư bản). Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế, cương lĩnh của một đảng của giai cấp công nhân chứa đựng yêu cầu thiết lập nền chuyên chính vô sản mà về mặt lý luận đã được Mác, Ăng-ghe-n-chê chứng minh là cần thiết. Tại Đại hội, đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt khi thảo luận cương lĩnh và điều lệ Đảng. Lê-nin chủ trương nêu điều I của điều lệ như sau: « Bất cứ ai thừa nhận cương lĩnh của Đảng, ủng hộ đảng về vật chất và có chân trong một tổ chức của Đảng thì đều được công nhận là đảng viên ». Còn Mác-tốp thì đưa ra một công thức không đòi hỏi đảng viên phải có chân trong một tổ chức Đảng, do đó, mở rộng của Đảng cho

những phần tử tiểu tư sản bấp bênh. Nhưng trong Đại hội, những người theo Lê-nin chiếm đa số. Từ đó, những người theo Lê-nin được gọi là những người bôn-sê-vích, còn những người theo Mác-tốp được gọi là những người men-sê-vích.

Kết quả chủ yếu của Đại hội là một đảng bôn-sê-vích mác xít, một đảng vô sản kiểu mới đã được thành lập. Lê-nin viết: « Từ năm 1903 trở đi, chủ nghĩa bôn-sê-vích tồn tại như một trào lưu tư tưởng chính trị và như một chính đảng » (2).

Ngày 30-7-1903 được ghi vào lịch sử là Ngày ra đời của Đảng bôn-sê-vích Nga tức là Đảng cộng sản Liên-xô ngày nay.

(1) Từ 1898 (Đại hội I), gọi là Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga. Từ 1917, gọi là Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga (bôn-sê-vích). Tháng 3 năm 1918, tại Đại hội VII, đổi tên là Đảng cộng sản Nga (bôn-sê-vích). Nhân lúc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết (Liên-xô), Đại hội XIV năm 1925 đã quyết định đổi tên đảng thành Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) toàn liên bang. Đến Đại hội XIX năm 1952, gọi là Đảng cộng sản Liên-xô.

(2) V.I. Lê-nin: *Toán tập*, bản tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, tập 41, tr. 6.

Việc thành lập đảng bôn-sê-vich tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga chứng tỏ sự trưởng thành về chính trị của những công nhân tiên tiến Nga. Nó gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của V.I. Lê-nin vĩ đại. Là người mắc xit thiên tài, Lê-nin đã bắt nầm được quy luật phát triển của lịch sử và phong trào công nhân Nga, đề ra được những nguyên tắc tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc xây dựng một đảng vô sản hoàn toàn mới.

Vào đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh ở nước Nga. Trong ngành công nghiệp và giao thông vận tải đã có gần 3 triệu công nhân, phong trào bãi công đã có tính chất quần chúng rộng rãi, chủ nghĩa Mác đã đánh bại chủ nghĩa dân túy. Trong điều kiện ấy, nhiệm vụ kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân Nga và thành lập đảng được đặt ra. Và V.I. Lê-nin đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ấy. Ngay khi còn bị đày ở Xi-bê-ri, Lê-nin đã đặt kế hoạch ra một tờ báo - «Tia lửa» - và chuẩn bị thành lập một đảng cách mạng, mắc xit ở Nga. Người đã coi tờ báo đó như một giàn giáo bằng gỗ chung quanh tòa nhà đang xây dựng là Đảng, còn bản thân Đảng là cái đòn bẩy Ác-si-mét mà những người cách mạng sẽ dùng để lật đổ chế độ đương thời. Chỉ cần chọn cho đúng điểm tựa. Điểm tựa ấy chính là giai cấp vô sản Nga trẻ tuổi, giai cấp tiên bộ và cách mạng nhất ở nước Nga. Kế hoạch của V.I. Lê-nin đã được hoàn thành tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Đảng bôn-sê-vich do Lê-nin sáng lập khác về nguyên tắc với tất cả các đảng của Quốc tế II, là những đảng lúc đó đã sa vào chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội và do đó, không còn có khả năng hoạt động cách mạng. Đảng bôn-sê-vich là đảng dựa vào học thuyết Mác - Lê-nin và phát triển nó một cách sáng tạo, bảo đảm sự

thống nhất hữu cơ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng; nó là lãnh tụ chính trị tập thể của giai cấp công nhân, là hình thức tổ chức cao nhất, đội tiên phong của giai cấp công nhân, nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng lao động; nó được xây dựng trên cơ sở tập trung dân chủ, không ngừng củng cố sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức trong đảng, tăng cường kỷ luật tự giác, phát huy nhiệt tình của các đảng viên; nó đấu tranh không khoan nhượng chống mọi biểu hiện bè phái, phe nhóm, mọi biểu hiện của chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và thói mỵ dân; nó triệt để tuân theo các nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Những nguyên tắc này của một đảng vô sản kiểu mới đã được Lê-nin vận dụng ngay trong «Liên minh đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân» do Người thành lập năm 1895, trong những văn kiện có tính chất cương lĩnh do Người dự thảo, trong cuốn «Làm gì?» nổi tiếng, trên tờ báo «Tia lửa» do Người sáng lập cuối năm 1900 v.v. Những nguyên tắc ấy cũng đã được thử nghiệm trong cuộc đấu tranh kiên quyết của Lê-nin chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa cải lương.

Vì vậy, việc thành lập đảng bôn-sê-vich năm 1903 có ý nghĩa vượt ra khỏi khuôn khổ nước Nga, nó đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong toàn bộ phong trào công nhân thế giới.

Từ sau khi ra đời, đảng bôn-sê-vich đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản và nhân dân Nga trong ba cuộc cách mạng và đưa tới thắng lợi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, một cuộc cách mạng mở ra kỷ nguyên mới cho loài người - kỷ nguyên quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Sau Cách mạng Tháng Mười, Nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới đứng trước những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nặng nề. Kẻ thù trong và ngoài nước tập trung đánh phá. Trong điều kiện đất nước bị tàn phá, bị các nước tư bản chủ nghĩa bao vây về kinh tế và chính trị, nhân dân Liên-xô anh em đã vượt qua muôn vàn khó khăn trở ngại, bằng tinh thần chiến đấu anh hùng và tinh thần lao động bền bỉ cuối cùng đã đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù, hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản: công nghiệp hóa đất nước, tập thể hóa nông nghiệp, thực hiện cách mạng văn hóa. Nhờ vậy, chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng. Một chế độ xã hội hoàn toàn mới ra đời, nêu gương cho cả loài người. Đó là chế độ dựa trên quyền sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, chấm dứt tình trạng đối kháng về giai cấp và dân tộc, loại bỏ nạn bóc lột, nạn thất nghiệp, đem lại tự do thật sự cho nhân dân, xây dựng một cuộc sống vật chất và tinh thần tốt đẹp, xây dựng những quan hệ xã hội bình đẳng, hữu nghị, tương trợ theo tinh thần đồng chí.

Sức mạnh của chế độ xã hội mới đã được thử thách trong những năm chiến tranh chống phát xít. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô, nhân dân Liên-xô đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, cứu các dân tộc trên thế giới khỏi nguy cơ nô lệ phát xít.

Sau cuộc chiến tranh này, nhân dân Liên-xô đã nhanh chóng hàn gắn được những vết thương chiến tranh nặng nề và giành được những thắng lợi mới tuyệt vời trong các lĩnh vực kinh tế và văn hóa.

Từ cuối những năm 60, đất nước xô viết đã hoàn thành việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển và ngày nay đang ở thời kỳ đầu của giai đoạn đầu xây dựng hình thái xã hội cộng

sản chủ nghĩa. Nội dung của thời kỳ này là hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển để dần dần tiến lên chủ nghĩa cộng sản bằng cách phát triển hơn nữa lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, củng cố Nhà nước và nền dân chủ xô viết, phát triển mạnh mẽ khoa học - kỹ thuật và văn hóa. Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô đã đề ra đường lối nâng cao hiệu quả của sản xuất xã hội, đẩy mạnh sản xuất phát triển theo chiều sâu, trên cơ sở đó không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân. Đường lối đó đã đem lại những thắng lợi mới cho nhân dân Liên-xô.

Liên-xô ngày nay đã trở thành nước xã hội chủ nghĩa hùng cường nhất, với tiềm lực kinh tế và quốc phòng to lớn. Nền khoa học và kỹ thuật xô viết luôn luôn chiếm những đỉnh cao trên thế giới. Các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, một cơ cấu xã hội không giai cấp đang được xây dựng ngay trong khuôn khổ lịch sử của chủ nghĩa xã hội phát triển. Vấn đề dân tộc mà chế độ bóc lột để lại đã được giải quyết hoàn toàn và triệt để, một cộng đồng lịch sử mới của con người đã hình thành và đang phát triển - nhân dân xô viết. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không ngừng được mở rộng, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia công việc quản lý của Nhà nước. Liên-xô là nước có trình độ giáo dục và văn hóa cao nhất. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô là nguồn gốc của những thắng lợi nói trên. Trong 80 năm, từ một tổ chức nhỏ của những người cách mạng mác xít, Đảng của Lê-nin đã trở thành một đội ngũ đông đảo, hùng mạnh gồm hơn 18 triệu đảng viên. Sự thống nhất không gì lay chuyển của hàng ngũ Đảng trên cơ sở những nguyên tắc lê nin nít về xây dựng Đảng là một bảo đảm cho đảng hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Từ khi ra đời, Đảng cộng sản Liên-xô trước sau như một tuân theo những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, xã hội chủ nghĩa. Một mặt, Đảng lãnh đạo nhân dân Liên-xô xây dựng thành công một xã hội mới có tác động tích cực đến toàn bộ quá trình cách mạng thế giới. Mặt khác, Đảng giúp đỡ, ủng hộ các phong trào cách mạng, tiến bộ trên thế giới. Điều đó thể hiện rõ trong vai trò của Liên-xô trong sự hình thành cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trong quan hệ bình đẳng, hữu nghị, tương trợ giữa Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng thể hiện rõ trong thái độ của Liên-xô đoàn kết với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa, ủng hộ và giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc.

Đảng cộng sản Liên-xô kiên quyết giáng trả mọi kẻ thù tư tưởng, mọi chiến dịch tiến công của chúng vào chủ nghĩa xã hội hiện thực. Cùng với các đảng mác-xít-lê-nin-nít khác, Đảng cộng sản Liên-xô tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội trong nội bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đảng cộng sản và Nhà nước Liên-xô luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh để giữ gìn và bảo vệ hòa bình, kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, trước hết là giới quân phiệt Mỹ, đang tổ chức cuộc « thập tự chinh » chống chủ nghĩa cộng sản, đang mưu toan đẩy loài người vào thảm họa hạt nhân.

Đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng cộng sản Liên-xô, những thành tựu rực rỡ mà nhân dân Liên-xô đã giành được trong những chặng đường lịch sử đã qua, uy tín và ảnh hưởng của Liên-xô trên trường quốc tế chứng minh hùng hồn rằng Đảng cộng sản Liên-xô là đảng mác-xít-lê-nin-nít vĩ đại nhất, Liên-xô là nước xã hội chủ nghĩa hùng cường nhất, là thành trì

của cách mạng và hòa bình trên thế giới.

Chính vì vậy mà kẻ thù của chủ nghĩa xã hội đang tập trung mũi nhọn chống Liên-xô. Chúng không ngừng bôi nhọ hình ảnh của đất nước xô viết, xuyên tạc đường lối, chính sách của Liên-xô, ra sức làm suy yếu Liên-xô. Chủ nghĩa cơ hội cũng mưu toan hạ thấp vai trò của Đảng cộng sản Liên-xô, phủ nhận kinh nghiệm của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Đặc biệt là bọn phản động Bắc-kinh đội lốt chủ nghĩa Mác-Lê-nin trắng tráo gọi Liên-xô là « đế quốc xã hội », coi Liên-xô là thù, coi tên đế quốc đầu sỏ là bạn, bằng mọi cách chống Liên-xô dưới chiêu bài « chống chủ nghĩa ba quyền ». Chúng đang tập trung chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa với Liên-xô, mưu đồ phá vỡ sự thống nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, cô lập Liên-xô, Việt-nam. Chúng đang vào hòa với Mỹ và khối NATO tuyên truyền luận điệu « Liên-xô là nguồn gốc gây ra nguy cơ nghiêm trọng đối với hòa bình ở châu Á và trên thế giới ».

Nhưng tất cả mọi màn khói mịt mù, bọn đế quốc và phản động tung ra đều không che lấp được ánh sáng chân lý tỏa ra từ đất nước xô viết, đất nước của Lê-nin vĩ đại. Ngày nay, bảo vệ Liên-xô, bảo vệ Đảng cộng sản Liên-xô chống mọi sự tiến công của đế quốc và phản động, chống mọi sự công kích của chủ nghĩa cơ hội, là nghĩa vụ của tất cả những người cộng sản trên thế giới, vì lợi ích của toàn bộ phong trào chúng ta. Đối với nhân dân ta, Đảng ta, đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô, với Đảng cộng sản Liên-xô là nguyên tắc chiến lược bất di bất dịch.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Tổ chức, sắp xếp lại công tác giao thông vận tải từ địa bàn huyện

ĐỒNG-SI-NGUYÊN

NHIỆM vụ phát triển kinh tế, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng quốc phòng và an ninh đang đặt ra cho ngành giao thông vận tải những yêu cầu to lớn. Đó là: Từng bước tập trung xây dựng bằng được một hệ thống giao thông vận tải đồng bộ từ nơi đi tới nơi đến, bảo đảm phục vụ với chất lượng tốt, đúng yêu cầu, đúng thời gian cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng, xuất khẩu, quốc phòng, an ninh, đời sống của nhân dân.

Để có thể từng bước đáp ứng nhu cầu vận tải của nền kinh tế quốc dân, một trong những biện pháp quan trọng là tổ chức, sắp xếp lại hệ thống giao thông vận tải từ trung ương đến cơ sở, từ phạm vi cả nước đến từng vùng, từng khu vực, từng thành phố, từng khu, cụm công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, v.v.

Từ trước đến nay, khi nói đến công tác giao thông vận tải, ta thường chỉ nghĩ đến hệ thống giao thông vận tải trực chính hoặc là chỉ nghĩ đến hệ thống giao thông vận tải ở các khu đầu mối lớn, mà ít khi nghĩ đến phân tế bào của hệ thống đó là giao thông

vận tải ở các xã, huyện và ở các khu, cụm công nghiệp, nông trường, lâm trường. Chính nơi đây là chân dừng, nơi bắt đầu, đồng thời cũng là nơi kết thúc của dây chuyền giao thông vận tải. Từ cách suy nghĩ như vậy, các mặt công tác như quy hoạch, kế hoạch, tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất v.v. đều chỉ tập trung ở khâu giữa mà ít chú ý đến một dây chuyền hoàn chỉnh đồng bộ, trong đó điểm xuất phát là giao thông vận tải trên địa bàn huyện. Do vậy, cho đến nay ngoài một số ít huyện đã làm tốt công tác giao thông vận tải trên địa bàn huyện, nói chung giao thông vận tải trên địa bàn huyện chuyển biến chậm, thiếu đồng bộ, chưa gắn và chưa tiến kịp yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng huyện. Và đây cũng chính là một trong các nguyên nhân quan trọng gây ách tắc, rối loạn cho cả dây chuyền.

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là một chủ trương lớn mà Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã đề ra. Để thực hiện chủ trương đó, Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng đã

chỉ rõ : « Dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương và của tỉnh, thành, cần phát huy quyền chủ động sáng tạo của huyện và cơ sở, thực hiện tổ chức lại sản xuất, phân bổ lại lao động, xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hoặc nông - lâm - công nghiệp hoặc nông - ngư - công nghiệp huyện ».

Khẳng định vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện cũng chính là khẳng định vị trí quan trọng của công tác giao thông vận tải trên địa bàn huyện.

Giao thông vận tải trên địa bàn huyện cũng như ở các khu, cụm công nghiệp là nơi thực hiện mối liên hệ kinh tế giữa các đơn vị cơ sở, thực hiện mối liên hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp thông qua việc trao đổi hàng hóa, trao đổi lực lượng lao động, thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế còn nhiều thành phần, do đó ngoài việc phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo của lực lượng giao thông vận tải quốc doanh, chúng ta còn phải coi trọng các thành phần kinh tế khác. Các hợp tác xã, vận tải thuộc thành phần kinh tế tập thể đang đảm nhận một khối lượng vận tải đáng kể là lực lượng bổ sung cho lực lượng vận tải quốc doanh. Hiện nay, bên cạnh lực lượng vận tải công cộng và lực lượng vận tải của các ngành, trong cả nước còn có trên 1000 đơn vị vận tải, xếp dỡ, đóng sửa phương tiện vận tải, được tổ chức dưới hình thức hợp tác xã, xí nghiệp, tập đoàn với khoảng 15 vạn lao động, trong đó có 800 hợp tác xã vận tải thủy bộ với hàng vạn tấn sức chở, trên dưới 40 vạn chỗ ngồi, hàng năm vận chuyển 20 triệu tấn hàng hóa, với 1 tỷ tấn/km, 150 triệu lượt người với 3 tỷ người/km. Ngoài ra còn một lực lượng vận tải nửa chuyên nghiệp khá lớn trong nông nghiệp với những phương tiện

thô sơ các loại (xe súc vật kéo, xe cải tiến, xe thô). Rõ ràng, trên địa bàn huyện, lực lượng vận tải này là một lực lượng không nhỏ, nếu được tổ chức sắp xếp lại sẽ tạo thế chủ động cho huyện trong việc xây dựng kinh tế, ổn định và phát triển đời sống nhân dân.

Phát triển giao thông vận tải là một yếu tố dễ thực hiện quan hệ hàng hóa. Trên địa bàn huyện, giao thông vận tải giữ vai trò quan trọng trong việc giao lưu hàng hóa giữa gia đình, tập thể với quốc doanh. Trong tình hình hiện nay của nước ta, giao thông vận tải trên địa bàn huyện có vai trò lớn trong việc tăng cường sự trao đổi hàng hóa, tăng cường mối quan hệ giữa công nhân và nông dân.

Địa bàn huyện cũng là nơi trực tiếp áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, đưa khoa học kỹ thuật vào những khâu đầu tiên của hệ thống giao thông vận tải. Và chính sự phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện là điều kiện để bảo đảm an ninh quốc phòng trong thời bình cũng như khi có chiến tranh.

Rõ ràng, giao thông vận tải trên địa bàn huyện có vai trò rất lớn và cần được sớm tổ chức, sắp xếp lại. Nhưng nhìn lại, trong thời gian qua, việc sắp xếp, tổ chức công tác giao thông vận tải trên địa bàn huyện làm rất chậm, nhiều nơi năng lực vận chuyển của lực lượng vận tải tập thể bị giảm sút nhiều, hệ thống giao thông không được quy hoạch lại theo hướng phát triển kinh tế của từng địa phương, đời sống xã viên không ổn định, các hiện tượng tiêu cực phát sinh nhiều.

Có tình hình trên một phần do tác động của khó khăn chung về sản xuất và đời sống, nhưng nguyên nhân cơ bản là do khâu tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý, đồng thời công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với

lực lượng vận tải tự nhân làm chưa đồng đều và chưa tốt.

Chủ trương xây dựng và tăng cường cấp huyện đã đặt ra cho ngành giao thông vận tải nhiệm vụ phát triển mạnh mẽ mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện. Phát triển giao thông vận tải trên phạm vi cả nước cũng như trên địa bàn mỗi huyện đều phải có quy hoạch lâu dài và kế hoạch thực hiện từng bước. Đặc điểm giao thông vận tải là hoạt động theo từng tuyến và trong một mạng lưới thống nhất. Vì vậy, khi tiến hành xây dựng các công trình, dù là công trình nhỏ cũng phải có sự tính toán toàn diện, trước mắt và lâu dài phù hợp với sự phát triển của địa phương và của cả nước. Nếu tùy tiện, tự phát, không có quy hoạch và kế hoạch cụ thể thì sẽ dẫn đến tình trạng phá đi làm lại nhiều lần gây tốn kém và không thể thiết lập được nền nếp, trật tự trong công tác giao thông vận tải.

Công tác phát triển giao thông vận tải phục vụ yêu cầu xây dựng kinh tế địa phương đòi hỏi phải gần ngay từ đầu việc xây dựng quy hoạch giao thông với quy hoạch tổng thể của huyện, coi huyện là một cấp kế hoạch về nông nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội thứ V, đồng chí Lê-Duẩn đã nói: "...lấy huyện làm địa bàn phân công lao động, tổ chức lại sản xuất, sử dụng tốt lao động và đất đai, rừng, biển, thực hiện thâm canh, chuyển canh, phát triển trồng trọt, chăn nuôi, mở mang ngành nghề...". Cơ sở để lập quy hoạch giao thông vận tải trên địa bàn huyện là nhiệm vụ xây dựng huyện. Huyện không những là nơi tổ chức lại sản xuất và phân công lao động, mà còn là nơi bảo đảm xây dựng nông thôn mới với sự giúp đỡ và quản lý thống nhất của trung ương và của tỉnh.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế và đặc điểm về địa lý của mỗi huyện... mà tính toán khối lượng vận chuyển từ ngoài về huyện và từ huyện đi các nơi, lựa chọn phương thức vận tải phù hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Trên cơ sở phát huy tinh thần tự lực tự cường, khai thác và tận dụng mọi khả năng vận tải hiện có ở trung ương, địa phương và cơ sở mà tiến hành phân công vận tải và phân cấp quản lý công tác giao thông vận tải giữa các lực lượng vận tải trung ương và địa phương, giữa lực lượng vận tải của ngành giao thông vận tải với lực lượng vận tải của các ngành kinh tế khác. Việc tổ chức sắp xếp công tác giao thông vận tải trên địa bàn huyện phải được tiến hành một cách đồng bộ thống nhất trong hệ thống giao thông vận tải của cả nước. Cho nên hướng sắp xếp là hình thành cho được một hệ thống vận tải thống nhất từ xã, huyện, tỉnh đến trung ương.

1 - Ở xã, củng cố đội vận tải trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, kết hợp với phương tiện vận tải của gia đình, chủ yếu là thuyền, xe bò, xe trâu, xe ngựa, xe đạp, xích lô, xe ba gác... làm nhiệm vụ đưa hàng đến các kho, các cơ sở chế biến, các cảng, các ga trong huyện, trong tỉnh, và lấy hàng từ đó về cho các công, nông, lâm trường, xí nghiệp và các xã, hợp tác xã. Trong việc phát triển, tổ chức sắp xếp lại giao thông vận tải trên địa bàn huyện thì giao thông vận tải ở xã, ở công, nông, lâm trường phải được coi là cửa đi đầu tiên, có vượt qua được cửa ải này mới thực hiện được quá trình vận tải có hiệu quả.

2 - Tỉnh, huyện tùy theo tình hình đặc điểm của mỗi địa phương có thể tổ chức ra các đơn vị quốc doanh, các hợp tác xã, các tập đoàn vận tải làm nhiệm vụ thu gom, tập kết hàng đến các kho dự trữ, các cơ sở chế

biển, các cảng, các ga trong tỉnh hoặc trong khu vực, đồng thời lấy hàng từ các nơi đó về nơi tiêu thụ.

Những nơi quy định cho phương tiện của trung ương đến lấy hàng phải có đủ các điều kiện sau:

- Có cảng, bến, bãi xếp dỡ;
- Có kho dự trữ (quy mô kho tùy theo định mức quy định);
- Có đủ lực lượng và công cụ xếp dỡ;
- Có bộ máy tổ chức đủ sức quản lý và điều hành công việc hằng ngày.

Trong vận tải, việc tập kết, gom hàng và xếp dỡ là công đoạn rất quan trọng, nhưng hiện nay lại đang là khâu ách tắc nhất. Cho nên các địa phương cần hết sức coi trọng khâu này.

Ngoài ra, tổ chức vận tải của tỉnh, huyện còn có nhiệm vụ tổ chức tốt công tác vận tải hành khách, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong tỉnh, huyện bằng các loại xe cơ giới, xe ngựa, xe thô sơ, thuyền máy, thuyền buồm...

3- Ở trung ương, tiến hành phân chia khối lượng vận tải một cách hợp lý giữa các phương tiện vận tải, giữa trung ương với địa phương và giữa lực lượng vận tải do Bộ giao thông vận tải quản lý với lực lượng vận tải hiện vẫn do các ngành kinh tế khác quản lý. Hướng chung là tập trung tăng cường lực lượng vận tải do ngành giao thông vận tải quản lý. Các bộ, các ngành kinh tế khác chỉ quản lý lực lượng vận tải trong dây chuyền sản xuất và vận tải chuyên dùng. Xét về tính chất và nguyên tắc, vận tải chuyên dùng cũng là vận tải công cộng, cho nên cần có sự quản lý thống nhất nhằm phục vụ yêu cầu của sản xuất và đời sống.

Dựa vào nguyên tắc phân công vận tải và phân cấp quản lý nói trên, mà tiến hành quy hoạch lại hệ thống ga, cảng và quy định phạm vi

hấp dẫn của các ga cảng, phạm vi hoạt động của các xí nghiệp vận tải ô tô, phạm vi xây dựng và bảo đảm giao thông của các xí nghiệp, các công trình giao thông khu vực; trên cơ sở đó giúp cho huyện bố trí sắp xếp lại hệ thống giao thông vận tải của mình để giành lấy thế chủ động và nâng cao trách nhiệm trong quá trình vận tải. Đối với việc phát triển phương tiện vận tải ở các xã, huyện, *hết sức coi trọng phương tiện thô sơ, phát huy đến mức tối đa phương tiện vận tải thủy, còn ở vùng rẻo cao, miền núi cần đặc biệt chú ý phát triển sức vật thô, kéo.* Về xây dựng và bảo đảm giao thông, phải dựa vào vật tư tại chỗ và kỹ thuật phổ cập làm chính, tránh tư tưởng trông chờ ỷ lại vào Nhà nước. Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của các địa phương về khai thác tiềm năng và thế mạnh vận tải truyền thống.

Việc phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện có phạm vi rộng lớn và lâu dài, đòi hỏi phải dựa vào công sức của nhân dân mới làm được. Cho nên trong việc huy động vốn và lực lượng lao động, phải quán triệt sâu sắc phương châm: Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm. Thực tế trong những năm qua đã chỉ rõ ở đâu vận dụng tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm thì ở đó huy động được tiềm lực về lao động, vật tư và kinh nghiệm phong phú của nhân dân, tiết kiệm cho Nhà nước những khoản chi phí rất lớn. Tất nhiên ở những nơi này tổ chức giao thông vận tải các cấp phải làm tốt chức năng tham mưu giúp các cấp ủy Đảng và chính quyền về mặt nghiệp vụ kỹ thuật. Vừa qua, ở một số tỉnh như Hậu-giang, Long-an, Tiền-giang, Phú-khánh, Quảng-nam - Đà-nẵng, Hà-nam-ninh, Thái-bình, Cao-bằng, Vĩnh-phú, Hà-bắc đã có những huyện làm giao thông vận tải khá tốt, có những nơi đã có ô tô cỡ nhỏ chuyên

chở về tận các xã. Học tập kinh nghiệm của những địa phương đi trước, mỗi tỉnh cần chọn ra một vài huyện để làm cuộc cách mạng về giao thông vận tải trên địa bàn huyện, và từ đó nhân ra các huyện khác.

Trên cơ sở phân chia khối lượng vận tải và nhu cầu vận chuyển, xếp dỡ, đóng, sửa phương tiện vận tải, sắp xếp lại lực lượng, bố trí lại mạng lưới vận tải, hộc xếp và công nghiệp đóng sửa phương tiện một cách hợp lý giữa các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã, giữa cơ giới và không cơ giới. Từ đó, xác định hình thức tổ chức thích hợp theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Về giao thông ở xã, lập các đội chuyên làm đường sá phục vụ cho nông nghiệp và dân sinh kinh tế của xã. Đội có một số lực lượng nông cốt, còn chủ yếu là huy động nhân dân tham gia. Việc sửa chữa và đóng mới các phương tiện vận tải thô sơ do tổ chức sửa chữa công cụ nông nghiệp hiện có ở các xã đảm nhiệm.

Ở huyện lập đội thi công chuyên phụ trách hướng dẫn kỹ thuật, còn lực lượng lao động làm cầu đường thì vẫn phải huy động nhân dân tham gia.

Các huyện tổ chức ra các tổ, đội cơ khí chịu trách nhiệm sửa chữa phương tiện vận tải và công cụ, thiết bị thi công. Trong những năm tới, về phương tiện vận tải trên địa bàn huyện, phải kết hợp thô sơ với nửa cơ giới và cơ giới, trước mắt coi trọng thô sơ; về phương tiện đường thủy chú ý phát triển các loại làm bằng xi măng lưới thép.

Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý chung cũng như trong ngành giao

thông vận tải đòi hỏi chúng ta phải phát huy hơn nữa tinh thần chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn cải tiến tổ chức và đề ra những chính sách hợp lý nhằm khuyến khích mọi người lao động sản xuất có hiệu quả.

Đi đôi với thay đổi và hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật cho huyện và xã là yêu cầu cấp bách của việc tăng cường và củng cố cấp huyện. Phương hướng cơ bản cho những năm tới là đi đôi với việc đưa cán bộ có năng lực, có quan điểm đúng đắn, hiểu biết quản lý kinh tế kỹ thuật và còn trẻ ở trung ương và tỉnh về huyện và cơ sở, cần triển khai mạnh việc đào tạo cán bộ, công nhân tại cơ sở vừa học, vừa làm, Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương đều có trách nhiệm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân, cán bộ quản lý cho huyện, cho cơ sở.

Tổ chức, sắp xếp lại công tác giao thông vận tải trên địa bàn huyện, hay nói một cách khác, thực hiện cuộc cách mạng giao thông vận tải trên địa bàn huyện là một yêu cầu cấp bách và quan trọng để thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ ba của trung ương Đảng về củng cố và tăng cường cấp huyện. Với những kinh nghiệm thu được và những chuyển biến mới về tổ chức giao thông vận tải trong năm qua, có sự quan tâm đúng mức của các cấp, các ngành, sự lãnh đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chắc chắn rằng công tác giao thông vận tải trên địa bàn huyện trong những năm tới sẽ đạt được những kết quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu củng cố và tăng cường cấp huyện.

THI HÀNH NGHIỆM CHÍNH PHÁP LỆNH THUẾ CÔNG THƯƠNG NGHIỆP

CHU-TAM-THỨC

1

TRONG những chính sách lớn mà Đảng và Nhà nước đã ban hành nhằm chuyển biến một bước cơ bản tình hình kinh tế nước ta, chính sách thuế công thương nghiệp là một chính sách có ý nghĩa và tác dụng quan trọng. Chính sách này nhằm góp phần vào việc thiết lập trật tự mới xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông, góp phần đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Vai trò của thuế công thương nghiệp đối với việc khuyến khích sản xuất, lập lại trật tự trên mặt trận phân phối, lưu thông, tham gia đặc lực vào cuộc đấu tranh giữa « hai con đường », mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa, điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư cho công bằng, hợp lý... cần được phát huy mạnh mẽ.

Trong điều kiện hiện nay, thu nhập quốc dân tạo ra từ khu vực kinh tế tập thể và cá thể còn chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng thu nhập quốc dân, Nhà nước cần có các hình thức thuế thích hợp để điều chỉnh thu nhập của các tầng lớp dân cư có tiền

dùng hàng hóa và được cung ứng dịch vụ, cũng như động viên mọi cơ sở và cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần hạn chế những mất cân đối về thu chi tài chính, thực hiện một chính sách tài chính quốc gia tích cực, phù hợp với chặng đường hiện nay, trên cơ sở nêu cao tinh thần tự lực tự cường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thuế công thương nghiệp còn phải phát huy mạnh hơn nữa tác dụng điều tiết thích đáng những thu nhập không hợp lý, quá cao và ngăn chặn những hoạt động không có lợi cho nền kinh tế quốc dân, đấu tranh chống những hoạt động sản xuất kinh doanh phi pháp, đầu cơ tích trữ hàng hóa, buôn lậu, phá rối thị trường, thực hiện việc kiểm kê và kiểm soát của Nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân, chống khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của những người sản xuất nhỏ.

Trong thời gian qua, chính sách thuế công thương nghiệp đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất kinh doanh công thương nghiệp phát triển, góp phần thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ

sản xuất mới. Nhưng so với yêu cầu đóng góp công bằng hợp lý và khuyến khích sản xuất phát triển, cải tạo xã hội chủ nghĩa, cũng có quan hệ sản xuất mới, trong tình hình hoạt động công thương nghiệp có nhiều biến động, thì chính sách về thuế công thương nghiệp, mặc dù đã được bổ sung, sửa đổi nhiều lần, vẫn có nhiều điểm chưa phù hợp.

Thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức doanh nghiệp cùng với thuế hàng hóa là ba hình thức thuế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chế độ thuế công thương nghiệp.

Thuế doanh nghiệp cũ là hình thức thuế thu hằng tháng, tính trên doanh thu của cơ sở sản xuất kinh doanh tập thể và cá thể; chỉ có 5 cấp thuế suất từ 1% đến 5%. Trong tình hình hoạt động công thương nghiệp tự nhiên, tập thể và cá thể phát triển với nhiều hiện tượng tiêu cực như hiện nay, thuế doanh nghiệp cũ vừa ít cấp thuế, vừa chưa có sự phân biệt rõ ràng ngành, nghề, mặt hàng và dịch vụ đáng khuyến khích hoặc cần hạn chế. Mặt khác, thuế suất còn thấp so với yêu cầu thông qua thuế mà điều tiết ngay một phần thu nhập của cơ sở kinh doanh công thương nghiệp. Ngay trong phân loại ngành chịu thuế, việc xếp ngành phục vụ cùng một loại với ngành ăn uống là chưa phân biệt sự khác nhau giữa hai ngành này, chưa phản ánh đúng vị trí của ngành phục vụ là ngành hoạt động cần thiết trong một xã hội có tổ chức.

Điều đáng chú ý là các bậc lợi tức chịu thuế dùng làm căn cứ áp dụng thuế suất trong 3 biểu thuế lợi tức đã được quy định theo tình hình vật giá và tiền tệ của những năm 70. Hiện nay, vật giá, tiền tệ đã có nhiều biến động; nếu tiếp tục thực hiện động viên đóng góp theo các mức quy định nói trên thì sẽ hạn chế tác dụng của loại thuế quan trọng này về mọi mặt,

nhất là kéo dài tình hình không hợp lý là tỷ lệ động viên đóng góp đối với hộ kinh doanh lớn lại thấp hơn tỷ lệ huy động đối với các hộ kinh doanh vừa và nhỏ: hộ lớn nộp thuế lợi tức 8,3%; hộ vừa nộp 9,5% và hộ nhỏ 9,2% so với doanh thu. Kết quả thu thuế lợi tức trong thời gian qua cho thấy tình trạng không hợp lý của biểu thuế cũ: hộ kinh doanh lớn (trên 2 vạn hộ) có lợi tức trên 10.000 đồng/tháng cũng cùng chung một thuế suất với các hộ nhỏ (khoảng 20 vạn hộ).

Biểu thuế cũ không phát huy được tác dụng điều tiết một cách hợp lý, thỏa đáng thu nhập của những cơ sở sản xuất kinh doanh công thương nghiệp, đặc biệt là trong ngành thương nghiệp và ăn uống, nhất là đối với những người có thu nhập cao và rất cao, không hợp lý; lại cũng không góp phần ngăn chặn những trường hợp lợi dụng những khó khăn về kinh tế, đời sống hiện nay để mưu lợi ích riêng, đầu cơ, nâng giá, thu nhập không chính đáng, không hợp pháp.

Tác dụng của chế độ thuế lợi tức cũ về mặt hướng dẫn các cơ sở kinh doanh tự nhân phát triển ngành, nghề có lợi cho kinh tế, đời sống, khuyến khích làm ăn tập thể, đặt quan hệ kinh tế với Nhà nước, cũng có nhiều hạn chế.

Về thuế hàng hóa, chỉ có 17 mặt hàng nhập khẩu phi mậu dịch chịu thuế; do đó, tác dụng của thuế đối với việc quản lý hàng xuất nhập khẩu phi mậu dịch dưới hình thức tặng phẩm, quà biếu giữa người trong nước và người đi tản ra nước ngoài, chưa có bao nhiêu.

Điều đáng chú ý khác là trong cơ cấu chế độ thuế công thương nghiệp, chưa có hình thức thuế nào thật sự là một biện pháp kinh tế có hiệu lực bổ sung đặc lực cho các biện pháp hành chính nhằm thực hiện sự kiểm kê, kiểm soát thường xuyên của Nhà

nước đối với toàn bộ các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ của tập thể và tư nhân.

II

Do những mặt hạn chế nói trên của chính sách thuế công thương nghiệp, việc cải tiến chính sách thuế là cần thiết và cấp bách.

Ngày 26 tháng 2 năm 1983, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp. Đây là một đạo luật về thuế có ý nghĩa về kinh tế và xã hội, một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đối với kinh doanh công thương nghiệp trong tình hình mới, góp phần vào việc thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, trong phân phối lưu thông.

Pháp lệnh này sửa đổi một số quy định về thuế công thương nghiệp, tập trung vào thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức doanh nghiệp, thuế hàng hóa và bổ sung thuế môn bài vào cơ cấu chế độ thuế công thương nghiệp. Những điều sửa đổi theo pháp lệnh cũng tập trung vào các quy định về biểu thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức và thuế hàng hóa. Việc sửa đổi những điều này nhằm phát huy hơn nữa tác dụng của thuế công thương nghiệp, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế quốc dân trong chặng đường trước mắt, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, sắp xếp lại và cải tạo sản xuất kinh doanh công thương nghiệp tập thể và cá thể.

Những điểm sửa đổi, bổ sung về thuế công thương nghiệp nhằm bảo đảm cho thuế công thương nghiệp góp phần hướng dẫn phát triển những ngành, nghề có lợi cho kinh tế và đời sống, hạn chế các ngành, nghề cần hạn chế theo yêu cầu sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân, đồng thời, góp phần thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới trong hoạt động công thương nghiệp.

Tác dụng động viên cho tài chính Nhà nước theo chính sách tài chính quốc gia tích cực, tập trung tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân cũng được coi trọng trong các điều sửa đổi. Nhưng điều sửa đổi chủ yếu là điều chỉnh sự đóng góp giữa các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp tập thể và cá thể cho công bằng, hợp lý hơn và điều tiết một cách thích đáng thu nhập của những cơ sở kinh doanh có thu nhập không hợp lý (cao và rất cao) nhằm phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý, có lợi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Muốn hướng dẫn hoạt động công thương nghiệp tư nhân phát triển theo kế hoạch Nhà nước, điều kiện trước hết là phải đặt toàn bộ hoạt động công thương nghiệp tư nhân dưới sự quản lý, kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, bằng các biện pháp thích hợp. Thuế môn bài vừa được bổ sung vào cơ cấu thuế công thương nghiệp chính là nhằm mục tiêu đó.

Đây là loại thuế thu vào tất cả các tổ chức và cá nhân kinh doanh thường xuyên hoặc buôn bán từng chuyến hàng. Thuế môn bài thu mỗi năm một lần vào đầu năm dương lịch; những tổ chức và cá nhân mới ra kinh doanh trong 6 tháng đầu năm thì nộp thuế môn bài cả năm; mới ra kinh doanh trong 6 tháng cuối năm thì nộp 50% thuế môn bài. Những tổ chức và cá nhân kinh doanh đã nộp thuế môn bài, nếu di chuyển sang địa phương khác hoặc thay đổi ngành, nghề, mặt hàng kinh doanh thì phải kê khai và nộp lại thuế môn bài như mới ra kinh doanh. Thuế môn bài chỉ thu vào những cơ sở kinh doanh đã được cấp giấy phép kinh doanh. Kết hợp với việc thi hành biện pháp đăng ký kinh doanh công thương nghiệp tư nhân, thuế môn bài là một biện pháp kinh tế có tác dụng kiểm kê, kiểm soát toàn bộ công thương nghiệp tập thể và cá nhân

Tác dụng của thuế công thương nghiệp đối với việc thúc đẩy sản xuất công thương nghiệp tư nhân hoạt động có lợi cho kinh tế và đời sống được phát huy thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung về thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức doanh nghiệp.

Thuế doanh nghiệp mới không chỉ phân biệt theo loại ngành kinh doanh như trước, mà còn phân biệt nghề nghiệp, mặt hàng, dịch vụ để định thuế suất cao thấp khác nhau. Ngành phục vụ trước đây được xếp chung với ngành ăn uống nay được xếp riêng và chịu thuế suất thấp hơn ngành ăn uống, phù hợp với vị trí, tác dụng của ngành đó trong xã hội. Trong từng ngành, thuế còn phân biệt nghề nghiệp, mặt hàng để có sự đối xử khác nhau; những nghề cần thiết cho kinh tế và đời sống hoặc phục vụ cho nhu cầu phổ thông của đời sống đông đảo quần chúng lao động thì thuế suất thuế doanh nghiệp thấp hơn so với các nghề khác, mặt hàng khác.

Tác dụng khuyến khích sản xuất kinh doanh đúng hướng còn được phát huy trong những điểm sửa đổi mới về thuế lợi tức doanh nghiệp; đặc biệt là quy định tính thêm 10% trên số lợi tức đã tính theo biểu thuế, nếu là cơ sở kinh doanh những ngành, nghề, mặt hàng hoặc dịch vụ cần hạn chế ở mỗi địa phương. Cũng như trong thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức doanh nghiệp phân biệt ba loại ngành với ba khung thuế suất khác nhau; cùng một bậc lợi tức chịu thuế đến 500 đồng/tháng, thuế suất áp dụng đối với ngành sản xuất, xây dựng, vận tải là 12%, với ngành phục vụ 16% và ngành thương nghiệp ăn uống là 21%.

Những điểm sửa đổi, bổ sung trong Pháp lệnh về thuế công thương nghiệp còn nhằm phát huy tác dụng thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới trong khu vực kinh tế công thương nghiệp tư nhân. Tổ

chức sản xuất kinh doanh công thương nghiệp tập thể được ưu đãi hơn hộ kinh doanh riêng lẻ, cả về thuế môn bài, thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức. Hộ riêng lẻ có thu nhập trên 5000 đồng/tháng nộp thuế môn bài 5000 đồng/năm. Hợp tác xã, tổ hợp tác thu nhập tới trên 50000 đồng/tháng mới phải nộp thuế môn bài theo mức đó.

Về thuế lợi tức doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác sản xuất, xây dựng, vận tải và hợp tác xã, tổ hợp tác kinh doanh ngành phục vụ theo giá chỉ đạo của Nhà nước, thu nhập vượt mức 3000 đồng/tháng, chỉ phải nộp thuế lợi tức theo mức thuế cao nhất, không phải nộp theo mức thuế suất cao nhất cộng với thuế suất bổ sung từ 5% đến 20% như các hộ riêng lẻ.

Thuế lợi tức ưu đãi hợp tác xã tùy theo trình độ quan hệ sản xuất: giảm 5% thuế lợi tức cho hợp tác xã sản xuất, xây dựng, vận tải ở trình độ vừa, và 10% cho hợp tác xã cấp cao.

Mức thuế đối với các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp tư nhân còn tùy thuộc vào mức độ quan hệ kinh tế với Nhà nước: những cơ sở sản xuất tư nhân có quan hệ kinh tế với Nhà nước được giảm từ 5% đến 10% số thuế lợi tức phải nộp.

Việc động viên sự đóng góp công bằng hợp lý đối với các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp tư nhân được thực hiện thông qua việc điều chỉnh mức đóng góp giữa các ngành. Các cơ sở thuộc các ngành sản xuất, vận tải, xây dựng, với khung thuế suất mới, nộp thuế lợi tức theo mức thấp hơn trước đây. Ngành phục vụ nộp xấp xỉ bằng trước hoặc thấp hơn trước. Riêng đối với các cơ sở kinh doanh ngành thương nghiệp và ngành ăn uống thì mức thuế lợi tức động viên cao hơn so với trước đây. Thuế suất bổ sung 10% cộng thêm vào mức thuế suất cao nhất trong biểu thuế, áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh

riêng lẻ có mức lợi tức vượt mức 3000 đồng/tháng là một hình thức điều tiết thích đáng những thu nhập cao, không hợp lý trong hoạt động công thương nghiệp tư nhân, phân phối lại thu nhập quốc dân, phù hợp với lợi ích của Nhà nước, của nhân dân lao động, của toàn xã hội. Thuế suất đặc biệt 100% áp dụng đối với phần lợi tức thu nhập do đầu cơ, nâng giá là hình thức Nhà nước thu về cho xã hội phần thu nhập phi pháp của những kẻ lợi dụng khó khăn chung để mưu lợi ích riêng, sống xa hoa, phè phỡn.

III

Công tác tài chính nói chung, công tác thuế nói riêng, có quan hệ đến nhiều tầng lớp nhân dân. Việc tổ chức thực hiện công tác thuế công thương nghiệp trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn nhiều thành phần và đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, về thực chất là một bộ phận của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra gay gắt và phức tạp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, và là một cuộc đấu tranh lâu dài và đầy khó khăn.

Làm cho mọi người có nhận thức đúng về chính sách tài chính và chính sách thuế của Nhà nước, từ đó, thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp cho tài chính Nhà nước là nhân tố trọng yếu đầu tiên bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ thu thuế công thương nghiệp đúng chính sách, đúng pháp luật.

Trong tình hình hiện nay, việc động viên tài chính cho Nhà nước là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Việc sửa đổi chính sách thuế công thương nghiệp, về thực chất là bước đầu tiên thực hiện một sự thay đổi chính sách tài chính theo phương hướng "sớm xây

dựng chính sách tài chính quốc gia tích cực, thích hợp cho chặng đường hiện nay".

Hiện nay, nguồn tài chính cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phải dựa chủ yếu vào việc động viên tập trung tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, trên cơ sở nâng cao ý thức tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính. Mọi người đều có nghĩa vụ đối với Tổ quốc, phát huy quyền làm chủ tập thể, sẵn sàng làm nhiệm vụ đóng góp, chia sẻ gánh nặng của đất nước một cách công bằng hợp lý. Làm tròn nghĩa vụ đóng thuế công thương nghiệp theo đúng chính sách, đúng pháp luật Nhà nước lúc này, chính là biểu hiện của ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của mỗi người dân yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Cần khắc phục cho được tình trạng nhận thức mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, mất cảnh giác và buông lỏng chuyên chính vô sản trong cán bộ, đảng viên cũng như trong bộ máy Nhà nước. Cần đấu tranh chống mọi hành động khai gian, lậu thuế, chây ỳ thuế, trốn tránh nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước. Mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta cần hiểu rằng trong chặng đường hiện nay của cách mạng, việc kết hợp chặt chẽ xây dựng chủ nghĩa xã hội với cải tạo xã hội chủ nghĩa, kết hợp việc giáo dục tư tưởng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, sử dụng mạnh mẽ những biện pháp cưỡng bức và chuyên chính để bảo đảm cho đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước được thực hiện nghiêm chỉnh là những điều hết sức cần thiết. V.I. Lê-nin đã từng nói: «Ai tưởng rằng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện được, mà không cần đến cưỡng bách và chuyên chính, thì sẽ phạm một điều đại dốt hết sức lớn và to

ra không tưởng một cách hết sức vô lý» (1).

Cần nâng cao tính chiến đấu của công tác tư tưởng, phân tích, phê phán sâu sắc những biểu hiện tư tưởng của người sản xuất nhỏ, kiên quyết chống tư tưởng tư sản, khác phục những biểu hiện lệch lạc, mơ hồ, không nhận thức đầy đủ tính chất giai cấp của công tác thuế. Đặc biệt, cần chú ý tới tình hình thực tế là một số cán bộ, đảng viên, nhân viên trong bộ máy Nhà nước, trong tổ chức quần chúng, trong các lực lượng vũ trang có quan hệ gia đình thân thuộc với các đối tượng chịu thuế công thương nghiệp, hoặc bản thân có tham gia hoạt động kinh doanh công thương nghiệp. Trong tình hình phức tạp nói trên, mọi người cần vũ trang cho mình những tư tưởng lớn của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng nhằm bảo đảm sự nhất trí cao với chính sách thuế của Nhà nước. Trên cơ sở đó, mọi người tích cực ủng hộ công tác thuế; tự giác làm đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đúng chính sách, đúng pháp luật; tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chống trốn thuế, lậu thuế, đầu cơ nâng giá, trước tiên là trong các đối tượng thân thuộc thuộc diện chịu thuế; kiên quyết vạch trần những hoạt động xuyên tạc chính sách thuế, những luận điệu chiến tranh tâm lý của kẻ thù của chủ nghĩa xã hội.

Kết quả của cuộc đấu tranh thực hiện nghiêm chỉnh chính sách thuế của Nhà nước được quyết định bởi vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, vai trò làm chủ của quần chúng, sự hiệp đồng chặt chẽ của các cơ quan Nhà nước, các ngành, các cấp với ngành tài chính, thuế, sự kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục.

Trong cuộc đấu tranh để thực hiện chính sách thuế của Đảng và Nhà

nước, các đoàn thể quần chúng có vai trò quan trọng. Trách nhiệm của các đoàn thể này là giáo dục quần chúng, giúp cho họ hiểu rõ chính sách thuế của Đảng và Nhà nước để họ tích cực tham gia thực hiện chính sách đó.

Trên cơ sở nhận thức được ý nghĩa kinh tế chính trị to lớn của thuế công thương nghiệp trong tình hình mới, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đã tích cực tổ chức chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước về thuế công thương nghiệp ngay từ khi Pháp lệnh đó được công bố. Việc tổ chức tuyên truyền phổ biến cho các tầng lớp nhân dân quán triệt chính sách thuế công thương nghiệp và những điểm mới trong chính sách làm được kịp thời và khá sâu rộng. Mặt khác, các địa phương đều thành lập Ban chỉ đạo công tác thuế, tập trung lực lượng cán bộ đi sâu, soát lại tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh, điều tra, nghiên cứu, phân loại, xác định các căn cứ tính thuế, doanh thu, tỷ lệ lãi theo sát với thực tế kinh doanh. Những ngày cuối tháng 4 vừa qua ở hầu khắp các nơi, đặc biệt là ở thành phố Hà-Nội, đã tổ chức việc thông báo mức thuế cho từng cơ sở kinh doanh theo biểu thuế mới và tiến hành thu thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức cũng như thuế môn bài theo kế hoạch.

Kinh nghiệm bước đầu của những nơi đã làm tốt việc thi hành Pháp lệnh này cho thấy: *phải phát động cho được một phong trào quần chúng sôi nổi ủng hộ công tác thuế và tích cực hợp tác với cơ quan thuế, đấu tranh chống trốn thuế, khai gian, lậu thuế. Ở nơi nào, quần chúng được phát động sâu rộng, nơi đó quần chúng đôn đốc nhau nộp thuế, đấu tranh có lý có tình với những hộ khai không đúng thực tế kinh doanh; nhiều trường*

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 237.

hợp doanh thu, lợi tức dùng làm căn cứ tính thuế đã tăng lên gấp 3-4 lần hoặc cao hơn nữa, so với mức kê khai cũ. Việc kê khai tính thuế lần này được kết hợp chặt chẽ với việc hoàn thành công tác đăng ký kinh doanh ở địa phương, tổ chức việc đăng ký giá hàng, giá dịch vụ, niêm yết giá, và lấy giá niêm yết làm căn cứ tính thuế theo đúng các quy định pháp luật mới. Những hiện tượng phân tán hàng, giấu giếm hàng, khai gian hoạt động và thu nhập hoặc vịn có này có khác đề tạm đóng cửa hàng đã kịp thời bị phát hiện, phê phán và xử lý nghiêm minh.

Đây mới chỉ là những kết quả bước đầu và cuộc đấu tranh còn đang tiếp diễn với những trạng thái gay go, phức tạp và tinh tế hơn. Các địa phương đang phân tích những kết quả đạt được bước đầu đó so với mục tiêu đề ra và rút ra những kinh nghiệm đưa việc thu nộp thuế công thương nghiệp đi vào nền nếp thường xuyên theo yêu cầu nhiệm vụ được giao. Nhiều địa phương đã có kế hoạch tăng cường quản lý giá cả trên thị trường, tổ chức thi hành nghiêm chỉnh chế độ niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, ngăn ngừa, hạn

chế, khắc phục tình hình cơ sở kinh doanh tìm cách nâng giá hàng, giá dịch vụ, trút lên đầu người tiêu dùng số thuế mà cơ sở đã nộp theo nghĩa vụ, hòng thu hồi về cho mình phần thu nhập đã đóng góp dưới hình thức thuế. Cuộc đấu tranh này đang tiếp tục; cần tiến hành một cách bền bỉ, thường xuyên, liên tục, và chỉ có như vậy tác dụng của thuế công thương nghiệp mới được phát huy, góp phần ổn định đời sống của nhân dân, lập lại trật tự trên thị trường, trên mặt trận phân phối lưu thông, theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong chặng đường trước mắt.

Cần kịp thời cô vũ những người làm ăn chính đáng, nộp thuế đầy đủ, nghiêm khắc phê phán và xét xử đúng mức những người làm ăn phi pháp, trốn thuế, lậu thuế, trũng trị những bọn gian thương, đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường.

Hệ thống tổ chức thu thuế cần được kiện toàn và củng cố kịp thời; cán bộ thuế phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, đi sâu, đi sát, nêu cao đạo đức cách mạng, liêm khiết, trong sạch, chỉ công vô tư, không tham ô, ăn hối lộ, ức hiếp quần chúng.

XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ

NGUYỄN-VĂN-HIỆU

PHẦN đầu nâng cao không ngừng đời sống vật chất và đời sống văn hóa của nhân dân luôn luôn là mục tiêu chiến lược của Đảng ta. Từ *Đề cương văn hóa* của Đảng năm 1943 đến chủ trương xây dựng *Đời sống mới* do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh phát động ngay sau ngày nước ta tuyên bố độc lập, trong những giai đoạn chiến tranh ác liệt, cũng như trong thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chưa bao giờ xem nhẹ mặt nào của đời sống, chưa bao giờ chỉ chú ý đến nhu cầu vật chất mà không chú ý đến nhu cầu văn hóa của nhân dân. Đó là vì đời sống của nhân dân ta, của xã hội ta, của mỗi con người chúng ta là tổng thể những hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần. Đó là vì « cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình... xây dựng cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới: xây dựng cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới » (1). Chính là theo tinh thần ấy, mà nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ rằng: « Một nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hóa là đưa văn hóa thâm nhập vào

cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, bảo đảm mỗi nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, mỗi hợp tác xã, phường, ấp, đều có đời sống văn hóa » (2).

I — XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ LÀ MỘT NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG, HỢP QUY LUẬT VÀ CÓ NHỮNG MẶT CẤP BÁCH

Vì sao Đảng ta yêu cầu « đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở » như vậy ?

Ai cũng biết cơ sở là « đơn vị cuối cùng » của hệ thống tổ chức xã hội, các cơ sở có mạnh và phát triển đồng đều thì từng địa phương, từng ngành và cả nước mới mạnh được. Chúng ta nói chế độ của ta là chế độ làm chủ tập

(1) *Nghị quyết Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 18.

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 101.

thể xã hội chủ nghĩa. Mỗi người dân phải thực hiện được quyền làm chủ tập thể của mình về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở cơ sở, ở địa phương và trong cả nước, nhưng trước hết, thiết thực và cụ thể nhất là làm chủ tập thể ở cơ sở. Ở đây, chúng ta đang nói tới quyền làm chủ tập thể về văn hóa. Mỗi công dân của chúng ta hiện nay đang sinh hoạt, lao động, sản xuất, học tập, chiến đấu v.v. ít nhất ở một vài cơ sở. Nếu như mỗi cơ sở đều bảo đảm có được một đời sống văn hóa lành mạnh và tốt đẹp thì mỗi công dân ở bất cứ lứa tuổi nào, ngành nghề nào, thuộc bất cứ dân tộc nào trên tất cả mọi vùng của đất nước ta đều được hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hóa. Văn hóa xã hội chủ nghĩa do đó phổ cập được đến tất cả mọi người, quyền bình đẳng về văn hóa giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nam và nữ, giữa các dân tộc, giữa các địa phương trong cả nước sẽ được thực hiện tốt.

Đương nhiên xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở không thể và không phải là đóng kín lại trong phạm vi tư tưởng và văn hóa, mà là trong quan hệ biện chứng giữa ba cuộc cách mạng đang được tiến hành đồng thời: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Con người là lực lượng sản xuất quan trọng bậc nhất. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa cũng chính là tăng cường lực lượng sản xuất. Và xây dựng đời sống văn hóa cũng là nhằm tạo nên những phẩm chất tốt đẹp của con người mới, con người phát triển toàn diện, hài hòa về trí, đức, thể, mỹ, về tư tưởng, tình cảm, kỹ năng lao động v.v. Đời sống văn hóa ở cơ sở cũng tác động tích cực trở lại các mặt hoạt động khác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó đã được thực tiễn chứng minh. Ở những cơ sở có chủ ý

đến đời sống văn hóa của mọi người, phong trào thi đua học tập văn hóa, rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe, xây dựng nếp sống mới, văn nghệ quần chúng, đọc sách báo, nghe tin, nghe đài, giáo dục truyền thông, noi gương người tốt việc tốt... đã góp phần đắc lực vào việc nâng cao năng suất lao động, hiệu quả chiến đấu, chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, hạn chế các mặt tiêu cực. Trái lại, ở những cơ sở mà đời sống văn hóa bị "thả nổi" cho nên nghèo nàn và thấp kém, thì những tàn dư lối sống cũ và những nọc độc của văn hóa thực dân mới trở dậy, gây ảnh hưởng xấu, kim hãm và phá hoại đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Văn hóa cách mạng, văn hóa xã hội chủ nghĩa không chiếm ưu thế tuyệt đối thì văn hóa phản động, tư sản sẽ len vào, gây tai họa. Điều đó không có gì lạ.

Cho nên, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở không chỉ là vật chất hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động nước ta về văn hóa, mà còn là góp phần tạo ra kết quả tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng, đem lại những thành quả của chủ nghĩa xã hội ở cơ sở, từng bước tạo nên những con người mới, nền văn hóa mới cụ thể và sinh động ở từng cơ sở, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa của cả nước.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng và hợp quy luật của chủ nghĩa xã hội, mà hiện nay còn có ý nghĩa cấp bách nữa. Đó là vì đời sống văn hóa ở cơ sở nói chung còn nghèo nàn, sự chênh lệch trong mức hưởng thụ văn hóa giữa các dân tộc và các vùng dân cư còn quá lớn, nhiều cơ sở chỉ "xuân thu nhị kỳ" tổ chức vài hoạt động văn hóa có tính chất đột xuất, chiếu lệ. Có những bản, làng từ mấy năm nay chưa được xem chiếu bóng,

biểu diễn nghệ thuật. Có những nơi ngay cả sách báo, loa đài mang tiếng nói của cách mạng, của Đảng đến với nhân dân cũng quá thừa vãng, tạo nên những chỗ trống cho tệ tục cũ, hủ lậu, mê tín dị đoan, chiến tranh tâm lý của địch xâm nhập,

II — XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ LÀ XÂY DỰNG NHỮNG GÌ?

Đời sống văn hóa ở cơ sở của chúng ta phải là đời sống văn hóa xã hội chủ nghĩa, lành mạnh, tốt đẹp. Bản thân nó vừa là một mục tiêu, vừa là một động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở cơ sở. Do vậy, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở phải có *phương hướng* rõ ràng theo tinh thần và nội dung nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng: gắn chặt công tác tư tưởng và văn hóa với nhiệm vụ chính trị của cơ sở; nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, chú trọng tinh tư tưởng và hiệu quả phục vụ của nó, tránh khuynh hướng chạy theo số lượng và hình thức có tính chất khoa trương; giảm dần sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa của quần chúng nhân dân ở các vùng khác nhau trên đất nước ta; kiên quyết loại trừ văn hóa phản động, đồi trụy và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống văn hóa; phấn đấu để mỗi tỉnh, thành, quận, huyện đều có những đơn vị văn hóa tiên tiến; đặc biệt chú trọng các vùng có căn cứ cách mạng cũ, vùng có đông bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là xây dựng cho nó một *cơ cấu hợp lý*: có những hoạt động đều đặn, có bộ máy tốt, có các thiết chế văn hóa. Ba mặt này quan hệ khăng khít với nhau và tác động lẫn nhau.

Không có các thiết chế văn hóa, cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật cần thiết, như thư viện hay phòng đọc sách, nhà văn hóa, mạng lưới truyền thanh, v.v. thì khó mà mở rộng và nâng cao hiệu quả của các hoạt động văn hóa. Nhưng chỉ lo xây dựng nhà văn hóa cho to, phòng màn cho đẹp mà không có bộ máy vững vàng, và hoạt động văn hóa sôi nổi, thiết thực thì cũng không có được đời sống văn hóa ở cơ sở, các thiết chế văn hóa chẳng có tác dụng gì. Trong điều kiện kinh tế của ta hiện nay, cần tận dụng những cơ sở sẵn có, như hội trường, sân phơi..., kết hợp sản xuất động với bãi chiếu bóng v.v. cải tạo cái cũ, còn xây dựng cái mới thì phải tính toán cẩn thận, theo một quy hoạch thống nhất và theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ».

Cần có một bộ máy văn hóa vững mạnh ở cơ sở làm tham mưu đặc lực cho cấp ủy Đảng và chính quyền trong việc lập kế hoạch xây dựng đời sống văn hóa và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Xây dựng, củng cố cả đội ngũ văn hóa chuyên trách, nửa chuyên trách, lẫn đội ngũ hoạt động không chuyên nghiệp trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... Hiện nay, hầu hết các cơ sở chưa có một cán bộ chuyên trách về công tác văn hóa như các ngành y tế, giáo dục, mà chỉ có cán bộ nửa chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; đó là một điều không hợp lý, nhất là ở những cơ sở có địa bàn rộng, dân cư đông như xã, phường, công trường, nông trường...

Nói đến đời sống văn hóa ở cơ sở trước hết là nói đến những hoạt động văn hóa, đến những phong trào văn hóa của quần chúng ở cơ sở. Chính những hoạt động, những phong trào văn hóa này làm nên nội dung cơ bản, thật sự sinh động của đời sống văn hóa ở cơ sở.

Hoạt động văn hóa có rất nhiều loại, phong phú, đa dạng: giáo dục,

nâng cao kiến thức; thông tin cổ động; đọc sách báo; rèn luyện thân thể; chăm sóc sức khỏe, giữ gìn vệ sinh môi trường; xây dựng nếp sống mới; xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật; văn nghệ quần chúng; giáo dục truyền thống; giáo dục thâm mỹ v.v. Mỗi cơ sở không nhất thiết phải có ngay một lúc tất cả các mặt hoạt động này. Trong điều kiện hiện nay, cần chú ý nhiều đến việc xây dựng nếp sống mới, vì hoạt động này vừa có tính chất bức thiết vừa có khả năng thực hiện được ở mọi cơ sở. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Trong chặng đường trước mắt này, có những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về lối sống, về quan hệ giữa người và người, một xã hội trong đó nhân dân lao động cảm thấy hạnh phúc, tuy mức sống vật chất còn chưa cao ».

Những hoạt động văn hóa trên đây nếu được xây dựng thành phong trào quần chúng rộng rãi như phong trào thi đua « Hai tốt » trong giáo dục, phong trào phòng bệnh chống dịch, phong trào « 5 dứt điểm » trong y tế... thì đời sống văn hóa của nhân dân ở cơ sở càng được nâng cao và càng phục vụ đắc lực cho việc xây dựng cơ sở vững mạnh về mọi mặt.

III - CÁCH THỨC VÀ BIỆN PHÁP XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ

Việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đương nhiên phải sát hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng cơ sở. Việc này chủ yếu và trước hết phải do quần chúng nhân dân trực tiếp tiến hành dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và sự quản lý, tổ chức của chính quyền cơ sở, nghĩa là *do bản thân cơ sở lo liệu, chủ động tiến hành, không y lại và chờ đợi ở*

các cấp trên, tuy rằng trung ương, tỉnh, thành phố, quận, huyện đều có trách nhiệm đối với cơ sở.

Việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đòi hỏi có quy hoạch và kế hoạch đúng đắn, cụ thể. Vì vậy, cần *điều tra, nghiên cứu, nắm chắc tình hình và tiềm năng phát triển văn hóa ở cơ sở*, nắm chắc đối tượng hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa. Chính vì thế mà ngành văn hóa chủ trương đi sâu vào từng vùng, từng lĩnh vực khác nhau: thành thị, nông thôn, đồng bằng, miền núi, công nghiệp, nông nghiệp... Những cuộc điều tra vừa qua ở một số vùng cho thấy: rất ít địa phương, cơ sở nắm chắc thực trạng đời sống văn hóa của mình, cho nên nói chung là thật sự chưa có kế hoạch xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là một vấn đề mới mẻ nên cần *làm thử trước*. Trong thời gian trước mắt mỗi địa phương, mỗi ngành chủ quản nên tập trung chỉ đạo xây dựng một số ít cơ sở trọng điểm, đúc rút kinh nghiệm, xây dựng mô hình phổ biến và mô hình từng loại cơ sở để tiến đến triển khai rộng khắp việc xây dựng đời sống văn hóa ở các cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

Do đặc điểm về địa lý, về cơ cấu dân cư, về truyền thống văn hóa... của các cơ sở có khác nhau, cho nên *phương thức hoạt động văn hóa cũng phải linh hoạt, sát hợp với từng loại cơ sở ở từng vùng*. Chẳng hạn như đối với các cơ sở ở vùng đồng bằng sông Cửu-long nhiều kênh rạch, mô hình thức hoạt động thích hợp, có hiệu quả là « *Xuồng văn hóa* »: thuyền thông tin cổ động, thuyền sách, thư viện lưu động... Ở một số vùng núi cao thuộc biên giới phía bắc, nơi dân cư thưa thớt, việc sử dụng chợ phiên làm trung tâm hoạt động văn hóa là hợp lý và có hiệu quả cao. Cũng do thực trạng đời

sống văn hóa và điều kiện cụ thể của các cơ sở khác nhau cho nên các bước đi trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở cũng không nhất thiết phải giống nhau. Ở các vùng biên giới phía bắc, công tác thông tin cổ động có thể đi đầu, nhưng ở những cơ sở khác lại có thể bắt đầu gây dựng phong trào bằng xây dựng nếp sống mới, bằng giáo dục truyền thống hay bằng văn nghệ quần chúng v.v.

Mỗi hoạt động văn hóa (như sinh hoạt câu lạc bộ), mỗi phong trào văn hóa (như phong trào xây dựng nếp sống mới) cũng như toàn bộ đời sống văn hóa ở cơ sở không thể đạt kết quả tốt nếu không biết sử dụng biện pháp đồng bộ về kinh tế, hành chính, tổ chức, giáo dục, tư tưởng, văn hóa và sự cộng tác chặt chẽ của các ngành, các tổ chức quần chúng ở cơ sở.

Phục vụ việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, các cơ quan Nhà nước cần cố gắng khắc phục khó khăn, đưa nhiều sản phẩm văn hóa, nghệ thuật có chất lượng và thích hợp đến các cơ sở; các lực lượng văn hóa, văn nghệ chuyên nghiệp hãy phát huy vai trò nòng cốt của mình đối với phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở; tất cả các ngành, các cấp có trách nhiệm cần thường xuyên cử cán bộ xuống các cơ sở thiết thực phục vụ cơ sở theo chức năng của mình.

Sự chỉ đạo trực tiếp của cấp huyện đối với cơ sở là hết sức quan trọng. Vì vậy, phải tăng cường công tác văn

hóa ở cấp huyện, từ việc xây dựng, củng cố các cơ quan nghiệp vụ văn hóa, các cơ quan sản xuất, kinh doanh về văn hóa, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ, xây dựng các thiết chế văn hóa, các cơ sở vật chất cho văn hóa, các mạng lưới văn hóa, đến cách thức chỉ đạo, điều hành, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, phân phối, đưa sản phẩm văn hóa xuống cơ sở v.v.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân ta, là trách nhiệm chung của tất cả các ngành, trước hết là của các ngành: văn hóa, giáo dục, văn học, y tế, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng... Trong phạm vi phụ trách của mình, ngành văn hóa phân đấu làm tốt công tác văn nghệ quần chúng, thông tin cổ động, xây dựng nếp sống mới, hoạt động đọc sách báo, nghe tin, nghe đài, xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật... và hoạt động giáo dục truyền thống.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự cộng tác chặt chẽ của các ngành, các đoàn thể, các địa phương, và sự nỗ lực lớn của bản thân cơ sở, sự nghiệp xây dựng đời sống văn hóa trên đất nước ta nhất định sẽ chuyển biến mạnh mẽ và phát triển tốt, đáp ứng được yêu cầu mà Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng đã đề ra: "*Phấn đấu đến năm 1985 tất cả các đơn vị cơ sở ở nông thôn và thành thị đều có tổ chức và hoạt động văn hóa*".

Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ

CÔNG cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ trong những năm qua đã đạt được những kết quả đáng kể: tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, chia cấp 271 785 héc ta ruộng đất cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng; từng bước đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể, xây dựng 8528 tập đoàn sản xuất và 186 hợp tác xã (chiếm 15,5% số hộ nông dân và 11,5% diện tích ruộng đất), xây dựng 21 662 hộ đoàn kết sản xuất. Sản xuất nông nghiệp bước đầu được tổ chức lại, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường, sản phẩm nông nghiệp tăng lên, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

Những kết quả bước đầu đó đã đem lại cho nông dân niềm phấn khởi, tin tưởng vào chế độ mới. Thực tế mấy năm qua ở các tỉnh Nam-bộ chứng tỏ rằng muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì tất yếu phải cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, xóa bỏ mọi hình thức bóc lột theo

lối thực dân, phong kiến và tư sản, đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ còn có một số khuyết điểm. Trước hết là việc điều chỉnh ruộng đất làm chậm và không triệt để đã gây trở ngại không ít cho cuộc vận động nông dân vào hợp tác xã. Tình trạng bóc lột ở một số vùng nông thôn hiện nay vẫn còn rất nghiêm trọng. Đáng chú ý là có một số phần tử bóc lột mới mọc lên (trong đó có cả cán bộ đảng viên lợi dụng chức quyền chiếm đoạt ruộng đất, thuê mướn nhân công, cho vay nặng lãi...) chưa được ngăn chặn kịp thời và xử lý thích đáng. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp tiến hành chậm; chưa gắn chặt cải tạo với xây dựng, chưa kết hợp cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp; sự phân hóa giai cấp vẫn còn đang tiếp diễn; tư sản thành thị kết hợp với tư sản nông thôn

nắm phần lớn khối lượng tiền tệ và vật tư hàng hóa. Thêm vào đó, sự phá hoại nhiều mặt của bọn đế quốc và bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh làm cho cuộc đấu tranh giai cấp vốn đã gay go phức tạp lại càng gay go phức tạp thêm.

Những khuyết điểm, thiếu sót nói trên có nguyên nhân từ trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa thấp của cán bộ đảng viên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục lập trường cách mạng xã hội chủ nghĩa trong Đảng và trong quần chúng chưa tiến hành triệt để và thường xuyên, do đó một số cán bộ đảng viên không thích ứng với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, nhiều người tê liệt ý chí đấu tranh cách mạng. Trong nhiều trường hợp có những cán bộ đảng viên mơ hồ, không thấy rõ tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; một số khác, do không kiên định lập trường của Đảng, bị chi phối bởi những mối quan hệ không trong sáng, những động cơ không lành mạnh, đã chần chừ, do dự, không kiên quyết, thậm chí cản trở việc xóa bỏ các hình thức bóc lột, cản trở phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.



Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra nhiệm vụ: « Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ, từng bước phát huy tác dụng của hợp tác hóa đối với việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng nông thôn mới » (1).

Để phát huy mặt ưu điểm, đồng thời khắc phục những mặt còn chưa tốt, đưa công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Nam-bộ tiến lên đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, chúng ta cần nắm vững những tư tưởng quan điểm lớn của Đảng về công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ.

Nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ là nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp và thị trường, trước đây do giai cấp tư sản mại bản lũng đoạn, và ngày nay trong một phạm vi nhất định còn bị những phần tử tư sản thương nghiệp ở thành thị chi phối. Vì vậy, *cải tạo nông nghiệp phải gắn chặt với cải tạo công thương nghiệp, cải tạo thị trường nông thôn, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp.*

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là một cuộc đấu tranh giai cấp giữa những người lao động và các giai cấp bóc lột, là cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ. *Đối tượng chủ yếu là tư sản ở nông thôn và phú nông.* Chỗ dựa vững chắc là khối đoàn kết của nông dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đối với trung nông nói chung, phải có chính sách đúng đắn và giáo dục động viên họ đi vào làm ăn tập thể. Hình thức hợp tác hóa ban đầu thích hợp để thu hút trung nông là hợp tác xã quy mô nhỏ, bậc thấp — nghĩa là còn trả hoa lợi ruộng đất (tập đoàn sản xuất).

(1) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 66.

Trên cơ sở quản trịet sâu sắc tư tưởng chỉ đạo trên đây, các cấp, các ngành cần tập trung sức chuẩn bị và thực hiện tốt nhiệm vụ đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp ở Nam-bộ. Trước hết là hoàn thành dứt điểm việc điều chỉnh ruộng đất. Vấn đề ruộng đất là vấn đề cơ bản đối với nông dân, do đó, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ, việet gian phân động... đem chia cho nông dân cũng như điều chỉnh lại ruộng đất trong nội bộ nông dân nhằm xóa bỏ tận gốc các hình thức bóc lột theo kiểu thực dân phong kiến và làm cơ sở cho việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, là vấn đề rất quan trọng, không thể trì hoãn. Do đó phải: "Tiếp tục điều chỉnh ruộng đất để bảo đảm cho mọi người nông dân lao động đều có ruộng cấy: ở những nơi chưa có cải tạo, phải thực hiện ngay việc điều chỉnh ruộng đất, tạo tiền đề cho hợp tác hóa" (2).

Nhằm thực hiện chủ trương hoàn thành dứt điểm việc điều chỉnh ruộng đất, chúng ta cần nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn. Khẩn trương điều tra những hộ tư sản, phú nông và địa chủ còn chiếm hữu ruộng đất và bóc lột nông dân, giải thích chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động họ hiến ruộng; nếu họ không nghiêm chỉnh chấp hành thì trưng thu ruộng đất và để lại cho họ một phần diện tích thích ứng với khả năng lao động và đủ bảo đảm đời sống cho họ. Chúng ta phải có thái độ kiên quyết và có biện pháp tích cực đối với tầng lớp bóc lột này, theo đúng lời dạy của Lê-nin: "trong toàn bộ hoạt động ở nông thôn, các đảng

cộng sản phải hết sức chú ý đến cuộc đấu tranh chống tầng lớp xã hội này, chú ý làm cho đại đa số người lao động và bị bóc lột trong dân cư nông thôn thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng và chính trị của bọn bóc lột ấy, v.v." (3). Có như vậy, mới có thể xóa bỏ tận gốc các hình thức bóc lột thực dân phong kiến, mới bảo đảm đem lại ruộng đất cho người lao động.

Đối với trung nông, chúng ta phải có thái độ mềm dẻo trong việc giáo dục thuyết phục những hộ trung nông lớp trên nhường bớt số ruộng đất vượt quá sức lao động của gia đình họ. Trung nông thuộc tầng lớp những người lao động, do đó việc thuyết phục trung nông nhường ruộng là nằm trong lĩnh vực điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân.

Ngoài số ruộng đất của các tầng lớp xã hội nói trên, hiện nay ở nông thôn Nam-bộ còn các loại đất do cơ quan hoặc cán bộ đang sử dụng. Về nguyên tắc, các loại đất này phải đem chia cho nông dân. Song do yêu cầu sản xuất từ tức lương thực, tùy theo tình hình cụ thể của mỗi địa phương mà dành một phần ruộng đất để lại cho cơ quan, đơn vị hoặc cho kinh tế phụ gia đình cán bộ, phần còn lại sẽ đem chia thêm cho nông dân thiếu ruộng hoặc chưa có ruộng. Việc để lại một số đất đai thích hợp cho cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân cán bộ, công nhân, viên chức sản xuất là nhằm tận dụng sức lao động của tập thể và cá nhân, chứ tuyệt nhiên không phải để cho cơ quan, đơn vị hoặc cán bộ đem phát

(2) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 66.

(3) V.I. Lê-nin: *Tuyên ngôn*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, tr. 696.

canh thu tô, thuê mướn nhân công... bóc lột theo kiểu thực dân, phong kiến. Bước tiến của phong trào hợp tác hóa tiến nhanh hay chậm trước hết tùy thuộc vào việc giải quyết vấn đề ruộng đất. Do đó các cấp, các ngành cần có kế hoạch chỉ đạo hoàn thành dứt điểm việc điều chỉnh ruộng đất vào năm 1983.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và điều chỉnh ruộng đất ở các tỉnh Nam-bộ là hai vấn đề có quan hệ khăng khít với nhau. Điều chỉnh ruộng đất tốt là một bước đưa lại ruộng đất cho dân cày; xóa bỏ tàn dư bóc lột thực dân, phong kiến, tạo tiền đề cơ bản cho hợp tác hóa nông nghiệp. Đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể là phát huy tính tích cực của việc điều chỉnh ruộng đất, là vĩnh viễn xóa bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, thủ tiêu tính tư phát tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất nhỏ cá thể. Đem lại ruộng đất cho nông dân và đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể là một tất yếu khách quan của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vấn đề quan trọng là chúng ta phải xác định cho được hình thức tổ chức và bước đi vừa phù hợp với quá trình phát triển lâu dài của nền nông nghiệp hợp tác hóa, vừa có sức hấp dẫn đối với nông dân.

Chỉ thị số 19/CT - TƯ của Ban bí thư Trung ương Đảng đã nêu rõ: Trên cơ sở điều chỉnh ruộng đất và thiết lập quan hệ kinh tế trực tiếp giữa Nhà nước với nông dân, tập hợp rộng rãi các hộ nông dân vào tổ đoàn kết sản xuất theo từng ấp, dưới sự lãnh đạo của ban sản xuất ấp và hội

liên hiệp nông dân. Trong những năm trước mắt hình thức tổ đoàn kết sản xuất cần được áp dụng rộng rãi đối với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của nông dân. Thông qua hoạt động của tổ đoàn kết sản xuất mà giáo dục nông dân về chủ nghĩa xã hội, làm cho họ yêu quý lao động, căm ghét bọn bóc lột, bọn ngồi không ăn bám, nâng cao cảnh giác cách mạng, chống địch phá hoại kinh tế và gây rối trị an. Đây là bước tập dượt của nông dân để đi vào con đường làm ăn tập thể.

Cùng với việc phát triển mạnh mẽ, rộng rãi các tổ đoàn kết sản xuất, phải đẩy mạnh xây dựng các hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán — những tổ chức kinh tế mà người nông dân dễ dàng tiếp thu vì nó phù hợp với trình độ ban đầu của họ và đem lại lợi ích thiết thực cho họ. V.I. Lênin đã nói: «Bất cứ chế độ xã hội nào cũng chỉ nảy sinh với điều kiện là được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính» (1). Hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán là cái cầu nối liền giữa Nhà nước với nông dân trong việc cho vay vốn và tiêu thụ sản phẩm, phục vụ đời sống nhân dân, đồng thời tham gia tích cực vào việc đấu tranh chống bóc lột, cho vay nặng lãi, đầu cơ buôn lậu phá rối thị trường, tạo điều kiện cho việc xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Trên cơ sở tổ chức tốt các tổ đoàn kết sản xuất, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán mà cũng có một bước các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã hiện có và xây dựng mới ở những nơi có điều kiện.

(1) V.I. Lênin: *Sách đã dẫn*, tr. 806.

Tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa do nông dân lao động tự nguyện tham gia, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được sự giúp đỡ của Nhà nước. Xây dựng tập đoàn sản xuất (hợp tác xã cấp thấp) và tiến lên xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là một tất yếu khách quan của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Quá trình đó chuyển biến nhanh hay chậm là tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và sự hoàn thiện về tổ chức quản lý. Vấn đề quan trọng là phải đấu tranh « khắc phục xu hướng chần chừ, do dự, thiếu tích cực trong việc chỉ đạo phong trào hợp tác hóa, đồng thời tránh nóng vội, giản đơn làm ồ ạt và nặng về hình thức » (5).

Để củng cố một bước các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã hiện có, và xây dựng tập đoàn sản xuất mới ở những nơi có điều kiện, trước hết, phải đẩy mạnh kiểm tra việc *tập thể hóa ruộng đất và tư liệu sản xuất* khác trong các tập đoàn sản xuất nhằm củng cố, nâng cao một bước chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa. Đây là một cái mốc quan trọng để phân biệt sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Tính ưu việt của tập đoàn sản xuất là sử dụng một cách có hiệu quả tư liệu sản xuất và sức lao động đã được tập thể hóa, nhằm tạo ra năng suất lao động cao hơn và khối lượng sản phẩm lớn hơn so với làm ăn cá thể. Muốn vậy, các tập đoàn sản xuất phải xác định đúng *phương hướng sản xuất, mở rộng kinh doanh, phát triển*

ngành nghề, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng các *tiến bộ kỹ thuật*, đẩy mạnh thâm canh, tăng cường công tác quản lý và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động.

Song song với việc củng cố các tập đoàn sản xuất, phải củng cố các tập đoàn và tổ hợp máy kéo. Khuyến khích phát triển các hình thức liên doanh, liên kết kinh tế giữa các tập đoàn sản xuất với nhau, liên doanh giữa các tập đoàn, tổ đoàn kết sản xuất và tổ máy trên các lĩnh vực sản xuất, chế biến, lưu thông, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật...

Trên cơ sở củng cố tốt các tập đoàn sản xuất hiện có mà mở rộng và phát triển tập đoàn sản xuất ở những nơi có điều kiện.



Để thực hiện thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở nông thôn Nam-bộ, cần có sự chuyển biến sâu sắc về công tác tổ chức và công tác cán bộ, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực điều hành của các cấp chính quyền, phát động phong trào thi đua sôi nổi trong quần chúng nông dân.

Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế tập thể, nhất là ở cơ sở và huyện. Tiến hành lựa chọn cán bộ từ những người nông dân chí cốt và tiên tiến trong phong trào quần chúng để đào tạo bồi dưỡng. Vấn đề quan trọng là phải có chương trình và kế hoạch đào tạo thích hợp với

(5) *Vấn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 66.

từng loại cán bộ, nhằm đem lại hiệu quả thiết thực và nhanh chóng có đội ngũ cán bộ đồng bộ, đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Đề huyện có đủ sức chỉ đạo phong trào hợp tác hóa, cần củng cố và tăng cường cấp huyện, xây dựng cho được một *hệ thống tổ chức kinh tế - kỹ thuật và phân phối lưu thông* theo cơ cấu kinh tế của huyện, nhằm giúp sức cho phong trào hợp tác hóa, phát triển sản xuất, xây dựng quan hệ kinh tế trực tiếp với nông dân, đấu tranh có hiệu quả với tư thương. Trước hết, kiện toàn lại Ủy ban nhân dân huyện: coi trọng việc tăng cường cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ tổ chức quản lý và nghiệp vụ chuyên môn khá, nhằm bảo đảm cho huyện có được một đội ngũ cán bộ đồng bộ đủ sức quản lý kinh tế, quản lý hành chính và làm tốt công tác cải tạo nông nghiệp.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là vấn đề hết sức khó khăn phức tạp đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Xây dựng các tổ chức Đảng vững mạnh lãnh đạo có hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp ở tỉnh, huyện và cơ sở. Việc cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ phải được xác định là nhiệm vụ *trung tâm thường xuyên* của các cấp ủy địa phương và đặt dưới sự chỉ đạo thường xuyên của Ban bí thư và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng. Các cấp ủy Đảng cần có kế hoạch cụ thể củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức

tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chỉ thị nghị quyết của Đảng. Thông qua phong trào hợp tác hóa mà rà xét lại hàng ngũ đảng viên, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất, không nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, và kết nạp vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Đề đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ tiến lên một cách vững chắc, cần có sự tham gia tích cực của các cấp, các ban, ngành, các đoàn thể quần chúng. Tùy theo nhiệm vụ chức năng của mỗi ngành mà đề ra kế hoạch phục vụ công tác cải tạo nông nghiệp một cách thiết thực, có hiệu quả.

Các cấp, các ngành tăng cường kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các chính sách như chính sách thuế, chính sách thu mua, giá cả, chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp ở nông thôn..., đồng thời nghiên cứu đề xuất với Đảng và Nhà nước những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong chính sách hiện hành hoặc đề nghị ban hành chính sách mới thích hợp nhằm thúc đẩy phong trào hợp tác hóa tiến lên.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Nam-bộ là sự nghiệp chung của giai cấp nông dân, giai cấp công nhân và của nhân dân cả nước. Nó đòi hỏi trong thời gian tới phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành và sự giúp đỡ về nhiều mặt của Nhà nước

Kinh tế gia đình

TRƯỜNG - SƠN

I - SỰ TỒN TẠI TẤT YẾU CỦA KINH TẾ GIA ĐÌNH

Gia đình không chỉ là một tổ chức xã hội mà còn là một tổ chức kinh tế, một đơn vị sản xuất và tiêu dùng, một hình thức của phân công lao động. Kinh tế gia đình gắn liền với gia đình, xuất hiện, tồn tại và phát triển cùng với sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của gia đình.

Xã hội loài người phát triển thì kinh tế quốc dân phát triển và kinh tế gia đình cũng phát triển theo với nội dung và hình thức ngày càng đa dạng và phong phú. Giữa kinh tế gia đình và kinh tế quốc dân có mối quan hệ tác động qua lại. Một bộ phận lớn của thu nhập quốc dân được tiêu dùng trong kinh tế gia đình để tái sản xuất sức lao động. Trong lĩnh vực kinh tế gia đình cũng tích lũy những phương tiện để rồi sau đó chuyển sang lĩnh vực kinh tế quốc dân.

Trong điều kiện sản xuất còn mang tính chất tự nhiên, tự túc tự cấp và trong sản xuất hàng hóa nhỏ, kinh tế gia đình được biểu hiện trước hết là một đơn vị sản xuất (với tính cách là kinh tế theo ý nghĩa đầy đủ của nó) chứ không phải chỉ là một đơn

vị tiêu dùng. Ở các nước có nền kinh tế phát triển, hoạt động sản xuất của kinh tế gia đình không phải là quyết định, có khi còn gọi là kinh tế « phụ » gia đình, vì ở đây phần thu nhập từ kinh tế gia đình (chiếm từ 30 đến 40% tổng thu nhập) thường nhỏ hơn phần thu nhập từ kinh tế quốc dân. Hoặc có khi người ta còn gọi đó là kinh tế « phụ » cá nhân, vì ở đây chỉ là một bộ phận kinh tế nhỏ dựa trên lao động của cá nhân, là nguồn thu nhập bổ sung của người lao động, còn phần kinh tế chủ yếu là dựa trên lao động tập thể và là nguồn thu nhập chính của người lao động.

Dưới chủ nghĩa xã hội, kinh tế gia đình không phải là một thành phần kinh tế « tư nhân » hay « cá thể », mà là một bộ phận của nền kinh tế xã hội. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm ba khu vực: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Do đó, « kinh tế gia đình là một bộ phận của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa » (Bách khoa toàn thư Liên-xô).

Dưới chủ nghĩa xã hội, kinh tế gia đình mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Trong nền nông nghiệp xã hội chủ

nghĩa, kinh tế nông nghiệp quốc doanh (nông trường quốc doanh) và kinh tế nông nghiệp tập thể (nông trang hay hợp tác xã) đóng vai trò chủ đạo, kinh tế gia đình làm chức năng bổ sung khá lớn vào việc sản xuất rau tươi, hoa quả, thịt, trứng, sữa và nhiều thực phẩm khác (mà kinh tế nông nghiệp quốc doanh và tập thể chưa sản xuất đủ) để cung cấp cho tiêu dùng gia đình và cung cấp cho xã hội.

Ở Liên-xô, kinh tế gia đình hiện nay đang còn cung cấp cho nhân dân 26% nho, 29% len, 29% mật ong, 50% khoai tây... Nói chung kinh tế gia đình ở Liên-xô chiếm khoảng 25-27% sản lượng nông nghiệp và 30% tổng thu nhập của các gia đình nông trang viên. Ở Hung-ga-ri, kinh tế gia đình cung cấp 25% thịt bò và thịt cừu, hơn 50% thịt lợn, 40% sữa, hơn 60% trứng, khoảng 40% nho và trái cây khác, 40% rau xanh... Ở một số nước khác cũng có tình hình tương tự như vậy.

Ở nước ta, kinh tế gia đình hiện đang cung cấp hơn 90% rau, quả, thịt, trứng, cá, 30-40% quỹ lương thực, một phần hàng tiêu dùng cho xã hội. Kinh tế gia đình, do đó, đã mang lại 50-60% thu nhập của xã viên hợp tác xã nông nghiệp, 10-20% thu nhập của nhiều gia đình công nhân viên chức. Ở nông thôn, có những mảnh vườn chỉ 1 sào đất hàng năm thu hoạch nông sản đáng giá vài chục nghìn đồng, một ao nhỏ hàng năm cũng đem lại một sản lượng cá

đáng giá hàng nghìn đồng. Những vườn trồng cây ăn quả và trồng cây làm thuốc giá trị kinh tế thu được còn rất cao. Nói chung, làm kinh tế vườn thu hoạch nhiều gấp 4-5 lần so với cùng một diện tích làm ruộng. Nhiều gia đình nông dân thu hoạch trên đất 5% đã bằng 60-70% sản phẩm thu được của tập thể phân phối. Một gia đình công nhân viên chức, chỉ nuôi gà hoặc nuôi lợn, hằng tháng cũng thu nhập thêm được từ vài trăm đồng trở lên...

Phát triển kinh tế gia đình như trên là một cách khai thác có hiệu quả cao tiềm năng của đất đai, lao động để làm ra được thêm nhiều của cải cho xã hội, tăng thu nhập cho gia đình xã viên và tiết kiệm vốn đầu tư của Nhà nước và của tập thể. Hơn nữa, phát triển kinh tế gia đình còn là một yêu cầu bức thiết của mọi nhà và mọi người. Ở nông thôn, hoạt động kinh tế gia đình bổ sung một cách có hiệu quả cho bữa ăn hằng ngày của người nông dân, tiền tiêu cho mua sắm vật dụng, xây dựng, đi lại và học hành cho gia đình và con cái. Ở thành thị, với mức lương hiện nay, gia đình nào cũng thấy cần có một việc làm thêm (như làm gia công may mặc, đan hàng xuất khẩu, làm bao bì, hoặc chăn nuôi...) mới có đủ thu nhập để sinh sống chính đáng.

Mọi hành động và ý nghĩ xem nhẹ đi đến hạn chế phát triển kinh tế gia đình đều trái với sự tồn tại tất yếu của kinh tế gia đình dưới chủ nghĩa xã hội.

II - CƠ CẤU KINH TẾ GIA ĐÌNH THÍCH HỢP

Ở nông thôn, cơ cấu kinh tế gia đình phổ biến là trồng cây, nuôi cá, chăn nuôi gia súc, gia cầm và làm các ngành nghề thủ công. Trồng cây giữ một vị trí then chốt trong kinh tế

vườn, nó không những đem lại nguồn thu nhập lớn cho gia đình mà còn góp phần bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái. Nếu trong 10 năm tới, mỗi gia đình nông thôn trồng được 100

cây, thì cả nước sẽ có thêm 1 tỷ cây tương đương với 50 vạn ha rừng. Nên bố trí một cơ cấu cây trồng thích hợp để tận dụng được bề rộng mặt đất và chiều cao không gian. Trồng theo phương pháp nông lâm kết hợp, có cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lấy gỗ, lấy củi, xen cây dài ngày và ngắn ngày để thu được nhiều loại sản phẩm quanh năm. Nếu vườn nhà nào cũng trồng một «khóm thuốc» gia đình sẽ nhanh chóng thực hiện được mục tiêu trồng và sử dụng thuốc ta ở quy mô xã, huyện, và sẽ có đủ thuốc để giải quyết việc phòng và chữa những bệnh thông thường ở địa phương.

Nhà có ao kinh doanh theo kiểu nhiều tầng: dưới nước nuôi cá, mặt nước thả bèo, chung quanh bờ (giáp mép nước) trồng khoai nước, trên bờ ao trồng cây ăn quả, trồng bầu bí cho leo giàn bắc trên mặt ao..., thu hoạch nhiều thứ, lợi lớn, đúng như ông cha ta đã tổng kết: «thuốc ao hơn sào ruộng», «thứ nhất canh tri (kinh doanh ao) thứ nhì canh viên» (làm vườn).

Thực tế cho thấy ở nhiều địa phương, dân lợn duy trì và phát triển được chủ yếu là nhờ chăn nuôi gia đình. Phát triển chăn nuôi gia đình, không những là phương hướng quan trọng của kinh tế gia đình, mà còn là biện pháp tích cực góp phần cân đối chăn nuôi với trồng trọt. Mỗi gia đình cần phân dẫu nuôi 2 - 3 con lợn, vài chục con gà, và nếu có điều kiện thì nuôi thêm trâu, bò, dê, thỏ, nuôi ong...

Ở các vùng có nghề thủ công phát triển, nguồn thu nhập từ thủ công nghiệp có thể chiếm trên dưới 1/3 trong tổng thu nhập của kinh tế gia đình. Cho nên, gia đình nào cũng nên tìm cách làm thêm nghề thủ công. Các nghề phổ biến mà các gia đình có thể làm là sơ chế hoặc chế biến nông sản, được liệu sản xuất hàng tiêu dùng thông thường và hàng thủ công xuất khẩu.

Cơ cấu kinh tế gia đình ở miền núi có thể bao gồm: «vườn rừng», vườn trồng cây đặc sản để khai thác tiềm năng của rừng; chăn nuôi trâu bò, ngựa, dê, nuôi ong; khôi phục, phát triển và cải tiến kỹ thuật các nghề kéo sợi, dệt vải, dệt thổ cẩm; khai thác, chế biến lâm sản và đặc sản rừng.

Kinh tế gia đình ở thành thị chủ yếu là kinh tế công nghiệp, trước hết là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Các gia đình có thể nhận làm gia công từng chi tiết hoặc nửa thành phẩm cho hợp tác xã và xí nghiệp, cũng có thể tổ chức sản xuất hoàn chỉnh những sản phẩm đơn giản, ít công đoạn. Các ngành công nghiệp như dệt, may mặc, cơ khí tiểu dùng, gia công chất dẻo, sản xuất hàng xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất bao bì... có nhiều loại sản phẩm có thể gia công cho gia đình làm rất thuận tiện. Hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp tại gia đình không những ở những nước như nước ta còn sản xuất nhỏ mới cần thiết mà ngay ở các nước công nghiệp tiên tiến cũng sử dụng rộng rãi, vì rất kinh tế, tận dụng được lao động, đỡ tốn đầu tư của Nhà nước, tiết kiệm diện tích nhà xưởng mà vẫn sản xuất được những sản phẩm có chất lượng cao. Phát triển công nghiệp theo «cơ cấu hai tầng» (xí nghiệp và gia công cho gia đình) cũng là một hướng quan trọng làm cho nền kinh tế của một số nước phát triển nhanh và tiết kiệm.

Ngoài ra ở các thành phố có nhiều vườn như thành phố Hồ-Chí-Minh, thành phố Đà-lạt, thành phố Huế... cũng có thể phát triển kinh tế vườn, chủ yếu là trồng cây ăn quả.

Hiện nay một số gia đình công nhân viên chức ở các thành phố có nuôi lợn để tăng thêm thu nhập. Trước mắt, vì đời sống quá khó khăn, chính sách tiền lương chưa cải tiến, nên không hạn chế, nhưng về lâu dài thì không nên phát triển theo hướng

này, vì có nhiều tác hại, ảnh hưởng không tốt đến vệ sinh môi trường ở thành phố.

Kinh tế gia đình bao gồm cả hai lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng, mà lĩnh vực tiêu dùng là phổ biến, vì mọi nhà đều tiêu dùng và phần lớn hàng hóa sản xuất ra đều tiêu dùng tại các gia đình. Cho nên nói đến kinh tế gia đình còn phải nói đến tiết kiệm. Tiết kiệm không chỉ là quốc sách mà còn là yêu cầu của từng gia đình. Nội dung tiết kiệm trong

kinh tế gia đình có thể quy vào ba hướng: *Một là*, sinh đẻ có kế hoạch (mỗi gia đình chỉ nên có một, hai con) sẽ tiết kiệm được nhiều thứ cho gia đình và xã hội. *Hai là*, tiết kiệm điện, nước, giữ gìn cẩn thận, sửa chữa kịp thời nhà cửa và các đồ dùng trong nhà nhằm kéo dài tuổi thọ, bảo đảm sử dụng lâu dài. *Ba là*, tích cực gửi tiền tiết kiệm và chi tiêu có kế hoạch nhằm tổ chức tốt đời sống gia đình trong điều kiện mức sống còn thấp, và giữ được nếp sống văn minh.

III - KHUYẾN KHÍCH VÀ GIÚP ĐỠ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH

Kinh tế gia đình, như trên đã nói, rất quan trọng. Đặc biệt, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta nó lại càng quan trọng, vì sản xuất nhỏ còn phổ biến, điều kiện để phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể còn bị hạn chế. Hiện nay các nước xã hội chủ nghĩa đều coi phát triển kinh tế gia đình là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội thứ V của Đảng ta đã chỉ rõ: « Phải khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế gia đình, bảo đảm kinh tế gia đình thực sự là bộ phận hợp thành của kinh tế xã hội chủ nghĩa » (1). Để thực hiện nghị quyết đó, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội sắp tới, cùng với phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, cần hết sức khuyến khích phát triển kinh tế gia đình.

Không sợ phát triển kinh tế gia đình sẽ lấn át kinh tế tập thể. Ngược lại, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển đúng hướng sẽ bổ sung một cách có hiệu quả cho kinh tế tập

thể, làm cho mọi người yên tâm tham gia kinh tế tập thể, gắn bó với kinh tế tập thể. Vấn đề là phải biết kết hợp một cách hài hòa giữa kinh tế gia đình với kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh. Ví dụ: Thực hiện chế độ khoán mới trong trồng trọt, hợp tác xã quản lý chung và bảo đảm làm tốt các khâu tập thể đảm nhận, tạo điều kiện cho xã viên làm tốt các khâu nhận khoán đến sản phẩm cuối cùng. Trong khoán chăn nuôi, hợp tác xã làm tốt khâu giống, chăm lo thú y, chế biến một phần quan trọng thức ăn để cung cấp cho gia đình nhận khoán nuôi lợn thịt cho tập thể. Các gia đình còn có thể nhận khoán khai hoang, nhận khoán trồng và tu bổ rừng... Về sản xuất công nghiệp, các xí nghiệp và hợp tác xã có thể khoán cho các gia đình làm gia công các chi tiết hoặc nửa thành phẩm rồi đem về lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh...

(1) Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong năm năm 1981 — 1985 và những năm 80. *Tạp chí Cộng sản*, số 4 — 1982, tr. 103.

Trong quy hoạch xây dựng nông thôn (kể cả ngoại thành) trước mắt cũng như lâu dài cần dành cho mỗi gia đình một cái vườn với diện tích thích hợp để phát triển kinh tế gia đình. Ở các nông trường cần thực hiện chủ trương tạm cấp đất cho cán bộ công nhân làm nhà ở, làm vườn. Ở miền núi, kết hợp giao đất, giao rừng với phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời, hướng dẫn các gia đình, quy hoạch, cải tạo và xây dựng mảnh vườn theo đúng quy cách, vừa đem lại hiệu quả cao, vừa làm cảnh đẹp cho gia đình.

Nhà nước, các xí nghiệp và hợp tác xã có chính sách giúp đỡ kinh tế gia đình phát triển như: cho vay vốn, cung cấp giống, thức ăn gia súc, các vật tư và công cụ sản xuất cần thiết, hướng dẫn kỹ thuật. Các cơ quan có trách nhiệm cần đi sát cơ sở nghiên cứu tạo ra các hình mẫu về kinh tế gia đình, về liên kết kinh tế giữa kinh tế gia đình, kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh, bảo đảm cho ba

bộ phận này kết hợp hài hòa và phát triển có hiệu quả.

Sản phẩm của kinh tế gia đình chủ yếu là để tiêu dùng trong gia đình, nhưng cũng có một phần thừa để trao đổi. Cho nên Nhà nước cần có chính sách thuế và giá cả thích hợp, đồng thời tổ chức tốt các chợ nông thôn và cải tiến hoạt động của các hợp tác xã mua bán để khuyến khích kinh tế gia đình phát triển, làm ra nhiều sản phẩm.

Trước mắt, nên giao cho Bộ nông nghiệp và Liên hiệp xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trung ương chủ trì phối hợp với các bộ, các ngành liên quan giúp Hội đồng bộ trưởng chỉ đạo hướng dẫn việc phát triển kinh tế gia đình.

Khuyến khích và giúp đỡ kinh tế gia đình phát triển gắn liền với tập trung trí tuệ và sức lực giải quyết tốt các khâu yếu hiện nay trong quản lý kinh tế của Nhà nước và tập thể là một hình thức giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

BỒI DƯỠNG VÀ PHÁT HUY Ý CHÍ QUYẾT CHIẾN QUYẾT THẮNG CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

ĐẶNG-VŨ-HIỆP

7 HÃNG lợi oanh liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng là thắng lợi nổi bật của ý chí quyết chiến, quyết thắng của các lực lượng vũ trang nhân dân, của toàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta. Ý chí quyết chiến quyết thắng sắt đá của các lực lượng vũ trang nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là một trong những yếu tố quan trọng nhất để chiến thắng. Đường đầu với tên đế quốc mạnh và tàn bạo nhất thế giới, nếu không có ý chí quyết chiến, quyết thắng, được tạo nên bởi một chất liệu đặc biệt, thì khó mà chiến thắng chúng được. Ý chí ấy trước hết là biểu hiện cao nhất của tư tưởng « Không có gì quý hơn độc lập tự do » mà Hồ Chủ tịch đã nêu ra. Nó còn là biểu hiện tập trung và cụ thể lập trường cách mạng kiên quyết và triệt để của giai cấp công nhân, tư tưởng cách mạng tiến công của

Đảng, là sự kế thừa và phát huy lên đỉnh cao mới truyền thống anh hùng bất khuất trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt-nam, truyền thống quyết chiến quyết thắng đã được xây dựng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Sức mạnh của ý chí quyết chiến, quyết thắng ấy nói rõ yếu tố quyết định của con người trong chiến tranh.

Việc bồi dưỡng ý chí quyết chiến, quyết thắng của lực lượng vũ trang nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tiến hành rất công phu. Đó là một quá trình giáo dục chính trị, tư tưởng thường xuyên, liên tục lâu dài cả về bề rộng và chiều sâu, có nội dung phong phú, sâu sắc, thiết thực, gắn liền với công tác tổ chức khoa học rộng lớn, sinh động, bền bỉ, tỉ mỉ nhằm thực hiện những mục tiêu cụ thể từng thời kỳ và cuối cùng để đạt tới mục tiêu chung của toàn bộ cuộc chiến tranh.

Thấu suốt đường lối cách mạng và đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng là yêu cầu cơ bản nhất để bồi dưỡng ý chí quyết chiến, quyết thắng.

Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Chỉ có thấu suốt đường lối của Đảng, các lực lượng vũ trang nhân dân mới có chỗ dựa vững chắc và phương hướng chính xác, nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng. Ví thế, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta đã rất chú trọng giáo dục cho lực lượng vũ trang nhân dân nắm vững đường lối cách mạng của Đảng, coi đây là nhiệm vụ chủ yếu và quan trọng bậc nhất, phải làm thường xuyên.

Chúng ta đã làm cho lực lượng vũ trang nhân dân nhận thức sâu sắc những nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền, nhất là thấy rõ mối quan hệ hữu cơ, mật thiết không thể tách rời giữa những nhiệm vụ đó. Muốn bảo vệ vững chắc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nhất thiết phải đánh thắng Mỹ - nguy, giải phóng miền Nam; muốn giải phóng được miền Nam tiến tới thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải bảo vệ được miền Bắc, phải xây dựng miền Bắc ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đủ sức làm hậu phương lớn của chiến tranh, làm căn cứ địa cách mạng của cả nước. Đồng thời, chúng ta cũng chú trọng giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ ta về nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, làm cho cán bộ chiến sĩ ta luôn luôn có nhận thức đúng đắn và tình cảm trong sáng về mối quan hệ có tính chất chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của ba nước, về mối quan hệ hữu nghị đặc

biệt thân thiết giữa ba nước, ba dân tộc trên bán đảo Đông-dương, thấy rõ sự gắn bó khăng khít giữa nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, chiến đấu giành độc lập, tự do cho dân tộc mình phải đi đôi với làm tròn nghĩa vụ quốc tế vẻ vang, hiểu sâu sắc giúp bạn cũng là tự giúp mình.

Để hiểu một cách cụ thể đường lối của Đảng, thông qua việc học tập, nghiên cứu các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Bộ chính trị, chúng ta đã thường xuyên giáo dục cho các lực lượng vũ trang nhân dân nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tình hình và nhiệm vụ của mỗi miền trong từng thời kỳ, mục tiêu chiến lược trong suốt cuộc chiến tranh và quyết tâm chiến lược trong từng giai đoạn, nhiệm vụ chung của lực lượng vũ trang cả nước. Từ đường lối và nhiệm vụ cách mạng chung, chúng ta giáo dục nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quân sự của từng chiến trường và địa phương, từng quân chủng, binh chủng, từng đơn vị trong mỗi giai đoạn, từ đó xác định quyết tâm cụ thể của từng đơn vị.

Việc giáo dục, bồi dưỡng còn đi vào các quan điểm cơ bản của Đảng nhằm làm cho các lực lượng vũ trang nhân dân có cơ sở lý luận để hiểu sâu sắc đường lối và nhiệm vụ cách mạng, như quan điểm bạo lực cách mạng, cách mạng tiến công, chiến lược tiến công, quan điểm chiến tranh nhân dân, quan điểm căn cứ, tự lực tự cường, quan điểm quần chúng, quan điểm làm chủ, quan điểm đánh lâu dài đồng thời tranh thủ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn...

Đi đôi với việc giáo dục những nhận thức đúng đắn, cơ bản, chúng ta đã kịp thời uốn nắn những nhận thức và tư tưởng không đúng của bộ đội như ngại lâu dài, gian khổ, ác liệt, tính toán cá nhân hơn tập thể,

không yêu mến, gần bó với chiến trường, ảo tưởng hòa bình, buông lơi cảnh giác khi có tình hình vừa đánh vừa đàm...

Lòng yêu nước nồng nàn, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh ruột thịt Bắc — Nam, truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc và chí căm thù giặc sâu sắc là cơ sở tinh cảm cách mạng mạnh mẽ đề nâng cao ý chí quyết chiến quyết thắng.

Đây thật sự là một sức mạnh cực kỳ to lớn, góp phần quyết định tạo nên ý chí sắt đá ấy. Vì thế, chúng ta đã hết sức quan tâm giáo dục cho lực lượng vũ trang nhân dân lòng yêu quý đất nước, yêu làng xóm quê hương, yêu quý miền Bắc xã hội chủ nghĩa, quyết tâm chiến đấu bảo vệ miền Bắc, ra sức góp phần đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội trong mọi hoàn cảnh. Chúng ta đã đặc biệt giáo dục cho lực lượng vũ trang nhân dân lòng thương quý miền Nam ruột thịt. Những lời dạy của Bác Hồ kính yêu « Nước Việt-nam là một, dân tộc Việt-nam là một, không ai được xâm phạm đến quyền thiêng liêng ấy của nhân dân ta » (1), « thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ » (2), « Không có gì quý hơn độc lập tự do » (3), « Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước » (4), « Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi » (5) v.v. đã ăn sâu vào trái tim khối óc và trở thành tinh cảm thiêng liêng, thành lời thề quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của toàn thể cán bộ chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Bằng cả lý trí và tình cảm, toàn quân ta đã hiểu sâu sắc rằng mất nước là mất tất cả.

Lòng yêu nước của các lực lượng vũ trang nhân dân ta không phải chỉ

được hiểu như một khái niệm trừu tượng, một lời nguyện ước chung chung, cũng không phải chỉ dừng lại trên mặt nhận thức, mà được biểu hiện rất cụ thể, sinh động trong thực tế, bằng lòng yêu thương thiết tha từng mảnh đất của Tổ quốc, quý mến gần bó ruột thịt với nhân dân nơi mình chiến đấu, bằng quyết tâm làm tròn mọi nhiệm vụ được giao. Khi bồi dưỡng lòng yêu nước cho lực lượng vũ trang nhân dân, chúng ta đã chú ý làm cho cán bộ chiến sĩ hiểu rõ những nét tinh hoa, những tấm gương sáng chói, những truyền thống yêu nước nồng nàn của đồng bào các dân tộc ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, hiểu rõ truyền thống đấu tranh bất khuất và lịch sử vẻ vang của các địa phương, những đặc điểm nổi bật cao quý của con người và vùng đất của từng chiến trường, đồng thời thấy rõ lòng yêu nước ngày nay gắn liền với lòng yêu chủ nghĩa xã hội. Từ đó, các lực lượng vũ trang nhân dân biết yêu thương tôn trọng nhân dân các dân tộc nơi mình chiến đấu, yêu mến nơi mình hoạt động, gần bó với chiến trường. Lòng yêu nước chân chính của các lực lượng vũ trang nhân dân ta còn luôn luôn gắn liền và thống nhất với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng thủy chung, đoàn kết chiến đấu với quân và dân Lào, quân và dân Cam-pu-chia anh em, yêu mến nhân dân bạn như nhân dân mình. Do đó, khi được phân công, cán bộ chiến sĩ ta quyết tâm làm tròn nhiệm vụ và đi bất cứ nơi nào Tổ quốc cần đến, không chọn lựa.

(1) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập, vì tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1970. tr. 273.

(2) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1980. tập 1, tr. 403.

(3) Hồ-Chí-Minh: *Lời kêu gọi ngày 17-7-1966*. Tạp chí *Học tập*, số 8-1966. tr. 2.

(4) *Lịch sử Việt-nam*. Nxb Khoa học xã hội. Hà-nội. 1976. tr. 9.

(5) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1980. tập 2, tr. 505.

không so sánh phân biệt nơi này, nơi khác.

Lòng căm thù giặc cũng là một yếu tố hết sức quan trọng tạo nên sức mạnh chiến đấu, là một động lực trực tiếp của ý chí quyết chiến quyết thắng. Quân đội ta chỉ có thể chiến thắng khi biết căm thù kẻ địch với tất cả sức mạnh của lý trí và tình cảm. Theo sự phát triển biện chứng, lòng căm thù địch sâu sắc lại nảy sinh từ lòng yêu nước nồng nàn, yêu cuộc sống, yêu chế độ mới; lòng yêu quê hương đất nước càng nồng thắm và rộng lớn bao nhiêu thì chí căm thù giặc càng sâu sắc bấy nhiêu và ngược lại.

Những năm tháng đánh Mỹ, đi đòi với giáo dục lòng yêu Tổ quốc, chúng ta đã rất quan tâm bồi dưỡng cho cán bộ chiến sĩ ta lòng căm thù giặc sâu sắc. Chúng ta không chỉ dừng ở chỗ tố cáo những tội ác «trời không dung, đất không tha» của Mỹ — nguy mà điển hình là các vụ tàn sát đẫm máu đồng bào ta ở Phú-lợi, Sơn-mỹ, Ba-làng-an v.v., mà còn đi sâu phân tích bản chất xấu xa, thối nát của chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ áp bức và bóc lột giai cấp, nguồn gốc của mọi cuộc chiến tranh xâm lược, đặc biệt làm rõ bản chất xảo quyệt, tàn bạo của đế quốc Mỹ, tính chất phản động, nguy hiểm của chủ nghĩa thực dân mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội mà đế quốc Mỹ đã thực hiện ở miền Nam.

Chúng ta đã phân tích kỹ âm mưu cơ bản lâu dài của đế quốc Mỹ là tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân ta ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, thôn tính và biến miền Nam nước ta thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ, và từ đó uy hiếp, tiến công miền Bắc. Chúng ta đã chỉ rõ tính chất cuộc chiến tranh của Mỹ là cuộc chiến tranh xâm lược vô cùng tàn bạo và xảo quyệt, quân đội viễn chinh Mỹ là một

đội quân cướp nước nhà nghề, là đối tượng tác chiến chiến lược cần phải đánh bại của các lực lượng vũ trang nhân dân ta trên chiến trường.

Đồng thời, chúng ta cũng làm cho toàn quân ta nhận rõ bản chất tay sai bán nước và tàn ác của nguy quân, nguy quyền Sài-gòn. Bọn nguy quyền là đại biểu lợi ích của giai cấp địa chủ phong kiến và tư sản mại bản khoác áo dân tộc, dân chủ giả hiệu, chúng chỉ là bù nhin và tay sai trung thành của đế quốc Mỹ, cam tâm bán nước ta cho Mỹ. Quân nguy Sài-gòn chỉ là đội quân đánh thuê cho Mỹ, được Mỹ nặn ra, duy trì, nuôi dưỡng, huấn luyện và chỉ huy.

Tự hào chính đáng về đất nước và nhân dân anh hùng, căm thù giặc sâu sắc, cán bộ và chiến sĩ ta đều hiểu rằng chỉ có một con đường duy nhất là chiến đấu đến cùng đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào.

Không ngừng củng cố lòng tin tất thắng đề kiên định ý chí quyết chiến quyết thắng.

Lòng tin là sức mạnh, là vũ khí tinh thần của người chiến sĩ, là một yếu tố không thể thiếu của ý chí quyết chiến quyết thắng quân xâm lược..

Chấp nhận cuộc đụng đầu lịch sử với đế quốc Mỹ, quân và dân ta phải mặt đối mặt với một tên trùm xâm lược, một tên sen đầm thế giới. Mức độ gian khổ, ác liệt rất cao cũng những diễn biến phức tạp của một cuộc chiến tranh kéo dài mấy chục năm, bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi nhưng cũng rất nhiều khó khăn phức tạp cho ta, chiến tranh tâm lý của địch... là những nhân tố không ngừng tác động và thử thách độ bền vững của lòng tin vào thắng lợi của cán bộ và chiến sĩ ta. Do đó, việc xây dựng ngay từ đầu và thường xuyên củng cố lòng tin đó trong suốt cuộc chiến tranh là một vấn đề đặc biệt quan trọng đề nâng cao ý chí quyết

chiến quyết thắng của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngay từ thời kỳ quân Mỹ mới vào chiến trường miền Nam, chúng ta đã giáo dục cho bộ đội *biết đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa địch và ta*, thấu suốt quan điểm của Đảng ta đánh giá "đế quốc Mỹ giàu nhưng không mạnh", thấy rõ những chỗ mạnh tạm thời và nhất là thấy cho hết những chỗ yếu rất cơ bản của Mỹ. Đó là tinh chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược của Mỹ, chiến lược bị động, tinh thần quân lính thấp kém, bộ binh yếu, hậu cần xa xôi cách trở, hệ thống kho và đường vận chuyển trên bộ ở miền Nam dễ bị ta đánh phá. Đó là mâu thuẫn giữa ý muốn chủ quan thi lớn nhưng thực tiễn chiến trường lại không cho phép, dẫn đến sự lung củng bẽ tác trong chỉ đạo chiến tranh, trong sự vận dụng chiến thuật; là mâu thuẫn giữa tham vọng xâm lược vô hạn với khả năng thực tế có hạn của đế quốc Mỹ đối với thế giới, đối với khu vực Đông Nam châu Á và ngay đối với Việt-nam. Chúng ta đã làm cho quân đội ta nhận rõ về phía cách mạng tuy còn nhiều khó khăn và có một số mặt yếu hơn địch, nhưng lại có nhiều chỗ mạnh rất cơ bản và quan trọng. Chúng ta có ưu thế tuyệt đối về chính trị, tinh thần so với địch, chúng ta có cả một dân tộc anh hùng, một quân đội anh hùng, có chiến lược, chiến thuật tiên tiến và khoa học, dù Mỹ có tăng quân, tăng phương tiện chiến tranh một cách ồ ạt, dù quân địch có lúc lên tới hơn một triệu, nhưng chúng ta có thể chiến lược vững chắc, đã triển khai lực lượng ba thứ quân trên chiến trường một cách hợp lý, đã phát huy được tinh ưu việt của chiến tranh nhân dân lên tới đỉnh cao. Chúng ta có cách đánh phong phú, sáng tạo, có những điều kiện khách quan và chủ quan buộc địch phải bị động đánh theo ý muốn của ta.

Trong việc đánh giá lực lượng so sánh, chúng ta xây dựng cách nhìn toàn cục và biện chứng, không để hiện tượng che lấp bản chất, không vì tình hình khó khăn tạm thời của ta ở nơi này, nơi khác mà đánh giá không đúng địch về chiến lược, cũng như không dựa vào những nhận định về chiến lược của địch để phân tích đánh giá cụ thể địch trong từng chiến dịch và từng trận đánh. Những năm đánh Mỹ, chúng ta có nhiều cố gắng trong vấn đề này, cho nên luôn tạo ra được sự nhất trí giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các chiến trường về đánh giá địch. Điều đó đã có tác dụng tốt để giữ vững lòng tin tất thắng của bộ đội trong mọi hoàn cảnh với những diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh.

Vai trò của hậu phương lớn cũng như hậu phương tại chỗ miền Nam đối với cuộc kháng chiến đã giữ một vị trí hết sức quan trọng trong việc xây dựng lòng tin tất thắng cho các lực lượng vũ trang nhân dân, vì nó tác động sâu xa đến tâm tư, tình cảm của bộ đội. Bằng công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng và thông qua những sự việc cụ thể, chúng ta đã làm cho toàn quân thấy được tình hơn hẳn về mọi mặt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sự vững mạnh về chính trị và xã hội, về khả năng to lớn động viên sức người, sức của cho tiền tuyến. Đồng thời, làm cho lực lượng vũ trang ta càng gắn bó và tin tưởng vào hậu phương tại chỗ miền Nam. Dù bị đánh phá hết sức ác liệt nhưng vùng giải phóng và cả các căn cứ của ta ở sâu trong lòng địch vẫn được bảo vệ vững chắc, ngày càng được củng cố và mở rộng. Sự vững chắc của hậu phương cùng những thành tích trong sản xuất và chiến đấu, tình cảm thương yêu ruột thịt của đồng bào ngày đêm hướng ra tiền tuyến, hết lòng vì tiền tuyến là nguồn động viên hết sức to lớn đối với cán bộ, chiến sĩ ta, làm cho mỗi

người càng thấy rõ trách nhiệm của mình, càng vững tin vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Qua thắng lợi của những trận đấu và thực tế càng đánh càng thắng, lòng tin của bộ đội ta càng được giữ vững và nâng cao. Những trận đấu đánh thắng oanh liệt ở núi Thành, Vạn-trường, Plây-me, Bàu-bàng, Đất-cuộc, Củ-chi v.v. cũng như những trận đấu đánh thắng giòn giã các cuộc tập kích bằng không quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc đã góp phần to lớn động viên khí thế, tăng thêm lòng tin tất thắng cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Việc xây dựng lòng tin tất thắng ấy còn đòi hỏi phải thường xuyên đấu tranh khắc phục những tư tưởng và tình cảm không đúng đắn bộ đội ta luôn luôn thắng không khiêu bại không nản.

Đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng là biện pháp rất có hiệu lực để biến ý chí quyết chiến quyết thắng thành thắng lợi thực tế trên chiến trường.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã tổ chức rộng rãi và sôi nổi phong trào thi đua giết giặc lập công, như phong trào «Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược» giành cờ thường luân lưu của Hồ Chủ tịch ở miền Bắc, phong trào «Quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ» giành cờ thường của Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Chúng ta đã kết hợp phong trào thi đua giết giặc lập công của các lực lượng vũ trang nhân dân với các phong trào của thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân như phong trào «Ba sẵn sàng», «Ba đảm đang», «Tay búa tay súng», «Tay cày tay súng», «Thóc thừa ăn, quân thừa người», phong trào «Xung phong tổng quân lên đường đánh Mỹ» v.v. Các phong trào

này đã động viên và tác động lẫn nhau, tạo thành một cao trào thi đua yêu nước rộng lớn mang tính quần chúng rất rộng rãi với những khẩu hiệu hành động tràn đầy tinh thần anh hùng cách mạng và khí thế cách mạng tiến công như «Nhằm thẳng quân thù mà bắn», «Mở đường mà tiến, đánh địch mà đi», «Xe chưa qua nhà không tiếc», «Sống bám cầu, bám đường, chết kiên cường dũng cảm», «Tiếng hát át tiếng bom», v.v. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã thật sự là sức mạnh tinh thần của các phong trào thi đua ấy, và chính qua các phong trào thi đua ấy, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta càng thể hiện rõ nét tinh thần cách mạng triệt để, tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù địch sâu sắc, ý thức phục vụ nhân dân không điều kiện và lòng tin tuyệt đối vào thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Từ các phong trào thi đua đã sản sinh ra hàng trăm đơn vị và cá nhân anh hùng, hàng vạn dũng sĩ, chiến sĩ thi đua, chiến sĩ quyết thắng, tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam trong thời đại đánh Mỹ.

Các phong trào thi đua ấy đã chủ ý đi vào công tác giáo dục và tổ chức cụ thể để các lực lượng vũ trang nhân dân ta có đủ những điều kiện cần thiết biến ý chí quyết chiến quyết thắng thành hành động lập công trên chiến trường.

Vì thế, phong trào thi đua giết giặc lập công ở cả hai miền Nam Bắc đã luôn luôn có phương hướng rõ ràng, nội dung thiết thực, và chỉ tiêu cụ thể. Đồng đạo cán bộ, chiến sĩ ta từ chỗ nhận thức được quy luật, đi tới tự giác phấn khởi hành động theo quy luật, lòng tin và ý chí quyết chiến quyết thắng ngày càng vững chắc.

Chăm lo kiện toàn tổ chức Đảng và các tổ chức quần chúng để làm nòng cốt trong việc bồi

đường, phát huy ý chí quyết chiến quyết thắng, bảo đảm cho lực lượng vũ trang ta ngày càng lớn mạnh, đủ sức làm tròn nhiệm vụ được giao.

Đề phát huy ý chí quyết chiến quyết thắng và bảo đảm cho lực lượng vũ trang luôn vững mạnh, đủ sức làm tròn mọi nhiệm vụ, phải thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng nòng cốt trong quân đội, đó là đội ngũ đảng viên, đội ngũ cán bộ và đoàn viên thanh niên

Những năm chống Mỹ, chúng ta đã xây dựng một hệ thống tổ chức Đảng từ trên xuống dưới, ngày càng củng cố và kiện toàn cả về cơ chế, về số lượng và chất lượng, làm cho đảng bộ quân đội luôn vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo trong mọi hoàn cảnh khó khăn phức tạp, có nhiều biến động do chiến tranh ác liệt kéo dài và do lực lượng vũ trang được mở rộng nhanh chóng. Chúng ta đã xuất phát từ yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quân sự của Đảng giao cho quân đội, nhiệm vụ cụ thể của từng quân chủng, binh chủng, từng chiến trường trong từng thời kỳ để đề ra yêu cầu và nội dung xây dựng đảng bộ vững mạnh làm nòng cốt lãnh đạo đơn vị hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong mọi tình huống chiến tranh. Chúng ta đã thường xuyên coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng gắn liền với xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh trong quân đội. Kết quả của cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt, phấn đấu đạt tiêu chuẩn đảng viên bốn tốt trong nhiều năm đã góp phần quan trọng nâng cao phẩm chất và năng lực đảng viên, tăng cường sức mạnh chiến đấu và trình độ lãnh đạo mọi mặt của các tổ chức Đảng trong quân đội.

Chúng ta đã ra sức xây dựng một đội ngũ cán bộ đồng đạo thật sự tiêu

biểu cho đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, có bản lĩnh vững vàng, trung thành tuyệt đối với nhân dân, với Tổ quốc, có năng lực đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ huy, biết động viên tổ chức bộ đội hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, chúng ta đã nắm vững và thực hiện đúng đắn đường lối cán bộ của Đảng, đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ.

Chúng ta cũng rất chú ý xây dựng các tổ chức quần chúng trong lực lượng vũ trang, đặc biệt đã quan tâm xây dựng Đoàn thanh niên và chỉ đạo phong trào thanh niên trong quân đội. Chúng ta đã giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, làm cho họ có tâm hồn trong sáng, có lối sống lành mạnh, có ý chí quyết chiến quyết thắng cao, trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng, dũng cảm mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, ra sức học tập, rèn luyện làm chủ khoa học kỹ thuật, sử dụng có hiệu quả nhất vũ khí, trang bị có trong tay. Các chi đoàn đã bồi dưỡng và giới thiệu cho tổ chức Đảng hàng chục vạn đoàn viên ưu tú, làm nguồn bổ sung dồi dào cho đội ngũ của Đảng.



Tạo cho các lực lượng vũ trang nhân dân có ý chí quyết chiến quyết thắng sắt đá là một thành công lớn của chúng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, quân đội ta dưới sự lãnh đạo, giáo dục của Đảng, càng nêu cao và bồi dưỡng ý chí quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng cùng toàn dân đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại và xâm lược của kẻ thù.

NHỚ LẠI NHỮNG NGÀY ĐI DỰ ĐẠI HỘI THỨ SÁU CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Lời Bộ biên tập — Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản họp tại Mát-xcơ-va hồi tháng 7 và tháng 8 năm 1928 có ý nghĩa rất quan trọng đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như đối với phong trào giải phóng dân tộc. Đồng chí Nguyễn-Văn-Tạo đã tham gia Đoàn đại biểu của Đảng cộng sản Pháp dự Đại hội này.

Chúng tôi đăng dưới đây hồi ký của đồng chí Nguyễn-Văn-Tạo về việc đi dự Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản.

Đồng chí Nguyễn-Văn-Tạo sinh ngày 20-5-1908 tại làng Phước-Lợi, Chợ-lớn (Nam-bộ). Năm 1926, trong phong trào đề tang cụ Phan-Chu-Trinh, đồng chí vận động học sinh ở Trường trung học Sa-xơ-lu Lô-ba (Sài-gòn) bãi khóa. Bị đuổi, đồng chí trốn xuống tàu sang Pháp hoạt động cách mạng. Cuối năm 1926, đồng chí được kết nạp vào Đảng cộng sản Pháp, sau đó được bầu bổ sung vào Ban chấp hành trung ương của Đảng cộng sản Pháp. Tháng 5-1931, đồng chí bị trục xuất khỏi nước Pháp. Về nước đồng chí tích cực tham gia hoạt động cách mạng ở Nam-bộ. Năm 1939 đồng chí bị đế quốc Pháp bắt giam, xử án 5 năm tù và 10 năm biệt xứ, đày ra Côn đảo. Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được tự do. Năm 1946, đồng chí được bầu là đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên và tiếp tục là đại biểu Quốc hội trong nhiều khóa sau này. Đồng chí được cử làm Bộ trưởng Bộ lao động và giữ chức vụ này trong 20 năm. Đồng chí từ trần ngày 16 tháng 8 năm 1970.



NĂM 1926, hưởng ứng phong trào đề tang cụ Phan-Chu-Trinh sôi nổi và lan rộng trong cả nước, tôi vận động học sinh lớp tôi bãi khóa cùng với học sinh toàn Trường trung học Sa-xơ-lu Lô-ba ở Sài-gòn. Bị đuổi, tôi trốn xuống tàu sang Pháp, vừa đi học vừa đi làm công và hoạt động cách

mạng. Cuối năm 1926, tôi được kết nạp vào Đảng cộng sản Pháp.

Năm 1927, tôi đến Pa-ri tìm gặp đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, nhưng Người đã sang Liên-xô từ lâu rồi. Tôi ở lại Pa-ri và được giao nhiệm vụ công tác ở một Ban của Văn phòng Trung ương Đảng cộng sản Pháp,

chuyên theo dõi phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, chủ yếu là phong trào Đông-dương qua báo chí và tin tức; tập hợp tình hình báo cáo với Trung ương Đảng cộng sản Pháp đề các nghị sĩ cộng sản trong nghị viện Pháp có tài liệu chất vấn và phê phán chính phủ Pháp về chính sách ở Đông-dương; chuyên tài liệu về nước và tuyên truyền vận động anh em thợ thuyền, sinh viên, binh lính người Việt-nam ở Pháp.

Tháng 4 năm 1928, một nhóm cộng sản Đông-dương được thành lập trong một cuộc hội nghị họp tại xưởng Xanh Do-ni. Tham dự cuộc hội nghị này có 9 đại biểu người Việt-nam ở Pa-ri và các tỉnh cùng với đại biểu Vu thuộc địa của Đảng cộng sản Pháp lúc ấy là đồng chí Hăng-ri Lô-dơ-rai. Tôi được phân công phụ trách việc xuất bản bí mật một tờ báo lấy tên là *Lao Nông* (ghép hai chữ lao động và nông dân); về sau tờ báo này đổi tên là *Vô sản*. Hoạt động của chúng tôi là tập hợp anh em nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Một số đồng chí ở Trung ương Đảng cộng sản Pháp thường đến hướng dẫn, giúp đỡ chúng tôi học tập, và tổ chức anh em cùng tham gia đấu tranh chung với Đảng cộng sản Pháp. Tuy vậy, những người cộng sản Việt-nam chúng tôi vẫn giữ sinh hoạt thường xuyên trong các chi bộ của Đảng cộng sản Pháp như trước.

Nhờ có quá trình hoạt động cách mạng ở Pháp và do điều kiện công tác của tôi trong Ban nghiên cứu thuộc địa, tôi được chỉ định tham gia Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp đi dự Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản họp ở Mát-xcơ-va (Liên-xô) năm 1928. Đoàn đại biểu do đồng chí Xê-ma lúc ấy là Tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp dẫn đầu. Đoàn gồm có các đồng chí Hăng-ri Lô-dơ-rai, Phlô-ri-mông Bông-tê, Phrăng-sông, Va-ra-nhê, Ray-mông Guy-ô, bi-u,

Ra-ca-mông, v.v. Đoàn còn có 3 người Việt-nam là tôi, Trần-Thiệu-Bân (cộng nhân thủy thủ thay mặt cho công nhân) và Nguyễn-Thế-Vinh (1) (sinh viên trường Đại học phương Đông thay mặt cho học sinh).

Cuộc hành trình của Đoàn chúng tôi không có gì trở ngại, chỉ cần lấy giấy thông hành và vé tàu đi công khai. Giấy thông hành của ba người Việt-nam chúng tôi phải nhờ một người Trung-quốc tên là Hou lấy giùm, và ba chúng tôi phải đổi họ tên là người Trung-quốc; tôi lấy tên là Văn Bình. Đi từ Pa-ri qua Béc-lin (Đức), Đoàn chúng tôi ghé vào cơ quan của Đảng cộng sản Đức lúc ấy là một đảng mạnh hoạt động công khai. Từ Béc-lin chúng tôi đi đến hải cảng Xtét-tin, rồi chuyển sang tàu-Liên-xô đi Lê-nin-grát; từ đây chúng tôi đi xe lửa đến Mát-xcơ-va. Tôi được Đoàn giao trách nhiệm viết bài phát biểu về Đông-dương.

Mở đầu, bài phát biểu nêu rõ vấn đề Đông-dương là một trong những vấn đề quan trọng nhất đối với chủ nghĩa đế quốc Pháp. Vị trí địa lý của Đông-dương làm cho đế quốc Nhật thêm muốn, và do đó, Đông-dương trở thành một nguồn gây ra những cuộc xung đột đẫm máu ở Thái-bình-dương.

Trên cơ sở phân tích cụ thể về tình hình kinh tế, chính trị và xã hội Đông-dương, với những số liệu làm dân chứng, bài phát biểu lên án đế quốc Pháp áp bức và bóc lột nhân dân Đông-dương, chủ yếu là công nhân và nông dân, làm cho đời sống của họ rất khổ; vạch mặt tên Va-ren đảng viên Đảng xã hội Pháp, sang làm toàn quyền Đông-dương hồng xoa dìm phong trào đấu tranh của nhân dân; chỉ rõ tính chất phản động của "đảng lập hiến" do Bùi-Quang-Chiều

(1) Về sau, khi bị đế quốc Pháp bắt giam. Vinh đá đầu hàng địch và làm tay sai cho chúng

cầm đầu; khẳng định bọn tư sản người Hoa tập trung nhiều nhất ở Chợ-lớn cũng là một lực lượng áp bức và bóc lột nhân dân Việt-nam bên cạnh chính quyền thực dân Pháp.

Lúc bấy giờ, đế quốc Pháp ở Đông-dương đã gây ra vụ xích mích giữa người Việt-nam và người Hoa ở Hải-phòng. Nhưng những người cách mạng Việt-nam đã tuyên bố giúp đỡ phong trào cách mạng của nhân dân Trung-quốc. Bài phát biểu đánh giá cao tinh thần đấu tranh của 800 công nhân Việt-nam tại xưởng Ba-son (Sài-gòn) đã bài công không chịu sửa chữa chiếc tàu Mi-so-lê mà đế quốc Pháp dùng để đi tàn sát nhân dân Trung-quốc.

Phân tích các giai cấp ở Đông-dương, bài phát biểu bác bỏ ý kiến cho rằng ở Đông-dương không có giai cấp vô sản, và khẳng định: giai cấp vô sản Đông-dương tuy không đông đảo trên khắp đất nước như ở châu Âu, nhưng giai cấp vô sản Đông-dương rất tập trung trong các trung tâm công nghiệp lớn. Đông-dương là một xứ phát triển không đều về kinh tế, cho nên cần nhấn mạnh đến tình hình tập trung của giai cấp vô sản. Còn giai cấp nông dân, tinh thần cách mạng của họ ngày càng lên cao biểu hiện rõ trong những cuộc đấu tranh chống đế quốc và bọn địa chủ cướp đoạt ruộng đất của họ và áp bức, bóc lột họ. Trên cơ sở phân tích các giai cấp ở Đông-dương, bài phát biểu đề cập đến vấn đề: giai cấp tư sản ở một nước thuộc địa không thể lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc; cần phải thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân để lãnh đạo cách mạng Đông-dương.

Đề kết luận, bài phát biểu viết: "Quốc tế cộng sản cần phải hết sức chú ý đến vấn đề thành lập đảng cộng sản ở Đông-dương, cần phải nghiên cứu vấn đề thành lập công đoàn để tập hợp công nhân và những

tổ chức để tập hợp nông dân. Chỉ có như vậy thì công nhân và nông dân Đông-dương mới có thể tiến lên tự giải phóng hoàn toàn và vĩnh viễn được... Là dân tộc nô lệ, là những người lao động bị bóc lột, là những công nhân và nông dân bị bóc lột, chúng tôi chỉ muốn một điều là thoát khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc, của giai cấp tư sản ăn bám ở trong nước, để đứng trong thế giới xã hội chủ nghĩa, để đứng dưới lá cờ của Quốc tế cộng sản."

Bài phát biểu do tôi thảo ra đã được Đoàn đại biểu của Đảng cộng sản Pháp nhất trí thông qua. Tuy vậy, tôi vẫn đưa cho đồng chí Nguyễn-Thế-Bực và một số đồng chí Việt-nam khác đang học ở Trường đại học, phương Đông xem và góp ý kiến. Theo lời một đồng chí nói lại cho tôi biết, có người vì không nắm được tình hình trong nước lúc bấy giờ đã có ý kiến cho rằng không nên thành lập ngay một đảng cộng sản ở trong nước, mà chỉ nên tổ chức một trung tâm chỉ đạo cách mạng Đông-dương ở nước ngoài. Căn cứ vào tình hình trong nước đang có phong trào công nhân và nông dân lên mạnh, có thể thành lập được đảng cộng sản ở trong nước để lãnh đạo trực tiếp phong trào, nên tôi vẫn giữ chủ trương như trong bài phát biểu của tôi đã nêu ra.

Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản họp tại Nhà các Công đoàn Liên-xô ở Mát-xcơ-va. Trong phiên họp thứ ba mươi lăm, chiều ngày 17 tháng 8 năm 1928, tôi lấy bí danh là Nguyễn-An đọc bài phát biểu tại Đại hội. Lúc tôi đang ở trên diễn đàn nghe tiếng vỗ tay của các đại biểu vang lên và kéo dài, tôi chưa rõ có việc gì; ngay sau đó tôi thấy đồng chí Xta-lin bước ra và ngồi vào ghế Đoàn chủ tịch của Đại hội. Theo nguyên tắc bí mật, khi tôi đọc bài phát biểu và cả trong thời gian dự Đại hội, tôi không được chụp ảnh. Bài phát biểu do tôi

trình bày được Đại hội hoan nghênh và đã đăng trên tạp chí *Thư tín quốc tế* số 128, năm 1928. Đại hội lần này thảo luận và thông qua cương lĩnh của Quốc tế cộng sản và bầu Ban chấp hành mới. Đồng chí Xta-lin vẫn được bầu làm Tổng bí thư Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Trong thời gian họp Đại hội, tôi được gặp và làm quen với các đồng chí lãnh đạo các Đảng anh em như Ten-lơ-man, Tô-gli-a-ti, Cu-u-xi-nen, Ka-ta-i-a-ma, Giắc-cơ-mốt, Gôt-van, Bi-ê-rút, v.v. Tôi được biết, sau Đại hội, Quốc tế cộng sản có gửi chỉ thị cho những người cách mạng Đông-dương qua Đảng cộng sản Pháp góp ý kiến về tổ chức và lãnh đạo phong trào đấu tranh ở Đông-dương. Bản chỉ thị đó được in trên giấy rất mỏng, gấp lại xếp vừa vào một hộp diêm, giao cho đồng chí Bùi-Lâm lúc ấy tên là Sáu chuyển về nước...

Trong những ngày ở Mát-xcơ-va, tôi có đến thăm các đồng chí Trần-Phú, Nguyễn-Thế-Rục, Nguyễn-Khánh-Toàn, v.v. đang học ở trường Đại học phương Đông. Thời gian này, đồng chí Lê-Hồng-Phong đang theo học ở trường đào tạo cán bộ không quân ở Lê-nin-grát cho nên tôi không đến thăm được.

Sau khi Đại hội bế mạc, ban tổ chức có sắp xếp cho các đoàn đại biểu đi tham quan đất nước Xô viết. Tôi tham gia đoàn đi U-ran, Xi-bê-ri, Bắc-ki-ri (vùng dân tộc thiểu số), vùng Von-ga, về qua Mát-xcơ-va, đến Lê-nin-grát, rồi trở về Pháp.

Sau khi đi dự Đại hội thứ 6 của Quốc tế cộng sản về, cùng với một số đồng chí khác, tôi được bầu bổ sung vào Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Pháp. Lúc này có Đại hội thanh niên cộng sản Pháp, Trung ương Đảng cộng sản Pháp phân công

tôi cùng các đồng chí Bi-u, Ray-mông Guy-ô đi phổ biến cương lĩnh của Quốc tế cộng sản. Sau đó, tôi vẫn tiếp tục công tác tại Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng cộng sản Pháp, giúp Trung ương Đảng cộng sản Pháp theo dõi phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Được ít lâu, tôi phải rút vào hoạt động bí mật cùng với một số đồng chí khác. Tôi được bố trí cùng với đồng chí Mác-xen Ca-sanh đến ở nhà một đồng chí công nhân lái xe taxi. Khi tình hình hơi dịu, tôi lại ra hoạt động công khai. Năm 1930, trong một cuộc biểu tình trước điện Ê-li-de, tôi bị cảnh sát bắt giam trong 8 tháng ở nhà lao La-xăng-tê cùng với nhiều đồng chí lãnh đạo và cán bộ của Đảng cộng sản Pháp. Đảng đã tổ chức đấu tranh đòi trả lại tự do cho chúng tôi. Tháng 5 năm 1931, tôi bị đế quốc Pháp « bắt cóc ». Chúng dùng vũ lực đưa tôi xuống tàu, buộc tôi phải trở về nước. Quốc tế cứu tế đã cử một trạng sư người Pháp đi theo tôi để bảo vệ tính mạng cho tôi, để phòng bọn chúng dùng thủ đoạn thủ tiêu tôi ở dọc đường...

Sau này, tôi tìm đọc lại báo *Luy-ma-ti-nê* (Nhân đạo), cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Pháp, trong số ra ngày 13 tháng 5 năm 1931, đồng chí Mô-rít Tô-rê đã viết bài nhan đề *Bảo vệ cách mạng Đông-dương*, lên tiếng tố cáo việc tôi bị « bắt cóc », kêu gọi đoàn kết đấu tranh và nhấn mạnh: « Một sự phản đối mạnh mẽ của quần chúng công nhân là một bảo đảm chắc chắn để cứu nguy cho đồng chí Tào và nhiều nhà cách mạng Đông-dương bị bọn giết người đe dọa nặng nề... ».

NGUYỄN-VĂN-TẠO kể

THIẾT-TẬP ghi . .

Một tư liệu lịch sử

Lời Bộ biên tập – Trong chuyến đi công tác ở nước Pháp gần đây, hai bạn Đinh-Xuân-Lâm và Nguyễn-Phan-Quang đã tìm thấy tại Kho lưu trữ quốc gia Pháp (phòng 7, số 13405) công văn của bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp đề ngày 19-9-1924 chuyển cho bộ trưởng Bộ nội vụ Pháp (Nha giám đốc cơ quan an ninh quốc gia) một tờ «truyền đơn cộng sản» tiếng Việt (có kèm theo bản dịch tiếng Pháp) do Toàn quyền Đông-dương gửi về. Đầu tờ truyền đơn có ghi :

**Quốc tế lao nông hội kính cáo
Nhời hô của Hội «Quốc tế cộng sản»**

Cuối tờ truyền đơn có ghi :

Moscou, 27 tháng Hai, 1924

Ban chấp hành Quốc tế cộng sản

Hai bạn Đinh-Xuân-Lâm và Nguyễn-Phan-Quang cho rằng đây là vấn đề đầu liên của Quốc tế cộng sản gửi nhân dân lao động Đông-dương, viết bằng tiếng Việt, in ngay lại Mát-xcơ-va, sau đó được gửi sang Pháp đề các thủy thủ Việt-nam làm trên các tàu biển chạy đường Pháp – Đông-dương chuyển về nước, chủ yếu vào cảng Hải-phòng.

Căn cứ vào ngày tháng dưới tờ truyền đơn (27-2-1924) và ngày tháng trên tờ công văn của bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp (19-9-1924), kết hợp với việc tờ báo địa phương **Bưu điện Hải-phòng** số ra ngày 9-8-1924 có đăng toàn văn tờ truyền đơn đó, hai bạn đoán định rằng tờ truyền đơn đã được đưa vào Đông-dương khoảng tháng 8 năm 1924 là chậm nhất.

Căn cứ vào dòng chữ Hán ở đầu tờ truyền đơn (Quốc tế lao nông hội kính cáo) viết rất chân phương và đẹp, nét chữ giống các chữ Hán viết ở đầu tờ báo **Le Pa-ri-a** và trên bìa cuốn **Bản án chế độ thực dân Pháp** do Hồ Chủ tịch viết, lại căn cứ vào lời văn tiếng Việt và nét chữ viết quốc ngữ, các bạn Đinh-Xuân-Lâm và Nguyễn-Phan-Quang ngờ rằng chính Hồ Chủ tịch đã tự tay viết tờ truyền đơn này.

Trong lúc chờ xác minh, chúng tôi xin công bố văn bản tờ truyền đơn đó để bạn đọc tham khảo.

QUỐC TẾ LAO NÔNG HỘI KÍNH CÁO NHỜI HÔ CỦA HỘI «QUỐC TẾ CỘNG SẢN»⁽¹⁾

Anh em ơi, anh em ơi,
Xoay vần quốc nước,
Khép mở cơ giới,
Xem cho biết đó thời mới hơn
người.

Vừa 5 năm nay, ở kinh đô nước
Nga (Russie) là một nước thật là
dân chủ (ở trần gian chưa bao giờ
có nước thế) có lập một hội để họp
tất cả bao nhiêu người ăn làm.

Hội ấy gọi là « Quốc tế cộng sản ». Nhờ mấy người đứng đầu, can đảm anh hùng mở dựng lên, thì hội ấy bây giờ mạnh lắm, để giúp hàng triệu, hàng muôn, mấy người làm ăn ngũ phương, nhất là mấy dân khốn khổ thuộc về thuộc địa như dân An-nam ta vậy, khốn khổ vì tại mấy quân đã man tây cướp giết người An-nam lấy tiền.

Hội « Quốc tế cộng sản » ấy lập lên ngay lúc bên này đánh nhau ăn ăn, đốt tỉnh phá làng, giết, cướp, ruộng làng đầy người chết như mấy chỗ nghĩa địa vậy. Hội ấy lập ra để cho mấy người dân mọi nước bắt buộc phải đi đánh nhau, như mấy lính thợ ta vậy — mình chết để cho mấy quân kia nó ở nhà được lời — Hội ấy nổi lên chống lại, định triệt hẳn mấy quân ăn cướp bắt mình làm đầy tớ nó, để nó được phong lưu.

Hội ấy lập lên được 5 năm rồi. Từ lúc lập nên đến giờ bao nhiêu là sự thay đổi xảy đến. Công việc ngày đi mau như xe hỏa như bão vậy, không biết đầu được. Nay làm tờ mai có nhẽ làm thầy. Dân khác muốn làm đồ hội, nhưng hội vẫn vững, vẫn đứng như là một triệu binh của mấy người làm ăn ta.

Sử ký trần gian mới biết có hội này là chỉ để hợp giúp đỡ mấy người làm lụng khó nhọc ở xứ các tỉnh, hay là cày bừa ở nhà quê. Chỉ để hợp mấy người dân các nước thuộc địa, bắt ký da vàng hay đen hay đỏ, anh nào anh ấy khốn khổ bao nhiêu, nhục nhã bao nhiêu. Ở đời còn có cái gì nhục hơn là cái phải làm đầy tớ mấy quân tây đã man như chó. Có một hội như hội này thật là lần thứ nhất: có bao giờ mấy anh thợ thuyền, nhà quê mà lại quyết định làm chủ trong nước, đồng lòng với mấy anh thợ hay là nhà quê tất cả trần gian đề nổi lên — Như bên nước Nga vậy, thế mà hóa ra được trận. Nước Nga bây giờ là một nước của mấy anh làm thuê, mấy anh đánh giếm, cày cuốc.

Dời người ta ngày nay tất nhiên không như ngày xưa nữa. Phong tục đổi đi. Ghen ghét nhau giành nước, giành tiền, chiếm nước dân ta, ác nhiều vân vân, mấy phong tục xấu ấy thì phải triệt đi, cho nên có lập hội « Quốc tế cộng sản » này.

Nhưng mà phải có chí, can đảm. Không những là biết bắn, biết đâm mấy quân đã man bắt buộc mình, ăn hiếp đồng bào, mà lại còn phải giữ mình, không để phải lừa mấy anh bố vợ, khéo dụ, nó vờ ra truyện giúp mình cho mình tấn tới, kỹ tính chỉ muốn đánh thuốc độc mình, triệt chủng ta vậy. Mấy anh bố vợ ấy phản ngăm, ở bên này thì đã thấy nhiên, tây, bia-địa-thị, hồng mao, Đức, đầu cũng có. Nhiều người tướng của hội bị phản mà chết.

Chỉ có hội « Quốc tế cộng sản » này thì thật là dám chống hẳn mấy quân thuộc địa mọi nơi, bên Irlande hay bên Egypte. Chỉ có hội này là định không để dân phải đi làm lính giết người như mấy năm trước. Hội không nghe mấy anh binh võ bắt đi đánh nhau với Đức. Hội này khác các hội trước cũng tên là « Quốc tế », nhưng số thứ 2, hội này số thứ 3, cho nên gọi là « Quốc tế cộng sản thứ 3 ».

Hội mới mất ông Lenine làm chủ, can đảm, khôn ngoan và rất tử tế. Nhưng mà hội vẫn cứ chắc thế nào mình cũng đi đầu cho đến nơi. Khắp cả trần gian, đầu đầu nghe thấy tiếng Hội, trông thấy cờ đỏ hồng hồng của hội, thì run, thì giật mình, giật mày. Thời mình thắng trận gần đến.

Anh em ơi, anh em ơi!

Vô sản tất cả các nước hãy đoàn kết lại! (2).

Moscou, 27 tháng Hai, 1921
BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ
CỘNG SẢN

(1), (2) Chép đúng theo bản gốc. Trong nguyên bản, tên hội Quốc tế cộng sản và khẩu hiệu cuối bài đều là chữ Pháp.

ПЕРЕДОВАЯ. Глубоко освоить принцип демократического централизма в социально — экономическом управлении. ЛЕ ЗУАН. Приложить все силы, добиться новых успехов в строительстве столицы. ☆☆☆ — Великая сплоченность — великая победа. НГУЕН ЗЮН ЧИНЬ. О принципе демократического централизма в экономическом управлении. ☆☆☆ — 80 лет героической борьбы и славных побед. ДОНГ ШИ НГУЕН. Упорядочить работу в области транспорта и путей сообщения начиная с уезда. ТЮ ТАМ ТХЫК. Строго соблюдать Закон о налогах в промышленно — торговой сфере. НГУЕН ВАН ХИЕН. Строительство культурной жизни на местах.

REVIEW OF COMMUNISM № 7-1983

Editorial — Grasping thoroughly the principle of democratic centralism in economic-social management. *LÊ-DUÂN* — Striving to achieve new progress in the construction of the Capital. ☆☆☆ — Great unity, great success. *NGUYỄN-DUY-TRINH* — On the principle of democratic centralism in economic management. ☆☆☆ — Eighty years of heroic struggle and glorious victories. *DÔNG-SỸ-NGUYỄN* — Reorganizing transport and communication work at the district level. *CHU-TAM-THỨC* — Strictly implementing the legislation on industrial and commercial taxes. *NGUYỄN-VĂN-HIỆU* — Creating cultural life in grassroots units.

REVUE DU COMMUNISME № 7-1983

Editorial — Bien saisir le principe du centralisme démocratique dans la gestion économique — sociale. *LÊ-DUÂN* — S'efforcer de créer de nouveaux progrès dans l'édification de la capitale. ☆☆☆ — Grande union, grande victoire. *NGUYỄN-DUY-TRINH* — Sur le principe du centralisme démocratique dans la gestion économique. ☆☆☆ — 80 ans de luttes héroïques et de victoires brillantes. *DÔNG-SỸ-NGUYỄN* — Réorganiser les transports et communications à partir de l'échelon de district. *CHU-TAM-THỨC* — Appliquer strictement le décret sur les impôts de l'industrie et du commerce. *NGUYỄN-VĂN-HIỆU* — L'édification de la vie culturelle à la base.

REVISTA DEL COMUNISMO № 7-1983

Editorial — Comprender a fondo los principios del centralismo democrático en la gestión económico — social. *LÊ-DUÂN* — Nos esforzamos por lograr nuevos progresos en la construcción de la Capital. ☆☆☆ — Gran unidad, gran victoria. *NGUYỄN-DUY-TRINH* — Acerca de los principios del centralismo democrático en la gestión económica. ☆☆☆ — 80 años de lucha heroica y victoria gloriosa. *DÔNG-SỸ-NGUYỄN* — La reorganización de las comunicaciones y transportes desde el nivel distrital. *CHU-TAM-THỨC* — Cumplir estrictamente los decretos-ley de los impuestos industrial y comercial. *NGUYỄN-VĂN-HIỆU* — La formación de la vida cultural en las unidades de base.

MỤC LỤC

Xã luận — Thấu suốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế — xã hội	1
LÊ-DUẨN — Phân đấu tạo ra những tiến bộ mới trong sự nghiệp xây dựng thủ đô	8
★ ★ ★ — Đại đoàn kết, đại thành công	12
NGUYỄN-DUY-TRINH — Về nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế	16
★ ★ ★ — Tám mươi năm đấu tranh anh dũng và thắng lợi vẻ vang	26
ĐỒNG-SỸ-NGUYỄN — Tổ chức, sắp xếp lại công tác giao thông vận tải từ địa bàn huyện	30
CHU-TAM-THỨC — Thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh thuế công thương nghiệp	35
NGUYỄN-VĂN-HIỆU — Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở	42
★ ★ ★ — Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ	47
TRƯỜNG-SƠN — Kinh tế gia đình	53
ĐẶNG-VŨ-HIỆP — Bồi dưỡng và phát huy ý chí quyết chiến quyết thắng của các lực lượng vũ trang nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	58
Hội ký ★ NGUYỄN-VĂN-TẠO — Nhớ lại những ngày di dư Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản (THẾ-TẬP ghi)	65
Một tư liệu lịch sử	69

8102-A

Tìm đọc:

NGUYỄN - VĂN - CỪ

Tự chỉ trích

NGUYỄN - ĐỨC - BÌNH

Mấy vấn đề về tổ chức thực tiễn

SONG - TÙNG

Tổ chức ra quyết định và thực hiện quyết định

★★★

Tìm hiểu công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



8

8. 1983

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC



Ừ sau Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn.

Trong hoàn cảnh có rất nhiều khó khăn về mọi mặt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội... của nước ta tiếp tục phát triển. Thắng lợi lớn nhất là về sản xuất lương thực. Rất nhiều cơ sở, nhiều địa phương trong cả nước đã nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đạt được những tiến bộ vượt bậc. Năm 1982, lần đầu tiên chúng ta đã tự trang trải được nhu cầu tối thiểu về lương thực trong phạm vi cả nước.

Nhìn chung, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đất nước ta đang có những chuyển biến tích cực, những tiến bộ mới theo hướng đi lên ngày càng vững chắc.

Trước những âm mưu và thủ đoạn thù địch hết sức thâm độc của tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, chúng ta đã bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tăng cường lực lượng quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị. Chúng ta đã và đang tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em. Ngày nay, thế và lực của nước ta và ba nước Đông-dương vững mạnh hơn bao giờ hết.

Bộ máy của Đảng, của Nhà nước, qua hoạt động thực tế và qua Đại hội đảng bộ các cấp, được tăng cường một bước về năng lực chỉ đạo và quản lý.

Đạt được những thắng lợi nói trên, trước hết là do đường lối của Đảng ta đề ra trong Đại hội toàn quốc thứ IV, thứ V và các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, của Bộ chính trị là hoàn toàn đúng đắn; do những chính sách mới về quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước; do công tác tư tưởng và công tác tổ chức có nhiều cố gắng và tiến bộ; do tinh thần phấn đấu cách mạng, dũng cảm, kiên cường của các ngành, các cấp, của đông đảo cán bộ, đảng viên, của các lực lượng vũ trang và của toàn thể nhân dân ta. Chúng ta lại được sự giúp đỡ to lớn, quý báu của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Hiện nay, các loại kẻ thù của dân tộc ta ở trong và ngoài nước đang tìm đủ mọi cách để phá hoại sự nghiệp cách mạng nước ta, xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng, bôi đen chế độ ta, chia rẽ Đảng với quần chúng, làm mờ nhạt ảnh hưởng nước Việt-nam trên thế giới. Chúng ta càng phải khẳng định mạnh mẽ những thắng lợi to lớn đã đạt được, khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, trên cơ sở đó mà tăng cường sự đoàn kết nhất trí, quyết tâm hành động theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục lên giành những thắng lợi to lớn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ, những thắng lợi đã đạt được, trong tình hình kinh tế - xã hội cũng như trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức đang có những mặt yếu kém, những khuyết điểm cần ra sức phấn đấu khắc phục. Hiện nay, trong tình hình tư tưởng và tổ chức, có mấy vấn đề cần chú ý sau đây :

Bước vào giai đoạn mới của cách mạng, số đông cán bộ, đảng viên của Đảng ta tiếp tục nêu cao tinh thần dũng cảm phấn đấu, khắc phục khó khăn, giữ vững những phẩm chất tốt đẹp và đã nâng cao được một bước về trình độ chính trị, về kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật, về năng lực lãnh đạo và quản lý. Tuy nhiên, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang có những biểu hiện không lành mạnh về đạo đức, phẩm chất cách mạng. Có những cán bộ, đảng viên chưa nhận thức được tình hình một cách đúng đắn, chưa thấy rõ những thắng lợi đã đạt được trên các lĩnh vực, do đó mà ảnh hưởng đến lòng tin và ý chí chiến đấu cách mạng. Nhiều cán bộ, đảng viên chưa thấu suốt đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng, chưa nhận thức được sâu sắc tình thế phức tạp, quyết liệt, lâu dài của cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với bọn bán trượng bá quyền Trung-quốc cũng như cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta hiện nay.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước sa sút về đạo đức, phẩm chất, thậm chí thoát hóa biến chất, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà chưa bị xử lý nghiêm minh, kịp thời, ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng, đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng và trong công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh. Một mặt, chưa phát huy đầy đủ dân chủ trong nội bộ Đảng, chưa phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân; mặt khác không giữ vững nguyên tắc tập trung, thống nhất trong lãnh đạo và quản lý. Tình trạng tập trung quan liêu chậm được khắc phục. Những biểu hiện cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tư do vô kỷ luật diễn ra không ít.

Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ, sâu sát, chưa tập trung, đồng bộ, chậm cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, thiếu kiểm tra đôn đốc. Ở nhiều nơi, tổ chức Đảng chưa làm được chức năng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, giáo dục và quản lý đảng viên.



Đề thực sự tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về tình hình kinh tế - xã hội, tăng cường lực lượng quốc phòng an ninh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

ngợi quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng đã xác định **những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức**. Các ngành, các cấp cần quán triệt sâu sắc nghị quyết này của Trung ương trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn.

Trước hết, trên mặt trận kinh tế, cần nắm vững hơn nữa đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng và những biện pháp lớn như đã nói trong nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V. Đặc biệt, cần quán triệt sâu sắc **những nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt hiện nay** là: « tập trung, sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý » (1).

Trong chặng đường hiện nay, không nhận rõ nông nghiệp là mặt trận hàng đầu để tập trung sức đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp là sai lầm, nhưng nếu coi nhẹ nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với nội dung kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý thì cũng là sai lầm.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra rất gay gắt, phức tạp, quyết liệt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh này càng gay gắt, quyết liệt hơn nữa do bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ chống phá ta một cách điên cuồng. Để bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, Nhà nước chuyên chính vô sản phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng để xây dựng quan hệ sản xuất mới và lực lượng sản xuất mới, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Sự buông lỏng trong một thời gian công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu thương, sự chậm trễ trong công tác điều chỉnh ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam-bộ, sự lỏng lẻo trong việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong các hợp tác xã nông nghiệp và trong khu vực kinh tế quốc doanh đã gây ra rất nhiều khó khăn cho tình hình kinh tế — xã hội. Các ngành, các cấp cần thấy rõ sai lầm này và những hậu quả của sự buông lỏng, để tăng cường chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, đạt cho được những yêu cầu đã nêu trong nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng.

Cần phê phán, khắc phục những quan điểm, tư tưởng sai trái, xem nhẹ công tác cải tạo, xem nhẹ củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm, tham gia bóc lột, không chấp hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, gây khó khăn cho công tác cải tạo.

(1) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 62 — 63.

Hiện nay, phân phối lưu thông đang là vấn đề kinh tế — xã hội cấp bách nhất, nóng bỏng nhất.

Lĩnh vực này đang là nơi bộc lộ rõ nhất những khó khăn, những sơ hở, những quan điểm, tư tưởng và hành động sai trái trong các ngành, các cấp, dẫn tới những hậu quả xấu đối với sản xuất, đời sống và công tác quản lý, và cũng là nơi đang diễn ra một cách quyết liệt nhất cuộc đấu tranh giữa hai con đường cũng như cuộc đấu tranh giữa ta với địch.

Một nhiệm vụ cấp bách hiện nay là phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh lập lại bằng được trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông. Vấn đề quan trọng hàng đầu là Nhà nước phải làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông, nắm chắc hàng và tiền, làm chủ thị trường và giá cả, thực hiện chính sách phân phối theo lao động. Các xí nghiệp quốc doanh phải triệt để chấp hành kỷ luật giao nộp sản phẩm và kỷ luật tài chính. Mở rộng trận địa, nâng cao chất lượng, cải tiến phương thức kinh doanh của mạng lưới phân phối lưu thông xã hội chủ nghĩa. Ổn định giá cả trong thị trường có tổ chức, chấm dứt ngay việc thương nghiệp quốc doanh cũng lũng tiền nâng giá. Bảo đảm cung cấp đủ và đúng thời gian những mặt hàng thiết yếu theo tiêu chuẩn định lượng cho cán bộ, công nhân viên chức và các lực lượng vũ trang. Chấm dứt tình trạng « cải thiện » đời sống bằng cách lũng tiền định ra các chế độ riêng ngoài chính sách chung. Quản lý chặt và liên tục giá cả trên thị trường; quét sạch bọn đầu cơ buôn lậu, nghiêm trị những phần tử thoái hóa biến chất trong cơ quan Nhà nước ăn cắp, móc nối, tiếp tay cho bọn gian thương.

Văn hóa, xã hội là một lĩnh vực rất quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta cần đặc biệt quan tâm. Mục tiêu của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Công cuộc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa phải gắn liền với cuộc đấu tranh quét sạch những ảnh hưởng xấu của tư tưởng văn hóa thực dân, chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng liều tư sản, xóa bỏ ảnh hưởng tư tưởng phong kiến và những tệ tục xã hội cũ. Đặc biệt phải nhận rõ và kiên quyết đập tan những âm mưu thâm độc của kẻ thù đang tìm cách lung lạc, phá hoại tư tưởng, làm xói mòn đạo đức, suy đồi lối sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, trước hết là tầng lớp thanh niên.

Trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc, cần nhận thức sâu sắc hơn nữa bản chất phản động và những âm mưu thâm độc của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ đối với nước ta và ba nước Đông-dương. Mặc dù đã thất bại trong chiến tranh xâm lược nước ta, chúng vẫn chưa từ bỏ âm mưu lâu dài là làm suy yếu liên lạc thôn tính ba nước Đông-dương để mở đường bành trướng xuống Đông-Nam Á. Đối với Việt-nam và ba nước Đông-dương, chiến lược và sách lược của lập đoàn cầm quyền Trung-quốc chưa hề có gì thay đổi mà càng thù địch với ta hơn. Chúng ta phải nhận thức thật rõ điều đó, luôn luôn nâng cao cảnh giác, ý chí chiến đấu, quyết đối không được mơ hồ, mất cảnh giác với địch. Trước mắt, phải kiên quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Trong cuộc chiến tranh này, kẻ thù càng ngày càng phá hoại ta về kinh tế, làm cản trở sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Đánh thắng chiến tranh phá hoại của kẻ thù là yêu cầu quan trọng có quan hệ tới cả hai nhiệm vụ chiến lược.

Một vấn đề hết sức quan trọng nữa là phải nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò vận động, giáo dục của các đoàn thể quần chúng.

Vấn đề tổ chức cấp bách nhất hiện nay là thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng và trong công tác quản lý. Các ngành, các cấp cần có những biện pháp thiết thực, cụ thể và kiên quyết để chấm dứt ngay tình trạng lỏng lẻo về kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các ngành, các địa phương, cơ sở, của mọi người lao động. Một mặt chống tập trung quan liêu, hành chính bao cấp; mặt khác kiên quyết đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện tự do vô kỷ luật.

Một vấn đề cấp bách để nâng cao sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước là phải làm cho cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước, kể cả cán bộ cao cấp, trung cấp, giữ gìn đạo đức, phẩm chất cách mạng với những biện pháp tích cực và kiên quyết. Phải nâng cao ý chí chiến đấu và phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước trong tất cả các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị. "Kiên quyết đuổi ra khỏi Đảng và cơ quan Nhà nước những phần tử thoái hóa, biến chất đến nay vẫn còn bóc lột, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương, tư sản để làm giàu, ức hiếp quần chúng. Thi hành kỷ luật thật nghiêm đối với những cán bộ lãnh đạo và quản lý tỏ ra vô trách nhiệm, không chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đưa ra truy tố trước pháp luật những phần tử lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân và ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Phê phán nghiêm khắc và xử lý thích đáng đối với những cán bộ, đảng viên cố ý bao che cho những kẻ phạm pháp" (2).

Đi đôi với việc giáo dục, nâng cao phẩm chất cách mạng, cần hết sức coi trọng việc giáo dục, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên, nhất là kiến thức và năng lực về quản lý kinh tế, nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ thực sự có phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa hiện nay và những năm sắp tới.



Đề thực sự tạo được chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư tưởng, về đạo đức, phẩm chất và hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi mặt hoạt động, cần sử dụng lồng hợp và kết hợp chặt chẽ các biện pháp tư tưởng, tổ chức và kinh tế. Trước hết, cần sử dụng một số biện pháp chủ yếu dưới đây.

Biện pháp đầu tiên là tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và trong nhân dân, hướng vào những nội dung đã nói ở trên.

Một yêu cầu quan trọng để thực hiện biện pháp này là kết hợp với việc quán triệt nghị quyết của Trung ương, cần tiến hành tự phê bình và phê bình ở tất cả các cấp, các ngành, các cán bộ, đảng viên, nhân viên

(2) Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Nhà nước về lập trường, quan điểm, tư tưởng và phẩm chất, đạo đức cách mạng.

Mỗi cấp, mỗi ngành tiến hành tự phê bình và phê bình nhằm vào những công việc chính của cấp mình, ngành mình, những biểu hiện chính của tổ chức và của cán bộ, đảng viên, nhân viên của mình để kiểm điểm thật sâu sắc. Việc tự phê bình và phê bình phải gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ công tác trước mắt, với việc đề ra những biện pháp thiết thực nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục một cách có hiệu quả những sai lầm, khuyết điểm, tăng cường đoàn kết nội bộ và đưa các mặt công tác tiến lên.

Một biện pháp quan trọng nữa là các cấp, các ngành cần tăng cường kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, kiểm tra công tác, phẩm chất, tư cách của cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước; kiên toàn tổ chức, đề cao kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Gắn với phê bình, tự phê bình và công tác kiểm tra mà phát hiện và biểu dương, khen thưởng xứng đáng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, kết nạp vào Đảng những người ưu tú, bổ sung những cán bộ có phẩm chất và năng lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý. Đồng thời phát hiện những phần tử thoái hóa, biến chất và những người có sai lầm nghiêm trọng để xử lý công minh, kịp thời, bảo đảm sự trong sạch của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước. Thi hành kỷ luật và pháp luật nghiêm minh và bình đẳng với tất cả mọi trường hợp vi phạm. Những người giữ vị trí cao, trách nhiệm lớn mà sai phạm thì càng phải chịu kỷ luật nghiêm khắc. Kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, sa thải những nhân viên Nhà nước thoái hóa, biến chất, không chịu làm việc, không hoàn thành nhiệm vụ.

Biện pháp quan trọng hàng đầu để tạo nên chuyển biến mạnh mẽ trong tình hình kinh tế — xã hội là phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động các phong trào cách mạng của quần chúng sôi nổi ở khắp mọi nơi, trong từng đơn vị, từng cơ sở sản xuất, trong các tầng lớp nhân dân, ở nông thôn cũng như ở thành thị. Nội dung hoạt động của các phong trào hướng vào những vấn đề chủ yếu như: lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có hiệu quả và năng suất cao; thực sự làm chủ trong sản xuất, trong phân phối lưu thông và trong tổ chức đời sống; kiên quyết đấu tranh chống dịch phú hoạt và chống mọi biểu hiện tiêu cực về kinh tế cũng như về xã hội.



Công tác tư tưởng và công tác tổ chức có vai trò hết sức quan trọng đối với việc nâng cao sức chiến đấu của Đảng, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chuyên chính vô sản trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Các ngành, các cấp cần nhận rõ ý nghĩa quan trọng của nghị quyết Ban chấp hành trung ương Đảng về những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức, ra sức thi hành nghị quyết đó, nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và xã hội trước mắt, góp phần thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc tiến lên giành những thắng lợi to lớn mới.

ĐƯA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC Ở ĐẮK-LẮK TIẾN THĂNG LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI *

TRƯỜNG-CHINH

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Từ lâu, tôi mong ước đến thăm Tây-nguyên, thăm tỉnh Đắc-lắk, quê hương của anh hùng dân tộc Ama Trang Long và thăm thị xã Buôn-ma-thuột, nơi mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng. Nhưng đến nay ý muốn đó mới được thực hiện. Đó là lỗi tại tôi. Xin nhận khuyết điểm trước các đồng chí và đồng bào.

Lịch sử vẻ vang của nhân dân ta đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới đã ghi công đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc ở Đắc-lắk và Tây-nguyên với những thành tích và chiến công oanh liệt. Tinh đoàn kết giữa các dân tộc và lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam và của Bác Hồ đã không ngừng được bồi dưỡng và phát huy qua biết bao thử thách, trở thành truyền thống rất đáng tự hào của đồng bào Tây-nguyên.

Ngày nay, Đắc-lắk cùng với các tỉnh khác ở Tây-nguyên là một địa bàn chiến lược về chính trị, kinh tế và quốc phòng của nước ta, có vị trí

quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của cả ba nước ở Đông-dương.

Hơn 5 triệu héc ta đất nông nghiệp và lâm nghiệp ở Tây-nguyên nối liền với hơn 2 triệu héc ta ở miền đông Nam-bộ là một vùng tập trung đất ba màu mỡ nhất và có diện tích rừng với trữ lượng gỗ lớn nhất của nước ta. Đây là một địa bàn đặc biệt thuận lợi để phát triển rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc có sữa; trên cơ sở đó, phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, tạo ra nguồn hàng có giá trị cao, khối lượng lớn để trao đổi với thị trường trong nước và để xuất khẩu. Chưa kể các khoáng sản đang được thăm dò, riêng đất và rừng Tây-nguyên là một nguồn tài nguyên rất quý, cho năng suất cao, đưa lại hiệu quả nhanh. Đó là loại tài nguyên không ngừng được bồi bổ và tái sinh, nếu chúng ta sử dụng hợp lý. Đất và rừng Tây-nguyên không những bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của nhân dân trên địa bàn này, mà còn có phần đóng góp quan trọng vào

(*) Bài nói với cán bộ và đại biểu nhân dân tỉnh Đắc-lắk ngày 14-4-1983.

sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà; trước mắt là tiếp thêm sức cho nền kinh tế của cả nước vượt qua khó khăn, từng bước ổn định và phát triển vững chắc. Vì vậy, phát huy các thế mạnh về kinh tế của Tây-nguyên là nhiệm vụ trực tiếp của Đảng bộ và nhân dân Tây-nguyên, đồng thời cũng là trách nhiệm của Trung ương và của nhân dân cả nước.

Qua mấy ngày đi thăm một số cơ sở kinh tế, khoa học, kỹ thuật, thăm đơn vị bộ đội, gặp gỡ cán bộ, công nhân, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc và làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, tôi có những ấn tượng rất sâu sắc.

Hôm nay, được gặp mặt đồng bào đại biểu các dân tộc anh em, các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các ngành hoạt động trong tỉnh, tôi rất phấn khởi, vui mừng. Xin nhờ các đại biểu chuyển tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh lời thăm hỏi ân cần và thân thiết của Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Nhân dịp này, tôi xin phát biểu ý kiến về vấn đề vận dụng và thực hiện đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của Đảng sát hợp với đặc điểm của Tây-nguyên và tỉnh Đăk-lăk.

1 — THÀNH TÍCH BƯỚC ĐẦU ĐẢNG PHẤN KHỞI CỦA TỈNH ĐĂK - LĂK

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Từ sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Đăk-lăk không ngừng phấn đấu, đạt được nhiều thành tích và tiến bộ trên các mặt cải tạo và phát triển kinh tế, củng cố an ninh và quốc phòng, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể, đưa tới những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Tôi không nhắc lại các ưu điểm và khuyết điểm trên các mặt công tác mà Đại hội lần thứ 9 của Đảng bộ tỉnh, mới họp trong tháng 3 vừa qua, đã kiểm điểm một cách toàn diện. Điều tôi muốn nhấn mạnh là: những thắng lợi đã đạt được trong thời gian qua mới là bước đầu, còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tương xứng với khả năng thực tế. Nhưng dù

sao đó vẫn là những thắng lợi rất đáng phấn khởi và có ý nghĩa quan trọng, tạo ra những nhân tố mới cho bước phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Những nhân tố đó là:

1 — Từ chỗ thiếu lương thực gay gắt, hằng năm phải dựa vào Trung ương trợ cấp trên dưới 5000 tấn gạo, đến nay tỉnh đã tự đáp ứng được về cơ bản nhu cầu lương thực, khắc phục được nạn đói kinh niên trong đồng bào các dân tộc. Thắng lợi đó tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục giải quyết vững chắc hơn vấn đề lương thực, làm cơ sở cho việc phát huy đồng bộ các thế mạnh về kinh tế của tỉnh và thu hút thêm nhiều lao động ở các tỉnh khác đến xây dựng các vùng kinh tế mới.

2 — Từ những kinh nghiệm thành công và thất bại, tỉnh Đăk-lăk đã rút ra được những bài học thiết thực và

tạo được một số điển hình tốt, soi sáng cho bước đi của tỉnh trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, đặc biệt là về phương thức nông - lâm kết hợp, về vận động định canh, định cư gắn liền với phát triển kinh tế gia đình và từng bước xây dựng kinh tế lập thể trong đồng bào các dân tộc... Trên một số mặt công tác, đã gây được phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân.

3 - Đã phá vỡ một phần quan trọng tổ chức của bọn phản động FULLRO, ngăn chặn có hiệu quả hơn hoạt động phá hoại của chúng, xây dựng và củng cố được cơ sở Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, nửa vũ trang và các đoàn thể quần chúng. Nhờ vậy, an ninh chính trị được củng cố, bảo đảm điều kiện cần thiết cho sự hoạt động của các cấp, các ngành.

4 - Đảng bộ Đắk-lắk đã phát triển và trưởng thành thêm. Đó là hạt nhân đoàn kết và lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ cán bộ, đảng viên thuộc các dân tộc trong tỉnh, cùng với đông đảo cán bộ được tăng cường từ

nơi khác đến, đồng tâm hiệp lực, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau. Năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành trong tỉnh được nâng cao một bước.

Những nhân tố mới trên đây vừa tạo thêm thuận lợi, vừa thúc đẩy Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk-lắk tiến lên mạnh mẽ và vững chắc hơn, giành được thắng lợi to lớn hơn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên vùng cao nguyên giàu đẹp này.

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng, tôi nhiệt liệt biểu dương toàn đảng bộ, đồng bào các dân tộc, cán bộ, nhân dân từ các địa phương khác đến công tác và xây dựng quê hương mới ở Đắk-lắk, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân. Tôi nhiệt liệt khen ngợi các đơn vị và cá nhân tiên tiến ở tỉnh Đắk-lắk, thuộc các tổ chức do Trung ương và do địa phương quản lý, trong thời gian qua đã lập được thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực công tác, đặc biệt là trên mặt trận kinh tế và đời sống, phát triển giáo dục và y tế, củng cố an ninh và quốc phòng.

II — ĐƯA CÁC DÂN TỘC Ở ĐẮK - LẮK TIẾN THĂNG LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Sau khi đất nước ta hoàn toàn giải phóng và thống nhất, Đắk-lắk và các tỉnh khác ở Tây-nguyên cùng với cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các dân tộc thiểu số ở Đắk-lắk từ cơ sở xuất phát về kinh tế - xã hội

như thế nào tiến lên chủ nghĩa xã hội? Đặc điểm của Đắk-lắk đặt ra những vấn đề gì phải giải quyết trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong chặng đường đầu tiên hiện nay?

Đó là những vấn đề có ý nghĩa lớn về lý luận và thực tiễn không những đối với Tây-nguyên mà còn đối với cách mạng cả nước ta.

Đáng tiếc là trong những năm qua, vấn đề hết sức quan trọng này đã không được chú ý đúng mức, không được tổ chức nghiên cứu một cách nghiêm túc và kịp thời. Vì vậy, hình thức và bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số chưa được xác định một cách rõ ràng và đúng đắn, làm chậm bước tiến của đồng bào các dân tộc.

Chúng ta phải khẩn trương và có biện pháp tích cực sửa chữa khuyết điểm đó.

Dưới đây, qua kinh nghiệm thực tế bước đầu đúc kết được ở tỉnh Đăk-lăk, tôi nêu một số gợi ý đề các đồng chí suy nghĩ và tiếp tục nghiên cứu thêm:

1 - Về hình thái kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số ở Đăk-lăk và sự biến động của hình thái đó dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, dưới tác động của Cách mạng tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đang còn những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm. Song có thể khẳng định một điều: các dân tộc thiểu số ở Tây-nguyên và Đăk-lăk tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một cơ sở xuất phát về kinh tế - xã hội rất thấp, thấp hơn các nơi khác trong cả nước. Trước ngày giải phóng, phương thức sản xuất của các dân tộc thiểu số ở Đăk-lăk có những nét phổ biến như sau:

- Trồng trọt, hái lượm là chính. Sản xuất theo lối du canh, đốt rừng làm rẫy. Công cụ lao động rất thô sơ, kỹ thuật canh tác lạc hậu; chưa dùng trâu bò làm sức kéo, chưa có cày, bừa; lao động làm nương rẫy rất giản đơn, chủ yếu là phát, đốt, chọc, tria.

Sản xuất tự cấp, tự túc là chính. Nói chung chưa có chợ. Nhiều nơi, nhân dân chưa biết cân, đo.

- Chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chưa hình thành một cách phổ biến. Sự phân hóa giai cấp chưa rõ rệt. Còn tồn tại những tàn dư của chế độ công hữu có tính chất cộng sản nguyên thủy. Bà, bốn đời ở tập trung dưới một mái nhà dài, từ 15, 20 đến 150, 160 người, chia ra từng bếp (một bếp thường là vợ chồng, con cái). Làm chung, hưởng chung. Kết quả lao động đều bỏ vào kho chung của cả nhà, do một người phụ nữ chủ nhà phân phối theo lối bình quân, chia đều cho đầu người, kể cả bào thai trong bụng mẹ. Trong một số dân tộc, bao gồm mấy dân tộc ở trình độ phát triển tương đối khá hơn như Ê-đê, Gia-rai, Ba-na..., vẫn còn tàn dư của chế độ thị tộc mẫu hệ.

Do lực lượng sản xuất bị kìm hãm bởi những quan hệ sản xuất đã quá lỗi thời, nên năng suất lao động rất thấp, không có sản phẩm thặng dư. Đời sống của đồng bào dân tộc khốn cực, phổ biến là đói ăn, lạt muối, thiếu mặc, không được học hành, nhiều bệnh tật, lại bị trời buộc bởi những thành kiến, những phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín, dị đoan, rất nghiệt ngã.

Ở một số vùng có đồn điền của bọn thực dân hoặc gần những khu vực tập trung người miền xuôi, đồng bào dân tộc có một số cải tiến trong cách làm ăn, trong đời sống văn hóa. Qua tám năm sau ngày giải phóng, tình hình kinh tế - xã hội trong đồng bào dân tộc đã có một số biến đổi quan trọng, đặc biệt là ở những nơi đã định canh, định cư. Nhưng tàn dư và ảnh hưởng của cái cổ xưa chưa phải đã hết. Đối với những nơi đồng bào còn du canh, du cư hoặc đã định cư nhưng vẫn du canh (số này còn chiếm 3/4 đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đăk-lăk) thì chuyển biến còn ít; phương thức sản xuất nêu trên về cơ bản vẫn tồn tại và đó là nguyên nhân chủ yếu kìm hãm đồng bào dân tộc Tây-nguyên trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu.

2 - Khó khăn lớn nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta bắt nguồn từ đặc điểm cơ bản là từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc thiểu số ở Đăk-lăk tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội càng có nhiều khó khăn, phức tạp, vì không chỉ bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà phải nhảy vọt qua mấy chế độ xã hội.

Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V của Đảng đã vạch ra đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế cho thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của cả nước ta. Các dân tộc ở Đăk-lăk cũng tiến lên chủ nghĩa xã hội theo đường lối đó, thông qua ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học, kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa); song phải có hình thức, bước đi thích hợp, nhất là về cải tạo xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; không thể rập khuôn các vùng đồng bằng, trung du hoặc miền núi phía bắc.

Trong thời gian qua, do nhận thức đơn giản cho rằng đồng bào dân tộc vốn có truyền thống cộng đồng, dễ tiếp thụ cách làm ăn tập thể, cho nên việc phát triển các tổ chức kinh tế tập thể ở Đăk-lăk mang tính chất hình thức, ô ạt, rập khuôn, gò ép. Theo báo cáo của Tỉnh ủy, 93% số hộ ở nông thôn đã vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, nhưng phần đông các tổ chức này trong đồng bào dân tộc chỉ là hình thức. Nhiều tổ chức kinh tế tập thể vẫn du canh, đốt rừng làm rẫy với công cụ lao động và kỹ thuật canh tác lạc hậu như cũ. Ở nhiều nơi, tập thể làm chung một phần nhỏ diện tích để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, còn phần lớn diện tích nương, ruộng vẫn do từng nhà làm riêng. Một số nơi có

tổ chức sản xuất tập thể nhưng vẫn phân phối sản phẩm theo lối bình quân vì chưa biết tính toán công điền, định mức. Về danh nghĩa, tuy phong trào tập thể hóa đạt tỷ lệ cao, nhưng nhiều tàn tích của các chế độ xã hội lạc hậu, cổ xưa chậm được khắc phục.

Từ những kinh nghiệm thành công và thất bại ở Đăk-lăk trong thời gian vừa qua, ta có thể rút ra *những yêu cầu trước mắt và một số hình thức thích hợp* để tiến hành ba cuộc cách mạng ở các vùng dân tộc trong tỉnh như sau:

Cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất ở các vùng này phải nhằm xóa bỏ những tàn tích của các chế độ xã hội cổ xưa với lối phân phối bình quân đang kìm hãm sức sản xuất; đồng thời áp dụng các hình thức kinh tế quá độ để từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, gắn liền với việc phát triển sức sản xuất. Có mấy hình thức đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, có thể áp dụng để đẩy mạnh cách mạng về quan hệ sản xuất ở Đăk-lăk:

Một là, dùng các hình thức tổ chức và quản lý từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp để từng bước đưa đồng bào dân tộc đi vào làm ăn tập thể. Điều đặc biệt quan trọng là nâng dần trình độ của đồng bào trong việc tổ chức sản xuất, phân công lao động, phân phối theo lao động v.v. bằng những hình thức thích hợp, đem lại lợi ích thiết thực cho sản xuất và đời sống. Ví dụ, từ hình thức văn công, đổi công đơn giản, đi tới xây dựng tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất, chuẩn bị điều kiện thành lập tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Mỗi hình thức tổ chức có nội dung hoạt động và công tác quản lý được nâng cao dần để chuẩn bị cho việc chuyển lên hình thức cao hơn. Đặc biệt là các hình thức tổ chức kinh tế tập thể nên có quy mô và cách quản lý thích

hợp với trình độ đồng bào dân tộc. Nói chung, về quy mô, trong thời kỳ đầu nên tổ chức trong phạm vi buôn. Điều lệ tập đoàn sản xuất và hợp tác xã cần đơn giản hơn miền xuôi; về quản lý, có thể áp dụng hình thức khoán sản phẩm đến hộ xã viên, theo cách làm phù hợp với trình độ của quần chúng.

Đối với đồng bào dân tộc, việc xây dựng các tổ chức kinh tế tập thể chỉ có ý nghĩa khi nó đáp ứng được mấy yêu cầu cơ bản dưới đây:

— Cải tiến công cụ lao động và kỹ thuật sản xuất;

— định canh, định cư: sử dụng đất, rừng một cách hợp lý theo phương thức nông — lâm kết hợp;

— tổ chức sản xuất tập thể và đạt được năng suất lao động cao hơn trước;

— thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục cách phân phối bình quân, chia đều.

Đó là những nhân tố bảo đảm cho các tổ chức kinh tế tập thể thật sự phát huy được tác dụng đầy mạnh sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, lấy kết quả thực tế mà thuyết phục quần chúng đi vào làm ăn tập thể.

Căn cứ vào các yêu cầu cơ bản nêu trên, cần soát xét lại các tổ chức kinh tế tập thể đã thành lập, tổng kết kinh nghiệm của các đơn vị tiên tiến, tìm ra các hình thức tổ chức và quản lý phù hợp với trình độ của đồng bào dân tộc, chú ý tới đặc điểm của từng dân tộc. Những nơi tổ chức làm ăn tập thể chưa phù hợp với điều kiện thực tế và trình độ của quần chúng thì không gò ép, mà nên áp dụng các hình thức quá độ thấp hơn.

Hai là, giao đất cho các hộ người dân tộc phát triển kinh tế vườn và làm nhà trên mảnh vườn đó. Chủ trương này áp dụng đối với tất cả các

hộ người dân tộc nhằm khuyến khích các hộ lâu nay sống trong các nhà lớn tách ra ở riêng; bao gồm cả những hộ còn sản xuất cá thể hay đã gia nhập các tổ chức kinh tế tập thể và những hộ đã trở thành công nhân nông trường, lâm trường quốc doanh. Tuy là bộ phận kinh tế bổ sung, nhưng kinh tế vườn của từng hộ có vai trò quyết định đối với việc định cư, định canh, vừa góp phần xóa bỏ tàn tích của chế độ thị tộc, xác lập quan hệ sản xuất mới, vừa tạo thêm điều kiện phát triển lực lượng sản xuất, đưa lại những biến đổi có ý nghĩa cách mạng trong đời sống vật chất, văn hóa và xã hội của đồng bào dân tộc. Chủ trương này được đồng bào dân tộc, đặc biệt là thanh niên nam nữ, nhiệt liệt hoan nghênh. Đó là nhân tố mới cần được khẳng định, đồng thời cần tạo ra những điển hình tốt để mau chóng vận động thành phong trào quần chúng tự nguyện làm theo. Cần chú ý bảo đảm đời sống và quan hệ tình cảm của những người già cả trong nhà.

Đi đôi với việc phát triển kinh tế vườn, cần xúc tiến việc giao đất, giao rừng cho các buôn người dân tộc quản lý và sử dụng theo phương thức nông — lâm kết hợp, thực hiện định canh, định cư. Ở những nơi còn sản xuất cá thể thì giao đất, giao rừng cho từng hộ bảo vệ, khai thác và sử dụng. Không gò ép họ đi vào làm ăn tập thể khi họ chưa muốn, mà nên dùng các hình thức quá độ để tổ chức họ lại trên cơ sở tự nguyện. Ở những nơi đã thành lập tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã thì giao đất, giao rừng cho các tổ chức đó quản lý. Tùy điều kiện cụ thể, các tổ chức kinh tế tập thể giao đất, giao rừng cho các hộ thành viên theo hình thức khoán sản phẩm.

Ba là, những nơi có nông trường, lâm trường, xí nghiệp công nghiệp quốc doanh cần chú ý thu hút đồng bào dân tộc vào làm công nhân. Kinh

nghiêm thực tế cho thấy công nhân người dân tộc có ý thức giữ gìn kỹ luật lao động và tiếp thụ được kỹ thuật đơn giản. Mặt khác, khi trở thành công nhân thì đời sống vật chất và văn hóa cũng như quan hệ xã hội của đồng bào dân tộc biến đổi mau chóng. Đối với những buôn người dân tộc trên địa bàn của lâm trường, lâm trường, nhưng chưa có điều kiện thu hút vào làm công nhân thì nông trường, lâm trường có trách nhiệm giúp đỡ, diu dắt họ sớm định canh, định cư, phát triển kinh tế vườn và làm nhà ở riêng, tổ chức lại sản xuất, từng bước đi vào làm ăn tập thể. Cần tổng kết và áp dụng rộng rãi cách làm của các lâm trường quốc doanh thuộc Liên hiệp lâm - công nghiệp Ea-súp đã chủ động cùng với huyện, xã giúp đỡ, diu dắt các buôn người dân tộc trong sản xuất và đời sống, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho đồng bào, vừa bảo đảm cho lâm trường thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước.

Bốn là, đồng bào miền xuôi lên xây dựng các vùng kinh tế mới ở Đăk-lăk, ngoài một số được thu hút vào các cơ sở kinh tế quốc doanh, còn thì nên đi ngay vào sản xuất tập thể theo các hình thức tổ chức và quản lý tiên tiến đã áp dụng ở miền xuôi và do đó đã quen thuộc với đồng bào. Những hộ còn sản xuất, kinh doanh cá thể cần được tổ chức lại bằng các hình thức thích hợp. Các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi có trách nhiệm diu dắt đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng lân cận Cần rút kinh nghiệm về hình thức xen ghép đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào miền xuôi trong các tổ chức kinh tế tập thể; nhưng tránh gò ép, gây mất đoàn kết, không mang lại kết quả tích cực.

Các hình thức kinh tế trên đây quan hệ chặt chẽ với nhau, xen kẽ nhau và tác động lẫn nhau. Quá trình đưa các dân tộc thiểu số ở địa phương

đi lên chủ nghĩa xã hội gắn liền với quá trình bổ sung lực lượng lao động từ các địa phương khác đến để khai thác các tiềm năng kinh tế ở Đăk-lăk, tạo nên các nhân tố xã hội chủ nghĩa, làm thay đổi cơ cấu dân cư và đưa tới những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở Đăk-lăk. Sự thống nhất giữa các điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài trong quá trình đưa Đăk-lăk đi lên chủ nghĩa xã hội đòi hỏi việc vận dụng các hình thức kinh tế phải vừa phù hợp với đặc điểm của các dân tộc, vừa phát huy được tác động tích cực của các hình thức kinh tế tiên tiến trong khu vực quốc doanh và trong cách làm ăn tiên bộ của đồng bào miền xuôi lên. Phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các hình thức kinh tế để khắc phục hai khuynh hướng, một là chủ quan, nóng vội, đơn giản, rập khuôn, máy móc; hai là bảo thủ, trì trệ, cường điệu đặc điểm riêng của các dân tộc, không tích cực cải tạo để đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật trong giai đoạn hiện nay đối với các dân tộc thiểu số ở Đăk-lăk chưa phải là làm cái gì cao xa, mà trước hết là nhằm thực hiện hai yêu cầu có quan hệ chặt chẽ với nhau:

— Cải tiến công cụ lao động, biết dùng cây bừa và các công cụ thường dùng khác của đồng bào miền xuôi (có nghiên cứu để cải tiến cho thích hợp với điều kiện lao động ở miền núi); biết sử dụng trâu bò; áp dụng các biện pháp kỹ thuật thông thường như làm thủy lợi, đắp bờ giữ nước, làm đất, dùng phân, chọn giống và các biện pháp kỹ thuật khác đối với nghề rừng và đối với cây công nghiệp dài ngày.

— Xóa bỏ phương thức du canh, phá rừng và khai thác đất một cách bừa bãi; thực hiện định canh với cơ

cấu sản xuất hợp lý, bảo đảm yêu cầu sử dụng đi đôi với bồi bổ đất và rừng.

Việc thực hiện hai yêu cầu nêu trên phải gắn liền với việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, từng bước phát triển công nghiệp, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, để phát huy các thế mạnh về kinh tế của Đăk-lăk. Trước mắt, cần chú trọng đầu tư để giải quyết các vấn đề nước, điện, đường giao thông theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm. Mở rộng các hình thức liên kết kinh tế giữa Đăk-lăk với các tỉnh, thành phố khác và tranh thủ sự hợp tác quốc tế để phát triển lực lượng sản xuất ở Đăk-lăk.

Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong các vùng dân tộc thiểu số tác động trở lại rất mạnh đối với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học, kỹ thuật.

Trước hết, phải làm cho đồng bào dân tộc nhận rõ rằng muốn có cơm no, áo ấm phải cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội; muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải có văn hóa và trước hết là phải xóa nạn mù chữ. Kinh nghiệm của tỉnh Đăk-lăk vừa dạy tiếng Ê-đê, vừa dạy tiếng phổ thông là đúng.

Phải nghiên cứu cả nội dung và hình thức phù hợp với đồng bào dân tộc để giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và nâng cao từng bước trình độ văn hóa, kỹ thuật; khắc phục mê tín, dị đoan và các phong tục, tập quán lạc hậu, đồng thời tôn trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng dân tộc.

3 - Vấn đề có ý nghĩa then chốt trước mắt để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở các vùng dân tộc thiểu số là thực hiện *định canh, định cư*. Mặt khác, có định canh, định cư

thì mới khắc phục được những tranh chấp về đất đai, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, giữa nhân dân địa phương với đồng bào miền xuôi lên, dập tan được luận điệu "người Kinh chiếm đất", tạo điều kiện xóa bỏ tận gốc các tổ chức của bọn FULRO và chấm dứt hoạt động của các loại phản cách mạng khác.

Bác Hồ kính yêu đã dạy: "Việc vận động định canh, định cư là một công tác quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Làm tốt công tác đó tức là góp phần thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, góp phần xây dựng kinh tế và văn hóa ở miền núi, và cũng là góp phần củng cố quốc phòng nữa. Cho nên, các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương, cần chú ý đến công tác này thì mới làm đến nơi, đến chốn được" (1).

Lời của Bác Hồ càng mang ý nghĩa sâu sắc khi chúng ta biết rằng đó là điều Bác dặn lại Ủy ban dân tộc trung ương ngày 17-7-1969, một tháng rưỡi trước ngày Bác vĩnh biệt chúng ta.

Tỉnh Đăk-lăk mới vận động và tổ chức được định canh, định cư cho 5 vạn người trong tổng số hơn 20 vạn đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác định canh, định cư trong thời gian qua chủ yếu là dựa vào việc phát triển ruộng nước, tự túc lương thực tại chỗ, cho nên tốc độ bị hạn chế. Nay, với khả năng cân đối, điều hòa lương thực trên địa bàn tỉnh, đi đôi với việc tiếp tục phát triển ruộng nước ở những nơi có điều kiện, phải đẩy mạnh công tác định canh, định cư trên cơ sở giao đất, giao rừng cho đồng bào các dân tộc thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp, phát huy các thế mạnh về kinh tế của tỉnh.

(1) Hồ-Chí-Minh: *Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ* Nxb Văn hóa. Hà-nội, 1980, tr. 109.

III — GIẢI QUYẾT VỪNG CHẮC VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC VÀ PHÁT HUY CÁC THỂ MẠNH VỀ KINH TẾ CỦA TỈNH ĐẮK-LẮK

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Tỉnh Đăk-lăk có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, trong đó những thể mạnh trước mắt là rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc lớn. Song, muốn phát huy được các thể mạnh đó, đây mạnh việc thực hiện định canh, định cư và tiếp nhận thêm lao động thì tỉnh phải giải quyết được vấn đề lương thực. Trong tình hình kinh tế hiện nay của nước ta, đó là một yêu cầu bắt buộc mà tỉnh Đăk-lăk có điều kiện thực hiện.

Mấy năm qua, tỉnh đã tích cực đây mạnh công tác thủy lợi, xây dựng đồng ruộng, mở rộng nhanh diện tích lúa nước. Năm 1982 đã đạt sản lượng bình quân đầu người gần 300 kg lương thực. Tuy lúa nước tăng nhanh, lúa rẫy giảm dần, nhưng đến nay vẫn còn trên 3 vạn héc ta lúa rẫy, chiếm 3/5 diện tích và 2/5 sản lượng lúa. Vì vậy, tuy diện tích nương rẫy có giảm hơn trước, nhưng nạn phá rừng còn rất nghiêm trọng. Ai cũng biết đốt phá 1 héc ta rừng sẽ mất đi hàng trăm mét khối gỗ và nhiều lâm sản khác để thu về khoảng 1 tấn thóc, đó là một việc làm điên rồ. Đến nay, diện tích đồi, núi trọc trong toàn tỉnh đã lên tới 40 vạn héc ta (theo số liệu mới của Bộ lâm nghiệp thì diện tích này còn lớn hơn nữa). Ở một số vùng, rừng bị phá tới mức dần không còn củi đun. Đất bị xói mòn, nguồn nước bị giảm, khí hậu đã có những biến động bất thường, gây tác hại nghiêm trọng đến môi trường sống. Tình hình đã tới mức báo động và chúng ta phải trả lời câu hỏi: Làm thế nào chấm dứt nạn phá rừng bừa bãi mà vẫn tiếp tục giải quyết vững chắc vấn đề lương thực?

Kinh nghiệm ở nhiều nơi, đặc biệt là của các đơn vị tiên tiến ở ngay

Đăk-lăk, đã chỉ ra cách giải quyết phù hợp với điều kiện hiện nay của tỉnh:

— Đây mạnh thâm canh, tăng vụ trên diện tích lúa nước, diện tích lúa cạn và màu hiện có. Khả năng tăng sản lượng theo hướng đó hãy còn lớn, vì nhiều diện tích đang được canh tác với kỹ thuật rất thô sơ.

— Tích cực mở rộng diện tích lúa nước ở những nơi có điều kiện, trước hết là bằng những công trình thủy lợi vừa và nhỏ.

— Giải quyết tốt việc chế biến màu để đưa vào bữa ăn, bổ sung nguồn thức ăn cho gia súc và trao đổi hàng hóa với các tỉnh khác.

— Phủ xanh các đồi núi trọc và cải tạo các rừng cây bụi ít hiệu quả kinh tế theo phương thức nông - lâm kết hợp, với cơ cấu cây trồng đáp ứng được hai yêu cầu: bảo vệ và cải tạo đất, đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Hiệu quả kinh tế phải xét trên nhiều mặt, chú ý đến khả năng giải quyết nước tưới, đến chi phí sản xuất và điều kiện vận tải, chế biến, tiêu thụ.

Tỉnh Đăk-lăk có nhiều loại cây có giá trị kinh tế, nhân được nhiều loại giống có năng suất cao, bao gồm cây lấy gỗ, cây công nghiệp và cây ăn quả dài ngày, như cà phê, cao su, ca cao, đào lộn hột, mít v.v., cây công nghiệp ngắn ngày, cây lương thực, cây thực phẩm, cây thuốc, cây phân xanh, cỏ cho gia súc. Điều quan trọng là xác định đúng đắn các mô hình về cơ cấu cây trồng theo phương thức nông - lâm kết hợp đối với từng loại đất.

Như vậy, ngoài diện tích lúa nước và đất trồng lúa cạn trồng màu hiện có, tỉnh Đăk-lăk còn có rất nhiều diện

tích đất rừng, cây công nghiệp dài ngày có thể trồng xen cây lương thực, cây thực phẩm để giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực. Do đó, đối với nạn phá rừng làm rẫy, không chỉ đặt vấn đề hạn chế, mà phải có biện pháp ngăn chặn càng sớm càng tốt. Đồng thời, phải kiên quyết khắc phục tình trạng gỗ khai thác bị dẽ mọt; gỗ cảnh, gỗ ngon không được tận dụng; việc chế biến, sử dụng gỗ còn rất lãng phí. Đó cũng là một biện pháp tích cực và thiết thực để bảo vệ vốn rừng.

Toàn tỉnh phải tự cân đối được nhu cầu lương thực và có dự trữ. Từng nơi phải cố gắng sản xuất lương thực với mức cao; song không nên đặt vấn đề “tự túc lương thực” một cách máy móc đối với tất cả các buôn, các xã, các huyện. Những nơi không có điều kiện sản xuất đủ lương thực thì có thể dùng sản phẩm của rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi v.v. để đổi lấy lương thực (kể cả bằng cách trao đổi với Trung ương và các tỉnh khác). Tỉnh phải chủ động cân đối và hướng dẫn việc này. Làm theo cách đó thì vấn đề định canh, định cư có thể xúc tiến nhanh và vững chắc hơn.

Những ý kiến trên đây thể hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng: “*Các tỉnh, huyện miền núi phải khai thác tốt những thế mạnh của mình, từ nông nghiệp, lâm nghiệp mà đi lên, nhất thiết phải sử dụng đất đai theo hướng nông-lâm kết hợp*” (2). Cần thấu suốt quan điểm đó để làm tốt quy hoạch sử dụng đất và rừng, đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng trên cơ sở xác định phương hướng sản xuất cụ thể cho từng huyện, từng xã, từng buôn, từng đơn vị sản xuất nông, lâm nghiệp.

Việc đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp ở Đăk-lăk đòi hỏi phải coi trọng việc phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, phát triển thủy lợi, mở mang giao thông vận tải. Đồng thời, phải chấn chỉnh phân phối - lưu thông, phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội. Tích cực xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương.

Về các vấn đề đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ 9 của Đảng bộ tỉnh đã đề cập cụ thể, nên tôi không nói nhiều.

IV — THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh là một nhân tố quyết định thắng lợi của mọi nhiệm vụ công tác.

Vấn đề quan trọng hàng đầu là ra sức phát triển kinh tế, thiết thực chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào dân tộc. Chủ nghĩa xã hội đối với đồng bào dân tộc

phải thể hiện trước hết ở việc cải thiện điều kiện ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, di lại...; ở nếp sống văn hóa lành mạnh, đầy lùi và xóa bỏ hủ tục mê tín, dị đoan. Cần đặc biệt quan tâm đến các dân tộc có trình độ phát triển thấp hơn, đồng bào ở các vùng căn cứ kháng chiến

(2) Văn kiện Đại hội V, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 65.

cũ. Các dân tộc có trình độ phát triển cao hơn phải coi việc giúp đỡ các dân tộc khác là trách nhiệm về vang của mình. Mỗi bước tiến về kinh tế và văn hóa của tỉnh Đăk-lăk phải là một bước thu hẹp dần sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc trong tỉnh

Phải thông qua việc làm và kết quả cụ thể về phát triển kinh tế, văn hóa, đồng thời thông qua vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên mà tăng cường khối đoàn kết dân tộc, nâng cao giác ngộ chính trị, củng cố lòng tin và sự gắn bó của các dân tộc đối với Đảng và đối với chủ nghĩa xã hội; khắc phục các hiện tượng thiếu tôn trọng, thiếu tin cậy lẫn nhau, tư tưởng dân tộc lớn hoặc tư tưởng tự ty dân tộc. Dập tan mọi âm mưu và hành động của địch gây chiến tranh tâm lý, chia rẽ các dân tộc.

Một vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện chính sách dân tộc và mọi nhiệm vụ công tác là *vấn đề cán bộ*.

Tỉnh Đăk-lăk có 2300 cán bộ đại học, cao đẳng và gần 4000 cán bộ trung học. Đó là một lực lượng đáng kể. Tuy nhiên, theo tài liệu điều tra cuối năm 1979 về sự phân bố đội ngũ cán bộ trong các ngành kinh tế quốc dân, thì ở Đăk-lăk, hai ngành quan trọng nhất là nông nghiệp và lâm nghiệp chỉ chiếm 4,3% số cán bộ đại học, cao đẳng và 12,6% số cán bộ trung học. Liên hiệp lâm - công nghiệp Êa-súp quản lý trên 40 vạn héc ta đất theo phương thức lâm - nông kết hợp, nhưng không có một kỹ sư nông nghiệp nào. Trong khi đó khoảng 3/4 số kỹ sư nông, lâm nghiệp trong tỉnh nắm trong các cơ quan không sản xuất. Tỉnh cần xem xét lại việc phân bố và sử dụng số cán bộ hiện có, tạo điều kiện cho cán bộ phát huy khả năng, yên tâm công tác lâu dài. Các cơ quan có

trách nhiệm của trung ương đang được giao nhiệm vụ cùng với các tỉnh nghiên cứu bổ sung chính sách đối với cán bộ ở miền núi. Tỉnh cần chủ động phát huy mọi khả năng của địa phương để tổ chức tốt đời sống và đáp ứng yêu cầu chính đáng của cán bộ, có biện pháp thiết thực khuyến khích cán bộ đi xuống cơ sở, làm việc ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Trong việc thực hiện chính sách cán bộ ở Đăk-lăk, cần đặc biệt quan tâm đến cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số.

Ở Đăk-lăk, người dân tộc thiểu số chiếm gần 40% dân số, nhưng chỉ có 10% số đảng viên trong tỉnh là người dân tộc. Tỷ lệ người dân tộc trong số đảng viên mới được kết nạp hơn 3 năm qua cũng chỉ có 11%. Những con số đó chỉ ra rằng: công tác phát triển Đảng trong đồng bào người dân tộc cần phải được đặc biệt coi trọng hơn nữa; phải bảo đảm tiêu chuẩn, nhưng tránh hẹp hòi, khắt khe.

Một điều đáng chú ý nữa là: trong tổng số cán bộ đại học và cao đẳng, số cán bộ người dân tộc thiểu số ở địa phương chỉ chiếm 2%; tỷ lệ đó trong số cán bộ trung học chuyên nghiệp cũng chỉ có 6%. Những cán bộ người dân tộc thiểu số phần lớn lại tập trung ở các ngành giáo dục, y tế, quản lý, rất ít có trong các ngành sản xuất, kể cả nông nghiệp và lâm nghiệp.

Từ sau ngày giải phóng, tỉnh Đăk-lăk đã cố gắng phát triển giáo dục phổ thông trong đồng bào các dân tộc. Năm 1982, số học sinh dân tộc tăng gấp rưỡi so với năm 1976 và gần bằng 1/4 dân số. Việc dạy thực nghiệm chương trình tiếng Ê-đê-Việt trong trường phổ thông cơ sở đã bước đầu thu được kết quả tốt. Chúng ta cũng có chính sách ưu tiên thu hút con em người dân tộc vào các trường đại

học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường đào tạo công nhân kỹ thuật. Bên cạnh việc đào tạo cán bộ theo hệ thống chính quy, cần coi trọng việc bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ cơ sở người dân tộc bằng các hình thức thích hợp, nhất là tổ chức việc học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến và kèm cặp, giúp đỡ ngay trong công tác thực tế. Nên có kế hoạch và chính sách động viên cán bộ người dân tộc đang công tác ở các ngành đi xây dựng, củng cố cơ sở ở các buôn thuộc cùng dân tộc, với nhiệm vụ chính là phát hiện và bồi dưỡng cốt cán ở cơ sở để họ sớm đảm đương được nhiệm vụ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng những thanh niên

người dân tộc đang làm hoặc đã làm xong nghĩa vụ quân sự thành cốt cán trong việc đưa dân tộc mình đi lên chủ nghĩa xã hội, có khả năng thực hiện những nhiệm vụ công tác như vận động, tổ chức định canh, định cư, áp dụng các biện pháp kỹ thuật theo phương thức nông - lâm kết hợp, quản lý kinh tế tập thể, v.v.

Toàn đảng bộ phải chăm lo *phát triển Đảng, xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ người dân tộc*, bao gồm cả cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp trong tỉnh, đặc biệt là cấp huyện, xã, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, nông trường, lâm trường và cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, nhất là trong các ngành sản xuất.



Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước đánh giá cao truyền thống đoàn kết giúp nhau, ý chí cách mạng kiên cường và tinh thần chủ động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Đăk-lăk.

Tôi tin tưởng rằng Đảng bộ, quân và dân Đăk-lăk sẽ phát huy truyền thống vẻ vang và những thuận lợi to lớn của mình, khắc phục mọi khó khăn, xây dựng Đăk-lăk thành một tỉnh

giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, có đời sống vật chất và văn hóa phong phú, lành mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Chúc các đồng chí và đồng bào mạnh khỏe, hạnh phúc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và nghị quyết Đại hội lần thứ 9 của Đảng bộ Đăk-lăk!

Chúc các đồng chí và đồng bào đạt nhiều thành tích trong thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh tế của tỉnh!

MẤY Ý KIẾN GÓP PHẦN QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ CỦA TRUNG ƯƠNG

HOÀNG - TÙNG

 Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng đã quyết định một số vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức trong việc chỉ đạo và quản lý của các tổ chức Đảng và chính quyền, nhằm thúc đẩy thực hiện những nhiệm vụ chính trị do Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương đề ra. Đặc điểm của hội nghị này là tập trung thảo luận về công tác chỉ đạo thực hiện các nghị quyết đã có, nhất là kiểm tra về tư tưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Để quán triệt và thực hiện đúng nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, chúng ta cần hiểu thêm một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Khác với trước đây chúng ta hiểu chủ nghĩa xã hội khoa học còn nặng về lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế, ngày nay thực tiễn của chủ nghĩa xã hội, nhất là đấu tranh giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa đã khá phong phú, chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề phức tạp cần phải giải quyết. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển

tư bản chủ nghĩa, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta lại tiến hành trong giai đoạn cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên thế giới đang diễn ra rất gay gắt và quyết liệt, bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc nhân danh chủ nghĩa xã hội, cầu kết với đế quốc Mỹ, đang ra sức chống sự nghiệp cách mạng ở nước ta, chống chủ nghĩa xã hội quốc tế. Nhận thức của một bộ phận đồng chí chúng ta không phát triển kịp thời, nghĩa là lạc hậu so với thực tiễn cách mạng. Trên hai mươi năm trước đây, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hành ở miền Bắc trong hoàn cảnh cả nước phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Do tác động của quy luật chiến tranh cách mạng, của cuộc đấu tranh yêu nước thần thánh, và lúc đó chúng ta được sự viện trợ rất lớn của các nước anh em, nhiều vấn đề gay gắt của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là những khó khăn khách quan, và cả chủ quan nữa, chưa bộc lộ đầy đủ. Tám năm qua, kể từ ngày cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những quy luật của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã thật sự tự vận động, nhưng một số đồng chí chưa hiểu rõ, chưa nhận thức đúng,

vì vậy đã xuất hiện những hiện tượng sai lầm về tư tưởng, hoang mang và hữu khuynh trên nhiều vấn đề có tính nguyên tắc.

Như chúng ta đều biết, sau khi quyết định đường lối thì sự chỉ đạo của các tổ chức Đảng và Nhà nước đối với quá trình cách mạng lại quyết định vận mệnh của đường lối. Trước đây, sau khi xác định cương lĩnh chung và cương lĩnh trước mắt của cách mạng Việt-nam, Đảng ta phải tập trung toàn bộ nghị lực của mình vào việc tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi trực tiếp, và qua hoạt động cách mạng trực tiếp, xây dựng, rèn luyện đội ngũ tiên phong, chuẩn bị những cuộc đấu tranh lớn hơn: khởi nghĩa giành chính quyền. Muốn khởi nghĩa, phải tập dượt quần chúng bằng nhiều bước, và cũng qua thực tiễn đấu tranh mà giáo dục quần chúng và đảng viên. Đó là những vấn đề tư tưởng và tổ chức của đấu tranh cách mạng trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa. Sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, biết thường xuyên giải quyết những vấn đề tư tưởng và tổ chức xuất hiện trong các quá trình chiến đấu. Nhờ luôn luôn giải quyết đúng những vấn đề tư tưởng và tổ chức sau khi có đường lối đúng, Đảng đã đưa cách mạng nước ta vượt qua muôn vàn khó khăn, giành được những thắng lợi to lớn. Đó là quá trình lãnh đạo tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lãnh đạo những cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Sau khi hoàn thành thống nhất Tổ quốc, Đảng ta đề ra cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa thật sự hình thành và hoàn chỉnh từ Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Sự sáng suốt của Đại hội toàn quốc lần thứ III là xác định đúng hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam, chỉ rõ vị trí của miền Bắc xã hội chủ

nghĩa đối với sự nghiệp cách mạng trong cả nước, khẳng định thể tiến công của cách mạng thế giới, sự khủng hoảng tan rã của chủ nghĩa đế quốc, giải quyết đúng một loạt vấn đề của chiến tranh cách mạng trong thời đại mới. Đối với những vấn đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đại hội III mới đưa ra những phương hướng lớn như một phác thảo. Thực tiễn cách mạng ở nước ta và trên thế giới làm cho chúng ta ngày càng hiểu sâu thêm về chủ nghĩa xã hội khoa học. Đại hội lần thứ IV khẳng định và hoàn chỉnh đường lối: "Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng...". Đại hội lần thứ V bổ sung và cụ thể hóa một bước đường lối, chỉ rõ nội dung của chặng đường trước mắt.

Sau khi xác định đường lối, vấn đề có ý nghĩa quyết định như trên đã nói là tổ chức thực hiện, vấn đề giản đơn nhưng thường không dễ dàng nhận thức được. Đường lối đúng là tiền đề của mọi thắng lợi nhưng biến đường lối thành hiện thực là việc khó khăn hơn, vì đây là giáo dục, tổ chức hàng triệu người hành động cách mạng. Chỗ mạnh lớn của Đảng ta là đã phân tích, giải quyết đúng những vấn đề của mỗi quá trình cách mạng đặt ra, nhất là trong những bước ngoặt lớn, do đó, suốt trong lịch sử lâu dài của mình, Đảng ta luôn luôn là chính đảng sáng suốt của giai cấp công nhân. Đó là bản chất cách mạng của Đảng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Đảng nào cũng vậy, đi vào một quá trình mới, một giai đoạn mới, năng lực tổ chức thực tiễn thường lạc hậu so với nhiệm vụ mới. Trước đây, trong thời kỳ vận động quần chúng nổi dậy, khởi nghĩa giành chính quyền và trong những năm tiến hành chiến tranh cách mạng, chúng ta giành được thắng lợi lớn một mặt do đội ngũ những người lãnh đạo đã

được tôi luyện, thử thách: mặt khác, cũng rất quan trọng là do tính sáng tạo, trí thông minh, tính năng động và tinh thần dũng cảm của quần chúng. Cần thấy đặc điểm này để hiểu rõ hơn vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, thấy rõ việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một động lực to lớn của cách mạng. Bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta gặp khó khăn lớn là phải tổ chức nền kinh tế quốc dân thống nhất từ một nền sản xuất nhỏ. Vấn đề then chốt của cách mạng xã hội chủ nghĩa là phải tổ chức đồng thời ba cuộc cách mạng, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, tổ chức lại nền sản xuất và phân phối theo những nguyên tắc và quy luật của chủ nghĩa xã hội, và quá trình tổ chức này cũng là quá trình đấu tranh chống lại sự phản kháng của giai cấp bóc lột bị đánh đổ và khuynh hướng tự phát của nền tiểu sản xuất hàng hóa. Đây là những việc hoàn toàn mới mẻ đối với chúng ta. Công việc càng khó khăn hơn vì phải đồng thời chống lại cuộc phản kích phối hợp của các loại kẻ thù quốc tế: chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động Trung-quốc. Nhận thức không phát triển kịp sự phát triển của cách mạng và năng lực tổ chức còn yếu kém càng làm cho khó khăn tăng thêm. Nhiều người trong chúng ta không thấy hết những khó khăn khách quan và chủ quan, nhất là không thấy hết âm mưu nham hiểm của địch, hữu khuynh, mất cảnh giác, không tổ chức tốt cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của địch, không thấy hết tinh thần gay gắt của cuộc đấu tranh giữa hai con đường, không thấy hết mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ở trong nước và cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới. Sau chiến tranh, đất nước ta có những đảo lộn lớn về kinh tế, xã hội. Chúng ta phải dựa

vào sức mình, nêu cao tinh thần tự lực tự cường xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tuy rằng sự giúp đỡ quốc tế là hết sức quan trọng. Chúng ta còn chịu sự tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới (cuộc khủng hoảng về năng lượng, nhiên liệu, một loạt nguyên liệu tăng giá...).

Dại hội lần thứ V của Đảng đã bổ sung và hoàn chỉnh đường lối phát triển kinh tế. Chấp hành nghị quyết của Đại hội, Hội nghị lần thứ ba của Trung ương xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chương trình kinh tế — xã hội mấy năm trước mắt nhưng còn nhiều vấn đề cũng do Đại hội quyết định còn phải tiếp tục giải quyết như sắp xếp lại sản xuất và xây dựng, xác định cơ chế mới về quản lý kinh tế, xã hội, xây dựng huyện và nhiều vấn đề khác, trong đó có những vấn đề có tính đường lối và nội dung cụ thể của cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Về vấn đề trung tâm của đường lối là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, nghị quyết của Đại hội đã xác định vị trí của mỗi cuộc cách mạng và mối quan hệ giữa ba cuộc cách mạng ấy. Nhưng trong việc tổ chức thực hiện, trong việc điều hành cụ thể cũng như về tư tưởng và tổ chức, rõ ràng có những hiện tượng sai lầm cần phải khắc phục. *Cách mạng về quan hệ sản xuất* là nhiệm vụ đầu tiên của chuyển chính vô sản, đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế. Xóa bỏ chế độ tư hữu, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là lý tưởng, mục đích của Đảng cộng sản. Vì lý tưởng vĩ đại này, Đảng ta đã ra đời và chiến đấu mấy chục năm nay và hàng vạn đảng viên, hàng triệu đồng bào đã anh dũng hy sinh. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là cơ sở hạ tầng của nền chuyển chính vô sản. Muốn thực hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải thiết lập chế độ công hữu về tư liệu

sản xuất. Không có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất thì nền chuyên chính vô sản không có chỗ đứng; trái lại, giai cấp bóc lột và chế độ tư hữu vẫn tồn tại và có điều kiện để chống lại Nhà nước của quần chúng lao động do giai cấp công nhân làm trung tâm. Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế nhất định tiếp tay cho bọn phản động trong nước chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, chủ nghĩa hữu khuynh đang là trở ngại chủ yếu. Chủ nghĩa hữu khuynh là hiện tượng khá phổ biến trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ tư hữu, kể cả việc xóa bỏ bóc lột theo lối phong kiến, xóa bỏ giai cấp tư sản và cải tạo những người sản xuất nhỏ, buôn bán nhỏ. Vốn xuất thân từ những người tư hữu nhỏ và sống trong một xã hội có những người sản xuất nhỏ, nhiều người trong chúng ta còn mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường. Có trực diện đứng trước hai con đường cần phải lựa chọn mới thấy rõ giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản cao hay thấp. Là người cộng sản, trong hành động thì phải dứt khoát xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ chế độ tư hữu — nguồn gốc của mọi tai họa xã hội. Rõ ràng là đã có sai lầm hữu khuynh, buông lỏng công tác cải tạo công nghiệp, thương nghiệp tư bản tư doanh, cải tạo tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và tiểu thương để cho bọn tư sản cũ và mới phục hồi và phát triển, và do dự, chần chạp đối với việc cải tạo nông nghiệp, để cho thế lực tư phát tư bản chủ nghĩa hoạt động, làm hỗn loạn trật tự kinh tế, xã hội.

Đi liền với thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, Nhà nước phải bảo đảm cho người lao động có việc làm, ra sức phát triển sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất mới, phát huy tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất mới, từng bước cải thiện và

nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tích lũy để tái sản xuất mở rộng, đây là vấn đề chiến lược then chốt trong chặng đường đầu tiên. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, phải tổ chức lại toàn bộ nền sản xuất xã hội.

Người lao động được giải phóng trở thành người làm chủ tập thể, lao động nhiệt tình và sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và có hiệu quả cao. Để khuyến khích nhiệt tình, sáng tạo của người lao động, cùng với việc giáo dục chính trị, tư tưởng, phải có cơ chế quản lý thích hợp, xóa bỏ lối quản lý hành chính, tập trung quan liêu chủ nghĩa, gò bó, không tính toán năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, hạn chế tính tích cực, sáng tạo của quần chúng, đồng thời phải chống khuynh hướng cực bộ, bản vị, phân tán, tự do chủ nghĩa vốn là thói quen của những người sản xuất nhỏ, tư hữu nhỏ. Thực tiễn hai năm qua chứng minh tác dụng của cơ chế khoán mới trong nông nghiệp theo chỉ thị số 100 của Ban bí thư. Có nhớ lại sự trì trệ trong nông nghiệp những năm trước đó, khi chưa thực hiện chế độ khoán sản phẩm đến người lao động mới thấy hết tác dụng của việc thực hiện cơ chế khoán mới; cách khoán này kết hợp được lợi ích của Nhà nước, của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động. Song cơ chế khoán mới còn chậm được hoàn thiện và còn nhiều hiện tượng khoán trắng. Quyết định số 25/CP của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường quyền chủ động sáng tạo của xí nghiệp công nghiệp quốc doanh có tác dụng tích cực, song cũng có một số vấn đề cần bổ sung mà Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành trong quyết định số 146, nhưng nhiều nơi chưa nghiêm chỉnh thực hiện. Nhiều chỉ thị, nghị quyết khác về công tác kinh tế cũng không được quán triệt và thực hiện đúng đắn.

Về động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, có nhiều vấn đề quan trọng cần được tiếp tục nghiên cứu cho sáng tỏ.

Trước hết, cần có chế độ phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm vai trò của quần chúng tham gia vào quản lý sản xuất, tổ chức phân phối, khắc phục hiện tượng dân chủ hình thức, tập trung quan liêu chủ nghĩa.

Hai là, nguyên tắc phân phối theo lao động, chống chủ nghĩa bình quân là một nguyên tắc lớn của chủ nghĩa xã hội. Không thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động thì không thể phát huy được tính hơn hẳn của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Không gắn lợi ích chung với lợi ích của cá nhân người lao động thì không thể khuyến khích tính chủ động sáng tạo. Chúng ta đã có không ít kinh nghiệm về vấn đề này.

Ba là, cần giáo dục sâu sắc lý tưởng và ý chí cách mạng; giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa gắn liền với chủ nghĩa yêu nước, nêu cao ý chí vươn lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không chịu khuất phục trước bất cứ khó khăn nào.

Về vấn đề phân phối: trước hết phải bảo đảm cho mọi người lao động có việc làm. Chính sách phân phối phải thể hiện lập trường giai cấp. Giai cấp công nhân là nhân vật trung tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội làm ra nhiều của cải quan trọng nhất cho xã hội. Giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa cùng với giai cấp công nhân là lực lượng trụ cột của xã hội ta và đều là chủ nhân của xã hội mới. Phân phối lưu thông đang là mặt trận nóng bỏng. Nhà nước không nắm được hàng, tiền, không làm chủ được phân phối, lưu thông thì không thể phân phối theo chính sách xã hội chủ nghĩa và cũng chính vì vậy mà chế độ công hữu về tư liệu sản xuất không phát huy được

tính hơn hẳn. Để hàng và tiền lọt vào tay những người buôn bán, kẻ cả tư sản và tiểu thương thì những thế lực này sẽ phân phối lại thu nhập của xã hội, gây tổn thất cho những người lao động và chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trên cả ba mặt của cách mạng quan hệ sản xuất (chế độ sở hữu, chế độ phân phối và chế độ quản lý) đều có những hiện tượng hữu khuynh khá nghiêm trọng cần được nghiêm khắc phê phán và kiên quyết khắc phục để đưa cách mạng tiến lên.

Về cách mạng khoa học và kỹ thuật. Nhiệm vụ trước mắt của khoa học xã hội là làm sáng tỏ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên, đồng thời đi sâu nghiên cứu về những vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ sản xuất nhỏ. Cách mạng khoa học kỹ thuật có nhiệm vụ đưa nhanh những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất làm ra nhiều của cải cho xã hội, nhất là góp phần thực hiện chương trình kinh tế xã hội, sử dụng tốt nhất lao động với đất đai và các cơ sở vật chất kỹ thuật, kết hợp ngay từ đầu nông nghiệp với công nghiệp, hình thành cơ cấu nông - công nghiệp ở huyện. Làm được như vậy là chuẩn bị cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ. Từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở phải góp phần tích lũy cho công nghiệp hóa, xây dựng nước nhà thành một nước công - nông nghiệp hiện đại.

Về cách mạng tư tưởng và văn hóa. Nhân dân lao động nước ta đang khắc phục muôn vàn khó khăn, gian khổ, nỗ lực phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cách mạng tư tưởng và văn hóa phải tiến hành đồng thời với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học - kỹ thuật. Nó vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của hai

cuộc cách mạng kia. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng tư tưởng là làm cho đường lối cách mạng của Đảng biến thành hành động cách mạng của quần chúng, bảo đảm sự phát triển của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng Mác-Lê-nin trở thành hệ tư tưởng của toàn xã hội, thực hiện sự nhất trí về chính trị và tinh thần ngày càng cao trong toàn xã hội.

Trước mắt, phải đẩy mạnh giáo dục về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chính trị do Đại hội đề ra, nâng cao cảnh giác, đấu tranh đẩy lùi cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương phải được phổ biến rộng khắp trong toàn Đảng để đảng viên chấp hành kết hợp với phát động phong trào quần chúng thực hiện nghị quyết ấy. Toàn bộ sự nghiệp cách mạng tư tưởng phải nhằm mục đích xây dựng một xã hội làm chủ tập thể của những người lao động theo đúng tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n: sự phát triển của mỗi người là điều kiện phát triển của toàn xã hội. Tư tưởng cách mạng phải chuẩn bị cho hành động cách mạng, tức là đi trước hành động. Công tác tư tưởng của chúng ta đang lạc hậu so với nhiệm vụ, và trên mặt trận tư tưởng và văn hóa cũng có những hiện tượng hỗn loạn như nghị quyết của Trung ương đã nói rõ. Những hiện tượng hữu khuynh về chính trị cũng như những hiện tượng hữu khuynh trên mặt trận tư tưởng và văn hóa khẳng định những kết luận của Trung ương là rất chính xác.

Cuộc cách mạng trên lĩnh vực văn hóa là xây dựng nền văn hóa, nền giáo dục quốc dân xã hội chủ nghĩa mà mục đích quan trọng là xây dựng con người mới làm chủ tập thể, xây dựng hệ thống các mối quan hệ mới trong xã hội mới phù hợp với chế độ chính trị, kinh tế, xã hội và nếp sống mới. Trên mặt trận tư tưởng và văn

hóa, một cuộc đấu tranh phức tạp và dai dẳng diễn ra ngay sau khi chế độ mới được thiết lập, chống lại ảnh hưởng của các hệ tư tưởng cũ, nền văn hóa cũ, lối sống cũ. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế đang tiến hành cuộc chiến tranh tư tưởng và văn hóa rộng khắp chống lại chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, chúng ta phải làm chủ mặt trận văn hóa chống lại âm mưu của kẻ thù.

Chính trên mặt trận tư tưởng và văn hóa cũng có những hiện tượng hữu khuynh buông lỏng cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, buông lỏng cuộc đấu tranh bảo vệ những nguyên tắc và kỷ luật hoạt động trong tổ chức Đảng và Nhà nước. Sự nghiệp giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, phẩm chất và lối sống cách mạng luôn luôn là công việc quan trọng thường xuyên nhằm bảo đảm sức chiến đấu và uy tín của Đảng, nhất là những lúc cách mạng phải đương đầu với những khó khăn to lớn. Cuộc đấu tranh chống những hiện tượng sa đọa về phẩm chất và nếp sống chưa phát huy được tác dụng mạnh mẽ. Không làm chủ mặt trận tư tưởng ở từng chi bộ, đảng bộ và trên mọi lĩnh vực của cách mạng thì không thể đẩy tới toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cần phải nhanh chóng tổ chức tốt cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong toàn xã hội và tất cả các tổ chức Đảng phải làm chủ mặt trận này.

Hội nghị Trung ương lần thứ tư quyết định *những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức* nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế xã hội trước mắt. Hội nghị không bàn chung về công tác tư tưởng hoặc về cách mạng tư tưởng và văn hóa, mà chỉ quyết định những vấn đề cấp bách về tư tưởng. Những vấn đề tư tưởng này vừa có tính *cấp bách* phải giải quyết vì nó đang cản trở

việc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế xã hội trước mắt, lại vừa rất cơ bản vì nó là những vấn đề thuộc về *tư tưởng chỉ đạo* của Đảng; nó liên quan đến những vấn đề về đường lối, về cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta cũng như cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc.

Việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Trung ương phải được gắn liền với công tác tổ chức thực hiện, phải tổ chức tốt việc thảo luận thực hiện Nghị quyết ở mọi cấp, mọi ngành và mọi đơn vị cơ sở. Qua nghiên cứu Nghị quyết, làm cho mọi người hiểu sâu hơn đường lối chính trị, đường lối kinh tế, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương *tự kiểm tra* sự chỉ đạo của mình, có kế hoạch tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường, thiết lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, trước hết là trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh, quyết định những chủ trương, biện pháp có hiệu quả để thực hiện những nhiệm vụ kinh tế xã hội đã đề ra.

Hội nghị Trung ương lần này chỉ quyết định những vấn đề tư tưởng và tổ chức nóng bỏng, liên quan đến việc thực hiện những nhiệm vụ cách mạng và chương trình kinh tế xã hội, còn những vấn đề về cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, những chính sách cụ thể về kinh tế, sẽ nghiên cứu và giải quyết sau. Trong việc thực hiện Nghị quyết, cần chú trọng những vấn đề cấp bách như những biện pháp bảo đảm cho Nhà nước nắm được hàng và tiền, tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý thị trường, ổn định giá cả; đẩy mạnh cải tạo

công thương nghiệp tư bản tư doanh, cải tạo tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và tiểu thương, triệt để xóa bỏ tư sản thương nghiệp; đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam-bộ, hoàn thiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh quyết định số 146 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh; nâng cao phẩm chất và lối sống cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước; xử lý những người mắc sai lầm nghiêm trọng, đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng và cơ quan Nhà nước...

Công tác tư tưởng cần chú trọng vào mấy vấn đề sau đây:

Làm rõ những quan điểm cơ bản của Đảng, phê phán những quan điểm, tư tưởng sai lầm.

Góp phần động viên và tổ chức phong trào quần chúng thực hiện các cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa, sản xuất, xây dựng, thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội.

Cải tiến công tác của bản thân các cơ quan làm công tác tư tưởng và góp phần tác động vào việc cải tiến sự lãnh đạo của các cấp, các ngành về công tác tư tưởng và công tác tổ chức.



Nghị quyết của Trung ương chỉ rõ tình hình cơ bản của cách mạng nước ta. Việc phê phán những quan điểm, tư tưởng sai lầm nhằm mục đích khắc phục khuyết điểm, hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ. Nghị quyết này có tác dụng chỉ đạo và giáo dục hết sức quan trọng. Vì vậy, nghị quyết cần được phổ biến đầy đủ và rộng rãi ở từng đơn vị cơ sở, trong tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước và các đoàn thể xã hội.

KỶ NIỆM LẦN THỨ 80 ĐẠI HỘI THỨ II ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ—XÃ HỘI NGÀ

I-VAN CA-PI-TÔ-NÔP

Bi thư Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô

NHỮNG người cộng sản Liên-xô, những bạn bè và những người cùng chí hướng với họ đang kỷ niệm lần thứ 80 Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga.

Tại đại hội này, V.I. Lê-nin và những người theo Lê-nin đã phân đầu thành lập được một đảng vô sản kiểu mới. Đại hội là một sự kiện nổi bật chẳng những trong lịch sử của Tò quốc chúng tôi, mà cả trong lịch sử thế giới. Chính là khi ấy, vào những tháng hè năm 1903, chủ nghĩa bốn sế vịch — một lực lượng tư tưởng — chính trị vĩ đại — đã bước lên sân khấu đời sống xã hội. Chính là khi ấy, một vấn đề mấu chốt đối với phong trào cách mạng — vấn đề đảng với tính cách là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân phải là đảng như thế nào trong thời đại hiện nay — đã được giải quyết. Toàn bộ kinh nghiệm của 80 năm qua, kinh nghiệm của bản thân và của quốc tế, đã chứng tỏ sự đúng đắn về nguyên tắc của quyết định đó. Kinh nghiệm đó dạy rằng: nếu không có một đảng có tổ chức, suy nghĩ và hành động theo kiểu Lê-

nin thì giai cấp công nhân, nhân dân lao động không thể nắm được chính quyền, xã hội xã hội chủ nghĩa không thể được xây dựng.

Khi thành lập đảng chúng tôi, Lê-nin cho rằng ý nghĩa sự tồn tại của Đảng là ở chỗ « giúp cho giai cấp công nhân phát triển về mặt chính trị và có tổ chức về mặt chính trị » (1). Cho nên, đảng của những người lê nin nít đã toàn tâm toàn ý phục vụ giai cấp vô sản, tất cả sự quan tâm và nguyện vọng của Đảng đều phục tùng lợi ích giai cấp cao nhất của giai cấp vô sản. Chính điều đó ngay từ đầu quy định tính chất giai cấp của đảng chúng tôi.

Trong 80 năm, từ chỗ là một tổ chức nhỏ của những người cách mạng mác xít, đảng chúng tôi đã biến thành một đảng hùng mạnh, đoàn kết nhất trí, ngày nay gồm hơn 18 triệu đảng viên. Dù nói đến bất cứ giai đoạn phát triển nào của Đảng cộng sản Liên-xô thì bản chất giai cấp —

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ. Mátxcơ-va, 1978, tập 4, tr. 472.

vô sản của nó cũng biểu hiện rõ trong hệ tư tưởng, chính sách, nguyên tắc tổ chức, thành phần của nó.

Hệ tư tưởng của đảng chúng tôi không phải là gì khác, mà chính là biểu hiện khoa học của ý thức cách mạng của giai cấp công nhân — giai cấp đứng ở trung tâm thời đại hiện nay. Theo tư tưởng của Lê-nin, tư tưởng đã cổ vũ những người theo Lê-nin tại Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga, thì thành lập một đảng kiểu mới có nghĩa là kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Nhiệm vụ ấy đã được giải quyết thắng lợi trước hết nhờ hoạt động lý luận và thực tiễn to lớn của bản thân Lê-nin — nhà tư tưởng thiên tài, người kế tục sự nghiệp của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Lê-nin đã phát triển học thuyết của hai vị phù hợp với những điều kiện lịch sử đã thay đổi, làm phong phú thêm học thuyết ấy bằng những nguyên lý và kết luận mới — những cái này đã là cơ sở của chiến lược và sách lược tất thắng của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh để giải phóng lao động, cái tổ xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Dưới ngọn cờ tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, những người cộng sản Liên-xô đã trải qua một con đường không dễ dàng nhưng vĩ đại và quang vinh từ việc tổ chức những cuộc đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản Nga chống chế độ chuyên chế Xa hoàng cho đến việc lãnh đạo xã hội của chủ nghĩa xã hội phát triển. Trên con đường đó, chúng tôi luôn luôn tin tưởng rằng chỉ có một đảng được vũ trang bằng lý luận cách mạng, nghiêm khắc tuân theo những nguyên tắc của hệ tư tưởng mác xít — Lê-nin mới thì mới có thể thể hiện và bảo vệ lợi ích căn bản của giai cấp công nhân.

Về mặt chính trị, đường lối của đảng chúng tôi bao giờ cũng đã và

đang được quy định bởi thực chất của sứ mệnh lịch sử mà bản thân các quy luật phát triển khách quan của xã hội dành cho giai cấp công nhân — tức là sứ mệnh liên minh với quần chúng lao động và lãnh đạo họ, nhằm chấm dứt sự thống trị của tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đảng của những người bôn sê vich do Lê-nin đứng đầu đã nhanh chóng trở thành lãnh tụ được thừa nhận của giai cấp vô sản cách mạng Nga. Đảng đã dắt dẫn quần chúng công nhân một cách vững vàng và tin tưởng đi tới giành chính quyền và trong khi làm như vậy, đã khéo léo sử dụng các hình thức hoạt động chính trị đa dạng, các phương pháp đấu tranh cách mạng khác nhau. Thắng lợi của Tháng Mười vĩ đại, đưa giai cấp công nhân lên cầm lái việc quản lý Nhà nước — đã trở thành sự toàn thắng thật sự của đường lối chính trị của đảng Lê-nin nít.

Trong quá trình xây dựng xã hội mới ở nước chúng tôi, vai trò của giai cấp công nhân là lực lượng xã hội cơ bản của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa đã lớn mạnh và được củng cố. Bước tiến của chúng tôi trên những bộ phận quyết định của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản bao giờ cũng đã — ngày nay cũng thế — tùy thuộc vào cống hiến lao động của giai cấp ấy. Giai cấp công nhân là người tiêu biểu tự nhiên và là chỗ dựa xã hội vững chắc của quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa. Quan điểm của giai cấp ấy, những tiêu chuẩn đạo đức hết sức nhân đạo của nó được tất cả những người xô viết chia sẻ và tiếp nhận. Tóm lại, trong đời sống của xã hội xã hội chủ nghĩa, vai trò chủ đạo thuộc về giai cấp công nhân. Việc củng cố hơn nữa vai trò ấy là yếu tố hết sức quan trọng và nhất thiết phải làm của toàn bộ chính sách đối nội của đảng chúng tôi.

Còn về hoạt động quốc tế của Đảng cộng sản Liên-xô, thì việc củng cố

tinh hữu nghị, phát triển sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã và đang giữ vai trò đặc biệt, ưu tiên trong hoạt động ấy. Những sợi dây bền chặt gắn bó Đảng chúng tôi với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Toàn thế giới đều biết đến sự đoàn kết thường xuyên, có hiệu quả của những người cộng sản xô viết với các lực lượng cách mạng, giải phóng, chống đế quốc. Như vậy, bản chất giai cấp của đảng chúng tôi bộc lộ trong chính sách đối ngoại của đảng cũng hùng hồn như trong chính sách đối nội.

Những nguyên tắc xây dựng đảng về tổ chức có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với cuộc đấu tranh cách mạng và hoạt động sáng tạo của đảng của giai cấp công nhân. Những nguyên tắc ấy phải như thế nào, chung quanh vấn đề này đã diễn ra cuộc tranh luận kịch liệt tại Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Lê-nin và những người theo Lê-nin kiên quyết chống lại tình trạng mập mờ về tổ chức có tính chất cơ hội chủ nghĩa, bảo vệ nguyên tắc tập trung triệt để trong xây dựng tổ chức đảng - tức là tất cả các tổ chức của đảng phải phục tùng các cơ quan cao nhất của đảng, người cộng sản phải hoạt động trên cơ sở một cương lĩnh thống nhất, một điều lệ thống nhất, một kỷ luật thống nhất đối với mọi người, trong sự liên hệ khăng khít với nguyên tắc dân chủ của quan hệ nội bộ đảng, với việc tuân thủ những tiêu chuẩn của tính đồng chí trong đảng. Bằng cách tiếp nhận và khẳng định những nguyên tắc đó đối với mình, Đảng đã đem lại một sức mạnh chính trị cho những ưu điểm lớn nhất mà về khách quan giai cấp công nhân vốn có - đó là tính tổ chức và sự đoàn kết nhất trí của giai cấp công nhân, tính kỷ luật, sự tương trợ theo tinh thần đồng chí, chủ nghĩa tập thể của giai cấp ấy. Và ngày nay, trong hoạt động tổ chức của mình, Đảng

cộng sản Liên-xô đang trước hết dựa vào những đức tính ấy của giai cấp chủ đạo trong xã hội Liên-xô.

Đảng chúng tôi từ khi ra đời cũng có tính chất vô sản về thành phần xã hội. Ngay trước năm 1905, tỷ lệ công nhân trong đảng đã là hơn 61%. Và bây giờ, công nhân đang là cái xương sống gồm 8 triệu người của đảng, trong lớp đảng viên mới gia nhập đảng, công nhân cũng chiếm ưu thế. Như trong số đảng viên dự bị được kết nạp năm ngoái, tỷ lệ công nhân là 59,4%.

Gắn liền như máu, thịt với giai cấp công nhân, ngay từ bước đi đầu tiên trên con đường lịch sử của mình, đảng lê nin nít chẳng những đã là người thể hiện lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản, mà còn là chiến sĩ đấu tranh hy sinh quên mình cho những yêu cầu dân chủ chung của mọi người lao động, mọi dân tộc ở Nga.

Cương lĩnh của đảng, được Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua, vừa nêu ra những nhiệm vụ trước mắt của giai cấp vô sản Nga trong cách mạng dân chủ - tư sản (cương lĩnh tối thiểu), vừa nêu ra những mục tiêu triển vọng của nó - lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa và thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa (cương lĩnh tối đa). Đây là nói đến các giai đoạn khác nhau đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, nhưng đồng thời điều đó cũng thể hiện mối liên hệ khăng khít khách quan giữa những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân và nguyện vọng dân chủ của mọi người lao động, của quần chúng nhân dân hết sức đông đảo. Từ đây bắt đầu cái đường lối chính trị của đảng lê nin nít đã xuyên suốt toàn bộ lịch sử của đảng và biểu hiện rõ trong cuộc đấu tranh của đảng chống mọi dạng biệt phái, trong thái độ của đảng không điều hòa với « bệnh ấu trĩ tả khuynh »

trong phong trào cộng sản, trong sự quan tâm của đảng đến việc xây dựng và củng cố khối liên minh cách mạng giữa giai cấp công nhân và nông dân, trong việc tích cực ủng hộ những tư tưởng và chính sách của mặt trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít và bọn phản động đế quốc chủ nghĩa, trong sự đoàn kết triệt để với các phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ vô tư cho các phong trào ấy.

Đảng chúng tôi không đóng cửa đối với bất cứ ai tự giác, tích cực tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, tổ ra sẵn sàng hoàn toàn gần gũi thân thiện với hoạt động sáng tạo của giai cấp công nhân — người xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, cùng với các công nhân công nghiệp, trong Đảng cộng sản Liên-xô cũng có đông đảo các công nhân nông trường quốc doanh, các nông trang viên (2,25 triệu), các chuyên gia nông nghiệp, các trí thức kỹ thuật và sáng tác, các cán bộ giáo dục, y tế, quản lý Nhà nước, các quân nhân, các sinh viên. Cứ 11 công dân Liên-xô ở tuổi 18 trở lên thì một người mang danh hiệu cao cả đảng viên cộng sản.

Trong lịch sử đã từng có — và bây giờ cũng có không ít — những chính đảng thậm chí hoạt động trong một xã hội bị chia rẽ bởi những mâu thuẫn giai cấp cũng tự tuyên bố là « đại biểu của toàn dân », khẳng định rằng họ không gần gũi với những giai cấp nhất định và phục vụ « toàn dân tộc ». Kiểm tra lại thì tất cả chỉ là chiêu bài che giấu sự phụ thuộc của họ vào hệ tư tưởng và chính sách của giai cấp thống trị — giai cấp tư sản. Những người mác xít — lê nin nít nhận thức rõ ràng ở nơi nào mà con người bị phân chia thành kẻ bóc lột và người bị bóc lột, thành kẻ áp bức và người bị áp bức thì bất cứ chính đảng nào cũng chỉ có thể là chính

đảng có tính chất giai cấp chứ tuyệt nhiên không phải là chính đảng toàn dân.

Chỉ dưới chủ nghĩa xã hội, hơn nữa ở giai đoạn chín muồi khá cao của nó, mới hình thành sự thống nhất thực tế giữa yếu tố giai cấp và yếu tố toàn dân trong tính chất của đảng của những người cộng sản. Ở đây, nghĩa là trong điều kiện của một xã hội đã xóa bỏ những đối kháng xã hội, cái xu hướng phát triển của đảng mác xít — lê nin nít mà có thể diễn đạt bằng những lời nói hình tượng của Ăng-ghe-n: « đảng ngày càng mọc sâu vào nhân dân », được triển khai một cách đầy đủ.

Mấy chục năm qua, ở nước chúng tôi đã diễn ra những biến đổi kinh tế — xã hội và chính trị căn bản, nhờ đó đất nước đã tiến lên một cột mốc mới, cao nhất đối với thời đại hiện nay, trong sự hình thành của hình thái cộng sản chủ nghĩa — cột mốc chủ nghĩa xã hội phát triển. Nền kinh tế của chúng tôi bây giờ là một tổ hợp kinh tế quốc dân hùng mạnh, thống nhất, phát triển có kế hoạch. Toàn thể nhân dân Liên-xô đã trở thành cơ sở xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng tôi — đó là một cộng đồng lịch sử mới của con người đã hình thành và đang phát triển như là sự liên minh không gì phá vỡ nổi giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức, như là tình hữu nghị anh em của tất cả các dân tộc và sắc tộc trong nước. Sự thống nhất về tư tưởng và chính trị — tinh thần của xã hội đã được củng cố. Nhà nước chuyên chính vô sản do Cách mạng Tháng Mười sản sinh ra, ở nước chúng tôi, đã trở thành Nhà nước toàn dân. Chính do kết quả của những biến đổi ấy, những biến đổi đã cải tạo tất cả các mặt đời sống của xã hội xã hội chủ nghĩa chúng tôi, trong khi vẫn duy trì bản chất giai cấp, công nhân của mình, đã trở thành đảng của toàn dân. Nó biểu

hiện lợi ích của tất cả các giai cấp và tập đoàn xã hội của xã hội xô viết.

Ngày nay chúng tôi nói: « nhân dân và đảng là thống nhất », điều đó — như Iu. V. An-đrô-pốp, Tổng bí thư Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đã nhận định — là kết quả sự « quan

sát một sự thật không thể chối cãi được rằng những mục tiêu và nhiệm vụ do đảng đặt ra cho mình, phản ánh chính xác những nguyện vọng, những nhu cầu của mọi người xô viết, và hàng triệu nhân dân chúng ta bằng việc làm của mình đang thực hiện chính sách của đảng » (2).



Điểm tổng kết quan trọng nhất của Đại hội thứ II Đảng cộng nhân dân chủ — xã hội Nga là: học thuyết Lênin về đảng đã trở thành thực tiễn sinh động của giai cấp công nhân cách mạng. Khâu trung tâm của học thuyết đó là tư tưởng về vai trò lãnh đạo của đội tiên phong vô sản trong cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân lao động, của quần chúng nhân dân, trong việc xây dựng xã hội mới. Ngay tại Đại hội, Lê-nin và những người cùng chí hướng với Người đã kiên quyết bác bỏ mưu mô của bọn cơ hội hòng biến đảng thành một tổ chức cải lương, có tính chất giáo dục, bám theo đuôi phong trào công nhân, thích ứng với sự tự phát của nó. Và toàn bộ con đường 80 năm mà Đảng cộng sản Liên-xô đã trải qua, về thực chất, đã là sự thể hiện nguyên lý của Lê-nin nói rằng sứ mệnh lịch sử của đảng là « lãnh đạo toàn bộ hoạt động thống nhất của toàn thể giai cấp vô sản, nghĩa là lãnh đạo họ về chính trị, và qua họ lãnh đạo mọi quần chúng lao động ».

Vấn đề vai trò của đảng cộng sản trong phong trào công nhân, trong cuộc đấu tranh cách mạng, trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một trong những điểm nút của cuộc tranh luận về tư tưởng — lý luận, của cuộc đấu tranh về chính trị. Đối với các đảng cộng sản các nước xã hội chủ nghĩa, thường thường người ta tung ra những lời buộc tội rằng các đảng ấy dường như « đặt mình lên trên xã

hội », « kim hãm sự phát triển của xã hội », « không để cho sáng kiến nhân dân nảy nở ». Thường khi người ta khẳng định thẳng thừng rằng chủ nghĩa xã hội có thể không cần đến những người cộng sản, không cần đến vai trò lãnh đạo của đảng.

Quan điểm của chúng tôi về điểm này là rõ ràng và được nhiều người biết. Nó xuất phát từ lý luận Mác-Lê-nin, dựa vào những kinh nghiệm phong phú của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Nó được toàn bộ lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước khác, được toàn bộ tiến trình đấu tranh của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động chống giai cấp tư sản, bọn phản cách mạng và những phần tử chống chủ nghĩa xã hội, xác nhận.

Cuộc sống chỉ ra rằng việc làm yếu vai trò của đảng cộng sản, bất cứ sự nhượng bộ nào đối với chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại bao giờ cũng gây thiệt hại cho lợi ích của giai cấp công nhân, lợi ích của nhân dân, và trong những điều kiện nhất định, thậm chí có thể đe dọa bản thân sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa. Và ngược lại, đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình càng triệt để bao nhiêu thì việc xây dựng xã hội mới càng có kết quả bấy nhiêu. Đương nhiên, luận điểm này không có gì là

(2) Iu. V. An-đrô-pốp: *Sáu mươi năm Lênin bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết*, bản tiếng Nga. Mát-xcơ-va, 1982, tr. 57 — 58

giống với việc giải thích theo lối tâm thường hóa về vai trò của đảng là « người ra lệnh ».

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của mình, khái quát thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản Liên-xô đã rút ra kết luận quan trọng về lý luận và chính trị về vai trò tăng lên của đảng trong đời sống của xã hội xô viết. Kết luận ấy đã trở thành một trong những luận điểm căn bản của quan niệm về chủ nghĩa xã hội phát triển, nó đã đi sâu vào kho tàng tư tưởng của đảng, của nhân dân. Vai trò của đảng tăng lên—đó là tính quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, nó biểu hiện đầy đủ nhất trong giai đoạn chủ nghĩa xã hội chín muồi. Song nó không được thực hiện một cách tự động, tự nó. Muốn thế, cần có những cố gắng của bản thân đảng, nhằm làm cho toàn bộ công tác của đảng có nội dung sâu hơn và có hiệu quả hơn, củng cố mối liên hệ của đảng với quần chúng, cải tiến sinh hoạt nội bộ đảng.

Về mặt này, hoạt động của các cơ quan cao nhất của đảng có ý nghĩa to lớn. Các đại hội đảng của chúng tôi « dường như vạch ra hành trình chung của sự vận động tiến lên của xã hội xô viết ». Những nghị quyết của Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô chính là bao hàm một ý nghĩa như vậy; đại hội đã xác định những nhiệm vụ về phát triển kinh tế và xã hội của đất nước trong kế hoạch 5 năm thứ 11 và trong những năm 80 nói chung, về cải tiến chế độ chính trị của xã hội xô viết, về tăng cường công tác tư tưởng, giáo dục. Cương lĩnh hòa bình cho những năm 80 do Đại hội thông qua chỉ ra con đường thực tế để làm cho loài người thoát khỏi nguy cơ chiến tranh hạt nhân nóng, chấm dứt chạy đua vũ trang.

Hội nghị toàn thể tháng 11-1982 của Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đã phân tích sâu sắc tình hình xây

dựng kinh tế và văn hóa trên những phương hướng cơ bản, tình hình đời sống xã hội. Nó đánh dấu một giai đoạn mới về chất lượng trong công tác tổ chức và chính trị của đảng. Sau khi nhận định về những thành tựu không thể nghi ngờ được, hội nghị toàn thể đề ra những vấn đề chưa được giải quyết nằm ở trọng tâm chú ý của đảng. Sự chú trọng được đặt vào việc cải tiến kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, cải tiến tác phong công tác, tăng cường kiểm tra việc chấp hành những nghị quyết được thông qua, nâng cao kỷ luật đảng, Nhà nước, lao động. Có thể có căn cứ đầy đủ nói rằng việc thực hiện những phương châm ấy đã đem lại kết quả, nhất là trong việc nâng cao tốc độ phát triển kinh tế. Đảng làm mọi việc để củng cố những cái đã đạt được, làm cho những xu hướng tích cực có tính chất ổn định.

Hội nghị toàn thể đã xác nhận chiến lược lâu dài của Đảng cộng sản Liên-xô nhằm làm cho đời sống của những người xô viết ngày càng tốt đẹp hơn, làm cho thành quả cố gắng lao động của họ ngày càng lớn hơn, làm cho sức sáng tạo của chế độ xã hội chủ nghĩa được phát huy ngày càng rộng rãi hơn. Một bộ phận không thể tách rời của chiến lược ấy là chương trình lương thực thực phẩm của Liên-xô, được Hội nghị toàn thể Trung ương tháng 5-1982 thông qua. Theo tư tưởng của chương trình ấy, nước chúng tôi đang thực hiện việc chuyển tất cả các ngành kinh tế quốc dân sang giải quyết những vấn đề phát triển hơn nữa sản xuất nông nghiệp, phát triển tổ hợp nông - công nghiệp, bảo đảm cung cấp đều đặn thực phẩm cho nhân dân. Ban chấp hành trung ương và chính phủ Liên-xô đang thực hiện những biện pháp lớn để nâng cao việc sản xuất hàng thường dùng trong nước, mở rộng các mặt hàng, nâng cao chất lượng hàng.

Chăm lo đến hạnh phúc của con người đã và vẫn là đường lối chung của đảng chúng tôi. Đảng coi việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng cho nhân dân, phát triển các lĩnh vực dịch vụ cùng với việc giải quyết vấn đề lương thực thực phẩm là bộ phận trung tâm của chương trình xã hội, được Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô phê chuẩn. Những vấn đề ấy được xem xét đều đặn tại các cuộc họp của Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, luôn luôn được Bộ chính trị chú ý.

Trong toàn bộ chính sách của mình, trong việc lãnh đạo xã hội xô viết, đảng xuất phát từ những thành tựu và khả năng thực tế của nước chúng tôi. Thành tựu chính, điểm tổng kết chính của hoạt động sáng tạo của chúng tôi là việc xây dựng xong chủ nghĩa xã hội phát triển ở Liên-xô. Đất nước đang ở bước đầu của giai đoạn dài về mặt lịch sử và hợp quy luật trong sự hình thành của hình thái cộng sản chủ nghĩa. Hiện nay, việc hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển là nòng cốt, là nội dung cơ bản của công tác của những người cộng sản Liên-xô, của đời sống lao động của mọi dân tộc ở Liên-xô. Điều đó đặt ra cho chúng tôi không ít nhiệm vụ lớn, quan trọng: nâng cao hơn nữa lực lượng sản xuất, phát triển và củng cố các quan hệ xã hội tập thể chủ nghĩa, phát triển và củng cố chế độ Nhà nước xô viết, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, khoa học và văn hóa.

Trung tâm chú ý của đảng chúng tôi, của toàn dân là việc thực hiện đường lối nâng cao hiệu quả của sản xuất xã hội, đẩy mạnh nó theo chiều sâu. Điều có ý nghĩa hàng đầu là đẩy nhanh bằng mọi cách tốc độ tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cơ khí hóa và tự động hóa sản xuất, cải tiến chất lượng sản phẩm, tiết kiệm và sử dụng hợp lý mọi dạng nguyên vật liệu, tăng cường hiệu quả đồng vốn và đầu

tư. Trong số những yêu cầu trước mắt, có việc cải tiến cơ chế kinh tế, nâng cao hiệu quả của chế độ khuyến khích lao động bằng vật chất và tinh thần. Đảng phấn đấu thực hiện triệt để những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa về phân phối. Đảng nhấn mạnh: chỉ có lao động và kết quả của lao động mới phải và có thể là nguồn đem lại hạnh phúc cho công dân của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Những nghị quyết của Hội nghị toàn thể Trung ương tháng 11, bài nói của đồng chí Iu. V. An-drô-pốp đang hướng toàn đảng, toàn dân Liên-xô vào sự cần thiết phải nhìn xã hội chúng tôi trong một tiến trình thực tế. Vấn đề là phải tỉnh táo quan niệm rõ chúng tôi đang đứng ở đâu, không nên chạy lên quá sớm, bắt tay vào những nhiệm vụ không thể thực hiện được. Nhưng cũng không được đứng ở những cái đã đạt được, không thể không sử dụng những khả năng phong phú mà chúng tôi hiện có.

Cách nhìn khoa học đối với các vấn đề tiến bộ xã hội, việc phát triển và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin, việc tổng kết và tích cực sử dụng những kinh nghiệm đã tích lũy được trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho đảng chúng tôi giữ được địa vị là lãnh tụ tập thể sáng suốt và có uy tín, là người tổ chức chính trị của nhân dân.

Đảng cộng sản Liên-xô đã và đang xuất phát từ chỗ cho rằng mối liên hệ của đảng với quần chúng càng bền chặt và đa dạng thì vai trò lãnh đạo của đảng sẽ càng được thực hiện có hiệu quả. "Muốn phục vụ quần chúng và đại biểu cho lợi ích được nhận thức một cách đúng đắn của họ, - Lenin dạy, - thì đội tiên phong, tức là tổ chức, phải tiến hành toàn bộ hoạt động của mình trong quần chúng... vừa kiểm tra trên mỗi bước đi, một cách cẩn thận và khách quan, xem mối liên hệ với quần chúng có được

giữ vững không, mối liên hệ đó có một thiết không? (3). Đối với những người cộng sản Liên-xô, di huấn đó của Lê-nin có ý nghĩa không thể phai mờ. Kinh nghiệm của quá khứ cũng như tình hình thực tế ngày nay chỉ ra rằng việc tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng – đó đồng thời là một quá trình thường xuyên khi đảng ngày càng đoàn kết và thống nhất với quần chúng lao động.

Đảng hấp thụ tư tưởng mới, nghị lực dạt dào từ trong đời sống nhân dân, kết tụ lại và thể hiện khái quát chúng trong chính sách, trong hoạt động thực tiễn của đảng. Đến lượt chúng, những tư tưởng được đảng đề xuất trở thành nhân tố mạnh mẽ kích thích năng lực sáng tạo của quần chúng, đem lại cho nó tinh tổ chức và phương hướng cần phải có và được quần chúng tiếp thụ, những tư tưởng đó trở thành sức mạnh vật chất thật sự.

Để mở rộng mối liên hệ với nhân dân, đảng sử dụng rộng rãi báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh và các khả năng khác để thông tin đầy đủ cho toàn thể nhân dân Xô viết về các nghị quyết và công việc của đảng. Nguyên tắc công khai trong công tác của các tổ chức đảng không phải là một khái niệm trừu tượng mà là hiện thực sinh động trong thực tiễn hằng ngày của chúng tôi.

Sự trao đổi thông tin giữa đảng và nhân dân là một quá trình có thể nói là hai chiều. Đối với Đảng cộng sản Liên-xô, thông tin từ bên dưới, từ quần chúng lao động, trước nay vẫn là nguồn thông tin quý báu, nó cho biết yêu cầu, tâm trạng và ý kiến của nhân dân Xô viết. Các luồng thông tin đó là muôn hình, nghìn vẻ. Đó là những ý kiến phát biểu tại các cuộc họp, trên báo chí, kiến nghị của các công dân gửi cho các cơ quan đảng và Nhà nước, thư từ của họ. Tháng Chạp năm ngoái, Bộ chính trị Trung

ương Đảng cộng sản Liên-xô đã xem xét như một vấn đề đặc biệt việc xử lý thư của nhân dân lao động. Bộ chính trị nhận xét rằng thư là bằng chứng về tinh tích cực chính trị của nhân dân Xô viết, là bằng chứng về việc họ tham gia trực tiếp vào việc cải tiến các hình thức quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, quản lý công việc xã hội và công việc Nhà nước. Bộ chính trị giao trách nhiệm cho các cơ quan Đảng và Nhà nước, các bộ và tổng cục Liên-xô phải thi hành những biện pháp cần thiết để nghiên cứu cẩn thận và giải quyết những yêu cầu, đề nghị, ý kiến nêu trong các thư.

Trong việc mở rộng liên hệ giữa đảng và nhân dân, không gì thay thế được việc các ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, ủy viên các cấp ủy địa phương, các cán bộ lãnh đạo khác tiếp xúc trực tiếp với các tập thể lao động, với nhân dân. Việc đồng chí lu. V. An-drô-pốp gấp gáp công nhân chế tạo máy cái Mát-xcơ-va đề bàn bạc những vấn đề nóng bỏng của tình hình thực tế đất nước, có tiếng vang rộng lớn trong đảng và trong nước. Cuộc gặp gỡ đó là một ví dụ hùng hồn về mối liên hệ bền chặt giữa đảng và quần chúng.

Các tổ chức cơ sở đảng có vai trò và trách nhiệm to lớn trong việc củng cố và tăng cường mối liên hệ đó, trong việc đề cao ảnh hưởng của đảng trong các tập thể lao động. Hiện nay, đảng chúng tôi có 427 000 tổ chức cơ sở. Các tổ chức cơ sở thực tế đang hoạt động trong tất cả các xí nghiệp, nông trang, nông trường, cơ quan, trường học, bảo đảm kết hợp chính sách của đảng với sự sáng tạo sinh động của quần chúng.

Tháng 4-1983, hội nghị khoa học – thực tiễn toàn liên bang được triệu tập theo quyết định của Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô; tại hội nghị

(3) V. I. Lê-nin: *Tư tưởng và hành động*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 24, tr. 51.

này, các cán bộ và các cốt cán của đảng, các nhà khoa học xã hội đã phân tích tỉ mỉ việc các tổ chức cơ sở đảng ngày nay đang thực hiện như thế nào vai trò của mình nhằm phát huy tính tích cực của những người lao động trong sinh hoạt xã hội và trong sản xuất, nhằm củng cố kỷ luật, cải tiến tác phong công tác.

Các tài liệu của hội nghị này góp phần vào việc đi sâu suy nghĩ về những kinh nghiệm nhiều mặt mà các địa phương tích lũy được, phân tích đầy đủ hơn cần dùng biện pháp và phương tiện gì làm cho hoạt động của các khâu cơ sở đảng đáp ứng được những yêu cầu do cuộc sống ngày nay đề ra.



Vai trò của đảng với tư cách là người lãnh đạo xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đặt ra những yêu cầu cao đối với chính sách cán bộ của đảng. Hiện tại, chúng tôi có một hệ thống lựa chọn, sắp xếp và giáo dục cán bộ đem lại hiệu quả khá. Thái độ trân trọng, chăm sóc cán bộ đã được xác lập. Chúng tôi quan tâm nhiều đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ chính trị và kinh nghiệm của cán bộ lãnh đạo đảng. Chẳng hạn, hiện nay, tất cả các đảng viên là bí thư tỉnh ủy, liên khu ủy và ủy viên Trung ương Đảng cộng sản các nước Cộng hòa liên bang đều là chuyên gia thuộc những ngành mà họ đang công tác. Gần một nửa số bí thư các cấp ủy địa phương đều học qua trường chính trị của đảng.

Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô cũng nhận thấy còn có những thiếu sót trong công tác cán bộ. Đôi khi còn đưa vào chức vụ lãnh đạo những người lạc hậu so với cuộc sống, không có năng lực làm việc đáp ứng được trình độ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của chúng tôi hiện nay. Còn gặp những hiện tượng một số cán bộ lãnh đạo vi phạm kỷ luật của Đảng và của Nhà nước, vi phạm tiền chuẩn đạo đức của chúng ta. Ban chấp hành trung ương yêu cầu tất cả các tổ chức đảng phải kiên quyết đấu tranh chống lại những hiện tượng tương tự. Đảng cộng sản Liên-xô đặt ra một cách rõ ràng nhiệm vụ phân

dấu đưa cho được những người già dặn về chính trị và trong sáng về đạo đức, giỏi về chuyên môn và giàu sáng kiến, có năng lực tổ chức và nhạy cảm với cái mới vào cơ quan lãnh đạo tất cả các lĩnh vực công tác Đảng, Nhà nước, kinh tế và văn hóa - giao dục.

Đảng cộng sản Liên-xô coi việc xác lập ở khắp mọi nơi tác phong lễ nín nít là điều có tầm quan trọng to lớn - đó là tác phong sáng tạo, nó đòi hỏi phải có quan điểm khoa học đối với tất cả các quá trình và hiện tượng xã hội, phải thường xuyên dựa vào quần chúng, phải thực sự thực tế, có quan điểm cụ thể và nghiêm túc. Căn cứ vào việc làm chứ không phải vào những lời nói ồn ào - đó chính là cái mà chúng tôi cần.

Đảng luôn luôn đấu tranh để thanh toán mọi khuyết điểm, mọi hiện tượng tiêu cực. Đảng kiên quyết đấu tranh để trừ tận gốc chủ nghĩa hình thức, bệnh «thích tỏ chức» theo lối quan liêu, phần đầu ngoan cường để dọn sạch khỏi đường đi của chúng tôi tất cả mọi trở ngại kìm hãm tinh thần chủ động, tư tưởng và nghị lực sáng tạo của quần chúng lao động. Đảng thường xuyên chăm lo tạo điều kiện phát huy nhiệt tình lao động và tính tích cực xã hội của nhân dân xô viết, phát huy ý thức thật sự làm chủ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của họ.

Tác phong lễ nín nít mang bản chất dân chủ. Đồng chí Iu. V. An-đrô-pốp

nói: « Là hạt nhân của chế độ chính trị của xã hội xô viết, bản thân Đảng là một tấm gương về việc tổ chức một cách dân chủ toàn bộ hoạt động của mình; Đảng vạch ra và phát triển các nguyên tắc dân chủ, các nguyên tắc này đang đi vào mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Đó là một trong những biểu hiện quan trọng nhất của vai trò lãnh đạo của Đảng trong đời sống xã hội, của tác động cổ vũ của Đảng đối với quần chúng » (1). ➤

Những nguyên tắc của chủ nghĩa bốn sê vich mà Lê-nin đã luận chứng và bảo vệ tại Đại hội thứ II Đảng cộng sản dân chủ-xã hội Nga, đã trở thành cơ sở cho việc xây dựng tổ chức và hoạt động của Đảng cộng sản Liên-xô. Phải là một đảng lớn mạnh có tinh thần quần chúng và đồng thời không bị làm bần bởi những phần tử cơ hội, đề phòng tình trạng tồn tại một tổ chức không có hình thức và bị xóa mất những ranh giới rõ ràng - Lê-nin coi đó là điều cực kỳ quan trọng trong công tác xây dựng đảng. Trên cơ sở học thuyết của Lê-nin, quan hệ nội bộ đảng đang được hoàn thiện không ngừng, sự thống nhất của đảng về tư tưởng và tổ chức được củng cố, nguyên tắc lãnh đạo tập thể được phát triển, tinh thần chủ động và ý thức trách nhiệm của những người cộng sản đối với tình hình trong đảng bộ mình và trong toàn đảng nói chung, ngày càng được đề cao. Nhờ nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc Lê-nin này trong sinh hoạt đảng, nghiêm chỉnh tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng cộng sản Liên-xô luôn luôn bảo đảm cho hoạt động của mình có hiệu quả cao. Kết hợp hài hòa tập trung và dân chủ, đó là nguồn gốc làm cho đảng vững mạnh, bảo đảm cho đảng phát triển cường thịnh, có sức chiến đấu cao và tăng cường liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đảng chúng tôi bao giờ cũng đã và đang coi nguyên tắc tập trung trong

sinh hoạt và hoạt động của mình là phương tiện bảo đảm tính tổ chức cao và sự thống nhất hành động của những người cộng sản. Còn nguyên tắc dân chủ thì thực chất của nó được trình bày rõ ràng trong lời sau đây của Lê-nin: « Tất cả mọi công việc của đảng đều được tất cả các đảng viên, hoàn toàn bình đẳng và không có ngoại lệ nào, tiến hành trực tiếp hoặc thông qua các đại biểu » (5).

Uy tín, ảnh hưởng của đảng, hiệu quả toàn bộ công việc của đảng trực tiếp tùy thuộc ở chỗ làm thế nào để bảo đảm được sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, đặt các nghị quyết trên nền tảng vững chắc là tổ chức thực hiện chúng một cách không điều kiện. Không phải ngẫu nhiên mà gần đây chúng tôi chú ý nhiều hơn đến việc kiểm soát. Trong việc kiểm soát thì điều chủ yếu là kiểm tra xem các nghị quyết đã được thông qua đang được thực hiện như thế nào trong thực tế. Phù hợp với yêu cầu của Hội nghị toàn thể Trung ương tháng 11-1982, một điều đang trở thành qui tắc trong đảng là: chỉ ra những nghị quyết mới về các vấn đề lớn, thật sự chín muồi và chỉ sau khi các nghị quyết trước đã được thực hiện. Điều đó hoàn toàn phù hợp với truyền thống Lê-nin này: mọi cái đã quyết định thì phải thi hành. Trong thực tiễn, điều đó có tác dụng đề cao tinh thần trách nhiệm của các đảng ủy và đảng bộ, của cán bộ lãnh đạo tất cả các cấp, của tất cả mọi đảng viên cộng sản Liên-xô đối với công việc được giao.

Một nét tiêu biểu của Đảng cộng sản Liên-xô từ khi đảng ra đời, là kỷ luật đảng nghiêm minh và tự giác. Ngày nay đặc điểm này của đảng chúng tôi có tầm quan trọng đặc biệt.

(4) Iu. V. An-drô-pốp: « Học thuyết C. Mác và một số vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô ». *Tạp chí Công sản*, số 5-1983, tr. 20.

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 14, tr. 324.

Quy mô rộng lớn và tinh chất phức tạp của những nhiệm vụ được đặt ra trước xã hội xã viết, đòi hỏi phải đề cao tính quy củ và tính tổ chức trong tất cả các khâu của nền kinh tế quốc dân, cũng cố kỷ luật kế hoạch, kỷ luật lao động và pháp luật Nhà nước, và người ta dễ hiểu là trong điều kiện của chúng tôi, điều này tùy thuộc rất nhiều vào tác dụng nêu gương của những người cộng sản. Họ phải, như Lê-nin kêu gọi, thật sự "đi trước tất cả về mặt kỷ luật lao động và nỗ lực công tác" (6).

Đảng giáo dục các đảng viên phải hiểu biết và tôn trọng lợi ích của toàn dân. Đảng đấu tranh kiên quyết chống các khuynh hướng cục bộ, địa phương. Những người cộng sản xô viết phải thật sự có quan điểm đảng đối với việc giải quyết mọi vấn đề kinh tế, xã hội, tức là phải đối xử với mọi công việc xuất phát từ lập trường chính trị, vì lợi ích chung của cả nước, Đảng coi việc bảo đảm sự thống nhất công tác tổ chức và công tác giáo dục tư tưởng là một nguyên tắc cực kỳ quan trọng. Kinh nghiệm cho thấy rằng công tác chính trị tư tưởng nếu không được củng cố bằng công tác tổ chức, thì thu được ít kết quả, còn công tác tổ chức nếu tách rời công tác tư tưởng thì thường là nghèo nàn về nội dung.

Hội nghị đảng viên là hình thức để các đảng viên tham gia thiết thực vào việc thảo luận và quyết định các vấn đề của bản thân đảng cũng như các vấn đề xã hội rộng lớn. Đó là diễn đàn để phát biểu ý kiến một cách thẳng thắn, kỹ lưỡng về chính sách và công việc của đảng, của đất nước. Trong thời gian gần đây, các cuộc họp đảng viên đã có nội dung phong phú hơn, đem lại nhiều kết quả hơn, do đó góp phần rõ rệt vào việc nâng cao hiệu quả công tác đảng.

Năm nay, những người cộng sản Liên-xô đã cùng toàn dân tích cực

tham gia cuộc thảo luận bản dự thảo Luật về các tập thể lao động và đề cao vai trò của các tập thể đó trong việc quản lý các xí nghiệp, cơ quan, tổ chức. Cùng với quần chúng ngoài đảng, họ đưa ra trên 100 000 đề nghị phản ánh việc quần chúng lao động quan tâm đến việc củng cố cái tổ bảo cơ sở đó của cơ thể kinh tế và chính trị chúng tôi.

Chúng tôi rất coi trọng việc xác lập tinh thần tự phê bình, không nhân nhượng đối với thiếu sót trong tất cả các tổ chức đảng, đề tạo ra trong mỗi tập thể một bầu không khí có lợi cho sự phê bình thiết thực theo tinh thần đồng chí. Đảng coi phê bình và tự phê bình là điều kiện có tầm quan trọng sống còn để bảo đảm sự phát triển lành mạnh của Đảng, để đề cao ảnh hưởng và uy tín của Đảng, để củng cố sự thống nhất hàng ngũ đảng, là phương tiện hiệu nghiệm để giáo dục cán bộ. Đảng kiên trì phấn đấu làm cho cán bộ lãnh đạo, tất cả các tổ chức và cơ quan có sự hưởng ứng đúng mực đối với việc phê bình, từ đó rút ra những kết luận cần có.

Vô cùng thiết tha với sự tiến bộ không ngừng của xã hội xô viết, với việc phát huy tinh thần chủ động và tính tích cực của toàn thể đảng viên, Đảng cộng sản Liên-xô tạo khả năng để mỗi đảng viên phát biểu thẳng thắn ý kiến của mình về bất kỳ vấn đề gì, thuyết phục các đồng chí khác chấp nhận lẽ phải của mình, chỉ ra khuyết điểm trong công tác và phấn đấu sửa chữa chúng. Các đảng viên được bảo đảm hoàn toàn tự do thảo luận, họ có quyền phê bình tại các đại hội đảng từ cơ sở đến toàn liên bang, tại các cuộc họp ban chấp hành đảng bộ, trên báo chí của đảng, đối với bất kỳ cán bộ nào, không kể họ giữ chức vụ cao hay thấp. Quyền phê bình được ghi trong Điều lệ Đảng cộng sản Liên-xô,

(6) V. I. Lê-nin : Sách đã dẫn: tập 39 và tr. 349.

và những người cộng sản Liên-xô đang tích cực sử dụng quyền đó

Sự phát triển dân chủ nội bộ đảng gắn liền với việc nâng cao vai trò của cốt cán được bầu ra của Đảng. Chính họ có nhiệm vụ thực hiện nguyên tắc của Lê-nin về lãnh đạo tập thể trong đảng. Cốt cán được bầu ra ở nước chúng tôi mỗi năm một lần, trình độ chính trị và công tác của họ hoàn thiện dần. 4 triệu 650 nghìn người có uy tín và ảnh hưởng nhất trong các tổ chức của Đảng, đã được bầu vào các đảng ủy và chi ủy, làm bí thư và tổ trưởng đảng. Trong số họ có gần 40% là công nhân và nông trang viên. Đó là một lực lượng tổ chức lớn lao. Đảng cố gắng làm thế nào để các cơ quan tập thể của Đảng làm việc một cách cụ thể, không thay thế công việc thực tế bằng tác phong chỉ hị hợp, đề lãnh đạo tập thể luôn luôn gắn với trách nhiệm cá nhân.

Như vậy trong sinh hoạt nội bộ của Đảng cộng sản Liên-xô, cả hai yếu tố của nguyên tắc tập trung dân chủ đều đồng thời được phát triển và củng cố. Việc nâng cao tính tích cực của những người cộng sản kết hợp với việc nâng cao tính chất rành mạch,

tính chất hiệp đồng trong công tác của tất cả các khâu của Đảng.

Trong xã hội chúng tôi, người cộng sản không có bất kỳ đặc quyền đặc lợi nào. Là đảng viên chỉ có nghĩa là có trách nhiệm cao hơn về tất cả những gì xảy ra trong nước, về vận mệnh của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến bộ xã hội.

Phẩm chất tư tưởng và đạo đức của mỗi người cộng sản càng cao, thì uy tín và ảnh hưởng của Đảng càng cao. Sự kiên định về tư tưởng, sự quên mình trong lao động, lòng trung thực và tinh nguyên tắc, tinh thần trách nhiệm cao, thái độ sẵn sàng có mặt ở đâu khó khăn nhất, sống vì lợi ích của quần chúng—đây là những phẩm chất nhờ đó mà những người cộng sản làm cho người ta theo mình. “Chúng ta phải cố gắng làm cho danh hiệu và ý nghĩa của đảng viên ngày càng cao hơn lên mãi...” (7). Những lời đó của Lê-nin tại Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ—xã hội Nga, ngày nay vẫn thể hiện tiêu chuẩn có tính chất cổ vũ và yêu cầu trong sinh hoạt của Đảng, của mỗi người cộng sản Liên-xô.



Trong cương lĩnh đầu tiên được thông qua 80 năm trước đây, Đảng của Lê-nin đã tuyên bố coi mình là bộ phận hợp thành của phong trào công nhân cách mạng quốc tế. Những người bôn sê vich bước vào đời sống chính trị như một đảng của những người quốc tế chủ nghĩa kiên cường. Lòng trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Đảng cộng sản Liên-xô.

Khi bắt đầu công cuộc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất, Lê-nin đã nhấn mạnh

rằng nghĩa vụ quốc tế của những người cộng sản là làm tối đa những gì có thể làm được trên đất nước mình để thực tiễn, ủng hộ và phát triển cách mạng ở tất cả các nước. Ngày nay, di huấn đó của Lê-nin được thể hiện ở nhiệm vụ quốc tế hai mặt thống nhất mà Đảng cộng sản Liên-xô đang giải quyết một cách triệt để. Thực chất của nhiệm vụ đó là cố gắng đạt được những thành tích mới trong sự tiến bộ của xã hội xã hội chủ nghĩa, và bằng cách đó tác động tới lực lượng đối

(7) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 7, tr. 354.

sánh trên thế giới, tới quá trình phát triển của thế giới, và ủng hộ có hiệu quả các phong trào cách mạng, tiến bộ của thời đại hiện nay. Đảng tuân theo lời dạy sáng suốt của Lê-nin cho rằng chúng ta gây tác động chính đến quá trình cách mạng thế giới bằng chính sách kinh tế của mình. Mỗi một thành tích của chúng tôi trong việc hoàn thiện xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, trong việc tăng cường hơn nữa sức mạnh của Nhà nước xô viết đều có ý nghĩa quốc tế, đều phục vụ cho sự nghiệp chung của chủ nghĩa xã hội thế giới, của cuộc đấu tranh của các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, vì dân chủ, tự do dân tộc và tiến bộ xã hội.

Việc tích cực mở rộng những mối liên hệ đồng chí với các đảng công sản và công nhân trên thế giới, việc tăng cường tinh đoàn kết giai cấp là biểu hiện rực rỡ của tính chất quốc tế chủ nghĩa của chính sách của Đảng cộng sản Liên-xô. Chiếm vị trí nổi bật trong hoạt động quốc tế của Đảng cộng sản Liên-xô là sự phát triển và đẩy mạnh hợp tác với các đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Thường xuyên đang diễn ra các cuộc gặp gỡ của các vị lãnh đạo đảng và Nhà nước anh em ở cấp cao, đang có sự trao đổi các đoàn đại biểu đảng và chính phủ với nhau. Các hội nghị các bí thư các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa về những vấn đề quốc tế, tư tưởng đã trở nên đều đặn; tại các cuộc gặp gỡ giữa các bí thư các ban chấp hành trung ương, còn có sự trao đổi ý kiến về những vấn đề hợp tác kinh tế.

Trong thời gian 1972 — 1982 ở Mát-xcơ-va, Vác-sa-va, Bu-đa-pét, Béc-lin và Pra-ha đã họp hội nghị các bí thư các ban chấp hành trung ương chuyên trách về các vấn đề công tác tổ chức đảng. Họ đã xem xét những vấn đề cấp bách về phát triển và củng cố về tổ chức các đảng cộng sản và công

nhân các nước xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hiện nay; xem xét vai trò của các đảng trong hệ thống chính trị của xã hội; xem xét kinh nghiệm thực hiện chính sách cán bộ; xem xét vấn đề nâng cao vai trò của các tổ chức cơ sở đảng, ảnh hưởng của các tổ chức đó đối với các tập thể lao động.

Các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa đã tích lũy được kinh nghiệm phong phú về sự lãnh đạo của đảng đối với các lĩnh vực khác nhau trong kinh tế và văn hóa, về các quan hệ nội bộ đảng. đúc kết lại, kinh nghiệm đó là tài sản quốc tế chung của toàn bộ cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Các đảng cầm quyền ở các nước anh em coi trọng việc nghiên cứu kinh nghiệm đó, coi trọng việc vận dụng sáng tạo kinh nghiệm đó. Đảng cộng sản Liên-xô trong thời gian từ sau Đại hội thứ XXVI đã cử sang các nước trong cộng đồng 10 đoàn đại biểu chỉ riêng để nghiên cứu kinh nghiệm về công tác tổ chức đảng, và ngược lại cũng đã đón hơn 30 đoàn đại biểu từ các nước xã hội chủ nghĩa sang nghiên cứu.

Sự hợp tác rộng rãi nhiều mặt, sự làm giàu cho nhau về kinh nghiệm phục vụ cho sự nghiệp chung của cộng đồng chúng ta, góp phần đáng kể vào việc tăng cường chủ nghĩa xã hội. Điều đó càng quan trọng bởi vì quá trình hoàn thiện chế độ mới đang diễn ra trong tình hình quốc tế khó khăn. Chủ nghĩa đế quốc thường xuyên gây sức ép đối với các nước xã hội chủ nghĩa, tăng cường hoạt động phá hoại chống các nước đó. Đảng cộng sản Liên-xô và các đảng anh em khác cho rằng trong những điều kiện ấy sẽ đặc biệt nguy hiểm nếu phạm sai lầm về chính trị; nếu làm suy yếu dù chỉ là một chút vai trò lãnh đạo của đảng, mối liên hệ của đảng với quần chúng; nếu tính toán sai trong công tác tư tưởng. Để tránh

không hiện tượng ấy mà kẻ thù giai cấp có thể lợi dụng trong cuộc đấu tranh chống lại chúng ta, thì điều cần thiết là phải đoàn kết hơn nữa nhân dân các nước anh em, phát triển sự hợp tác toàn diện, tương trợ giữa họ, củng cố sự thống nhất quốc tế.

Đảng cộng sản Liên-xô coi nghĩa vụ quốc tế của mình là ủng hộ và giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc, phát triển sự hợp tác với các nước đã thoát khỏi ách thực dân và đang đấu tranh giành độc lập chính trị và kinh tế. Đảng chúng tôi kiên quyết đấu tranh cho quyền của mỗi dân tộc tự quyết định vận mệnh và con đường phát triển của mình. Đảng và Nhà nước Liên-xô đặc biệt chú ý mở rộng và tăng cường các mối liên hệ với các nước theo phương hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi đánh giá cao phong trào không liên kết, phương hướng chống đế quốc và chống chiến tranh của nó.

Chủ nghĩa quốc tế, bản chất nhân đạo của chính sách đảng chúng tôi thể hiện trong cuộc đấu tranh nhằm ngăn ngừa thảm họa chiến tranh thế giới, nhằm thực hiện chiến lược hòa bình của Lê-nin. Ngày nay cuộc đấu tranh đó có ý nghĩa hàng đầu đối với vận mệnh của toàn thể loài người. Trên khía cạnh quốc tế, đảng cộng sản Liên-xô không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn nhiệm vụ bảo vệ hòa bình trên quả đất.

Chính sách đối ngoại yêu chuộng hòa bình của Đảng cộng sản Liên-xô và Nhà nước Liên-xô được các giới đông đảo nhất trong các tổ chức xã hội trên thế giới đồng tình và ủng hộ.

Không chỉ những người cộng sản, những đại biểu của các phong trào cách mạng, giải phóng, mà cả hàng triệu người có những quan điểm chính trị và tín ngưỡng hết sức khác nhau, đã nhiệt liệt hoan nghênh những sáng kiến hòa bình mới, do Liên-xô đưa ra trong thời gian gần đây, cũng như trong bản Tuyên bố chính trị của Hội nghị Ủy ban chính trị hiệp thương các nước tham gia Hiệp ước Vác-sa-va họp ở Pra-ha.

Cuộc đấu tranh cho hòa bình mà đảng chúng tôi tiến hành một cách không mệt mỏi, không tách rời sự giảng trả kiên quyết các mưu đồ xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, của các giới quân phiệt Mỹ đang mưu toan tổ chức cuộc "thập tự chinh" chống cộng sản. Cảnh giác cao đối với các âm mưu của thế lực phản động đế quốc hiếu chiến — đó là di huấn của Lê-nin mà những người cộng sản luôn luôn tuân thủ.

Chính sách yêu chuộng hòa bình của Đảng cộng sản Liên-xô có hiệu lực bởi vì nó đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của tất cả những người lao động, tất cả các dân tộc. Nó dựa vào sức mạnh thực tế về kinh tế và phòng thủ của Liên-xô, của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, dựa vào sự ủng hộ không giới hạn của nhân dân, dựa vào ý chí bảo vệ hòa bình của hàng triệu quần chúng ở tất cả các nước. Đảng chúng tôi tin chắc rằng các nhân tố đó có thể bảo đảm trên thực tế thắng lợi trong cuộc đấu tranh vĩ đại của các dân tộc cho hòa bình, cho việc duy trì cuộc sống trên hành tinh.



Liên-Xô đang kỷ niệm lần thứ 80 Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ-xã hội Nga trong khi thế lao động và chính trị rộng lớn, cho thấy sự

thống nhất không gì phá vỡ nổi giữa đảng và nhân dân, cho thấy sự cố kết hơn nữa của những người lao
(Xem tiếp trang 78)

Phẩm chất đảng viên



HÀM chất đảng viên là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng.

Thực tiễn đã chứng minh, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, phẩm chất đảng viên cũng là một yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp tới vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Có chăm lo giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên mới nâng cao được sức chiến đấu của Đảng, mới củng cố được mối liên hệ tốt đẹp giữa Đảng với quần chúng, bảo đảm cho Đảng ta có đủ sức hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nhấn mạnh: «Chất lượng lãnh đạo và uy tín của Đảng chính là ở đường lối đúng đắn và ở hiệu quả thực hiện đường lối ấy. Song một yếu tố cũng rất quan trọng để bảo đảm cho đường lối sát đúng, được thực hiện tốt và đề giữ vững uy tín của Đảng là phẩm chất của cán bộ, đảng viên trong công tác, trong cuộc sống tập thể và cá nhân» (1).

Những năm qua, bước vào giai đoạn mới của cách mạng--giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ Tổ quốc, số đông cán bộ, đảng viên của Đảng ta vững vàng, kiên định, tiếp tục nêu cao những phẩm

chất tốt đẹp của người công sản, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của quần chúng.

Song, mặt khác, đứng trước những thử thách của cuộc đấu tranh giai cấp trong hoàn cảnh mới, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, lại có sự tác động của chiến tranh tâm lý của địch, một số cán bộ, đảng viên không nhận thức được tình hình một cách đúng đắn, đã có những biểu hiện bi quan, dao động, ảnh hưởng đến lòng tin và ý chí chiến đấu cách mạng. Trong một bộ phận cán bộ, đảng viên (kể cả trong một số cán bộ trung cấp, cao cấp) đã bộc lộ những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất, như: tự do vô kỷ luật, không chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vô trách nhiệm trong công tác, tham ô, hủ hóa, chuyên quyền, độc đoán, xoay sở, ăn hối lộ, ức hiếp quần chúng, biến của công thành của riêng, gây chia rẽ, mất đoàn kết... Trong lúc cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt, phức tạp, có những cán bộ, đảng viên không chấp hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước; tham gia bóc lột bằng hình thức này, hình thức khác, thông đồng với những gian thương, những phần tử xấu để làm ăn phi pháp. Có những cán bộ, đảng viên sống bê tha, trụy lạc.

Những hiện tượng không lành mạnh nói trên là hoàn toàn trái ngược với bản chất cách mạng của Đảng ta, với phẩm chất, tư cách của người đảng viên công sản. Những việc làm sai

(1) Văn kiện Đại hội V, tập III, NXB Sự thật, Hà-nội, 1982, tr. 59.

trái ấy đã gây tác hại không nhỏ cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, làm ảnh hưởng xấu tới vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tới hiệu lực quản lý của Nhà nước, tới mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.

Đề tăng cường sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V và các chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng, một yêu cầu hết sức quan trọng đặt ra hiện nay là cần coi trọng hơn nữa việc giáo dục, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh khắc phục một cách có hiệu quả những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất.



Trước hết, cần có nhận thức đúng về yêu cầu giáo dục phẩm chất đối với cán bộ, đảng viên hiện nay. Phẩm chất đảng viên không phải là một khái niệm chung chung trừu tượng, cũng như không thể nhận xét một cán bộ, đảng viên có hay không có phẩm chất một cách trừu tượng, chung chung. Phẩm chất đảng viên bao giờ cũng gắn liền với những yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng nhằm tăng cường sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm cho mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được thực hiện một cách đúng đắn nhất. Lê-nin đã nói: « Đạo đức của chúng ta hoàn toàn phụ thuộc vào lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản » (2). Lê-nin còn nói: « Cơ sở của đạo đức cộng sản là cuộc đấu tranh để củng cố và hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản » (3).

Nói phẩm chất người đảng viên phải gắn liền với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng không có nghĩa là phủ nhận giá trị những phẩm chất tốt đẹp đã rèn luyện, tích lũy được trong giai đoạn trước. Song, cách mạng xã hội chủ

nghĩa là cuộc cách mạng vĩ đại nhất, sâu sắc nhất, triệt để nhất trong lịch sử; chỉ với những phẩm chất cũ, người đảng viên không thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn mới. Nhiệm vụ mới của cách mạng đòi hỏi chúng ta, một mặt phải nâng cao hơn những phẩm chất tốt đẹp vốn có cho phù hợp với yêu cầu mới; mặt khác, phải rèn luyện, bồi dưỡng cho mình những phẩm chất mà trong giai đoạn trước chúng ta chưa có hoặc cách mạng lúc ấy chưa đặt ra một cách trực tiếp, gay gắt như hiện nay.

Lòng yêu nước, lòng trung thành đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp, của dân tộc vốn là yêu cầu cơ bản về phẩm chất đối với cán bộ, đảng viên trong mọi giai đoạn cách mạng, nhưng rõ ràng là lòng yêu nước, lòng trung thành trong giai đoạn hiện nay có nội dung cao hơn giai đoạn trước. Trong giai đoạn cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, lòng yêu nước gắn liền với lòng yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là một; nói cách khác lòng yêu nước ngày nay là lòng « yêu nước xã hội chủ nghĩa ». Cũng như vậy, lòng trung thành của người đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng trong giai đoạn hiện nay không chỉ là chiến đấu quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc mà còn là phấn đấu kiên cường, triệt để cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Chỉ yêu nước nhưng do dự trước việc tiến lên chủ nghĩa xã hội hoặc chỉ tán thành chủ nghĩa xã hội trên lời nói nhưng không chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là sai lầm nghiêm trọng cả về nhận thức và phẩm chất.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, việc tổ chức đi vào làm ăn

(2), (3) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1969, tập 31, tr. 352, 357.

tập thể hoặc vấn đề ranh giới giữa lao động và bóc lột chưa đặt ra một cách gay gắt đối với cán bộ, đảng viên, nhưng đến nay mỗi vấn đề ấy trở thành một tiêu chuẩn, một yêu cầu về phẩm chất, tư cách đảng viên. Bởi vì một nhiệm vụ cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa là xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, tiến hành công hữu hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu. Đã là đảng viên thì dứt khoát không được tham gia bóc lột. Ai còn tham gia bóc lột, thì dù là cán bộ cấp nào cũng đều phải xem xét về tư cách đảng viên.

Cần khẳng định rằng người có bóc lột thì không có tư cách đảng viên của Đảng, vì Điều lệ Đảng đã quy định: đảng viên phải là người « có lao động, không bóc lột »... (Điều 1, chương 1, Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam). Những đảng viên hùn vốn với tư sản để kinh doanh hoặc đem vốn ra kinh doanh theo kiểu tư sản là thuộc loại người bóc lột. Đảng viên có tiền thừa thì phải đem gửi vào quỹ tiết kiệm của ngân hàng chứ không được đem ra kinh doanh để bóc lột. Những đảng viên có nhiều ruộng đất thuê nhân công để bóc lột hoặc bỏ vốn ra cho vay lấy lãi, mua hoa màu non, đến mùa thu hoạch bắt người vay phải trả bằng nông sản với lãi suất cao theo kiểu tư sản, phú nông, đều thuộc loại người bóc lột. Những đảng viên có nhà cho thuê, hoặc được Nhà nước phân phối cho nhà rộng, đem một phần nhà đó cho thuê cũng là có bóc lột. Những loại người có bóc lột trên đây đều không đủ tư cách đảng viên. Ở miền Nam hiện nay, Đảng và Nhà nước chủ trương đề 5 thành phần kinh tế: do đó trong một số chính sách kinh tế của Nhà nước đối với tư nhân trước đây là tư sản, phú nông vẫn còn đề một phần thu nhập có tính chất bóc lột. Nhưng đảng viên không được vin vào chính sách đó để tham gia bóc lột, viện cớ rằng mình cũng

làm theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phẩm chất quan trọng nhất đối với mỗi đảng viên, cán bộ của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay là gì? Đó là *sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa*. Có thể nói đó là « phẩm chất của mọi phẩm chất » đối với người cộng sản.

Từ trước tới nay trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, Đảng ta cũng yêu cầu mỗi đảng viên phải có *giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa*. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, phẩm chất ấy càng phải được khẳng định mạnh mẽ với những nội dung cụ thể. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nhấn mạnh: « Đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng đều phải là *những chiến sĩ cộng sản có lý tưởng và hành động theo đường lối của Đảng* » (4).

Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người đảng viên trước hết phải nhận thức được tính tất yếu của việc xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; hiểu rõ vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng xã hội mới. Trên cơ sở nhận thức ấy mà quyết tâm rèn luyện theo lập trường giai cấp công nhân, quyết tâm phấn đấu cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Lập trường giai cấp công nhân - như chúng ta biết, chính là lập trường chủ nghĩa Mác - Lê-nin, và lập trường đó không chỉ là lý luận cách mạng mà còn là đường lối chính trị của Đảng, hoạt động thực tiễn của Đảng. Mọi đường lối của Đảng ta từ trước tới nay đều là sản phẩm của sự kết hợp đúng đắn lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin với thực tiễn

(4) Văn kiện Đại hội V, Nxb 39 tập, Hà-nội, 1982, tập III, tr. 104.

cách mạng của nước ta. Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải nhất trí cao với đường lối của Đảng, về xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như về bảo vệ Tổ quốc, về công tác đối ngoại, vô luận trong hoàn cảnh nào cũng quyết tâm hành động theo đúng đường lối ấy của Đảng.

Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải có lập trường kiên định, vững vàng trước mọi thử thách, nhất là trong tình hình đang có khó khăn về kinh tế và đời sống hiện nay, có lòng tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng, không ngả nghiêng, dao động, không bàng quan, vô trách nhiệm.

Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong mọi mặt hoạt động, trước hết là gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gương mẫu trong công tác, trong sản xuất, trong chiến đấu cũng như trong lối sống; biết giữ vững đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không để cho những ham muốn vật chất lung lạc, cám dỗ, trở thành hư hỏng.

Hiện nay, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta đang diễn ra rất gay gắt, phức tạp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải có nhận thức rõ ràng, có thái độ dứt khoát về cuộc đấu tranh này, kiên định lập trường giai cấp công nhân, tích cực tham gia đấu tranh giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Nói một cách nghiêm túc, bản thân mỗi cán bộ, đảng viên cũng phải tự mình lựa chọn giữa "hai con đường": hoặc là trung thành với lý tưởng của Đảng, đi theo con đường

xã hội chủ nghĩa do Đảng vạch ra, đứng trong đội ngũ của Đảng; hoặc là, ngược lại.

Trong giai đoạn hiện nay, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa còn đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải nhận rõ, không một chút mơ hồ, hần chát phản động và những âm mưu thâm độc của tập đoàn cầm quyền Trung-quốc theo chủ nghĩa Mao, không một chút lơ là cảnh giác với đế quốc Mỹ, hăng hái đi đầu trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Đồng thời, nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, nhất là tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, đoàn kết và hợp tác chặt chẽ với Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Một phẩm chất rất quan trọng nữa đối với cán bộ, đảng viên hiện nay là *tinh tổ chức và kỷ luật*. Tinh tổ chức và kỷ luật vốn là một biểu hiện của tinh Đảng, một yêu cầu của nguyên tắc tập trung dân chủ, một phẩm chất không thể thiếu đối với người cộng sản, nhằm bảo đảm sự đoàn kết, sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

Trước hết, tinh tổ chức và kỷ luật đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn giữ vững sự nhất trí về đường lối của Đảng, chấp hành triệt để, không điều kiện các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, không thể tránh khỏi trong cán bộ, đảng viên có ý kiến này ý kiến khác nhưng Đảng đòi hỏi tất cả chúng ta — không trừ một người nào, dù có điểm chưa nhất trí vẫn phải tuyệt đối chấp hành; không được vì lợi ích của cá nhân, lợi ích của bộ phận mà gây trở ngại cho việc chấp hành các chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Tính tổ chức và kỷ luật đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có ý thức bảo vệ Đảng, bảo vệ uy tín của Đảng, giữ gìn truyền thống đoàn kết tốt đẹp của Đảng, tôn trọng và chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt của Đảng và trong công tác quản lý, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện tự do vô kỷ luật trong tổ chức Đảng, trong cơ quan, đơn vị, trong cán bộ, đảng viên và mọi luận điệu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù.

Như Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nguồn sức mạnh vô địch của Đảng là ở mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta càng phải chăm lo tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Nói tới phẩm chất người đảng viên không thể không xét tới *mối liên hệ của người đảng viên với quần chúng*. Đảng yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, hết lòng phục vụ quần chúng, chăm lo đời sống của quần chúng, luôn luôn gần gũi quần chúng, giáo dục quần chúng thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, lắng nghe ý kiến quần chúng để sửa chữa khuyết điểm, cải tiến công tác, tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước; không được quan liêu, mệnh lệnh, chuyển quyền, độc đoán, ức hiếp quần chúng. Đồng thời, Đảng yêu cầu chúng ta phải đứng vững trên lập trường, quan điểm của Đảng để xem xét, giải quyết các vấn đề một cách đúng đắn, không theo đuôi quần chúng, không xa rời các nguyên tắc chính sách của Đảng và Nhà nước.

Một vấn đề có ảnh hưởng lớn tới phẩm chất, tư cách đảng viên, tới uy tín của Đảng, nhưng lâu nay chưa được nhiều người quan tâm đúng mức, đó là *vấn đề lối sống của cán*

bộ, đảng viên. Chúng ta đều biết, đối với người cộng sản, cái quan trọng hàng đầu là phẩm chất chính trị. Song, điều đó không có nghĩa là người cán bộ, đảng viên không cần giữ gìn, rèn luyện về lối sống và có thể tự buông thả về lối sống một cách tùy tiện.

Trên thực tế, phẩm chất và lối sống của một người có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau; hơn nữa có những trường hợp rất khó tách bạch đâu là phẩm chất, đâu là lối sống. Một cán bộ, đảng viên có phẩm chất tốt cũng là người biết xác định cho mình một lối sống trong sạch, lành mạnh, không để cho những tính toán nhỏ nhen, những tham muốn vật chất lung lạc, cám dỗ. Một lối sống tùy tiện, xoay xở, bẻ tha, không kể gì tới dư luận, tự nó cũng nói lên phần nào phẩm chất của người cán bộ, đảng viên, và nếu lối sống ấy cứ tiếp diễn thì người cán bộ, đảng viên sẽ có nguy cơ thoái hóa, biến chất.

Cuộc sống đã cho thấy, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, lối sống của cán bộ, đảng viên là một vấn đề mà quần chúng rất quan tâm, quần chúng chỉ quý mến những người có lối sống trong sạch, lành mạnh. Cuộc sống cũng đã chứng minh, sự hư hỏng, thoái hóa biến chất của nhiều cán bộ, đảng viên thường bắt đầu từ những biểu hiện không lành mạnh về lối sống.

Người cán bộ, đảng viên có phẩm chất, có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa là người biết sống, có lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị, liêm khiết, với ý thức đầy đủ rằng lối sống của mình có ảnh hưởng trực tiếp tới phẩm chất, tư cách đảng viên của mình, tới uy tín của Đảng, tới mối quan hệ với quần chúng.



Phấn đấu nâng cao phẩm chất cách mạng là nhiệm vụ suốt đời của người

cộng sản. Không gì có thể thay thế sự tự giác phấn đấu rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên. Có thể nói, chừng nào trái tim mình còn đập, người cộng sản chúng ta còn phải phấn đấu rèn luyện phẩm chất. Sẽ là chủ quan, sai lầm nếu có ai cho rằng mình đã có quá trình thử thách, « vào sinh ra tử », « vào tù ra tội », đến nay chẳng có vấn đề gì về phẩm chất.

Muốn nâng cao phẩm chất, làm tròn vai trò người chiến sĩ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, chúng ta cần không ngừng học tập và rèn luyện về mọi mặt. Có học tập, nắm vững những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng mới có cơ sở để suy nghĩ và hành động đúng đắn, mới có năng lực để giáo dục, vận động quần chúng. Không có kiến thức đến mức cần thiết, không thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng sẽ không thể có lòng tin vững chắc vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, không phân biệt được đúng, sai trước nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, và do đó cũng sẽ thiếu quyết tâm thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Như Hồ Chủ tịch đã dạy, việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng phải gắn liền với việc thường xuyên liên hành tự phê bình và phê bình. Chỉ có thông qua tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc trong sinh hoạt của Đảng kết hợp với việc phê bình của quần chúng mới củng cố và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp, mới sửa chữa được những sai lầm, khuyết điểm, cũng như « ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong ».

Trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng có vai trò hết sức quan trọng.

Trước hết, đó là sự thường xuyên chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, nâng cao nhận thức về đường lối, chính sách của Đảng, về đạo đức, phẩm chất cách mạng. Việc giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên cần gắn liền với việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ, kịp thời đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện không lành mạnh ngay từ khi mới chớm nở.

Đi đôi với việc giáo dục nâng cao nhận thức, cần đề cao kỷ luật nghiêm minh của Đảng. Kỷ luật có nghiêm mới giữ vững được sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, vừa giáo dục người phạm sai lầm vừa ngăn ngừa những cán bộ, đảng viên khác. Bảo đảm kỷ luật nghiêm minh tức là ai phạm sai lầm, khuyết điểm đến mức cần thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật, và tùy theo tính chất, mức độ, tác hại của sai lầm mà xử lý thích đáng, đúng với kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không dung túng bao che, không phân biệt cán bộ cấp cao, cán bộ có chức có quyền với cán bộ, đảng viên thường. Bào cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nói rõ: « Trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước, kỷ luật phải bình đẳng. Không có ngoại lệ với bất kỳ ai... Càng giữ chức vụ cao, càng được rèn luyện lâu năm trong Đảng nếu phạm kỷ luật thì việc thi hành kỷ luật càng phải nghiêm khắc » (5).

Hiện nay, trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, đang có những quan điểm không đúng. Có những đồng chí cho rằng, chỉ cần cán bộ, đảng viên có năng lực, làm được việc, còn về phẩm chất, về lối sống thì có thể

(5) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1982, tập III, tr. 59.

«chăm chú» ; hoặc cho rằng trong buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều khó khăn, phức tạp, nhất là trong tình hình đang có khó khăn về kinh tế và đời sống hiện nay, «không nên nhấn mạnh tới kỷ luật». Những nhận thức sai trái ấy đã dẫn tới việc buông lỏng kỷ luật của Đảng, và đó là một trong những nguyên nhân làm cho những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất và lối sống trong cán bộ, đảng viên chậm được khắc phục. Hiện nay, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang hàng ngày hàng giờ tác động vào đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kẻ thù cũng đang dùng nhiều thủ đoạn nhằm làm hư hỏng cán bộ, đảng viên. Bởi vậy, Đảng ta phải quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên, giữ gìn kỷ luật nghiêm minh hơn bao giờ hết. Lê-nin đã nhấn mạnh: «Kẻ nào làm yếu — dù chỉ là chút ít — kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyển chính của nó) là thực tế giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản (6)».

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ, để nâng cao phẩm chất, tư cách đảng viên, giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên. Những năm qua, Đảng ta đã đưa ra khỏi Đảng nhiều người như vậy. Nhưng do nhiều nơi chưa có nhận thức đúng đắn, chưa có những biện pháp kiên quyết, tích cực, đến nay vẫn còn không ít những người không xứng đáng với danh hiệu đảng viên, những người thoái hóa, biến chất chưa được đưa ra khỏi Đảng. Chúng ta cần nắm vững hơn nữa tư tưởng chỉ đạo của Đảng về vấn đề này. Tiếp theo nghị

quyết Đại hội toàn quốc thứ V, nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng «*Những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức*» đã chỉ rõ: «Phải kiên quyết đuổi ra khỏi Đảng và cơ quan Nhà nước những phần tử thoái hóa, biến chất đến nay vẫn còn béc lột, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương, tư sản để làm giàu, ức hiếp quần chúng. Thi hành kỷ luật thật nghiêm đối với những cán bộ lãnh đạo và quản lý tỏ ra vô trách nhiệm, không chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đưa ra truy tố trước pháp luật những phần tử lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân và ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Phê phán nghiêm khắc và xử lý thích đáng đối với những cán bộ, đảng viên cố ý bao che cho những kẻ phạm pháp».

Chăm lo giáo dục chính trị tư tưởng, giữ gìn kỷ luật nghiêm minh của Đảng, đưa những phần tử thoái hóa, biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, đó là những biện pháp cơ bản để giáo dục, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, cần có sự chăm lo đúng mức đời sống của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức, có kế hoạch giúp đỡ một cách thiết thực những người đang có nhiều khó khăn về đời sống. Trong tình hình hiện nay, đó cũng là một biện pháp tích cực tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên giữ gìn, rèn luyện phẩm chất của mình.

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 34.

MẤY KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG HUYỆN THÀNH PHÁO ĐÀI QUÂN SỰ

Trung tướng NGUYỄN-QUYẾT



Xây dựng huyện thành pháo đài quân sự đang là một vấn đề thiết yếu nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm

vụ cách mạng hiện nay.

Đi đôi với chủ trương tích cực xây dựng các huyện theo hướng kết hợp nông - công nghiệp (hoặc lâm - nông - công nghiệp, ngư - nông - công nghiệp), lấy huyện làm địa bàn phân công lao động, tổ chức lại sản xuất, và huyện không phải chỉ là cấp trực tiếp tổ chức sản xuất và quản lý nông nghiệp ở cơ sở, mà còn là nơi bảo đảm đời sống vật chất, tổ chức

tốt mọi mặt như văn hóa giáo dục, y tế, thể dục thể thao... cho nhân dân. Đảng ta còn chủ trương: « Trên cơ sở các quy hoạch về xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa trên địa bàn huyện, cần có quy hoạch xây dựng nền quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh về quân sự... » (1).

Qua thực tiễn hoạt động ở Quân khu 3, chúng tôi bước đầu thấy được một số nội dung cơ bản cần nắm vững và làm tốt để xây dựng huyện thành pháo đài quân sự.

XÂY DỰNG HUYỆN THÀNH PHÁO ĐÀI QUÂN SỰ TRƯỚC HẾT PHẢI XÂY DỰNG HUYỆN VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ

Trước những âm mưu và hành động thâm độc của kẻ thù, trước những khó khăn gay gắt về kinh tế, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta hết sức gay go, phức tạp. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải coi trọng đúng mức công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho mọi người dân thấm nhuần sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược nói chung của cả nước và hai nhiệm vụ chiến lược được thể hiện cụ thể ở địa phương, ở cơ sở, đường lối xây dựng

chủ nghĩa xã hội và đường lối tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, hiện đại trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước ta hiện nay. Đồng thời cần có những hình thức, biện pháp thích hợp với những nội dung thiết thực nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ về quyền lợi và nghĩa

(1) Chỉ thị số 38 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác quân sự địa phương trong tình hình mới.

vụ, ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội của mỗi người dân, mỗi cán bộ, chiến sĩ. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng muốn đạt kết quả tốt trong điều kiện hiện nay phải gắn liền với việc xây dựng và củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và quần chúng. Sự vững mạnh về chính trị, trước hết là sự vững mạnh về tư tưởng và tổ chức của các tổ chức này, trong đó tổ chức Đảng phải mạnh thì các tổ chức khác mới mạnh được. Đây chính là những hạt nhân tạo nên sức mạnh của pháo đài quân sự. Cho nên công việc hàng đầu của chúng ta là hết sức coi trọng xây dựng cơ sở vững mạnh về mọi mặt, tạo nên những nhân tố mới, chất lượng mới.

Hiện nay cần làm cho từng ngành, từng cấp và từng người hiểu rõ tầm quan trọng của cơ sở, vị trí và vai trò hết sức quan trọng của đơn vị cơ sở, khắc phục những hiện tượng coi nhẹ và buông lỏng việc xây dựng cơ sở.

Các cơ quan cấp trên nên có kế hoạch cụ thể thường xuyên quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở, nhất là ở những vùng trọng điểm, đánh giá đúng tình hình và nguyên nhân yếu, mạnh của từng cơ sở, tập trung cán bộ các ngành do cấp ủy trực tiếp chỉ đạo, giải quyết có kết quả những yêu cầu của cơ sở, làm cho cơ sở đã mạnh tiếp tục mạnh lên, mạnh từng mặt tiến tới mạnh toàn diện, và không còn cơ sở yếu kém.

Việc đưa cơ sở yếu kém vươn lên đòi hỏi có sự nghiên cứu thận trọng,

chính xác, thấy rõ những việc phải làm, trong đó có việc do bản thân cơ sở làm lấy, có việc cấp trên của cơ sở trực tiếp giải quyết hoặc cùng với cơ sở giải quyết. Cần tìm đúng nguyên nhân đã cản trở bước đi lên của cơ sở, từ đó đề ra biện pháp sát hợp, đúng đắn để giải quyết, đồng thời kiên trì và tập trung sức vào xây dựng. Như vậy, dù cơ sở có yếu kém lâu ngày đến đâu, có những khó khăn thế nào, cũng có thể vươn lên được. Trong năm năm qua, nhờ cách làm như vậy mà các tỉnh trong Quân khu ba đã đưa được nhiều cơ sở yếu kém vươn lên, các cơ sở này đã đưa sản xuất một số mặt tăng từ 2 đến 3 lần, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, giữ gìn trật tự an ninh tốt, có xã kém nhất trong 31 xã toàn huyện, đã vươn lên thành xã đứng đầu toàn huyện. Năm 1977 có 28% số xã trong toàn Quân khu còn yếu kém, thì năm 1982 con số này là 7%, trong đó có 96 xã từ kém nhất trở thành đơn vị quyết thắng, 144 xã trở thành xã khá, 121 xã lên mức trung bình, số xã đạt danh hiệu Quyết thắng trong toàn Quân khu so với năm 1978 tăng 15%...

Thực tế nói trên cho phép chúng tôi rút ra kết luận: không đi từ xây dựng cơ sở vững về chính trị, không khắc phục được tình trạng yếu kém của cơ sở, thì không thể xây dựng cơ sở mạnh về quân sự. Và không có những cơ sở mạnh thì huyện cũng không thể xây dựng thành pháo đài quân sự được.

XÂY DỰNG KINH TẾ, KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG, QUỐC PHÒNG VỚI KINH TẾ THEO NHỮNG HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THÍCH HỢP, ĐEM LẠI HIỆU QUẢ RÕ RỆT

Mọi người đều biết, sức mạnh kinh tế là cơ sở của sức mạnh quốc phòng. Hai sức mạnh ấy tạo nên sức mạnh cơ bản của đất nước. Trong

chủ nghĩa xã hội, xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng là thống nhất. Khi chưa có chiến tranh, mọi người dân hàng hải lao động, sản xuất, xây

đựng đất nước, đó là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, của tinh thần làm chủ tập thể và ý thức bảo vệ Tổ quốc. Từng người, từng nhà, từng cơ sở có nghĩa vụ phát huy những tiềm năng mọi mặt của mình để thúc đẩy sản xuất phát triển, tiến vượt lên, có biến đổi mới về kinh tế, bảo đảm không những đủ ăn mà còn đóng góp một phần cho Nhà nước và có phần dự trữ phòng khi thiên tai hoặc lúc chiến tranh xảy ra.

Tuy đất nước ta còn có nhiều khó khăn, nhưng địa phương nào, nơi nào biết chủ động phát huy thế mạnh của từng vùng, phát động được từng người, từng nhà, từng cơ sở, sử dụng tốt lực lượng lao động, đất đai và mở rộng ngành nghề thì vẫn có những khả năng thực tế để « làm giàu, đánh thắng » được.

Kinh nghiệm cho thấy rằng, để thực hiện tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện, điều hết sức quan trọng là phải tìm ra những phương hướng, hình thức, nội dung và biện pháp cụ thể sát hợp với đặc điểm từng huyện, từng vùng, giải quyết tốt quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, tránh khuynh hướng coi nhẹ kinh tế hoặc coi nhẹ quốc phòng, làm cho kinh tế ngày càng phát triển, quốc phòng ngày càng vững mạnh.

Đối với các huyện ven biển thì phát động toàn Đảng, toàn dân « vươn ra biển, làm giàu đánh thắng », lấy lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt, vừa phát triển nghề đánh cá, vừa giữ gìn an ninh trên biển. Huy động hàng vạn dân quân tự vệ cùng nhân dân địa phương quai đê, lấn biển, mở rộng diện tích, đưa dân ra lập các làng mới, vừa sản xuất, vừa tạo thêm « vành đai » biên phòng để giữ

vững trật tự an ninh và sẵn sàng chiến đấu, đem lại sự biến đổi về chất ở vùng ven biển, biến mỗi xã ở đây vừa là đơn vị giới về sản xuất vừa là đơn vị mạnh về quốc phòng, vừa làm giàu cho từng địa phương vừa không ngừng nâng cao mức sống của từng nhà... Mấy năm qua trên địa bàn Quận khu ba đã lấn biển và đưa vào sử dụng, khai thác được hàng vạn héc ta. Có tỉnh, diện tích lấn biển đã bằng diện tích của cả một huyện cũ. Các huyện đồng bằng phía trong và các nơi khác thì nắm chắc lực lượng cơ động của dân quân, tự vệ, mở các chiến dịch « cải tạo đồng ruộng, hoàn chỉnh thủy nông » bằng hình thức tổ chức lao động theo kiểu công trường thủ công. Ở những nơi « đất hẹp người đông » thì lấy việc thâm canh, tăng vụ từ 2 lên 3, 4, 5 vụ, không ngừng chăm bón, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, đưa năng suất lên cao, đồng thời xây dựng các tuyến phòng ngự và chiến đấu, các cơ sở hậu cần thích hợp, những nơi phòng tránh tốt.

Các huyện miền núi thì phát huy thế mạnh về nghề rừng, chăn nuôi gia súc, đồng thời mở mang đường sá, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, dựa vào địa hình để xây dựng kinh tế kết hợp với vùng cơ quốc phòng, bảo vệ an ninh.

Nhờ bước đầu biết kết hợp kinh tế với quốc phòng, sát hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng huyện, nhiều nơi đã tạo được điều kiện « gỡ thế bí » trong đời sống kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân địa phương vững mạnh, dần dần trở thành những pháo đài quân sự mạnh.

XÂY DỰNG THỂ TRẬN CHIẾN

Xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện là bố trí lực lượng theo những phương án

TRANH NHÂN DÂN TẠI CHỖ

tác chiến cơ bản. Thể trận được xây dựng trên cơ sở những ưu thế về chính trị, tinh thần, kinh tế và

căn cứ vào âm mưu, thủ đoạn của địch, đối tượng tác chiến của ta, căn cứ vào yêu tố địa hình, địa vật của từng vùng. Nó bảo đảm cho nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa tích lũy bồi dưỡng lực lượng để có thể chiến đấu độc lập, dài ngày, giữ vững được quyền làm chủ địa phương, góp phần làm chủ cả nước.

Thế trận đó được hình thành trong các thế trận ở từng làng, xã, từng nhà máy, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, thế trận của từng cụm chiến đấu liên hoàn, bảo đảm sự liên kết với nhau thành nhiều tuyến, có cả bề rộng và chiều sâu, tạo điều kiện bám trụ kiên cường, hỗ trợ lẫn nhau để giữ vững địa bàn chiến đấu liên tục và có những căn cứ hậu phương để tiếp tục sản xuất trong mọi hoàn cảnh của chiến tranh, giữ vững mối liên hệ với tỉnh và Quận khu.

Việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân tại chỗ còn phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc chiến tranh và khả năng của ta trên từng vùng để có cách đánh thích hợp.

Đối với các huyện ven biển, bảo đảm đánh thắng quân địch đổ bộ đường biển ở ngay mép nước, kiên quyết không cho chúng lên bờ. Muốn thế phải có tuyến phòng thủ vững chắc, có công trình công sự, có vật cản, che chắn, ngăn cản để bám trụ đánh địch, tiêu diệt địch đến cùng. Các huyện phía trong bảo đảm đánh thắng các cuộc tập kích và đổ bộ đường không của địch, tiêu diệt quân địch trước khi chúng chạm chân tới đất hoặc vừa xuống tới đất, đứng chân chưa vững. Các huyện miền núi bảo đảm đánh thắng các đạo quân sơn cước của địch, chống kẻ địch vu hồi hoặc đánh tạt sườn vào lực lượng của ta. Đối với các thành phố, thị xã, bảo đảm đánh thắng chiến tranh phá

hoại nhiều mặt của địch và chống địch tập kích đường không.

Căn cứ vào nhiệm vụ, vị trí của từng huyện, việc xây dựng thế trận phải tập trung vào các trọng điểm, tạo nên những vùng trọng điểm vững mạnh, bảo đảm *«mạnh trọng điểm, vững toàn cục, tốc độ nhanh, chất lượng cao»*. Bên cạnh các trọng điểm, các vùng khác cũng lập kế hoạch, quy hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, sẵn sàng chuyển từ thời bình sang thời chiến, chuẩn bị mọi mặt, đề khi có lệnh là triển khai đánh địch được ngay.

Điểm thành công nổi bật trong xây dựng thế trận ở Quận khu ba là đã dồn sức cho các trọng điểm và tuyến ven biển, xây dựng hàng loạt trận địa trực chiến và hệ thống đài quan sát của dân quân tự vệ, vừa thường trực chiến đấu suốt ngày đêm, vừa sản xuất đủ ăn, còn cung cấp một phần cho gia đình. Hệ thống thông tin báo động, thông tin liên lạc giữa các đơn vị biên phòng và các trọng điểm được củng cố ngày càng hoàn chỉnh, các mặt hậu cần, kỹ thuật và dự trữ sẵn sàng chiến đấu được thường xuyên kiểm tra, bổ sung thay thế.

Các huyện ven biển trong Quận khu đã trồng ngót hai triệu khóm tre và gần một triệu khóm mây, hàng vạn cây phi lao, hàng trăm héc ta sù vẹt, phủ kín 87% chiều dài bờ biển của Quận khu, tạo thành một hệ thống lũy bao bọc mép biển và hình thành tuyến vật cản sống, vừa phục vụ cho việc bảo vệ an ninh, sẵn sàng chiến đấu, vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo điều kiện cho việc phát triển ngành nghề sau này.

Các địa phương, các ngành đã huy động sức dân cùng với lực lượng vũ trang làm các tuyến đường cơ động từ phía trong ra mép biển và nối liền một số đảo, có đường trực và

ường ngang. Tỉnh Hà-nam-ninh đã huy động ba triệu ngày công, chi 11 triệu đồng làm các tuyến đường liên huyện ra tận ven biển; toàn tỉnh đã tôn cao 47 ki lô mét mặt đường, làm mới 87 cầu, sửa lại 150 cầu cũ, trị giá 12 triệu đồng, vừa phục vụ sản xuất và đời sống, vừa bảo đảm cho xe pháo, bộ binh cơ động khi chiến tranh xảy ra.

Trong việc xây dựng pháo đài quân sự huyện có một yêu cầu bức thiết được đặt ra là ngay từ thời bình phải có Kế hoạch chuẩn bị thật chu đáo để xây dựng mạng lưới hậu cần tại chỗ, bảo đảm cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu trước mắt và cho chiến đấu lâu dài sau này. Muốn vậy, phải kết hợp thật chặt chẽ giữa việc phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân với yêu cầu chiến đấu. Có kế hoạch đầu tư và hướng chỉ đạo cho các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn huyện, tạo những điều kiện cần thiết để có thể sản xuất được những phương tiện chiến đấu cho phong trào toàn dân đánh giặc, những công cụ cần thiết cho lực lượng vũ trang và có khả năng đáp ứng được một phần nhu cầu về sửa chữa vũ khí nhẹ của bộ binh.

Đối với các tổ chức có năng lực vận tải, ngay trong thời bình cũng được tính toán, tập dượt và giao nhiệm vụ cụ thể để sẵn sàng đáp ứng khi có yêu cầu chiến đấu đột xuất. Các bệnh viện, các hệ thống thông tin, bưu điện cũng được sắp xếp điều chỉnh một cách hợp lý và được tập dượt ngay từ thời bình để khi có chiến tranh thì phát huy được chức năng và hiệu lực của mình phục vụ lực lượng vũ trang và nhân dân vừa chiến đấu, vừa tiếp tục sản xuất.

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUẦN CHÚNG, TỔ CHỨC TOÀN DÂN ĐÁNH GIẶC

Cả nước một lòng, toàn dân đánh giặc là một truyền thống quân sự của

Tất cả các mặt trên đây đều phải được chuẩn bị kỹ càng khi chưa có chiến tranh và xoay quanh việc phát triển sản xuất với hiệu quả kinh tế cao nhất nhằm giải quyết cho được nhu cầu về lương thực thực phẩm, dành phần thích đáng cho yêu cầu chiến tranh. Điều hết sức quan trọng là trong công việc chuẩn bị, tập dượt đó, phải vừa nắm vững những yêu cầu và quy luật chiến tranh, vừa hiểu rõ những yêu cầu và quy luật kinh tế để tìm ra phương hướng, hình thức và biện pháp thích hợp, vận dụng kết hợp các quy luật đó để đáp ứng những yêu cầu nói trên.

Từ nhận thức như vậy, các huyện ở Quân khu ba đang đẩy mạnh phong trào "làm giàu đánh thắng", tập trung giải quyết bằng được vấn đề lương thực, thực phẩm trước mắt và có đóng góp, có phần dự trữ ngày càng nhiều. Hầu hết các địa phương đã củng cố hệ thống hậu cần tại chỗ từ cơ sở đến cấp tỉnh. Các tổ sửa chữa vũ khí ở cơ sở, các trạm cấp cứu thương binh, bệnh binh được phân cấp cho từng tuyến quân lý...

Nhờ có sự chuẩn bị tích cực như vậy, cho nên khi bọn phản động Trung-quốc mở cuộc chiến tranh xâm lược ở 6 tỉnh biên giới phía bắc nước ta (tháng 2-1979), chỉ riêng ngành giao thông vận tải trong Quân khu đã huy động 4658 chuyến xe chở trên 62 nghìn tấn hàng chi viện phía trước...

Qua các lần diễn tập, hệ thống hậu cần tại chỗ, hậu cần địa phương đã củng cố hệ thống hậu cần quân đội tạo thành một hệ thống căn cứ hậu cần hoàn chỉnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, phục vụ đắc lực cho các lực lượng vũ trang và nhân dân trong Quân khu.

dân tộc Việt-nam. Đó cũng là quan điểm và đường lối quân sự của Đảng ta.

Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng mạnh mẽ là một trong những biểu hiện tập trung nhất của tinh thần cảnh giác cách mạng, thực hiện toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã, công, nông, lâm trường, xí nghiệp là một cứ điểm chiến đấu, mỗi huyện là một pháo đài vững chắc đề bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với việc xây dựng nền nếp giáo dục ý thức quốc phòng và nếp sống quần sự hóa cho toàn dân, cho học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, các trường phổ thông, sắp xếp các lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lao động sản xuất khi chiến tranh xảy ra... các địa phương đang khẩn trương xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ sức làm nòng cốt cho toàn dân trong nhiệm vụ bảo vệ địa phương, phát huy vai trò xung kích trong phát triển kinh tế, đồng thời là nguồn dự trữ hùng hậu sẵn sàng bổ sung cho quân đội. Trong tình hình hiện nay, lực lượng dân quân tự vệ có vai trò rất quan trọng trong việc chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch. Gần nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, lực lượng dân quân tự vệ phấn đấu tìm ra những hình thức tổ chức và hoạt động thích hợp để làm tốt cả hai nhiệm vụ đó. Nhiều nơi đã tổ chức trung đội an ninh - quốc phòng ở xã và các trung đội này hoạt động có kết quả tốt.

Xây dựng dân quân tự vệ phải bảo đảm có số lượng đủ, chất lượng cao, có lực lượng tại chỗ, lực lượng cơ động, lực lượng binh chủng và lực lượng dự bị mạnh.

Căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu và khả năng của từng huyện, thị xã, nhà máy, xí nghiệp... mà xây dựng lực lượng có quy mô và số lượng thích hợp, đủ sức bảo vệ địa phương, sẵn sàng cơ động đánh địch và chỉ viện nơi khác khi cần thiết. Trong xây dựng lực

lượng, chú ý giải quyết tối mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, làm cho tổ chức trong sạch, vững mạnh, bảo đảm xây dựng được đơn vị nào mạnh và gọn đơn vị đó.

Mỗi xã thông thường có từ 1 đến 2 đại đội chiến đấu tại chỗ, từ 1 đến 2 đại đội cơ động, có các phân đội binh chủng như: cao xạ, pháo binh, công binh, thông tin, trinh sát, hóa học, v.v. Các cụm chiến đấu liên hoàn thì tổ chức các tiểu đoàn chiến đấu cơ động. Toàn huyện có thể tổ chức nhiều tiểu đoàn cơ động, dần dần khi điều kiện cho phép thì có thể tổ chức đến trung đoàn.

Về trang bị vũ khí, căn cứ vào nhiệm vụ và tính chất của từng phân đội mà trang bị cho thích hợp theo hướng hiện đại hoặc tương đối hiện đại kết hợp với thô sơ, tự tạo, theo phương châm có vũ khí gì, đánh giỏi với vũ khí ấy. Công tác huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, lấy huấn luyện cán bộ làm trung tâm, chú ý huấn luyện cách đánh cho từng thứ quân và kết hợp các cách đánh đó lại tạo thành sức mạnh tổng hợp, cần được hết sức coi trọng.

Đề nâng cao chất lượng và đánh giá đúng trình độ, khả năng của lực lượng từng địa phương, từng đơn vị, nhiều nơi đã tổ chức kiểm tra và diễn tập theo các phương án chiến đấu nhằm rèn luyện về công tác tham mưu, công tác tổ chức, động tác chỉ huy của cán bộ và sức cơ động của các đơn vị, từng bước hình thành thể bố trí lực lượng theo ý định tác chiến khi chiến tranh xảy ra.

Coi trọng việc xây dựng dân quân tự vệ, đồng thời cũng cần chú ý xây dựng bộ đội địa phương trở thành «quả đấm mạnh» của huyện và có sức cơ động cao, sẵn sàng đánh địch ở các mũi chủ yếu, giúp sức cho các cụm chiến đấu, giữ vững thế trận làm chủ và tiến công địch trong và ngoài địa bàn huyện, nhất là các huyện trọng điểm, ven biển.

Bộ đội địa phương học tập, rèn luyện để biết cách đánh tập trung và hiệp đồng tác chiến trong đội hình phòng ngự tại các làng xã chiến đấu và các cụm liên hoàn, đồng thời, làm nông cốt diu đất dân quân tự vệ trong huyện chiến đấu, làm tốt nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương, củng cố các lực lượng khác chống tiêu cực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy mạnh sản xuất. Các huyện ven biển, trọng điểm chú trọng xây dựng bộ đội biên phòng thường xuyên làm nông cốt trong việc nắm chắc các hoạt động của địch, tuần tra, canh giới, kiểm soát các cửa sông, cửa biển, các bến, bãi ra vào, chống vượt biên, vượt biển. Bộ đội biên phòng nắm trong cụm chiến đấu liên hoàn thì có kế hoạch chiến đấu hoàn chỉnh,

lấy khu vực đồn làm điểm, làng xã chiến đấu làm diện. Diện chiến đấu để bảo vệ điểm; điểm chiến đấu phối hợp với diện để tiêu diệt địch. Vì vậy, phải xây dựng bộ đội biên phòng vững mạnh cả về tư tưởng, tổ chức và nghiệp vụ, tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhà nước, biết cách xây dựng và củng cố cơ sở. Đồng thời phải thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng dự bị vững mạnh, sẵn sàng bổ sung cho bộ đội chủ lực khi cần thiết. Từng địa phương phải hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị khung dự bị động viên, nắm chắc số lượng, chất lượng quân dự bị và sĩ quan dự bị, có biện pháp quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của công tác tham mưu động viên.

SỰ LÃNH ĐẠO CHẶT CHẼ CỦA CẤP ỦY ĐẢNG, SỰ CHỈ ĐẠO CỤ THỂ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG LÀ NHỮNG YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG PHÁO ĐÀI QUÂN SỰ HUYỆN

Muốn xây dựng thành pháo đài quân sự, mỗi huyện phải phấn đấu: chính trị vững, kinh tế giàu, quốc phòng và an ninh mạnh, văn hóa xã hội phát triển, phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, toàn diện của mọi ngành, mọi người đều làm hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, kết hợp nhuần nhuyễn hai nhiệm vụ đó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở đây cụ thể là kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của các đảng bộ, chi bộ cơ sở đối với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, đối với việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể xây dựng huyện thành pháo đài quân sự. Huyện ủy cần có phương hướng, nội dung, biện pháp cơ bản nhằm từng bước xây dựng pháo đài quân sự ở huyện mình, đặc biệt là biết kết hợp

chặt chẽ kế hoạch xây dựng pháo đài quân sự với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện, thành một kế hoạch chung xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng. Kế hoạch này chính là sự cụ thể hóa hai nhiệm vụ chiến lược ở địa phương. Đảng ủy xã cũng có kế hoạch như vậy phù hợp với hoàn cảnh xã mình. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, hướng dẫn các huyện có kế hoạch xây dựng phù hợp với từng huyện, đồng thời bảo đảm những yêu cầu chung về quốc phòng và thế trận chiến tranh nhân dân của toàn tỉnh, tạo thành một hệ thống pháo đài quân sự liên hoàn, vững chắc, làm địa bàn thuận lợi cho quân chủ lực tiến công tiêu diệt địch. Những yêu cầu vượt quá khả năng của huyện và những vướng mắc trong quan hệ giữa các huyện với nhau về mặt kết hợp kinh tế với quốc phòng cần được cấp tỉnh chủ động giải quyết kịp thời.

Trong mỗi cấp ủy cần có sự phân công hợp lý và chuẩn bị chu đáo ngay từ thời bình đối với từng cấp ủy viên đề trong bất cứ tình huống nào, trong sản xuất hay trong chiến đấu, cấp ủy và toàn đảng bộ đều nắm chắc quyền chủ động. Tất cả đảng viên là lực lượng nòng cốt thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược được thể hiện cụ thể ở địa phương.

Trong việc xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, chính quyền địa phương chính là người vạch ra các phương án hoạt động và những biện pháp thích hợp để thực hiện kế hoạch xây dựng pháo đài quân sự huyện. Bằng việc xây dựng các bộ máy tổ chức, quản lý toàn bộ hoạt động ở địa phương, cung cấp các phương tiện và tạo điều kiện vật chất cần thiết, chính quyền là người điều hành các tổ chức trong hệ thống của nó hoạt động phục vụ cho những yêu cầu quốc phòng của địa phương. Chính quyền quan tâm xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương, tạo điều kiện cho nó hoạt động, đáp ứng những yêu cầu cần thiết của nó, đồng thời củng cố các ngành, các cơ sở có liên quan đến quốc phòng như y tế, thương nghiệp, thông tin, bưu điện, giao thông liên lạc, các điểm cơ khí và cụm cơ khí của huyện... để khi chiến tranh xảy ra có thể chuyển thành các tổ chức và lực lượng hậu cần tại chỗ. Các đoàn thể quần chúng như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... có thể đóng góp một phần tích cực vào các công việc này, và qua đó mà tổ chức và giáo dục quần chúng thực hiện quyền làm chủ của mình không những trên lĩnh vực kinh tế, mà cả trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Đặc biệt, cơ quan quân sự địa phương các cấp cần nâng cao trình độ tham mưu của mình, nhất là sự hiểu biết mới về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong thời đại ngày nay, về cuộc đấu tranh chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của

địch hiện nay, về những yêu cầu của mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược, hai phương thức tiến hành chiến tranh, giữa kinh tế với quốc phòng và an ninh trong tình hình đất nước ta hiện nay, đồng thời làm tốt công tác nghiên cứu và đề xuất vấn đề, xây dựng được những đề án công tác có chất lượng, những phương án chỉ đạo và chỉ huy chiến đấu có hiệu quả cao, thật sự giữ vai trò tham mưu đắc lực cho cấp ủy. Như vậy, các cơ quan quân sự địa phương các cấp không chỉ phải giỏi về chỉ huy chiến đấu, về chỉ đạo xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng phong trào toàn dân tham gia công tác quốc phòng, mà còn phải giỏi cả về nhiệm vụ xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất ở địa phương. Mỗi cán bộ quân sự địa phương phải biết cách tổ chức thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, phải thường xuyên bám sát cơ sở, lăn lộn với phong trào, biết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính quyền thành hành động cách mạng của quần chúng.



Xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững mạnh là một quá trình phấn đấu liên tục, lâu dài, đồng thời cũng rất khẩn trương. Muốn làm tròn nhiệm vụ nặng nề đó, điều quan trọng nhất là luôn thấm suốt quan điểm, đường lối của Đảng, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm xây dựng ấp, làng, xã chiến đấu trước đây vào tình hình thực tế hiện nay của từng địa phương, từng cơ sở, và xác định rõ những yêu cầu và nội dung xây dựng pháo đài quân sự huyện, từ đó định ra những phương án chính xác, bước đi và biện pháp thích hợp để xây dựng mỗi huyện thành một pháo đài quân sự vững mạnh toàn diện nắm trong tay trận chiến tranh nhân dân của cả nước, nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN MÁC — LÊ-NIN

LÊ - XUÂN - LỰU

Việc giảng dạy lý luận
Mác — Lê-nin là một bộ
phận trọng yếu trong công
tác tư tưởng của Đảng. Đảng ta thường
xuyên quan tâm và chú ý nâng cao
chất lượng và hiệu quả giảng dạy lý
luận Mác — Lê-nin nhằm đào tạo một
đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản
lý và cán bộ khoa học kỹ thuật được
tôi luyện về tư tưởng, có kiến thức
và năng lực hành động cách mạng.

Bước vào giai đoạn mới của cách
mạng, vấn đề này càng có ý nghĩa
đặc biệt quan trọng và cấp bách, bởi
vì Đảng ta, đội ngũ cán bộ, đảng viên
chúng ta đang đứng trước hàng loạt
vấn đề mới mẻ, phức tạp của sự
nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội
đòi hỏi phải có sự hiểu biết sâu sắc,
sự vận dụng đúng đắn những nguyên
lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào
hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong
chặng đường đầu tiên hiện nay của
thời kỳ quá độ. Chỉ thị của Ban bí
thư Trung ương Đảng « Về công tác
đào tạo cán bộ lý luận ở trường
Đảng cao cấp Nguyễn-Ái-Quốc » đã
nói rõ: « Trong giai đoạn cách mạng

hiện nay, nhất là để góp phần thực
hiện các nghị quyết của Đại hội Đảng
lần thứ V, công tác lý luận có nhiệm
vụ to lớn hơn. Từ một nước nông
nghiệp, sản xuất nhỏ là chủ yếu, tiến
thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua
giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa,
cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở
nước ta đặt ra nhiều vấn đề lý luận
và thực tiễn cần được nghiên cứu
một cách toàn diện và có hệ thống » (1).

Đội ngũ cán bộ của Đảng là những
người có nhiệm vụ truyền, giáo
dục, tổ chức quán triệt và thực
hiện mọi đường lối, chủ trương,
chính sách của Đảng. Ngày nay, để
thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược
to lớn khó khăn và phức tạp là xây
dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ
quốc xã hội chủ nghĩa, người cán bộ
phải có trình độ hiểu biết sâu sắc về
lý luận Mác — Lê-nin, về đường lối,
chính sách của Đảng, nắm vững quan
điểm chính trị giai cấp và các phương

(1) Trích chỉ thị của Ban bí thư « Về công
tác đào tạo cán bộ lý luận ở trường Đảng cao
cấp Nguyễn-Ái-Quốc », ngày 5-8-1982.

pháp khoa học của nó dễ phân tích, nhận thức, và giải quyết một cách đúng đắn những vấn đề đang diễn ra gay gắt trong đời sống xã hội cũng như trong lĩnh vực hoạt động của mình. Cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn, có lập trường kiên định, vững vàng, và qua đó mà giáo dục quần chúng, nâng cao nhận thức của quần chúng, là yếu tố hết sức quan trọng nhằm bảo đảm thắng lợi đối với cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, cũng như đối với cuộc đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, của chủ nghĩa chống cộng của bọn đế quốc và phản động quốc tế, đấu tranh không khoan nhượng chống các hệ tư tưởng thù địch. Phương châm « lý luận liên hệ với thực tiễn » cũng như những nguyên lý giáo dục mà Đảng ta đề ra « học đi đôi với hành », « giáo dục kết hợp với lao động sản xuất », « nhà trường gắn liền với xã hội », có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng để đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy lý luận Mác-Lê-nin. Hiệu quả đó cần được xét theo những tiêu chuẩn sau đây :

1 - *Bề rộng và chiều sâu của sự lĩnh hội* các kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Ngày nay, trong điều kiện các môn khoa học xã hội phát triển nhanh chóng, khối lượng thông tin tăng lên đồ sộ, điều quan trọng là phải biết chọn lọc những kiến thức có ý nghĩa hàng đầu, những phát triển mới nhất, tạo ra cơ sở hình thành thế giới quan khoa học và trang bị phương pháp luận đúng đắn bảo đảm cho các cán bộ là chuyên gia tương lai một phương hướng chính trị - giai cấp đúng trong cuộc sống, một quan điểm đúng trong nhận thức các quá trình phát triển của xã hội, của công tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật v.v. Chiều sâu của sự lĩnh hội kiến thức đòi

hỏi đối với mỗi vấn đề lý luận phải nắm chắc được cơ sở kinh điển Mác-Lê-nin của nó, nắm chắc được quan điểm của Đảng ta như là sự kế tục lô gích và sự phát triển lý luận Mác-Lê-nin về vấn đề đó. Những quan điểm phân diện phản động về vấn đề đó cần được phê phán một cách sâu sắc.

2 - *Mức độ chuyển hóa của những kiến thức thành niềm tin vững chắc*. C. Mác viết : « *Tư tưởng cũng vậy, tư tưởng mà sự tư duy của chúng ta đã quán triệt được, tư tưởng ấy sẽ phục tùng niềm tin của chúng ta, và khi lý trí đã gắn chặt lương tâm của chúng ta vào những tư tưởng ấy—đó là những sợi dây buộc chặt mà ta không thể nào dứt ra được mà không đập tan nát trái tim mình* » (2). V.I. Lê-nin coi đặc trưng quan trọng nhất của niềm tin là khả năng tự mình đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác mà phân tích các quá trình và hiện tượng xã hội, là sự thấm nhuần chân lý của những nguyên lý lý luận, sẵn sàng chứng minh, bảo vệ chân lý trong bất cứ hoàn cảnh nào, là thái độ nhất quán giữa nhận thức chân lý và hành động theo chân lý. Niềm tin là trình độ cao nhất và phức tạp nhất của thế giới quan, là cấu thành phức tạp của nhận thức, tình cảm và ý chí hành động. Niềm tin là kết quả của giảng dạy có chất lượng cao, có tính thuyết phục mạnh mẽ, gắn liền lý luận với thực tiễn của thái độ học tập tích cực, tự mình tiếp nhận các vấn đề một cách độc lập sáng tạo, tự mình rút ra các kết luận và khái quát đúng đắn.

3 - *Năng lực vận dụng các nguyên lý lý luận vào thực tiễn đời sống để giải quyết những vấn đề xã hội cụ thể*. Đây là tiêu chuẩn chủ yếu nhất, và đây cũng là một việc phức tạp hơn nhiều. Nhưng « một người mác xít

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Tồn tập*, bản tiếng Nga, tập 1, tr. 118.

chỉ có giá trị khi nào họ biết vận dụng phương pháp mác xít để giải quyết các vấn đề cụ thể» (3).

4— *Tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu, thái độ tích cực* của học viên trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, trong nhiệm vụ hàng ngày, trong đời sống riêng cũng như trong hoạt động xã hội, khi còn ở nhà trường cũng như sau khi ra trường.

Phương hướng chủ yếu đề nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy lý luận Mác — Lê-nin là *phát triển về chiều sâu quá trình dạy — học, trước hết là gắn chặt việc dạy — học với mục tiêu đào tạo*. Mục tiêu đào tạo là phẩm chất và năng lực mong muốn đối với đối tượng được đào tạo, là nhân cách người cán bộ lúc ra trường đủ sức thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp và có khả năng tiếp tục phát triển trong vị trí xã hội mới của mình.

Chỉ đơn thuần học lý luận Mác — Lê-nin chung chung, không nhằm vào việc đào tạo một đối tượng nghề nghiệp cụ thể nào, hoặc dạy — học lý luận Mác — Lê-nin và dạy — học nghề nghiệp “song song tồn tại” không gan bó gì với nhau cả, đó là cách dạy — học chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách trừu tượng, thiếu sức sống và do đó ít hiệu quả nhất.

Người cán bộ nào cũng phải gắn với một nghề nghiệp, một lĩnh vực hoạt động xã hội nhất định. Nhiệm vụ trang bị cho các chuyên gia tương lai những hệ thống kiến thức khoa học phải được giải quyết trong mối liên hệ chặt chẽ với việc huấn luyện cho họ phương pháp vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể trong đời sống nghề nghiệp của họ. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin phải đến với họ với tư cách vừa là thế giới quan vừa là phương pháp luận, và hai chức năng ấy phải gắn chặt với nhau, thống nhất với nhau, không đối lập, không có khoảng

cách. Không nên dừng lại ở chỗ trang bị lý luận Mác — Lê-nin như một phương tiện giúp người cán bộ giải thích hiện thực và xác định thái độ đối với hiện thực (chức năng thế giới quan) mà phải tiến lên giúp họ vận dụng những kiến thức lý luận đó như một công cụ để tác động vào hiện thực, cải biến hiện thực. Chính C. Mác đã nói: « Các nhà triết học trước kia chỉ biết *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là ở chỗ *cải tạo* thế giới » (4).

Muốn thế, việc giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin cần được vận dụng sát vào lĩnh vực chuyên ngành của đối tượng được đào tạo, bám sát nhiệm vụ cách mạng, thực tiễn nóng hổi của đất nước, chức trách nhiệm vụ của người cán bộ được đào tạo. Có như vậy mới có thể rèn luyện cho người học một phương pháp tư duy khoa học, độc lập sáng tạo, mới có thể thật sự nâng cao được năng lực hành động, rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng, thói quen nghề nghiệp của họ.



Đề nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy lý luận Mác — Lê-nin theo phương hướng nói trên, cần xây dựng hệ thống sách giáo khoa Mác — Lê-nin phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo, cần cải tiến phương pháp dạy — học nhằm phát huy tư duy sáng tạo của học viên.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin, theo bản chất của nó, không bao giờ là màu xám. Giai đoạn hiện nay của cách mạng nước ta đang đề ra những yêu cầu cao hơn đối với tư duy sáng tạo của người cán bộ. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng về giáo dục đã nhấn

(3) M. I. Ca-li-nin: *Giáo dục công sản* Nxb Thanh niên, Hà-nội, 1977 tr 493.

(4) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 659.

mạnh phải «biến» được kiến thức thành niềm tin, thành thế giới quan và phương pháp tư duy khoa học, từ đó trang bị cho con người khả năng suy nghĩ sáng tạo và hành động đúng đắn» (5).

Đã đến lúc cần cải tiến lối dạy - học như kiểu thông báo (giảng giải - minh họa), trong đó giảng viên thông báo các lý thuyết, truyền thụ những kết luận «có sẵn», giải đáp mọi thắc mắc, mọi vấn đề nảy sinh, còn học viên thì thụ động đóng vai trò nhập tâm và ghi nhớ. Trong khi phải giữ vững vị trí của việc giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin như là những môn khoa học, phải trình bày nội dung cơ bản của các nguyên lý như những vấn đề đã được thử thách trong lịch sử và đã được khẳng định, chúng ta cần tạo ra một không khí tìm tòi, độc lập suy nghĩ với ý thức nếu thiếu nó thì những nguyên lý lý luận sẽ mất hết sức sống. Học kinh điển Mác - Lê-nin một cách sáng tạo không phải là học thuộc câu chữ, mà là học cách xem xét lịch sử cụ thể, cách suy nghĩ biện chứng và tinh thần sáng tạo trong kinh điển. Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ, học lý luận Mác - Lê-nin là «học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta» (6). Cần làm cho mọi người học thấy rằng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là giáo điều, không phải là một cái gì cứng nhắc, mà là khoa học không ngừng phát triển về thế giới, luôn luôn phù hợp với sự phát triển và có sức sống mãnh liệt chính nhờ ở sự phát triển.

Mọi hình thức dạy - học ở giảng đường, ở xê mi na v.v. đều phải nhằm phát huy cao độ phong cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo của người học, biến quá trình đào tạo thành quá trình

lự đào tạo, gần gũi đường lý luận cơ bản với những vấn đề thời cuộc nóng hổi có tác dụng kích thích học viên tự mình tìm ra câu giải đáp cho vấn đề của mình, cho những bài toán mà nhiều người đang gặp phải. Như M.I. Ca-li-nin nói: «Việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đến một mức độ nào đấy, giống hệt như việc nghiên cứu toán học. Toán học là một khoa học trừu tượng; nếu không phải là khoa học trừu tượng nhất. Nhưng việc giảng dạy toán học tổ chức như thế nào? Trước hết, người ta học những nguyên lý; rồi sau đó người ta làm những bài toán cụ thể, hoàn toàn thực tiễn. Thế thì việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng phải như thế, phải được củng cố bằng những sự việc cụ thể, những thí dụ lấy trong đời sống thực tế» (7).

Phương pháp dạy - học sáng tạo đòi hỏi người giáo viên không chỉ là người truyền đạt lý luận Mác - Lê-nin, mà còn phải là người tổ chức hoạt động học tập của học viên. Tinh tích cực của người giáo viên biểu hiện chủ yếu dưới hình thức một sự hướng dẫn khéo léo có tính sư phạm cao, vừa cung cấp nội dung khoa học, vừa chỉ ra con đường đi tới chân lý. Trước hết, giáo viên phải thực sự nắm chắc và vận dụng được các nguyên lý, các quy luật với tư cách là phương pháp luận khoa học, có niềm tin vững chắc vào chân lý Mác - Lê-nin, vào đường lối quan điểm của Đảng; biết đánh giá chính xác cái đúng, cái sai trong quan điểm, lập trường, phương pháp tư tưởng của người học; hướng dẫn người học vận dụng lý luận giải quyết những bài toán đặt ra cũng như tự phê phán những sai sót về lập trường, quan

(5) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 96.

(6) Hồ-Chi-Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 73.

(7) M.I. Ca-li-nin: *Giáo dục cộng sản*, Nxb Thanh niên, Hà-nội, 1977, tr. 492.

điền và phương pháp của bản thân.

Tinh tích cực của người học là điều kiện không thể thiếu của phương pháp học tập sáng tạo, biểu hiện trước hết ở việc độc lập tìm tòi những biện pháp và cách thức tốt nhất để lĩnh hội sâu sắc nội dung học tập. Vì như V.I. Lê-nin nói: « Không tự mình chịu bỏ ra một công phu nào đó thì không thể tìm ra sự thật trong bất cứ một vấn đề hệ trọng nào cả; và hễ ai sợ tốn công sức thì không sao tìm ra sự thật được » (8).

Mỗi học viên cần được hướng dẫn chu đáo về phương pháp đọc và ghi bút ký các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, các văn kiện của Đảng, các sách giáo khoa và tác phẩm khoa học khác, không phải theo lối đọc qua loa hình thức, hay học thuộc giằn đờn mà không qua sự suy tư nghiền ngẫm cố gắng nắm được thực chất của vấn đề.

Trong giảng dạy chủ nghĩa Mác-Lê-nin, cũng như trong bất cứ một quá trình dạy-học nào, việc phát huy vai trò của chủ thể người học có một ý nghĩa lớn. Điều này xuất phát từ đặc trưng của hoạt động học tập là loại hoạt động nhằm biến đổi chủ thể. Trong các hoạt động khác, chủ thể cũng được biến đổi. C. Mác đã chỉ rõ điều đó khi ông viết: « Con người tác động vào tự nhiên bên ngoài và thay đổi tự nhiên, đồng thời cũng thay đổi bản tính của chính mình » (9). Tuy nhiên, đó không phải là kết quả chủ yếu, không phải là mục đích mà con người theo đuổi, mục đích của con người là biến đổi khách thể. Còn trong hoạt động học tập thì bản thân chủ thể đã đòi hỏi phải có sự thay đổi chính bản thân mình. Qua học tập, qua việc tiếp thu những kiến thức mới mà con người nâng cao được tầm nhìn, cách nghĩ của mình; nếu không thì việc học tập sẽ không có ý nghĩa gì thiết thực. Vấn đề này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc học

tập lý luận Mác-Lê-nin bởi vì hiệu quả hàng đầu mà công tác giáo dục lý luận Mác-Lê-nin nhằm tới là xây dựng những động cơ tư tưởng, những yếu tố đạo đức, tâm lý có ý nghĩa quyết định đối với lập trường sống và trách nhiệm trước tập thể, trước xã hội, và như vậy đòi hỏi người học phải có một nỗ lực tự tu dưỡng rất cao. V.I. Lê-nin đã nói: « mục đích của văn hóa chính trị, của nền giáo dục chính trị là đào tạo nên những người cộng sản chân chính » (10), là những người am hiểu sâu sắc những hiện tượng của đời sống xã hội và biết đặt toàn bộ hoạt động thực tiễn của mình trên nền tảng ý thức. Đó quyết không thể là những con người « mềm yếu, do dự trong các vấn đề lý luận » (11), với tâm mắt thực dụng hẹp hòi.

Quá trình giáo dục, đào tạo con người trong các nhà trường không chỉ giới hạn trong quá trình dạy-học mà phải được thực hiện trong cả môi trường giáo dục, và chỉ có trong một môi trường tốt thì mới phát huy được hiệu quả của giảng dạy. Phát triển luận điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác về bản chất xã hội của giáo dục, V.I. Lê-nin dạy rằng: giáo dục không thể nằm ngoài mối liên hệ với tất cả hệ thống các quan hệ xã hội, nằm ngoài một hoàn cảnh xã hội nhất định. Chính vì vậy mà những hoạt động ngoài việc dạy-học như việc quản lý chặt chẽ người học trong suốt những năm đào tạo, giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với việc phát triển nhân cách của học viên theo mục tiêu đào tạo. Mọi mặt hoạt động của nhà

(Xem tiếp trang 67)

(8) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1972, tập 19, tr. 198.

(9) C. Mác: *Tư-bản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển I, tập 1, tr. 246.

(10) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 479.

(11) Sách đã dẫn, tập 6, tr. 162.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở THÀNH PHỐ HỒ - CHÍ - MINH

ANH - THÔNG

TÁM năm sau ngày giải phóng, thành phố Hồ-Chí-Minh « từ một thành phố tiêu thụ chuyển sang một thành phố sản xuất, từ kinh tế phục vụ chiến tranh và hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài chuyển sang kinh tế độc lập, phục vụ dân sinh và tiến lên chủ nghĩa xã hội » (Nghị quyết 01 của Bộ chính trị).

Trong công cuộc cải tạo và xây dựng thành phố, đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh đã coi trọng việc giáo dục nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ sứ mệnh và vị trí giai cấp cho giai cấp công nhân, làm cho anh chị em công nhân hiểu mình là thành viên của giai cấp tiên phong lãnh đạo cách mạng và là một đội quân chủ lực trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ đó, đảng bộ đã động viên, tổ chức công nhân phát huy ý thức làm chủ tập thể, đi đầu thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng ở thành phố. Và từ phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục cải tạo và xây dựng thành phố, đảng bộ đã từng bước bồi dưỡng, xây dựng người công nhân mới xã hội chủ nghĩa.



Là một bộ phận đông đảo của giai cấp công nhân Việt-nam, công nhân thành phố Hồ-Chí-Minh vốn giỏi tay nghề và giàu truyền thống đấu tranh cách mạng.

Năm 1954, lực lượng công nhân lao động thành phố Sài-gòn - Chợ-lớn có hơn 10 vạn. Trong 20 năm dưới chế độ thống trị của Mỹ - ngụy, số lượng công nhân thành phố có lúc tăng lúc giảm do yêu cầu phục vụ chiến tranh của địch. Sau ngày giải phóng (30-4-1975), thành phố có khoảng 18 vạn công nhân và hơn 10 vạn lao động tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Theo thống kê của Liên hiệp công đoàn thành phố Hồ-Chí-Minh thì hiện nay có khoảng 330 000 công nhân, viên chức và 200 000 lao động tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. (Về sản xuất công nghiệp có 593 xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh, khoảng 1 400 xí nghiệp tư nhân, về sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có 22 000 cơ sở).

Công nhân thành phố làm việc trong rất nhiều ngành, nghề. Các ngành lớn gồm có công nghiệp chế biến, dệt, cơ khí, in, giao thông vận tải, xây dựng, hóa chất... Công nhân các ngành đều

có tay nghề cao (chỉ riêng Nhà máy cơ khí Ca-ri-c đã có số thợ bậc 7 bằng số thợ bậc 7 của Bộ cơ khí luyện kim trước năm 1975). Năng lực sản xuất rất lớn: mỗi năm có thể sản xuất hơn 2 triệu chiếc xe đạp, hàng nghìn máy may loại xuất khẩu và những mặt hàng có độ chính xác cao. Nhiều mặt hàng của thành phố đã được tặng huy chương vàng trong các cuộc triển lãm hàng công nghiệp toàn quốc.

Từ lúc mới ra đời, công nhân thành phố Hồ-Chí-Minh đã nêu cao tinh thần yêu nước đấu tranh kiên cường bất khuất. Được sự lãnh đạo của Đảng, công nhân thành phố đã cùng giai cấp công nhân cả nước, đi đầu trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài quyết liệt, chống bọn đế quốc xâm lược, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi cuối cùng.

Suốt 20 năm chống Mỹ, phong trào công nhân Sài-gòn - Chợ-lớn là một phong trào có chiều sâu, có sức sống mãnh liệt, vừa đấu tranh công khai hợp pháp vừa đấu tranh bí mật, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ngay giữa sào huyệt địch. Phong trào cách mạng sôi sục của công nhân bắt nguồn từ đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng: đánh địch ở cả ba vùng chiến lược: thành thị, nông thôn đồng bằng và rừng núi. Trong cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân - đầu năm 1968, công nhân đã sát cánh với quân giải phóng nổi dậy giành quyền làm chủ. Trong chiến dịch Hồ-Chí-Minh lịch sử, công nhân các ngành xe lửa, điện, nước, dệt, cang... đã kịp thời nổi dậy từ ngày 27-4-1975, lập các đội tự vệ vũ trang bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật và chuẩn bị đón quân giải phóng. Cờ cách mạng mọc lên khắp các khu lao động trước khi nguy quyền Sài-gòn đầu hàng.

Sau ngày giải phóng, thực hiện nghị quyết của đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh và của Tổng công đoàn,

Liên hiệp công đoàn thành phố đã giáo dục, vận động, tổ chức công nhân viên chức hăng hái tham gia phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, ra sức thực hiện vượt mức kế hoạch Nhà nước. Nội dung phong trào thi đua gồm: phát huy sáng kiến, thực hành tiết kiệm, phục vụ nông nghiệp. Sáng kiến được xem là mũi nhọn của phong trào. « Lao động có kỷ luật, có kỷ thuật, đạt năng suất cao » là khẩu hiệu thi đua lao động của công nhân. Phong trào lao động cách mạng của công nhân đã giải quyết được nhiều khó khăn của thành phố và từ đó nảy sinh những người công nhân mới xã hội chủ nghĩa.

Khó khăn lớn đặt ra cho giai cấp công nhân thành phố Hồ-Chí-Minh là phải giải quyết cho được tình trạng cạn nguồn nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu, phụ tùng thay thế trước đây vốn lệ thuộc vào sự cung cấp của nước ngoài. Công nhân không chịu bó tay chờ đợi mà đã chủ động, sáng tạo, giành thắng lợi bằng phong trào phát huy sáng kiến sôi nổi, liên tục, năm sau cao hơn năm trước. (Năm 1976 có 3 500 sáng kiến; năm 1977 có 4 475 sáng kiến; năm 1978, 8 400 sáng kiến; năm 1979, 12 000 sáng kiến, năm 1980, 11 000 sáng kiến; năm 1981 và 1982 đều có 12 000 sáng kiến).

Phong trào phát huy sáng kiến là mũi nhọn mở đường cho xướng dệt 13 vượt khó khăn, tìm cách sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, làm ra sản phẩm xuất khẩu có giá trị lớn. Xi nghiệp máy may Sín-cô đã biến cơ sở gia công lắp ráp máy may bằng phụ tùng của Nhật-bản thành xí nghiệp sản xuất máy may bằng 100% phụ tùng Việt-nam do xí nghiệp tự chế tạo. Xí nghiệp được phẩm 2-9 nâng tỷ lệ sử dụng được liệu trong nước lên 80%, sản xuất hàng chục loại được phẩm có giá trị xuất khẩu và chữa bệnh cho nhân dân.

Phong trào tiết kiệm của công nhân đã giải quyết có hiệu quả những vấn đề lớn sau đây:

— Giảm định mức tiêu hao vật tư trên một đơn vị sản phẩm.

— Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ hàng hư hỏng, hàng kém phẩm chất.

— Thu hồi, tận dụng phế liệu, phế phẩm làm ra sản phẩm phục vụ đời sống.

— Cải tiến thiết kế, cải tiến công trình và cải tiến sản phẩm để tiết kiệm hoặc thay thế nguyên liệu, vật tư.

— Đấu tranh chống tham ô, lãng phí nguyên liệu, vật tư lao động.

Công nhân ngành dệt đưa sản phẩm loại A từ 85% lên 95%. Công nhân diện giảm chi phí nhiên liệu hàng chục tấn dầu hằng năm. Công nhân ngành đồ hộp với số nguyên liệu như cũ làm tăng 15% sản phẩm. Công nhân ngành giao thông có phong trào giữ gìn xe tốt và học tập chiến sĩ Đỗ Văn-Nghê, tiết kiệm mỗi năm hàng vạn lít xăng. Công nhân các kho tàng, bến cảng có phong trào bảo vệ vật tư, nguyên liệu theo gương liệt sĩ Nguyễn-Thị-Hải, Đặng-Văn-Dậu.

Thực hiện nhiệm vụ trung tâm phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng cường liên minh công nông, công nhân thành phố đã góp phần hoàn thành hàng trăm công trình thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, cơ sở điện cho ngoại thành và các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu-long. Công nhân ngành cơ khí sửa chữa máy bơm, máy kéo giúp xây dựng xưởng cơ khí nông cụ huyện, sản xuất hàng triệu nông cụ cầm tay. Công nhân làm phân bón, thuốc trừ sâu vượt khó khăn về nguyên liệu, sản xuất hàng vạn tấn phân hữu cơ, đưa sản lượng thuốc trừ sâu lên gấp hai lần sản lượng trước đây. Công nhân máy kéo đã vỡ hoang hàng vạn héc ta đất ở Sông-bé, Đồng-nai, Tây-

ninh... Trong lĩnh vực sinh thái học, các cán bộ nghiên cứu và công nhân có nhiều cố gắng, đạt được kết quả tốt trong việc điều tra cơ bản làm căn cứ cho việc xây dựng cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xác định cây, con cho từng vùng nuôi trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao. Anh chị em đã áp dụng có kết quả một số tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp như: dùng giống lúa kháng rầy, phương pháp cấy mô tế bào thực vật, thuốc trừ sâu vi sinh, biện pháp khai thác rừng ngập nước. Hiện nay phong trào kết nghĩa công-nông giữa xí nghiệp với hợp tác xã nông nghiệp ngoại thành và các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu-long đang phát triển.

Suốt tám năm qua, trong phong trào cách mạng của công nhân thành phố liên tục xuất hiện nhiều nhân tố mới, nhiều điển hình tập thể và cá nhân xuất sắc, góp phần vào việc cải tiến cơ chế quản lý, xóa bỏ chế độ hành chính bao cấp, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Những điển hình tiên tiến ấy càng làm sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của giai cấp công nhân trong giai đoạn mới của cách mạng.

Đó là đồng chí Phạm-Sự, 40 tuổi nghề, công nhân xí nghiệp dệt Thanh-công, khi biết bệnh mình nguy kịch đã cố gắng dồn sức còn lại biên soạn 40 bài giảng và trực tiếp huấn luyện đào tạo thợ trẻ; trước khi qua đời, lời trăng trối cuối cùng của đồng chí là giới thiệu người thợ trẻ có khả năng thay thế mình đảm đương công việc của nhà máy. Đó là Nguyễn-Thị-Hải, công nhân xay lúa mì Bình-dông, kiên quyết gạt bỏ mọi cảm dỗ, mua chuộc của bọn ăn cắp, dùng cầm đầu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và đã anh dũng hy sinh. Ở Công ty xe khách liên tỉnh miền Đông có đồng chí Đỗ Văn-Nghê, người đầu tiên nêu gương hạ định mức tiêu hao xăng dầu, bảo đảm với số nhiên liệu được phát ư

hơn trước, vượt kế hoạch vận chuyển cao hơn; đồng chí kiên quyết trả lại hàng trăm lít dầu bất chấp sự đe dọa của những kẻ muốn giấu bán số dầu thừa: tấm gương sáng của đồng chí đã cảm hóa được nhiều người và gây thành phong trào « yêu xe như con, quý xăng như máu » ở đội ngũ lái xe, lái tàu.

Ở các tổ sản xuất, các xí nghiệp đều có những điển hình thợ giỏi lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất cao như Trần-thị-Bé-Bảy ở Xí nghiệp dệt Việt-thắng, Nguyễn-Thị-Phượng ở Xí nghiệp dệt Phước-long, Trần-Văn-Đạm ở Nhà máy Si-li-cô, Vy-Văn-Long ở Xí nghiệp dệt phẩm 2-9, Ngô-Đức-Thắng ở Nhà máy in Tổng hợp, Mai-Văn-Trực ở Nhà máy bia Sài-gòn...

Nét nổi bật của các điển hình tiên tiến là luôn luôn vượt khó khăn để đầy mạnh sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước. Đó chính là phẩm chất, đạo đức của người công nhân mới, xã hội chủ nghĩa.

Đảng bộ ở các đơn vị điển hình tiên tiến vừa coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng vừa tích cực vận dụng các biện pháp kinh tế, giải quyết đúng đắn « ba lợi ích », chăm lo đời sống người lao động và coi trọng việc xây dựng lực lượng cách mạng, củng cố Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và phát triển Đảng trong công nhân.



Thực hiện nghị quyết 01 của Bộ chính trị, thành phố Hồ-Chí-Minh đang từng bước phát huy thế mạnh, vị trí quan trọng của mình: Một là, phục vụ nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long, một trọng điểm sản xuất lương thực của cả nước. Hai là, giải quyết đúng đắn vấn đề phân phối lưu thông—mặt trận nông công trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa

con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa; thể hiện vai trò trung tâm thương nghiệp, trung tâm giao dịch quốc tế của thành phố.

Thành phố Hồ-Chí-Minh lại là một « trọng điểm phá hoại về nhiều mặt của địch ».

Vì vậy, trong công cuộc cải tạo, xây dựng và bảo vệ thành phố, giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu, lực lượng chủ lực.

Muốn đấu tranh, cải tạo triệt để đối với giai cấp tư sản, muốn giáo dục, lôi kéo, thực hiện tốt việc liên minh với giai cấp nông dân, cắt đứt mọi liên hệ của họ với giai cấp tư sản, từng bước đưa họ vào con đường làm ăn tập thể thì giai cấp công nhân phải có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có kỷ luật chặt chẽ và có tổ chức vững mạnh. Thế nhưng trong đội ngũ công nhân thành phố Hồ-Chí-Minh hiện nay, còn một số mặt yếu kém cần được khắc phục. Khả năng công nhân có người trong gia đình hoặc bản thân mình thu nhập bằng lao động nông nghiệp hay buôn bán. Khi gặp khó khăn về đời sống, một số bỏ xí nghiệp ra làm ngoài để kiếm nhiều tiền hơn. Kỷ luật lao động lỏng lẻo, nhiều khi trong giờ sản xuất còn tranh thủ làm việc riêng, dùng máy móc của xí nghiệp gia công cho bên ngoài kiếm lời. Nhiều nơi, tệ ăn cắp vặt còn nghiêm trọng. Trong đấu tranh chống tiêu cực còn có thái độ nề nang, né tránh, sợ bị trả đũa, trả thù. Ý thức và năng lực làm chủ tập thể còn hạn chế. Một số không ít còn mê tin, dị đoan, cờ bạc, rượu chè, giữ những tập tục cũ trong ma chay, cưới xin. Khả năng công nhân trẻ bị ảnh hưởng của lối sống tư sản, ngoại lai. Nhiều công nhân người Hoa lao động sản xuất tốt, gần bó với công nhân người Việt, nhưng còn mặc cảm dân tộc, ít hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, và chưa có giác ngộ về giai cấp.

Đảng bộ thành phố Hồ-Chí-Minh đã và đang có những biện pháp tích cực bồi dưỡng, rèn luyện, xây dựng đội ngũ công nhân mới về mọi mặt, để giai cấp công nhân có thể làm tròn nhiệm vụ lịch sử của mình. Đảng thông qua Công đoàn tập hợp, giáo dục, tổ chức quần chúng công nhân thực hiện những chủ trương của Đảng. Đảng bộ đã đề ra cho mọi đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng phải tích cực làm công tác vận động công nhân, tham gia sinh hoạt Công đoàn, làm tròn phần việc do Công đoàn phân công. Việc thực hiện những quy định về làm chủ tập thể của công nhân theo Nghị định 182 đang được đẩy mạnh. Việc xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng nền văn hóa mới, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trên mặt trận văn hóa, văn nghệ đang được tiến hành.

Đề xây dựng và tăng cường đội ngũ công nhân mới xã hội chủ nghĩa của thành phố, đảng bộ đang tiếp tục lãnh đạo thực hiện những công tác cụ thể sau đây :

— Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho anh chị em tham gia xây dựng và thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước.

— Phát động liên tục phong trào hành động cách mạng trong công nhân, lao động, phát huy sáng kiến, thực hành tiết kiệm, phục vụ nông nghiệp, vượt chỉ tiêu kế hoạch 1983 và 1983—1985. Từ phong trào đó mà phát hiện nhân tố mới, nhân điển hình tiên tiến.

— Chăm lo đời sống và bảo vệ sức khỏe của cán bộ, công nhân. Giáo dục công nhân quan điểm cải thiện đời sống phải trên cơ sở phát triển sản xuất.

— Nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho giai cấp công nhân. Giáo dục truyền thống cách mạng cho công nhân và biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến trước đây thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sáng tạo xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ý KIẾN CỦA ĐẢNG VIÊN

TÁM năm qua, nhân dân ta đã lập được nhiều thành tích trong lĩnh vực kinh tế. Tuy vậy chúng ta cũng có nhiều yếu kém. Hiện nay ở nước ta còn có tình trạng:

— Người lao động, kè cả nông dân, còn bị bóc lột;

— Kề trung gian phe phẩy thì sống phê phỡn;

— Lĩnh vực Nhà nước thua thiệt, thiếu thốn.

Nguyên nhân gây ra tình trạng đó là do chúng ta buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý thị trường; buông lỏng cả công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước cách mạng; chúng ta hữu khuynh và mất cảnh giác.

Khâu yếu nhất của ta là quản lý kinh tế. Lĩnh vực nóng bỏng nhất là phân phối lưu thông. Ở đây cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt nhất.

Những phần tử tư sản cũ và mới ngóc đầu dậy. Chúng bóc lột nhân dân lao động, phá hoại công cuộc xây dựng kinh tế của Nhà nước. Với nguồn thu nhập bất chính, chúng đã mua và làm những ngôi nhà lớn với đầy đủ tiện nghi. Trong cuộc đấu tranh chống bọn này, Thủ đô Hà-nội, trái tim của Tổ quốc, đã nổ phát súng đầu tiên. Cả nước hoan nghênh và

cảm ơn Hà-nội đã anh dũng ra quân trước tiên. Còn thành phố Hồ-Chí-Minh, thành phố được vinh dự mang tên Bác, tình liệu làm sao? Còn Đồng-nai, sông Bé, các tỉnh miền Đông gian lao mà anh dũng trong hai cuộc kháng chiến trước đây? Còn các tỉnh khác khắp miền Nam phải như thế nào?

Không chỉ riêng ở Hà-nội, mà ở các thành phố và các tỉnh khác cũng có tình trạng bọn buôn gian bán lận đầu cơ tích trữ, cũng có những cán bộ, đảng viên và nhân viên Nhà nước thoái hóa biến chất, lợi dụng chức vụ, móc ngoặc với gian thương, ăn cắp của công, tuồn vật tư của Nhà nước ra « thị trường tự do » để làm giàu. Bọn này sống xa hoa phê-phỡn, đua nhau tung tiền ra mua sắm xa xỉ phẩm, tậu nhà tậu cửa, mua máy quay phim để chiếu phim đời trụy. Bọn chúng thuê mướn nhân công để bóc lột v.v.

Nói đến đây tôi không khỏi căm thù và tức tối.

— Tức tối vì Đảng ta là một đảng cách mạng lãnh đạo chính quyền, Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản, thế mà ta buông lỏng quá đáng để cho bọn tư sản cũ và mới hoành hành bóc lột nhân dân, để cho bọn thoái hóa biến chất đội lốt cán bộ, đảng viên và nhân viên Nhà nước

làm bậy có hại cho uy tín của Đảng và Nhà nước.

— Căm thù vì trong lúc nhân dân ta ăn chưa đủ no, mặc chưa đủ lành, trong lúc lực lượng vũ trang ta đang chiến đấu hy sinh, chịu đựng gian khổ thiếu thốn để bảo vệ biên giới, bảo vệ hải đảo, làm nghĩa vụ quốc tế, trong lúc tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức chúng ta thiếu thốn đủ mọi bề vẫn ra sức phấn đấu vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và công tác, thì bọn người bất lương, buôn lậu, ăn cắp lợi sống xa hoa, phung phí, phê phồn.

Những kẻ nào đã tiếp tay cho bọn làm ăn bất chính? Trong lúc cán bộ, công nhân, viên chức chúng ta không đủ nhà để ở, trong lúc các công trình xây dựng của Nhà nước không đủ vật liệu để tiếp tục xây dựng, thì bọn chúng đã tậu và xây nhiều nhà, chúng có đầy đủ xi măng và sắt thép để sửa chữa nhà cũ và xây dựng nhà mới. Vật liệu xây dựng, chúng lấy ở đâu ra? Vì sao cán bộ ta khi cần đi công tác không mua được vé máy bay mà bọn chúng có thể lấy đủ vé máy bay cả lượt đi và lượt về để chở cả một đội xây dựng tư nhân từ miền Nam ra Hà-nội xây nhà cho chúng? Cần dựa vào quần chúng nhân dân để phát hiện và loại bỏ mọi thứ sâu mọt của xã hội.

Trong lĩnh vực cải tạo nông nghiệp cũng có nhiều vấn đề đáng quan tâm.

Theo tài liệu điều tra bước đầu ở các tỉnh Nam-bộ, số cán bộ, đảng viên (cùng gia đình họ) còn chiếm hữu ruộng đất để bóc lột không phải là ít. Hàng người này chiếm tỉ lệ 16,8% tổng số đảng viên; 15,4% tổng số cán bộ xã ấp; 22,7% tổng số cán bộ cấp trên xã. Có cán bộ, đảng viên đang chiếm hữu hàng chục héc ta ruộng để bóc lột. Ngoài ruộng, có cán bộ, đảng viên còn chiếm hữu hàng

chục héc ta rừng tràm, thu nhập khá lớn, có thừa hàng chục tấn thóc và hàng chục tấn nông sản khác. Số người này đầu cơ nâng giá, kinh doanh phá rối thị trường, mua lúa non của nông dân, cho nông dân vay tiền, vay thóc với số lãi cắt cổ v.v.

Trên mặt trận cải tạo nông nghiệp, tỉnh Tiền-giang đã đi hàng đầu. Kể đó là Tây-ninh và Minh-hải. Tòil nhiệt liệt hoan nghênh Tiền-giang là tỉnh đi tiên phong trong lĩnh vực cải tạo nông nghiệp, điều chỉnh ruộng đất, kết hợp chặt chẽ với xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh. Tiền-giang đã khai trừ khỏi Đảng 10 huyện ủy viên, 200 đảng viên: Tiền-giang cũng đã kết nạp vào Đảng nhiều phần tử ưu tú xuất hiện trong phong trào cải tạo nông nghiệp và điều chỉnh ruộng đất.

Huyện Long-phú (tỉnh Hậu-giang) cũng đã nêu một tấm gương tốt về điều chỉnh ruộng đất. Long-phú thực hiện điều chỉnh ruộng đất trong đảng viên trước. Quần chúng nông dân thấy đảng viên đi trước nêu gương cho nên rất tin tưởng và hăng hái hưởng ứng và thực hiện chủ trương điều chỉnh ruộng đất của Đảng. Chỉ trong một thời gian ngắn, Long-phú đã làm xong việc điều chỉnh ruộng đất và tổ chức được nhiều tập đoàn sản xuất tốt, trong đó có xã Trường-khánh là xã làm tốt hơn cả. Chi bộ Đảng ở xã Trường-khánh đã trở thành một trong những chi bộ trong sạch và vững mạnh của huyện.

Tiền-giang, Tây-ninh, Minh-hải, Long-phú đã lập được những thành tích bước đầu trong cải tạo nông nghiệp. Các tỉnh, huyện khác ở Nam-bộ nghĩ sao?

Lý tưởng của người đảng viên cộng sản chúng ta là giải phóng những người lao động, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Là đảng viên cộng sản thì không được bóc

lột. Bóc lột là trái đạo đức cộng sản, là phản bội lý tưởng cách mạng cộng sản.

Đảng ta kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên còn tham gia bóc lột, những đảng viên không chịu thi hành chính sách điều chỉnh ruộng đất, cải tạo nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp của Đảng và Nhà nước, những đảng viên tiếp tay cho bọn tư sản và phú nông làm ăn phi pháp, phá rối thị trường, bóc lột công nhân và nông dân lao động.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng cùng Nghị quyết các Hội nghị thứ ba và thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) chúng ta cần đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp cũng như đối với nông nghiệp,

kết hợp với công tác xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh. Tôi đề nghị kiên quyết đưa những phần tử không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, nhất là các phần tử còn tham gia bóc lột, các phần tử thoái hóa biến chất, móc ngoặc với tư thương, ăn cắp vật tư hàng hóa của Nhà nước, gây ra cảnh hỗn loạn trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Có như thế thì nhân dân lao động sẽ tăng thêm lòng tin tưởng vào Đảng, vào Nhà nước, càng hăng hái đẩy mạnh sản xuất, giành thắng lợi to lớn hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng-nai, ngày 10 tháng 7 năm 1983

HUYỀN-TẤN-XÃ

Đảng ủy cơ sở Bưu điện Đồng-nai

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

(Tiếp theo trang 59)

trường trong dạy - học và ngoài dạy - học, hoạt động lãnh đạo, hoạt động quản lý từ việc lớn đến việc nhỏ đều phải được tổ chức chu đáo, mẫu mực, tạo thành môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển nhân cách. Người học phải được «tắm mình» trong một bầu không khí tâm lý và đạo đức trong sạch, lành mạnh, một sinh hoạt lập thể trên tinh thần đồng chí thật sự, trong đó người ta kính

trọng nhau và quan tâm đến con người, một dư luận tập thể có tính đòi hỏi cao, các mối quan hệ qua lại theo đúng quy định, những hoạt động chính trị, xã hội và văn hóa sôi nổi và mang tính giáo dục cao. Hoàn cảnh ấy, môi trường ấy được tạo ra do hoạt động phối hợp của toàn thể bộ máy giáo dục, lãnh đạo, quản lý, phục vụ sẽ làm thành sức mạnh tổng hợp to lớn thực sự phát huy hiệu lực của công tác giảng dạy để làm ra sản phẩm cuối cùng là «người cộng sản chân chính» như V.I. Lê-nin đã nói.

KINH TẾ XUẤT KHẨU

trên địa bàn huyện

HỮU - HẠNH



GA-sơn là huyện làm kinh tế xuất khẩu khá nhất tỉnh Thanh-hóa. Hàng xuất khẩu của Nga-sơn chủ yếu là chiếu cói. Hiện nay (1983) tất cả các xã trong địa bàn huyện Nga-sơn đều làm hàng chiếu cói xuất khẩu. Hằng năm, nghề chiếu cói xuất khẩu ở Nga-sơn mang lại một nguồn thu nhập khá lớn cho nền kinh tế huyện. Giá trị sản lượng hàng chiếu cói xuất khẩu (tính theo giá cố định năm 1970) của Nga-sơn năm 1977 đạt 9,8 triệu đồng; năm 1978 và 1979, mỗi

năm đạt 10,6 triệu đồng, góp phần vào thu nhập quốc dân trong huyện được 16%; năm 1980 đạt trên 12,5 triệu đồng, chiếm 22,2% tổng thu nhập quốc dân trong huyện; năm 1982 đạt 14,3 triệu đồng, tính theo giá mới là 33,7 triệu đồng, chiếm 28% tổng thu nhập quốc dân trong huyện. Ngoài ra, năm 1982 Nga-sơn còn cung cấp cho Nhà nước 20 tấn tôm xuất khẩu.

Xu thế phát triển kinh tế xuất khẩu ở huyện Nga-sơn ngày càng mở rộng và đi lên vững chắc.

I — ƯU THẾ CỦA NGUỒN NGUYÊN LIỆU TẠI CHỖ

Nga-sơn có vùng cói tập trung và chuyên canh ở tám xã ven biển. Thời gian qua cứ 5-7 năm một lần, Nga-sơn lại quai đê lấn biển mở rộng đồng cói. Nhờ đó trong 20 năm qua đất bãi cói Nga-sơn đã được bồi thêm 1,5 km. Đất phù sa bồi và độ mặn trong nước lợ ở đây rất thích hợp với sinh trưởng của cây cói. Cói phát triển tốt, dài cây, dài sợi, năng suất cao. Sản phẩm chiếu dệt bằng cói Nga-sơn do

đó nổi tiếng xưa nay, đúng như thơ Tố-Hữu đã ca ngợi “Chiếu Nga-sơn, gach Bát-tràng...”.

Dải đất thích nghi cho trồng cói ở vùng này có khoảng 2400 héc ta. Bãi cói của Nga-sơn hiện nay đã có 1600 héc ta. Trong số đó, hằng năm có 10% diện tích phải luân canh trồng lại (cây cói khai thác liên tục 10 năm phải trồng lại). 1437 héc ta cói đang khai thác ở đây, năm 1982 đã đạt năng

suất 76 tạ/ha và cho 10600 tấn cùi chẻ (phơi khô).

Lượng cùi khô chiếm khoảng 17% trong cùi tươi. Từ là phải phơi gần 6 tấn cùi tươi mới thu được 1 tấn cùi khô. Cùi tươi cắt về phải chẻ và đem phơi khô ngay mới không hỏng thối và bảo đảm chất lượng tốt. Các vùng trồng cùi ở nước ta hiện nay đều dựa vào nắng trời để phơi khô cùi. Nga-sơn có lợi thế hơn nhiều nơi khác về bãi phơi cùi. Dọc theo đồng cùi chạy dài 8 xã ven biển, Nga-sơn có cả một dải cát rộng đi liền bên trong làm bãi phơi cùi lý tưởng và không tốn kém. Nắng trời chiếu xuống bãi cát, nung cát làm cho độ nóng trên mặt bãi phơi tăng lên gấp bội. Cùi tươi, vừa chẻ xong, đưa phơi ngay trên bãi cát chỉ một nắng đã khô kiệt, mùi thơm, bóng đẹp, phẩm chất tốt. Do đó, cùi chẻ của Nga-sơn phần lớn đạt tiêu chuẩn nguyên liệu làm gia công hàng cùi xuất khẩu.

Ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất chiếu cùi xuất khẩu và một phần hàng cùi phục vụ nội địa phát triển khắp các xã, và trên địa bàn huyện Nga-sơn hiện nay chỉ mới sử dụng hết khoảng 1/3 số cùi chẻ làm ra trong năm 1982. 2/3 sản lượng cùi chẻ còn lại được đem cung cấp cho các cơ sở sản xuất hàng cùi ở các huyện khác trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Nguyên liệu dùng làm hàng chiếu cùi xuất khẩu không chỉ có cùi mà phải có cả đay. Huyện Nga-sơn đã trồng được gần 800 héc ta đay, đạt năng suất bình quân hằng năm trên dưới 20 tạ/ha và đạt sản lượng 1547 tấn đay bẹ (năm 1982).

Trên địa bàn huyện Nga-sơn, trong năm 1982, chỉ dùng hết 443 tấn đay bẹ

là đủ cung cấp cho các cơ sở sản xuất chiếu cùi xuất khẩu (hết 328 tấn), dệt chiếu nội địa và cung cấp cho nghề đánh cá biển (115 tấn). Còn lại hơn 2/3 sản lượng đay bẹ, Nga-sơn đem cung cấp cho tỉnh để phân phối cho các cơ sở sản xuất hàng chiếu cùi và thảm đay ở các huyện khác.

Lợi thế về nguyên liệu cùi và đay làm ra tại chỗ đã bảo đảm cho Nga-sơn có cơ sở vững chắc và ổn định để phát triển và ngày càng mở rộng nghề làm các mặt hàng xuất khẩu bằng cùi, lấy đó làm mũi nhọn của nền kinh tế xuất khẩu trên địa bàn huyện. Chiếu cùi xuất khẩu làm bằng nguyên liệu tại chỗ ở đây được bảo đảm về số lượng và chất lượng (vì không bị giảm phẩm chất và hao hụt, mất mát về số lượng do quá trình bảo quản không tốt ở các kho trung chuyển và vận tải trên đường gầy nên), không tốn chi phí lưu thông, số lượng sản phẩm làm ra được nhiều, chất lượng sản phẩm tốt, giá thành hạ, cho nên thu nhập rộng cao hơn các nơi khác. Với một héc ta trồng cùi (như ở Nga-thủy đạt năng suất bình quân 12 tấn/năm) bán cùi chẻ (theo giá thu mua của Nhà nước) được 32 400 đồng. Đem chẻ biến được 4 000m² chiếu xe đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thu được 100 000 đồng. Nếu sản xuất thêm các mặt hàng xuất khẩu khác tốn ít nguyên liệu và tận dụng được các loại cùi có kích thước ngắn dài khác nhau, thì thu nhập còn lớn hơn nhiều. Ví thế, bình quân mỗi lao động trực tiếp làm cùi (bao gồm cả sản xuất cùi và chẻ biến chiếu cùi xuất khẩu) ở Nga-thủy làm ra được 4 000 đồng giá trị sản phẩm trong một năm.

II — TỔ CHỨC LAO ĐỘNG LÀM KINH TẾ XUẤT KHẨU

Sẵn có nguồn nguyên liệu cùi và đay tại chỗ, Nga-sơn có điều kiện

thuận lợi để phát triển và mở rộng nghề làm hàng xuất khẩu. 8 xã vùng

chuyên canh côi ở ven biển đều có tổ chức sản xuất chiếu côi và thảm côi xuất khẩu. 14 xã vùng màu và đay thì tổ chức sản xuất chiếu côi và thảm đay xuất khẩu, có một phần sản xuất chiếu côi nội địa. 4 xã vùng lúa được huyện cung cấp đầy đủ và kịp thời nguyên liệu côi chẻ và đay bẹ đều tổ chức làm gia công hàng côi xuất khẩu.

Các lực lượng sản xuất hàng xuất khẩu bằng côi, đay ở Nga-sơn bao gồm: lực lượng quốc doanh và hợp tác xã thủ công nghiệp chuyên nghiệp (Nga-sơn không chủ trương phát triển hình thức tổ chức này, cho nên chỉ đề vài ba cơ sở hoạt động trên địa bàn huyện); lực lượng thủ công nghiệp trong nông nghiệp gồm những đội chuyên sản xuất hàng xuất khẩu nằm trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp - đây là lực lượng đông nhất và lớn nhất làm kinh tế xuất khẩu của huyện Nga-sơn. Đã có 1/4 số lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Nga-sơn chuyên làm hàng xuất khẩu. Bình quân mỗi lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Nga-sơn năm 1982 đã có 51 công làm chiếu côi xuất khẩu, tức là hợp tác xã đã dành 1/4 số công trong năm làm hàng xuất khẩu. Việc gia công cho các gia đình làm các công đoạn sản phẩm (như xe sợi đay, xe lõi côi, tết đay, đan bao manh v.v.) thu hút mọi lực lượng lao động học sinh, lao động phụ, lao động nông nhân ở nông thôn, lao động ngoài giờ của cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước sinh sống và làm việc trên địa bàn huyện. Lực lượng làm gia công này đã đóng góp khoảng 20% số công làm ra toàn bộ sản phẩm xuất khẩu bằng côi của Nga-sơn.

Tổ chức sản xuất chiếu côi xuất khẩu đến từng gia đình, trong mọi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, ở các cơ sở sản xuất tập thể khác trên địa bàn huyện, Nga-sơn đã tạo công an việc làm cho mọi người có khả năng và có điều kiện lao động, tạo ra

nhiều sản phẩm cho xã hội, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân. Đó cũng là một cách phân bổ lại và sử dụng hợp lý lực lượng lao động ở cơ sở và trên địa bàn huyện, chuyển một bộ phận lực lượng lao động trong nông thôn lâu nay chỉ thuần làm nông nghiệp với năng suất lao động thấp sang làm tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, chủ yếu là chế biến nguyên liệu nông sản ra hàng hóa có giá trị kinh tế tốt hơn và góp phần tạo ra năng suất lao động cao hơn trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn huyện Nga-sơn, một lao động trong các hợp tác xã trồng côi cả năm chỉ tạo ra được từ 1500 đến 2000 đồng giá trị nông sản là côi chẻ; ở các hợp tác xã trồng cây lương thực, một lao động làm nông nghiệp cả năm chỉ làm ra được trên dưới 1000 đồng giá trị nông sản. Một lao động làm chiếu côi xuất khẩu cũng ở các hợp tác xã nói trên, một năm làm ra được từ 3500 đến 4000 đồng giá trị hàng hóa. Nhờ vậy, thu nhập chung của các hợp tác xã nông nghiệp có làm tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp (chế biến chiếu côi xuất khẩu) đều cao hơn trước đây chỉ đơn thuần làm nông nghiệp.

Sự phát triển hợp quy luật đó thể hiện rõ nét sự hình thành bước đầu nền kinh tế nông - công nghiệp ở cơ sở và trên địa bàn huyện Nga-sơn. Giá trị tổng sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp của Nga-sơn năm 1982 đạt trên 18,6 triệu đồng, chiếm 1/3 giá trị tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn huyện, trong đó giá trị hàng xuất khẩu đạt trên 14,3 triệu đồng. Điều đó chứng tỏ kinh tế xuất khẩu ở Nga-sơn đang là mũi nhọn không chỉ của ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp huyện mà của cả nền kinh tế quốc dân huyện, vì nó là lực lượng kinh tế đóng góp phần quan trọng nhất để trang bị lại cho nền kinh tế huyện phát triển đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

III — THẢO GỖ VƯƠNG MẮC

Kế hoạch phát triển kinh tế năm 1983 của huyện Nga-sơn đã đề ra mục tiêu về giá trị tổng sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là 66 triệu đồng (giá mới), trong đó hàng cói xuất khẩu chiếm 54 triệu đồng (theo giá cố định năm 1970 là 16 triệu đồng). Mục tiêu này hoàn toàn có thể thực hiện được. Hơn nữa, có khả năng thực hiện vượt mức mục tiêu này nếu thảo gổ được những vương mắc đang cản trở, gây khó khăn và làm phát sinh tiêu cực trong ngành sản xuất cói và chế biến chiếu cói xuất khẩu ở Nga-sơn.

Thời gian qua, cơ quan thu mua cói ở Thanh-hóa đã thực hiện một chính sách thu mua không bình đẳng về cây cói ở Nga-sơn: 1 kg cói khô bán trong nghĩa vụ được trả 2đ70, và được bán đối lưu 0 kg 500 lương thực và 0 kg 060 phân đạm (theo giá cung cấp của Nhà nước). Bán ngoài nghĩa vụ 1 kg cói khô được trả 3đ70 (cao hơn giá trong nghĩa vụ 1 đồng), nhưng lại không được bán đối lưu một thứ hàng nào, hơn nữa tiền bán cói không được trả ngay, thường là trả bằng chuyển khoản hoặc trả dần quanh năm! Như vậy bán cói ngoài nghĩa vụ thiệt hơn bán cói trong nghĩa vụ. Vì thế, việc giao chỉ tiêu bán cói trong nghĩa vụ thấp xuống, để mua được nhiều cói bán ngoài nghĩa vụ là có lợi cho cơ quan thu mua cói. Người trồng cói thấy ngay điều đó và tìm mọi cách đối phó để giành phần lợi cho mình! Chính vì thế trong năm 1982, trên địa bàn huyện Nga-sơn đã có tới vài ba nghìn tấn cói chế (thường là loại đặc biệt hay loại D) đã không cánh mà «bay», «bay» ra các huyện khác trong tỉnh

(một phần) và «bay» ra các tỉnh khác (phần lớn).

Cói là loại sản phẩm cây công nghiệp Nhà nước thống nhất thu mua theo giá nghĩa vụ và được bán đối lưu lương thực, hàng công nghiệp và tư liệu sản xuất theo định lượng trên đơn vị sản phẩm, để Nhà nước nắm được toàn bộ sản lượng cói sản xuất trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện. Đó là đòi hỏi và cũng là nguyện vọng của những người làm cói và của các cấp lãnh đạo ở xã và huyện Nga-sơn. Làm được như vậy cơ quan thu mua cói Thanh-hóa sẽ thu mua được toàn bộ sản phẩm cói trên địa bàn Nga-sơn vào tay Nhà nước. Ngay trong năm 1982, nếu thực hiện chính sách giá thu mua cói thống nhất như vậy, không phải chúng ta chỉ mua được 10 600 tấn mà có thể mua được từ 13 000 đến 13 500 tấn cói chế thực tế đã sản xuất trong huyện và như vậy là kế hoạch sản xuất 13 500 tấn cói năm 1983 của Nga-sơn trong thực tế đã được thực hiện ngay từ năm 1982.

Việc cung cấp lương thực (bán đối lưu cho người trồng cói và chế biến hàng cói xuất khẩu), chưa bao giờ được giao đủ số lượng, đều nợ lại năm này qua năm khác. Riêng một xã Nga-thủy, năm 1980 cơ quan lương thực còn nợ lại 319 tấn, năm 1981 nợ 92 tấn, năm 1982 nợ 200 tấn. 611 tấn gạo nợ trong 3 năm đó đến nay vẫn chưa trả cho hợp tác xã. Ngoài ra, cơ quan lương thực còn trừ đi 10% (gọi là tiết kiệm!) số lương thực bán đối lưu cho nghề cói. Nhiều lần, hàng 3000 đến 3500 người lao động phải bỏ công việc sản xuất cói hoặc chế biến cói đi xa 60-70 km lên tận huyện

Thiệu-yên hoặc vào tận huyện Triệu-sơn để nhận lương thực.

Mỗi kỳ bán cối hoặc bán chiếu cối xuất khẩu, hợp tác xã xin cơ quan thu mua trả 1/10 bằng tiền mặt để lấy tiền trả công cho người lao động cũng không được chấp thuận...

Vì thế, những người trồng cối và làm chiếu cối xuất khẩu không có đủ gạo ăn, không đủ tiền mua sắm thức ăn, vật dùng hằng ngày và mua sắm may mặc cho gia đình con cái. Bù vào chỗ thiếu hụt đó, không tránh khỏi sinh ra việc bớt xén sản phẩm cối và chiếu cối xuất khẩu, bán ra thị trường tự do!

Về những vật tư cung cấp theo hợp đồng hai chiều cho các cơ sở sản xuất cối và làm hàng cối xuất khẩu, các cơ quan ký kết không thi hành đầy đủ. Phụ tùng thay thế và sửa

chữa cho hàng nghìn chiếc máy làm chiếu cối xuất khẩu, cơ sở sản xuất phải tự lo liệu lấy bằng cách mua ở thị trường tự do. Than dùng để sấy hàng chiếu cối xuất khẩu từ cuối năm 1982 đến hết quý I năm 1983 cũng không được cung cấp. Chiếu cối và thảm cối xuất khẩu của các cơ sở sản xuất làm ra không có than sấy cho nên bị mốc hàng loạt (độ ẩm mùa này ở Nga-sơn quá cao); hàng chứa đầy kho, không tiêu thụ được, vốn ứ đọng, công việc sản xuất giảm sút là vì vậy.

Chỉ cần các cơ quan hữu quan thi hành đúng chính sách, thực hiện đúng hợp đồng hai chiều với các cơ sở sản xuất thì tất cả những vướng mắc vừa nêu trên hoàn toàn có thể khắc phục được, và Nga-sơn có điều kiện dễ sản xuất thêm hàng xuất khẩu cho Nhà nước.

HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG

HỒNG-CHƯƠNG

Sự thành lập Đảng cộng sản Việt-nam đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng Việt-nam. Hội nghị thành lập Đảng do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc triệu tập và chủ trì đã thống nhất các nhóm cộng sản ở nước ta và sáng lập một đảng cộng sản chân chính để lãnh đạo cách mạng nước ta. Hội nghị đã diễn ra đúng theo những nguyên tắc sinh hoạt đảng mà Lê-nin đã đề ra. Đọc lại «Biên bản vấn tắt của Hội nghị» (1) chúng ta thấy rõ *Hội nghị đã nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình*, nghiên cứu sâu sắc tình hình nước ta, thông qua những biện pháp đúng đắn để giải quyết một cách thiết thực những vấn đề cấp bách đặt ra trong tình hình cách mạng nước ta, nhất là vấn đề thành lập đội tiên phong của giai cấp công nhân để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng nước ta đến thắng lợi.

Hội nghị thành lập Đảng đã họp ở bàn đào Cửu-long (Hương-cảng) từ ngày 3 đến ngày 7 tháng Hai năm 1930, vào đúng dịp Tết Canh Ngọ.

Có mặt tại Hội nghị: một đại biểu của Quốc tế cộng sản (tức là đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc), hai đại biểu của nhóm Đông-dương cộng sản đảng,

hai đại biểu của nhóm An-nam cộng sản Đảng (2).

Chương trình nghị sự gồm có:

1 — Đại biểu của Quốc tế cộng sản tuyên bố lý do hội nghị.

2 — Hội nghị thảo luận các ý kiến do đại biểu của Quốc tế cộng sản đề ra:

(1) Tài liệu này do bọn mật thám Pháp lấy được trong khi soát nhà đồng chí Nguyễn-Ngọc-Vũ ngày 6-12-1930. (Xem công văn số 1759^S ngày 9-2-1931 của Sở mật thám Bắc-

kỳ ở hồ sơ số $\frac{10}{163}$ HVI). Nguyễn-Ngọc-Vũ là Bí thư Thành ủy Hà-nội năm 1930. «Bọn mật thám bắt đồng chí Nguyễn-Ngọc-Vũ khi đồng chí đang đi ở dọc đường gần Bờ Hồ. Chúng biết đồng chí là Bí thư Thành ủy nên tra tấn đồng chí hết sức dã man. Đồng chí đã nêu cao khí tiết người cộng sản, hy sinh ngay trong trại giam Hỏa lò đầu năm 1932.» (trích sách *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà-nội* do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng của Thành ủy Hà-nội xuất bản). Bọn mật thám Pháp đã dịch «*biên bản vấn tắt của Hội nghị*» ra tiếng Pháp để nghiên cứu. Bản dịch này hiện còn giữ tại Phòng lưu trữ của Văn phòng Trung ương Đảng.

(2) Hai đại biểu của Đông-dương cộng sản đảng là: Nguyễn-Đức-Cánh, Trịnh-Đình-Cửu. Hai đại biểu của An-nam cộng sản đảng là: Châu-Văn-Liêm, Nguyễn-Thiệu. Ngoài ra còn có hai người giúp việc Hội nghị là: Hồ-Tùng-Mậu, Lê-Hồng-Sơn.

a) Hợp nhất tất cả các đảng cộng sản vào một tổ chức chung thành đảng cộng sản chân chính.

b) Kế hoạch thực hiện việc hợp nhất đó.

Sau 5 ngày làm việc khẩn trương, ngày 7-2-1930 Hội nghị đã nhất trí thông qua các nghị quyết như sau.

Các đại biểu của Đồng-dương cộng sản đảng và của An-nam cộng sản đảng tán thành ý kiến của đại biểu Quốc tế cộng sản.

Về kế hoạch thành lập đảng cộng sản chân chính, Hội nghị quyết định những vấn đề sau đây:

— Bầu Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng.

— Đại biểu Quốc tế cộng sản ra lời kêu gọi nhân dân Việt-nam làm cách mạng.

— Soạn thảo chính cương văn tắt và sách lược văn tắt của đảng mới (do đại biểu của Quốc tế cộng sản soạn thảo).

— Soạn thảo Điều lệ văn tắt của đảng mới (do đại biểu của Quốc tế cộng sản soạn thảo). Điều lệ sẽ đem đọc trong tổ chức.

— Đặt tên đảng mới là « Đảng cộng sản Việt-nam ».

— Các đại biểu báo cáo.

— Phê bình các khuyết điểm của An-nam cộng sản đảng và của Đồng-dương cộng sản đảng.

— Việc tổ chức các đoàn thể quần chúng.

— Việc xuất bản báo của Đảng.

Về các khuyết điểm của An-nam cộng sản đảng và của Đồng-dương cộng sản đảng, hội nghị nhận định như sau:

Những khuyết điểm của An-nam cộng sản đảng:

1—Điều kiện dễ trở thành đồng chí chính thức là quá khắt khe (quá cao).

2—Điều kiện dễ được kết nạp vào công hội, nông hội, học sinh hội là quá khắt khe (quá cao).

Những khuyết điểm của Đồng-dương cộng sản đảng:

1—Điều kiện dễ trở thành đồng chí chính thức và điều kiện dễ được kết nạp vào công hội là quá khắt khe (quá cao).

2—Tổ chức sai lầm làm cho đảng có tính chất bè phái và làm cho đảng xa quần chúng gây ra hai nguy cơ: nguy cơ bên trong và nguy cơ bên ngoài.

3—Phá hoại hai đoàn thể « Thanh niên » và « Tân Việt » là trái với chính sách của Quốc tế cộng sản.

Về cách thức bầu Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng, Hội nghị quyết định:

1—Bắc-kỳ và Trung-kỳ do Trung ương của nhóm Đồng-dương cộng sản đảng phụ trách được cử 5 ủy viên vào Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng.

2—Về Nam-kỳ, Trung ương của nhóm Đồng-dương cộng sản đảng và Ban lâm thời chỉ đạo của nhóm An-nam cộng sản đảng giới thiệu các đảng viên của mình với hai đại biểu Nam-kỳ để triệu tập họp chung lại để cử ra 2 ủy viên vào Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng (3).

Đối với các tổ chức quần chúng và các đảng phái khác, Hội nghị quyết định như sau:

— Đối với « xích tổ ». — Giải thể « xích tổ » bằng cách sau đây:

1—Định chỉ việc tổ chức người vào « xích tổ ».

2—Các tổ viên của « xích tổ » là công nhân và nông dân không đủ tiêu

(3) Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị. Bắc-kỳ và Trung-kỳ đã cử các đồng chí Trịnh-Đình-Cửu, Trần-Văn-Lan (tức Giáp), Nguyễn-Hội, Nguyễn-Phong-Sắc (tức Thịnh), Lê-Mao (tức Cát); Nam-kỳ cử các đồng chí Hạ-Bá-Cang, Phạm-Hữu-Lưu. Trên đường đi dự Hội nghị Trung ương một số trong các đồng chí trên đây đã bị bắt.

chuẩn đề kết nạp vào Đảng thì đưa vào công hội và nông hội.

3 - Các tổ viên của « xích tổ » thuộc các tầng lớp khác (như trí thức, tiểu tư sản, v.v.) thì đưa vào Hội phân đế.

- Đối với các nhóm « Ủng hộ ». - Giải thể các nhóm « Ủng hộ » bằng cách sau đây :

1 - Đình chỉ việc tổ chức người vào các nhóm « Ủng hộ ».

2 - Đưa tổ viên các nhóm « Ủng hộ » vào Hội phân đế.

- Đối với « Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội » : Cử các đồng chí đảng viên vào Nam-kỳ để lãnh đạo tổ chức Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở đó và đưa các hội viên của Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở đó vào Hội phân đế.

- Đối với Tân Việt :

1 - Không nên giải-tán Tân Việt.

2 - Kết nạp các đảng viên Tân Việt vào Hội phân đế.

3 - Những người ưu tú trong Tân Việt thì kết nạp vào Đảng.

- Đối với Quốc dân đảng :

1 - Cần cố gắng tranh thủ lực lượng của đảng này.

2 - Tổ chức các đảng viên của đảng này vào Hội phân đế.

Hội nghị quyết định về vấn đề tổ chức phân đế như sau :

Đảng chỉ định một đồng chí đứng ra triệu tập các đại biểu của tất cả các đảng như Tân Việt, Thanh niên, Quốc dân đảng, Đảng Nguyễn-An-Ninh, v.v. họp lại để thành lập Hội phân đế đồng minh; sau đó các cá nhân và tổ chức nào đồng ý tham gia cũng có thể gia nhập.

Hội nghị còn quyết định về tổ chức cứu tế như sau :

Đảng trước tiên đưa một số đồng chí đảng viên đứng ra thành lập Hội cứu tế; sau đó sẽ tuyển truyền đề kết nạp những hội viên mới. Việc các nữ đồng chí đảng viên có mặt trong Hội cứu tế khi hội mới thành lập là rất có lợi.

Về báo của Đảng, Hội nghị quyết định :

1 - Đình chỉ việc xuất bản các báo cũ của Đồng-dương cộng sản đảng và An-nam cộng sản đảng.

2 - Ban chấp hành trung ương làm thời của Đảng sẽ xuất bản một tờ tạp chí lý luận và ba tờ báo đề tuyên truyền.

3 - Đình chỉ việc xuất bản các tờ báo quần chúng do Đảng làm.

4 - Duy trì các tờ báo do quần chúng tự làm lấy.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, Hội nghị hợp nhất đã thành công tốt đẹp và đưa đến kết quả là thành lập Đảng cộng sản Việt-nam. Sự có mặt của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc có vai trò quyết định đối với thành công của Hội nghị. Có quá trình rèn luyện trong đấu tranh cách mạng, có trình độ chính trị, lý luận, có năng lực lãnh đạo, có đạo đức cách mạng, có uy tín cao, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã thuyết phục được các đồng chí khác. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc là người soạn thảo các văn kiện của Hội nghị: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của các đoàn thể công, nông, thanh, phụ. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc là linh hồn của Hội nghị thành lập Đảng. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc là người sáng lập Đảng cộng sản Việt-nam.

Nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, hội nghị thành lập Đảng, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chủ tịch, đã thành công tốt đẹp. Từ hội nghị đó, Đảng ta, một đảng cách mạng chân chính theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã ra đời. Giương cao ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân ta đấu tranh kiên cường dũng cảm, đưa cách mạng Việt-nam từng bước tiến lên, giành được thắng lợi vĩ đại như ngày nay.

« Ê KÍP » VÀ « CÁNH HẦU »

« Ê kíp » là khái niệm mang một nội dung lành mạnh. Thông thường nói đến ê kíp là nói đến một tập thể những người cộng sự mà trong đó, mỗi người đều có ý thức làm chủ tập thể, tinh thần trách nhiệm chung, đặt lợi ích chung lên trên hết và trước hết; đều có gắng làm tròn trách nhiệm cá nhân được tổ chức giao cho với sự nỗ lực lớn nhất và với ý thức kỷ luật tự giác cao nhất. Nói đến ê kíp là nói đến một tập thể, một cộng đồng làm việc, trong đó mọi thành viên đều cộng tác chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, hỗ trợ lẫn nhau, giúp nhau phát huy trí tuệ, năng lực và sức mạnh nhằm tiến hành tốt nhất công việc được giao. Nói đến ê kíp còn là nói đến một tập thể trong đó mọi người đều thật sự thương yêu nhau, vui mừng trước thành công của bạn, coi thành công ấy như của chính mình; lo cho khó khăn của bạn như khó khăn của chính mình; mừng cho sự tiến bộ của bạn như sự tiến bộ của chính mình; không hề có tham vọng và tính toán cá nhân, không hề có lòng ghen ghét và tính đố kỵ. Không thể có ê kíp công tác tốt nếu không giữ vững nguyên tắc sinh hoạt Đảng và kỷ cương của Nhà nước. Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Không thể có ê kíp

công tác tốt nếu không có tự phê bình và phê bình theo tinh thần cộng sản. Đó là những yêu cầu mà một ê kíp cần phải có theo đúng nghĩa chân chính của nó.

Xây dựng cho được một ê kíp thật sự có năng lực, đoàn kết và thân ái là điều rất quan trọng và rất cần thiết. Đồng chí Lê-Duẩn đã khẳng định: « Khả năng và hiệu quả lãnh đạo phụ thuộc trực tiếp vào chỗ người cầm đầu tổ chức có xây dựng được hay không một *kíp người cộng sự có năng lực, đoàn kết, thân ái, lập hợp xung quanh mình* » (1).

Lâu nay trong công tác tổ chức và công tác cán bộ, chúng ta đã cố gắng phấn đấu xây dựng những ê kíp như vậy. Có thể nói, chúng ta đã làm được và làm khá tốt điều đó. Biết bao điển hình tiên tiến, biết bao nhân tố mới đã xuất hiện ở rất nhiều địa phương, nhiều cấp, nhiều ngành... Đó là kết quả hoạt động của những tập thể có tổ chức, có kỷ luật, thật sự đoàn kết, thương yêu nhau và hành động vì một mục đích chung: giành thắng lợi cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

(1) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II tr. 433 — 434.

Tuy nhiên, trong thực tế cũng có không ít trường hợp người ta nấp dưới danh nghĩa xây dựng é kíp để tạo nên những « cánh hâu ».

Cánh hâu là một tập thể, hay nói chính xác hơn là một nhóm người tạm thời liên kết với nhau vì những mục đích xấu xa.

Hãy điềm qua một vài hành động của cánh hâu ta sẽ thấy rõ điều đó:

Muốn giữ vững chiếc ghế của mình hoặc muốn « ngoi » lên những địa vị cao hơn, người ta lôi bè, kéo cánh, tạo nên một cánh hâu để rồi nịnh bợ nhau, tâng bốc nhau, bảo vệ nhau và cùng hợp sức đẩy nhau lên những cương vị mà bản thân họ không xứng đáng.

Muốn giữ vững chiếc ghế của mình, muốn đẩy nhau lên, họ cũng phải « đoàn kết với nhau », « thống nhất ý chí và hành động » trong việc loại trừ đối thủ của họ. Anh là người trung thực và thẳng thắn. Anh dám mạnh dạn đấu tranh với những khuyết điểm và sai lầm của họ. Như vậy, anh trở thành vật chướng ngại của họ rồi. Họ sẽ hợp sức lại với nhau, bao vây anh, tìm mọi cách làm cho anh mất hết uy tín, mất hết tác dụng, lúc đó anh sẽ trở thành kẻ « đơn thương độc mã » giữa chiến trường. Và, thế là họ hất cẳng anh, loại anh « khỏi vòng chiến đấu » chẳng có gì là khó khăn cả.

Muốn móc cửa, moi tiền của Nhà nước, của tập thể, muốn móc ngoặc, hối lộ đơn vị này, hoặc muốn ăn hối lộ của đơn vị khác... họ cũng phải « đoàn kết » với nhau, « bảo vệ » nhau, phân công nhau mỗi người một việc, kẻ tung người hứng, giấy tờ sổ sách đầu ra đẩy, mọi công việc đều được « bàn tập thể » và « tập thể » cùng làm, họ bịt mắt cấp dưới, che mắt cấp trên, họ hoạt động ăn khớp, nhịp nhàng và đồng bộ.

Như vậy, mục đích của cái « đoàn kết », « thống nhất ý chí », « thống nhất

hành động » ấy của họ là gì thì ta đã rõ. Bộ mặt thật của cánh hâu là như thế. Cho dù họ có khéo léo khoác chiếc áo lông công thì cú vẫn là cú mà thôi, chứ cú không thể trở thành công được.

Phân biệt giữa é kíp thật với é kíp giả, hay nói cách khác là giữa một é kíp với một cánh hâu chẳng đến nỗi khó. É kíp không phải là cái gì hoàn thiện. É kíp cũng có sai lầm, có khuyết điểm, nhưng về bản chất thì khác hẳn với cánh hâu. Một bên là tập thể những người cộng sự dựa trên sự giác ngộ về lý tưởng, về tinh thần trách nhiệm, về tính tổ chức và kỷ luật; còn bên kia là một nhóm người liên kết với nhau một cách vô nguyên tắc. Một bên, một suy nghĩ, mọi hành động đều vì một mục đích chung, vì thắng lợi của sự nghiệp cách mạng; còn bên kia thì trái lại, tất cả đều vì những động cơ cá nhân, lợi ích cá nhân, bất chấp chỉ thị, nghị quyết của Đảng, bất chấp lợi ích chung của cách mạng. Một bên là đoàn kết, thân ái và giúp đỡ nhau thật sự; còn bên kia chỉ là sự liên kết tạm thời, là cái vỏ bề ngoài, nếu không thỏa mãn được những ý định riêng tư, họ sẵn sàng hất cẳng nhau, thậm chí hãm hại nhau.

Đề bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng được thực hiện đúng đắn, không thể tha thứ hành động lôi bè, kéo cánh, tạo nên những cánh hâu. Bởi vì nó làm tổn hại rất lớn đến uy tín của Đảng, đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân, làm lung lay đoạn di đến phá vỡ cả tổ chức. Và sẽ càng nguy hiểm hơn nữa nếu để cho nó phát triển tới một bình diện rộng lớn, trở thành phổ biến.

Xây dựng những é kíp tốt, trong sạch, vững mạnh không phải dễ. Muốn làm được điều đó, trước hết phải quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức. Bởi vì, « một tổ chức mà chức năng, nhiệm vụ không rõ ràng,

sự phân công không hợp lý, tiêu chuẩn các công việc và chế độ trách nhiệm không định rõ, thiếu mối quan hệ và sự phối hợp giữa bộ phận này với bộ phận kia, thiếu năng lực đồng bộ v.v. thì bất cứ người nào trong đó cũng trở thành kém cỏi, bất lực, bởi vì đó là một tổ chức kém tinh tổ chức» (2).

Mặt khác, phải lựa chọn, bố trí đúng cán bộ, mà điểm mấu chốt là lựa chọn cho được người đứng đầu tổ chức thật sự có phẩm chất, có năng lực. Đương nhiên, trong bộ máy lãnh đạo và quản lý, mỗi cán bộ đều giữ một vị trí công tác nhất định. Sự hoàn thành hay không hoàn thành chức trách của mỗi người, tất nhiên có ảnh hưởng đến hoạt động chung của cả bộ máy. Song, vai trò của người đứng đầu tổ chức là hết sức lớn và có tính chất quyết định. Người đứng đầu tổ chức có tinh thần nghiêm túc, am hiểu công việc, có tầm nhìn xa trông rộng, biết dành giá đúng và sử dụng đúng cán bộ, thật sự tôn trọng và bình tĩnh lắng

nghe ý kiến của quần chúng, có thái độ rộng lượng, có tinh thần tự phê bình cao, dám nhận sai lầm và quyết tâm sửa chữa v.v. thì người đó sẽ có uy tín, có khả năng xây dựng được một ê kíp gồm những người cộng sự đúng đắn, có phẩm chất và năng lực, đoàn kết, thân ái, cùng nhau ra sức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ngoài ra, cần chú ý tăng cường kỷ luật của Đảng và hiệu lực pháp luật của Nhà nước; tăng cường giáo dục và quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; xử lý nghiêm khắc những người có tư tưởng và hành động chia rẽ, bè phái, muốn xây dựng cánh hâu v.v.

Đó là những tiền đề cần thiết cho việc xây dựng những ê kíp tốt, và đó cũng là biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cánh hâu.

NGUYỄN-TRUNG-THỰC

(2) Sách đã dẫn, tr. 427 — 428.

KỶ NIỆM LẦN THỨ 80...

(Tiếp theo trang 39)

động chung quanh Đảng cộng sản Liên-xô.

Những người xô viết có quyền gắn mọi thành tựu của mình với hoạt động nhiều mặt của Đảng của Lê-nin. Con đường đã đi là con đường đấu tranh và thắng lợi thật sự anh dũng. Nhân dân Liên-xô thấy ở Đảng cộng sản Liên-xô người thể hiện những lợi ích căn bản của mình, đang tích cực ủng hộ chính sách đối

nội và đối ngoại của Đảng, ủng hộ cuộc đấu tranh trước sau như một của Đảng vì sự nghiệp hòa bình trên toàn thế giới. Đảng coi trọng sự thống nhất không gì phá hoại nổi với quần chúng, coi sự thống nhất đó là tài sản vô giá, là nguồn sức mạnh vô tận. Với một tinh thần hy sinh vô hạn, Đảng quyết tâm thực hiện những nhiệm vụ của mình như Đảng đã thực hiện những nhiệm vụ đó trong 80 năm qua theo lời dạy của Lê-nin.

THẮNG LỢI TRÊN MẶT TRẬN SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ AN NINH CỦA NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA

HỒNG - CẢNH

BỌN diệt chủng Pôn Pốt — kẻng Xa-ry đã dìm đất nước Cam-pu-chia trong cảnh điêu tàn đồ nát đến mức sau ngày chúng bị đánh đổ, những người Cam-pu-chia sống sót trở về cũng như khách nước ngoài đến thăm Cam-pu-chia không ai tin rằng đất nước này có thể khôi phục được cuộc sống bình thường trong vòng mấy năm. Nhưng sau khi nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ra đời, đất nước này đã từng giờ, từng phút thay da đổi thịt, và chỉ trong bốn năm đã giành được bao nhiêu thắng lợi diệu kỳ trong công cuộc hồi sinh. Sự khốn khổ cùng cực, tình trạng hoang tàn đồ nát khủng khiếp mà bọn diệt chủng Pôn Pốt để lại đang bị đẩy dần vào quá khứ.

Đảng và Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, trong khối lượng công việc khổng lồ phải giải quyết gấp, đã tập trung sức trên hai mặt trận chính: khôi phục, phát triển sản xuất và bảo vệ an ninh.

Với tinh thần hồi sinh cho cả một dân tộc, không chịu bó tay trước thảm cảnh của đất nước, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đã động viên nhân dân, từ con số không

đi lên, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, trước hết là nông nghiệp và đã giành được những thắng lợi quan trọng.

Xuất phát từ đặc điểm của Cam-pu-chia là nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế tự cấp, tự túc, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã đề ra đường lối khôi phục và phát triển kinh tế là: bắt đầu từ nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm khâu trung tâm giải quyết đời sống cho dân và góp phần tạo nguồn tích lũy ban đầu, thúc đẩy các ngành khác phát triển. Việc cứu đói đi đôi với khôi phục sản xuất nông nghiệp trở thành nhiệm vụ chính trị cấp bách, có tầm quan trọng quyết định đối với việc ổn định tình hình chính trị, xã hội trong cả nước.

Thông cảm với khó khăn ban đầu của nước bạn, Đảng và Chính phủ Việt-nam đã gửi giúp nhân dân Cam-pu-chia hàng vạn tấn lương thực, thực phẩm, thóc giống, các loại dụng cụ nông nghiệp, vải mặc và thuốc chữa bệnh,... nhằm góp phần cứu đói, phục hồi sản xuất và xây dựng lại cuộc sống ổn định cho nhân dân Cam-pu-chia. Liên-xô, các nước xã hội chủ

nghĩa anh em khác, và một số tổ chức quốc tế nhân đạo và tiến bộ cũng viện trợ khẩn cấp cho Cam-pu-chia. Chiến dịch tiếp nhận và vận chuyển lương thực cứu đói từ ngoài vào được tổ chức chu đáo, lương thực được phân phối đến tận tay nhân dân, góp phần dập tắt nạn đói khủng khiếp ở Cam-pu-chia.

Đồng thời, nhân dân Cam-pu-chia cũng đạt thành tựu lớn trong phục hồi sản xuất nông nghiệp. Mặc dù đất nước bị bọn Pôn Pốt tàn phá nặng nề, thóc giống và trâu bò chưa có đủ, lại bị dịch phá hoại mạnh ở phía tây và phía bắc, chính quyền cách mạng Cam-pu-chia vẫn vận động và tích cực giúp đỡ nông dân bắt tay ngay vào sản xuất nông nghiệp ngay sau khi trở về quê cũ. Được các tỉnh Việt-nam kết nghĩa với các tỉnh Cam-pu-chia hết lòng giúp đỡ, năm 1979 cả nước đã gieo cấy được trên 850 000 ha lúa, và vụ mùa đầu tiên này đã thu hoạch được khoảng 600 000 tấn thóc. Điều này có ý nghĩa chính trị to lớn và góp phần đáng kể vào việc cứu đói.

Vượt được khó khăn ban đầu, năm 1980 nhân dân Cam-pu-chia tập trung sức vào sản xuất nông nghiệp. Nhờ được chuẩn bị chu đáo, thời tiết thuận hòa và được Việt-nam giúp thêm, nhất là với đã phân khởi đã có, cả nước Cam-pu-chia đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất: không những sản lượng lương thực bảo đảm được nhu cầu cho nhân dân mà Nhà nước còn thu mua được trên 175 000 tấn, vượt kế hoạch 50%. Riêng vụ mùa năm 1982 (thu hoạch vào đầu năm 1983) đã đạt 1,9 triệu tấn (kể cả màu). Vụ mùa năm 1983 này, mặc dù thời tiết không thuận lợi, nông dân Cam-pu-chia được sự động viên và giúp đỡ mọi mặt của Đảng và Nhà nước, đang tập trung cố gắng giành thắng lợi lớn hơn trên mặt trận nông nghiệp, phần đầu đạt chỉ tiêu gieo trồng trên diện

tích 2 000 000 ha (cả lúa, hoa màu và cây công nghiệp), với năng suất và sản lượng cao hơn vụ mùa năm 1982.

Một vấn đề được đặt ra đối với Đảng và Chính phủ Cam-pu-chia là sẽ tiến hành cải tạo nông nghiệp như thế nào? Trong 4 năm sống dưới chế độ của bọn Pôn Pốt, người nông dân đã quá khiếp sợ tình trạng bị dày dọa và lao động khổ sai trong cái gọi là "hợp tác xã tập thể" của ăng ca. Đến nay, họ vẫn chưa khỏi kinh hoàng khi nghe nói đến "lao động tập thể". Nhưng không thể vì vậy mà để nền nông nghiệp Cam-pu-chia giảm chân mãi ở giai đoạn sản xuất cá thể, manh mún. Sẽ không thể giải phóng nông dân, không thể cải thiện được đời sống của họ nếu không cải tạo nền nông nghiệp sản xuất cá thể, không đưa họ vào con đường làm ăn tập thể. Tình hình sẽ diễn ra như Ăng-ghe-n-tưng chỉ rõ: "Kết quả là chúng ta sẽ không giải phóng được nông dân mà là chỉ kéo dài thời gian tiêu vong của họ thêm một chút nữa" (1); "Chỉ có thể cứu vãn và bảo tồn được tài sản của họ bằng cách biến tài sản đó thành tài sản hợp tác xã và thành kinh tế hợp tác xã" (2).

Điều đáng mừng là Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia đã tìm ra được hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế của Cam-pu-chia. Đó là hình thức tổ đoàn kết sản xuất, ăn chia theo nguyên tắc phân phối theo lao động: người lao động giỏi được hưởng nhiều, người lao động yếu được chiều cõ trên tinh thần tương trợ lẫn nhau.

Đến nay, trên 90% nông dân Cam-pu-chia đã được tổ chức vào hơn 100 000 tổ đoàn kết sản xuất, mỗi tổ có khoảng 10 - 15 gia đình. Những tổ này không ngừng được củng cố để

(1) C. Mác — Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 2, tr. 529.

(2) Sách đã dẫn, tr. 531.

trở thành cơ sở kinh tế và cơ sở chính trị vững chắc, chống lại các đội quân ngấm của bọn Pôn Pốt, bảo vệ thôn xóm, bảo vệ sản xuất, thực hiện các chủ trương và đường lối của Đảng, của Chính quyền và Mặt trận. Nghề rừng, nghề cá và các ngành thủ công nghiệp cũng có các tổ chức đoàn kết sản xuất thích hợp.

Kinh tế phụ gia đình được khuyến khích phát triển. Đối với khu vực này, Nhà nước chưa thu thuế mà chỉ thu mua nông sản và ngược lại, nông dân được mua hàng công nghiệp theo giá thích hợp. Với điều kiện thiên nhiên thuận lợi, với tinh thần cần cù lao động của người nông dân, lại được các chính sách thích hợp cổ vũ, nên nông nghiệp Cam-pu-chia có nhiều triển vọng sáng sủa.

Nhân dân Cam-pu-chia còn tích cực khôi phục nghề cá, phát triển ngành cao su và phục hồi việc trồng một số cây công nghiệp khác như: hồ tiêu, thuốc lá, dứa, bông, mía v.v. Trong năm 1980, 5000 ha đất trồng cao su được khôi phục, những cơ sở chế biến bị bọn Pôn Pốt tàn phá đã được xây dựng lại. Ngành cao su có triển vọng phát triển hơn trong những năm tới. Việc kiện toàn tổ chức từ Tổng cục đến nông trường và nghiên cứu chế độ, chính sách cải thiện đời sống của công nhân cao su được chú trọng.

Nhờ cải tiến tổ chức và có chính sách khuyến khích thích đáng, nghề đánh bắt cá cũng phát triển, sản lượng hàng năm tăng đều: 1980 - 1981: 4 vạn tấn, 1981 - 1982: 5 vạn tấn. Ngành này đang được chuẩn bị mọi mặt để trong vài năm tới đạt mức trước đây: 8 - 13 vạn tấn/năm.

Dại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia (5-1981) đã đề ra hướng chỉ đạo nông nghiệp trong 5 năm tới là: phấn đấu đưa diện tích gieo trồng lên 2,3 - 2,5 triệu ha, sản lượng lương thực lên 2,5 - 2,8 triệu tấn, trong đó thóc đạt 2,3 đến 2,5

triệu tấn (xấp xỉ mức trước chiến tranh chống Mỹ 1970 - 1975); cao su lên 4 - 5 vạn tấn; bông: 3 - 4 nghìn tấn; thuốc lá 5 - 6 nghìn tấn; dứa: 2 - 3 nghìn tấn; mía 200 - 250 nghìn tấn, trâu bò lên khoảng 1,4 đến 1,5 triệu con; lợn: 800 - 900 nghìn con; cá khoảng 10 vạn tấn/năm. Cam-pu-chia đang phấn đấu đạt mục tiêu xuất khẩu về gỗ, cao su, cá, và một số sản phẩm nông nghiệp khác. Các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải... cũng được phục hồi và phát triển từng bước, có trọng điểm.

Sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục cũng phát triển khá nhanh trong cả nước. Nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện và đang phát huy tác dụng.

Trong điều kiện đất nước bị bọn Pôn Pốt đập phá tan nát, nhân dân bị chúng đẩy vào nạn đói khủng khiếp chưa từng có trong lịch sử Cam-pu-chia, những thành tựu đã đạt được dưới chính quyền cách mạng có ý nghĩa chiến lược rất to lớn. Những thành tựu đó là cơ sở vững chắc cho việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, đồng thời tạo tiền đề vật chất và kỹ thuật để Cam-pu-chia từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trên mặt trận bảo vệ an ninh, nhân dân Cam-pu-chia cũng giành được thắng lợi lớn. Chính nhờ thắng lợi của các lực lượng vũ trang trong việc tiếp tục truy quét bọn tàn quân Pôn Pốt, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trong cả nước mà nhân dân Cam-pu-chia phát huy được năng lực lao động sáng tạo trên mặt trận sản xuất. Hiện nay ở Cam-pu-chia, sản xuất và bảo vệ an ninh là hai mặt công tác kết hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Nhờ truy quét bọn tàn quân Pôn Pốt có kết quả, giữ vững an ninh chính trị, kinh tế, nhân dân mới tin tưởng, ủng hộ chính quyền cách mạng, yên tâm

sản xuất và nhanh chóng ổn định cuộc sống. Ngược lại, do nhanh chóng ổn định đời sống cho dân và thu hút họ vào các tổ chức quần chúng của Mặt trận giáo dục họ đi theo cách mạng, cho nên các lực lượng vũ trang cách mạng có chỗ dựa để tìm và diệt có kết quả bọn tàn quân Pôn Pốt, phá được các tổ chức «cải», «êm» của chúng trong dân, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội. Chính nhờ sự tác động qua lại đó mà hơn bốn năm qua, mặc cho bọn Pôn Pốt và quan thầy của chúng là bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc bày đủ mọi trò, mọi kế và điên cuồng chống phá, cách mạng Cam-pu-chia vẫn tiếp tục tiến lên, giành thắng lợi to lớn.

Sau khi bị đánh đổ ngày 7-1-1979, bọn tàn quân Pôn Pốt trụ lại ở một số vùng nông thôn, rừng núi phía tây và phía bắc Cam-pu-chia, mưu tạo thế «hai chính quyền, hai quân đội và hai vùng kiểm soát», tiến hành «chiến tranh du kích» lâu dài theo tư tưởng quân sự của Mao-Trạch-Đông, chờ thời cơ giành lại địa bàn đã mất. Được sự giúp đỡ của quân đội Việt-nam, quân đội và nhân dân Cam-pu-chia đã tiến công đập tan các hang ổ cuối cùng của địch, buộc những tên sống sót phải chạy về «đất thanh» Thái-lan. Tuy vậy, trước khi rút chạy, bọn chúng tìm cách «cải», «êm» người của chúng trong dân và trong các tổ chức cơ sở của chính quyền cách mạng nhằm xây dựng «đội quân ngầm» và cơ sở tình báo, gây chiến tranh phá hoại, chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp. Bọn này đang được bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, đế quốc Mỹ và bọn phản động trong giới cầm quyền Thái-lan tiếp tế, ủng hộ và giúp đỡ mọi mặt để chống phá cách mạng Cam-pu-chia lâu dài. Các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia, với sự giúp đỡ và phối hợp chiến đấu của quân đội Việt-nam, đứng chân vững chắc trên các địa bàn chiến lược

trọng yếu ở Cam-pu-chia, ngăn chặn sự xâm nhập của địch từ Thái-lan sang, liên tục truy quét, phát hiện và trừng trị bọn tàn quân, bọn gián điệp ẩn náu trong rừng, và đội quân ngầm, cũng như bọn «chính quyền hai mặt» ở thôn xã, liên tiếp đập tan các kế hoạch mùa khô và mùa mưa của chúng, bảo vệ vững chắc đất nước.

Đảng và Chính phủ Cam-pu-chia rất quan tâm xây dựng quốc phòng và bảo đảm an ninh. Nam nữ thanh niên Cam-pu-chia coi việc được vào bộ đội, dân quân du kích để bảo vệ Tổ quốc là vinh dự lớn và sẵn sàng làm lực lượng bổ sung cho quân đội cách mạng. Nhờ vậy lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân phát triển và trưởng thành nhanh chóng. Từ phần tàn, nhỏ bé, bộ đội chủ lực nay được xây dựng thành binh đoàn, trung đoàn, sư đoàn chính quy với những binh chủng, phương tiện thích hợp. Tất cả đều được rèn luyện, thử thách qua chiến đấu, trong công tác bảo vệ an ninh, giúp dân sản xuất và ổn định đời sống. Các đơn vị quân đội còn sản xuất tự túc một phần lương thực, san sẻ lương thực cứu mạng nhân dân; nhiều đơn vị có thành tích trong chiến đấu, địch vận và trong phát động quần chúng, được nhân dân tin yêu, giúp đỡ, tình cảm đó thể hiện rõ trong các chiến dịch bộ đội giải phóng đánh vào các hang ổ của địch dọc biên giới Thái-lan - Cam-pu-chia vừa qua.

Bộ đội địa phương được tổ chức ở tất cả các tỉnh, huyện; có nơi đến cỡ trung đoàn, được trang bị và huấn luyện tốt, đã phối hợp có kết quả với các đơn vị chủ lực trong chiến đấu, địch vận, phát động quần chúng, bảo vệ đường giao thông chiến lược v.v. Tại hầu hết các thôn xã, làng vận du kích được chọn lọc, được trang bị vũ khí, huấn luyện chính trị, quân sự, để bảo vệ thôn xóm, làm chỗ dựa cho

chính quyền cách mạng. Các đội dân quân du kích, do hoạt động ở ngay thôn xã mình cho nên hiểu dân, biết địch, thông thuộc địa hình, chiến đấu rất thuận lợi. Nhờ vậy, ở nhiều nơi, tuy lực lượng nhỏ nhưng vẫn diệt địch gọn, gọi hàng nhiều toán địch, thu nhiều vũ khí. Nhiều đơn vị đã được khen thưởng. Đội ngũ cán bộ quân sự ngày càng đông, được đào tạo trong các trường, được rèn luyện trong thực tế chiến đấu, đã được đưa về tăng cường cho cơ quan chỉ huy các cấp, các đơn vị chiến đấu, các cơ quan tham mưu chính trị, hậu cần và các ngành kỹ thuật chuyên môn trong quân đội.

Lực lượng an ninh các cấp cũng đã hình thành. Với sự phối hợp và giúp đỡ của nhân dân, lực lượng an ninh đã khám phá và làm tan rã nhiều tổ chức và đảng phái phản động, đập tan nhiều âm mưu gây bạo loạn của địch, bắt gọn nhiều tên tinh báo, gián điệp, biệt kích từ Thái-lan sang; cải tạo những phần tử xấu, giáo dục những người lầm đường hoặc bị địch khống chế... đưa họ trở về với nhân dân. Qua những đợt học tập chính trị từ trung ương xuống cơ sở, lực lượng an ninh các địa phương và các ngành, các cấp được củng cố và tăng cường. Ý thức trách nhiệm của từng người dân đối với việc quản lý đường phố, góp phần bảo vệ an ninh thôn xã được nâng cao. Ở thủ đô Phnôm Pênh cũng như ở các thành phố, thị xã khác, an ninh chính trị được bảo đảm. Hiện nay, chính quyền đang tiếp tục củng cố và tăng cường lực lượng an ninh các cấp để trừng trị kịp thời bọn phá rối trị an, bọn tinh báo gián điệp các loại, làm thất bại âm mưu của địch xây dựng đội quân ngầm và phần tử hai mặt trong các tổ chức cách mạng. Với những thành tựu đạt được trong 4 năm qua, quân đội và nhân dân Cam-pu-chia cơ bản đã làm thất bại mọi âm mưu của địch, xây dựng lực

lượng cách mạng lớn mạnh, đủ sức nắm dân và giữ vững an ninh nội địa. Nhờ vậy tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, trật tự xã hội được tăng cường. Các tổ chức chính trị của địch bị tan rã từng mảng lớn, bọn đầu sỏ tinh báo, gián điệp và các cơ sở của địch cài, ém trong dân lần lượt bị phát hiện. Nhiều người bị cưỡng bức theo địch, nay trở về với nhân dân được chính quyền cách mạng khoan dung, đang lập công chuộc tội và mong muốn xây dựng lại cuộc đời dưới chế độ mới.

Tuy nhiên, cách mạng Cam-pu-chia càng phát triển thì các loại kẻ thù của nhân dân Cam-pu-chia càng điên cuồng chống phá. Một mặt, chúng nuôi dưỡng tàn quân Pôn Pốt và các bọn phản động kho-me khác ở biên giới Cam-pu-chia - Thái-lan, dấy bọn này thường xuyên tiến công khiêu khích nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, thậm chí huy động cả quân đội Thái-lan yểm trợ cho bọn chúng, rồi khi bị đánh trả, lại la lối om sòm là quân đội Việt-nam «xâm chiếm» lãnh thổ Thái-lan. Mặt khác, chúng tìm mọi cách hòng làm suy yếu và phá hoại uy tín nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia trên trường quốc tế. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước không liên kết họp tại Niu Đê-li ngày 7 tháng 3 năm nay, chúng gây ra cuộc tranh cãi kéo dài, mưu toan biến Tuyên bố về Đông Nam Á thành Tuyên bố về Cam-pu-chia, hòng áp đặt nghị quyết sai trái của khóa họp thứ 37 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về cái gọi là «tình hình Cam-pu-chia» vào Hội nghị này. Âm mưu của chúng là buộc Phong trào không liên kết phải thừa nhận bọn Pôn Pốt trá hình. Nhưng chúng đã bị thất bại. Ý kiến chung của các nước dự hội nghị là ủng hộ cuộc hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia và đòi thừa nhận Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia do Chủ tịch Heng Xom-rin đứng đầu. Nhiều nước khẳng

định nghị quyết của Hội nghị cấp cao tại La Ha-ba-na là dùng dân và đòi phải tôn trọng nghị quyết đó về việc đề trống chiếc ghế của Cam-pu-chia ở Liên hợp quốc.

Mặc cho bọn đế quốc, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và các loại phản động khác điên cuồng chống phá, cách mạng Cam-pu-chia vẫn tiếp tục tiến lên. Đặc điểm lớn trong giai đoạn hiện nay của cách mạng Cam-pu-chia là vừa xây dựng, vừa chiến đấu và luôn sẵn sàng chiến đấu. Xuất phát từ đặc điểm đó, Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia đã đề ra nhiệm vụ cơ bản của toàn Đảng và toàn dân Cam-pu-chia là: *Ra sức bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ lực lượng vũ trang, bảo vệ sản xuất, và tính mạng, tài sản của nhân dân; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc cùng bè lũ tay sai là bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, Khieu Xam-phon; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác cùng bọn tay sai của chúng là bọn Son San và bọn phong kiến phản động tư sản quan liêu; quyết làm trấn áp bọn phản cách mạng có hành động phá hoại hiện hành, kiên quyết*

trừng trị các bọn phạm tội khác, trước mắt là bọn côn đồ, lưu manh giết người, cướp giết tài sản, đề góp phần đưa sự nghiệp cách mạng Cam-pu-chia từng bước tiến lên vững chắc.

Đề bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cơ bản đó, bên cạnh lực lượng vũ trang, cách mạng Cam-pu-chia hết sức chú trọng xây dựng lực lượng công an nhân dân, công cụ chuyên chính của chính quyền cách mạng các cấp, để nó trở thành lực lượng ngày càng vững mạnh, trong sạch, tuyệt đối trung thành với cách mạng và nhân dân, được nhân dân tin yêu và ủng hộ.

Với tinh cảm của người láng giềng thân thiết, với tinh thần chiến đấu cùng chiến hào, nhân dân Việt-nam hết sức phấn khởi và tự hào về những thắng lợi to lớn trên mặt trận sản xuất và bảo vệ an ninh mà nhân dân Cam-pu-chia giành được trong thời gian qua, đồng thời nhận thức sâu sắc rằng: những thắng lợi đó cũng như mỗi bước tiến lên của cách mạng Cam-pu-chia là thắng lợi chung của tinh đoàn kết chiến đấu Việt-nam-Cam-pu-chia cũng như của khối liên minh chiến đấu Việt-nam-Lào-Cam-pu-chia trong sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù chung, vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

THẮNG LỢI QUAN TRỌNG CỦA PHONG TRÀO HÒA BÌNH

VŨ - HIỀN

NHIỀU sứ giả của phong trào hòa bình vừa tập hợp tại Pra-ha để tiến hành Đại hội thế giới "Vi hòa bình và cuộc sống, chống chiến tranh hạt nhân". Trong suốt 6 ngày, hơn 3 nghìn đại biểu thay mặt cho những công dân của 132 nước thuộc các chủng tộc, dân tộc khác nhau có những quan điểm triết học, chính kiến, tôn giáo khác nhau; đại diện cho 1843 tổ chức các nước, các công đoàn, các phong trào hòa bình, các phong trào phụ nữ, thanh niên, học sinh đại học, các đảng phái chính trị và tổ chức tôn giáo; 108 tổ chức quốc tế không phải của chính phủ và 11 tổ chức liên chính phủ... đã thảo luận vấn đề cấp bách nhất hiện nay của thế giới: ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân. Đại hội Pra-ha thật sự là một đỉnh cao mới của phong trào hòa bình thế giới, là sự bùng nổ của lương tri con người trước ý đồ đầy tội ác của bọn cộng chiến, là sự biểu dương sức mạnh đoàn kết của các lực lượng đồng đạo và rộng rãi quyết tâm bảo vệ hòa bình và cuộc sống trên trái đất. Kết quả của Đại hội là một thắng lợi quan trọng của phong trào hòa bình thế giới.

Đại hội đã chỉ rõ nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới—chiến tranh hạt nhân—là có thật và đang tăng lên cùng với việc Mỹ và NATO rắp tâm đặt tên lửa trung bình mới của Mỹ ở Tây Âu. Trong quá trình phát triển của mình, loài người đã trải qua biết bao cuộc chiến tranh với những hậu quả đau thương và khủng khiếp. Nhà bác học Thụy-sĩ J.I. Ba-bét đã tính rằng, trong 5500 năm qua trên thế giới đã xảy ra 11500 cuộc chiến tranh lớn nhỏ, giết chết 3 tỷ 640 triệu người, gần bằng số dân hiện nay trên trái đất. Chỉ trong những năm đã qua của thế kỷ 20, các cuộc chiến tranh đã làm mất đi hơn 100 triệu sinh mạng. Hai quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Nhật-bản năm 1945 đã giết hại hơn 20 vạn người. Thế nhưng kho vũ khí hạt nhân hiện có trên thế giới có sức phá hủy gấp 2 triệu lần so với những quả bom nguyên tử đó. Phải nhắc lại điều này vì bọn đế quốc đang ráo riết tiến hành cuộc chạy đua vũ trang, trước hết là chạy đua sản xuất vũ khí hạt nhân đặc biệt nguy hiểm, vì chúng không hề tỏ ra có thiện chí trong tất cả các cuộc đàm phán về

giảm bớt và hạn chế vũ khí hạt nhân, vì chúng vẫn không ngừng gây ra những lò lửa căng thẳng, dễ bùng nổ như ở Trung Đông, Trung Mỹ và vùng Ca-ri-bê, miền Nam châu Phi, Đông Nam Á... Không còn nghi ngờ gì nữa, « loài người đã tiến tới ngưỡng cửa nguy hiểm trong sự phát triển của mình. Chỉ cần bước sai một bước nữa là thế giới có thể rơi vào miệng hố chiến tranh » (Lời kêu gọi «Vi hòa bình và cuộc sống, chống chiến tranh hạt nhân»). Cho nên, nếu không ngăn chặn kịp thời thì cuộc chiến tranh thế giới mà chủ yếu bằng vũ khí hạt nhân sẽ nổ ra với hậu quả không thể lường hết được. Cuộc chiến tranh ấy nổ ra sẽ chẳng chứa nơi nào, bất kể là ở châu Âu hay châu Á; bất kể là thành phố hay làng mạc, vị trí quân sự hay công trình kinh tế, văn hóa; trên đất liền, trên biển hay trên không. Và sẽ không có kẻ chiến thắng trong cuộc chiến tranh này cũng như sẽ không có những người sống sót mà không mang nặng những khổ đau khủng khiếp. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết, loài người phải cảnh giác, tỉnh táo, phải đánh thức dậy những ai còn thờ ơ với ngay cả cuộc sống và sự tồn tại của bản thân mình, phải lên án mạnh mẽ bọn cuồng chiến và kịp thời ngăn chặn không để xảy ra thảm họa hạt nhân.

Cũng với việc vạch rõ nguy cơ chiến tranh hạt nhân đối với loài người, Đại hội hòa bình Pra-ha đã khẳng định nguy cơ đó từ đầu đến và vì sao. Đại hội kịch liệt tố cáo các giới đế quốc hiếu chiến, nhất là đế quốc Mỹ đã gây ra tình hình quốc tế càng thẳng đây loài người dấn miệng hố thảm họa hạt nhân. Vì lợi ích ích kỷ của chúng, vì siêu lợi nhuận, chúng sẵn sàng ném hàng trăm triệu người vào cõi chết. Mặt khác, chúng không cam chịu chấp nhận thất bại liên tiếp của chúng những năm vừa qua trước sức mạnh

được tăng cường của chủ nghĩa xã hội thế giới, trước thắng lợi của hòa bình, tự do và độc lập. Những thắng lợi của ba dòng thác cách mạng trên thế giới những năm qua đã làm thay đổi hẳn bản đồ chính trị thế giới có lợi cho các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đã thu hẹp địa bàn của bọn đế quốc thực dân, đã làm thay đổi phạm vi ảnh hưởng và thị trường của từng tên đế quốc, do đó mà dây màu thuẫn vốn có trong nội bộ chủ nghĩa đế quốc lên mức gay gắt, khiến cho xu hướng «ly tâm» của các nước đế quốc khác với đế quốc Mỹ ngày càng phát triển, làm lung lay vị trí «sen đầm» của tên đế quốc đầu sỏ. Muốn lật lại thế cờ, muốn thế giới thay đổi theo «trật tự» kiểu Mỹ, các chính quyền kế tiếp nhau ở Oa-sinh-tơn, nhất là chính quyền cực kỳ hiếu chiến Ri-gan đã tìm phương sách cứu vãn bằng con đường chạy đua vũ trang điên cuồng nhằm lấy lại sức mạnh của Mỹ, giành ưu thế quân sự đối với Liên-xô và tổ chức Hiệp ước Vae-sa-va. Do có tiềm lực kinh tế và khoa học kỹ thuật mạnh nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa, đế quốc Mỹ tính toán rằng, «cuộc chạy đua vũ trang thật sự nghiêm túc có thể đập nát cột sống của nền kinh tế Liên-xô», sẽ buộc Liên-xô phải «tăng tốc» theo để rồi nếu không đủ lực sẽ bị quy ngã trên đường đua, thế cân bằng quân sự chiến lược, nhất là về vũ khí hạt nhân, sẽ bị phá vỡ để nhường lại ưu thế cho Mỹ. Mặt khác, cuộc chạy đua vũ trang này, do sự tốn kém của nó, sẽ làm cho ngay cả những người bạn «đồng hành» của Mỹ cũng không trụ vững nổi, sẽ phải ngoan ngoãn phục tùng sự sai khiến của Mỹ và có vậy Mỹ mới có thể thực hiện được giấc mộng bá chủ của mình. Thực hiện mưu toan này, chính phủ Mỹ không ngừng tăng ngân sách quân sự. Năm tài chính 1975 - 1976, ngân sách quân sự Mỹ là 100 tỷ đô

la, năm 1980 - 1981 là 150 tỷ, và vừa qua, chính quyền Ri-gan thúc ép quốc hội Mỹ thông qua ngân sách quân sự năm tài chính 1983 - 1984 là 200 tỷ đô la. Các loại vũ khí hạt nhân giết người tàn ác nhất, với sức phá hủy ghê gớm nhất đang được Mỹ xúc tiến nghiên cứu và sản xuất hàng loạt: những căn cứ Mỹ ở nước ngoài đang được củng cố, mở rộng hoặc xây dựng thêm. Mỹ đang thúc ép các nước "đồng minh" tăng nhanh chi phí quân sự, xúc tiến việc đặt 572 tên lửa tầm trung bình ở Tây Âu nhằm giáng đòn hạt nhân đầu tiên vào Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đề bào chữa cho những mưu đồ tăng cường sức mạnh quân sự và gây chiến tranh, Mỹ tuyên truyền âm ỉ về «sự đe dọa của Liên-xô», về «ưu thế quân sự của Liên-xô» để hù dọa nhân dân các nước phương Tây, mặt khác Mỹ lừa dối dư luận bằng những «học thuyết» quái gở về chiến tranh «hạn chế», về «xung đột hạt nhân toàn cầu» trong đó Mỹ là kẻ chiến thắng! Những điều bịp bợm này đã bị dư luận các nước, kể cả ở Mỹ bác bỏ. Thực tế đã chứng minh rằng chính Mỹ chứ không phải ai khác đã có âm mưu tiến công Liên-xô từ lâu. Chính phó tổng thống Mỹ W. Mon-đơn đã từng tuyên bố: «từ khi xuất hiện vũ khí hạt nhân, Mỹ đã đứng đầu trong cuộc chạy đua vũ trang». Ngay từ đầu, cuộc chạy đua vũ trang tuân theo quy luật «tác động và phản tác động», trong đó tác động là Mỹ và phản tác động là Liên-xô, bởi vì để tự vệ, Liên-xô buộc phải có biện pháp đối phó. Quan điểm của Liên-xô là hết sức rõ ràng: Liên-xô không gây chiến, Liên-xô không sử dụng vũ khí hạt nhân trước, Liên-xô quyết giữ vững thế cân bằng hạt nhân ở mức thấp nhất, Liên-xô luôn luôn có thiện chí tìm giải pháp bằng con đường thương lượng theo nguyên tắc bình đẳng và an ninh, như nhau. Bởi vậy, phong

trào hòa bình thế giới đã nhận rõ trách nhiệm hiện nay là phải vạch mặt chỉ trần Mỹ là thủ phạm chính chống hòa bình, mưu toan gây chiến tranh, phải ủng hộ những sáng kiến hòa bình quan trọng của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Phong trào hòa bình thế giới cũng chống lại luận điệu coi nguy cơ chiến tranh là từ cả hai phía và đổ đồng trách nhiệm cho cả Mỹ và Liên-xô về tình hình căng thẳng của thế giới ngày nay.

Nếu như nguy cơ thảm họa hạt nhân tăng lên, thì sức mạnh của lực lượng hòa bình, chống chiến tranh ngày nay cũng tăng lên hơn bao giờ hết. Đại hội hòa bình Pra-ha đã thể hiện rõ sức mạnh ấy. Đại hội đã chỉ rõ việc ngăn chặn thảm họa chiến tranh hạt nhân là khả năng hiện thực. Phong trào hòa bình ngày nay lớn mạnh chưa từng thấy và có cơ sở xã hội hết sức rộng rãi. Nó thu hút được những lực lượng đông đảo nhất của mọi dân tộc, chủng tộc, màu da, tôn giáo, chính kiến ở khắp nơi và ngay cả các tầng lớp nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa. Liên-xô là trụ cột của phong trào hòa bình thế giới cùng với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa luôn luôn đi đầu trong phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình và sự sống. Liên-xô quyết không để cho đế quốc Mỹ phá vỡ thế cân bằng quân sự chiến lược đã hình thành giữa Liên-xô và Mỹ. Đồng chí lu. V. An-drô-pốp, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, trong buổi tiếp Thủ tướng Cộng hòa liên bang Đức Hen-mút Cơn đến thăm Liên-xô đã nhấn mạnh: «Nếu các tên lửa mới của Mỹ được bố trí ở Tây Âu thì Liên-xô sẽ không lùi bước, không làm yếu khả năng phòng thủ của mình mà sẽ thi hành những biện pháp giáng trả kịp thời và có hiệu quả để bảo vệ an ninh của Liên-xô và các đồng minh của Liên-xô». Rõ ràng sức mạnh hùng hậu của

Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa cùng với lập trường có nguyên tắc của họ luôn luôn là yếu tố cơ bản nhất bảo đảm sự bền vững của hòa bình. Sức mạnh của hòa bình còn được tăng cường bởi sự giác ngộ ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân thế giới, đó là sức mạnh chính trị năng động ngăn cản những hành động phiêu lưu của chủ nghĩa đế quốc. Những người dân Mỹ ngày càng thấy rõ, cuộc chạy đua vũ trang càng leo thang thì chỉ càng có lợi cho các tập đoàn công nghiệp quân sự và các nhân vật cấp cao Mỹ, còn mọi gánh nặng đều trút lên đầu họ. Nhân dân các nước Tây Âu, Nhật-bản, các nước tư bản chủ nghĩa khác cũng ngày càng thức tỉnh. Họ biết rằng, trong khi các nhà cầm quyền nước họ theo đuổi Mỹ tăng nhanh chi phí quân sự thì họ chịu mọi tai họa do gánh nặng lạm phát và suy thoái kinh tế cũng như do chính sách thuế khóa khắc nghiệt gây ra. Họ lên án mạnh mẽ việc các nhà cầm quyền cho Mỹ đặt căn cứ quân sự và triển khai vũ khí hạt nhân trên đất nước của mình, bởi vì đó chỉ là hành động « tự mang lửa đốt nhà mình », là hành động « mang vạ vào thân » mà mọi cái lợi chỉ ở phía Mỹ. Nhân dân các nước đang phát triển cũng nhận rõ một điều là khi chính sách kinh tế bất bình đẳng của chủ nghĩa thực dân làm cho hàng năm trên trái đất có 30 - 40 triệu người chết đói, 1 tỷ rưỡi người không có sự chăm sóc tối thiểu về y tế thì trong 32 năm tồn tại, khối NATO đã chi tiêu

lớn 2625 tỷ đô la. Các tầng lớp nhân dân ở Mỹ hay Tây Âu, ở Nhật-bản hay ở các nước đang phát triển đều thấy rõ rằng việc thúc đẩy chạy đua vũ trang do Mỹ khởi xướng là một tội ác đối với loài người. Điều này đã giải thích tại sao phong trào đấu tranh cho hòa bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân diễn ra sôi động, đều khắp trên trái đất, giải thích vì sao chính quyền Ri-gan ngày càng vấp phải sự lên án gay gắt và bị cô lập nặng nề trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ liên tục để bảo vệ hòa bình của nhân dân Mỹ, nhân dân Tây Âu và nhân dân thế giới.

Trải qua nhiều năm đau khổ vì chiến tranh, nhân dân Việt-nam ta rất tha thiết với hòa bình. Nhân dân Việt-nam nhiệt liệt hoan nghênh thành công của Đại hội thế giới « Vì hòa bình và cuộc sống, chống chiến tranh hạt nhân »; hoàn toàn ủng hộ Lời kêu gọi của Đại hội, hoàn toàn ủng hộ những đề nghị và những sáng kiến hòa bình của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn ủng hộ Tuyên bố của cuộc gặp gỡ cấp cao các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va ngày 28-6-1983 ở Mát-xcơ-va. Chúng ta kịch liệt phản đối Mỹ và NATO xúc tiến việc bố trí các tên lửa mới của Mỹ ở Tây Âu. Chúng ta nguyện đem hết sức mình, sát cánh cùng với nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới kiên quyết đấu tranh để bảo vệ hòa bình, bảo vệ sự sống trên hành tinh chúng ta.

ПЕРЕДОВАЯ — Усилить идеологическую и организационную работу. **ЧЫОНГ ТИНЬ** — Вывести народы Даклака непосредственно на путь социализма. **ХОАНГ ТУНГ** — Некоторые предложения в помощь изучающим решения IV-го Пленума ЦК КПВ. **ИВАН КАПИТОНОВ** — 80 — летие второго съезда РСДРП. ☆ ☆ ☆ — Качественный состав членов партии. **НГУЕН КУЭТ** — Опыт по превращению уезда в вооруженную крепость. **ЛЕ СУАН ЛЫУ** — Повышать качество и эффективность преподавания марксистско-ленинской теории. **ХОНГ КАНЬ** — Победа в сфере производства и обеспечения безопасности народа Кампучии. **ВУ ХИЕН** — Важная победа движения за мир.

REVIEW OF COMMUNISM № 8-1983

Editorial — The strengthening of the ideological task and the work of organization. *TRUÔNG-CHINH* — Taking minorities in Dak Lak directly to socialism. *HOÀNG-TÙNG* — Some opinions to contribute to grasping the resolutions worked out by the 4th plenum of the Central Committee of our Party. *IVAN KAPITONOV* — The 80 th anniversary of the second congress of the Russian Social Democratic Labour Party. ★ ★ ★ — Party members' quality. *NGUYỄN-QUYẾT* — Some experience on building the district into the military fortress. *LÊ-XUÂN-LUU* — Raising the quality and effectiveness in teaching Marxist-Leninist theory. *HỒNG-CANH* — The Kampuchean people's achievements in the fields of production and security defence. *VŨ-HIÊN* — The important victory of the peace movement.

REVUE DU COMMUNISME № 8-1983

Editorial — Renforcer le travail idéologique et le travail d'organisation. *TRUÔNG-CHINH* — Faire passer la population des ethnies à Daklak directement au socialisme. *HOÀNG-TÙNG* — Quelques idées pour contribuer à l'assimilation des résolutions du 4e plénum du CC du Parti. *IVAN KAPITONOV* — 80e anniversaire du IIe Congrès du Parti ouvrier social-démocrate de Russie. ★ ★ ★ — La qualité morale du membre du parti. *NGUYỄN-QUYẾT* — Quelques expériences de l'édification du district en forteresse militaire. *LÊ-XUÂN-LUU* — Elever la qualité et l'efficacité de l'enseignement théorique du marxisme-léninisme. *HỒNG-CANH* — Les succès du peuple kampuchéen dans la production et la défense de la sécurité. *VŨ-HIÊN* — Victoires importantes du mouvement de la paix.

REVISTA DEL COMUNISMO № 8-1983

Editorial — Intensificar el trabajo ideológico y el organizativo. *TRUÔNG-CHINH* — A llevar la población de las nacionalidades en Dak-Lak directamente hacia el socialismo. *HOÀNG-TÙNG* — Algunas ideas contribuyentes a imbuir en las Resoluciones del IV Pleno del Comité Central. *IVAN KAPITONOV* — 80 Aniversario del II Congreso del Partido Obrero Social Demócrata de Rusia. ★ ★ ★ — Las virtudes del comunista. *NGUYỄN-QUYẾT* — Algunas experiencias acerca de la edificación del distrito a fin de llevarlo a ser una fortaleza militar. *LÊ-XUÂN-LUU* — Aumentar la calidad y eficiencia en la educación de la teoría marxista-leninista. *HỒNG-CANH* — Éxitos en el frente de producción y la seguridad del pueblo de Kampuchea. *VŨ-HIÊN* — Importante hazaña del movimiento de la paz.

MỤC LỤC

Xã luận — Tăng cường công tác tư tưởng và công tác tổ chức	1
TRƯỜNG-CHINH — Đưa nhân dân các dân tộc ở Đăk-lăk tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội	7
HOÀNG-TÙNG — Mấy ý kiến góp phần quán triệt nghị quyết hội nghị lần thứ tư của Trung ương	19
I-VAN CA-PI-TÔ-NỐP — Kỷ niệm lần thứ 80 Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga	26
★ ★ ★ — Phẩm chất đảng viên	40
NGUYỄN-QUYẾT — Mấy kinh nghiệm về xây dựng huyện thành pháo đài quân sự	47
LÊ-XUÂN-LŨU — Nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy lý luận Mác — Lê-nin	55
ANH-THÔNG — Xây dựng đội ngũ công nhân mới xã hội chủ nghĩa ở thành phố Hồ-Chí-Minh	60
Thư bạn đọc — Ý kiến của đảng viên	65
HỮU-HẠNH — Kinh tế xuất khẩu trên địa bàn huyện	68
HỒNG-CHƯƠNG — Một tấm gương tự phê bình và phê bình: Hội nghị thành lập Đảng	73
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN-TRUNG-THỰC — «Ê-kíp» và «cánh hầu»	76
HỒNG-CÁNH — Thắng lợi trên mặt trận sản xuất và bảo vệ an ninh của nhân dân Cam-pu-chia	79
VŨ-HIỀN — Thắng lợi quan trọng của phong trào hòa bình	85

KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9

Tìm đọc:

- Các văn kiện cơ bản của Hội nghị thành lập Đảng
- Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng
- Những Nghị quyết cơ bản dẫn đến thắng lợi Cách mạng Tháng Tám
- Hà-Chí-Minh Toàn tập - Tập 3 (1930 -- 1945)

LÊ-DUẨN

Thấu suốt hơn nửa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ

★★★

Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



9

9.1983

THỰC HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG



Y hội thứ 5 Quốc hội khóa 7 đã nhất trí thông qua Luật mới về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Tiếp theo việc ban hành Luật bầu cử Quốc hội, Luật về tổ chức Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, việc ban hành Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân lần này là sự hoàn thành các luật về tổ chức các cơ quan quyền lực của Nhà nước từ trung ương đến địa phương, một bước tiến mới trong việc thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động nước ta bằng Nhà nước.

Trong quá trình xây dựng và củng cố chính quyền Nhà nước ở địa phương, Nhà nước ta đã thông qua nhiều văn bản pháp luật quan trọng. Hiến pháp năm 1946 và Sắc lệnh 63 ra ngày 22-11-1945 là cơ sở pháp lý đầu tiên đề tổ chức chính quyền Nhà nước ở địa phương. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp năm 1962 làm rõ thêm nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Hiến pháp mới của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được thông qua, mở ra một giai đoạn mới trong việc xây dựng và củng cố cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương.

Trong mấy chục năm tồn tại và phát triển, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã có đóng góp to lớn vào việc thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, truyền đạt đường lối, chủ trương đó đến từng người dân, biến đường lối chủ trương của Đảng và Chính phủ thành ý chí và hành động của nhân dân, tổ chức và động viên nhân dân ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ của nhân dân ta, Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến hành chính (trong kháng chiến chống thực dân Pháp), các ủy ban nhân dân cách mạng ở vùng giải phóng và vùng căn cứ du kích ở miền Nam trong chống Mỹ, cứu nước, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đã động viên toàn dân đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng đời sống mới.

Từ ngày cả nước được giải phóng, chính quyền nhân dân địa phương ở các cấp, do dân bầu ra, đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp xóa bỏ nhanh chóng

hậu quả chiến tranh, xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng ở những nơi vừa mới giải phóng, ổn định đời sống, thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp thật sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân là con em ưu tú của nhân dân, cùng chịu gian khổ thiếu thốn, cùng chia nỗi vui mừng thắng lợi với nhân dân.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp thật sự là trường học quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được nhân dân tin nhiệm, chăm lo củng cố, hoàn thiện.

Tuy nhiên, như Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng chỉ rõ, « Làm chủ bằng Nhà nước, nhân dân ta trước tiên thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Song, cho đến nay, các đại biểu cơ quan dân cử ít được bồi dưỡng về nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp hoạt động của mình; một số cơ quan dân cử còn hoạt động một cách hình thức, chưa làm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như Hiến pháp quy định. Đó là một chỗ yếu trong sự hoạt động của bộ máy Nhà nước, cũng là một khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng.

Vì vậy, phải phấn đấu làm cho Quốc hội, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, thực sự phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng pháp luật, quyết định những vấn đề lớn của Nhà nước và giám sát hoạt động của các cơ quan chính quyền cấp trung ương; làm cho Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động đúng với vị trí là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, quyết định những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng địa phương. Các đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cần phát huy đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định, cần giữ mối liên hệ chặt chẽ và đều đặn với cử tri, phản ánh kịp thời những ý kiến và nguyện vọng của nhân dân cho các cơ quan Nhà nước, làm cho những ý kiến xác đáng của nhân dân nhanh chóng được tiếp thu và thực hiện » (1).



Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mà Quốc hội vừa thông qua đã cụ thể hóa Hiến pháp mới và thể chế hóa Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, tạo điều kiện cho các cơ quan này phát huy được chức năng, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước và góp phần thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, mà Đại hội Đảng đã đề ra.

Cần căn cứ vào các nguyên tắc, hình thức nhân dân thực hiện quyền làm chủ trong phạm vi từng địa phương, từng cơ sở mà Luật đã xác định, làm cho Hội đồng nhân dân thật sự trở thành cơ quan thể hiện quyền lực của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương để quyết định những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ địa phương. Nhờ đó, Hội đồng nhân dân thật sự trở thành một bộ phận hữu cơ cấu thành đời sống của xã hội Việt-nam do nhân dân lao động đang làm chủ tập thể. « Hội đồng nhân dân đại diện cho ý chí, nguyện vọng và

(1) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1982. tập I. tr. 111 — 112.

quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở địa phương, động viên và tổ chức nhân dân xây dựng, củng cố chính quyền, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa» (2). Hội đồng nhân dân căn cứ vào pháp luật, chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình, «quyết định và bảo đảm thực hiện các chủ trương, biện pháp đề phát huy tiềm năng của địa phương về mọi mặt» (3).

Hội đồng nhân dân các cấp phải thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ chung bao quát mọi mặt sinh hoạt của địa phương từ xây dựng kinh tế, phát triển khoa học và kỹ thuật, văn hóa, xã hội và đời sống đến an ninh, quốc phòng, chính sách dân tộc, pháp chế xã hội chủ nghĩa, tổ chức và cán bộ. Mỗi cấp Hội đồng nhân dân đều phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn chung của Hội đồng nhân dân các cấp, đồng thời lại có nhiệm vụ, quyền hạn của riêng cấp mình. Đây chính là thực hiện nội sự phân cấp trong nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Nó thể hiện chủ trương phân cấp quản lý, nhất là quản lý kinh tế, một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Vấn đề hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân được đặt ra như một vấn đề thời sự số một. Hiệu quả đó phải được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân. Đây là một nguyên tắc lớn bảo đảm cho Hội đồng nhân dân như một tổ chức thường xuyên hoạt động vừa như cơ quan quyền lực Nhà nước vừa như cơ quan chấp hành, «không phải là một cơ quan đại nghị, mà là một cơ quan hành động, vừa lập pháp vừa hành pháp» (4).

Các kỳ họp phải là hình thức tổ chức chủ yếu của hoạt động Hội đồng nhân dân, nơi phản ánh, đề đạt ý chí, nguyện vọng của cử tri, lập hợp kinh nghiệm trí tuệ tập thể của các đại biểu, nơi xem xét, bàn bạc quyết định những vấn đề quan trọng, thiết thân đối với nhân dân trong một địa phương.

Việc thành lập các ban, trong đó có Ban thư ký của Hội đồng nhân dân ở tất cả các cấp là một quy định bắt buộc (Điều 28). Các ban này phải thật sự là một hình thức tổ chức bảo đảm cho Hội đồng nhân dân là một cơ quan hoạt động thường xuyên. Các ban này được giao những nhiệm vụ, quyền hạn rộng rãi góp phần trực tiếp vào việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Nhờ có các ban với những nhiệm vụ, quyền hạn như thế, Hội đồng nhân dân có thể thực hiện đầy đủ vai trò của mình là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương.

Việc nâng cao chất lượng hoạt động của các đại biểu là một trong những khâu mấu chốt bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, bảo đảm hiệu quả các kỳ họp, hoạt động của các ban và của Ủy ban nhân dân.

Ủy ban nhân dân với tính cách là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, làm chức năng cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương; nó là cơ quan thường vụ của Hội đồng nhân dân. Theo tinh thần đó, giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xét và giải quyết các vấn đề thuộc nhiệm

(2) Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, năm 1983.

(3) Hiến pháp nước CHXHCN Việt-nam, 1980, điều 114.

(4) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tập 33, tr. 381.

vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cùng cấp, rồi trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn trong kỳ họp gần nhất, trừ những vấn đề thuộc quyền hạn các kỳ họp Hội đồng nhân dân và chỉ được thảo luận và giải quyết tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân (Điều 47 và Điều 24). Như vậy, Ủy ban nhân dân là hình thức tổ chức của Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân không phải là hai cơ quan tách biệt nhau, mà Ủy ban nhân dân nằm trong cơ thể Hội đồng nhân dân, là hình thức tổ chức của sự tồn tại và hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Luật mới đã nêu rõ những nguyên tắc lớn về xác lập, tăng cường mối quan hệ đúng đắn, chặt chẽ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp, giữa cơ quan chính quyền cấp dưới và cơ quan chính quyền cấp trên, giữa cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan chính quyền trung ương để bảo đảm đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nhằm bảo đảm cho Hội đồng nhân dân hoạt động có hiệu quả, thiết thực, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan và nhân viên Nhà nước ở địa phương có trách nhiệm phải tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng nhân dân làm tròn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt-nam và các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận có trách nhiệm giúp đỡ đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp làm nhiệm vụ đại biểu, tạo điều kiện cho đại biểu tiếp xúc với cử tri và thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân.



Sau khi Luật công bố, để Luật được thực hiện, phải tuyên truyền Luật thật rộng rãi trong nhân dân. Cần làm cho mọi người thấy rõ rằng Luật mới đã cố gắng đúc kết kinh nghiệm hoạt động của chính quyền nhân dân địa phương, đã căn cứ vào những nhiệm vụ quản lý kinh tế, xã hội, cho nên nó phản ánh một cách tương đối đầy đủ những kinh nghiệm đó và ghi thành những điều khoản của Luật. Làm đúng những điều khoản trong Luật, Hội đồng nhân dân thật sự là một cơ quan hoạt động thường xuyên, có đủ điều kiện làm tròn chức năng của mình là quản lý các mặt sinh hoạt chính trị kinh tế, xã hội của địa phương. Những điều khoản cụ thể của Luật bảo đảm cho Hội đồng nhân dân hoạt động có hiệu quả, từ việc thông qua các quyết định, nghị quyết, cho đến những biện pháp về tổ chức, cán bộ. Thật là sai lầm nếu cho rằng Luật mới chẳng khác gì Luật cũ, không có tác dụng sửa chữa tính chất hình thức của Hội đồng nhân dân. Cũng là sai lầm nếu ngồi chờ đợi một cơ quan nào đó đem lại cho Hội đồng nhân dân các điều kiện để hoạt động, mà không thấy rằng bản thân Hội đồng nhân dân phải chủ động, sáng tạo, đề ra từng bước thông qua hoạt động của mình, cải tiến công tác, nâng cao vai trò quản lý Nhà nước, quản lý xã hội của mình. Chỉ có trong hoạt động, Hội đồng nhân dân các cấp mới phục vụ tốt xã hội, nhân dân, và do đó được nhân dân tin nhiệm, tin yêu, đóng góp xây dựng. Cùng với công tác tuyên truyền giải thích của các ngành tuyên huấn, báo, đài, báo cáo viên về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan cũng như các thành viên của mình phải hoạt động tận tụy, ngay bên, có hiệu quả, không quan liêu, không hách dịch, đi sát cuộc sống để bảo đảm hiệu lực của chính quyền nhân dân, để biến thành trường học quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Và đó cũng

là phương tiện tốt nhất để từng bước loại trừ bệnh quan liêu, cửa quyền, hách dịch của một số cán bộ trong cơ quan chính quyền nhân dân.

Để thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Luật mới, phải động viên, tổ chức nhân dân tham gia xây dựng chính quyền của mình, đóng góp vào việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, tóm lại là đưa nhân dân tự mình làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Muốn vậy, trước hết, phải tổ chức để nhân dân phát biểu ý kiến về những vấn đề quan hệ đến lợi ích đất nước, lợi ích thiết thân của mình. Thứ hai, những vấn đề đó phải thật sự là những điểm được ghi trong chương trình hội nghị của Hội đồng nhân dân và các cơ quan của nó. Thứ ba, những vấn đề đó phải được giải quyết, đem lại hiệu quả thiết thực. Phải coi việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, nghe quần chúng nhân dân nhận xét, phê bình, nghe nhân dân bàn các biện pháp giải quyết các vấn đề đặt ra là một biện pháp có ý nghĩa nguyên tắc để thắt chặt quan hệ giữa cơ quan chính quyền và người chủ chân chính của nó, để đưa nhân dân lên làm chủ thật sự. Quan hệ với cử tri, với nhân dân không phải là đề đại biểu «trình diện» trước cử tri một cách hình thức. Mỗi quan hệ đó là nguồn nhựa sống của cơ quan chính quyền địa phương các cấp.

Để phát huy vai trò làm chủ thật sự của nhân dân thì điều quyết định là phải tổ chức động viên quần chúng thực hiện các nghị quyết đã được thông qua. Phải biến việc thực hiện các nghị quyết đó thành phong trào cách mạng sôi nổi, có nội dung thiết thực, đem lại hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền Nhà nước các cấp có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Các cấp ủy Đảng có nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc củng cố chính quyền chuyên chính vô sản và làm tròn trách nhiệm đó thì Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mới hoạt động tốt được. Phải chọn những cán bộ đảng viên ưu tú được nhân dân tin yêu đưa vào làm việc trong bộ máy chính quyền Nhà nước. Đảng đòi hỏi cán bộ đảng viên hoạt động trong cơ quan Nhà nước hay trong bất kỳ lĩnh vực nào, đều phải nghiêm chỉnh tôn trọng, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, thì hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ việc cán bộ đảng viên của Đảng thì hành pháp luật Nhà nước. Kiên quyết loại khỏi cơ quan Nhà nước những cán bộ đảng viên xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, lên mặt «quan cách mệnh», tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mà Quốc hội vừa thông qua đánh dấu một bước tiến mới trong việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nghiêm chỉnh thực hiện Luật đó, biến cơ quan chính quyền các cấp thành công cụ có hiệu lực phát huy và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu của chúng ta.

GIÀNH THẮNG LỢI CHO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA HAI CON ĐƯỜNG HIỆN NAY Ở NƯỚC TA

NGUYỄN-VỊNH

SAU thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cả nước ta được giải phóng, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Trên khắp mọi miền của đất nước đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, tích cực mà giá trị của nó là đã chứng minh một cách sinh động đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng là đúng đắn. Những thành tựu và tiến bộ đó cũng chứng tỏ phẩm chất và năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên và tinh tích cực xã hội chủ nghĩa của phong trào cách mạng quần chúng trong việc khai thác những khả năng tiềm tàng và khắc phục những khó khăn đề đi lên.

Mặt khác từ cuối những năm 70 sang đầu những năm 80, nhiều hiện tượng tiêu cực trái với lợi ích của chủ nghĩa xã hội nảy sinh nghiêm trọng, có mặt đang phát triển, có lúc có nơi lấn át cả tinh tích cực xã hội chủ nghĩa của quần chúng lao động, gây trở ngại không nhỏ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cục diện của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta trở nên phức tạp và quyết liệt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong cả nước.

Vì sao những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã và đang được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội suốt trên hai chục năm qua, và ở miền Nam cũng đã và đang được tiến hành cải tạo ngay từ sau khi được hoàn toàn giải phóng, mà tình hình đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường ở nước ta lại trở nên phức tạp và quyết liệt đến thế?

Chúng ta đều biết rằng, đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa là một đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ. Cuộc đấu tranh này thấm sâu vào tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hóa, lối sống, “chui vào mọi chân lông kẽ tóc của đời sống kinh tế — xã hội” (1) như Lê-nin đã nói. Cuộc đấu tranh này động chạm đến những quyền lợi sâu xa nhất và cơ bản nhất của tất cả các thành phần kinh tế và ứng với nó là các thành phần giai cấp trong thời kỳ quá độ. Ở nước ta, giai cấp tư sản mới được cải tạo, hay nói cho đúng hơn là đang trong quá trình cải tạo. Ở miền Bắc, giai cấp tư sản cũ về cơ bản đã được cải tạo, lực lượng của

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 364.

bản thân nó không lớn lắm. Trái lại ở miền Nam, giai cấp tư sản mới ở những bước đầu của quá trình cải tạo. Tư sản người Hoa chiếm một vị trí đáng kể. Tuy đã qua mấy đợt cải tạo nhưng họ vẫn còn lực lượng mạnh và chưa phải họ đã dễ dàng chịu hoạt động theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Họ không những có lực lượng lớn hơn giai cấp tư sản miền Bắc trước đây, mà còn có nhiều thủ đoạn bóc lột, nhiều mảnh khỏe làm ăn, nhạy bén với việc lũng đoạn thị trường, giá cả. Họ lại có nhiều mối liên hệ với giai cấp tư sản nước ngoài, nhất là với tư sản Hoa kiều ở các nước Đông Nam châu Á. Việc xóa bỏ thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản trong những năm đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước chuyên chính vô sản chủ yếu mới thực hiện về mặt sở hữu, thực hiện việc « tước đoạt những kẻ đi tước đoạt » và cũng chỉ mới thực hiện đối với bộ phận dễ thấy nhất của kinh tế tư bản chủ nghĩa. Phần tiềm lực quan trọng khác của họ như vàng bạc, hàng hóa, những mối liên hệ kinh tế quen thuộc của họ với những người sản xuất nhỏ qua một hệ thống tổ chức trung gian khá chặt chẽ, linh hoạt và rất có hiệu lực; những mối liên hệ phức tạp giữa họ với chủ nghĩa tư bản quốc tế; và đặc biệt là sự nhạy bén của họ với hoạt động của thị trường trong nước và quốc tế... tất cả những tiềm lực đó của giai cấp tư sản ở vùng mới giải phóng — trừ một số rất ít các nhà tư sản yêu nước và tiến bộ — không phải đã được cải tạo và sử dụng vào việc phục vụ cho lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Trái lại trong nhiều trường hợp các thế lực tư sản đó đã lợi dụng mọi sơ hở, mọi khó khăn của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đang trong bước đầu cải tạo và xây dựng, tung lực lượng ra hoạt động làm giàu bất chính bằng nhiều mảnh khỏe, thủ đoạn xảo quyệt, dùng hệ thống tay chân bí mật lũng

đoạn thị trường, giá cả, đầu cơ, buôn lậu, tranh mua, tranh bán, làm hàng giả, tiền giả, trốn thuế, lậu thuế,...

Song tính chất phức tạp và phá hoại của các thế lực tư bản chủ nghĩa không chỉ ở lực lượng của bản thân nó. Chỗ nghiêm trọng trong điều kiện của nước ta chính là hoạt động của chủ nghĩa tư bản đã nuôi dưỡng, kích lệ những thế lực tự phát trong những người sản xuất hàng hóa nhỏ, nhất là những người buôn bán nhỏ chạy theo thị trường tự do. Do bản chất tư hữu, tính phóng túng vô tổ chức, vô kỷ luật vốn có của người sản xuất nhỏ, đồng thời do sự tiếp sức của các thế lực tư bản chủ nghĩa, một số không nhỏ những người sản xuất hàng hóa nhỏ, buôn bán nhỏ đó đã lợi dụng những sơ hở trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Nhà nước chuyên chính vô sản để làm giàu và trở thành những con buôn mới, những tư sản mới. Trong mấy năm gần đây, số con buôn, tư sản mới này đã phát triển với tốc độ khá nhanh kể cả ở miền Nam, vốn là thị trường tư bản chủ nghĩa và thực dân mới trước đây, và kể cả miền Bắc là thị trường đã được cải tạo qua nhiều đợt, các thế lực tư bản chủ nghĩa đã bị thu hẹp khá lớn trong điều kiện những năm chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Tình trạng lũng túng, sơ hở và lợi lộng của chúng ta trên mặt trận phân phối, lưu thông, trước hết là việc quản lý thị trường, hàng hóa, tiền tệ, giá cả... thực sự đã là cơ hội tốt để tầng lớp con buôn mới ngày càng phát triển đông đảo và đang có chiều hướng lấn át thị trường xã hội chủ nghĩa. Họ gây rối loạn trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, vốn là trận địa khó khăn, phức tạp mà chúng ta còn thiếu kinh nghiệm. Từ trong tầng lớp con buôn mới đã xuất hiện những con buôn lớn. Bọn này đã làm giàu rất nhanh bằng nhiều thủ đoạn rất xảo quyệt, trắng trợn và nguy hiểm. Kể từ khi

đổi tiền năm 1978 đến nay, nghĩa là mới chỉ 5, 6 năm qua, do buôn bán dầu cơ đã có những tên tư sản mới, con buôn mới tích lũy được vốn tiền mặt hàng mấy trăm vạn, có kẻ có trong tay hàng chục lạng vàng, xây dựng và mua đến mấy ngôi nhà... Bọn chúng đã dùng tiền tài, quà cáp, dùng cách chia lợi nhuận và những hình thức hối lộ khác để mua chuộc, hủ hóa một cách có hệ thống một số cán bộ, nhân viên thoái hóa, biến chất ở một số cơ quan Đảng và Nhà nước. Bằng cách đó, chúng đã nắm được một số vật tư hàng hóa thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý và lợi dụng được cả phương tiện giao thông vận tải của Nhà nước. Thậm chí đã có lúc chúng lũng đoạn cả những chuyến tàu, những xa căng, những trạm cung cấp vật tư, cửa hàng thương nghiệp.

Một hoạt động đáng chú ý của các thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa là làm giàu bằng dầu cơ buôn lậu hàng ngoại hóa, đặc biệt là hàng xa xỉ phẩm của chủ nghĩa tư bản, gắn liền với việc đó là nạn «chảy máu vàng» của nước ta qua biên giới đất liền và ngoài khơi.

Cuộc đấu tranh trên mặt trận phân phối, lưu thông đang diễn ra thường xuyên và gay gắt, là nơi biểu hiện tập trung cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đồng thời là lĩnh vực mà kẻ thù bên ngoài câu kết với bọn phân động bên trong xoáy vào để phá hoại ta. Sự yếu kém và sơ hở của ta trong phân phối, lưu thông đang làm gay gắt thêm những khó khăn của nền kinh tế.

Những kẻ kiếm tiền dễ dãi bằng đầu cơ, buôn lậu, phe phẩy, chợ đen, bằng các hành vi bất minh, trái với lợi ích của chủ nghĩa xã hội cũng chính là những kẻ đòi hỏi hưởng thụ, ăn chơi «xa láng», tiêu xài nhậu nhẹt, truy lạc; là những kẻ khuyến

khích và tạo nên những «thị hiếu» thấp kém; là những kẻ thích các loại văn hóa phẩm đồi trụy, những điệu nhạc «vàng», những phim ảnh «chướng», khiêu dâm, những lối ăn chơi đàng điếm. Nói chung lại là những sản phẩm của văn hóa tư bản suy đồi và thực dân mới kiểu Mỹ. Họ đang cò vũ và truyền bá trong thanh niên là lớp người còn ít kinh nghiệm về cuộc sống, những «lý tưởng» sùng bái đồng tiền, sống ích kỷ, thực dụng, vụ lợi. Họ cũng chính là những kẻ trốn tránh, cự tuyệt các biện pháp cải tạo và giáo dục của Nhà nước chuyên chính vô sản, là những kẻ phản tuyên truyền, chế giễu, chê bai những ai giữ vững được tính tích cực cách mạng, giữ được nếp sống trong sạch, lành mạnh. Bằng cách đó họ đã làm lây lan những tiếng nói lạc lõng, những lối sống lối thời trong một phần không ít thanh thiếu niên. Một số người từ chỗ sa ngã trên con đường làm ăn phi pháp, sống truy lạc, buông thả, đã dẫn tới chỗ bỏ Tổ quốc, mặc mưu đi tãn của bọn đế quốc, bọn phản động, thậm chí bán mình cho những mưu đồ đen tối của đế quốc Mỹ, bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc và bè lũ tay sai của chúng.

Nhân dân ta đã từng chiến đấu hết sức dũng cảm, kiên cường, chịu đựng mọi khó khăn gian khổ, đã lập nên biết bao kỳ tích trong cuộc đấu tranh sinh tử chống đế quốc Pháp và Mỹ, ngày nay đang xây dựng những sự nghiệp vĩ đại vì độc lập tự do của đất nước, vì hạnh phúc của con người. Nhưng gần đây trên đường phố xuất hiện những kẻ dương dương tự đắc với những tấm áo «phông» công khai tuyên truyền cho một hăng tư bản Mỹ, quảng cáo không công cho các hãng của Thái-lan, Đài-loan..., hoặc in những hình ảnh nam nữ lộ bịch và khêu gợi những đòi hỏi thấp hèn, thiếu văn hóa, thiếu giáo dục. Điều đáng suy nghĩ là vì sao những ở nuôi dưỡng và truyền bá những lối sống

không lành mạnh đó lại không sớm bị phát hiện và quét sạch. Bên cạnh những thành tựu mới, tài năng mới về hoạt động văn hóa, nghệ thuật, lại có một số người gieo rắc tâm trạng hoài nghi, bi quan, xa rời đường lối của Đảng, xa rời thực tế và quần chúng lao động, có khuynh hướng « thương mại », chạy theo thị hiếu tầm thường để kiếm lợi. Phải chăng tất cả những hiện tượng tiêu cực đó chính là hậu quả của sự lơ đãng trên trận địa tư tưởng và quản lý của chúng ta?

Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa đang diễn ra hàng ngày, trở thành một mặt trận rất gay gắt và phức tạp trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Các thế lực thù địch đang mưu toan làm sống lại những tàn dư tư tưởng lạc hậu, thậm chí phản động và lối sống xa lạ với chủ nghĩa xã hội, biến nó thành một lực lượng chính trị phá hoại sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, cuộc sống mới và con người mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Những hiện tượng tiêu cực trên mặt trận văn hóa, xã hội đang gây nên những ảnh hưởng xấu trong tư tưởng, nếp nghĩ, cách sống và tâm lý của một bộ phận đáng kể trong xã hội.



Tình hình gay gắt và phức tạp của cuộc đấu tranh giữa hai con đường hiện nay có nhiều nguyên nhân. Trước hết xét về mặt khách quan, tình hình đó diễn ra trong điều kiện chúng ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp, lạc hậu, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế bị mất cân đối nghiêm trọng về nhiều mặt, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn: chế độ quản lý kinh tế đang trong quá trình xây dựng, còn chưa ổn định. Mặt khác cần phải nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh để giải

quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay không tách rời cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra hết sức phức tạp và quyết liệt trên phạm vi thế giới. Kinh nghiệm lịch sử của phong trào công sản và công nhân quốc tế trong những năm qua cho thấy rõ các thế lực thù địch ở ngoài nước không ngừng âm mưu và hành động cấu kết với các thế lực phản động ở trong các nước, kích thích những hoạt động chống đối, phá hoại từ trong nước. Tình hình những năm qua cũng chứng tỏ rằng những hoạt động phá hoại của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế khác không phải không đưa lại những hậu quả nhất định đối với cục diện của cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nước ta. Hiện nay bọn phản động bành trướng và bá quyền Trung-quốc cấu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân ta. Chúng đang áp dụng mọi thủ đoạn, mọi hình thức phá hoại: từ tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, cho đến phong tỏa kinh tế từ bên ngoài và sử dụng các biện pháp kinh tế khác để hỗ trợ cho giai cấp tư sản và các thế lực chống chủ nghĩa xã hội khác như bọn phản động đội lốt tôn giáo, bọn nguy quân, nguy quyền cũ không chịu cải tạo... phá ta từ bên trong. Vì vậy cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường ở nước ta trong giai đoạn hiện nay gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Công cuộc dựng nước gắn liền với giữ nước đã trở thành một truyền thống lâu đời trong lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc ta. Ngày nay, nó càng thể hiện sâu sắc trong thời đại chúng ta, trong cục diện của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong giai

đoạn hiện nay, và đó là một trong những nguyên nhân làm cho cuộc đấu tranh này càng trở nên phức tạp và quyết liệt.

Đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ tất yếu diễn ra khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền và bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song bình thường thì trong cuộc đấu tranh đó lực lượng của chủ nghĩa xã hội giữ địa vị thống trị và ngày càng mạnh lên, còn các thể lực tư bản chủ nghĩa ngày càng bị đẩy lui và bị xóa bỏ. Tình hình phát triển với mức độ nhanh chóng, gần như tự do của các thể lực tư bản chủ nghĩa ở nước ta trong những năm vừa qua không phải là điều bình thường. Tình hình đó có liên quan đến những khuyết điểm của chúng ta trên mặt trận tư tưởng, cũng như trên mặt tổ chức và quản lý.

Cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, nhưng nhận thức của nhiều người trong cán bộ và trong nhân dân ta không chuyển kịp theo yêu cầu, nội dung, tính chất của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong những điều kiện mới đó của cách mạng cả nước.

Chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong chặng đường đầu tiên còn phải trải qua biết bao khó khăn, đặc biệt là những khó khăn về kinh tế, đời sống. Con đường khắc phục về cơ bản những khó khăn đó đề tiên lên chủ nghĩa xã hội đã được Đại hội thứ IV của Đảng vạch ra và được Đại hội thứ V cụ thể hóa trong chặng đường hiện nay. Trong đó có những vấn đề đặc biệt quan trọng là nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa nước nhà. Đó cũng chính là những mục tiêu cơ bản của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ

nghĩa xã hội, bảo đảm cho con đường xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn đối với con đường tư bản chủ nghĩa.

Nghị quyết Hội nghị thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã chỉ rõ những yếu kém của chúng ta trong thời gian vừa qua một phần là do: « Đối với cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, không nắm vững đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng. Vì vậy, đã không kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng; không tích cực cải tạo nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, thủ công nghiệp, không chăm lo củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh, xây dựng và quản lý kinh tế tập thể; buông lỏng việc kiểm kê, kiểm soát, buông lỏng pháp luật Nhà nước, không nghiêm trị bọn bóc lột, đầu cơ buôn lậu, ăn cắp, làm ăn phi pháp... » (2). Những biểu hiện do sự chậm trễ trong việc xác lập và phát triển chế độ làm chủ tập thể về kinh tế, không tích cực và kiên trì cải tạo kinh tế tư bản chủ nghĩa, cải tạo nền sản xuất nhỏ theo chủ nghĩa xã hội bằng những hình thức và bước đi thích hợp, hoặc sau khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa không tích cực củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới được xác lập cả về ba mặt: chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối... đã làm cho trận địa của chủ nghĩa xã hội chậm được tăng cường và củng cố, đồng thời tạo ra những sơ hở cho các thể lực tư bản chủ nghĩa phát sinh và phát triển.

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa được bảo đảm bằng nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này không chấp nhận tình trạng tập trung quan liêu, đồng thời cũng bác bỏ lối

(2) Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Trung ương (khóa V).

làm chủ theo kiểu «tập thể nhỏ», kiểu phường hội và tình trạng tự do tàn mạt vô chính phủ. Trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội vừa qua, có tình trạng không giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, có nhiều hiện tượng vi phạm nguyên tắc đó. Đó là một khuyết điểm lớn. Trước những khó khăn chung về kinh tế và đời sống, nhiều ngành, địa phương và đơn vị cơ sở đã phát huy tính chủ động sáng tạo khai thác mọi khả năng về lao động, đất đai và những tư liệu sản xuất khác để đẩy mạnh sản xuất, góp phần vào việc khắc phục những khó khăn chung. Song trong đời sống kinh tế - xã hội nước ta thời gian qua cũng xuất hiện những hiện tượng lệch lạc, những tình trạng phân tán, tàn mạt, tùy tiện, thậm chí vô tổ chức, vô kỷ luật, xoay xở theo lợi ích cục bộ không tính đến nghĩa vụ chung, có khi còn làm thiệt hại lợi ích chung. Tác hại của tình trạng đó là làm cho kỷ luật, kỷ cương của chuyên chính vô sản bị lợi lỏng. Một số quy tắc, chế độ cũ không thích hợp với tình hình mới bị phá vỡ đã đành, song có những quy tắc, chế độ cần thiết lại không được tôn trọng. Cần chú ý rằng những sự lợi lỏng đó trong kỷ cương của chuyên chính vô sản, trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước đã khuyến khích những hành vi vô tổ chức, vô kỷ luật, thậm chí vô chính phủ trong đời sống xã hội: thị trường tự do phát triển vượt khỏi sự kiểm soát của Nhà nước, con buôn công khai mua đi bán lại, đầu cơ tích trữ những hàng hóa, vật tư thuộc diện Nhà nước trực tiếp quản lý... Tình hình càng trở nên phức tạp hơn khi con buôn mua chuộc được một số cán bộ, nhân viên trong cơ quan Nhà nước để tuần hàng, tuần vật tư ra thị trường tự do, lợi dụng danh nghĩa cơ quan Nhà nước để làm ăn bất chính, thậm chí phá vỡ cả các quy tắc quản lý thông thường. Ngành xe lửa vốn là ngành giao thông vận tải có tổ chức

chặt chẽ, kỷ luật như quân sự, song có lúc đi đến tình trạng tàu đi giờ nào thì đi, muốn đỗ đâu thì đỗ, con buôn lũng đoạn từng chuyến tàu. Điện là ngành công nghiệp, hiện đại đòi hỏi tổ chức quản lý tập trung, thống nhất, có tính kỷ luật cao. Thế nhưng đã có tình trạng mạng lưới phân phối điện ở nhiều nơi trở nên rối loạn, thậm chí có lúc còn bị những phần tử xấu lợi dụng vào những hoạt động trái với lợi ích của chủ nghĩa xã hội... Chính những hiện tượng phân tán, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật đó đã mở cửa cho các thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng mà không bị ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả. Tình trạng đó đã gây ra những hậu quả tiêu cực nghiêm trọng đến kinh tế, đến kỷ luật quản lý, đến trật tự an ninh, và do đó dẫn đến làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đến sự củng cố nền chuyên chính vô sản. Nghiêm trọng hơn nữa là tình trạng phân tán, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật đó đã che đậy những hành vi bất hợp pháp, những hoạt động tự phát tư bản chủ nghĩa, che đậy những hoạt động phá hoại có chủ đích của các thế lực thù địch. Trong rất nhiều trường hợp người ta khó phân biệt được đâu là hành vi vô trách nhiệm, vô ý thức của cán bộ, nhân viên trong bộ máy của chúng ta, đâu là kẻ thù cố ý phá hoại! Rõ ràng là các thế lực phản động quốc tế như bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc không phải không biết lợi dụng những sơ hở đó của chúng ta.

Đương nhiên khi phê phán tình trạng phân tán, lợi lỏng của chuyên chính vô sản hiện nay không phải là để trở lại lối quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, nghĩa là tình trạng quản lý tập trung cứng nhắc, kém hiệu lực, không tính toán đầy đủ hiệu quả kinh tế mà Đảng ta đã nhiều lần phê phán; không phải là hạn chế tính chủ động sáng tạo của địa phương và

cơ sở. Vả lại trong những trường hợp nhất định, tình trạng phân tán, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật lại bắt đầu từ những yêu cầu chính đáng nào đó của địa phương, của cơ sở, của quần chúng mà không được giải quyết kịp thời trong tổ chức, quần chúng phải tự động giải quyết một cách tự phát, tùy tiện. Đã gọi là tự phát, có nghĩa là hoạt động đi ra ngoài những tính toán có ý thức của quần chúng, vượt ra khỏi sự kiểm soát của Nhà nước. Những hành vi tự phát đó của quần chúng nếu không được hướng dẫn, uốn nắn, giải quyết kịp thời và có hiệu quả thì sẽ dễ làm tăng thêm tính chất phổ biến và nghiêm trọng của tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật, tạo ra những cơ sở để các nhân tố tiêu cực, trái với lợi ích của chủ nghĩa xã hội xen vào và lợi dụng kéo theo hướng phát triển xấu. Vì vậy, khắc phục tình trạng vô tổ chức, vô chính phủ cũng đòi hỏi phải khắc phục những khuyết điểm quan liêu, trì trệ trong công tác quản lý. Bởi vì không nên quên rằng, tình trạng quan liêu, trì trệ kéo dài có thể bị trả giá bằng tình trạng vô chính phủ rất tai hại.

Thực tế trong những năm qua đã chứng tỏ rằng không thể lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa ở nơi nào mà những phần tử thoái hóa, biến chất, những con sâu một trong bộ máy Đảng và Nhà nước vẫn còn tồn tại và thông đồng với bọn đầu cơ, buôn lậu và những phần tử trong giai cấp bóc lột để đục khoét tài sản của nhân dân. Vì vậy kiên quyết đưa ra khỏi hàng ngũ của chúng ta những tên tay sai của giai cấp tư sản, những phần tử còn tham gia bóc lột quần chúng lao động là điều kiện không thể thiếu được để nâng cao sức chiến đấu của Đảng và tăng cường hiệu lực của chuyên chính vô sản trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong giai đoạn hiện nay.

★

Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ ở nước ta xét về mặt kinh tế, chủ yếu là đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đấu tranh ngăn chặn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong chặng đường trước mắt, là kiên quyết cải tạo thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa, tích cực và kiên trì cải tạo nông nghiệp, cải tạo tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đưa những người sản xuất nhỏ vào con đường hợp tác hóa với những bước đi và hình thức thích hợp. Đồng thời chú trọng đẩy mạnh việc phát triển lực lượng sản xuất. Đây là một quá trình phát triển rất phức tạp, có nhiều khó khăn và phải trải qua nhiều chặng đường, nhiều bước đi. Một vấn đề hết sức quan trọng là trong mỗi chặng đường ấy phải tìm ra và thực hiện được những hình thức, những biện pháp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội thích hợp. Đề ra những mục tiêu, hình thức, biện pháp quá cao sẽ không có đủ khả năng và lực lượng để thực hiện và đương nhiên sẽ dẫn đến những khó khăn, phức tạp. Ngược lại, nếu không có những chủ trương, biện pháp tích cực và phù hợp để đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì sẽ không sử dụng hết tiềm năng sẵn có, làm chậm tốc độ tiến lên, kìm hãm phong trào cách mạng của quần chúng. Kinh nghiệm trong những năm qua cũng chứng tỏ rằng để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường trong từng thời kỳ, từng điều kiện lịch sử cụ thể phải biết kết hợp và sử dụng đồng thời các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước, cải tiến cơ chế quản lý kinh tế và các chế độ, chính sách, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đề thực

hiện có hiệu quả những nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong mỗi thời kỳ phải tìm ra và sử dụng tốt những hình thức, biện pháp kinh tế có tính chất quá độ, như Lê-nin nói « phải bắc những chiếc cầu nhỏ » để đưa kinh tế tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội. Hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp mấy năm nay là một ví dụ tích cực. Song bài học của thời kỳ vừa qua cũng chỉ rõ rằng có những hình thức, biện pháp quá độ phát huy được nhiều tác dụng tích cực, song cũng có những hình thức, biện pháp quá độ lại làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực. Điều đó có nghĩa là không phải bất kỳ một hình thức, biện pháp quá độ nào cũng đều là phù hợp và đúng đắn. Một hình thức, biện pháp quá độ đúng đắn phải có tác dụng thúc đẩy quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, vừa phát triển được lực lượng sản xuất, vừa củng cố được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi những hoạt động tiêu cực có tính chất tư sản và tiêu tư sản, tạo ra những điều kiện cần thiết cho nền kinh tế - xã hội tiếp tục tiến lên lành mạnh, vững chắc. Mặt khác đã gọi là những hình thức, biện pháp có tính chất quá độ, có nghĩa là tự nó không mang tính chất ổn định lâu dài và hoàn thiện. Nếu được lãnh đạo, hướng dẫn chặt chẽ, thường xuyên, nó có thể phát huy tốt những mặt tích cực và tạo điều kiện tiến lên những hình thức cao hơn. Ngược lại nếu buông lỏng thì những nhân tố tiêu cực có thể nảy sinh. Quá trình tổ chức thực hiện Quyết định 25/CP và 26/CP đã cho ta một thí dụ sinh động về vấn đề này. Không nên tuyệt đối hóa mặt hay của một hình thức, biện pháp có tính chất quá độ, coi nó như là những giải pháp mẫu nhiệm, có thể giải quyết mọi vấn đề trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Song cũng không nên vì tính chất không triệt để và những mặt còn chưa

hoàn thiện của nó mà phủ nhận tác dụng tích cực và cách mạng của các hình thức và biện pháp có tính chất quá độ. Sau nữa, đã gọi là những hình thức biện pháp quá độ, nghĩa là tự nó không tồn tại vĩnh viễn, nó đòi hỏi phải được hoàn thiện nâng cao dần từng bước tùy theo sự biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ lịch sử. Vì vậy, theo sát quá trình hoạt động của các hình thức, biện pháp quá độ, chúng ta cần tìm ra những mâu thuẫn mới nảy sinh, kịp thời uốn nắn và hoàn thiện nó, làm cho nó phù hợp với điều kiện khách quan trong từng thời kỳ của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Dấu tranh giữa hai con đường trong thực tế phải thông qua việc thực hiện những chính sách cụ thể, những hoạt động quản lý kinh tế và xã hội cụ thể. Từ sau Đại hội thứ V của Đảng, đề lãnh đạo và quản lý kinh tế, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách và những quy định bổ sung cụ thể. Đương nhiên trong quá trình diễn biến của tình hình kinh tế - xã hội vẫn cần tích cực kiểm tra và trên cơ sở đó có những bổ sung thích hợp để kịp thời sửa chữa những sơ hở, ngăn chặn, uốn nắn những lệch lạc, tiêu cực, đồng thời phát huy tác dụng tích cực của các chính sách. Vì vậy, một vấn đề quan trọng và bức thiết hiện nay là tập trung nghiên cứu và kịp thời ban hành những chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với chặng đường hiện nay một cách đồng bộ, nhất là bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh những chính sách đó; xây dựng tốt cơ chế « lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn liền kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; nắm vững giá trị sử dụng đồng thời coi trọng giá trị và quy luật giá trị », theo « đúng nguyên tắc tập trung dân chủ... thực hiện làm chủ tập thể ở ba

cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở», «**kiên quyết chống tệ quan liêu bao cấp**», đồng thời cũng «**kiên quyết chống bệnh tư do buông thả**» (3).

Cần có chính sách và thái độ rõ ràng đối với từng loại thành phần kinh tế, gắn với nó là các thành phần giai cấp. Khi chủ trương phát triển mạnh kinh tế quốc doanh và tập thể thì cũng cần có thái độ đúng đắn đối với kinh tế tư nhân. Một thái độ giản đơn - nhất loạt cấm hoặc nhất loạt buông lơi - đều không thể được coi là đúng đắn. Nhà nước chuyên chính vô sản cần quy định trong mỗi lĩnh vực, phạm vi tồn tại và hoạt động của kinh tế tư nhân. Trên cơ sở đó tiến hành công tác cải tạo và sử dụng nó, hướng nó theo quỹ đạo duy nhất là phục vụ cho chủ nghĩa xã hội.

Muốn nghiên cứu, tìm tòi thể nghiệm và tổng kết những hình thức, biện pháp cụ thể thích hợp với cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường trước mắt không thể tách rời phong trào cách mạng của quần chúng. Chính trong phong trào cách mạng của quần chúng sẽ làm nảy sinh những sáng kiến, những hình thức, những biện pháp quá độ đáp ứng kịp thời, có hiệu quả những yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội cụ thể. Khi đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước chuyển thành hành động cách mạng sáng tạo của quần chúng thì cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phát triển theo chiều hướng tích cực. Cũng cần có những chủ trương, chính sách và hình thức tổ chức thích hợp về từng mặt để đưa quần chúng vào những phong trào hành động cách mạng có tổ chức, có lãnh đạo, ngăn chặn những hành vi tiêu cực, trái với luật pháp, mau chóng lập lại trật tự trên từng mặt chủ yếu của đời sống xã hội. Kinh nghiệm của Hà-nội trong việc

xử lý những phần tử có nhà cửa có giá trị lớn do nguồn thu nhập bất minh vừa qua đã có tác dụng tích cực đối với phong trào quần chúng. Nó giáo dục mọi người phải sống theo pháp luật, có ý thức bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa xã hội, đồng thời nêu cao hiệu lực chuyên chính của Nhà nước chúng ta, kiên quyết ngăn chặn và xóa bỏ con đường tư bản chủ nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia tích cực, tự giác của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Nhà nước chuyên chính vô sản là người tổ chức cuộc đấu tranh giữa hai con đường để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Vấn đề quan trọng hàng đầu là phải nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, vai trò vận động giáo dục của các đoàn thể quần chúng, bảo đảm cho các cơ quan quyền lực của Nhà nước thể hiện được đầy đủ ý chí của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh này.

Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: «**Nhà nước ta phải sử dụng đầy đủ cả quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế để giữ vững kỷ cương xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi phạm pháp và các tệ nạn xã hội, khắc phục cho được tình hình không bình thường là nhiều luật và pháp lệnh đã ban hành không được thi hành nghiêm chỉnh, thậm chí không được thi hành. Các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương cần có thái độ kiên quyết và biện pháp cứng rắn ngăn ngừa và loại trừ các hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thẳng tay trấn áp bọn phản cách mạng; trừng trị bọn bóc lột không chịu cải tạo,**

(Xem tiếp trang 67)

(3) Lê-Duẩn: Bài nói tại Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V).

TƯ TƯỞNG, TỔ CHỨC VÀ KINH TẾ

NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH



ỖI nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng đã đề cập những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức có quan hệ tới việc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế xã hội trước mắt.

«Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này phải đạt được yêu cầu tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng và phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhằm tạo ra sự chuyển biến mới mạnh mẽ hơn ngay từ cuối năm 1983 trong phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi mặt hoạt động.

«Đề đạt được những yêu cầu trên, cần sử dụng tổng hợp và kết hợp chặt chẽ các biện pháp tư tưởng, tổ chức, kinh tế» (1).

Bài này, chủ yếu đứng trên góc độ công tác tư tưởng, cố gắng làm rõ mối quan hệ giữa nó với công tác tổ chức và công tác kinh tế, góp phần làm quán triệt và thực hiện thắng lợi nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng.



Đặc điểm chủ yếu, sức sống và hiệu lực của công tác tư tưởng là ở sự kết hợp chặt chẽ, thống nhất hữu cơ với công tác kinh tế, công tác tổ chức. Đây có thể nói là *một lồng kết lớn*, một bài học lớn rút ra từ những kinh nghiệm phong phú tích lũy được trong thời gian qua. Đây đồng thời là *một quan điểm cơ bản*, một *phương hướng cơ bản* đề đòi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tiến hành công tác tư tưởng. Thực hiện được sự kết hợp thống nhất đó là một bảo đảm cơ bản để làm tốt không những công tác tư tưởng mà cả công tác kinh tế, công tác tổ chức. Chỉ có thực hiện được sự kết hợp thống nhất như vậy mới có thể biến phương châm *“Toàn Đảng làm công tác tư tưởng”* thành hiện thực, nếu không thì phương châm đó vẫn chỉ là một khẩu hiệu.

Cách đặt vấn đề của Nghị quyết Trung ương là không tách tư tưởng với kinh tế, với tổ chức, mà nói tư tưởng ngay trong kinh tế, từ kinh tế, nhằm vào kinh tế, kết hợp chặt chẽ với hoạt động kinh tế, đồng thời gắn liền cả với tổ chức. Cách đặt vấn đề

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng.

như thế chẳng những thiết thực, xét trên quan điểm thực tiễn, mà về mặt lý luận, thể hiện sâu sắc quan điểm duy vật biện chứng về mối quan hệ và sự tác động lẫn nhau giữa tư tưởng, tổ chức và kinh tế. Với cách đặt vấn đề như vậy, rõ ràng công tác tư tưởng đã không còn là việc riêng của Ban tuyên huấn, của các chuyên gia tư tưởng, mà là việc của toàn Đảng, của chính ngay cả những người lãnh đạo và quản lý kinh tế.

Cách đặt vấn đề trong Nghị quyết Trung ương thể hiện một nguyên tắc cực kỳ quan trọng, một nguyên tắc thuộc về bản chất công tác tư tưởng, đó là *sự thống nhất giữa tư tưởng với hành động, giữa lý luận với thực tiễn, giữa nói và làm*. Đáng tiếc lâu nay chúng ta chưa làm đúng như thế. Khuyết điểm lớn của công tác tư tưởng chính là xa rời cuộc sống, vì xa rời cuộc sống cho nên thiếu sắc bén, thiếu tinh chiến đấu, chất lượng và hiệu quả thấp. Một hiện tượng khá phổ biến cần khắc phục là sự tách rời giữa lý luận với thực tiễn, thực tiễn với lý luận, là nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo, làm dở nói hay...

Sự thống nhất giữa ba mặt công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác kinh tế có tính quy luật khách quan. Vì vậy, phải có *quan điểm đồng bộ, quan điểm tổng hợp* trong các mặt hoạt động tư tưởng, hoạt động kinh tế và hoạt động tổ chức thì mới bảo đảm hiệu quả cho sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng trên tất cả cũng như trên mỗi mặt công tác. Lâu nay chúng ta chưa làm được như thế. Chỉ cần nêu vài ví dụ sau đây đủ thấy ta thường tách rời thậm chí đem đối lập các mặt đó với nhau. Đánh giá tình hình hiện nay, người thì cho rằng do công tác tư tưởng làm kém cho nên đời sống kinh tế không thể lên được; người khác lại nói đời sống kinh tế khó khăn như thế thì

không thể làm tốt công tác tư tưởng. Sự tách rời công tác tư tưởng với công tác kinh tế biểu hiện ở chỗ làm tư tưởng thường thiếu nội dung kinh tế, chưa xuất phát đầy đủ từ hiện thực kinh tế, không bám sát nhiệm vụ kinh tế, các mục tiêu kinh tế, các chính sách, chủ trương kinh tế của Đảng và Nhà nước trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ. Ngược lại, làm kinh tế thường không chú ý nội dung tư tưởng, không chú ý quan điểm chính trị, không quan tâm đến những hiệu quả về xã hội, về chính trị và tư tưởng.

Trước đây có lúc ta làm công tác tư tưởng gần như tách rời với công tác tổ chức, với công tác kinh tế, có nơi, có lúc cường điệu vai trò tư tưởng đến mức tựa hồ chỉ cần tư tưởng là giải quyết được mọi việc.

Thực tiễn cuộc sống mấy năm gần đây đã sửa sai cho chúng ta. Chúng ta đã thấy được rằng trong lĩnh vực xây dựng chủ nghĩa xã hội, nói tư tưởng nhất thiết phải gắn với kinh tế; rằng động lực kinh tế xét cho cùng có tính quyết định; rằng công tác tư tưởng phải hướng vào phát hiện cho ra những động lực kinh tế, làm sáng tỏ phũng động lực đó trên những quan điểm tư tưởng đúng đắn, cách mạng và khoa học, khơi dậy ở nó sức mạnh mà lâu nay ta chưa thấy. Công tác tư tưởng phải chuyển động lực kinh tế thành động lực tinh thần, lại biến động lực tinh thần thành lực lượng vật chất thúc đẩy hoạt động kinh tế. Trên hướng đó, công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền kinh tế, các phương tiện thông tin đại chúng, công tác lý luận của chúng ta mấy năm nay có những bước tiến đáng kể, đã làm không ít việc và thật sự có góp phần tích cực tạo ra những chuyển biến mới về kinh tế. Tuy vậy, những tiến bộ nói trên của công tác tư tưởng chỉ là bước đầu, chúng ta cần tiếp tục phấn đấu cao hơn nữa theo hướng đó.

Ở đây, khi nói kinh tế, hoạt động kinh tế là muốn nói bao gồm nhiều mặt từ những điều kiện kinh tế khách quan, các quan hệ kinh tế, nhu cầu kinh tế, lợi ích kinh tế, quy luật kinh tế, đến những nhiệm vụ kinh tế, chỉ tiêu kinh tế, chính sách kinh tế, cơ chế kinh tế, thực tiễn hoạt động kinh tế, v.v. Công tác tư tưởng không thể có sức sống và hiệu lực nếu thoát ly những yếu tố nói trên, những yếu tố này đóng vai trò hoặc là cơ sở, hoặc là động lực, hoặc là điểm xuất phát, hoặc là nội dung quan điểm, hoặc là phương hướng, mục tiêu, hoặc là biện pháp kết hợp, v.v. đối với công tác tư tưởng. Tư tưởng sở dĩ có tác dụng và chỉ có tác dụng tích cực trở lại đối với kinh tế chính vì và chỉ khi nào nó có gốc rễ từ trong kinh tế, phản ánh đúng kinh tế, và kết hợp chặt chẽ với tổ chức.

Bản thân kinh tế là một nguồn sức mạnh tư tưởng. Hiện thực kinh tế làm nảy sinh ra tư tưởng. Công tác tư tưởng có sứ mệnh trang bị cho quần chúng sự hiểu biết về các quy luật phát triển khách quan của xã hội, chống lại những ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và phi vô sản khác, làm thấu suốt trong quần chúng đường lối, chính sách của Đảng, động viên quần chúng tham gia tích cực vào mọi quá trình xã hội, vào hoạt động thực tiễn cách mạng vì lợi ích của nhân dân. Thực hiện tất cả điều đó trong thực tiễn, hoạt động tư tưởng đồng thời tìm được cơ sở và chỗ dựa vững chắc ngay trong các quá trình kinh tế - xã hội, trong những kết quả và thành tựu của các quá trình đó. Không chỉ một mình công tác tư tưởng mà cả sự phát triển và những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng đưa lại hiệu quả chính trị, tư tưởng và tinh thần rất lớn.

Có những vấn đề tư tưởng không thể giải quyết đơn thuần bằng công tác tư tưởng mà cùng với công tác tư

tưởng phải đồng thời có những biện pháp kinh tế, những biện pháp tổ chức. Công nhân không có việc làm, nhà máy không đủ vật tư, nguyên liệu, năng lượng để hoạt động thì không thể đơn thuần dùng công tác tư tưởng mà giải quyết được. Tất nhiên, không một nhiệm vụ kinh tế nào có thể tự nó thực hiện nếu không có tác động tích cực của công tác tư tưởng. Cho nên, phải phát huy hết tác dụng năng động của tư tưởng. Song, tư tưởng chỉ có thể biến thành sức mạnh vật chất, chỉ được củng cố vững bền khi nó có gốc rễ từ trong kinh tế, khi có cơ sở kinh tế, khi được bảo đảm bằng tổ chức.

Một nhận định rất quan trọng của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) mà từ đó dẫn đến một bước chuyển trong chính sách của chúng ta là: «Người lao động không hăng hái lao động sản xuất». Với quan điểm mới với những chính sách, cơ chế quản lý mới chú ý thích đáng lợi ích của người lao động, mấy năm nay có sự tiến bộ rõ rệt trong phong trào lao động sản xuất nông nghiệp cũng như công nghiệp, góp phần quan trọng làm giảm bớt khó khăn về kinh tế và đời sống. Rõ ràng, một chính sách kinh tế, một cơ chế kinh tế đúng tự nó tạo ra một sức mạnh tư tưởng và tinh thần to lớn, làm đẩy lên cả một phong trào.

Tất nhiên, mặt trái của vấn đề cũng đúng. Những hậu quả xấu về tư tưởng sẽ rất lớn, nếu phạm sai lầm trong chính sách, trong cơ chế kinh tế. Chẳng hạn, nếu mặt đúng của quyết định 25/CP đem lại những tác dụng hết sức tích cực cho kinh tế và cho cả tư tưởng, thì những chỗ sơ hở trong quyết định đó đã gây tác hại không nhỏ chẳng những cho kinh tế mà cả cho tư tưởng như chúng ta đều biết. Hơn nữa, thông thường những thiệt hại về kinh tế có thể tính bằng

tiền, còn những thiệt hại về tư tưởng với tất cả những hậu quả trước mắt và xa xôi, trực tiếp và gián tiếp của nó thì không sao tính hết.

Cơ chế kinh tế, chỉ tiêu kinh tế, chính sách kinh tế, khi đã sai thì không còn cơ sở để làm tốt công tác tư tưởng. Ví dụ, chúng ta tăng giá bán lẻ trước, sau đó tăng giá bán buôn tư liệu sản xuất lên 10 lần mà cứ giải thích rằng điều đó không có ảnh hưởng gì đến giá bán lẻ cả thì ai mà thông được! Một sai lầm trong công tác kinh tế chẳng những làm mất cơ sở để làm tốt công tác tư tưởng mà tự nó còn phá hỏng cả những tư tưởng tốt, gây ra những lộn xộn, lệch lạc về tư tưởng, tạo nên niềng đất nuôi dưỡng những tư tưởng xấu. «Ba lợi ích», «kế hoạch ba phần», v.v... nếu làm tùm lùm, không có sự chỉ đạo chặt chẽ và những điều kiện bảo đảm thực hiện đúng đắn thì không những gây ra hỗn loạn trong kinh tế mà còn gây ra biết bao tiêu cực trong lĩnh vực tư tưởng. Nói đúng ra, *một sai lầm trong công tác kinh tế tự nó sẽ hiện một sai lầm về tư tưởng*. Bởi vì, tư tưởng không là cái gì trừu tượng, tự nó, tồn tại thuần túy ở một vương quốc riêng. Tư tưởng sẽ hiện ở tồn tại vật chất, kinh tế. Nếu như ở đâu đó kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể bị suy yếu, bị xói mòn, thì đó là bằng chứng nói lên chính tư tưởng xã hội chủ nghĩa bị suy yếu, bị xói mòn. Đó là biểu hiện vật chất tình trạng suy yếu, bị xói mòn của chính tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Để cho tình trạng đó xảy ra là trách nhiệm không chỉ của các cơ quan tư tưởng mà trước hết của các cơ quan kinh tế, là trách nhiệm của toàn Đảng, của tất cả các cấp, các ngành.

Như đã nói, từ mấy năm nay chúng ta hiểu ra rằng cùng với động lực tư tưởng, còn có một động lực sâu xa, động lực của mọi động lực là những lợi

ích kinh tế; rằng làm kinh tế không thể không chú ý đến lợi ích kinh tế; rằng làm kinh tế không được bất chấp những điều kiện kinh tế, không thể không tính toán hiệu quả kinh tế, v.v. Cho đến nay *vẫn phải khẳng định và khẳng định mạnh mẽ hơn nữa những điều đó; vẫn phải tiếp tục chống quan điểm duy tâm chủ quan, duy ý chí trong thực tiễn chỉ đạo kinh tế*; vẫn phải chống lại sức ỳ của những thói quen còn rơi rớt lại từ thời kỳ mọi thứ đều được bao cấp. Phải kiên quyết đi vào hạch toán kinh tế, đi vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa; phải tính toán cẩn thận tiền nong, lỗ lãi. Đó là một mặt, và là mặt rất cơ bản.

Mặt khác, không thể không thấy tình hình là khi nhận ra vai trò của những lợi ích kinh tế, của những đòn bẩy kinh tế, thì lại xuất hiện một khuynh hướng cực đoan khác là chỉ thấy nhân tố kinh tế, coi nhẹ hẳn vai trò của tư tưởng, của chính trị. Trong thực tế, đã xuất hiện tình trạng là ở nơi này nơi kia có thể được kinh tế nhưng mất tư tưởng, được bộ phận nhưng mất toàn thể, được trước mắt nhưng mất lâu dài, được kết quả hiện hiện nhưng xa rời mục đích và những nguyên tắc cơ bản, được của cải nhưng hỏng quan hệ sản xuất và con người.

Cần phải làm cho sản xuất bung ra để có nhiều của cải. Có của cải mới có thể nói đến giải quyết khó khăn về đời sống cho người lao động. Đó là mệnh lệnh của cuộc sống lúc này. Chúng ta không thể suy nghĩ cách nào khác, bởi vì chủ nghĩa xã hội khoa học mà chúng ta đang xây dựng xa lạ với «chủ nghĩa xã hội khổ hạnh», «chủ nghĩa xã hội đạo đức». Song, chính vì chủ nghĩa xã hội chân chính, thật sự mà ta không thể không quan tâm đến nội dung giai cấp của những sản phẩm làm ra, làm ra bằng cách gì, bằng những thủ đoạn như thế nào, và cuối cùng được phân phối ra sao, vào tay ai, v.v.

Trước những khó khăn gay gắt về kinh tế và đời sống, có đồng chí đặt vấn đề như sau: hoặc muốn có nhiều của cải thì phải để cho sản xuất bung ra và như vậy phải dám chấp nhận những hậu quả tiêu cực không tránh khỏi; hoặc muốn giữ cho xã hội trong sạch, lành mạnh thì «trời chân, trời tay» cả lại, không làm gì hết. Tại sao, là những người cộng sản, chúng ta có những nguyên tắc của chúng ta, mà lại có thể tự đặt cho mình một cách giải quyết bế tắc như vậy? Vấn đề không phải là hy sinh cái này cho cái kia, mà chính là phải đạt cho kỳ được cả hai yêu cầu: của cải sản xuất ra ngày càng nhiều, đồng thời con người và các quan hệ xã hội ngày càng tốt đẹp. Muốn thế, phải giải quyết đúng đắn, trên quan điểm mác xít, trên lập trường giai cấp công nhân, mối quan hệ giữa tư tưởng với kinh tế, giữa chính trị với kinh tế. Xa rời lập trường và quan điểm đó thì không tránh khỏi rơi vào hoặc là chủ nghĩa duy tâm chủ quan, duy ý chí, hoặc là chủ nghĩa thực dụng, vụ lợi thiên càn, chủ nghĩa kinh tế.

Trong hai xu hướng sai lầm trên đây, hiện nay xem ra xu hướng thứ hai có chiều phát triển, có nơi diễn ra nghiêm trọng. Và đó là một biểu hiện tệ hại của tư tưởng hữu khuynh mà nhất thiết phải chống. Thật là sai lầm, sai lầm về nguyên tắc, khi giải quyết các vấn đề kinh tế và đời sống kinh tế nếu chỉ thấy lợi ích cục bộ không thấy lợi ích toàn thể; chỉ thấy lợi ích trước mắt không thấy lợi ích cơ bản và lâu dài; chỉ thấy mặt kinh tế không thấy mặt xã hội; chỉ nói lực lượng sản xuất không chú ý quan hệ sản xuất; chạy theo cơ chế thị trường mà xem nhẹ kế hoạch Nhà nước; chỉ tính hiệu quả kinh tế không nghĩ đến hiệu quả giáo dục, hiệu quả tư tưởng và chính trị; chỉ thấy vật không thấy người. Thật là hợp thời và bõ ích nếu nhắc lại ở đây luận điểm nổi tiếng của Lê-nin nói rằng: «Chính trị là sự

biểu hiện tập trung của kinh tế», đồng thời «chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế»; rằng «không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó không thể nào giữ vững được sự thống trị của mình, và do đó cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất» (2). Công tác tư tưởng phải bảo đảm mối quan hệ chính trị và kinh tế đúng đắn đó, xác lập hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chống lại những tư tưởng tư sản và phi vô sản khác, làm cho hoạt động kinh tế đi đúng hướng xã hội chủ nghĩa.

Nói chính trị ở ta lúc này về căn bản là nói đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, trước hết là nói nắm vững chuyên chính vô sản, nói phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nói ba cuộc cách mạng, nói đấu tranh «ai thắng ai» giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh này gắn liền với cuộc đấu tranh chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ cùng các thế lực phản động khác. Những khuyết điểm mà Đảng ta đã chỉ ra như thiếu kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng; không tích cực cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ; không chăm lo củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh, xây dựng và quản lý kinh tế tập thể; không nghiêm ngặt thực hiện nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương; buông lỏng việc kiểm kê kiểm soát, buông lỏng pháp chế Nhà nước, buông lỏng thị trường, buông lỏng cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa văn nghệ; không nghiêm trị bọn bóc

(2) V.I. Lê-nin: *Tư tưởng tập*. Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 42, tr. 349—350.

lợi, hèn đầu cơ buôn lậu, làm ăn phi pháp v.v., về thực chất đó là những biểu hiện xa rời những quan điểm tư tưởng chính trị của Đảng. Và chính sự xa rời đó đã là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những lệch lạc, rối loạn, lộn xộn vừa qua trong hoạt động kinh tế.

Đảng chú ý là khuynh hướng kinh tế chủ nghĩa đang làm nảy sinh và nuôi dưỡng những tâm lý vụ lợi hẹp hòi, thực dụng thiển cận, ảnh hưởng ngay đến cả một bộ phận các tầng lớp quần chúng cơ bản của chúng ta.

Giai cấp công nhân non trẻ nước ta lúc này đang rất cần được giáo dục theo tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, rất cần được nâng sự suy nghĩ, hiểu biết lên đúng tầm của nó, đúng với vị trí và vai trò là giai cấp lãnh đạo Nhà nước. Song, với những cách xoay xở không chính đáng để cải thiện đời sống, với sự vận dụng rất tùy tiện những chính sách lương bổng, khen thưởng như hiện nay, tạo nên những chênh lệch quá đáng và nhiều khi phi lý về mức thu nhập giữa các bộ phận và khu vực, giai cấp công nhân do đó đang có chiều hướng bị chia cắt ra từng mảnh và nhiệm phải tâm lý phung phí và chủ nghĩa công đoàn.

Trong thanh niên có một số không ít mang nặng tâm lý sùng bái dòng tiền, chạy theo lối sống hưởng thụ, thực dụng, thấp hèn, không cần lý tưởng, hoài bão, đạo đức xã hội chủ nghĩa. Trong khi chúng ta biết rằng cái gọi là phi - chính - trị - hóa (apolitiser), phi - hệ - tư - tưởng - hóa (désidéologiser) tầng lớp thanh niên, đó chính là thủ đoạn giả dối nguy hiểm, được ưa dùng nhất của bộ máy tuyên truyền tư sản và đế quốc chủ nghĩa nhằm lôi kéo thanh niên đi vào chính trị, tư sản, đi vào con đường chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội.

Đáng lo ngại nhất là khuynh hướng kinh tế chủ nghĩa, thực dụng, vụ lợi

đang làm xói mòn tư tưởng một số không ít cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ không phải ở cấp thấp. Không thể không chú ý một tình hình là sinh hoạt tư tưởng và trình độ tư tưởng trong Đảng những năm gần đây có xu hướng giảm thấp. Có những đảng viên, những cán bộ, thậm chí có cả những tổ chức Đảng suy nghĩ và xử lý các vấn đề về "lợi ích" không khác gì quần chúng bình thường và có khi còn thấp hơn cả họ. Có những tổ chức Đảng, những người lãnh đạo, những cán bộ quản lý xí nghiệp đi vào con đường tăng tiền lương, tiền thưởng một cách không giới hạn, giữ lại một cách phi pháp sản phẩm làm ra để "phân phối nội bộ", hoặc đem đi "trao đổi hai chiều" hoặc đem bán ra ngoài để "cải thiện đời sống công nhân". Có những cơ quan hành chính sự nghiệp cũng bằng đủ cách xoay xở không chính đáng, kể cả đi buôn để làm "ba lợi ích". Nói chung trong một số tổ chức Đảng, những đòi hỏi về tư tưởng, về nhiệt tình cách mạng, về phẩm chất đạo đức, hầu như không còn đặt ra. Những phạm trù về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về tinh Đảng, tinh nguyên tắc, về lập trường giai cấp công nhân, về đạo đức cộng sản, về tự phê bình và phê bình, về chống chủ nghĩa cá nhân, v.v. ít khi được nói tới.

Rõ ràng lúc này công tác tư tưởng có một nhiệm vụ hai mặt: một mặt, tăng cường tuyên truyền giáo dục kinh tế cho cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng lao động, đẩy mạnh việc hình thành một cách cơ bản và có hệ thống tư duy kinh tế và năng lực quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý. Nhiệm vụ này là cực kỳ quan trọng, cấp bách do thực tiễn cách mạng đòi hỏi và do lâu nay chúng ta coi nhẹ và làm chưa tốt. Mặt khác, tiến hành đấu tranh kiên quyết chống những lệch lạc có tính chất thực dụng chủ nghĩa, duy kinh tế Trong công

tác kinh tế, cần nghiêm khắc tính đến không những hiệu quả kinh tế mà cả hiệu quả giáo dục tư tưởng, quán triệt tư tưởng của Lê-nin về mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế. Làm kinh tế không thể không chú ý và đạt được những yêu cầu về tư tưởng, thái độ những quan điểm chính trị của Đảng trong hoạt động kinh tế.

Nói công tác tư tưởng phải gắn chặt với hoạt động kinh tế đã hàm nghĩa rằng công tác tư tưởng nhất thiết phải đi liền với công tác tổ chức, rằng cả ba mặt tư tưởng, tổ chức và kinh tế phải kết hợp thống nhất với nhau. Kinh tế không thể hoạt động nếu không được tổ chức theo cách nào đó. Tổ chức vừa bị quy định bởi đối tượng được tổ chức tức kinh tế, vừa tác động tích cực đến kinh tế. Tổ chức vừa bị chi phối bởi tư tưởng, vừa ảnh hưởng tích cực đến tư tưởng. Kinh nghiệm cho thấy quá trình sản xuất, hoạt động lao động được tổ chức tốt là điều kiện rất quan trọng để đạt hiệu quả cao, có tác dụng quyết định đến việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế và phát triển đời sống tinh thần — tư tưởng. Những kết quả to lớn về kinh tế và tư tưởng của các hình thức khoán trong nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, v.v. chứng minh rõ rệt điều đó.

Trái lại, tình trạng trì trệ hoặc lộn xộn trong lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trong phần lớn trường hợp, có nguyên nhân chủ yếu ở những khuyết điểm, yếu kém về tổ chức và công tác tổ chức. Kinh nghiệm cho thấy, để xoay chuyển tình trạng đó, nhiều khi chính là phải bắt đầu bằng việc chấn chỉnh tổ chức và công tác tổ chức. Có khi mấu chốt là ở việc bố trí cán bộ hoặc sắp xếp lại bộ máy; có khi là ở việc cải tiến công tác quản lý điều hành; có khi mấu chốt là ở việc thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, hay việc bảo đảm nghiêm ngặt chế độ trách nhiệm, tính tổ chức, tính kỷ luật...

Mối liên hệ qua lại giữa tư tưởng, tổ chức và kinh tế thể hiện rất rõ ở các phong trào có tính chất quần chúng như thi đua xã hội chủ nghĩa, thực hành tiết kiệm, v.v. Vận động thi đua cũng như tiết kiệm nếu không kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp tư tưởng, tổ chức, kinh tế thì rốt cuộc vẫn chỉ là hô hào suông. Làm thủy lợi, sản xuất cho xuất khẩu, v.v. chỉ có thể trở thành phong trào và đạt hiệu quả mong muốn nếu biết tính đến một cách đồng bộ các nhân tố kinh tế, tư tưởng và tổ chức.

Phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng chủ nghĩa xã hội khác với phong trào cách mạng của quần chúng trong điều kiện cách mạng dân tộc dân chủ. Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, muốn có phong trào cách mạng của quần chúng ngoài động lực tinh thần giống như trong điều kiện cách mạng dân tộc dân chủ, còn phải tính đến nhân tố kích thích vật chất, đến sự thống nhất giữa ba lợi ích: lợi ích của xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động. Còn nhân tố tổ chức thì bao giờ cũng cần đến.

Việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế, việc kết hợp ba lợi ích đòi hỏi những quan điểm tư tưởng đúng đắn, một công tác tổ chức tỉ mỉ, thận trọng, có tính nguyên tắc. Nếu coi thường nhân tố kích thích vật chất sẽ sa vào chủ nghĩa duy tâm, không tưởng. Nhưng nếu tuyệt đối hóa nhân tố đó, coi nhẹ công tác giáo dục chính trị tư tưởng sẽ sa vào chủ nghĩa kinh tế, chủ nghĩa thực dụng thuần cận. Trong mối quan hệ giữa ba lợi ích, phải ưu tiên cho lợi ích của xã hội và của tập thể, tuy như thế không có nghĩa lợi ích cá nhân người lao động là thứ yếu. Khía cạnh tư tưởng của việc kết hợp các lợi ích là ở chỗ hạnh phúc và tương lai của mỗi người phụ thuộc một cách quyết định vào lợi ích của xã hội, của tập thể, vào hoạt

lột, bộn đầu cơ buồn lậu, làm ăn phi pháp v.v., về thực chất đó là những biểu hiện xa rời những quan điểm tư tưởng chính trị của Đảng. Và chính sự xa rời đó đã là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những lệch lạc, rối loạn, lộn xộn vừa qua trong hoạt động kinh tế.

Đáng chú ý là khuynh hướng kinh tế chủ nghĩa đang làm nảy sinh và nuôi dưỡng những tâm lý vụ lợi hẹp hòi, thực dụng thiên cận, ảnh hưởng ngay đến cả một bộ phận các tầng lớp quần chúng cơ bản của chúng ta.

Giai cấp công nhân non trẻ nước ta lúc này đang rất cần được giáo dục theo tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, rất cần được nâng sự suy nghĩ, hiểu biết lên đúng tầm của nó, đúng với vị trí và vai trò là giai cấp lãnh đạo Nhà nước. Song, với những cách xoay xở không chính đáng để cải thiện đời sống, với sự vận dụng rất tùy tiện những chính sách lương bổng, khen thưởng như hiện nay, tạo nên những chênh lệch quá đáng và nhiều khi phi lý về mức thu nhập giữa các bộ phận và khu vực, giai cấp công nhân do đó đang có chiều hướng bị chia cắt ra từng mảnh và nhiệm phải tâm lý phurong hội và chủ nghĩa công đoàn.

Trong thanh niên có một số không ít mang nặng tâm lý sùng bái đồng tiền, chạy theo lối sống hưởng thụ, thực dụng, thấp hèn, không cần lý tưởng, hoài bão, đạo đức xã hội chủ nghĩa. Trong khi chúng ta biết rằng cái gọi là phi - chính - trị - hóa (apolitiser), phi - hệ - tư - tưởng - hóa (désidéologiser) tầng lớp thanh niên, đó chính là thủ đoạn giả dối nguy hiểm, được ra dùng nhất của bộ máy tuyên truyền tư sản và đế quốc chủ nghĩa nhằm lôi kéo thanh niên đi vào chính trị, tư sản, đi vào con đường chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội.

Đáng lo ngại nhất là khuynh hướng kinh tế chủ nghĩa, thực dụng, vụ lợi

đang làm xói mòn tư tưởng một số không ít cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ không phải ở cấp thấp. Không thể không chú ý một tình hình là *sinh hoạt tư tưởng và trình độ tư tưởng trong Đảng những năm gần đây có xu hướng giảm thấp*. Có những đảng viên, những cán bộ, thậm chí có cả những tổ chức Đảng suy nghĩ và xử lý các vấn đề về « lợi ích » không khác gì quần chúng bình thường và có khi còn thấp hơn cả họ. Có những tổ chức Đảng, những người lãnh đạo, những cán bộ quản lý xí nghiệp đi vào con đường tăng tiền lương, tiền thưởng một cách không giới hạn, giữ lại một cách phi pháp sản phẩm làm ra để « phân phối nội bộ », hoặc đem đi « trao đổi hai chiều » hoặc đem bán ra ngoài để « cải thiện đời sống công nhân ». Có những cơ quan hành chính sự nghiệp cũng bằng đủ cách xoay xở không chính đáng, kể cả đi buôn để làm « ba lợi ích ». Nói chung trong một số tổ chức Đảng, những đòi hỏi về tư tưởng, về nhiệt tình cách mạng, về phẩm chất đạo đức, hầu như không còn đặt ra. Những phạm trù về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về tinh Đảng, tinh nguyên tắc, về lập trường giai cấp công nhân, về đạo đức cộng sản, về tự phê bình và phê bình, về chống chủ nghĩa cá nhân, v.v. ít khi được nói tới.

Rõ ràng lúc này công tác tư tưởng có một nhiệm vụ hai mặt: một mặt, *tăng cường tuyên truyền giáo dục kinh tế* cho cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng lao động, đẩy mạnh việc hình thành một cách cơ bản và có hệ thống *tư duy kinh tế và năng lực quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa*, trước hết cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý. Nhiệm vụ này là cực kỳ quan trọng, cấp bách do thực tiễn cách mạng đòi hỏi và do lâu nay chúng ta coi nhẹ và làm chưa tốt. Mặt khác, *tiến hành đấu tranh kiên quyết chống những lệch lạc có tính chất thực dụng chủ nghĩa, duy kinh tế* Trong công

tác kinh tế, cần nghiêm khắc lĩnh đến không những hiệu quả kinh tế mà cả hiệu quả giáo dục tư tưởng, quán triệt tư tưởng của Lê-nin về mối quan hệ giữa "chính trị" và kinh tế. Làm kinh tế không thể không chú ý và đạt được những yêu cầu về tư tưởng, thái độ những quan điểm chính trị của Đảng trong hoạt động kinh tế.

Nói công tác tư tưởng phải gắn chặt với hoạt động kinh tế đã hàm nghĩa rằng công tác tư tưởng nhất thiết phải đi liền với công tác tổ chức, rằng cả ba mặt tư tưởng, tổ chức và kinh tế phải kết hợp thống nhất với nhau. Kinh tế không thể hoạt động nếu không được tổ chức theo cách nào đó. Tổ chức vừa bị quy định bởi đối tượng được tổ chức tức kinh tế, vừa tác động tích cực đến kinh tế. Tổ chức vừa bị chi phối bởi tư tưởng, vừa ảnh hưởng tích cực đến tư tưởng. Kinh nghiệm cho thấy quá trình sản xuất, hoạt động lao động được tổ chức tốt là điều kiện rất quan trọng để đạt hiệu quả cao, có tác dụng quyết định đến việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế và phát triển đời sống tinh thần - tư tưởng. Những kết quả to lớn về kinh tế và tư tưởng của các hình thức khoán trong nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, v.v. chứng minh rõ rệt điều đó.

Trái lại, tình trạng trì trệ hoặc lộn xộn trong lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trong phần lớn trường hợp, có nguyên nhân chủ yếu ở những khuyết điểm, yếu kém về tổ chức và công tác tổ chức. Kinh nghiệm cho thấy, để xoay chuyển tình trạng đó, nhiều khi chính là phải bắt đầu bằng việc chấn chỉnh tổ chức và công tác tổ chức. Có khi mấu chốt là ở việc bố trí cán bộ hoặc sắp xếp lại bộ máy; có khi là ở việc cải tiến công tác quản lý điều hành; có khi mấu chốt là ở việc thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, hay việc bảo đảm nghiêm ngặt chế độ trách nhiệm, tinh tổ chức, tinh kỷ luật...

Mối liên hệ qua lại giữa tư tưởng, tổ chức và kinh tế thể hiện rất rõ ở các phong trào có tính chất quần chúng như thi đua xã hội chủ nghĩa, thực hành tiết kiệm, v.v. Vận động thi đua cũng như tiết kiệm nếu không kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp tư tưởng, tổ chức, kinh tế thì rốt cuộc vẫn chỉ là hô hào suông. Làm thủy lợi, sản xuất cho xuất khẩu, v.v. chỉ có thể trở thành phong trào và đạt hiệu quả mong muốn nếu biết tính đến một cách đồng bộ các nhân tố kinh tế, tư tưởng và tổ chức.

Phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng chủ nghĩa xã hội khác với phong trào cách mạng của quần chúng trong điều kiện cách mạng dân tộc dân chủ. Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, muốn có phong trào cách mạng của quần chúng ngoài động lực tinh thần giống như trong điều kiện cách mạng dân tộc dân chủ, còn phải tính đến nhân tố kích thích vật chất, đến sự thống nhất giữa ba lợi ích: lợi ích của xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động. Còn nhân tố tổ chức thì bao giờ cũng cần đến.

Việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế, việc kết hợp ba lợi ích đòi hỏi những quan điểm tư tưởng đúng đắn, một công tác tổ chức tỉ mỉ, thận trọng, có tính nguyên tắc. Nếu coi thường nhân tố kích thích vật chất sẽ sa vào chủ nghĩa duy tâm, không tưởng. Nhưng nếu tuyệt đối hóa nhân tố đó, coi nhẹ công tác giáo dục chính trị tư tưởng sẽ sa vào chủ nghĩa kinh tế, chủ nghĩa thực dụng thiển cận. Trong mối quan hệ giữa ba lợi ích, phải ưu tiên cho lợi ích của xã hội và của tập thể, tuy như thế không có nghĩa lợi ích cá nhân người lao động là thứ yếu. Khía cạnh tư tưởng của việc kết hợp các lợi ích là ở chỗ hạnh phúc và tương lai của mỗi người phụ thuộc một cách quyết định vào lợi ích của xã hội, của tập thể, vào hoạt

động tích cực và có kết quả của tất cả và của mỗi một người lao động vì lợi ích của xã hội, của tập thể và của chính mình. Nguyên tắc đó được cụ thể hóa và được bảo đảm bằng một tổ chức hoạt động đúng đắn, hợp lý, trở thành động lực chủ yếu của các phong trào cách mạng của quần chúng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Không thể bảo đảm có hiệu quả về tư tưởng cho công cuộc xây dựng kinh tế nếu thiếu kỷ luật kế hoạch, kỷ luật sản xuất và kỷ luật lao động. Việc củng cố kỷ luật về các mặt đó không chỉ góp phần rất quan trọng làm tăng hiệu quả kinh tế mà còn đưa lại những kết quả to lớn về mặt giáo dục tư tưởng. Nghị quyết Hội nghị thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng nêu lên «vấn đề tổ chức cấp bách nhất hiện nay là phải thực hiện đúng đắn và nghiêm chỉnh nguyên

tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng và trong công tác quản lý». Thực hiện triệt để nguyên tắc này là điều mấu chốt hiện nay bảo đảm cho các hoạt động kinh tế phát triển vừa năng động, sáng tạo, vừa lành mạnh, đúng hướng. Thực hiện triệt để nguyên tắc ấy đồng thời là điều mấu chốt hiện nay bảo đảm vừa phát triển dân chủ vừa tăng cường kỷ luật, trên cơ sở đó, củng cố sự thống nhất tư tưởng, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, của cả hệ thống chuyên chính vô sản, của tất cả các cấp, các ngành. Đến lượt nó, chính sự thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động đó lại là nhân tố quyết định nhất bảo đảm cho Đảng ta và nhân dân ta vượt qua những khó khăn trước mắt, tiến lên giành thắng lợi to lớn trên mặt trận kinh tế cũng như trên các lĩnh vực khác của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

LÀM TỐT CÔNG TÁC THU MUA NĂM NGUỒN HÀNG

LÊ - HỮU - DŨNG

VẤN đề thu mua năm nguồn hàng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với ngành nội thương, vì có năm được hàng hóa thì mới chủ động cung ứng hàng hóa cho các nhu cầu theo kế hoạch, mới có điều kiện quản lý thị trường, đấu tranh để ổn định thị trường và giá cả, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân.

Mấy năm qua, tuy chúng ta có tiến bộ trong việc thu mua lương thực, nông sản, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu: trên lĩnh vực này, chúng ta còn nhiều khuyết điểm. Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã nhận định: "Trong khi sản xuất tiếp tục phát triển thì Nhà nước không nắm được toàn bộ sản phẩm của các cơ sở quốc doanh và của sản xuất tiểu, thủ công nghiệp do Nhà nước gia công, không nắm được tuyệt đại bộ phận lương thực thừa và nông sản hàng hóa, không nắm được hết vật tư, hàng hóa nhập khẩu để đưa việc phân phối tiêu dùng đi vào kế hoạch".

Nghị quyết nói trên còn nêu rõ: "Vấn đề quan trọng trước tiên là Nhà nước làm chủ sản xuất đi đôi với làm chủ phân phối, lưu thông và tiêu dùng; Nhà nước phải nắm được hàng, nắm được tiền". Và "Bằng các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, Nhà nước phải nắm được tuyệt đại bộ phận sản phẩm công nghiệp do các khu vực sản xuất tập thể và tư nhân làm ra; Nhà nước phải từng bước nắm độc quyền về lương thực và những nông sản hàng hóa có giá trị cao".

Vì vậy, muốn nắm được hàng hóa, ngành nội thương phải nắm chắc hàng công nghiệp và hàng nông sản, nắm chắc toàn bộ sản phẩm của các cơ sở kinh tế quốc doanh, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, và đối với các mặt hàng khác nhau, cần có phương thức thu mua khác nhau, nhằm tích cực tác động vào sản xuất, tạo thuận lợi cho sản xuất phát triển, kiên quyết sửa và sửa ngay những quy định không phù hợp đang kìm hãm sản xuất.

Hiện nay, phương thức thu mua nông sản thực phẩm áp dụng giữa hai miền không giống nhau: ở miền Bắc, phương thức thu mua chủ yếu là thu mua theo nghĩa vụ và theo giá chỉ đạo của Nhà nước; ở miền Nam, phương thức thu mua chủ yếu là thu mua theo giá khuyến khích. Do điều kiện sản xuất và trình độ về quan hệ sản xuất giữa hai miền có khác nhau, cho nên hình thức thu mua và mức giá thu mua có thể khác nhau, nhưng đã đến lúc cần *thi hành thống nhất* chính sách thu mua trong cả nước.

Việc đưa hàng công nghiệp tiêu dùng về bán cho nông dân để thu mua nông sản, thực phẩm là một chủ trương đúng đắn thể hiện quan hệ trao đổi hàng hóa giữa công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện mối liên hệ kinh tế giữa Nhà nước và nông dân, giữa thành thị và nông thôn, đúng như V.I. Lê-nin đã từng nói: «*Đối với giai cấp vô sản đang thực hiện quyền chuyển chính của mình trong một nước tiểu nông thì một chính sách đúng là phải tổ chức việc trao đổi những sản phẩm công nghiệp cần thiết cho nông dân, để lấy lúa mì; ...*» (1). Và việc trao đổi giữa sản phẩm công nghiệp và sản phẩm nông nghiệp phải thông qua *hợp đồng kinh tế hai chiều* và mua bán theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

Trải qua nhiều năm làm công tác cung ứng vật tư, thu mua nông sản, thực phẩm và phân phối hàng tiêu dùng, chúng ta đã thu được nhiều kinh nghiệm quý. Nếu phân phối vật tư theo lối «*bao cấp*» cho mỗi đơn vị diện tích gieo trồng, phân phối hàng tiêu dùng cũng theo lối «*bao cấp*» theo đầu dân cư, và thu mua nông sản, thực phẩm tách rời việc cung ứng vật tư, hàng hóa, thì chẳng những Nhà nước không nắm chắc được nguồn hàng mà cũng không thúc đẩy được sản xuất phát triển, người sản xuất ít quan tâm đến thâm canh tăng năng

suất, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất. Khi sản xuất thì người lao động đòi hỏi Nhà nước cung ứng vật tư cho họ, khi tiêu dùng thì họ đòi hỏi Nhà nước phân phối hàng tiêu dùng cho họ, nhưng khi bán sản phẩm thì họ lại suy hơn tính thiệt, xem nên bán cho ai (Nhà nước hay tư thương) có lợi hơn. Đó là tác hại của việc thực hiện chế độ bao cấp tràn lan và buông lỏng quản lý, để mặc cho tư thương tranh mua, phá rối thị trường.

Trong khu vực Nhà nước, ngành cung ứng vật tư và ngành thu mua không kết hợp với nhau; ngay trong nội bộ ngành nội thương, thì công tác thu mua nông sản, thực phẩm và phân phối hàng tiêu dùng cũng không có sự phối hợp trên cùng một địa bàn. Trên thực tế, một số vật tư, hàng hóa không đến tay người nông dân, bị phân phối ngang tắt, hơn nữa, vật tư cung ứng không đúng thời vụ sản xuất, hàng hóa phân phối không đúng nhu cầu và thị hiếu của từng địa phương. Trong điều kiện vật tư, hàng hóa có hạn, giá cả thị trường có nhiều biến động, nếu không *gắn chặt cung ứng với thu mua, giao mua với bán trong một thể chế thống nhất*, thì vật tư, hàng hóa của Nhà nước dễ lọt vào tay bọn đầu cơ; người được cung ứng nhiều vật tư có thể không phải là người bán nhiều nông sản, thực phẩm cho Nhà nước, và ngược lại. Những người vi ý thức nghĩa vụ mà bán nhiều sản phẩm cho Nhà nước cảm thấy bị thiệt thòi và do đó không phấn khởi. Trước tình hình giá cả hàng hóa nông sản lên cao, một số cơ quan và cán bộ làm công tác thu mua lại chạy theo thị trường tự do, đẩy giá thu mua lên ngang (thậm chí cao hơn) giá thị trường tự do, và bán vật tư, hàng hóa cho nông dân cũng theo giá thị trường tự do; kết quả là làm cho giá cả leo thang. Và, đời sống của nông dân có

(1) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1959, quyển II, phần II, tr. 500.

được cải thiện một chút, nhưng đời sống của công nhân, viên chức lại bị điều tiết khá mạnh, còn những người buôn bán đầu cơ thì càng giàu thêm.

Thực tế đó cho phép chúng ta rút ra kết luận: *thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều để thu mua nông sản, thực phẩm là phương thức thu mua phù hợp nhất trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay*. Đó là hình thức vận dụng có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế để phục vụ tốt sản xuất, đồng thời làm cho Nhà nước nắm chắc và nắm được nhiều sản phẩm hàng hóa của kinh tế tập thể và cá thể. Đó là phương thức thu mua có lợi nhất đối với người sản xuất, vì khi họ bán sản phẩm cho Nhà nước thì họ được mua vật tư, thuê dịch vụ, mua hàng tiêu dùng của Nhà nước theo giá ổn định, có lợi hơn so với người bán sản phẩm cho tư thương. Thông qua việc thực hiện kế hoạch thu mua nông sản, thực phẩm và cung ứng vật tư theo hợp đồng kinh tế hai chiều, Nhà nước hướng dẫn kinh tế tập thể và cá thể sản xuất theo kế hoạch Nhà nước. Đó cũng là biện pháp có hiệu lực để ổn định thị trường và giá cả, thu hút nông dân đi vào thị trường có tổ chức, thắt chặt liên minh công nông, thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Ngành nội thương đã thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều ngay từ đầu năm 1978 tại nhiều tỉnh ở miền Bắc và đã thu được một số kết quả tốt, nhất là đã có một số kinh nghiệm trong việc ký kết, thực hiện và thanh lý hợp đồng. Song, từ giữa năm 1980 lại đây, việc thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều có phần lơ lửng. Một số công ty thương nghiệp và địa phương do chưa nhận thức đúng ý nghĩa của chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều cho nên chưa quyết tâm thực hiện; hoặc thiên về

cách chỉ đạo mua bán theo cơ chế thị trường, cho hợp đồng kinh tế hai chiều là gò bó, không thích hợp (đến nay, một số địa phương ở miền Nam vẫn còn mua nông sản thực phẩm qua thương nhân); hoặc ý lại vào chế độ nghĩa vụ về lương thực, thực phẩm, cho rằng không thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều vẫn thu mua được lương thực, thực phẩm, dùng biện pháp hành chính để thu mua là chính. Cần khắc phục những nhận thức không đúng nói trên và có biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều trên địa bàn cả nước, với tất cả sản phẩm chủ yếu của kinh tế tập thể và cá thể.

Tất cả những sản phẩm hàng hóa chủ yếu do ngành nội thương thu mua của kinh tế tập thể và cá thể như lợn thịt, trâu bò thịt, trứng, gia cầm, đường, mật, thuốc lá, đồ tương, đồ xanh và các loại đồ khác, vừng, lạc vỏ, cùi và chiếu cùi, các loại hạt có dầu, muối, thủy sản, rau, quả, v.v. và những sản phẩm thuộc chức năng thu mua của các ngành khác (day, tơ tằm, cà phê...), nếu ủy thác cho ngành nội thương thu mua thì cũng đều thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều để thu mua.

Thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều, Nhà nước mua sản phẩm của kinh tế tập thể và cá thể theo giá chỉ đạo và bán lại vật tư, hàng hóa cho người sản xuất cũng theo giá chỉ đạo. Đối với những mặt hàng chưa có giá chỉ đạo thu mua và giá chỉ đạo bán lẻ của Hội đồng bộ trưởng, thì các bộ và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quy định giá mua và giá bán theo sự phân cấp quản lý giá. Các địa phương không nên bán vật tư hàng hóa theo giá cao để mua sản phẩm cũng theo giá cao. Đối với những sản phẩm mua ngoài hợp đồng; không có vật tư, hàng hóa trao đổi, thì mua theo giá khuyến khích. Giá này được quy định với tinh thần là bù đắp đủ

chi phí sản xuất và có mức lãi thỏa đáng cho người sản xuất, không chạy theo giá thị trường tự do đang chịu sự tác động của yếu tố đầu cơ.

Ở các tỉnh miền Nam, cùng với việc đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, cần nhanh chóng làm cho phương thức thu mua theo hợp đồng kinh tế hai chiều trở thành phương thức thu mua chủ yếu. Trước mắt, từ vụ hè thu này, cần tiến hành thu mua bằng hợp đồng kinh tế hai chiều đối với một số nông sản chủ yếu ở một số huyện trọng điểm về sản xuất nông nghiệp. Nơi nào chưa ký hợp đồng từ đầu vụ sản xuất, thì đến khi thu hoạch, tạm thời dùng hình thức trực tiếp trao đổi vật tư, hàng hóa lấy sản phẩm theo những điều kiện quy định của hợp đồng kinh tế hai chiều. Đối với các loại nông sản, thực phẩm chưa có điều kiện mua theo hợp đồng kinh tế hai chiều, thì mua theo giá khuyến khích.

Chuyển mạnh sang phương thức thu mua theo hợp đồng kinh tế hai chiều làm nổi bật tầm quan trọng của việc nắm nguồn hàng công nghiệp trong tay Nhà nước và đòi hỏi các cấp thực hiện nghiêm chỉnh các kế hoạch phân bổ quỹ hàng hóa. Trừ phần để lại bảo đảm cho quỹ hàng hóa cung cấp và bán theo giá bán lẻ, cần lập trung hàng công nghiệp cho quỹ thu mua bằng hợp đồng kinh tế hai chiều hoặc theo những điều kiện quy định cho hợp đồng kinh tế hai chiều.



Nắm đại bộ phận nguồn hàng công nghiệp tiêu dùng là một yêu cầu bức thiết của Nhà nước ta hiện nay. Có nắm được nguồn hàng công nghiệp, Nhà nước mới có thể nắm được nguồn hàng nông sản, thực phẩm.

Do ý nghĩa quan trọng của việc Nhà nước nắm nguồn hàng công

nghiệp, nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã ghi rõ: «Các xí nghiệp quốc doanh phải giao toàn bộ sản phẩm thuộc kế hoạch Nhà nước cho thương nghiệp quốc doanh và hệ thống vật tư của Nhà nước, không được giữ lại sản phẩm để tự tiêu thụ hoặc để thưởng bằng hiện vật. Đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các cơ quan gia công phải thu hồi sản phẩm đầy đủ, đúng quy cách và phải thu mua cho được đại bộ phận sản phẩm do các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp làm ra. Xử lý nghiêm khắc các cơ sở làm ăn gian dối, làm hàng giả hoặc bớt xén nguyên liệu của Nhà nước».

Trong 6 tháng đầu năm nay, việc thu mua các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng chủ yếu đạt thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là chúng ta chưa chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết nói trên của Ban chấp hành trung ương Đảng về nắm nguồn hàng. Vấn đề quan trọng là việc chấp hành chế độ giao nộp sản phẩm của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trung ương chưa được nghiêm chỉnh, một số cơ sở sản xuất vẫn để lại một phần sản phẩm để phân phối nội bộ hoặc đem trao đổi, mua bán trên thị trường tự do. Đồng thời, ngành thương nghiệp quốc doanh cũng chưa bám sát sản xuất, thực sự giúp đỡ các xí nghiệp giải quyết kịp thời những khó khăn cụ thể của sản xuất và những vướng mắc về giá cả, giao nhận, chất lượng hàng hóa v.v. để thương nghiệp nắm được nguồn hàng tốt hơn.

Do thu mua hàng công nghiệp không đạt kế hoạch, quỹ hàng hóa dành cho thu mua ít, hàng bán ra lại không đúng thời vụ, cho nên ngành thương nghiệp chưa nắm được nhiều sản phẩm hàng hóa nông nghiệp; quỹ hàng hóa dành cho việc cung cấp theo định lượng cho cán bộ công

nhân viên chức cũng không đủ, quỹ hàng hóa để bán lẻ bình thường, nhằm góp phần đấu tranh ổn định thị trường, thì vừa quá ít, vừa thiếu chủng loại. Tình hình đó đã gây ra nhiều khó khăn cho ngành thương nghiệp trong việc phục vụ sản xuất, đấu tranh bình ổn vật giá trên thị trường, bảo đảm đời sống công nhân viên chức.

Trong thời gian tới, để thực hiện các nghị quyết Hội nghị thứ ba và thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng, các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương cần giao toàn bộ sản phẩm thuộc kế hoạch Nhà nước cho thương nghiệp quốc doanh và hệ thống vật tư của Nhà nước theo hợp đồng kinh tế và đơn đặt hàng. Các sản phẩm thuộc phần sản xuất phụ của xí nghiệp cũng tiêu thụ thông qua thương nghiệp quốc doanh là chính. Toàn bộ phần sản phẩm hàng hóa tiêu dùng trên thị trường trong nước (trừ quỹ hàng hóa xuất khẩu và quỹ hàng hóa phi thị trường)-đều phải được tiêu thụ qua hệ thống thương nghiệp quốc doanh. Bộ nội thương căn cứ vào kế hoạch Nhà nước và nhu cầu tiêu dùng mà phân bổ quỹ hàng hóa đó cho các công ty bán buôn trung ương và địa phương. Các xí nghiệp công nghiệp và thương nghiệp tiến hành ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, trong đó quy định rõ khối lượng sản phẩm và cơ cấu mặt hàng, quy cách phẩm chất hàng hóa, thời gian và thể thức giao nhận, thanh toán. Các xí nghiệp thương nghiệp tổ chức điều tra, nghiên cứu nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng để đề xuất với các xí nghiệp sản xuất, làm đơn đặt hàng cụ thể với sản xuất. Sản xuất theo đơn đặt hàng là cách làm ăn tiến bộ. Nguyên liệu càng khan hiếm, điều kiện sản xuất càng khó khăn, thì càng phải biết tập trung sản xuất cái gì mà tiêu dùng của xã hội đang đòi hỏi. Rất sai lầm nếu nghĩ rằng trong lúc hàng

hóa khan hiếm thì sản xuất ra cái gì cũng tiêu thụ được, không cần nghiên cứu nhu cầu.

Ngành thương nghiệp cần đặc biệt coi trọng việc khai thác tiềm năng to lớn của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Trong mỗi liên hệ kinh tế giữa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, có các hình thức: gia công đặt hàng, bán nguyên liệu, thu mua thành phẩm.

Chế độ gia công thương nghiệp đối với các mặt hàng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được áp dụng từ thời kỳ đầu của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, khi những người thợ thủ công mới được tổ chức lại, quan hệ sản xuất mới chưa được củng cố, trình độ quản lý và giác ngộ xã hội chủ nghĩa còn thấp. Trong thời kỳ này, chế độ gia công tuy có mặt hạn chế tính chủ động của người sản xuất, song lại rất cần thiết và có tác dụng tích cực đối với việc phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp: Nhà nước nắm được nguồn hàng; các cơ sở kinh tế tập thể, tuy vốn ít, trình độ quản lý và hạch toán kinh doanh còn giản đơn, nhưng bảo đảm được công ăn việc làm, tạo điều kiện duy trì và từng bước củng cố quan hệ sản xuất mới.

Đến nay, tình hình đã có nhiều thay đổi. Ở miền Bắc, số đông thợ thủ công đã tham gia phong trào hợp tác hóa trong nhiều năm, nhiều hợp tác xã đã phát triển lên bậc cao. Ở miền Nam, tuy còn đang trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, song nhiều cơ sở sản xuất đã tập hợp được nhiều thợ thủ công có tay nghề khá, biết cách quản lý sản xuất và kinh doanh. Dựa trên cơ sở thực tế đó, Nhà nước đã chủ trương chuyển chế độ gia công thương nghiệp sang chế độ kế hoạch hóa trực tiếp hoặc theo chế độ bán nguyên liệu, thu mua thành phẩm theo giá cả quy định của Nhà nước.

Chủ trương này đã có tác dụng tích cực về nhiều mặt, vừa lợi cho Nhà nước, vừa lợi cho cơ sở sản xuất, kích thích mạnh mẽ tinh chủ động sáng tạo và tích cực sản xuất của người lao động. Tuy nhiên, cho đến nay chế độ gia công thương nghiệp vẫn còn duy trì đối với nhiều mặt hàng mà không có sự cải tiến, gây nhiều mặt tiêu cực trong sản xuất: một mặt nó gây tâm lý ỷ lại đối với các cơ sở sản xuất, hạn chế việc sáng chế phát minh mặt hàng mới, tiết kiệm nguyên liệu; mặt khác, gây ra những hiện tượng bớt xén nguyên liệu, lấy cấp hàng hóa của cơ quan gia công, đưa ra thị trường bán, làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước. Về phía các cơ quan gia công, chế độ gia công này cũng gây ra nhiều hành động của quyền, móc ngoặc, ăn hối lộ, gây phiền hà, khó dễ cho cơ sở sản xuất.

Để khắc phục những thiếu sót nói trên, cần tiếp tục chuyển một số mặt hàng từ chế độ gia công đặt hàng sang chế độ kế hoạch hóa trực tiếp, hoặc chế độ bán nguyên liệu, thu mua sản phẩm theo đúng quy định số 133/CP ngày 9-5-1983 của Hội đồng bộ trưởng.

Trong tình hình hiện nay, có thể áp dụng rộng rãi hình thức bán nguyên liệu, mua thành phẩm cho phần lớn các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đã được củng cố, làm ăn có nền nếp, trình độ quản lý vững vàng, sản xuất tương đối ổn định theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước. Hình thức gia công vẫn còn cần thiết, còn được duy trì trong quan hệ với thợ thủ công cá thể và các tổ chức tập thể mà trình độ quản lý còn yếu.

Ở miền Bắc, đi đôi với việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cần thu hẹp dần mặt hàng gia công. Ngành thương nghiệp có thể duy trì phương thức gia công đối với những mặt hàng mà giá trị

nguyên liệu chiếm tỷ lệ lớn, còn tiền công chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong toàn bộ giá trị sản phẩm, hoặc mặt hàng làm bằng nguyên liệu quý, hiếm mà Nhà nước cần quản lý chặt chẽ. Nhưng cần cải tiến nội dung và phương pháp gia công, nhằm bảo đảm quyền làm chủ tập thể, tinh chủ động sáng tạo của cơ sở sản xuất, bảo đảm mối quan hệ bình đẳng dân chủ, cùng có lợi giữa cơ quan gia công đặt hàng và cơ sở sản xuất. Các cơ quan gia công đặt hàng và các cơ sở sản xuất, cần thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, triệt để tôn trọng hợp đồng đã ký kết.

Ở miền Nam, trong khi đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp bằng hình thức hợp tác hóa, quan hệ sản xuất mới đang được xác lập, nhưng chưa được củng cố, ngành thương nghiệp cần giao những vật tư, nguyên liệu của Nhà nước cho các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất, chế biến hàng hóa thông qua *phương thức gia công*. Trong gia công, cần ký sớm hợp đồng về cơ sở sản xuất chủ động bố trí sản xuất; vật tư cung ứng cho cơ sở sản xuất cần được quản lý chặt chẽ theo các định mức kinh tế kỹ thuật đã xác định hợp lý. Đối với những vật tư không cung ứng được đồng bộ, mà cơ sở sản xuất phải tự lo liệu một phần, thì ngành thương nghiệp cần thỏa thuận trước về giá cả trong hợp đồng. Nếu cơ sở sản xuất có sáng kiến hạ định mức vật tư, thì được khen thưởng thỏa đáng theo giá trị vật tư đã tiết kiệm được; ngược lại, nếu dùng quá định mức vật tư mà không có lý do chính đáng hoặc dễ mất hay làm hư hỏng vật tư, thì phải đền bù theo giá thị trường. Cần khuyến khích cơ sở sản xuất tận dụng phế liệu, phế phẩm của vật tư gia công để làm mặt hàng khác. Đề

(Xem tiếp trang 35)

TỔ CHỨC KHOA HỌC CÁC HỆ THỐNG TÀI LIỆU, VĂN KIỆN PHỤC VỤ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ.

NGUYỄN-VĂN-THÂM



TRONG báo cáo về xây dựng Đảng do đồng chí Lê-Đức-Thọ trình bày tại Đại hội V của Đảng có đoạn viết:

« Phải có « trăm nghìn biện pháp » để chống quan liêu và bảo thủ. Trước hết, phải chỉ rõ để tìm cách khắc phục những tác hại của cơ chế hành chính quan liêu, bao cấp, cơ sở của tệ quan liêu trong kinh tế cùng những ảnh hưởng và tác động của nó đã thấm sâu vào mọi lĩnh vực công tác, mọi mặt của đời sống xã hội » (1). Nói về vấn đề đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng phong cách làm việc lành mạnh của Đảng, báo cáo đó cũng đã nhấn mạnh « phải làm nhiều việc để thực hiện bằng được phong cách này trong cải tiến sự lãnh đạo của Đảng » (2).

Trong những biện pháp cần thiết để chống bệnh quan liêu giấy tờ và góp phần khắc phục những tác hại của cơ chế hành chính bao cấp, cần phải kể đến việc cải tiến tổ chức các hệ thống tài liệu, văn kiện đang được sử dụng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước hiện nay. Vấn đề tổ chức khoa học các hệ thống văn kiện để phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý, xét về mặt lý luận cũng như về thực tiễn, có ý nghĩa rất lớn.

Tài liệu, văn kiện là phương tiện quan trọng không thể thiếu trong hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Nó được sử dụng vì nhiều mục đích: truyền đạt các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước từ cấp trên xuống cấp dưới; phản ánh kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách đó; điều hành hoạt động của bộ máy quản lý; cung cấp thông tin cho các quá trình nghiên cứu, sản xuất và lãnh đạo, v.v. Trong quá trình thực hiện các mục đích nói trên, tài liệu, văn kiện cũng là phương tiện quan trọng góp phần giữ vững mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Trong hoạt động của mình, không một cơ quan, một tổ chức nào lại không cần đến tài liệu, văn kiện nhận từ cơ quan khác và tự mình khi hoạt động lại không sản sinh ra những văn kiện mới. Bởi vậy, có thể nói rằng tài liệu, văn kiện là phương tiện đồng thời là sản phẩm tất yếu của hoạt động quản lý.

Trong những năm gần đây, ở nhiều nước trên thế giới, việc nghiên cứu và hoàn thiện các hệ thống văn kiện của các cơ quan rất được chú ý. Ở

(1), (2) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1982, tập III, tr. 51, 121.

Liên-xô chẳng hạn, từ năm 1967, đã thành lập Viện nghiên cứu toàn Liên bang về văn kiện học, lưu trữ học và công tác văn thư để giúp Nhà nước nghiên cứu giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ tổ chức khoa học các hệ thống văn kiện. Những vấn đề như: quá trình hình thành các hệ thống văn kiện; các yêu cầu, phương pháp biên soạn văn kiện; tiêu chuẩn hóa và mẫu hóa các văn kiện; tổ chức khoa học việc lựa chọn, phân loại, bảo quản, sử dụng các nguồn văn kiện hình thành trong hoạt động của các cơ quan, đoàn thể; khả năng và phương pháp áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào lĩnh vực này v.v. đang được Liên-xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác quan tâm giải quyết. Những kết quả đạt được đã góp phần nâng cao tính thiết thực của việc sử dụng các hệ thống văn kiện trong công tác lãnh đạo và quản lý của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Nó đã góp phần đặc lực vào việc khắc phục bệnh quan liêu giấy tờ mà hậu quả tai hại của bệnh đó, như V.I. Lê-nin đã có lần nhận xét, là làm cho các cơ quan "bị vùi vũng lầy quan liêu chủ nghĩa đáng nguyên rủa cuốn hút vào việc thảo công văn, bàn bạc sắc lệnh, soạn thảo sắc lệnh, và công tác sinh động bị chìm ngập trong cái biển giấy tờ ấy" (3).

Ở nước ta, ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Đảng và Nhà nước ta đã coi trọng việc chống bệnh quan liêu giấy tờ. Trong "Thư gửi các đồng chí Bắc-bộ" viết ngày 1 tháng 3 năm 1947, Hồ Chủ tịch đã nhắc nhở mọi người phải chống thói "thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều". Người chỉ rõ: "Những chỉ thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống cứ việc sao nguyên văn và gửi xuống các chi bộ, chi bộ có thực hiện được chỉ thị, nghị quyết đó hay không, các đồng chí không biết đèn. Cái lỗi làm việc như vậy rất có hại" (4).

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị cụ thể về việc cải tiến công tác các mặt. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó, hệ thống tài liệu, văn kiện trong các cơ quan của ta đã từng bước được cải tiến. Nó đã góp phần đáng kể vào việc phục vụ các hoạt động lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Tuy nhiên, với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới thì việc cải tiến các hệ thống văn kiện phục vụ lãnh đạo và quản lý vẫn đang là một công tác rất cấp bách. Mấy chục năm qua, cùng với bộ máy tổ chức phát triển nặng nề, cùng với cơ chế quản lý hành chính bao cấp, hệ thống văn kiện trong các cơ quan, đoàn thể của ta cũng ngày càng trở nên phức tạp và cồng kềnh. Điều đáng nói là tính khoa học của các hệ thống văn kiện đó chưa cao, trong đó có nhiều loại giấy tờ không cần thiết. Khối lượng các văn bản do các cơ quan ở các cấp, các ngành sản sinh ra trong hoạt động của mình đang có xu hướng tăng lên rất nhanh.

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy: Ở Bộ nông trường, lúc chưa giải thể, bình quân mỗi tháng ban hành khoảng 1000 văn bản các loại. Ở các bộ Nông nghiệp, Vật tư, Lao động, Ủy ban kế hoạch Nhà nước v.v. số lượng văn bản còn lớn hơn, có khi gấp đôi số lượng trên. Ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, số lượng văn bản được ban hành cũng khá lớn (+). Số lượng các văn bản đó

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 444.

(4) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, tr. 30.

(+) Ví dụ: Năm 1979, Ủy ban nhân dân thành phố Hà-nội đã ban hành gần 5000 văn bản các loại và nhận được từ các cơ quan khác gần 12 000 văn bản. Năm 1980: ban hành trên 5 500 và con số nhận được từ cơ quan khác xấp xỉ năm 1979.

tăng lên gấp bội do việc sao lục và gửi đến các cơ quan theo nhiều tuyến khác nhau: cơ quan trực thuộc, cơ quan có liên quan thuộc các hệ thống khác, cơ quan lãnh đạo v.v. Điều đó đã khiến cho trong các hệ thống văn kiện hiện nay của chúng ta tình trạng tài liệu có thông tin trùng lặp dưới nhiều dạng khác nhau trở thành rất phổ biến. Khảo sát tài liệu của một số cơ quan trung ương và cơ quan địa phương, chúng tôi thấy có ít nhất 50% - 60% các thông tin được lặp lại dưới dạng văn kiện gửi đến các cơ quan, và trong thực tế các văn kiện đó rất ít khi được các cơ quan tiếp nhận sử dụng. Các văn kiện đó được gửi đến đề «biết», đề «phối hợp», đề «báo cáo» và không ít các văn kiện trong số đó được gửi đến mà không có mục đích rõ ràng. Chúng không được sử dụng vì chức năng của cơ quan nhận được không bắt buộc phải có các văn kiện đó, mặt khác, lại không có một sự kiểm tra bắt buộc nào đối với việc thi hành các văn kiện nhận được.

Một thực tế khác là trong các hệ thống văn kiện của nhiều cơ quan có không ít văn kiện có nội dung chồng chéo và mâu thuẫn nhau. Thề thực ban hành văn bản không thống nhất. Các văn kiện nhìn chung chậm được cải tiến về hình thức cũng như về nội dung, kết cấu. Tính chất tùy tiện, tản mạn, thiếu khoa học trong quá trình xây dựng các hệ thống văn kiện thể hiện rất rõ trong khối tài liệu còn lưu giữ được của nhiều cơ quan. Đúng như nhận định trong Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội V của Đảng: «Chúng ta chưa xây dựng được *phong cách và chế độ làm việc cách mạng và khoa học*. Bệnh sự vụ, thủ công, phân tán, hợp hành, giấy tờ quá nhiều từ trên xuống dưới, đều còn rất nặng...» (5).

Qua hệ thống văn kiện đó, còn thấy rõ một sự lãng phí rất lớn:

chúng ta vừa phải tốn nhiều công sức, vật liệu, thời gian để đánh máy, để in quá nhiều công văn, giấy tờ, vừa tốn nhiều người làm văn thư, lưu trữ mà tác dụng mang lại không tương xứng. Thường là chỉ sau một thời gian ngắn, nhiều cán bộ, cơ quan đã không sao tìm lại được những tài liệu cần thiết trong đồng giấy tờ hỗn độn của mình. Có cơ quan cấp Bộ khi giải thể đã để lại một khối tài liệu chứa đầy ba gian nhà lớn, có khi hàng chục năm sau vẫn chưa chỉnh lý được và do đó rất khó có thể khai thác được, trong đó có những tài liệu vẫn còn giá trị rất lớn về nhiều mặt, nhất là về kinh tế.

Tình trạng trên đây đã gây nhiều khó khăn cho việc sử dụng các hệ thống văn kiện để phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, phục vụ hoạt động quản lý của các cơ quan Nhà nước. Hệ thống văn kiện công kênh, thiếu khoa học là một trong những nguyên nhân hạn chế kết quả việc truyền đạt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách đó.

Từ những điều nói trên, có thể đi đến một nhận xét tổng quát rằng: *Hệ thống văn kiện ở các cơ quan của chúng ta hiện nay là một trong những biểu hiện rõ rệt của bệnh quan liêu giầy tờ chưa được khắc phục. Đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp.*



Hệ thống văn kiện là tập hợp những tài liệu, văn kiện có liên quan và ảnh hưởng lẫn nhau, hình thành trong hoạt động của một cơ quan theo những tiêu chuẩn pháp lý nhất

(5) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập III, tr. 29.

định. Về nguyên tắc, ý nghĩa thật sự của các văn kiện chỉ có thể được xác định trong một hệ thống cụ thể, nghĩa là trong mối liên hệ với các văn kiện khác theo một giới hạn nhất định.

Kinh nghiệm ở nhiều nước tiên tiến cũng như thực tế sử dụng văn kiện trong hoạt động quản lý ở nước ta cho thấy tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá chất lượng của một hệ thống văn kiện là khả năng truyền đạt một cách chính xác, nhanh chóng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Tiêu chuẩn thứ hai là giúp cho việc theo dõi và kiểm tra công việc của cán bộ một cách dễ dàng. Tiêu chuẩn thứ ba là cung cấp được cho lãnh đạo những thông tin có giá trị, toàn diện, kịp thời và không trùng lặp. Tiêu chuẩn thứ tư là thuận lợi khi tra tìm, gìn giữ được bí mật của Nhà nước, có khả năng đóng góp vào việc chống bệnh quan liêu giấy tờ.

Xuất phát từ những tiêu chuẩn trên, trong quá trình xây dựng các hệ thống văn kiện, cần bảo đảm tính khoa học, tiết kiệm đến mức tối đa việc sử dụng giấy tờ, kiên quyết tránh các khâu trung gian chỉ có chức năng chuyển giao các văn bản một cách máy móc mà không có sự tổng hợp, đánh giá cần thiết trước khi sử dụng chúng. Chủ ý đến chức năng của mỗi cơ quan, mỗi đơn vị trong cơ quan và chức năng của từng văn kiện trong hoạt động của cơ quan đó khi quyết định soạn thảo hay sao lục một văn kiện. Công tác quản lý bao giờ cũng có nội dung cụ thể chứ không có cách quản lý chung chung, cho nên khi xây dựng hệ thống văn kiện trong quản lý, cần xác định đối với mỗi loại cơ quan cần có những loại văn kiện gì. Dựa vào chức năng của cơ quan mà xác định mục đích soạn thảo văn kiện và mục đích gửi đến cơ quan khác, đơn vị khác một văn kiện này hay một văn kiện khác. Đối với những cơ quan và đơn vị

chỉ cần gửi "để biết" thì tốt nhất là nên gửi bản thông báo tóm tắt. Như vậy vừa đỡ tốn kém, vừa thiết thực khi sử dụng thông tin của văn kiện.

Khi cần sao lục một văn kiện nào đó thì phải xác định những đơn vị cần có toàn văn văn kiện đó để gửi đến. Đối với các đơn vị khác thì chỉ cần thông báo tóm tắt hoặc trích sao những phần quan trọng nhất. Chấm dứt tình trạng cứ mỗi khi nhận được một văn kiện từ cấp trên gửi xuống thì cấp dưới chỉ việc tính số lượng các đơn vị trực thuộc, cộng với số lượng cán bộ lãnh đạo đơn vị mà sao ra rồi gửi đi. Cách làm đó, xét cho cùng là biểu hiện của sự lười biếng, của thái độ vô trách nhiệm.

Để xác định mức độ cần thiết của các văn kiện trong một cơ quan, theo kinh nghiệm của các nước tiên tiến, có thể áp dụng *phương pháp hệ thống* để phân tích các văn kiện. Nói một cách tóm tắt, phương pháp này, bằng những kiến thức khoa học, giúp chúng ta căn cứ vào chức năng, quyền hạn và phạm vi hoạt động của từng cơ quan, xác định được giới hạn của hệ thống văn kiện cụ thể cần thiết cho cơ quan đó. Nó còn giúp chúng ta thấy được những quy luật của các mối liên hệ giữa các văn kiện trong hệ thống đó, cũng như mối liên hệ giữa các loại hệ thống văn kiện khác nhau. Từ tính chất của mối liên hệ đó, chúng ta có thể thấy được vai trò, sự cần thiết thật sự của mỗi văn kiện cụ thể trong một hệ thống văn kiện nhất định.

Dựa vào phương pháp phân tích hệ thống, chúng ta có thể xác định được trong một hệ thống văn kiện nhất định các khâu chủ yếu và các khâu trung gian của nó. Từ đó, có cơ sở để quyết định cắt bỏ một khâu trung gian này hay một khâu khác trong hoạt động quản lý của cơ quan, giảm nhẹ biên chế hành chính gián tiếp mà không sợ ảnh hưởng đến hoạt động

binh thường của cơ quan. Đó là điều mà hiện nay chúng ta đang rất cần giải quyết.

Tất nhiên, khi nghiên cứu đề tổ chức khoa học các hệ thống văn kiện, cần hết sức chú ý đến vai trò của chúng trong việc bảo đảm thông tin cho lãnh đạo. Như chúng ta đã biết, người cán bộ lãnh đạo trong quá trình chuẩn bị đề ra các quyết định cần phải xử lý nhiều nguồn thông tin khác nhau. Để tập hợp và nắm vững các nguồn thông tin, người lãnh đạo phải sử dụng hệ thống các văn kiện, trước hết là của cơ quan mình và tiếp đó là của các cơ quan khác có liên quan. Qua hệ thống văn kiện, cán bộ lãnh đạo có thể thu thập được những thông tin có tính chất chỉ đạo, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các kế hoạch đã được duyệt v.v. Họ cũng có thể biết được ở một mức độ đáng kể tình hình mọi mặt trước đây và hiện nay của cơ quan, các kinh nghiệm quản lý, lãnh đạo của những thời kỳ trước. Những thông tin đó sẽ góp phần giúp cho người lãnh đạo tránh được những biểu hiện chủ quan khi đưa ra một quyết định mới cũng như khi chỉ đạo thực hiện quyết định đó. Bởi vậy, tổ chức khoa học hệ thống văn kiện của cơ quan có một ý nghĩa rất quan trọng đối với người lãnh đạo. Người ta đã chứng minh được rằng, việc nâng cao năng suất lao động của cán bộ lãnh đạo lệ thuộc rất lớn vào khả năng tổ chức công việc của người đó, trước hết là việc tổ chức công tác thông tin, tổ chức sử dụng các nguồn văn kiện.

Ở nước ta, do chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa của việc tổ chức các văn kiện một cách khoa học, cho nên trong thời gian qua, nhiều nơi, nhiều lúc công tác này đã bị xem nhẹ. Không ít cơ quan, trong nhiều năm liền đã không chú ý cải tiến việc soạn thảo văn kiện, không làm tốt công tác lập hồ sơ hiện hành, không nghiên

cứu đề hợp lý hóa quá trình theo dõi giải quyết văn kiện, không quan tâm chân chính công tác lưu trữ làm cho nhiều văn kiện quan trọng bị thất lạc, số còn lại không phát huy được tác dụng.

Hiện nay, ở một số cơ quan đã có tổ chức bộ phận thông tin khoa học với nhiệm vụ chủ yếu là dịch thuật các tài liệu nước ngoài và thu thập thông tin qua báo chí phục vụ công tác nghiên cứu trong cơ quan. Việc làm đó là cần thiết nhưng chưa đủ. Nếu hoạt động thông tin của mỗi cơ quan không hướng vào các nguồn văn kiện của cơ quan đó thì cán bộ lãnh đạo không thể có được đầy đủ các thông tin cần thiết phục vụ công tác của mình.

Do vậy, cần tổ chức tốt hệ thống bảo đảm thông tin văn kiện cho lãnh đạo, tức là phải quan tâm hoàn thiện hệ thống công tác văn thư và công tác lưu trữ của cơ quan.

Công tác văn thư, hiểu theo nghĩa đầy đủ của nó, là hệ thống liên hoàn của nhiều khâu công tác cụ thể đối với văn kiện. Trong số những khâu quan trọng của công tác văn thư, cần phải kể đến khâu phân tích các nguồn thông tin văn kiện nhận được từ các cơ quan khác, truyền đạt chúng qua hệ thống văn kiện của cơ quan mình, lập hồ sơ các văn kiện đã được giải quyết, tổ chức bảo quản và sử dụng các hồ sơ đó ở bộ phận chuyên môn.

Xét về mặt bảo đảm thông tin cho lãnh đạo, chất lượng công tác văn thư được thể hiện ở chỗ quá trình hình thành và chu chuyển văn kiện trong cơ quan có nhanh chóng hay không? Các khâu tiếp nhận và giải quyết văn kiện, quá trình xử lý thông tin dưới dạng văn kiện có được tổ chức một cách hợp lý với một số lượng tối thiểu các bước đi cần thiết hay không? Có bảo đảm cung cấp được kịp thời và chính xác các thông tin tối ưu từ nội dung các văn kiện

của cơ quan đề phục vụ cho lãnh đạo và quản lý hay không? Ngoài ra, như kinh nghiệm của nhiều nước đã chỉ rõ, có thể đánh giá chất lượng của công tác văn thư và hệ thống văn kiện của một cơ quan qua việc xem xét vai trò của chúng đối với nhiệm vụ tổ chức lao động khoa học trong cơ quan đó. Những đặc trưng trên đây có thể xem là phương hướng chủ yếu của quá trình hoàn thiện công tác văn thư của chúng ta hiện nay.

Tổ chức tốt công tác lưu trữ của cơ quan cũng là một nội dung quan trọng của việc tổ chức tốt hệ thống văn kiện. Điều đó trước hết đòi hỏi phải đặc biệt chú ý việc lựa chọn các văn kiện có giá trị từ khâu văn thư đề tổ chức phân loại, bảo quản và sử dụng lâu dài. Nếu không tổ chức tốt việc lựa chọn, phân biệt các văn kiện có giá trị lâu dài với các văn kiện khác, để rồi cứ khư khư giữ lấy mọi loại văn kiện, thì việc bảo quản tài liệu sẽ trở nên ồm đồm, và gây nên những lãng phí. Tình trạng ồm đồm đó còn khiến cho các tài liệu lưu trữ thường rất khó phát huy tác dụng. Tất nhiên, đồng thời với việc lựa chọn văn kiện có giá trị để bảo quản, cần có cách tổ chức khoa học để sử dụng chúng. Cần có những công cụ tra tìm đối với văn kiện lưu trữ. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đang cố gắng xây dựng những công cụ tra tìm không chỉ trong phạm vi một cơ quan, một ngành mà cho cả nước.

Làm tốt công tác lưu trữ của cơ quan sẽ giúp cho cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo của cơ quan, khắc phục được cái gọi là « lưu trữ riêng » rất phổ biến hiện nay. Kết quả khảo sát ở một số cơ quan cho thấy không ít cán bộ thường cất giữ rất lâu nhiều loại tài liệu có giá trị, coi như của riêng mình, mặc dù các loại đó rất cần cho công việc chung của nhiều cán bộ khác. Trong các « lưu trữ riêng » này, tài liệu văn kiện thường

ít khi được phân loại theo nội dung, theo giá trị của nó, mà chỉ thường được sắp xếp, bảo quản theo chủ quan của người thu thập, cho nên dễ mất mát, thất lạc. Qua nhiều năm, các « lưu trữ riêng » trở nên rất khó sử dụng. Chính các « lưu trữ riêng » đó đã góp phần gây ra tình trạng vừa thừa, vừa thiếu thông tin trong công tác. Xóa bỏ tình trạng « lưu trữ riêng », tập trung các tài liệu, văn kiện về một mối, làm tốt công tác lưu trữ của cơ quan thì không những sẽ nâng cao hiệu suất sử dụng tài liệu văn kiện, tạo nhiều thuận lợi cho công tác của cơ quan, mà còn tiết kiệm được nhiều công sức, phương tiện trong việc bảo quản, tra tìm tài liệu v.v.

Chính do ý nghĩa nói trên mà hiện nay việc chỉ đạo công tác văn thư và công tác lưu trữ được Nhà nước giao cho cán bộ có thẩm quyền cao nhất trong cơ quan. Điều 7 của « Pháp lệnh bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia » quy định: « Thủ trưởng các ngành từ trung ương đến cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức quản lý tài liệu lưu trữ quốc gia ». Đó chính là cơ sở pháp lý quan trọng tạo điều kiện để xây dựng một cơ sở thông tin văn kiện chung có giá trị phục vụ hoạt động của toàn cơ quan. Cơ sở pháp lý đó cũng được xác định trong điều khoản tiếp theo của bản Pháp lệnh: « Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, trong quá trình hoạt động phải tổ chức công tác lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ trong cơ quan, đơn vị; đến hạn nộp lưu thì phải nộp vào các cơ quan lưu trữ Nhà nước... ».

Ban bí thư Trung ương Đảng cũng đã ra chỉ thị về việc tăng cường chỉ đạo công tác lưu trữ tài liệu của Đảng. Chỉ thị nêu rõ: « Các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng phải giao nộp vào các kho lưu trữ của Đảng ở các cấp

toàn bộ tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan Đảng các cấp và của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, để bảo quản tập trung thống nhất : không một tổ chức hoặc cá nhân nào được giữ làm tài sản riêng ».

Một vấn đề nữa cần chú ý là, đề nâng cao tính thiết thực của việc sử dụng các hệ thống văn kiện cần chú ý giải quyết tốt việc tiêu chuẩn hóa văn

kiện quản lý. Hiện nay trừ một số hồ sơ cán bộ, biểu mẫu thống kê, hóa đơn v.v. có quy định chung, chúng ta chưa xây dựng được tiêu chuẩn thống nhất cho các loại văn kiện quản lý. Điều đó đã gây khó khăn cho việc tổ chức khoa học các hệ thống văn kiện và sử dụng chúng trong thực tế, do vậy đã hạn chế hiệu suất sử dụng văn kiện trong lãnh đạo và quản lý, tạo nên những lãng phí ở nhiều khâu trong công tác hành chính.

Làm tốt công tác thu mua...

(Tiếp theo trang 28)

Đảm bảo cho thợ thủ công làm gia công và bán toàn bộ sản phẩm cho Nhà nước có được thu nhập thực tế theo đúng chính sách Nhà nước, ngành thương nghiệp cung cấp cho họ lương thực, vải, chất đốt và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác theo giá ổn định của Nhà nước.

Đối với những sản phẩm mà người sản xuất tự tìm kiếm nguyên liệu, thì ngành thương nghiệp áp dụng phương thức *chọn mua* với giá cả hợp lý, nhằm khuyến khích thợ thủ công phát triển sản xuất và bán hàng cho Nhà nước.

Từ thực tiễn của công tác thương nghiệp trong những năm qua, chúng ta cần đánh giá đúng những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác thu mua nắm nguồn hàng, một công tác có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ công tác thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, rút kinh nghiệm để kịp thời bổ khuyết những thiếu sót, cải tiến cơ chế, chính sách và biện pháp thực hiện, nhằm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ thu mua nắm nguồn hàng.

VỀ VẤN ĐỀ SINH ĐẼ CÓ KẾ HOẠCH

NGUYỄN-ĐÌNH-QUẦN

VIỆT-NAM là một trong những nước tăng dân số rất nhanh. Từ năm 1939 trở đi hàng năm dân số nước ta tăng 3%: giai đoạn 1955 - 1960, tăng 3,8%. Chỉ trong 22 năm, từ 1955 đến 1977, dân số nước ta tăng gấp đôi.

Chỉ số sinh đẻ của nước ta hiện nay mới giảm xuống ở mức 3,3% trong khi chỉ số tử vong từ 1,8% giảm xuống 0,7%, cho nên tỷ suất tăng tự nhiên bình quân hằng năm vẫn rất cao: 2,6—2,8%. Dự báo dân số Việt-nam năm 2000 sẽ lên đến 80 triệu người.

Xét đặc điểm phát triển của quần thể người Việt-nam, có thể xếp dân số nước ta vào loại hình dân số trẻ. Số trẻ dưới 15 tuổi chiếm 42% dân số, lứa tuổi từ 16 đến 20 tuổi chiếm 12% và lứa tuổi từ 21 đến 25 tuổi chiếm 9%. Số trẻ hiện nay đông gấp ba lần số người đang độ tuổi sinh đẻ. Trong những năm tới số người trẻ này sẽ lần lượt bước vào tuổi sinh đẻ. Bởi vậy, số phụ nữ có khả năng sinh đẻ sau đây 15 năm sẽ đông gấp 2,5 đến 3 lần so với hiện nay và số trẻ em sinh ra hằng năm ở nước ta sẽ lên đến 4 triệu (nay là 1,6 triệu).

I — TẠI SAO PHẢI SINH ĐẼ CÓ KẾ HOẠCH?

Đề có thể nhận thức một cách sâu sắc là tại sao toàn thế giới, trong đó có Việt-nam phải vận động sinh đẻ có kế hoạch nhằm hạ thấp tốc độ gia tăng dân số, chúng ta cần phân tích những hậu quả gây ra bởi sự tăng nhanh dân số:

— Hậu quả tai hại nhất do dân số phát triển nhanh là sự lan tràn nạn đói và không đủ ăn. Tình trạng này được xem như là một biểu hiện tất yếu của sức đói kháng môi

trường. Sự đói được đặc trưng bởi sự không đủ thức ăn về mặt số lượng, nhưng phổ biến là đặc trưng bởi chất lượng dinh dưỡng thấp của thức ăn, đặc biệt là thiếu protein và vi ta min. Do đó, trẻ em dưới 6 tuổi ở những nước đang phát triển và chậm phát triển thường mắc phải bệnh rối loạn chức năng của hệ thống tiêu hóa, viêm loét da, sưng tấy, phù, mất sức, và cuối cùng ngủ li bì, mất sức đề kháng. Tai hại nhất là bệnh này kìm hãm

sự phát triển về tinh thần. Sự suy thoái của não không thể khắc phục được dù vài năm sau trẻ em bị bệnh được ăn uống đầy đủ. Hằng ngày thế giới có 30 000 người chết đói và người ta xem nạn đói khủng khiếp năm 1974 cướp đi tính mạng của gần 24 triệu người ở các nước châu Á, châu Phi, là cái mốc mở đầu cho sự lan tràn nạn đói trên thế giới do hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh.

- Hậu quả thứ hai là khi dân số tăng nhanh thì môi trường sống sẽ bị hủy hoại khốc liệt, sẽ bị ô nhiễm nặng nề và làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Ở những nước luật pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên không được nghiêm, ý thức của mỗi người dân đối với trách nhiệm bảo vệ môi trường sống không cao, thì sức phá hoại các nguồn tài nguyên càng khốc liệt hơn nhiều khi dân số tăng nhanh.

Trước hết hãy xem nguồn tài nguyên rừng ở nước ta đã bị tàn phá như thế nào? Dân số càng tăng, nhu cầu về chất đốt, về gỗ để xây dựng và gia công các đồ dùng gia đình càng nhiều. Tính riêng về chất đốt, hằng năm nước ta phải cần trên 500 triệu tấn. Và mặc dù Nhà nước đã có những văn bản quy định việc bảo vệ rừng nhưng nhiều người vẫn chưa có nhận thức đúng và công tác bảo vệ còn có nhiều thiếu sót, cho nên trong những năm qua diện tích rừng rậm, rừng thưa, rừng ngập mặn, rừng tràm cùng với nhiều loại động vật, thực vật quý, hiếm bị tàn phá nghiêm trọng. Năm 1915, rừng chiếm 45% diện tích lãnh thổ cả nước, nhưng nay, diện tích có rừng che phủ chỉ còn lại 29%. Trầm trọng nhất là ở miền Bắc, năm 1915, rừng chiếm 60% diện tích, nay chỉ còn khoảng 10%; riêng vùng Tây-bắc: từ 60% diện tích năm 1945, nay chỉ còn lại chưa đầy 10% (theo tài liệu của Viện điều tra quy hoạch rừng).

Phá rừng, con người đã hủy hoại những tài nguyên vô giá, làm mất đi những chức năng sinh học hết sức quan trọng của rừng và chính điều đó đã đưa đến những thảm họa ngày càng tàn khốc mà dân ta phải gánh chịu.

Rừng mất đi, chức năng điều hòa chu trình nước và giữ đất cũng mất theo, nạn xói mòn do khí hậu khắc nghiệt của vùng nhiệt đới gây ra càng hoành hành nghiêm trọng, dẫn đến nạn hạn hán, lũ lụt dữ dội, và môi trường sống tốt tươi, màu mỡ của những động vật, thực vật quý hiếm cũng biến đi, chỉ còn lại một diện tích không lồ đất trống, đồi trọc. Hiện nay diện tích đất trống đồi trọc ở nước ta đã lên tới trên 10,5 triệu héc ta, chiếm gần 1/3 diện tích cả nước. Đó là hậu quả thảm khốc của việc tàn phá rừng một cách mù quáng và tham lam, một hành động tự mình hủy hoại môi trường sống của chính mình.

Diện tích đất canh tác bình quân đầu người của Việt-nam ở mức quá thấp: 0,10 héc ta. So với các nước khác trên thế giới, nước ta đứng thứ 159 về diện tích đất canh tác tính theo đầu người.

Nếu diện tích đất canh tác không được mở rộng thêm thì đến năm 2000, diện tích đất canh tác bình quân đầu người ở nước ta chỉ còn khoảng 0,07 ha.

Về chất lượng, diện tích đất phì nhiêu của nước ta cũng có tỷ lệ rất thấp. Một phần ba diện tích đất đai tự nhiên của nước ta là đất đồng bằng, trong đó đất phù sa chỉ chiếm 28,8%, còn đất chua mặn: 33,6%, đất xám bạc màu và đất nâu vàng nửa khô hạn: 31,5% còn lại là đất cát và đất lầy. Hằng năm, một mặt do sự tiến công dữ dội của thời tiết khốc liệt vùng nhiệt đới gió mùa, mặt khác do chế độ canh tác chưa thật khoa học, còn nặng về bóc lột chất màu của

đất, cho nên độ màu mỡ của đất canh tác bị giảm sút dần.

Do sức ép của dân số và môi trường, chúng ta buộc lòng phải tăng nhiều vụ trên một diện tích đất canh tác trong năm để giải quyết nguồn lương thực cho nhân dân. Hằng năm, trong khi chất dinh dưỡng của đất bị cây trồng hút khá nhiều và mưa gió cướp đi không ít, thì chúng ta chỉ có khả năng trả lại cho đất một lượng phân quá ít ỏi.

Hiện tượng gây ô nhiễm nặng nề cho môi trường bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với sự gia tăng dân số.

Trước hết phải nói đến sự ô nhiễm đất và nguồn lương thực, thực phẩm của người. Sự ô nhiễm đó khá nặng nề. Trong nông nghiệp, chúng ta đang sử dụng một lượng rất lớn các loại thuốc trừ sâu. Số lượng thuốc này lại tập trung phục vụ cho việc trồng rau ở các huyện ngoại thành để đáp ứng nhu cầu rau xanh tăng lên nhanh chóng của các vùng đô thị. Thức ăn chính của dân ta lại là rau, bởi vậy, chất độc hóa học nhiễm vào cơ thể không phải ít. Theo số liệu xét nghiệm, người ta thấy rằng trong sữa của các sản phụ miền Bắc nước ta hàm lượng DDT trung bình là $6,05 \pm 1,32$ mg/L và trong mỡ mỡ là 22,3 PPM. Theo nhà sinh thái học O. O-u-en thì với nồng độ 7 PPM sẽ gây ảnh hưởng đến chức năng sinh lý của tim và gan, còn mật độ cao hơn làm ảnh hưởng đến quá trình sinh sản và là nguyên nhân gây những đột biến không mong muốn, làm xuất hiện các u ác tính.

Thuốc trừ sâu và phân bón hóa học gây ô nhiễm môi trường cũng đã làm nghèo đi khá nhiều các loài sinh vật sống trên đồng ruộng—một nguồn thức ăn phong phú cho dân ta: cua, ốc, tôm, cá, chim.

Khi dân số tăng lên, nguồn chất thải trong sinh hoạt và trong công nghiệp tăng theo, làm ô nhiễm nghiêm

trọng nguồn nước và không khí. Do không có đủ khả năng giải quyết vấn đề phân rác, nước thải trong sinh hoạt và trong công nghiệp ở các thành phố đông dân, cho nên toàn bộ những chất bẩn này hoặc đổ trực tiếp ra sông hoặc dần dần biến thành bụi, rồi cư trú lâu dài trong thành phố và quay trở lại hủy hoại cơ thể con người. Việc thải các chất bẩn trực tiếp xuống sông gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, đặc biệt làm giảm lượng ô xy hòa tan, gây nên tình trạng tảo nguyên sông và cửa sông giảm đi trông thấy. Sự nghèo nàn về nguồn thủy sản của các con sông chảy ngang qua thành phố Hải-phòng là một trong những dẫn chứng về hậu quả của sự ô nhiễm này. Không khi bị ô nhiễm do bụi từ chất thải trong sinh hoạt ở các thành phố đông dân nước ta là vấn đề còn đáng quan tâm hơn so với sự ô nhiễm do khói bụi công nghiệp và chất thải của các động cơ.

Sự khủng hoảng về nhà ở trong các thành phố của nước ta làm ô nhiễm môi trường sinh hoạt là một hiện tượng không thể tránh được của sự tăng dân số quá nhanh.

— Hậu quả thứ ba của việc tăng nhanh dân số là làm vỡ những kế hoạch về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của Nhà nước. Mỗi người dân phải nhận thức sâu sắc rằng nếu cứ dể với tốc độ như hiện nay và tùy theo ý thích thì chính mình làm kiệt quệ Nhà nước, chính mình làm bản cùng hóa dần cuộc sống.

Do dân số tăng nhanh, thu nhập quốc dân bình quân đầu người của nước ta hằng năm tăng chậm hoặc có năm không tăng. Hiện nay số trẻ em dưới 15 tuổi ở nước ta chiếm 42% dân số, (ở các nước công nghiệp phát triển tỷ số này là 22%); hằng năm Nhà nước ta phải chi 15% tổng thu nhập quốc dân để nuôi số trẻ tăng quá mức này. Nếu dân số không tăng

nhân thì có thể dùng một phần lớn số tiền trong 15% tổng thu nhập quốc dân này để mở rộng sản xuất, nhập vật tư kỹ thuật hoặc nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Sự tăng quá nhanh dân số dẫn nhiều nước đến cuộc khủng hoảng thừa về lao động. Xét riêng nước ta, chúng ta không có nhiều vốn để nhanh chóng mở rộng sản xuất nhằm thu hút lao động. Việc giải quyết công ăn việc làm cho một lực lượng lao động tăng thêm hằng năm khoảng 1.1 triệu là một việc khó khăn. Vì dân số quá đông, chúng ta buộc phải sử dụng lao động giản đơn trong nhiều lĩnh vực sản xuất. Rốt cuộc công cụ sản xuất của ta lạc hậu hàng thế kỷ so với các nước công nghiệp phát triển và tinh chất nặng nhọc trong lao động của con người chưa biết bao giờ mới được giải phóng, nếu tốc độ tăng dân số vẫn không được hạ thấp.

Nạn thừa lao động thể hiện ở nhiều dạng khác nhau: không sử dụng hết sức lao động ở nông thôn, tăng số người vô công rồi nghề ở thành phố, không bảo đảm điều kiện làm việc cho những người có nghề nghiệp v.v.

— Hậu quả lớn thứ tư của sự tăng dân số quá mức là làm mất cân bằng

trong đời sống con người, căng thẳng về tinh thần, rối loạn trật tự trong phạm vi gia đình, xã hội... Rõ ràng khi con người thiếu nghiêm trọng những điều kiện có nhu cầu và thừa những nhân tố không nhu cầu thì cuộc sống sẽ trở nên mất cân bằng cả về vật chất lẫn tinh thần. Đó là nguyên nhân của mọi hiện tượng tiêu cực trong gia đình, trong quan hệ xã hội, trong kinh tế, trong giáo dục. v.v.

— Dễ nhiều, không chỉ làm tăng nhanh dân số mà còn phá hủy nhanh sức lực của con người, đặc biệt là phụ nữ. Cuộc sống đầu tắt mặt tối của những bố mẹ đông con là bài học cho những người còn chưa giác ngộ về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch. Ngành y tế cũng đã thống kê được bằng con số các bệnh sa dạ con, chảy máu dạ con, ung thư tử cung, ung thư buồng trứng, mổ cấp cứu do đẻ khó, do giãn giãn chẳng tử cung, mẹ kiệt sức, con suy nhược, v.v. Những hiện tượng này hầu như chỉ xảy ra ở những phụ nữ đẻ nhiều. Thực tế cũng đã có quá nhiều ví dụ về những cuộc sống nặng nề, căng thẳng, buồn thảm của những gia đình đông con. Tất cả là do quan niệm quá lạc hậu về vấn đề sinh đẻ.

II — MỘT SỐ BIỆN PHÁP

Hậu quả của việc tăng dân số quá nhanh to lớn như vậy nhưng khả năng khắc phục của loài người còn rất nhỏ bé. Để có thể ngăn ngừa và khắc phục những hậu quả do việc tăng dân số quá nhanh gây ra, có thể nêu tóm tắt mấy biện pháp chủ yếu dưới đây.

Một là, phải giảm xu thế sinh học của con người. 5000 năm trước Công nguyên, những người cò Ai-cập đã

biết sử dụng những môi trường chống đẻ khác nhau, và vô số những biện pháp đã được đưa thử nghiệm, bao gồm cả việc đưa vào dạ con những thứ như lông, xơ hỗn hợp với mật ong, đấm, mổ, cũng như việc dùng các thuốc chế biến từ thực vật, động vật để dùng cho phụ nữ uống chống thai. Ngày nay, y học và kỹ thuật hiện đại đã sản xuất ra hàng loạt dụng cụ hiện đại, tiện lợi phục vụ cho việc hạn chế sinh đẻ.

Hai là, tăng cường sản xuất thức ăn mà không dùng đến đất canh tác. Kỹ thuật trồng một số loại cây trong dung dịch nước từ những chất khoáng dinh dưỡng đã thu được kết quả tốt. Môi trường nước có thể được sử dụng nhiều lần với sự bổ sung định kỳ các chất dinh dưỡng cần thiết. Năng suất cây trồng trong dung dịch nước cao hơn so với trồng trên đất canh tác bình thường từ 6 đến 8 lần. Người ta đã cung cấp rau xanh từ môi trường nước cho những người khai thác quặng mangan ở giữa rừng A-ma-dôn. Tuy nhiên để có thể sử dụng môi trường nước, cần phải có kính phi lớn để mua sắm thiết bị, dụng cụ, bơm, chất khoáng dinh dưỡng và có biện pháp chống những vật gây hại mới là vi khuẩn và nấm mốc. Hiện nay ở Mỹ có trên 100 trạm sản xuất rau màu trong môi trường nước.

Ba là, sản xuất rêu, tảo theo số lượng công nghiệp. Chỗ dựa cuối cùng của con người là đại dương bao la vì, từ đó, người ta hy vọng khai thác được nhiều thức ăn hơn ở lục địa đang ngày càng xơ xác. Để nhận được 1 kg cá trong nước, cần có gần 100 000 kg tảo, rêu. Nếu con người cắt ngắn những mắt xích dẫn đến nguồn dinh dưỡng của mình, sử dụng trực tiếp rêu, tảo thì đây là nguồn dự trữ thức ăn cho những vùng dân cư đang thiếu ăn.

Chế biến tảo đã được phát triển ở Mỹ, Anh, Đức. Về nề du ề là, Nhật, Liên-xô. Tảo clo ren là giàu prô-tê-in, mỡ, vi-ta-min và chứa tất cả các loại a-xít không thay thế.

Bốn là, tổng hợp các sản phẩm dinh dưỡng bằng con đường công nghiệp. Hiện nay người ta đã tiến hành tổng hợp trong phòng thí nghiệm các loại đường, mỡ, a-xít a-min, vi-ta-min, muối khoáng và thường dùng để chế biến thức ăn kiêng cho người bệnh. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, do thiếu mỡ, người Đức đã thủy phân than đá

và tổng hợp 2000 tấn mỡ hàng năm. Người ta có hy vọng là một số vi-ta-min và a-xít a-min sẽ được sản xuất theo con đường tổng hợp nhân tạo.

Năm là, sản xuất «thịt» từ các loại nấm men giàu đạm. Trên những môi trường hữu cơ như than đá, dầu, phế phẩm của công nghiệp làm đồ hộp, cám, rơm, bã của nguyên liệu làm đường, chất lỏng đen còn lại của ngành sản xuất giấy, người ta nuôi cấy nấm men và sản xuất ra được khối lượng đạm khá lớn có giá trị sinh học cao tương đương với đạm động vật. Nấm men chuyển hóa hy-đrat cac-bon thành prô-têin với hệ số 55% trong khi hệ số này ở động vật biến động từ 1 đến 20%. Thức ăn nấm men hiện đã được sản xuất nhiều ở các nước châu Phi, Áo, Mỹ v.v. Một nhà máy sản xuất nấm men ở Đài-loan đã được xây dựng và có công suất 73 000 tấn/năm.

Sáu là, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp. Đây không phải là việc đơn giản mà cần phải tốn rất nhiều công sức và vốn đầu tư.

Hiện nay hầu hết các vùng đất phi nhiều đã được loài người khai thác sử dụng vào mục đích nông nghiệp; bây giờ phải bắt đầu tiến công vào những vùng đất khó hơn. Theo kinh nghiệm của các nước thì so với trước đây, chi phí cho việc khai hoang 1 ha đất đã tăng 20 - 25 lần.

Bảy là, đấu tranh chống những vật gây hại trong nông nghiệp. Chuột, côn trùng và nấm hàng năm hủy diệt 40 triệu tấn lương thực trên toàn thế giới. Năm 1943, có một loại nấm tiêu hủy gần 10% hoa màu ở một số vùng của Ấn-độ đã gây nên nạn đói khủng khiếp ở nước này. Số lương thực ở Ấn-độ bị chuột phá hủy có thể chất đầy các toa tàu dài 5000km. Ở Ấn-độ, chuột có tỷ lệ so với người là 10:1, cho nên 30% hoa màu bị chúng chiếm làm thức ăn. Năm 1962, chuột tiêu hủy nặng nề những sản phẩm nông nghiệp

của Việt-nam; hằng năm nước Mỹ mất đi 5 tỷ đô la do còn trùng phá hoại mùa màng.

Tám là, tạo ra những giống thực vật và động vật có năng suất cao. Những thành tựu to lớn về tạo giống và di truyền học trong nông nghiệp trong vòng 10 — 15 năm gần đây đã lấp được phần nào những vực thẳm thiếu lương thực của thế giới. Người ta đã tạo ra được các giống lúa mì có năng suất cao gấp 7,5 lần, những giống ngô có năng suất cao gấp 3 lần, các giống đỗ có năng suất cao gấp 4 lần và khoai tây có năng suất cao gấp 5 lần so với giống cũ v.v. Các nhà khoa học còn chú ý đến việc nâng cao hàm lượng các chất dinh dưỡng của cây trồng như tăng tỷ lệ đạm trong các loại hạt ngũ cốc, các cây họ đỗ, tạo nên giống ngô chứa hàm lượng li-jin và tryptophan cao. Nhiều nhà ngân hàng về giống cây nông nghiệp đã được tổ chức ở Mê-hi-cô, Phi-líp-pin và một số nước khác để cung cấp các giống cây trồng tốt cho những vùng khác nhau trên thế giới; góp phần nâng cao sản lượng lương thực của nhân loại.

Chương trình tạo nên các giống gia súc cao sản cũng được sự quan tâm đặc biệt của các nhà khoa học.

Chín là, thành lập các trại nuôi động vật hoang dại. Người ta đã phát hiện ra rằng các loài động vật hoang dại không những có chất lượng thịt ngon, mà còn có một số ưu thế so với gia súc. Động vật hoang dại sử dụng các loại thực vật phong phú hơn và có hiệu quả hơn so với gia súc, thích nghi tốt hơn ở những vùng khô hạn và chống được nhiều bệnh tật mà gia súc thường mắc.

Mười là, cần có sự bổ sung, điều hòa lương thực, thực phẩm từ các nước phát triển. Điều này chỉ là sáng kiến của các nhà sinh vật học, còn việc thực hiện thì quá khó khăn.

Điêm qua 10 biện pháp chủ yếu để khắc phục tình trạng khó khăn do sự phát triển bùng nổ về dân số gây ra, chúng ta thấy chúng gắn liền với trình độ kỹ thuật và tiềm năng vật chất của mỗi nước và chính vì vậy chúng còn cách xa khả năng thực tế của nước ta. Duy chỉ có biện pháp thứ nhất là có thể sử dụng được dễ dàng hơn ở nước ta cũng như các nước muốn điều chỉnh sự tăng dân số. Tuy rằng đến nay gần 180 nước đã tiến hành vận động sinh đẻ có kế hoạch và trên 50 nước đưa vấn đề này thành quốc sách nhưng kết quả hoàn toàn tùy thuộc vào chủ trương, chính sách, biện pháp của mỗi nước. Những nước có biện pháp mạnh mẽ như nước Nhật thì chỉ cần 10 năm (1948 — 1958) là đạt chỉ tiêu một phụ nữ đẻ 2 con. Trung-quốc sau 17 năm, Xin-ga-po và Hương-cảng sau 15 năm thực hiện hạn chế sinh đẻ thì phụ nữ chỉ còn đẻ 2 con và 1,8 con. Việt-nam đã thực hiện hạn chế sinh đẻ trong 20 năm mà đến nay một phụ nữ mới giảm mức sinh đẻ từ 6 xuống còn 5 con. Dù rằng hoàn cảnh chiến tranh đã có ảnh hưởng lớn đến cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở nước ta, nhưng nếu kiểm điêm nghiêm khắc thì phải thừa nhận rằng chúng ta còn quá xem nhẹ công tác này và chưa có biện pháp thực hiện tốt.

Theo kinh nghiệm của nhiều nước, nhằm đạt mục đích hoặc là tăng nhanh dân số, hoặc là giảm nhanh dân số, người ta đều phải coi trọng cả khuyến khích bằng lợi ích vật chất và tuyên truyền vận động. Ở giai đoạn đầu, công tác tuyên truyền vận động là quan trọng, còn khi đã đi vào nền nếp thì chế độ thưởng phạt nghiêm minh sẽ điều hành và duy trì phong trào.

Nhà nước có đủ lý do và cơ sở pháp lý để đề ra những biện pháp thưởng phạt cao hơn, nghiêm minh hơn đối với mọi tầng lớp nhân dân

nhằm làm cho cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đạt kết quả mong muốn. (Ví dụ, theo ý kiến tôi, có thể thu giấy phép đăng ký kinh doanh và phạt tiền đối với những người buôn bán, làm nghề tự do khi họ đẻ thêm con thứ 3; định mức phạt lương những cán bộ công nhân viên chức đẻ thêm con thứ 3, định mức thuế cho những người nông dân đẻ thêm con thứ 3 v.v.). Con thứ 3 hiện nay là một tai họa cho tương lai của dân tộc dù nó là trai hay gái, bởi vậy không cần thiết phải có một điều kiện phụ nào đối với những người chỉ đẻ toàn con trai hoặc toàn con gái. Ngoài ra, Đảng và các đoàn thể cũng phải có biện pháp xử lý kèm theo công tác tuyên truyền, vận động để giúp chính quyền thực hiện công tác sinh đẻ có kế hoạch. Vì tương lai của dân tộc, thiết tưởng Hiến pháp và Luật hôn nhân và gia đình cũng nên quy định lại tuổi kết hôn để hạn chế việc phụ nữ đẻ con trước 23 tuổi.

Một hệ thống tổ chức có hiệu lực cao phụ trách công tác sinh đẻ có kế hoạch cần được nhanh chóng thành lập để soạn thảo và trình Nhà nước xét ban hành những chủ trương, biện pháp, chính sách, chế độ thưởng phạt về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch và chỉ đạo việc thực hiện. Thật là sai lầm, nếu chúng ta do dự trước ý kiến của một bộ phận quần chúng cho rằng một số chính sách hạn chế tăng dân số của Nhà nước là « vô nhân đạo »;

cũng thật là sai lầm nếu quan niệm rằng sinh con nhiều hay ít là quyền tự do theo ý muốn riêng của mỗi người; và càng rất sai lầm nếu chúng ta chờ đợi kết quả của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chỉ bằng sự giác ngộ của con người qua tác động đơn thuần của công tác tuyên truyền và một vài biện pháp giản đơn, qua loa nào đó.

Nhiệm vụ chăm lo và giữ gìn cho cuộc sống ấm no của nhân dân ở những năm 2000, 2050, 2100 quả là rất nặng nề, phức tạp. Sự tồn tại của những biến đổi có tác động qua lại đặc biệt giữa DÂN SỐ — MÔI TRƯỜNG — KINH TẾ luôn luôn sẵn sàng mang đến những kết quả bất ngờ cho con người. Khi dân số gia tăng quá nhanh thì dù có những biện pháp hiện đại để canh tác đất đai, phát triển nông nghiệp, dù có lồng hợp được thức ăn, nuôi tảo và nấm men, dù đấu tranh có hiệu quả với những động vật gây hại và tạo được nhiều giống cây trồng, gia súc cao sản thì con người vẫn không thể tránh được những hậu quả của quy luật sinh thái cơ bản.

Cần biết và chấp nhận một sự thật là thế giới mà con người chiếm lĩnh chỉ có hạn và vũ trụ không phải là một vị cứu tinh vạn năng, do đó phải có ý thức bảo vệ tất cả tài nguyên của mình và phải kiềm chế những ham muốn riêng, ngăn chặn những xu thế bất lợi cho sự tồn tại lâu dài của loài người.

HIỆN THỰC CHIẾN TRANH VÀ SÁNG TẠO VĂN HỌC

ĐINH-XUÂN-DŨNG



INH nghiệm của quá trình phản ánh chiến tranh trong lịch sử văn học đã chỉ ra rằng, khuynh hướng tư tưởng và thẩm mỹ của những tác phẩm viết về chiến tranh phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, nhưng chủ yếu là vào bản chất và đặc điểm của cuộc chiến tranh được phản ánh và quan tâm, thái độ của nhà văn đối với cuộc chiến tranh đó. Bản thân tính chất xã hội đặc biệt của hiện tượng chiến tranh và sự khác nhau, sự đối lập thường thấy trong những quan điểm của các nhà văn đối với hiện tượng này đã gây ra tính phức tạp của các khuynh hướng và của nội dung phản ánh trong văn học.

Trong tác phẩm nổi tiếng *Chiến tranh và cách mạng*, L. nín cũng đã viết: phân tích chiến tranh theo quan điểm mác xít là nhằm khẳng định « vấn đề cơ bản về tính chất giai cấp của chiến tranh, về những nguyên nhân gây ra chiến tranh, về những giai cấp tiến hành cuộc chiến tranh đó, về những điều kiện lịch sử và lịch sử — kinh tế đã gây ra cuộc chiến tranh đó » (1). Theo sự phân tích đó, chiến tranh được chia thành hai loại chính: chiến

tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. L. nín cũng đã chỉ ra rằng, nếu không xuất phát từ những vấn đề cơ bản trên đây, tất cả những nhận định, đánh giá về chiến tranh « sẽ chỉ là những câu hoàn toàn trống rỗng, những cuộc cãi vã vô ích » và cũng có nghĩa là « chúng ta còn tự trước của mình khả năng hiểu biết bất cứ vấn đề gì của cuộc chiến tranh hiện tại » (2). Có những nhà văn đã từng lẫn lộn nhiều năm trong chiến tranh, đã có những thành công đáng kể trong việc phân ánh chiến tranh, nhưng chỉ cần lơ lửng đôi chút những quan điểm cơ bản trên đây là có thể phạm phải lệch lạc trong sáng tạo nghệ thuật phản ánh chiến tranh.

Chiến tranh giải phóng dân tộc Việt-nam kéo dài ba mươi năm. Trong thời gian đó đã ra đời và phát triển một nền văn học « xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay ». Văn học ta đã nêu bật lên giá trị lịch sử to lớn và nội dung nhân đạo sâu sắc

(1) V. J. Lê-nin : *Những bài viết về nói về quân sự*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà-nội. 1976, tập III, tr. 13—14.

(2) V. J. Lê-nin : *Sách đã dẫn*, tr. 21.

của chiến tranh cách mạng Việt-nam. Đề tài «*con người và chiến tranh*» gần bó hữu cơ với đề tài «*con người và cách mạng*», «*con người và sự giải phóng*». Văn học ta đã lên án mạnh mẽ tinh thần vô nhân đạo của những cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời khẳng định lý tưởng giải phóng dân tộc và giải phóng con người, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Hiện thực của một cuộc chiến tranh bao gồm không chỉ những diễn biến cụ thể, hết sức phức tạp, đa dạng trong tiếng gầm rú của bom đạn, vũ khí, ở những chiến trường, chiến dịch... nghĩa là tất cả những gì ta nhìn thấy, mà còn bao gồm cả những âm hưởng, nhịp điệu tinh thần của con người và của cuộc sống trong chiến tranh, nghĩa là những gì ta cảm thấy, nghe thấy. Cả hai mặt ấy đều được đẩy tới mức căng thẳng nhất, tới đỉnh điểm. Những tác phẩm lớn viết về chiến tranh thường chứa đựng đồng thời cả hai mặt như vậy. Song viết về chiến tranh ngay trong khối lửa chiến tranh thường có những hạn chế nhất định. Nếu như văn học ta ba mươi năm qua chưa miêu tả được thật đúng độ, thật đầy đủ hiện thực chiến tranh vĩ đại của nhân dân ta thì điều đó cũng không có gì lạ. Mặc dù vậy, nó cũng đã có một sự cảm thụ nhạy bén, sâu sắc với không khí thời đại và tinh thần con người. Nó đã phản ánh được sự hào hùng, sôi động, náo nức, niềm lạc quan của nhân dân ta, của dân tộc ta đang đi tới chiến thắng. Một dẫn chứng nhỏ mà rất tiêu biểu: khi Tố-Hữu viết

«*Và ở đâu? Trên trái đất này*

Người vẫn ngọt ngào qua muôn
nỗi đắng cay

Sống chết từng giây, mưa bom bão
đạn

Lòng nóng hồng cảm thù vẫn mát
tươi tình bạn».

Thì đầu phải là sự dễ dãi trong việc

miêu tả chiến tranh, mà đó là sự cảm thụ, nắm bắt được vẻ đẹp độc đáo và nhịp điệu tinh thần của con người chúng ta trong những năm tháng ấy.

Giá trị của một giai đoạn văn học bao giờ cũng gắn liền với yêu cầu lịch sử của giai đoạn ấy. Vì vậy, ngay cả khi, với một thái độ khách quan, nghiêm túc, chỉ ra những mặt non yếu, nhược điểm, khuyết điểm của văn học ta trong những năm chiến tranh, chúng ta cũng vẫn khẳng định mạnh mẽ rằng, *văn học ta đã đáp ứng được những nhu cầu cơ bản, thiết tha và cấp bách của nhân dân ta đang chiến đấu*: văn học ta mấy chục năm qua luôn ngời sáng lý tưởng và niềm tin của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng, một quy luật có tác dụng chi phối toàn bộ hiện thực chiến tranh là sự huy động đến mức cao nhất cho chiến thắng, «*Tất cả cho chiến thắng*». Văn học ta trong chiến tranh, bằng việc nuôi dưỡng những lý tưởng cao quý và chứng minh những giá trị thật sự của con người đang chiến đấu, đã góp phần nâng lên nhiều lần sức mạnh tinh thần của con người Việt-nam. *Sức mạnh cổ vũ* của người tự giác tham gia chiến đấu, thôi thúc con người vượt qua những thử thách khốc liệt nhất để đi tới những chiến công anh hùng là một đặc tính hàng đầu và mang dấu ấn lịch sử của văn học ta trong chiến tranh.

Sức mạnh cổ vũ ấy không phải là một yêu cầu chính trị nằm ngoài bản thân nghệ thuật không phải là những thuyết lý trừu tượng và nghèo nàn, mà nằm ngay trong bản thân những hình tượng nghệ thuật được miêu tả. Nhà văn phải xử lý một quy luật đặc biệt của quá trình sáng tạo văn học viết về chiến tranh trong chiến tranh. Phản ánh chân thật hiện thực chiến tranh nhưng sự phản ánh ấy phải có được tác dụng trực tiếp cổ vũ, động viên mọi người tiến lên giành thắng

lợi. Trước một hiện thực chiến tranh cực kỳ đa dạng đang vận động trong tất cả sự gay gắt và phức tạp của nó, vì mục đích cao nhất « Tất cả cho chiến thắng », nhờ hiểu biết sâu sắc những con người đang chiến đấu, nhiều nhà văn đã biết lựa chọn để phản ánh những mặt bản chất nhất, *khuyh hướng chủ đạo*: con người chiến thắng những hoàn cảnh khốc liệt, đầy thử thách đề đạt tới đỉnh cao của những phẩm chất anh hùng. Lời «kêu gọi» — nếu có thể nói như thế — chủ yếu là tự nó thoát ra từ những tình tiết và kết cấu của tác phẩm.

Đặc tính cổ vũ trên đây của văn học ta viết về chiến tranh trong chiến tranh đã chi phối sâu sắc nhiều mặt của việc phản ánh hiện thực chiến tranh. Nhằm mục đích cao nhất phục vụ kịp thời, trực tiếp cuộc chiến đấu, trong nhiều tác phẩm, nội dung phản ánh và diễn biến thực tế hình như kế tiếp nhau, không có khoảng cách thời gian. Là người trong cuộc, các nhà văn của chúng ta đã rất nhạy cảm và tự thấy *việc xác định cái cần và cái nên phản ánh như là một nhu cầu của bản thân nghệ thuật*. Vấn đề sự thật của chiến tranh được lý giải trong quan hệ với việc khám phá, khẳng định sức mạnh, thế giới tinh thần, khát vọng và chiến công của những người đang chiến đấu. «Viết về chiến tranh thật là khó (...) Người ta viết về nó như vẽ một sự điều binh, như một cuộc khai hoàn chiến thắng, như một cái gì nhẹ nhàng, và như vậy là một sự lừa dối. Người ta lại chỉ viết về những ngày và đêm nặng nề, những chiến hào lầy lội và băng tuyết lạnh giá, chỉ viết về cái chết và máu, và như vậy cũng là dối trá. Mặc dù tất cả những cái đó đều có, nhưng nếu người ta chỉ viết về chúng, người ta đã quên đi thế giới bên trong của những người đang chiến đấu trong cuộc chiến tranh đó, quên đi trái tim dũng cảm của người lính trong giờ

phút say sưa chiến trận đã không nghĩ đến máu, đến cái chết và sự giá lạnh, mà chỉ nghĩ đến chiến thắng đang đứng trước họ» (3). Đúng như thế. Chúng ta đã không lừa dối ai cả. Chúng ta đã cố gắng, trong những điều kiện cụ thể, phản ánh chiến tranh giải phóng và cách mạng của chúng ta trong tình đa dạng, nhiều chiều, phức tạp của nó, khám phá những mặt bản chất nhất của nó — sự « bùng nổ » của những tình cách lớn, cao cả, sức mạnh vĩ đại của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta.



Đối tượng phản ánh vẫn là chiến tranh, là quan hệ giữa con người với chiến tranh, nhưng khi chiến tranh đã kết thúc, thì việc phản ánh chiến tranh có những đặc điểm mới, những quy luật tư tưởng và thẩm mỹ mới, bởi vì lúc này đã hình thành một *khoảng cách thời gian* giữa văn học, nhà văn và đối tượng của họ, lúc này yêu cầu của công chúng bạn đọc cũng đã đổi mới.

Quy luật về sự đổi mới, về nhu cầu luôn luôn khám phá và sáng tạo là quy luật tồn tại của một nền văn học đang phát triển. Sự đổi mới của văn học ta trong việc phản ánh chiến tranh nói ở đây là sự phát triển lên một *trình độ mới* về mặt tư tưởng và thẩm mỹ, chứ tuyệt nhiên không phải là một sự *ngoặt rẽ* theo một chiều hướng khác. Mọi biểu hiện của sự phủ định siêu hình đều trái với quy luật phát triển thống nhất, ngày càng giàu có của văn học xã hội chủ nghĩa. Nhưng nếu không nắm bắt được nhu cầu của sự đổi mới, đặc biệt khi viết về chiến tranh — nhu cầu này nảy sinh trong điều kiện lịch sử mới, trên cơ sở đã hình thành một *khoảng cách thời gian* giữa sự phản ánh và đối

(3) K. M. Xi-mô-nốp: *Về đề tài văn học*. — những bài viết 1937—1955, bản tiếng Nga. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 40.

tượng của nó, do sự giàu có hơn những tri thức, những kinh nghiệm sống và kinh nghiệm nghệ thuật của các nhà văn, do tác động bởi những đòi hỏi mới của con người hiện tại — sẽ không tránh khỏi lúng túng khi định hướng cho sự phát triển văn học.

Trong những tác phẩm viết về chiến tranh sau chiến tranh, khát vọng muốn tham gia giải quyết những vấn đề mới đang đặt ra cho *ngày hôm nay* trở thành một quy luật chi phối mạnh mẽ quá trình xử lý đề tài chiến tranh. Viết về chiến tranh sau chiến tranh là dễ, trên cơ sở nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về chiến tranh đã qua, gặp gỡ hiện tại, góp phần lý giải những vấn đề mới của hiện tại.

Hiện tại của chúng ta là gì? Chúng ta đang quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. « Đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời, phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn » (4). Trong điều kiện như vậy, viết về chiến tranh, phản ánh trung thực những cuộc kháng chiến anh dũng đã qua của nhân dân ta phải nhằm yêu cầu bồi dưỡng cho con người mới xã hội chủ nghĩa hôm nay chủ nghĩa anh hùng cách mạng để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Việc tìm ra những bài học lớn, đặc biệt là bài học vì sao chúng ta đứng vững, anh hùng đến thế, có một ý thức trách nhiệm cao cả đến thế đối với mọi mặt của cuộc sống và có một sức mạnh kỳ diệu đến thế trong những năm tháng chiến tranh, là hết sức quý báu, có ý nghĩa to lớn. Khám phá, hiểu biết ngày càng sâu sắc hơn về bản chất của chiến tranh, về tầm vóc lịch sử của những chiến thắng

ngày hôm qua, từ đó hun đúc cho con người một ý chí sắt đá, khi cần thiết, sẵn sàng quên mình vì sự nghiệp bảo vệ hòa bình, bảo vệ thành quả cách mạng — đó là một mục tiêu của việc phân ánh chiến tranh hiện nay.

Trình độ mới của sự phân ánh chiến tranh sau chiến tranh thể hiện chủ yếu ở năng lực khái quát, tổng hợp hiện thực chiến tranh trong một quan hệ biện chứng giữa chiều rộng và chiều sâu của sự phân ánh để có được những tác phẩm xứng đáng với tầm vóc những chiến công của dân tộc và của thời đại. Nhiều người trong các thế hệ khác nhau của đội ngũ nhà văn ta đang áp ủ những dự định như thế. Sự phát triển đa dạng những phương thức tổng hợp, việc sử dụng có hiệu quả tiềm năng của các thể loại văn học đã trở thành một đặc điểm của việc phân ánh chiến tranh sau chiến tranh. Phương thức tổng hợp bằng thể loại sử thi, những tiểu thuyết « toàn cảnh » là một dấu hiệu nổi bật, có giá trị lớn khi nhà văn muốn chiếm lĩnh những mảng hiện thực và hệ thống những biến cố khác nhau của chiến tranh. Phương thức này có khả năng chứa đựng một dung lượng hiện thực lớn, nhiều tầng lớp xã hội và số phận khác nhau của con người, những dòng thác lớn của lịch sử và cả những tia nước nhỏ li ti của chính dòng thác đó, những âm hưởng và nhịp điệu khác nhau của chiến tranh. Thành tựu của văn học Xô viết trong việc phát triển phương thức này là một kinh nghiệm đáng quý. Những tác phẩm như vậy thường góp phần xác định bộ mặt và độ lớn của một nền văn học. Mặt khác, sự khái quát, tổng hợp về chiến tranh không nhất thiết chỉ có một hướng đó. Tầm vóc của một nền văn học nhiều khi gắn liền với những tác phẩm văn xuôi vừa và ngắn trong đó

(4) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1982, tập I, tr. 42.

chỉ có một dung lượng nhỏ, một phạm vi hẹp của hiện thực chiến tranh, nhưng những ánh sáng trí tuệ, chiều sâu của sự phát hiện những vấn đề mới lại làm ngở ngàng nhiều người.

Sự tổng hợp hiện thực theo những phương thức trên thường gắn bó chặt chẽ với một vấn đề thời sự nổi lên như một đặc điểm mới, một quy luật mới của văn học hiện đại viết về chiến tranh. Đó là những vấn đề triết học, đạo đức được đặt ra, được phát hiện khi nhà văn xử lý chất liệu chiến tranh. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể khẳng định rằng, cuộc chiến đấu ba mươi năm của dân tộc ta mang một ý nghĩa lịch sử — thời đại sâu sắc. Từ trong tiến trình và sự chiến thắng của nó, một loạt những câu hỏi gay gắt nhất, nóng bỏng nhất của dân tộc và thời đại đã tìm được những lời giải đáp sáng rõ. Vậy mà, văn học ta còn quá ít những vấn đề như vậy. Phải chăng trong văn học viết về chiến tranh, chúng ta đã thiên về mặt *miêu tả* hơn là mặt *phân tích* và *bình giá* hiện thực? Vì thế nhiều hình tượng văn học, kể cả những thành công đã được xác nhận, chưa có sức lay động lớn về mặt trí tuệ, phương thức tác động về mặt tình cảm đòi khi cũng đơn điệu và dễ dãi. Để đáp ứng sự phát triển và nhu cầu trí tuệ của con người hiện tại, sự kết hợp giữa *miêu tả* — *phân tích*, *biểu hiện* — *bình giá* là một dấu hiệu mới của văn học viết về chiến tranh. Chiến tranh hiện ra trong những tác phẩm viết sau chiến tranh không phải là những kỷ niệm đẹp để chiêm ngưỡng, mà phải là những bài học triết học, đạo đức, luận lý sống động và đầy sức thuyết phục.

Sau chiến tranh, khả năng mở rộng việc phân tích những mặt rất khác nhau — kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội — của hiện thực chiến tranh và

điều kiện của việc đào sâu quá trình vận động phong phú và phức tạp của tâm lý con người do tác động của chiến tranh là cơ sở của bước phát triển mới của văn học viết về chiến tranh. Những dấu hiệu mới đó đang xuất hiện trong văn học ta những năm gần đây. Trong quá trình ấy, những *cấp phạm* *trữ* đặc biệt của hiện thực chiến tranh lại được tiếp tục miêu tả — phân tích ở một cấp độ nghệ thuật mới và sâu hơn: anh hùng và bi kịch, cái cao cả và cái thấp hèn, cái được và cái mất, cái giá trị và cái vô giá trị, đứng vững hay gục ngã, niềm vui chiến thắng và những đau thương, tàn phá... Trách nhiệm đối với dân tộc, đối với những người đã ngã xuống hôm qua và đối với thế hệ mai sau đòi hỏi nhà văn ta trong khi phản ánh chiến tranh không được rơi vào sự tô hồng dễ dãi, sơ lược, nghèo nàn, cũng không được rơi vào sự chuồng « lạ », xa rời yêu cầu về tính chân thật của sự phản ánh, chỉ khai thác những mặt bi thảm, đau thương, éo lè của chiến tranh và đời sống con người. Không ai có thể quy định một liều lượng hay một tỷ lệ số học cho việc miêu tả những mối tương quan trên, song nhất thiết phải khẳng định rằng, sự thật cơ bản của ba mươi năm chiến tranh chính nghĩa của dân tộc ta — lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc, chủ nghĩa anh hùng cách mạng sáng ngời, những phẩm chất thật sự của con người đã vượt qua tất cả những gian nguy, đau thương, chết chóc để giành lấy độc lập, tự do và cuộc sống mới — phải trở thành *chân lý nghệ thuật* chủ yếu của một nền văn học đã ra đời trong lòng cuộc chiến tranh ấy; nền văn học này giờ đây đang đảm đương trách nhiệm khám phá và tái tạo cuộc chiến đấu anh hùng ba mươi năm ấy cho cuộc sống hôm nay và mai sau.

XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG — CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN-BÀN

LÊ - VĂN - PHONG

ĐIỆN-BÀN là một huyện đồng bằng của tỉnh Quảng-nam — Đà-nẵng, đất ít, người đông, đi lên từ hoang tàn đổ nát sau hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ: 97 trong số 114 làng bị phá hủy nặng nề; 9000 trong số 32 000 hộ của toàn huyện có con em là liệt sĩ và thương binh. Sau ngày giải phóng cả huyện chỉ còn 3800 héc ta trong tổng số 12 500 héc ta ruộng đất còn cây cối được ít nhiều. Trâu bò bị giết hại gần hết (trâu chỉ còn 350 con, bò còn 1200 con). Cả huyện chỉ có 35 máy bơm loại nhỏ (10 CV), một lò gạch công suất 250 000 viên/năm. Các ngành nghề thủ công truyền thống đều bị mai một, trên mảnh đất nổi tiếng về tơ tằm, lụa, vải vóc trước đây, nay không còn một chiếc khung dệt nào!

Qua bảy năm (1976 — 1982) phân đấu gian khổ và bằng nhiều biện pháp tích cực, huyện Điện-bàn đã hàn gắn vết thương chiến tranh, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật gắn liền với cải tạo, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Dưới đây là một số vấn đề cơ bản mà huyện Điện-bàn đã tập trung sức giải quyết có kết quả.

1 — Tập trung làm lương thực.

Thi hành nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng: “tập trung cao độ sức lực của cả nước, của các ngành các cấp tạo ra bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực và thực phẩm...». Điện-bàn đã thực hiện hàng loạt biện pháp về khôi phục diện tích canh tác bị bỏ hoang trong chiến tranh, tăng vụ mở rộng diện tích gieo trồng và thâm canh tăng năng suất nhằm giải quyết cho được vấn đề lương thực trên địa bàn huyện.

Bảy năm qua là thời kỳ đảng bộ và nhân dân Điện-bàn ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, đắp mô hời và xương máu để giải phóng hàng nghìn héc ta ruộng đất hoang hóa còn đầy bom mìn, dây thép gai của Mỹ, nguy hiểm. Không trong các chiến dịch khai hoang, phục hóa này, đồng chí và đồng bào Điện-bàn đã có 120 người hy sinh, 270 người bị thương. Đến

nay, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị hoang hóa trong chiến tranh của huyện Điện-bàn đều đã được khôi phục và đưa vào sản xuất.

Mặc dù đã phục hồi được toàn bộ diện tích canh tác nhưng binh quân ruộng đất tinh theo đầu người rất thấp, chỉ có 850 mét vuông. Do đó việc tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng và thâm canh tăng năng suất cây trồng (nhất là thâm canh tăng năng suất lúa) là biện pháp quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc phấn đấu tự túc lương thực của cả huyện.

Điện-bàn đã tiếp thụ sớm chủ trương tăng thêm một vụ lúa xuân hè (1), đưa 80% diện tích của cả huyện trước đây chỉ cấy 2 vụ lúa lên cấy 3 vụ lúa trong một năm. Riêng với việc tăng thêm vụ lúa xuân hè, mỗi năm Điện-bàn đã thu thêm từ 17 000 đến 18 000 tấn thóc, bình quân mỗi người dân trong huyện một năm có thêm 100 ki lô gam thóc xuân hè. Làm 3 vụ lúa một năm trên cùng một diện tích là một vấn đề mới, làm sao vừa giữ được độ phì của ruộng đất, vừa bảo đảm được thời vụ, tránh được tình trạng « hai bát úp một » và có được sản lượng thóc cao nhất trên đơn vị diện tích? Điện-bàn đã giải đáp có kết quả các câu hỏi đó bằng việc tổ chức quản lý và điều hành hợp lý sức lao động trên địa bàn huyện, phát triển mạnh chăn nuôi cân đối với trồng trọt, và nhất là tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ thâm canh.

Thủy lợi là biện pháp hàng đầu. Từ năm 1976 đến nay Điện-bàn đã thực hiện tốt phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », phát động phong trào quần chúng liên tục tiến quân vào mặt trận thủy lợi. Năm 1976 huyện Điện-bàn đã hoàn thành xây dựng trạm bơm Vĩnh-diện (cổ lớn của tỉnh) và xây dựng một số trạm bơm khác, đến nay toàn huyện đã có 14 trạm bơm điện với 112 máy, mỗi máy có công suất 1000 m³/giờ, bảo đảm bơm

nước tưới, tiêu cho toàn bộ diện tích cấy lúa.

Điện-bàn cũng là huyện có phong trào tiếp thụ giống mới, từng bước đưa giống lúa mới có năng suất cao vào thay thế cho giống lúa cũ có năng suất thấp. Mỗi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đều có đội chuyên giống làm nhiệm vụ chăm lo bồi dưỡng, chọn lọc và xác lập bộ giống mới phù hợp với điều kiện đất đai và mùa vụ của từng hợp tác xã.

Đề có phân bón, Điện-bàn đã sớm phát động phong trào « nhà nhà trồng cây phân xanh » « nhà nhà nuôi lợn », kết quả đã đưa dân gia súc tăng lên khá nhanh: đàn lợn năm 1975 có 7500 con, năm 1982 tăng lên 10500 con (bình quân 4 lợn trên mỗi héc ta gieo trồng); đàn trâu tăng gần 7 lần (năm 1975 có 1200 con, năm 1982 tăng lên 10836 con). Chăn nuôi gia súc phát triển vừa đem lại nhiều sức kéo để làm đất, vừa cho nhiều phân bón ruộng. Đề khuyến khích gia đình xã viên phát triển mạnh chăn nuôi. Điện-bàn đã thực hiện chính sách đối phân lấy thóc, nông dân bán một tấn phân chuồng cho hợp tác xã được hợp tác xã đổi lại từ 30 đến 50 ki lô gam thóc, tùy theo loại phân. Chủ trương trên đây đã đem lại kết quả: đồng ruộng có thêm phân, người chăn nuôi có thêm thóc ăn, xã hội có thêm thực phẩm. Đề chủ động về giống, phần lớn hợp tác xã đã lập trại nuôi lợn giống tập thể làm nhiệm vụ cung cấp đầy đủ con giống cho xã viên, nhằm nhanh chóng cải tạo và phát triển đàn lợn.

Chính nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp thâm canh như đã nói ở trên, năng suất lúa của huyện Điện-bàn trong 3 năm liền (từ 1979 đến 1981) đạt bình quân 10 tấn thóc/héc ta cả năm, đến năm 1982 đạt 11,2 tấn/héc ta cả năm. Có một số hợp tác xã đạt năng suất lúa bình quân cả năm cao

(1) Cây trong tháng 4, thu hoạch vào đầu tháng 7 dương lịch.

hơn như Điện-thọ 3 đạt 17,5 tấn, Điện-quang 2: 16,2 tấn/héc ta... Rõ ràng nếu biết thâm canh thì việc trồng ba vụ lúa một năm trên cùng một diện tích không làm cho đất xấu đi mà vẫn bảo đảm tăng năng suất lúa.

Sự thay đổi nổi bật trên mặt trận sản xuất nông nghiệp ở huyện Điện-bàn trong 7 năm qua là: toàn bộ diện tích đất đai nông nghiệp đã được khai hoang phục hóa và đưa vào sản xuất; diện tích gieo trồng tăng lên gấp 3,7 lần (8200 héc ta năm 1975 tăng lên 30100 héc ta năm 1982) hệ số quay vòng ruộng đất từ 1,5 vòng (1976) tăng lên trên 3 vòng (1982), riêng diện tích gieo trồng cây lương thực tăng gấp 4,4 lần (6020 héc ta năm 1975 tăng lên 26450 héc ta năm 1982); tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng gần gấp 5 lần (15210 tấn năm 1975 lên 73000 tấn năm 1982), bình quân lương thực tính theo đầu người năm 1982 đạt 500 kg (năm 1975 chỉ có 100 kg). Từ một huyện sau ngày mới giải phóng Nhà nước phải cứu đói, đã nhanh chóng trở thành một huyện dẫn đầu về làm nghĩa vụ lương thực vượt mức kế hoạch Nhà nước giao. Trong 7 năm vừa qua, Điện-bàn đã đóng góp cho Nhà nước trên 60 700 tấn thóc. Đáng kể là diện tích canh tác của huyện chỉ bằng 10% tổng diện tích canh tác của toàn tỉnh (12 670/127 416 ha) nhưng Điện-bàn lại đóng góp được 25% tổng số lương thực Nhà nước huy động trong toàn tỉnh; nông dân đủ ăn và có phần lương thực dự trữ. Trên cơ sở giải quyết có kết quả vấn đề lương thực, Điện-bàn mới có điều kiện từng bước mở rộng và phát triển ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

II - Phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp từ cơ sở và trên địa bàn huyện.

Xuất phát từ đặc điểm của một huyện đất ít, người đông, nếu chỉ đơn thuần làm nông nghiệp thì Điện-bàn không thể thúc đẩy nhanh quá trình phân công mới lao động xã hội và khó có điều kiện cải thiện đời sống của nhân dân. Do đó, Điện-bàn đã sớm có ý thức kết hợp phát triển nông - công nghiệp ngay từ cơ sở và trên địa bàn huyện. Điện-bàn chủ trương huy động nhân dân chung vốn và công sức xây dựng những cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp dưới các hình thức quốc doanh, hợp tác xã, tổ sản xuất và cá thể; hoặc liên doanh giữa quốc doanh và tập thể, giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa hợp tác xã và tổ sản xuất... Toàn huyện đã có 96 cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đã hình thành 7 nhóm sản xuất thuộc 7 ngành công nghiệp (cơ khí, vật liệu xây dựng, dệt da may nhuộm, chế biến lương thực và thực phẩm, khai thác và chế biến gỗ, giấy, hóa chất) được phân bố từ thị trấn đến các xã ấp. Riêng 80 đội ngành nghề trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã tạo được 46% tổng giá trị sản phẩm công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp toàn huyện.

Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp của Điện-bàn hằng năm đã cung cấp cho nhân dân trong huyện một số tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu mà trước đây phải mua ở ngoài huyện. Riêng trong năm 1981 đã cung cấp cho nhân dân trong huyện 35 triệu viên gạch nung, 7,5 triệu viên ngói, 45 000 công cụ cầm tay, 200 tấn đồ dùng gia đình bằng đồng và bằng nhôm, 220 tấn giấy, 3 500 tấn vôi bón ruộng, 2000 m³ gỗ tròn, 350 m³ gỗ đẽo mộc dân dụng, làm gia công cho Nhà nước 400 000 m² vải lụa tơ bông và gần 1 vạn mét vuông mảnh trúc và mặt mây xuất khẩu. Giá trị tổng sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp (tính theo giá cố định năm 1970) của Điện-bàn năm 1975 chỉ có

835 nghìn đồng, năm 1982 đạt 25 816 000 đồng, tăng gấp 30 lần, bình quân hằng năm tăng 62%.

Nhờ kết hợp nông - công nghiệp

ngay từ cơ sở, Điện-bàn đã nhanh chóng hình thành bước đầu cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện :

DIỄN GIẢI	1975	1982
Cơ cấu giá trị sản lượng nông - công nghiệp :		
a) Giá trị sản lượng nông nghiệp	96%	60%
b) Giá trị sản lượng tiểu, thủ công nghiệp	4%	40%
Cơ cấu lao động nông - công nghiệp :		
a) Lao động làm nông nghiệp	93,5%	53%
b) Lao động làm tiểu, thủ công nghiệp	1,5%	18,2%
Trong các hợp tác xã nông nghiệp :		
a) Lao động làm tiểu, thủ công nghiệp	0	15 - 20%
b) Thu nhập từ tiểu, thủ công nghiệp	0	30%

III - Gắn liền phát triển lực lượng sản xuất với cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Những năm đầu sau ngày giải phóng, quần chúng đang trên đà phấn khởi và tin tưởng, nhiều người dân Điện-bàn sau bao nhiều năm ly tán trở về quê hương đều có nguyện vọng được góp phần nhỏ bé của mình vào công cuộc xây dựng lại quê hương. Tranh thủ thời cơ thuận lợi đó, Điện-bàn đã huy động sức người, sức của của nhân dân trong huyện, ra sức khai hoang phục hóa, xây dựng thủy lợi, xây dựng hệ thống bảo vệ thực vật và thú y... Đồng thời, Điện-bàn còn đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản, và chỉ trong 7 năm (1976 - 1982) đã đầu tư 109 triệu đồng, trong đó phần vốn do Nhà nước bỏ ra là 10 triệu đồng, phần hợp tác xã và nhân dân bỏ ra là gần 100 triệu đồng để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Toàn huyện Điện-bàn đến cuối năm 1982 đã có 14 trạm bơm điện với 112 máy bơm mỗi máy có công suất 1000 m³/giờ và gần 10 ki lô mét mương, 36 hợp tác xã nông nghiệp tự trang bị 64 máy kéo loại 12 CV và

21 máy kéo lớn loại 52 CV trở lên, 106 785 mét vuông sân phơi, 3000 mét vuông nhà kho, 64 cơ sở xay xát thóc gạo, 69 cầu cống và 94 ki lô mét đường giao thông, 96 xí nghiệp công nghiệp và cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, 591 phòng học, 61 nhà trẻ, 36 nhà mẫu giáo, 15 nhà văn hóa xã, 15 bệnh xá xã, 1 bệnh viện huyện, 4 đội chiếu bóng, 36 đài truyền thanh cơ sở, 1 đài phát thanh sóng ngắn, 1 nhà bảo tàng huyện. (Ngoài ra, có 165 lò cőt và công sự phòng thủ ven biển được xây dựng kiên cố bằng công của của nhân dân đóng góp). Chính những cơ sở vật chất kỹ thuật đó đã góp phần đẩy nhanh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đưa cách mạng tư tưởng và văn hóa vào quảng đại quần chúng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Về xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, bước đầu Điện-bàn đã tổ chức tốt tổ đoàn kết sản xuất (tiền thân là tổ đoàn kết sản xuất thôn Bình-nhai, xã Điện-thọ); từ đó xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc cao (bỏ qua hình thức hợp tác xã bậc thấp hoặc tập đoàn sản xuất). Phát huy kết quả làm thử hai hợp tác xã ở xã Điện-thọ, tháng 10-1978

huyện cho xây dựng thêm 18 hợp tác xã và đến tháng 2-1979 Điện-bàn đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp trên địa bàn huyện với 35 hợp tác xã.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp, nghề cá và thương nghiệp cũng đã căn bản hoàn thành, thu hút 70% thợ thủ công, 80% ngư dân và 60% tiền thương vào con đường làm ăn tập thể từ hình thức thấp đến hình thức cao.

Quan hệ sản xuất mới được xác lập, ngày càng củng cố và phát triển trong nông nghiệp cũng như trong các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, ngư nghiệp và phân phối lưu thông, đã làm thay đổi căn bản tính chất xã hội ở nông thôn Điện-bàn. Sự gắn bó giữa khôi phục, phát triển lực lượng sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở Điện-bàn trong những năm qua đã có tác dụng thúc đẩy việc xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, huyện Điện-bàn còn những mặt yếu cần có biện pháp kịp thời khắc phục. Hiện nay huyện Điện-bàn còn ba xã ven biển (chiếm 20% diện tích canh tác và số dân trong toàn huyện) chưa phát huy được thế mạnh về lao động và đất đai. Điều đó có thể do nhiều nguyên nhân song một trong những nguyên nhân quan trọng là huyện chưa có biện pháp tích cực bảo đảm nhu cầu về lương thực cho nhân dân ba xã, đề họ tập trung trồng rau, quả cung cấp cho thành phố Đà-nẵng và xuất khẩu, phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày như thuốc lá, bông, thầu dầu, đào lộn

hột... nhằm phát huy ưu thế của đất đai, tạo ra nguồn nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Trong những năm qua huyện Điện-bàn có chủ ý khôi phục và phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm, song do chưa có chính sách khuyến khích thích đáng, nhất là chính sách cung cấp lương thực, điều tiết lợi nhuận giữa những người sản xuất ra-lơ lụa với những người trồng dâu nuôi tằm, cho nên tốc độ phát triển nghề tơ tằm nói chung là chậm, chưa cân xứng với khả năng hiện có của nhân dân trong huyện. Trong điều kiện bình quân ruộng đất thấp (850 mét vuông đất canh tác/người), việc phát triển-sản xuất mở rộng ngành nghề để giải quyết việc làm cho nhân dân trong huyện phải gắn liền với việc thực hiện biện pháp vừa hạ thấp mức tăng số dân vừa đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Trong những năm qua huyện Điện-bàn đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ nói trên song kết quả chưa được nhiều, chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Trong thời gian tới, Điện-bàn cần tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Tây-nguyên và các huyện miền tây của tỉnh; đặc biệt coi trọng việc hợp tác và liên kết kinh tế giữa huyện Điện-bàn với các huyện miền núi của tỉnh; nơi có tài nguyên phong phú, đất rộng người thưa, nhằm nhanh chóng tạo nguồn nguyên liệu để phát triển mạnh công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn huyện một cách chủ động, góp phần đẩy nhanh quá trình hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

PHÁT HIỆN TÀI NĂNG MỚI

TRÊN con đường cách mạng, Đảng ta đã phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đúng đắn, có hiệu quả biết bao tài năng. Đây là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công đến nay, thấm thoát đã 38 năm. Nhiều thế hệ kế tục nhau đưa cách mạng tiến lên. Một thế hệ chỉ hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình khi xây dựng được thế hệ kế tục xứng đáng. Nòng cốt của mỗi thế hệ là những tài năng đặt trên những cương vị chủ chốt trong công tác chung cũng như trong công tác thuộc các ngành, các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Trong ngành nào, nghề nào, đâu đâu cũng có những người có đức, có tài nổi hơn so với số đông đồng nghiệp, do được rèn luyện, bồi dưỡng, học tập công phu, do tích lũy được nhiều kinh nghiệm, do đã tỏ ra vững vàng khi kinh qua những thử thách, do có năng khiếu thích ứng với nghề nghiệp của mình... Phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng đúng đắn những người như vậy, là trách nhiệm chung của nhân dân và của Đảng, trước hết là trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo các cấp của Đảng và Nhà nước.

Trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, có không ít những điển hình đặc sắc về phát hiện nhân tài. Trần-Hưng-Dạo trên

đường hành quân gần làng Phù-ủng đã phát hiện ở chàng thanh niên đàn sọt Phạm-Ngũ-Lao những đức tính của một người tướng giỏi. Từ dư luận nhân dân và sĩ phu, Nguyễn-Huệ phát hiện và sử dụng được La-sơn phu tử Nguyễn-Thiếp và Ngô-Thi-Nhậm làm mưu sĩ giỏi cho mình trong sự nghiệp lớn. Không gặp được Trần-Hưng-Dạo và Nguyễn-Huệ, tài năng của ba nhân tài nói trên có thể bị mai một, không góp được phần công hiến quý giá vào sự nghiệp của dân tộc đánh thắng quân Nguyên và quân Thanh xâm lược.

Qua một số sự kiện lịch sử trên, ta thấy rõ đời nào cũng vậy, không thiếu « tài năng » thuộc cả lớp người đang độ thanh xuân sung sức lẫn lớp người tuổi cao, lịch lãm nhưng chưa có cơ hội, điều kiện cần thiết để phát huy đúng mức tài năng của mình. Vấn đề là làm sao phát hiện kịp thời, chính xác những tài năng đó.

Muốn làm được việc hệ trọng trên, người lãnh đạo và cơ quan tham mưu giúp việc trước hết phải có lòng nhiệt thành, tinh thần trách nhiệm cao với sự nghiệp cách mạng chung, phải công tâm và khách quan, không bị những thiên kiến, lòng tư vị hoặc đổ kỵ chi phối khi xét người. Mặt khác, để phân biệt sắc bén được chân với giả, để nhìn từ hiện tượng thấy được bản chất, từ mầm non thấy được triển vọng của cây, người làm công tác « chọn người » còn cần phải có đôi mắt tinh đời. Trong cùng một ngành, nghề, có tinh thông chức

nghiệp mới đánh giá được đúng đắn và chính xác tài năng và triển vọng của đồng nghiệp.

Trong ngành nghệ thuật sân khấu — điện ảnh, có không ít trường hợp sự phát hiện của một đạo diễn cũng là bước mở đầu cho sự nghiệp rạng rỡ của những nghệ sĩ ưu tú. Tại học đường và phòng thí nghiệm, nhiều nhà bác học đã phát hiện những học trò xứng đáng kế tục sự nghiệp khoa học của mình và sau đó có những « học trò » đã thu được những thành tựu rực rỡ trước đây còn là mơ ước của thầy. Trên chiến trường, công trường, không ít những chiến sĩ, sĩ quan, kỹ sư, kỹ thuật viên được phát hiện, sau đó được đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng thích đáng, đã nhanh chóng trở thành những nhà chỉ huy quân sự, những công trình sư xuất sắc. Một hợp tác xã nông nghiệp, một nhà máy, muốn làm ăn khấm khá, không chỉ cần có một chủ nhiệm, một giám đốc giỏi mà còn phải có một tập thể lãnh đạo giỏi, phải có đội ngũ những tổ trưởng, tổ phó sản xuất giỏi. Từ trên xuống dưới, có được những « khung » vững chắc đóng vai trò đầu tàu mới phát huy được tác dụng của tổ chức, khả năng của đồng đảo quần chúng.

Trong sự nghiệp cách mạng, những tài năng đã được khẳng định, nói chung đều được đưa lên những cương vị công tác quan trọng. Công hiến của họ cho lợi ích của nhân dân không nhỏ. Nhưng theo yêu cầu của cách mạng và theo quy luật sinh vật không cưỡng được về con người, chúng ta phải thường xuyên phát hiện rộng rãi lớp tài năng mới. Dừng lại trong việc phát hiện « tài năng » cũng có nghĩa là chặn lại bước tiến của xã hội theo thời gian, làm xộc xệch trình tự phát triển của guồng máy quốc gia. Dưới cây bút của Nguyễn-Trãi, « chiếu cầu hiền tài » (1) của Lê-Lợi mở đầu bằng câu: « Được thịnh trị tất ở việc cử hiền, được

hiền tài tất do sự tiến cử ». Lê-Lợi xem việc « tiến cử nhân tài » là việc trước tiên trong công cuộc xây dựng lại quốc gia sau khi chiến thắng hoàn toàn quân Minh, và đặt vấn đề đó ở mọi địa phương, ở mọi cấp.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng ta trình bày tại Đại hội V cũng nêu rõ: « Đảng phải dành nhiều công sức xây dựng đội ngũ, cán bộ của Đảng và Nhà nước, trước hết là cán bộ lãnh đạo, oàn bộ quản lý. Chất lượng cán bộ là điều kiện quyết định thắng lợi của công tác lãnh đạo ». Báo cáo còn chỉ ra rằng phải từ công tác kiểm tra mà « phát hiện nhanh những nhân tố mới ».

Phải qua thử lửa mới phân biệt được vàng thau, việc phát hiện tài năng mới cũng phải như vậy. Qua kiểm tra từ thực tiễn công tác, sản xuất và chiến đấu, từ các phong trào thi đua, từ những cuộc thi đề đạt các học vị và danh hiệu nhất định, lãnh đạo cùng đồng đảo quần chúng có thể phát hiện những tài năng mới.

Phát hiện tuy chỉ là bước mở đầu cho nhiều bước tiếp theo như huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng tài năng; nhưng đó là một bước có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Bối cảnh lịch sử mỗi thời mỗi khác, tính chất, nội dung và cả hình thức phát hiện tài năng cũng khác. Tuy nhiên, xưa và nay có sự trùng hợp về tầm quan trọng của vấn đề. Đây cũng là một truyền thống quý báu mà Đảng ta kế thừa của tổ tiên và nâng lên một tầm cao mới trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Tre già, măng mọc. Những lớp tre già cũng cụp lằm chỗ dựa cho những lớp tre ở độ « thanh xuân » vươn lên nối tiếp, tạo thành vòng đời tồn tại lâu dài và mạnh khỏe của khóm tre.

CHU-MỘNG

(1) Nguyễn-Trãi: *Tọa đàm*. NXB Khoa học xã hội, 1978, tr. 194.

BƯỚC LEO THANG NGUY HIỂM VỀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CỦA RI-GÂN: TỪ «THANH KIẾM VÀ LÁ CHẤN» ĐẾN «HAI THANH KIẾM»

NHUẬN - VŨ

Từ «thanh kiếm và lá chắn» chuyển sang «hai thanh kiếm», đây là hình tượng đang được giới chiến lược Mỹ trưng ra nhằm mô tả đặc điểm mới của chiến lược quân sự mà chính quyền Ri-gân đang theo đuổi.

Theo giới chiến lược Mỹ, từ ngay sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, tuy gọi bằng những tên khác nhau, nhưng chiến lược quân sự Mỹ vẫn mang nội dung cơ bản: «trả đũa ở ạt» bằng lực lượng hạt nhân chiến lược và «phản ứng linh hoạt» bằng lực lượng vũ khí thông thường dưới «ô hạt nhân».

Từ những năm cuối thập kỷ 40 đến cuối thập kỷ 50, do lúc đầu nắm được độc quyền, rồi sau đó vẫn duy trì được ưu thế về vũ khí hạt nhân, các chính quyền Tru-man và Ai-xen-bao chủ trương dùng vũ khí hạt nhân đe dọa «trả đũa ở ạt» nhằm buộc các nước khác phải chấp nhận «giải pháp Mỹ» trong các vấn đề tranh chấp quốc tế. Trong hai thập kỷ 60 và 70, khi sự cân bằng về vũ khí hạt nhân giữa Mỹ và Liên-xô ngày càng được xác lập, khi phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh trên thế giới, các chính quyền Oa-sinh-ton kế tiếp

nhau chủ trương tiến hành chiến tranh thông thường dưới «ô hạt nhân» ở các quy mô, phạm vi khác nhau, trước hết nhằm đàn áp, tiêu diệt các cuộc «nổi dậy», tức là chống lại phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc. Đây là thời kỳ đế quốc Mỹ vừa vung lên «thanh kiếm» (biểu tượng lực lượng vũ khí thông thường của Mỹ) để «ngăn chặn», vừa đưa ra chiếc «lá chắn» (biểu tượng lực lượng hạt nhân) nhằm đe dọa các dân tộc khác trên thế giới và «răn đe» Liên-xô.

Các chính quyền Oa-sinh-ton kế tiếp nhau đã không ngừng tăng cường sức mạnh quân sự dưới các dạng «thanh kiếm» hay «lá chắn» và cũng không ngừng «múa kiếm» và giương «lá chắn» để đe dọa các dân tộc. Tuy vậy, chúng đã bị vấp ngã sóng soài trên chiến trường Việt-nam. Thắng lợi của nhân dân Việt-nam bẻ cong «thanh kiếm» Mỹ, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của chúng, tạo thêm điều kiện thuận lợi để thế cân bằng vũ khí hạt nhân giữa Mỹ và Liên-xô được xác lập vững chắc, đẩy Oa-sinh-ton vào tình trạng bế tắc trầm trọng về chiến lược.

Bước sang thập kỷ 80, thay Ca-tô trên ghế tổng thống Mỹ, Ri-gân trước hết chỉ trích các chính quyền Mỹ trước đó «chậm chạp» và «thiếu sáng kiến» trong việc chế tạo và bố trí các vũ khí hạt nhân Mỹ cả tầm chiến lược lẫn tầm trung bình, đặc biệt là đã đặt lực lượng hạt nhân Mỹ vào thế «thụ động» trong vai trò «lá chắn». Theo Ri-gân, «răn đe» chỉ có hiệu quả khi Mỹ tỏ ra sẵn sàng sử dụng trước vũ khí «răn đe» cả trên lý luận lẫn thực tiễn.

Ri-gân đề ra chiến lược quân sự mới mang tên «đổi đầu trực tiếp» được xây dựng trên nền tảng một loạt «sáng kiến» chiến lược mà cốt lõi là thuyết «phía Mỹ sẵn sàng chủ động giáng đòn hạt nhân đầu tiên». Đây là điểm xuất phát của những bước chạy đua vũ trang mới mà chính quyền Ri-gân đang tiến hành, vừa là tiền đề, vừa là hệ quả của mục tiêu «giành ưu thế quân sự» về phía Mỹ. Với chính quyền Ri-gân, việc xây dựng khả năng «giáng đòn hạt nhân đầu tiên» là bước đi tất yếu của Mỹ hướng về mục tiêu «giành ưu thế quân sự». Mặt khác, việc đạt được mục tiêu này càng tạo cho phía Mỹ điều kiện thực hiện «giáng đòn hạt nhân đầu tiên».

Không phải đợi đến bây giờ, mà các chính quyền Oa-sinh-ton trước Ri-gân đều đã vạch sẵn những kế hoạch «giáng đòn hạt nhân đầu tiên» chống Liên-xô và trên thực tế, lực lượng hạt nhân chiến lược Mỹ luôn luôn được đặt trên tư thế sẵn sàng thực hiện những kế hoạch đó. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế cân bằng hạt nhân đã hình thành giữa Mỹ và Liên-xô, các chính quyền Oa-sinh-ton từ Ken-ne-đi đến Ca-tô đều không thể phủ nhận một hậu quả tất yếu: nếu Mỹ phát động chiến tranh hạt nhân chống Liên-xô thì trước hết đây là một cuộc tự sát hạt nhân đối với chính Mỹ. Vì thế, họ đã chọn biểu tượng chiếc «lá chắn» để gán cho

lực lượng hạt nhân Mỹ cái tính chất «phòng thủ» vừa nhằm lừa bịp dư luận Mỹ và thế giới, che đậy các âm mưu và kế hoạch gây chiến tranh hạt nhân của Mỹ, vừa xem chiếc «lá chắn» là công cụ «răn đe» phục vụ cho các hoạt động mặc cả, gây sức ép chính trị.

Dưới lăng kính chiến lược của Ri-gân, để vươn lên địa vị «sen đầm quốc tế», Mỹ không thể dễ kéo dài hiện trạng cân bằng hạt nhân giữa hai bên mà phải thi hành nhiều biện pháp nhằm phá vỡ sự cân bằng này. «Giành ưu thế quân sự—chiến lược» về phía Mỹ. Một biện pháp đang được Ri-gân nhấn mạnh là khẩn trương xúc tiến việc đổi mới bộ ba vũ khí hạt nhân chiến lược Mỹ (tên lửa vượt đại châu, máy bay ném bom chiến lược, tàu ngầm hạt nhân) mang tên lửa chiến lược, đổi mới hệ thống vũ khí hạt nhân tầm trung bình và điều chỉnh sự bố trí các loại vũ khí hạt nhân cả chiến lược lẫn tầm trung bình. Cụ thể hóa biện pháp này, chính quyền Ri-gân đang đẩy mạnh việc chế tạo các tên lửa vượt đại châu MX, máy bay ném bom chiến lược B1, tàu ngầm hạt nhân Tơ rai don 2, các tên lửa tầm trung bình Po sinh 2 và tên lửa có cánh Cru do, bom nơ tơ ron, đồng thời quyết định bố trí tập trung một khu vực loại tên lửa MX trên lãnh thổ Mỹ, triển khai 572 tên lửa tầm trung bình Po sinh 2 và Cru do tại châu Âu. Theo tính toán của Lầu năm góc, khi tên lửa tầm trung bình Mỹ được triển khai tại châu Âu, lực lượng hạt nhân Mỹ cả chiến lược lẫn tầm trung bình sẽ được tăng cường về số lượng lẫn chất lượng và theo cách bố trí này, việc «bảo vệ» các tên lửa MX chống lại đòn giáng trả hạt nhân của đối phương cũng như việc thực hiện cuộc tập kích hạt nhân phủ đầu sẽ có hiệu quả hơn. Đồng thời từ «sáng kiến phòng thủ mới» do Ri-gân công bố tháng 3-1983, Mỹ xúc tiến việc

nghiên cứu loại « vũ khí siêu đẳng », « vũ khí độc đáo », trong đó có vũ khí chùm hạt và tia la de có khả năng « bắn rơi bất kỳ tên lửa chiến lược nào ngay trên đường bay của chúng ». Giới chiến lược Mỹ đang buồn hoang rằng: Mỹ đang ra sức giành ưu thế quân sự bằng cách vô hiệu hóa đòn đánh trả của đối phương sau khi Mỹ tập kích phủ đầu bằng vũ khí hạt nhân. Như vậy, cái « sáng kiến phóng thủ mới » của Ri-gan nhằm chuẩn bị tiến hành chiến tranh từ các « tàu con thoi vũ trụ », từ các « trạm chiến đấu » đặt trong không gian ngoài khí quyển v.v. nằm gọn trong khuôn khổ kế hoạch chiến lược « giành ưu thế quân sự » và thuyết chiến tranh « Mỹ sẵn sàng chủ động giáng đòn hạt nhân đầu tiên ».

Tất cả những « sáng kiến chiến lược » của Ri-gan được đặt trên một nền tảng: vai trò « là chủ » của lực lượng hạt nhân Mỹ được chính quyền Ri-gan công khai chuyển thành vai trò « thanh kiếm » trên lý luận và thực tiễn. Trên con đường lao đến mục tiêu « giành ưu thế quân sự », Ri-gan chủ trương Mỹ phải mua « song kiếm » tức là chuẩn bị các phương tiện và điều kiện để tiến công trước vào các đối thủ, trước hết là Liên-xô bằng cả lực lượng thông thường lẫn lực lượng hạt nhân, đặc biệt là bằng lực lượng hạt nhân.

Chính quyền Ri-gan chuẩn bị chiến tranh chống Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngay ngưỡng cửa chiến tranh hạt nhân, chiếc « thanh kiếm hạt nhân » Mỹ được sự trợ lực của « thanh kiếm hạt nhân » của một số nước đồng minh của Mỹ đang từng giây, từng phút chìa thẳng vào Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa từ nhiều hướng, nhiều tầm và nhiều tầng: tầm xa từ lãnh thổ Mỹ và các đại dương, tầm trung bình từ lãnh thổ các nước thuộc khối NATO, từ các vùng biển Anh, Na-uy, Địa-trung-hải,

Vịnh Péc-xích v.v., tăng cao trong khí quyển dành cho các tên lửa đạn đạo và máy bay ném bom chiến lược và cả tăng cao ngoài khí quyển dành cho các vệ tinh quân sự, tàu « con thoi vũ trụ » v.v.

Theo giới chiến lược Mỹ, việc Ri-gan nhấn mạnh vai trò của lực lượng hạt nhân Mỹ không hề có nghĩa là Mỹ xem nhẹ vai trò của lực lượng vũ khí thông thường được gọi là « lực lượng sử dụng cho những mục đích tổng quát ». Từ quan điểm chiến lược « hai cuộc chiến tranh », Ri-gan tỏ ra vừa đặc biệt quan tâm đến một cuộc chiến tranh hạt nhân chống Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, vừa chú trọng đến việc Mỹ tiến hành một cuộc chiến tranh bằng vũ khí thông thường lớn tại một chiến trường khác ngoài châu Âu dưới « ô hạt nhân ».

Trước hết, trong một cuộc chiến tranh hạt nhân, lực lượng vũ khí thông thường cũng tham chiến với lực lượng hạt nhân như hình với bóng với nhiệm vụ đánh chiếm lãnh thổ của đối phương ngay sau khi các đòn hạt nhân được thực hiện. Trong một cuộc chiến tranh bằng vũ khí thông thường lớn tại một khu vực của trái đất, những lực lượng vũ khí thông thường được đưa ra sử dụng trên thực tế cũng hoạt động dưới « ô hạt nhân », vì một số phương tiện như tàu sân bay, máy bay ném bom chiến lược, máy bay cường kích v.v. cũng sử dụng bom hạt nhân và tên lửa mang đầu đạn hạt nhân. Trong khi đó, thuyết « chủ động giáng đòn hạt nhân đầu tiên » của Ri-gan không chỉ nhằm riêng vào Liên-xô mà cũng là mối đe dọa đối với các dân tộc khác trên thế giới.

Từ mối quan hệ chặt chẽ giữa hai loại hình, chiến tranh hạt nhân và chiến tranh thông thường, từ ý định sử dụng lực lượng thích ứng với từng đối tượng, hoàn cảnh, điều kiện cụ thể, trên con đường lao đến mục tiêu

« sen đầm quốc tế », chính quyền Ri-gân đang ra sức mài sắc cả « thanh kiếm thông thường » của chúng. Lâu năm góc đang xúc tiến việc đổi mới các thể hệ vũ khí chủ yếu của cả ba quân chủng lục quân, không quân và hải quân Mỹ. Lục quân Mỹ đang được trang bị các thể hệ mới về xe tăng, xe thiết giáp chở quân, máy bay lên thẳng chiến đấu, máy bay lên thẳng chở quân và tên lửa phòng không phóng từ mặt đất. Hải quân Mỹ đang hoàn thành việc xây dựng một hạm đội mới: hạm đội 5 Ấn-độ-dương để tạo khả năng tác chiến đồng thời trên mặt ba đại dương (Đại-tây-dương, Thái-bình-dương, Ấn-độ-dương) và ba vùng biển lớn (biển Ca-ra-íp, Địa-trung-hải và biển A-rập). Không quân Mỹ đang được trang bị các loại máy bay chiến đấu kiểu mới như F 15, F 16.

Để sử dụng mũi nhọn của những lực lượng thông thường Mỹ vừa chia thẳng vào Liên-xô, cộng đồng xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc, vừa phối hợp đặc lực nhanh chóng với lực lượng hạt nhân Mỹ, chính quyền Ri-gân đang ra sức « cải tiến và mở rộng hệ thống căn cứ quân sự Mỹ trên thế giới, hoàn chỉnh thể trận « ngăn chặn tiên tiêu » bằng cách áp sát hơn nữa từ nhiều mặt các đối tượng chiến tranh. Hiện nay, số quân Mỹ đóng tại 2500 căn cứ và công trình quân sự ở các nước ngoài lên đến 514 000 người. Đáng chú ý là chính quyền Ri-gân đang chú trọng mở rộng hơn nữa căn cứ Đì-ê-gô Gác-xi-a ở Ấn-độ-dương, xây dựng khá hoàn chỉnh một vành đai căn cứ tiên tiêu chạy từ Đông Bắc Á qua Đông Nam Á, qua Ấn-độ-dương đến vịnh Péc-xích, Trung Đông, Đông Phi và Xu-đăng, Ai-cập. Như vậy, lực lượng quân sự Mỹ vừa tìm cách áp sát hơn nữa Liên-xô từ phía Nam, vừa « giăng một chuỗi mắt xích hệ thống bàn đạp » để chuẩn bị sẵn sàng can thiệp, xâm lược, chống lại phong trào giải

phóng dân tộc và độc lập dân tộc tại những khu vực nói trên. Chính quyền Ri-gân cũng đang tăng cường lực lượng vũ trang và hoạt động các mặt của chúng tại vùng biển Ca-ra-íp, chia mũi nhọn vào những lực lượng cách mạng và tiến bộ tại khu vực Mỹ la tinh.

Đã là bàn đạp của lực lượng hạt nhân « tầm trung bình » Mỹ, các nước thuộc khối NATO còn là nơi thu hút cụm quân lớn nhất của Mỹ đóng tại nước ngoài với số quân lên đến trên 250 000 người. Đây là địa bàn xung yếu của Mỹ không chỉ trong chiến tranh hạt nhân mà cả trong chiến tranh thông thường, không chỉ nhằm chia mũi nhọn vào Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa mà còn nhằm tạo áp lực, tác động và can thiệp vào nền chính trị của các nước thuộc khối NATO.

Nằm trong khuôn khổ chính sách chạy đua vũ trang và chuẩn bị chiến tranh của đế quốc Mỹ và các thể lực phản động hiếu chiến, các thuyết « giăng dòn hạt nhân đầu tiên », « chiến tranh hạt nhân hạn chế », « hai cuộc chiến tranh », « hai thanh kiếm », chiến lược « đối đầu trực tiếp » cùng những chương trình cụ thể chế tạo vũ khí hạt nhân mới, triển khai, bố trí thể trận mới... là những bước leo thang mới cực kỳ nguy hiểm về chiến lược quân sự của chính quyền Ri-gân. Nguyên cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới — chiến tranh hạt nhân — tăng lên, hòa bình bị đe dọa nghiêm trọng.

Trên đường phiêu lưu tội ác, đế quốc Mỹ đang tìm cách kéo theo sau bộ máy chiến tranh hạt nhân của chúng lực lượng của những nước khác. Đó là các nước đồng minh liên kết với Mỹ bằng những hiệp ước liên minh quân sự đa phương hoặc song phương, là bọn đồ tể khát máu đang cầm quyền ở Nam Phi, I-xra-en, Chi-lê, là bọn phản động hành trưởng bá quyền Trung-quốc.

Các nước châu Âu thuộc khối NATO đang bị biến thành bệ phóng tên lửa tầm trung bình của Mỹ, thành bàn đạp tiến công của lực lượng vũ trang Mỹ các loại. Tại Viễn Đông, những hòn đảo Nhật-bản cũng được Mỹ xem là những « tàu sân bay không thể bị đánh chìm » tàng trữ vũ khí hạt nhân của Mỹ. Gần đây, Mỹ triển khai các máy bay chiến đấu mới F 16 mang vũ khí hạt nhân lên tận phần cực bắc của các hòn đảo Nhật-bản nhằm đe dọa trực tiếp cảng Vla-di-vô-xlôc của Liên-xô.

Bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh đang đề cho Mỹ đặt những trạm tinh báo điện tử tại một số nơi ở vùng biên giới Trung-quốc - Liên-xô, đặc biệt là tại Tân-cương. Giới chiến lược Mỹ xem cả lực lượng vũ khí thông thường lẫn lực lượng vũ khí hạt nhân của « NATO phương Đông » là lực lượng hỗ trợ quan trọng của Mỹ chia vào phần lãnh thổ Liên-xô thuộc châu Á trong khi bọn cuồng chiến Bắc-kinh đang tìm cách nói rộng hơn nữa tầm xa của các vũ khí hạt nhân chiến lược của chúng.

Để quốc Mỹ đang triệt để lợi dụng địa bàn và sức mạnh quân sự của những đồng minh của chúng và những thế lực phản động hiếu chiến khác trên thế giới, thúc đẩy bọn này tăng ngân sách quân sự, tăng cường độ và tốc độ chạy đua vũ trang và làm những con ngựa chớ chủ SAM rong ruổi trên đường phiêu lưu chiến tranh cả bằng vũ khí thông thường lẫn vũ khí hạt nhân.

Từ bối cảnh tình hình thế giới hiện nay nổi bật lên một hình tượng: đế quốc Mỹ kéo theo sau một lũ lâu la đang múa « song kiếm » đe dọa dim thế giới xuống vực thẳm chiến tranh hạt nhân dưới danh nghĩa một cuộc « thập tự chinh » mới chống chủ nghĩa cộng sản, chống Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chống phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân

tộc mà chúng cho là « thân cộng sản ». Đồng thời cũng nổi bật lên một hình tượng khác đối chọi lại: chim bồ câu hòa bình, biểu tượng của những lực lượng cách mạng và tiến bộ bảo vệ hòa bình trên thế giới mà Liên-xô là trụ cột, đang vươn sải cánh tỏa khắp năm châu, biểu dương ý chí danh thép và lực lượng khổng lồ của các dân tộc đấu tranh ngăn chặn bàn tay gây chiến của bọn đế quốc, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Cảnh giác và đoàn kết, siết chặt hàng ngũ, tăng cường đấu tranh, nhân dân thế giới kiên quyết ngăn chặn mọi âm mưu, hành động phiêu lưu chiến tranh hạt nhân của đế quốc Mỹ và những thế lực phản động gây chiến. Nhân dân thế giới cũng theo dõi chặt chẽ nhằm ngăn chặn kịp thời mọi biện pháp, thủ đoạn can thiệp và xâm lược của chúng cả trực tiếp, gián tiếp lẫn trá hình dưới nhiều hình dạng khác nhau, bằng cả thanh kiếm lực lượng vũ khí thông thường lẫn thanh kiếm hạt nhân.

Thực hiện bước leo thang nguy hiểm về chiến lược quân sự từ « thanh kiếm và lá chắn » đến « hai thanh kiếm », đế quốc Mỹ đã lộ nguyên hình là tên cuồng chiến khát máu, tội phạm lớn nhất đối với sự sống của hành tinh này. Mặt khác, bước leo thang này phản ánh sự hung hăng điên cuồng và sự suy giảm thế chiến lược của Mỹ trước trào lưu vươn dậy mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng. Với « thanh kiếm và lá chắn » hay « hai thanh kiếm », cỗ xe chiến tranh Mỹ vẫn cứ vấp phải bức thành đồng vững chắc các lực lượng cách mạng và tiến bộ mà Liên-xô là trụ cột. Tương lai thế giới thuộc về phía chúng ta, về những lực lượng cách mạng và tiến bộ, về những lực lượng đấu tranh vì hòa bình và sự sống đang ngày càng phát triển mạnh mẽ trên khắp thế giới.

Chủ nghĩa bành trướng đại Hán trong lịch sử

VÂN-DUY

LỊCH sử thành lập và phát triển của nước Trung-hoa thời đại chiếm hữu nô lệ và thời đại phong kiến, xét về mặt quan hệ đối ngoại, chủ yếu là lịch sử của một chuỗi những cuộc xâm lược, bành trướng lãnh thổ của các vương triều đại Hán, kể cả các vương triều Hán tộc lẫn các vương triều ngoại tộc thống trị Trung-quốc đã Hán hóa.

Lịch sử lập nước của người Hoa-hạ (tên gọi ban đầu của người Trung-quốc thời xưa) được bắt đầu bằng sự ra đời của quốc gia chiếm hữu nô lệ của liên minh bộ lạc Hạ tại một vùng cư trú nông nghiệp thuộc trung du Hoàng-hà (ở mạn Sơn-tây - Trung-quốc ngày nay) vào khoảng thế kỷ 21 trước công nguyên. Trong 4 thế kỷ trị vì, bằng chiến tranh xâm lược các bộ lạc láng giềng để bắt nô lệ, thôn tính đất đai và bắt các bộ lạc đó phải thần phục (chịu cống nạp sản vật và thực hiện liên minh bảo vệ Hạ), vương triều chủ nô Hạ dần dần khống chế cả một vùng rộng lớn ở trung du Hoàng-hà.

Thế kỷ thứ 17 trước công nguyên, tộc Thương làm nông nghiệp tại

vùng thuộc hạ du Hoàng-hà (ở mạn Hà-nam - Sơn-dông ngày nay) trỗi dậy, thôn tính cả nước Hạ, lập ra nhà Thương. Trong 6 thế kỷ trị vì, cũng bằng chiến tranh xâm lược các bộ lạc láng giềng để bắt nô lệ, thôn tính đất đai và bắt các bộ lạc đó thần phục, vương triều chủ nô Thương dần dần mở rộng phạm vi khống chế ra phần lớn trung du, hạ du Hoàng-hà và cả một phần lưu vực sông Hoài.

Thế kỷ thứ 11 trước công nguyên, một tiểu quốc chiếm hữu nô lệ của tộc Chu làm nông nghiệp ở đất Chu-nguyên (thuộc Thiểm-tây ngày nay) trỗi dậy, thôn tính nước Thương, lập ra nhà Chu. Trong ngót 3 thế kỷ đầu trị vì, vương triều chủ nô Chu cũng bằng chiến tranh chinh phục các bộ lạc láng giềng, dần dần mở rộng phạm vi khống chế ra nhiều nơi, phía bắc tới lưu vực Liêu-hà, phía đông tới hạ lưu Hoàng-hà, phía nam tới hạ lưu Trường-giang, rồi lần lượt chia các vùng đất bị chinh phục thành hơn bảy chục nước chư hầu lớn nhỏ. Tiếp đến 5 thế kỷ rưỡi sau, mặc dù giữa các nước chư hầu đó diễn ra cuộc

hỗn chiến liên miên để tranh vương
giành bá (thời kỳ từ năm 770 đến năm
475 trước công nguyên được gọi là
thời Xuân thu, từ năm 475 đến năm
221 trước công nguyên được gọi là
thời Chiến quốc), giai cấp thống trị
nhà Chu (gồm cả vương triều Chu và
các vương triều các nước chư hầu
kia) vẫn tiếp tục gây chiến tranh với
các bộ lạc du mục và săn bắn chung
quanh để mở rộng lãnh thổ, bành
trướng thế lực ra hầu khắp miền
Trung-nguyên rộng lớn. Vào những
thế kỷ này, hầu hết các nước chư
hầu thuộc nhà Chu dần dần chuyển
từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế
độ phong kiến.

Nhờ có những điều kiện tự nhiên
đặc biệt thuận lợi đưa đến sự ra đời
sớm và phát triển tương đối mạnh
của nền sản xuất nông nghiệp, do đó
thúc đẩy nhanh sự phát triển về mặt
hình thái kinh tế - xã hội và về mặt
dân số, trong các nhà tư tưởng của
giai cấp thống trị nhà Hạ, nhà Thương
dần dần nảy sinh những quan điểm
bất bình đẳng và kỳ thị chủng tộc.
Cho đến thời Chu, những quan điểm
ấy đã trở thành một nội dung của hệ
tư tưởng của giai cấp thống trị thuộc
các cộng đồng dân cư làm nông nghiệp
ở trung và hạ Hoàng-hạ. Những nhà
tư tưởng ấy đặt cho tộc người mình
cái tên « Hoa-hạ » (« hoa » có nghĩa là
rực rỡ, đẹp đẽ; « hạ » có nghĩa là to
lớn) và đặt cho các tộc người khác ở
chung quanh những cái tên « Man »,
« Di », « Nhung », « Dịch » (theo cấu
trúc của chữ viết tượng hình thì trong
chữ « Man » có bộ « trũng » chỉ loài
sâu bọ, trong chữ « Dịch » có bộ
« khuyến » chỉ loài chó v.v.), tỏ ý tự
lên tộc người mình là một tộc người
văn minh, lớn mạnh, thượng đẳng,
miệt thị các tộc người khác là dã
man, hèn yếu, hạ đẳng. Họ tự coi
vùng đất cư trú của tộc người mình là
« vương thổ » (đất của vua), là
« Trung-quốc » (nước ở giữa gầm trời),
hoặc « Trung-hoa quốc » (nước của

người Hoa-hạ ở giữa gầm trời), còn
các vùng đất cư trú của các tộc
người khác thì bị gọi là « phiên quốc »
(nước ở chung quanh làm rào dậu
che chở, bảo vệ cho Trung-quốc). Trải
qua nhiều thế kỷ chinh phục các bộ
lạc du mục và săn bắn chung quanh,
các nhà tư tưởng của các vương
triều Hoa-Hạ xác định rằng vua của
Trung-quốc là « thiên tử » (con trời),
« hoàng đế » (vua của tất cả các vua
trong thiên hạ), triều đình Trung-
quốc là « thiên triều » (triều đình của
thiên tử), Trung-quốc cũng là « thiên
quốc » (nước của thiên tử). Còn vua
của phiên quốc bị họ coi là « phiên
thần » (bầy tôi của thiên tử, cai trị
nước ở chung quanh Trung-quốc, nhận
tước do thiên tử phong và có bổn
phận đến kinh đô Trung-quốc châu
hầu theo lệnh của thiên tử).

Năm 221 vương triều Tần (vốn là
một chư hầu trời dấy từ đất Thiểm-
tây) thôn tính được hầu hết miền
Trung-nguyên, lập ra đế chế Trung-
hoa đầu tiên. Qua thực tiễn dùng binh
đao để chế áp thiên hạ của vương
triều Tần, Lã-Bất-Vi (kể có công đầu
giúp Tần-Thủy-Hoàng thiết lập nên
đế chế to lớn này) và môn khách
của y đã rút ra một luận điểm như
sau: « Ở trong nhà không thể xếp bỏ
việc đánh đòn cho con cái; trong
nước không thể xếp bỏ việc hình
phạt; trong thiên hạ không thể xếp
bỏ việc đánh dẹp; chỉ có khéo hay
vụng mà thôi... Và lại việc dùng binh
đã có từ lâu lắm, chưa từng có một
lúc nào không dùng cả. Dù sang hèn,
lớn nhỏ, hiền ngu, đối với nhau đều
thể cả, chỉ có lớn nhỏ mà thôi. Xét
việc binh cho tình vì thì: còn kin đao
ở trong lòng chưa nói ra, thế là việc
binh đấy; căm thù mà phải đánh, thế
là việc binh đấy; ra oai cho địch
 khiếp sợ, thế là việc binh đấy; nói
vung lên gây thanh thế, thế là việc
binh đấy; hoặc lôi kéo, hoặc gạt ra,
thế là việc binh đấy; hoặc liên hiệp,
hoặc chống lại, thế là việc binh đấy;

đánh cho hăng, thế là việc binh đầy ; ba quân cùng đánh, thế là việc binh đầy. Tám điều đó đều là việc binh cả, chỉ có to nhỏ khác nhau mà thôi » (1). Ca ngợi tên bạo chúa Tần-Thủy-Hoàng, kẻ đã thôn tính miền Trung-nguyên rộng lớn, thiết lập nền đế chế Trung-hoa đầu tiên, bọn đại thần văn võ triều Tần nói: « Ngừi đế ngày xưa chỉ đất vương nghìn dặm, ngoài ra là đất đai của chư hầu và của man di, họ vào châu hay không thiên tử cũng không sao cai quản được. Nay bệ hạ đầy nghĩa binh, giết bọn tàn ác và nghịch tặc, bình định được thiên hạ, bốn biển thành quận và huyện, pháp luật và mệnh lệnh đều thống nhất ở một nơi, từ thượng cổ đến nay chưa hề có » (2).

Sự kết hợp giữa quan diêm tộc người thượng đẳng - quốc gia trung tâm với quan diêm dùng chiến tranh chinh phục để bình định thiên hạ trên đây đã để ra tư tưởng hành trưởng đại tộc và bá quyền nước lớn của giai cấp thống trị Hán tộc. Tư tưởng đó được định hình rõ rệt cùng với sự thiết lập đế chế Tần và đã thịnh hành trong suốt hơn hai chục thế kỷ của lịch sử Trung-quốc thời phong kiến, những thế kỷ trị vì của tám vương triều đế chế Trung-hoa, gồm cả sáu vương triều đế chế Hán tộc là Tần (những năm 221 - 206 trước công nguyên), Hán (những năm 202 trước công nguyên - 220 sau công nguyên), Tùy (những năm 589 - 618), Đường (những năm 618 - 917), Tống (những năm 960 - 1279), Minh (những năm 1368 - 1644), lẫn hai vương triều đế chế ngoại tộc đã bị Hán hóa là Nguyên (những năm 1279 - 1368) và Thanh (những năm 1644 - 1911).

Những năm 215 - 214 trước công nguyên, triều Tần phát 30 vạn quân lên đánh người « Hung-nô » ở phương bắc, chiếm đoạt vùng Hà-sảo, đuổi dõn họ sang phía bên kia Hoàng-hà ; cũng vào thập kỷ này, triều Tần còn phát 50 vạn quân mở cuộc chinh

phục Bách-việt (các tộc Việt) ở phương nam, vượt qua Trường-giang tới tận lưu vực Châu-giang và chỉ bị chặn đứng ở vùng biên giới phía bắc của người Âu-lạc (bắc Việt-nam ngày nay). Phạm vi đế chế Tần vượt ra ngoài Trung-nguyên, phía bắc tới bắc Hoàng-hà (nam Tuy-viên và Liêu-ninh), phía nam tới nam Châu-giang (Quảng-dông và Quảng-tây), phía tây tới Thành-đô (thuộc Tứ-xuyên), phía đông tới ven biển. Nhà Tần chia các vùng đất mới chiếm được thành các quận, huyện và đưa dân từ Trung-nguyên xuống khai khẩn ruộng đất, đồng hóa dần dần cư các tộc Việt bản địa.

Nhà Tần tồn tại không bao lâu thì sụp đổ, đế chế Tần tan rã. Năm 202 trước công nguyên, nhà Hán lên thay. Trong 4 thế kỷ trị vì, triều Hán liên tục đem quân đi chinh phục các nước chung quanh, lập ra một đế chế to lớn vượt xa cả biên giới đế chế Tần trước đây. Về phía bắc quân Hán nhiều lần đánh người « Hung-nô » để chiếm đất, đuổi dõn họ lên tận Mạc-bắc (bắc sa mạc Gô-bi). Về phía đông, quân Hán xâm lược Triều-tiên rồi đặt thành quận, huyện thuộc Trung-quốc. Về phía nam, quân Hán đánh chiếm Nam-việt (một vương quốc ở nam Quý-châu và Lưỡng Quảng) rồi chiếm luôn cả nước Âu-lạc và đất Nhật-nam (Bắc-bộ và Trung-bộ Việt-nam ngày nay). Bàn chân hành trưởng của bọn phong kiến Hán tộc cũng đã tràn tới lãnh thổ của người Diên và người Ai-lao (thuộc Vân-nam ngày nay). Về phía tây, nhà Hán bằng mọi thủ đoạn ngoại giao xảo trá, lừa bịp, kết hợp với việc dùng sức ép quân sự, đã buộc hàng mấy chục nước nhỏ ở Tây-vực (Tân-cương ngày nay) khuất phục mình.

(1) Lã-Trần-Vũ : *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung-quốc*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1964, tr. 327.

(2) Tư-Mã-Thiên : *Sử ký*, Nxb Văn học, Hà-nội, 1963, tập I, tr. 45.

Năm 220 đế chế Hán tan rã, Trung-quốc lâm vào thời kỳ nội loạn suốt hơn ba thế kỷ rưỡi (sử sách gọi là các thời Tam quốc, Lưỡng Tấn và Nam Bắc triều). Năm 589 Trung-quốc được thống nhất lại dưới triều Tùy. Trong mấy chục năm trị vì, nhà Tùy một mặt ra sức chia rẽ bộ tộc Tuyếc ở phía bắc để kiềm chế họ; một mặt đem quân xâm lược nước Vạn-xuân (tức nước Âu-lạc mới giành được độc lập đổi tên) và nước Chiêm-thành (từ Bình-trị-thiên tới nam Trung-bộ Việt-nam ngày nay); đặc biệt là trong những năm 612, 613 và 614 đã phát động liên tục ba cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm lại Cao-ly (bắc Triều-tiên), nhưng cả ba lần đều bị thất bại.

Năm 618 một thế lực phong kiến lớn ở bắc Trung-quốc trỗi dậy lật đổ triều Tùy, lập ra nhà Đường. Trong vòng một thế kỷ đầu trị vì, triều Đường đem quân chinh phục bốn phương, vượt qua cả biên giới của đế chế Hán trước đây. Về phía bắc, quân Đường chiếm đóng vùng Mạc-nam (nam sa mạc Gô-bi) của các bộ lạc Đông-tuyếc; dùng sức ép quân sự kết hợp với các thủ đoạn ngoại giao huộc các bộ lạc Thiết-lặc ở vùng Mạc-bắc (bắc sa mạc Gô-bi) phải thần phục; đánh chiếm lưu vực sông I-ly của các bộ lạc Tây-tuyếc và huộc cả các nước ở Tây-vực bị người Tây-tuyếc khống chế phải thần phục Trung-quốc. Về phía đông, quân Đường xâm lược Cao-ly (bắc Triều-tiên) và Bách-tế (tây nam Triều-tiên). Về phía nam, nhà Đường đem quân đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Vạn-xuân. Trên các vùng đất đai bị chinh phục đó, nhà Đường lập ra các bộ máy cai trị mang tên gọi chung là «đô hộ phủ». Về phía tây, nhà Đường xuất quân đánh Thổ-cốc-hồn (vùng Cam-túc) để huộc nước này thần phục; gây ra chiến tranh liên miên với nước Thổ-phồn (vùng Khang-tang và Thanh-hải). Đường-

Thái-Tông, kẻ đứng đầu các vương triều đế chế Hán nói với bầy tôi: «Chinh phục man di ngày trước chỉ có Tần-Thủy-Hoàng, và Hán-Vũ-Đế. Thanh gươm ba thước ở tay ta đã chinh phục 200 vương quốc, làm cho bốn biển phải nín hơi, các tộc ở xa xoi lần lượt phải đến châu phục» (3).

Đầu thế kỷ thứ 10 đế chế Đường tan rã, Trung-quốc lâm vào cục diện bị phân liệt suốt mấy thập kỷ liên (sử sách gọi là thời ngũ đại — thập quốc). Năm 960 vương triều Tống được thiết lập và trong khoảng hai chục năm thì thấu tóm lại hầu hết lãnh thổ Trung-quốc. Trong vòng một thế kỷ đầu sau đấy, nhà Tống từng nhiều lần đem quân đánh nước Liêu của người Khuyết-đan (mạn bắc Sơn-tây và Hà-bắc cho tới lưu vực Liêu-hà) và xung đột với nước Tây-hạ của người Khương (đất Cam-túc và Hà-sáo); đặc biệt là đã hai lần phát động chiến tranh xâm lược Đại-việt (bắc Việt-nam ngày nay), vào những năm 981 và 1076 — 1077, nhưng cả hai lần đều bị đại bại.

Năm 1279 triều Tống bị quân Nguyên (Mông-cổ) tiêu diệt. Nước Trung-hoa trở thành một bộ phận quan trọng nhất của đế chế Nguyên ở Đông Á (bao gồm cả Mông-cổ, Mãn-châu, Cao-ly, Tây-hạ, Tây-vực, Thổ-phồn, Vân-nam và Trung-quốc). Bọn phong kiến Mông-cổ một mặt cấu kết với bọn địa chủ phong kiến Hán tộc để tăng thêm chỗ dựa về kinh tế và chính trị cho mình, mặt khác bị Hán hóa dần. Còn bọn địa chủ phong kiến Hán tộc thì đã quên đi cái nhục mất nước, cố ngồi lên cùng bọn phong kiến Mông-cổ áp bức bóc lột đồng bào mình và coi triều Nguyên là một triều đại chính thống của Trung-quốc, đồng thời cùng bọn phong kiến Mông-cổ tiến hành chiến tranh xâm lược các nước khác. Mấy chục năm nửa cuối thế kỷ thứ 13, bọn phong

(3) Từ điển Từ Hải.

kiến Nguyên—Mông đã vơ vét sức người sức của của Trung-quốc, biến Trung-quốc thành hậu phương của các cuộc chiến tranh xâm lược Nhật-bản, Chiêm-thành, Đại-việt và Gia-va (thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay). Tất cả các cuộc chiến tranh xâm lược ấy đều bị quân và dân các nước này lần lượt đánh bại, trong đó bị thua nặng nhất là hai cuộc xâm lược Đại-việt năm 1285 và năm 1287 — 1288.

Năm 1368 quân Mông-cô bị đánh đuổi khỏi Trung-quốc. Triều Minh được thiết lập lại tiếp tục chính sách bành trướng của các vương triều đại Hán trước đó. Về phía bắc, vào những năm 70 và 80 thế kỷ thứ 14, quân Minh 11 lần đánh lên vùng sa mạc của người Mông-cô, đến những thập kỷ đầu thế kỷ thứ 15 lại 5 lần xâm lược Mông-cô. Về phía nam, năm 1372 nhà Minh đánh chiếm Vân-nam, từ năm 1466 đến năm 1472 liên tục phát binh xâm lược Đại-việt. Đồng thời, trong mấy chục năm đầu thế kỷ thứ 15 triều Minh còn phái một đoàn thuyền vũ trang do Trịnh-Hòa chỉ huy bảy lần vượt biển xuống các nước Tây-dương (vùng quần đảo In-đô-nê-xi-a và khu vực Ấn-độ-trung) để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, uy lực của đế chế Trung-hoa và chuẩn bị cho sự xâm nhập của người Trung-quốc vào các khu vực này.

Năm 1644 triều Minh bị diệt, quân Thanh từ phía Mãn-châu tràn xuống đánh chiếm Trung-quốc, rồi mở rộng vùng chiếm đóng xuống tận Vân-nam và đảo Đài-loan. Bọn phong kiến Hán tộc đã tiếp tay cho phong kiến Thanh đàn áp phong trào kháng chiến của nhân dân Trung-quốc, coi triều Thanh là triều đại chính thống của Trung-quốc. Còn bọn phong kiến Thanh thì lại bị Hán hóa dần. Bọn phong kiến Mãn—Hán đã câu kết với nhau vơ vét sức người, sức của của Trung-quốc ném vào các cuộc chiến tranh xâm lược nhằm thực hiện tham

vọng bành trướng và bá quyền nước lớn của chúng. Nửa cuối thế kỷ 18, lần lượt các vùng Bắc Thanh-hải, Bắc Tân-cương (của người Mông-cô), Nam Tân-cương (của người Hồi-hốt) và đất Khang-tạng (của người Tạng) bị mất vào tay nhà Thanh. Phạm vi cai trị của đế chế Thanh phía bắc tới Mãn-châu, sa mạc Gô-bi và lưu vực Hắc-long-giang; phía tây tới lưu vực sông I-ly và rừng núi Khang-tạng; phía nam tới Vân-nam và Lưỡng-quảng; phía đông tới Triều-tiên và Đài-loan. Năm 1788 — 1789 bọn phong kiến Mãn—Hán đã điều 30 vạn quân mở cuộc xâm lược Đại-việt, nhưng chúng đã bị thất bại thảm hại.

Nửa cuối thế kỷ thứ 19, các nước đế quốc chủ nghĩa xâm nhập mạnh mẽ vào Trung-quốc. Đế chế Thanh tan rã dần. Nước Trung-hoa từng bước biến thành nửa thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.



Hình bóng của tám đế chế Trung-hoa thời phong kiến là Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã vĩnh viễn lùi sâu vào quá khứ. Thế nhưng, dư âm của những lời tuyên bố sắc mùi bành trướng đại tộc và bá quyền nước lớn của những kẻ đại diện các đế chế ấy vẫn còn như vang vọng trong đầu óc của những kẻ kè nghiệp chúng ở thế kỷ này.

Tiêu biểu cho hệ tư tưởng và chính sách bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của giai cấp tư sản Trung-quốc đầu thế kỷ này, khi mà Trung-quốc còn đang bị các nước đế quốc chủ nghĩa xâu xé, là những chủ trương chính trị đầy tham vọng ngông cuồng của các chính khách nổi tiếng của phái tư sản cải lương. Trong số những chính khách này, có những người chủ trương đưa nhanh Trung-quốc lên địa vị bá chủ năm châu. Họ nói: « Chúng ta hãy nhanh chóng phát triển nền công nghiệp của chúng ta và

xây dựng nhà máy hơi nước. Chúng ta có thể khai thác những nguồn tài nguyên của chúng ta ở châu Âu và châu Mỹ. Chúng ta có bốn trăm hoặc năm trăm triệu người, trong đó có thể tuyển được mười triệu cho quân đội. Chúng ta có nguồn quặng sắt và kim loại vô tận, nhờ đó có thể chế tạo được hàng nghìn tàu chiến. Và khi đó, chúng ta có thể đi qua năm châu, ở đó các anh sẽ trông thấy những lá cờ rộng vàng phấp phới tung bay và nhảy múa». Lại có những người đòi thực hiện cái gọi là sự « mở rộng dân tộc Trung-hoa ». Chính họ đã khẳng định rằng: « Dân tộc chúng ta phát triển theo hai con đường: con đường thứ nhất là đồng hóa vô số những dân tộc trong nước và các nước khác ngoài bờ cõi nước ta, con đường thứ hai là năm này qua năm khác đưa người dân tộc chúng ta đến biên giới và mở rộng bờ cõi... lịch sử năm nghìn năm đã đi theo con đường ấy » (4).

Dưới thời Tưởng-Giới-Thạch, kẻ đại diện cho bọn đại tư sản, đại địa chủ và quan liêu quân phiệt, người ta thấy một bản công bố tên những « đất đai đã mất » của Trung-quốc, trong đó không chỉ có các vùng đất lỏng-công, Cửu-long, Đài-loan, mà còn bao gồm cả các vùng đất đai rộng lớn thuộc miền Viễn Đông của Liên-xô, thuộc các nước cộng hòa miền Trung Á của Liên-xô, thuộc Mông-cô, bao gồm cả Triều-tiên, Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia và Miến-điện, Xích-kim v.v. với tổng diện tích tới hơn 4 triệu ki lô mét vuông (1) (5).

Sau khi cuộc cách mạng dân chủ do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo thắng lợi, vào buổi đầu của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, người ta đã cho lưu hành cuốn sách giáo khoa dùng trong các trường trung học mang tên *Lược sử nước Trung-hoa hiện đại* (xuất bản lần thứ nhất tại Bắc-kinh năm 1954), trong đó có tám

bản đồ ghi rõ lãnh thổ cũ của Trung-quốc bao gồm cả phần lớn miền Viễn Đông của Liên-xô, một số vùng thuộc ba nước cộng hòa Kiếc-giê-di-a, Ca-dắc-xtan và Tát-gi-ki-xtan ở miền Trung Á của Liên-xô, vùng hồ Ban-kha-sơ, hàng loạt nước từ Nê-pan, Xích-kim, Bu-tan, Miến-điện, Thái-lan, Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, quần đảo An-da-man, Ma-lai-xi-a, các đảo Xu-lu, cho tới quần đảo Riu-kiu và bán đảo Triều-tiên (6). Phải chăng đây chỉ là sự sao chép một cách vô ý thức những tài liệu địa lý lịch sử của triều Mãn-thanh hoặc Quốc dân đảng để lại, chỉ là sản phẩm thuần túy có tính chất « sử học »? Không, tuyệt nhiên không phải như vậy. Đó là sự phản ánh, thông qua một hiện tượng « sử học » cụ thể trên một tấm bản đồ trong một cuốn sách giáo khoa về lịch sử Trung-quốc, cái hệ tư tưởng và chính sách cơ bản của giới cầm quyền Bắc-kinh từ ngót nửa thế kỷ nay: hệ tư tưởng và chính sách bành trướng đại Hán hiện đại. Người phát ngôn điển hình cho chủ nghĩa bành trướng bá quyền hiện đại của giới cầm quyền phân động Bắc-kinh trong những thập kỷ vừa qua chính là Mao-Trạch-Đông. Xét về mặt quan hệ đối ngoại, điều cốt lõi của cái chủ nghĩa mang tên Mao-Trạch-Đông - cái hệ tư tưởng và chính sách chiếm địa vị thống trị trong Đảng cộng sản và Nhà nước Trung-hoa suốt mấy mươi năm qua - chính là chủ nghĩa bành trướng đại Hán hiện đại đó.

Ngay từ những năm còn ở đặc khu Diên-an, khi Đảng cộng sản Trung-quốc chưa giành được chính quyền trên cả nước, Mao-Trạch-Đông đã bộc

(4) *Bản chất tư tưởng — chính trị của chủ nghĩa Mao*. Nxb Khoa học. Mát-xcơ-va. 1977. tr. 115 — 116.

(5) *Trung-quốc qua các tài liệu nước ngoài* — Chuyên san, quý III năm 1978, của Phân viện thông tin khoa học quân sự Học viện quân sự cấp cao, tr. 159 — 160.

(6) *Sách đã dẫn*, tr. 157 — 158.

lộ tham vọng khôi phục nước Trung-hoa theo hình bóng của các đế chế Trung-hoa thời xưa : « Bằng cách làm cho Trung-quốc bị thất bại về quân sự, các cường quốc đế quốc đã dùng vũ lực chiếm đoạt rất nhiều nước là thuộc địa của Trung-quốc, và đã đánh chiếm những vùng lãnh thổ có từ xưa của Trung-quốc. Nhật-bản chiếm đóng Triều-tiên, Đài-loan, Lữ-thuận, các quần đảo Riu-kiu và Bành-hồ. Nước Anh đánh chiếm Miến-diện, Bu-tan, Nê-pan, và Hồng-công. Nước Pháp đánh chiếm An-nam. Và ngay cả quốc gia nhỏ bé như Bồ-đào-nha cũng chiếm đoạt Ma-ca-o của chúng ta » (7). « Nhiệm vụ trực tiếp của Trung-quốc là giành lại tất cả những lãnh thổ của chúng tôi, chứ không phải chỉ bảo vệ chủ quyền của chúng tôi cho tới Vạn lý trường thành... và « khi cuộc cách mạng nhân dân ở Trung-quốc thắng lợi, nước Cộng hòa Ngoại Mông sẽ mặc nhiên trở thành một phần của liên bang Trung-hoa » (8).

Sau khi Đảng cộng sản Trung-quốc đã giành được chính quyền trên lục địa Trung-quốc và nội bộ Đảng cộng sản, nội bộ Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đang diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa lực lượng mác xít, quốc tế xã hội chủ nghĩa với thể lực mao ít, sô vanh đại Hán, Mao-Trạch-Dông từng tuyên bố: nào là « Chúng ta phải chinh phục trái đất. Đó là mục tiêu của chúng ta », nào là « tôi sẽ làm chủ tịch 500 triệu bần nông đưa quân xuống Đông Nam châu Á », nào là « chúng ta phải giành cho được Đông Nam châu Á, bao gồm cả miền Nam Việt-nam, Thái-lan, Miến-diện, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po... Một vùng như Đông Nam châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy... Sau khi giành được Đông Nam châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương

đầu với khối Liên-xô — Đông Âu gọi Đông sẽ thôi bại gió Tây » (9).

Theo tư tưởng bành trướng bá quyền đó của chủ nghĩa Mao, trong mấy chục năm qua, giới cầm quyền phản động Bắc-kinh đã tiến hành những hoạt động xâm lược, bành trướng lãnh thổ sang hàng loạt nước chung quanh : huy động quân đội tiến công thôn tính miền Tây-tạng (những năm 1950 — 1951); gây ra cuộc chiến tranh biên giới Trung — Ấn và chiếm đóng một vùng đất đai thuộc tây bắc Ấn-độ (năm 1962); xâm nhập bằng vũ trang lãnh thổ Liên-xô và gây ra cuộc xung đột biên giới Trung — Xô (năm 1969); thông qua bọn tay sai Pôn Pốt — Iêng Xa-ry tiến hành cuộc diệt chủng man rợ đối với dân tộc Cam-pu-chia và biến đất nước này thành bàn đạp tiến công xâm lược Việt-nam bằng quân đội Pôn Pốt và vũ khí Trung-quốc (những năm 1975 — 1979); từ chỗ gây sức ép về kinh tế, gây rối về chính trị, tiến tới chỗ huy động trên sáu chục vạn quân phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam hòng thôn tính đất nước ta và mở đường bành trướng xuống Đông Nam châu Á (những năm 1978 — 1979) v.v. Ba tuần trước khi hạ lệnh cho quân đội Trung-quốc xâm lược nước ta, trong kỳ đi thăm Mỹ cuối tháng 1-1979, Đặng-Tiêu-Binh đã trắng trợn tuyên bố: « Đối với Việt-nam, Trung-quốc chịu trách nhiệm đối phó. Chúng tôi chuẩn bị trừng phạt nghiêm khắc họ một trận dè họ phải bỏ lê bỏ cày... », rằng « đối với chúng tôi, tồn thất về người không có nghĩa lý gì. Chết đi 5 vạn

(7) Bản chất tư tưởng — chính trị của chủ nghĩa Mao. Nxb khoa học Mát-xcơ-va. 1977. tr. 115.

(8) Pê-đô Bua-lá-xki : Mao-Trạch-Dông. Báo bới của chúng ta là chiến tranh, là chuyên chính. Nxb Quan hệ quốc tế. Mát-xcơ-va, 1976. tr. 458.

(9) Sự thật về quan hệ Việt-nam — Trung-quốc trong 30 năm qua. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1979, tr. 7, 16 và 19.

cũng được, 50 vạn cũng được, hay 1 triệu cũng được, bởi vì chúng tôi tin chắc rằng trong đó có những cái càng có giá trị hơn » (1). Đó chính là chân tướng của giới cầm quyền phản động Bắc-kinh ngày nay.

Vào những thập kỷ cuối thế kỷ này, xét trên toàn cục, mục tiêu cơ bản mà giới cầm quyền phản động Bắc-kinh dốc sức hướng tới là mau chóng đưa Trung-quốc lên thành một cường quốc « bốn hiện đại hóa », trong đó trọng điểm là « hiện đại hóa » quân sự, đề sao cho tới năm 2000 Trung-quốc trở thành một siêu cường quân sự hàng đầu thế giới (2). Xét về hướng chủ yếu của chính sách xâm lược, bành trướng trong giai đoạn hiện nay, mũi nhọn công kích nhằm vào khu vực Đông Nam châu Á, trong đó trọng điểm trước mắt là các nước Đông-dương nói chung, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam nói riêng. Hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta từ biên giới phía tây nam và từ biên giới phía bắc do giới cầm quyền phản động Bắc-kinh tiến hành chứng tỏ

quyết tâm của chúng thôn tính nước ta.



Thực tế mấy nghìn năm lịch sử đã qua cho thấy: bành trướng, xâm lược là mưu đồ chiến lược, là bản chất của các vương triều đại Hán Trung-quốc. Thực tế mấy chục năm gần đây chứng tỏ: đối với Việt-nam cũng như đối với Cam-pu-chia và Lào, bành trướng, xâm lược vẫn là mưu đồ chiến lược, là bản chất của giới cầm quyền phản động Trung-quốc ngày nay. Bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu lâu dài là làm suy yếu, tiến tới thôn tính Việt-nam, Lào Cam-pu-chia để mở đường bành trướng xuống các nước khác ở Đông Nam châu Á. Đối với cách mạng ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia chiến lược và sách lược của Trung-quốc chưa hề có gì thay đổi, mà càng thủ địch hơn. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải nâng cao cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược quy mô lớn của chúng.

Giành thắng lợi cho chủ nghĩa...

(Tiếp theo trang 14)

bọn lưu manh, côn đồ, bọn đầu cơ buôn lậu, tham ô; xử lý nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền để làm trái pháp luật » (4).



Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta đang diễn ra rất gay go, phức tạp và quyết liệt. Cuộc đấu tranh ấy càng quyết liệt do bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản

động khác chống phá ta một cách điên cuồng. Song nghiêm túc kiểm điểm lại những việc làm vừa qua, thấy rõ những nhân tố mới, tích cực, cách mạng, chúng ta có thêm nhiều kinh nghiệm để phát động phong trào cách mạng của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống.

(4) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 414.

Đảng cộng sản Bồ-đào-nha đang vững bước tiến lên

LÊ - TỊNH

DẢNG cộng sản Bồ-đào-nha ra đời đến nay đã được 62 năm. Đảng đã chiến đấu ròng rã 48 năm trong vòng bí mật dưới chế độ đàn áp dã man của chủ nghĩa phát xít. Đảng cộng sản Bồ-đào-nha là chính đảng duy nhất không ngừng chiến đấu kiên cường chống lại nền độc tài phát xít, vì một nước Bồ-đào-nha tự do và dân chủ. Đảng là chính đảng duy nhất có tổ chức chặt chẽ trong cả nước có cơ sở trong công nhân, nông dân, binh lính và sĩ quan.

Đường lối đúng đắn và hoạt động ngoan cường của Đảng là nhân tố quan trọng đưa Cách mạng Tháng Tư đến thắng lợi, chấm dứt chế độ độc tài phát xít tồn tại suốt 42 năm ở Bồ-đào-nha, thiết lập chế độ dân chủ, tiến bộ.

Ý nghĩa to lớn của sự kiện ngày 25-4-1974 còn ở chỗ nó đã mở đường cho cách mạng giải phóng dân tộc giành thắng lợi tại các thuộc địa của Bồ-đào-nha như Mô-dam-bích, Ang-gô-la, Ghi-nê Bít-xao và Cáp-ve, Xao Tô-mê và Prin-xi-pê. Ma-ca-o, thuộc địa của Bồ-đào-nha tại Trung-quốc cũng được hưởng quy chế tự trị từ 1976.

Sau sự kiện Tháng Tư 1974, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha vẫn là đảng duy

nhất hoạt động mạnh mẽ nhằm bảo vệ thành quả của cách mạng. Do đó, Đảng vẫn có uy tín to lớn trong quần chúng, có ảnh hưởng và thế lực nhất định trong cơ quan chính quyền các cấp. Đảng hiện có 39 đảng viên là nghị sĩ trong quốc hội. Liên minh thống nhất nhân dân do Đảng cộng sản làm nòng cốt hiện có hơn 9000 đại biểu trong các cơ quan quyền lực ở cơ sở (trên tổng số gần 66 nghìn đại biểu). Người của Đảng cộng sản giữ chức chủ tịch trong 50 hội đồng đại biểu thành phố và 315 hội đồng xã (trên tổng số 4050 hội đồng xã). Liên đoàn lao động Bồ-đào-nha chịu ảnh hưởng của Đảng cộng sản tập hợp 1,7 triệu đoàn viên, là tổ chức công đoàn hùng mạnh nhất ở nước này. Đảng hiện có khoảng 20 vạn đảng viên, Đoàn thanh niên cộng sản có 4 vạn đoàn viên.

Đảng cộng sản Bồ-đào-nha là một trong những đội ngũ kiên cường và có uy tín của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tại sao Đảng cộng sản Bồ-đào-nha, một đảng công nhân có rất ít phương tiện vật chất và tài chính tại một nước tư bản phát triển ở Tây Âu, nơi thường xuyên chịu sự tiến công của chủ nghĩa chống cộng điên cuồng cũng như của chủ nghĩa cơ hội, dưới

mọi màu sắc, lại có tầm vóc to lớn như vậy trong quá trình cách mạng ở Bồ-đào-nha và có uy tín trong phong trào cách mạng thế giới?

Câu trả⁹ lời cho vấn đề này nằm trong bản chất đường lối thẩm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin của Đảng cộng sản Bồ-đào-nha do đồng chí A. Cu-nhan đứng đầu. Đảng cộng sản Bồ-đào-nha không phủ nhận rằng trong các xã hội tư sản hiện đại phương Tây, đang có những biến đổi, những hiện tượng mới xuất hiện. Tuy nhiên những cái mới đó không hề làm biến đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Ở đây, quan hệ sản xuất cơ bản vẫn là chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa. Đối kháng giai cấp chủ yếu ở đây vẫn là giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Quy luật chi phối vẫn là bóc lột giá trị thặng dư. Xu hướng cơ bản trong đời sống xã hội vẫn là sự bản cứng hóa nhân dân lao động. Phản ánh những cái đó là nền văn hóa, đạo đức, pháp luật tư sản. Tất cả những điều đó đều được các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học vạch rõ từ lâu. Vì vậy, vấn đề ở đây là vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin như thế nào trong cuộc đấu tranh cách mạng.

Ngày tại Đại hội VI tiến hành 9 năm trước khi nổ ra cuộc Cách mạng Tháng Tư, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha đã vạch ra đường lối chính trị mà thực tiễn cách mạng Bồ-đào-nha trước và sau ngày 25-4-1974 đã chứng minh là đúng đắn. Tại Đại hội này, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha đã khẳng định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Bồ-đào-nha là làm cách mạng dân chủ và dân tộc. Trước hết, phải đập tan Nhà nước phát xít, xây dựng chế độ dân chủ; đồng thời xóa bỏ sự phụ thuộc của Bồ-đào-nha vào chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc. Nền độc lập dân tộc của Bồ-đào-nha không thể tách rời việc giải phóng hoàn toàn các dân tộc thuộc địa. Hình thức

cơ bản của cách mạng là kết hợp đấu tranh chính trị và bạo lực để lật đổ chủ nghĩa phát xít.

Trong thời kỳ 1974 - 1976, khi Đảng tham gia các chính phủ lâm thời, Đảng vẫn tiếp tục đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân và quần triệt đường lối bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng đã giành được. Nhờ có vai trò của Đảng trong chính quyền mà cách mạng Bồ-đào-nha trong thời gian này đã vượt qua nhiều thử thách gay go và thực hiện được khá nhiều chính sách tiến bộ như quốc hữu hóa, cải cách ruộng đất, thủ tiêu quyền lực của tư bản độc quyền, ban bố quyền tự do dân chủ. Năm 1976 Bồ-đào-nha thông qua bản hiến pháp trong đó ghi rõ «Bồ-đào-nha đi lên theo hướng xã hội chủ nghĩa». Đây là bản hiến pháp tiến bộ nhất trong các hiến pháp của các nước tư bản phát triển Tây Âu.

Sau thất bại của các quân nhân cánh tả ngày 25-11-1975 và việc giải tán «Phong trào các lực lượng vũ trang» sau đó, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha phải đương đầu với một tình thế mới, hết sức gay go. Các thế lực phản động và bảo thủ bắt đầu phản công. Chúng ra sức lật ngược tình thế, điên cuồng phá hoại các thành quả cách mạng. Chúng đòi trả lại nhà máy và ruộng đất cho tư sản và địa chủ. Chúng muốn buộc nhân dân Bồ-đào-nha quay trở lại sống dưới ách độc tài của tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc. Những đám mây đen đang che phủ trên nền dân chủ non trẻ, thành quả chủ yếu của Cách mạng Tháng Tư. Cuộc chiến đấu của Đảng cộng sản Bồ-đào-nha vẫn tiếp tục. Đất nước Bồ-đào-nha lại nóng bỏng trong những mâu thuẫn gay gắt mới. Hoặc là phong trào công nhân cùng với tất cả các lực lượng dân chủ sẽ loại trừ được thế lực phản động, bảo thủ ra khỏi chính quyền, và giữ vững được thành quả dân chủ. Hoặc là các thế

lực cực hữu chiếm đoạt được toàn bộ quyền lực và thủ tiêu tất cả những gì mà nhân dân đã giành được. Không nghi ngờ gì nữa, trong cuộc chiến đấu mới này, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha vẫn là đội tiên phong duy nhất của giai cấp công nhân và hết thảy các lực lượng dân chủ. Đảng vẫn gắn bó thủy chung với quần chúng lao động cơ bản. Mục tiêu trước mắt của Đảng là bảo vệ bằng được nền dân chủ, sau Cách mạng Tháng Tư. Khẩu hiệu chiến đấu của Đảng là « Bảo vệ tự do, bảo vệ hiến pháp ».

Trong khi tiếp tục giữ cao ngọn cờ cách mạng trong nước, Đảng vẫn kiên quyết giáng trả những cuộc tiến công và sức ép tư tưởng của chủ nghĩa chống cộng, chủ nghĩa bài Xô từ phía kẻ thù và từ chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa sô vanh. Là một trong những đảng cộng sản Tây Âu chủ trương tích cực tham gia chính quyền, vận động tranh cử, hết sức giành giật những trận địa chính trị và tư tưởng có lợi cho giai cấp công nhân, Đảng không hề mảy may có ảo tưởng đối với con đường nghị viện, phương pháp hòa bình. Ngược lại, Đảng luôn luôn sẵn sàng với khả năng không hòa bình.

Thực tiễn cách mạng Bồ-đào-nha chứng tỏ một trong những nguồn sức mạnh to lớn của Đảng cộng sản Bồ-đào-nha là đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng. Đảng chủ trương hợp tác và đoàn kết trước sau như một với các lực lượng cách mạng trên thế giới, trước hết là với Liên-xô, cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc. Đảng cho rằng chủ nghĩa quốc tế vô sản không phải là một khái niệm lỗi thời, một tư tưởng hẹp hòi, cần phải thay thế. Ngược lại nó vẫn là nền tảng không gì thay thế được trong quan hệ hữu nghị và giúp đỡ lẫn nhau giữa các đảng cộng sản trên thế giới.

Đảng cộng sản Bồ-đào-nha cho rằng không thể tự làm mất uy tín bằng cách để cho mình rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa sô vanh, cường điệu đặc thù dân tộc, phủ nhận những quy luật chung của cách mạng thế giới và kinh nghiệm phổ biến của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Đảng kiên quyết chống lại sự phụ họa theo những luận điệu của chủ nghĩa bài Xô. Ngược lại, Đảng cho rằng một trong những nghĩa vụ của những người cộng sản Bồ-đào-nha là tìm mọi cách nói lên những sự thật về nền dân chủ Xô viết và về chính sách hòa bình và hữu nghị của Đảng và Nhà nước Liên-xô. Điều đó xuất phát từ quan điểm khẳng định rằng Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa là nòng cốt, là nhân tố hết sức quan trọng, quyết định thành công của sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới.

Đảng cộng sản Bồ-đào-nha là một trong những đảng cộng sản ở Tây Âu đã từng kiên quyết ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt-nam trước đây và hiện nay. Những người cộng sản Bồ-đào-nha dứt khoát đứng về phía nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc. Đảng trước sau như một ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân Lào anh em.

Có đường lối đối nội và đối ngoại đúng đắn, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha đứng vững trước mọi thử thách. Uy tín của Đảng không ngừng được nâng cao. Những người cộng sản và nhân dân Việt-nam luôn luôn biết ơn sự ủng hộ quý báu của những người cộng sản và nhân dân Bồ-đào-nha. Chúng ta vui mừng trước những thắng lợi to lớn mà Đảng cộng sản Bồ-đào-nha và nhân dân Bồ-đào-nha đã giành được. Chúng ta tin tưởng vững chắc ở thắng lợi cuối cùng của những người cộng sản Bồ-đào-nha.

ПЕРЕДОВАЯ — Осуществлять на деле права трудового народа как коллективного хозяина своей страны. **НГУЕН ВИНЬ** — За победу социализма в борьбе между двумя путями развития в нашей стране на современном этапе. **НГУЕН ДЫК БИНЬ** — Идеология, организация и экономика. **ЛЕ ХЫУ ЗУНГ** — Хорошо организовать работу по закупке продукции и контроль над источниками поступления товаров. **НГУЕН ДИНЬ КУАН** — К вопросу о планировании рождаемости. **НЮАН ВУ** — Опасная эскалация военной стратегии Рейгана: от «Щита и меча» к «двум мечам». **ВАН ЗЮИ** — Великоханьский экспансионизм в анналах истории. **ЛЕ ТИНЬ** — Коммунистическая партия Португалии уверенно шагает вперед.

REVIEW OF COMMUNISM N° 9-1983

Editorial — Exercising the working people's right to collective mastery. **NGUYỄN-VINH** — Ensuring victory for Socialism in the present struggle between the two roads in our country. **NGUYỄN-DỨC-BÌNH** — Ideology, organization and the economy. **LÊ-HỮU-DŨNG** — Let us do well the work of collecting and purchasing goods and grasping their sources. **NGUYỄN-DÌNH-QUÂN** — On the problem of family planning. **NHUÂN-VŨ** — A dangerous escalation of Reagan's military strategy: from «The Sword and the Shield» strategy to «Two Swords» strategy. **VÂN-DUY** — Great-Han Expansionism in History. **LÊ-TINH** — The Portuguese Communist Party steadily advances forward.

REVUE DU COMMUNISME N° 9-1983

Editorial — Réaliser le droit de maître collectif du peuple travailleur. **NGUYỄN-VINH** — Faire triompher le socialisme dans l'actuelle lutte entre les deux voies au Vietnam. **NGUYỄN-DỨC-BÌNH** — Idéologie, organisation et économie. **LÊ-HỮU-DŨNG** — Prendre en main les sources de marchandises et mener à bien l'achat-collecte. **NGUYỄN-DÌNH-QUÂN** — Sur le planning familial. **NHUÂN-VŨ** — Un dangereux échelon dans l'escalade stratégique de Reagan: de «l'épée et le bouclier» aux «deux épées». **VÂN-DUY** — L'expansionisme grand Han dans l'histoire. **LÊ-TINH** — Le Parti communiste portugais avance à pas sûrs.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 9-1983

Editorial — Realizar el derecho de ser dueño colectivo del pueblo trabajador. **NGUYỄN-VINH** — Hacer triunfar el socialismo en la actual lucha entre las dos vías en Viet Nam. **NGUYỄN-DỨC-BÌNH** — Ideología, organización y economía. **LÊ-HỮU-DŨNG** — Optimizar el trabajo de acopio y compra de mercancías. **NGUYỄN-DÌNH-QUÂN** — Sobre el control de natalidad. **NHUÂN-VŨ** — La peligrosa escalada estratégica militar de Reagan: de la estrategia de «La espada y el escudo» a la de «Dos espadas». **VÂN-DUY** — El expansionismo de Gran Han en la historia. **LÊ-TINH** — Seguros pasos de avance del Partido Comunista portugués.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 9

1983

NĂM THỨ XXIX (333)

TRƯỞNG BỘ BIÊN TẬP:

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRƯỞNG CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM:**

19. Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động	1
NGUYỄN-VĨNH — Giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường hiện nay ở nước ta	6
NGUYỄN-DỨC-BÌNH — Tư tưởng, tổ chức và kinh tế	15
LÊ-HỮU-DŨNG — Làm tốt công tác thu mua năm nguồn hàng	23
NGUYỄN-VĂN-THÂM — Tổ chức khoa học các hệ thống tài liệu, văn kiện phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý	29
NGUYỄN-DÌNH-QUÂN — Về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch	36
DINH-XUÂN-DŨNG — Hiện thực chiến tranh và sáng tạo văn học	43
LÊ-VĂN-PHONG — Xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện Điện-Bàn	48
Sinh hoạt tư tưởng ★ CHÚ-MỘNG — Phát hiện tài năng mới	53
NHUẬN-VŨ — Bước leo thang nguy hiểm về chiến lược quân sự của Bê-gân: từ « thanh kiếm và lá chắn » đến « hai thanh kiếm »	55
VĂN-DUY — Chủ nghĩa bạo lực trong đại Hán trong lịch sử	69
LÊ-LINH — Đảng cộng sản Bồ-đào-nha vững bước tiến lên	68

8102-1

KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9

Tìm đọc:

- Các văn kiện cơ bản của Hội nghị thành lập Đảng
- Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng
- Những Nghị quyết cơ bản dẫn đến thắng lợi Cách mạng Tháng Tám
- Hồ - Chí - Minh Toàn tập - Tập 3 (1930 - 1945)

LÊ-DUẤN

Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ

☆☆☆

Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1933 và mức phấn đấu đến năm 1935



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



10

10 . 1983

VƯƠN TỚI ĐÁP ỨNG NHU CẦU VĂN HÓA NGÀY Càng TO LỚN CỦA NHÂN DÂN TA

Từ buổi sơ khai của lịch sử loài người, ở con người, bên cạnh những nhu cầu sinh học đã có những nhu cầu tinh thần: nhảy múa quanh đồng lửa nướng con mồi, khắc hình trên vách đá. Hơn nữa, ngay việc thỏa mãn những nhu cầu sinh học ở con người cũng được giải quyết theo lối người, bằng lao động sáng tạo, chứ không phải bằng bản năng: con người sản xuất ra tư liệu, công cụ để thỏa mãn nhu cầu của mình. Thế là ngay trong hành vi lịch sử đầu tiên ấy đã có văn hóa: con người cần có hiểu biết và sáng tạo, cần ghi nhận và truyền đạt kinh nghiệm, cần thưởng thức cái đẹp, cần vui chơi giải trí, cần giao tiếp v.v. Con người đã biến tất cả những nhu cầu sinh học và không sinh học của mình thành nhu cầu mang tính văn hóa, thành những nhu cầu văn hóa trên lĩnh vực đời sống vật chất và trên lĩnh vực đời sống tinh thần.

Theo đà phát triển của lịch sử, hai loại nhu cầu văn hóa trên lĩnh vực đời sống vật chất và trên lĩnh vực đời sống tinh thần của con người lại cứ ngày càng đan xen vào nhau, gắn bó với nhau trong đời sống của xã hội, của mỗi con người. Chúng ta cần có văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, khoa học và giáo dục, văn hóa nghệ thuật, lại cần có cả văn hóa lao động và quản lý hay văn hóa sản xuất, văn hóa tiêu dùng v.v. Ngay đến ăn cũng có văn hóa ăn và nhu cầu văn hóa ăn (khoa nấu ăn, cơ cấu bữa ăn, giao lễ ăn...); ở cũng có văn hóa ở và nhu cầu văn hóa ở (kiến trúc, công nghiệp xây dựng nhà cửa, trang bị nội thất, ngoại thất); mặc cũng có văn hóa mặc và nhu cầu văn hóa mặc. Sản xuất thì không chỉ cần đến trình độ kỹ thuật và tay nghề, ánh sáng và màu sắc, vệ sinh công nghiệp, mỹ thuật công nghiệp, mà còn cần cả tình hữu ái giai cấp, tình đồng nghiệp, tình thân hiệp tác xã hội chủ nghĩa, ý thức công dân v.v. Cho nên thật là không đúng nếu hiểu nhu cầu văn hóa một cách quá chật hẹp, tách rời văn hóa với sản xuất, chia cắt một cách máy móc văn hóa và kinh tế, chỉ chú ý nhu cầu kinh tế mà không chú ý hoặc chú ý không đúng mức nhu cầu văn hóa của nhân dân. Trong xã hội ta, văn hóa phục vụ kinh tế ngày càng đặc lực, văn hóa không đơn giản chỉ là một ngành "phụ sản xuất".

Nhân dân ta là nhân dân của một nước "văn xưng nền văn hiến đã lâu", từ xưa đã rất coi trọng những giá trị văn hóa tinh thần, biết sử dụng những giá trị ấy như một sức mạnh vật chất để đánh giặc, dựng nước. Ngày nay,

Trong thời đại mới, sau khi giành lại được độc lập, tự do, cả nước thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhu cầu văn hóa của nhân dân ta trên lĩnh vực đời sống vật chất cũng như trên lĩnh vực đời sống tinh thần càng to lớn, phong phú, nhiều vẻ, và có những mặt cấp bách.

Đó là **nhu cầu về thông tin**: muốn hiểu biết thời sự ở cơ sở mình, ở địa phương mình, trong nước và trên thế giới. Đó là **nhu cầu nâng cao trình độ văn hóa nói chung và những hiểu biết cụ thể, chuyên ngành về lao động, sản xuất, về tổ chức, quản lý**. Đó là **nhu cầu về đạo đức, về lối sống**, đặc biệt là về cách ứng xử, xây dựng quan hệ mới giữa người và người, từ trong gia đình ra đến xã hội. Đó là **nhu cầu thẩm mỹ**, nhất là trong thanh niên và thiếu niên, nhu cầu được thưởng thức và sáng tạo văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật. Đó là **nhu cầu nghỉ ngơi có ích, giải trí lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, giao lưu tình cảm v.v.** Tất cả những nhu cầu này đều cần được thỏa mãn về số lượng cũng như về chất lượng, nhưng trước hết và chủ yếu là về chất lượng — đó là một đặc điểm quan trọng hàng đầu của nhu cầu văn hóa mà chúng ta không thể xem nhẹ



Hiện nay, nhu cầu văn hóa của nhân dân ta chưa được đáp ứng một cách thỏa đáng, tuy sự nghiệp văn hóa của chúng ta vẫn tiếp tục phát triển, việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đã có những tiến bộ mới và hàng năm mức hưởng thụ của quần chúng về văn hóa nghệ thuật có được tăng lên ít nhiều. Những khó khăn to lớn về kinh tế đương nhiên có ảnh hưởng đến việc phát triển văn hóa, ví dụ do thiếu giấy cho nên các chi tiêu về sách báo và văn hóa phẩm giảm sút nghiêm trọng. Song, trong những điều kiện cho phép, chúng ta chưa khai thác hết và sử dụng hợp lý, có hiệu quả những khả năng hiện có.

Bình quân mức hưởng thụ văn hóa trong cả nước năm 1981 mới là: 0,79 lượt xem nghệ thuật; 5,22 lượt xem chiếu bóng; 0,35 bản sách xuất bản; 0,35 bản văn hóa phẩm; 2,66 tờ báo. Ở các thành phố lớn, mức hưởng thụ văn hóa có cao hơn, song ngay ở thủ đô Hà Nội, số người nhận tin qua báo cũng vẫn chưa vượt quá 1/3 dân cư thành niên.

Sự chênh lệch quá đáng trong mức hưởng thụ văn hóa, trong đời sống tinh thần của nhân dân lao động các vùng, các dân tộc trong nước là điều đáng quan tâm. Ở đồng bằng sông Cửu-long, số người thất học còn rất đông. Nhìn chung trong cả nước thì phong trào hoạt động văn hóa có phát triển nhưng không đều. Ở những vùng biên giới, hải đảo, căn cứ cách mạng cũ, nông thôn hẻo lánh, đời sống văn hóa còn rất thấp, có nơi thậm chí hàng năm không hề được xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật, nhiều nơi vẫn còn những cơ sở trắng về văn hóa.

Chất lượng chưa cao cho nên hiệu quả của các hoạt động văn hóa trong việc phát huy bản chất tốt đẹp, dũng cảm lao động và chiến đấu, chịu đựng gian khổ, khó khăn của nhân dân ta nói chung cũng như trong việc đấu tranh chống những biểu hiện hư hỏng ngấm trọng về đạo đức và lối sống ở một số người trong đó có cả công nhân, thanh niên, cán bộ và đảng viên, đấu tranh chống những hủ tục của xã hội cũ và ảnh hưởng của văn hóa phản động đồi trụy của chủ nghĩa đế quốc, thực dân mới v.v. còn bị hạn chế.

Việc phân phối và tổ chức sử dụng các sản phẩm văn hóa còn nhiều mặt chưa hợp lý và không đúng đối tượng. Ở một số nơi, có lúc có khuynh hướng

«thương mại hóa» văn hóa, chạy theo thị hiếu thấp kém để thu lợi, kiếm tiền; kinh doanh nghệ thuật lẫn át mục đích phục vụ nhân dân lao động, thương thức nghệ thuật trở thành một đặc quyền của những kẻ làm tiền.

Chúng ta cũng chưa nắm được cụ thể nhu cầu văn hóa của từng tầng lớp nhân dân, từng vùng dân cư, từng lứa tuổi cho nên cái thiếu ở nơi này lại có thể thừa ở nơi kia. Nhu cầu thường mới được đáp ứng một cách đơn giản đồng loạt. Nhiều nhu cầu mới của nhân dân lao động, nhất là của thanh niên chưa được chú ý đúng mức. Cũng còn thiếu sự giáo dục thị hiếu thẩm mỹ, hướng dẫn nhu cầu, cho nên vẫn tồn tại những nhu cầu không hợp lý hoặc không lành mạnh, gây nên tình trạng thiếu văn hóa, mất trật tự ngay ở những nơi sinh hoạt văn hóa.

Cuối cùng là việc tổ chức đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân còn kém, cho nên chưa phát huy được đến mức tối đa hiệu quả của sản phẩm văn hóa đã có.



Nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng to lớn của nhân dân ta hiện nay, trước hết cần ra sức **phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa**. Tiềm năng văn hóa trong nhân dân ta rất lớn. Theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm, chắc chắn chúng ta có thể phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu sự nghiệp giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật ở khắp mọi nơi. Chúng ta có thể mở rộng hơn nữa phong trào quần chúng làm văn hóa (phong trào văn nghệ quần chúng, phong trào đọc sách báo, phong trào giáo dục truyền thống, phong trào xây dựng nếp sống mới, phong trào thể dục thể thao v.v.), bởi vì quần chúng không thụ động trong việc thỏa mãn nhu cầu văn hóa của mình mà vừa tiếp nhận vừa sáng tạo, tự sáng tạo ra nhiều giá trị văn hóa để thỏa mãn nhu cầu văn hóa của mình. Cần có kế hoạch, chính sách và biện pháp cụ thể nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa nghệ thuật, trong các lĩnh vực sáng tác, biểu diễn, giảng dạy, nghiên cứu, biên soạn, nhằm « phục vụ công cuộc bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội hiện nay » (1). Riêng về sáng tác, yêu cầu là phải củng cố các trại sáng tác, mở rộng và sử dụng tốt quỹ văn hóa, cải tiến chế độ đi thực tế, tăng cường lượng thông tin về tình hình đất nước và giới thiệu những điển hình tiên tiến cho các văn nghệ sĩ, đầu tư thích đáng cho việc sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị.

Tiếp tục cuộc điều tra nghiên cứu nhu cầu văn hóa và thực trạng đời sống văn hóa của nhân dân đã được tiến hành từ năm 1982, từ đó thiết thực **đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở** cả về mặt phong trào, bộ máy lẫn thiết chế và cơ sở vật chất kỹ thuật một cách có kế hoạch vững chắc, có hiệu quả, là một trọng tâm công tác của ngành văn hóa hiện nay phối hợp với các ngành có liên quan. Nắm được tình hình và đặc điểm các loại hình cơ sở khác nhau trong các khu vực khác nhau, trước mắt tập trung xây dựng thử cho mỗi lĩnh vực, thành, quận, huyện một vài cơ sở điển hình về đời sống văn hóa, rồi mở rộng dần ra cả địa bàn, thì đến năm 1985, chúng ta có thể thực

(1) Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Trung ương Đảng (khóa V) ngày 24-6-1983.

hiện được yêu cầu đã ghi trong Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng: « mỗi cơ sở đều có đời sống văn hóa ».

Đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân ta trong điều kiện hiện nay không thể tách rời cuộc **đấu tranh chống địch phá hoại trên mặt trận văn hóa**. Cho nên cần tập trung lực lượng, khôn trương và kiên quyết loại trừ lối sống tiêu cực, lạc hậu, loại trừ văn hóa thực dân mới, nô dịch, phân động, đồi trụy và tinh xảo chống lại mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch, coi đây là một nội dung quan trọng của việc **xây dựng một lối sống lành mạnh, văn minh ở thành phố cũng như ở nông thôn, lối sống xã hội chủ nghĩa cho nhân dân lao động, trên tất cả các mặt lao động, công tác, sinh hoạt tinh thần và quan hệ xã hội**. Đồng thời chúng ta phải vừa đáp ứng vừa giáo dục và hướng dân nhu cầu, thị hiếu của quần chúng, đặc biệt là của các tầng lớp thanh niên đang có những nhu cầu văn hóa mới và nhiều vẻ. Coi trọng việc tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các đoàn nghệ thuật chưa được cải tạo xong ở miền Nam, bởi đây là cuộc đấu tranh giữa hai nền văn hóa, đây là một bộ phận, một biểu hiện của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Các sản phẩm văn hóa phải được phân phối và sử dụng hợp lý hơn. Văn hóa của chúng ta phục vụ nhân dân lao động. Sách báo, phim ảnh, ca nhạc, nghệ thuật sân khấu v.v. tất cả đều phải đến được những nơi cần thiết, đến được những đối tượng cần thiết đang lao động, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng ta quyết khắc phục khuynh hướng « thương mại » trong nghệ thuật, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực này, xóa bỏ sự bất công, khắc phục dần sự chênh lệch quá đáng trong việc hưởng thụ văn hóa giữa các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các vùng khác nhau, đặc biệt chú ý đến những vùng biên giới, hải đảo, căn cứ cách mạng cũ v.v. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, cần nâng cao hơn nữa hệ số sử dụng các sản phẩm văn hóa, sao cho mỗi bản sách, mỗi tờ báo, mỗi tiết mục sân khấu, mỗi bản phim v.v. phục vụ được càng nhiều người càng tốt.

Cuối cùng, việc cải tiến tổ chức và quản lý văn hóa là hết sức cần thiết và cấp bách trước yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Đó trước hết là sự quan tâm, sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của Đảng và chính quyền ở các cấp đối với việc xây dựng đời sống văn hóa của nhân dân. Đó là việc ổn định tổ chức ngành văn hóa một cách cơ bản từ trung ương đến cơ sở. Đó là việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chỉ đạo và cán bộ nghiệp vụ văn hóa nhằm chấn chỉnh và tăng cường bộ máy văn hóa ở các cấp. Song song với việc củng cố các cơ quan tham mưu, là việc quy hoạch lại các nhà hát, các đoàn nghệ thuật, các trường, các cơ sở sản xuất kinh doanh, tích cực xây dựng cơ sở, xác định rõ chức trách, nhiệm vụ từng tổ chức, từng người, xây dựng tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng vững mạnh, xây dựng quy chế làm việc và rà soát lại các chế độ, chính sách trong ngành nghệ thuật.

Thâu suốt tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng trong công tác chỉ đạo, trong các hoạt động văn hóa, hướng về cơ sở, làm việc theo một kế hoạch khoa học và thiết thực, chúng ta nhất định sẽ vượt lời đáp ứng được nhu cầu văn hóa ngày càng to lớn của nhân dân ta.

Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa xã hội là cuộc gặp gỡ hay và đẹp như cùng hẹn trước *

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Thưa các đồng chí thân mến,

THAY mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, tôi thân ái gửi đến Đại hội lần thứ ba các nhà văn Việt-nam và đội ngũ anh chị em hoạt động trên mặt trận văn học lời chào mừng và những tình cảm thâm thiết. Chúc Đại hội lần này của các đồng chí đánh dấu một bước phát triển mới của sự nghiệp văn học Việt-nam.

Lịch sử Việt-nam bốn nghìn năm chứng tỏ dân tộc ta là một cộng đồng hình thành rất sớm từ xa xưa, gắn bó chặt chẽ với nhau trong tình yêu nước - yêu nhà, thương người như thể thương thân. Cộng đồng dân tộc Việt-nam không ngừng lớn mạnh trong quá trình giữ nước và dựng nước, đạt tới đỉnh cao trong những thử thách lớn của lịch sử, phát huy lực lượng và trí tuệ của cả dân tộc, làm nên những sự nghiệp là niềm tự hào của các thế hệ ngày nay và mai sau. Lịch sử dân tộc thể hiện giá trị,

sức mạnh và truyền thống của một nền văn hóa mà từ xưa ông cha ta đã thấy, khi khẳng định nước Việt-nam ta là một nước văn hiến.

Con đường của dân tộc ta đi cùng một hướng với trào lưu của thế giới là giải phóng xã hội, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, và sự gắn bó giữa ba cuộc giải phóng này là thực tế sinh động của thế giới ngày nay. Như vậy, sự gặp gỡ giữa Việt-nam và thế giới là tất yếu, từ xu thế bèn trong của cả hai bên. Nguyễn-Ái-Quốc gặp Lê-nin qua Luận cương về vấn đề dân tộc là một cái mốc lịch sử cực kỳ quan trọng. Từ đó, cách mạng Việt-nam gắn liền với cách mạng thế giới. Dân tộc ta, vốn ở nơi giao lưu của nhiều nền văn hóa, từ xưa đã nhạy cảm tiếp thụ cái hay, cái đẹp của nhiều dân tộc, càng mở rộng cửa đón nhận những tinh hoa của loài người.

* Thư gửi Đại hội thứ ba các nhà văn Việt-nam.

Sự phát triển của dân tộc Việt-nam từ khi có Đảng, trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, được đánh dấu bằng những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Kế tục thành quả đó, nhân dân ta đang ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu của mình. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi rất cao, ở mức chưa từng có, đối với mọi người và đối với mỗi người, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của từng người và của mọi người, để thực hiện những ước mơ đẹp nhất.

Sống và hoạt động trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, các nhà văn, những người hoạt động văn hóa, nghệ thuật, những người làm khoa học xã hội ở nước ta có niềm hạnh phúc lớn lao và có sứ mạng cao cả: chiến đấu vì một sự nghiệp vĩ đại, một dân tộc vĩ đại, những con người vĩ đại.

Từ Cách mạng Tháng Tám, trong khi chiến đấu và chiến thắng những bọn xâm lược hung hãn nhất, nhân dân ta ở miền Bắc đã từng bước xây dựng cuộc sống mới của mình, trong đó có nền văn hóa mới, kết hợp truyền thống văn hóa dân tộc với những tư tưởng lớn của thời đại. Thắng lợi của nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bành trướng Trung-quốc là thắng lợi của đường lối đúng đắn của Đảng ta, thắng lợi của chế độ ta giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thắng lợi của chiến tranh nhân dân, đồng thời là thắng lợi của nền văn hóa Việt-nam thời đại Hồ-Chí-Minh. Sống cùng một nhịp với nhân dân, các thế hệ nhà văn Việt-nam đã góp phần về vang vào sự nghiệp cách mạng, sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị, thấm nhuần chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta. Cuộc

kháng chiến hùng vĩ của dân tộc đã làm nảy nở một phong trào sáng tác văn học và nghệ thuật trong các tầng lớp nhân dân và các lực lượng vũ trang, từ đó đã xuất hiện những nhà văn có tài năng. Một số tác phẩm về kháng chiến, viết trong khói lửa chiến đấu và từ tâm huyết của nhà văn, được sự đón tiếp nhiệt tình của nhân dân trong nước, và được hoan nghênh ở nhiều nước trên thế giới. Nền văn học mới, bộ phận hợp thành của nền văn hóa mới Việt-nam, xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học chống đế quốc của thời đại.

Thưa các đồng chí thân mến,

Nhân dân ta đang triển khai cả chiều rộng và chiều sâu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là cuộc cách mạng triệt để nhất, cơ bản nhất, toàn diện nhất, thay đổi sâu xa nhiều mặt của đời sống xã hội, của cả dân tộc và của mỗi người. Như trên đã nói, bản chất của con người Việt-nam và toàn bộ tiến trình lịch sử dân tộc đã chuẩn bị cho nhân dân ta đến với chủ nghĩa xã hội tự nhiên như dòng sông chảy ra biển cả, thuận lợi như thiên nhiên nở hoa kết trái dưới ánh sáng mặt trời. Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa xã hội là cuộc gặp gỡ hay và đẹp như cùng hẹn trước.

Ngày nay, trong phạm vi cả nước, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp khó khăn, gian khổ và phức tạp mà chúng ta phải lường cho hết. Đó là vì chúng ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, từ một đất nước nghèo nàn mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, lại bị tàn phá

hơn 30 năm chiến tranh liên tiếp, và hiện nay vẫn phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại rào rứt về nhiều mặt của kẻ thù. Khó khăn phức tạp nằm ngay trong bản thân quá trình cách mạng, và dính liền với nó là những sai sót của chúng ta trong công việc, và, đặc biệt đáng chú ý, là những điều hư hỏng diễn ra trong đời sống kinh tế và xã hội.

Cách mạng là đấu tranh, và cách mạng xã hội chủ nghĩa của dân tộc ta là cuộc đấu tranh rất quyết liệt, bền bỉ, sáng tạo, theo đường lối được vạch ra trong các văn kiện của Đại hội lần thứ IV của Đảng, đề từng bước xây dựng nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc. Trong cả quá trình đó, chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên nhằm những mục tiêu phấn đấu cấp bách nhất và thiết thực nhất đã được Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, tạo cơ sở cho các chặng đường tiếp theo.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Sức mạnh tổng hợp của 3 cuộc cách mạng phát huy trong phong trào làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng và thông qua công tác quản lý của Nhà nước, là động lực có tầm quan trọng to lớn của xã hội ta. Cả dân tộc và mỗi người lao động thật sự trở thành những người làm chủ tập thể đầy trách nhiệm, coi công việc của đất nước là công việc của chính mình và phấn đấu làm tốt công việc của mình để góp phần vào công việc chung; đó là khả năng lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mọi người chúng ta phải nhận rõ điều này: Bởi từ xưa dân tộc ta là một cộng đồng, ngày nay nhân dân

lao động nước ta sẵn sàng đến với tư tưởng làm chủ tập thể.

Chế độ làm chủ tập thể phát huy cao độ lực lượng vật chất và tinh thần của cả dân tộc và của mỗi người, ở từng phường, xóm, từng xí nghiệp, hợp tác xã, từng huyện, tỉnh, từng ngành và trong cả nước. Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của quần chúng nhân dân đông đảo gắn liền với những hoạt động, những tiến bộ và đã vươn lên của từng người.

Chúng ta luôn luôn hết sức phấn đấu để giảm bớt khó khăn và từng bước cải thiện đời sống vật chất. Đồng thời, chúng ta rất coi trọng đời sống văn hóa: đạo đức con người, quan hệ giữa người với người trong từng gia đình, trong từng tập thể, và trong toàn xã hội. Có thể về vật chất chúng ta chưa có mức sống cao, song về văn hóa, chúng ta phải có cuộc sống lành mạnh, tươi vui và đẹp đẽ.

Từ quan điểm này, nổi bật tầm quan trọng to lớn của cách mạng tư tưởng và văn hóa, cuộc cách mạng trực tiếp tác động vào tư tưởng và tinh cảm của con người, biến những tư tưởng và tinh cảm lớn của chủ nghĩa xã hội thành lực lượng đầy mạnh 3 cuộc cách mạng, như lời nói của Bác Hồ: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ».

Nhân dân ta đang chứng minh khả năng làm chủ tập thể của mình, từng nơi, từng bước, từng phần, làm chủ sự nghiệp cách mạng về kinh tế, văn hóa và xã hội, nhằm hướng tiến lên làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đang làm nảy nở những tập thể và những con người anh dũng vươn lên, đầy thông minh và sáng tạo, vượt qua khó khăn, làm nên thành tích. Đến những đơn vị xuất sắc trong nông nghiệp, công nghiệp, trong các lực lượng vũ trang

nhân dân, trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế... chúng ta vui mừng gặp những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa xã hội. Trước đây, có ai ghi được hết những sự tích anh hùng của một ngày đánh Mỹ. Bây giờ, có ai ghi được hết những việc làm tốt đẹp trong một ngày cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Đối với dân tộc ta, lịch sử là một người bạn đường thân thiết và trung thành, và cách mạng là luôn luôn chiến đấu và chiến thắng, cho đến thắng lợi cuối cùng. Không có lúc nào nước ta, dân tộc ta vững mạnh như ngày nay đề dăm đương và hoàn thành sứ mệnh mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Tuy còn nhiều khó khăn, gian khổ và những bóng đen mà chúng ta cần thấy hết, bức tranh toàn cảnh của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta là tươi sáng.

Trong bản chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng và khoa học thống nhất với nhau, cách mạng là khoa học và khoa học là cách mạng. Ở khắp nơi và trong từng việc, từng người, cái đúng, cái tốt và cái đẹp gặp gỡ nhau, thâm nhập vào nhau. Chủ nghĩa xã hội khoa học, nền đạo đức xã hội chủ nghĩa và nền mỹ học xã hội chủ nghĩa quan hệ mật thiết với nhau

Thưa các đồng chí thân mến,

Cách mạng xã hội chủ nghĩa dành cho mặt trận văn học, nghệ thuật một vai trò rất quan trọng, và đòi hỏi các nhà văn làm tròn một sứ mệnh lớn lao. Sứ mệnh ấy là phản ánh trong tác phẩm của mình cách mạng xã hội chủ nghĩa và những con người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhà văn diễn tả được cái đẹp của cuộc sống, tạo được cái đẹp trong con người, mới thật sự trở thành người kỹ sư của tâm hồn

Chúng ta hãy cùng nhau nhớ lại câu thơ của Bác:

“Nay ở trong thơ nên có thép

*Nhà thơ cũng phải biết xung
phong”.*

Nhà văn, nhà thơ ở nước ta ngày nay phải là người chiến sĩ cách mạng xã hội chủ nghĩa, như trước đây là người chiến sĩ trong kháng chiến vì độc lập, tự do. Nhà văn hãy hiểu biết và tin yêu sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đang diễn ra hàng ngày bằng tất cả lý trí và tình cảm của mình. Nhà văn hãy sống cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa như sống cuộc đời mình, tràn đầy hứng hái, phấn khởi và say mê.

Nhà văn hãy tháo gỡ những cái vướng mắc của mình, của từng người và của cả đội ngũ. Chính những cái vướng mắc này mấy năm qua đã khiến cho nhiều nhà văn vấp đuôi, có lúc như chưa lao được vào trong cuộc, chưa đứng vững ở vị trí và chưa làm tròn nhiệm vụ sáng tác văn học của mình. Hiện nay, công việc của chúng ta khác nào như một con sông, mà rác rưởi ở bên bờ không thể che lấp dòng nước trong sạch và tươi mát. Nhà văn hãy tắm mình vào dòng nước trong sạch ấy, tìm thấy ở đó nguồn cảm hứng có thể vô cùng đẹp đẻ.

Là người chiến sĩ cách mạng, nhà văn hãy đi sâu vào cuộc sống xã hội chủ nghĩa, tìm hiểu, khám phá và sáng tạo, với tâm nhìn khoáng đạt, thấy rõ ánh sáng và bóng tối, quá khứ và tương lai, Việt-nam và thế giới, nhất là thấy sáng những hạt giống, những mầm non sẽ trở thành những mùa hoa trái. Với khoảng cách của thời gian, và từ cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay, nhà văn có điều kiện nhìn sâu hơn, sáng hơn, khái quát hơn về những cuộc kháng chiến đã qua, và phải cố gắng làm nên những tác phẩm lớn, xứng đáng với cuộc chiến đấu vĩ đại của nhân dân ta vì độc lập,

tự do, nhất là trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Thông qua tác phẩm của mình, nhà văn cổ vũ nhân dân ta thương yêu nhau, cùng nhau đoàn kết và phấn đấu, trở thành những người chiến sĩ dũng cảm, thông minh, giàu tài năng sáng tạo trên mặt trận sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc, kết hợp nhuần nhuyễn lòng yêu nước thiết tha với tình cảm quốc tế xã hội chủ nghĩa cao cả. Nhà văn hãy ra sức làm cho mọi người chúng ta thấm nhuần tư tưởng của Mác: "Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện của sự phát triển tự do của tất cả mọi người".

Trong cuộc sống cũng như trong tác phẩm, nhà văn không tránh bóng đen, có thể viết rất đậm về bóng đen, nhưng chính đề làm nổi bật ánh sáng, viết về cái hư hỏng, cái lạc hậu, chính để làm nổi bật cái đúng, cái hay và cái đẹp.

Lẽ tự nhiên, phương pháp sáng tác của các nhà văn chúng ta là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhà văn cần luôn luôn xuất phát từ hiện thực của xã hội và con người mà khám phá và sáng tạo. Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa tôn trọng và khuyến khích những phong cách rất khác nhau, nhiều màu nhiều vẻ, phong phú như bản thân cuộc sống, như chính sự phong phú của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Di đòi hỏi với việc vận dụng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhà văn cần luôn luôn nhớ mình là người chiến sĩ cách mạng, làm cho tác phẩm của mình thể hiện một cách sinh động và có sáng tạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, phê phán nghiêm khắc mọi khuynh hướng lệch lạc, nhất là các biểu hiện của chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tài tử, lối chạy theo những thị hiếu thấp kém, thậm chí đồi trụy, bệnh công thức thô thiển và giả tạo.

Những người làm lý luận và phê bình văn học cần cộng tác thân ái với nhà văn, nâng cao trình độ của người đọc, tăng cường chất lượng và tính nguyên tắc trong công tác của mình, chăm lo vun trồng, khuyến khích những tác phẩm tốt, những tác giả có tài năng và có triển vọng, góp phần đắc lực vào việc sáng tác và thưởng thức văn học.

Hội nhà văn Việt-nam cần thật sự trở thành một tổ chức cách mạng xã hội chủ nghĩa, một tập thể ngày càng đông đảo thiết thực chăm lo việc sáng tác của các hội viên, một gia đình rộng lớn đoàn kết, thân ái, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, ở đó bầu không khí luôn luôn thể hiện tính chất trong trẻo và cao quý của văn học, tạo thêm nguồn phấn khởi cho mỗi người. Trong đội ngũ nhà văn, cần hết sức quý trọng các nhà văn lớp trước đã bền bỉ phấn đấu trên mặt trận văn học từ trên dưới nửa thế kỷ nay và hiện vẫn hằng hái tiếp tục sáng tác; đồng thời, sự quan tâm đặc biệt về mọi mặt: bồi dưỡng, nâng đỡ, khuyến khích, tạo điều kiện vươn lên, phải được dành cho lớp nhà văn trẻ, đã được thử thách trong kháng chiến chống Mỹ và trong 8 năm qua, là bộ phận rất quan trọng và sung sức của đội ngũ hiện nay, và là ngày mai của nền văn học nước ta.

Trong đội ngũ nhà văn nước ta, không thiếu những người có tài năng. Thành tựu từ Cách mạng Tháng Tám chứng minh các nhà văn của chúng ta có thể làm nên những tác phẩm có giá trị, tiến lên làm những tác phẩm lớn, xứng với sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Thưa các đồng chí thân mến,

Trong Đại hội các nhà văn hôm nay có đông đủ đại diện của các Hội Mỹ thuật, Âm nhạc, Sân khấu, Điện ảnh, Nhiếp ảnh, Kiến trúc. Các đồng

chỉ cũng sắp tiến hành đại hội của ngành mình. Nhân dịp này, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, tôi nhân ái gửi đến anh chị em hoạt động trong các ngành nghề thuật của nước ta lời chào mừng và những tình cảm thâm thiết.

Cùng với văn học, các ngành nghề thuật, mỗi ngành theo đặc điểm và thế mạnh của mình, đều có những thành tựu đáng phần khởi và những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân, đặc biệt là trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. Những thành tựu tiêu biểu của nhiều ngành nghề thuật nước ta được hoan nghênh ở trong nước và được đánh giá cao trong nhiều cuộc triển lãm và liên hoan nghệ thuật quốc tế. Qua các chặng đường cách mạng, lực lượng của từng ngành nghề thuật không ngừng lớn lên về sáng tác, về nghiên cứu cũng như về biểu diễn.

Trong thời gian tới, đội ngũ những người làm nghệ thuật của chúng ta cần vươn lên mạnh mẽ và toàn diện hơn, khắc phục những lệch lạc, phần đầu dễ phát triển ngành nghề của mình, làm tròn nhiệm vụ cao quý trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những người làm nghệ thuật của chúng ta, trong cuộc sống và trong hoạt động nghệ thuật, hãy thực hiện sự thông nhất hài hòa giữa người nghệ sĩ và người chiến sĩ cách mạng, làm nghệ sĩ với tư tưởng, tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm chiến sĩ bằng tác phẩm nghệ thuật của mình. Ngành nghệ thuật nào cũng phải lấy cái đẹp trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

trong cuộc sống của nhân dân và trong con người Việt-nam làm cái đẹp trong tác phẩm của mình. Các ngành nghề thuật cần phối hợp nhịp nhàng để thúc đẩy ba cuộc cách mạng, nhất là cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng nền nghệ thuật có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc.

Dân tộc ta chờ đợi, đòi hỏi và sẵn sàng hoan nghênh những tác phẩm văn học và nghệ thuật về cách mạng xã hội chủ nghĩa và con người Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Tác phẩm văn học, nghệ thuật có tác dụng giáo dục, động viên, làm công tác tư tưởng một cách sâu xa, mạnh mẽ và bền vững không gì so sánh được. Chúng ta đều biết, trong lịch sử các dân tộc, những tác phẩm lớn là người bạn thân thiết không thể thiếu của các thế hệ từ đời này qua đời khác.

Các nhà văn và các nhà hoạt động nghệ thuật hãy vững bước đi trên con đường của Đảng và của dân tộc, cống hiến hết mình vào sự nghiệp của nhân dân, lớn lên trong phong trào cách mạng, cả đội ngũ lớn lên và từng người lớn lên, về hiểu biết cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tư tưởng và tâm hồn, về tầm nhìn, về tài năng, về phong cách, lớn lên cùng một nhịp với cách mạng xã hội chủ nghĩa và con người Việt-nam ta. Nhất định các nhà văn và các nhà hoạt động nghệ thuật nước ta, những người được nhân dân yêu mến, sẽ có những mùa gặt lớn.

Chúc Đại hội lần thứ ba các nhà văn Việt-nam thành công tốt đẹp.

Chúc các đại hội sắp tới của các ngành nghề thuật thành công tốt đẹp.

THẦU SUỐT VÀ THI HÀNH NGHIỆM CHÍNH CHÍNH SÁCH THUẾ NÔNG NGHIỆP MỚI

CHU - TAM - THỨC

CẢI TIẾN CHÍNH SÁCH THUẾ NÔNG NGHIỆP LÀ CẦN THIẾT VÀ CẤP BÁCH

Thuế nông nghiệp là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, được ban hành từ năm 1951, nhằm động viên nông dân đem sức người sức của phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp và điều tiết một phần hoa lợi ruộng đất của giai cấp địa chủ và phú nông.

Qua các thời kỳ cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc và sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chính sách thuế nông nghiệp đã nhiều lần được bổ sung, sửa đổi, đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và nhất là bảo đảm cho Nhà nước nắm trong tay một khối lượng lương thực cần thiết cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, cải thiện đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, chính sách thuế nông nghiệp và việc tổ chức quản lý thu thuế trước đây có một số nhược điểm:

— Chính sách thuế không thống nhất trong cả nước. Thuế nông nghiệp

là thứ thuế đánh vào hoa lợi ruộng đất. Hễ đất đai có hoa lợi thì người hưởng hoa lợi phải chịu thuế, tính theo mức hoa lợi bình quân nhân khẩu trong nông hộ. Mức khởi điểm tính thuế ở miền Bắc là 60kg, ở miền Nam là 200 kg thóc một nhân khẩu. Trước đây, quy định như vậy là thích hợp với tình hình lịch sử và điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng. Đến nay, những quy định đó đã bộc lộ những nhược điểm không phù hợp với nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước như chính sách dân số, chính sách khuyến khích việc phân bố lao động di khai phá các vùng đất mới. Mặt khác, hơn 30% (thậm chí có nơi trên 40%) nông hộ cá thể sử dụng đất đai nhưng không phải nộp thuế, làm cho thuế nông nghiệp mất tính chất công bằng hợp lý; tác dụng của thuế là góp phần quản lý sử dụng ruộng đất cũng không được phát huy.

Đối với kinh tế tập thể (hợp tác xã) thuế trước đây không căn cứ vào

diện tích, độ phì của đất để tính, mà tính theo số thuế của các hộ xã viên trước khi vào hợp tác xã cộng lại, với thuế suất tối đa 25%. Do đó, giữa các hợp tác xã, tỷ lệ thuế bình quân cũng chênh lệch nhau nhiều: nơi có nhiều bản cổ nông thì nói chung tỷ lệ động viên thấp, nơi đất rộng, người thưa thì tỷ lệ động viên có phần cao.

— Căn cứ chính để tính thuế nông nghiệp là diện tích, sản lượng và nhân khẩu nông nghiệp. Về diện tích, đến nay nhiều nơi chưa đo đạc; việc tính thuế dựa chủ yếu vào diện tích các hộ tự khai, do đó thường xảy ra sai sót, ăn giấu, không phản ánh đúng thực trạng ruộng đất. Về năng suất và sản lượng, việc tính thuế cũng dựa chủ yếu vào tờ khai, không dựa trên sự phân tích độ màu mỡ và điều kiện tưới, tiêu nước để phân hạng đất đai. Về nhân khẩu tính thuế cũng tăng rất nhanh, có trường hợp vượt quá mức tăng tự nhiên do cổ tình kê khai sai chính sách.

— Việc tổ chức thực hiện chính sách thuế lại có nhiều sơ hở, sai sót như: tính thuế sai, nhầm, hụt mức thuế, lập sổ thuế không kịp thời, miễn giảm tràn lan, nộp thuế không đủ, dễ khê đọng nhiều... Do đó tình trạng thất thu thuế nghiêm trọng, kéo dài

không ít năm. Nếu tính bình quân số thuế thu được trong 5 năm (1976 — 1980), thì mức động viên qua thuế chỉ bằng 6,3% sản lượng lương thực thực tế.

Tóm lại, chính sách thuế nông nghiệp cũ tuy đã qua nhiều lần sửa đổi, nhưng vẫn giữ tinh chất là một thứ thuế thu vào hoa lợi ruộng đất căn cứ vào ba yếu tố: diện tích, sản lượng và nhân khẩu nông nghiệp của từng hộ nông dân và tính theo thuế suất lũy tiến. Vì vậy, chính sách này chưa đáp ứng được yêu cầu đóng góp công bằng, hợp lý và khuyến khích thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, tăng cường quản lý và sử dụng ruộng đất có hiệu quả... Việc tính thuế theo nhân khẩu nông nghiệp trong từng hộ cũng không phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động và cơ chế quản lý mới hiện nay trong nông nghiệp. Chính sách thuế cũ cũng chưa có sự phân biệt giữa sản xuất tập thể và cá thể để khuyến khích kinh tế tập thể phát triển và điều tiết đúng mức thu nhập của những người sử dụng nhiều ruộng đất còn sản xuất cá thể.

Do những nhược điểm trên đây, việc cải tiến chính sách thuế nông nghiệp là rất cần thiết và cấp bách.

MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA PHÁP LỆNH THUẾ NÔNG NGHIỆP

Do việc cải tiến chính sách thuế nông nghiệp đã trở thành cấp bách, cho nên từ năm 1980, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết số 26/NQ-TƯ, vạch rõ phương hướng và yêu cầu sửa đổi chính sách thuế nông nghiệp là: "...chính sách thuế nông nghiệp phải thống nhất trong cả nước, phải công bằng và đơn giản, căn cứ vào diện tích và độ phì của

đất nhằm khuyến khích thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích, tăng cường quản lý và sử dụng ruộng đất; *biểu thuế nông nghiệp và công tác thu thuế phải bảo đảm cho Nhà nước thu được 10% sản lượng (tính chung cả nước). Đối với các nông sản chủ yếu thì thu bằng hiện vật, đối với các sản phẩm thu thuế bằng tiền thì phải tính theo giá thị trường* Những người

không chịu nộp thuế nông nghiệp thì không được quyền sử dụng ruộng đất... ».

Ngày 3 tháng 3 năm 1983, thi hành nghị quyết ngày 28-12-1982 của Quốc hội khóa VII kỳ họp thứ tư, Hội đồng Nhà nước đã công bố *Pháp lệnh quy định chính sách thuế nông nghiệp* mới để thi hành thống nhất trong cả nước kể từ năm 1983. Trong nghị định số 25/HĐBT ngày 30-3-1983 Hội đồng bộ trưởng đã quy định những điểm chi tiết thi hành *Pháp lệnh thuế nông nghiệp*.

Chính sách thuế nông nghiệp mới được ban hành nhằm mục đích khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, mở rộng diện tích, tăng cường quản lý và sử dụng ruộng đất, khuyến khích cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, góp phần đẩy mạnh công tác hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam, củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc, bảo đảm tích lũy đúng mức cho ngân sách Nhà nước, đồng thời bảo đảm đời sống của nhân dân.

Để khuyến khích thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, khuyến khích việc nâng cao hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất, thuế nông nghiệp đánh chủ yếu vào đất nông nghiệp theo hai căn cứ tính thuế: diện tích với hạng đất đối với đất trồng cây hàng năm; diện tích và sản lượng hoặc giá trị sản lượng hàng năm đối với đất vườn và đất trồng cây lâu năm. Việc phân hạng đối với đất trồng cây hàng năm căn cứ vào độ phì của đất và điều kiện tưới, tiêu nước, và tương đối dễ thực hiện, vì đại bộ phận cây trồng hàng năm là cây lương thực, thực phẩm, trong đó lúa là chủ yếu. Mức năng suất của các hạng đất định bằng thóc vừa thuận tiện cho việc tính thuế, vừa khuyến khích người nông dân phát triển theo kế hoạch trồng những cây phục vụ cho

tiêu dùng, cho sản xuất công nghiệp trong nước và xuất khẩu. Đối với đất vườn và đất trồng cây lâu năm, không đặt vấn đề phân hạng, do sinh thái cây trồng quá khác nhau, đất thích hợp với cây này có khi lại không thích hợp với cây kia. Để cho hợp lý và đơn giản, việc tính thuế căn cứ vào sản lượng hàng năm hoặc giá trị sản lượng hàng năm.

Cũng trên quan điểm khuyến khích sản xuất, biểu thuế nông nghiệp xây dựng đối với đất trồng cây hàng năm là biểu thuế định suất bằng thóc áp dụng cho 7 hạng đất khác nhau về độ phì và điều kiện tưới, tiêu nước. Đối với hạng cao nhất, mức năng suất cũng chỉ tính là 5 tấn/héc ta và định suất thuế cũng cố định không thay theo sản lượng, do đó có làm được nhiều hơn cũng không phải nộp thuế thêm. Các định suất thuế còn được phân biệt theo vùng: xã đồng bằng, xã trung du, xã miền núi, để chiếu cố điều kiện canh tác ở 3 vùng khác nhau và do đó mức đóng thuế ở mỗi vùng phải khác nhau. Để phù hợp với chính sách dân tộc của Đảng, định suất thuế đối với miền núi được tính tương đối nhẹ hơn so với định suất thuế ở trung du và đồng bằng.

Đối với đất trồng cây lâu năm và đất vườn, thuế nông nghiệp không tính theo định suất mà tính theo tỷ lệ trên sản lượng hoặc giá trị sản lượng hàng năm đối với từng loại cây trồng, để phù hợp với quá trình sinh thái của cây lâu năm, có nhiều đặc điểm kinh tế - kỹ thuật khác với cây hàng năm. Việc định tỷ lệ thuế khuyến khích đồng nhất 12% cho tất cả các cây công nghiệp lâu năm và khung tỷ lệ thuế từ 10% đến 30% cho vườn cây ăn quả có gần với quy mô diện tích đất sử dụng của từng hộ (dưới 1000m², đến 5000m² và trên 5000m² trở lên) và có phân biệt giữa cây ăn quả nói chung, với cây ăn quả có tính chất đặc sản, giá trị

kinh tế cao, giữa kinh tế cá thể với kinh tế tập thể, thể hiện sự quan tâm thích đáng đến kinh tế vườn và tính công bằng hợp lý trong chính sách động viên của Nhà nước đối với đất trồng từng loại cây.

Đề khuyến khích mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, các loại đất khai hoang, đất phục hóa được hưởng chế độ tạm thời chưa chịu thuế nông nghiệp: từ 3 đến 5 năm đối với đất khai hoang, từ 1 đến 3 năm đối với đất phục hóa kể từ vụ thu hoạch đầu tiên. Đất khai hoang phục hóa ở các vùng kinh tế mới, đất thuộc các vùng rẻo cao, miền núi, vùng mới chuyển sang định canh định cư, nếu sản xuất và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thì thời hạn chưa chịu thuế có thể được kéo dài thêm.

Theo Hiến pháp, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, mọi tổ chức và cá nhân có sử dụng đất nông nghiệp và các loại đất khác vào sản xuất nông nghiệp đều có nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp. Chính sách động viên đã được tính toán, xây dựng trên cơ sở quan hệ sản xuất đang hoặc sẽ giữ vị trí chủ đạo ở nông thôn là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp có quy chế như hợp tác xã chịu thuế theo quy định của Pháp lệnh; các tổ chức và cá nhân khác cũng chịu thuế theo chế độ chung nhưng có thêm tỷ lệ tăng thích hợp tùy theo mức độ được chiếu cố nhiều, ít, hay không được chiếu cố. Nông trường quốc doanh và trạm, trại nông nghiệp của Nhà nước, do chưa ổn định được kế hoạch sản xuất và chưa khác phục được các mặt mất cân đối trong sản xuất và quản lý, nên chưa phải nộp thuế nông nghiệp mà vẫn tiếp tục thực hiện chế độ giao nộp sản phẩm và chế độ trích nộp lợi nhuận như hiện nay. Tất cả mọi tổ chức xã hội, cơ quan, đoàn thể, xí

ngiệp, các cán bộ công nhân viên chức Nhà nước kể cả cán bộ công nhân viên chức của nông trường, trạm, trại quốc doanh, các đơn vị lực lượng vũ trang và cán bộ chiến sĩ cũng như xã viên hợp tác xã, tập đoàn viên tập đoàn sản xuất, nếu có sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp với tính chất làm kinh tế phụ gia đình, thì chịu thuế theo chế độ chung như đối với hợp tác xã. Đề phù hợp với tình hình hiện nay và có sự phân biệt với kinh tế tập thể, đất do các hộ nông dân sản xuất riêng lẻ sử dụng được tính thuế theo định suất và theo tỷ lệ thuế quy định chung, ngoài ra phải nộp thêm một khoản phụ thu tính trên tổng số thuế, cao nhất 60%, thấp nhất 10%, tùy thuộc vào diện tích đất trồng cây hằng năm mà hộ sử dụng (không kể diện tích đất hạng 7 nhằm chiếu cố cho nông hộ có nhiều đất xấu). Nếu tính cả mức thuế chính cộng với mức cao nhất của phụ thu là 60%, thì mức động viên đối với đất hạng nhất ở đồng bằng cũng chỉ khoảng 22%, ở trung du khoảng 20%, và ở miền núi gần 19%.

Trong điều kiện một nước nông nghiệp sản xuất còn chịu nhiều ảnh hưởng của thiên nhiên, Pháp lệnh về thuế nông nghiệp có đặt vấn đề miễn giảm thích đáng khi xảy ra mất mùa năng do thiên tai địch họa hoặc thu hoạch kém sút nhiều do thay đổi quy hoạch, phương án kinh tế - kỹ thuật sản xuất theo kế hoạch của Nhà nước: thiệt hại từ trên 20% so với năng suất khởi điểm của hạng đất thì được giảm thuế, thiệt hại trên 70% thì được miễn thuế. Đối với đất vườn, đất trồng cây lâu năm, do đã tính thuế trên sản lượng hoặc giá trị sản lượng hằng năm, nên việc miễn giảm không đặt ra.

Ngoài các khó khăn do thiên tai địch họa gây nên, các gia đình thương binh, liệt sĩ neo đơn có khó khăn về đời sống; các hộ trước đây được miễn

thuế do hoa lợi bình quân nhân khẩu nông nghiệp thấp, nay phải chịu thuế mà đời sống cũng gặp khó khăn, đều

được xét miễn đóng mức thuế phụ thu hoặc được xét giảm thuế theo xác nhận của chính quyền cơ sở.

MẤY VẤN ĐỀ TÒ CHỨC THỰC HIỆN

Đóng thuế là một nghĩa vụ của công dân. Bất cứ ai sử dụng đất của Nhà nước đều có nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, công tác thuế nông nghiệp là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp, nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. Vì vậy, các cấp Đảng và chính quyền cần hiểu rõ ý nghĩa của công tác thuế nông nghiệp, và làm tốt công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và trong quần chúng nhân dân để thực hiện nghiêm chỉnh chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Nhà nước.

Trước hết, làm cho mọi người thấy rõ tính công bằng hợp lý, đơn giản và nhất là tính khuyến khích sản xuất của chính sách thuế nông nghiệp mới: khuyến khích thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, tăng cường quản lý và sử dụng ruộng đất; mức động viên thỏa đáng đối với từng hạng đất ở từng vùng...

Tính chất đơn giản, dễ hiểu, dễ làm và tính chất công bằng, hợp lý của chính sách thuế nông nghiệp mới thể hiện ở hình thức biểu thuế định suất đánh theo hạng đất để người nông dân và bất cứ ai sử dụng đất có thể tự mình tính được mức nghĩa vụ đóng góp của mình. Ai có sử dụng đất cũng phải đóng thuế, người nào sử dụng nhiều diện tích, đất hạng tốt phải đóng thuế nhiều hơn người sử dụng ít diện tích, đất hạng xấu. Nghĩa vụ đóng góp của mỗi người không tùy thuộc vào yếu tố nào khác ngoài hai căn cứ diện tích với hạng đất (hoặc sản lượng hàng năm) và chỉ gắn với quyền sử dụng đất.

Biểu thuế định suất được xây dựng chỉ cần ít hạng, nhưng đủ để bao quát mọi hạng tốt, xấu của ruộng đất trong cả nước. Đối với hạng cao nhất, năng suất định là 5 tấn/ha; mức này cũng chỉ tương đương 40%, 50% mức năng suất đạt của nhiều đơn vị tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp hiện nay. Thu hoạch nhiều hơn cũng không phải nộp thuế thêm; lợi ích đó càng thúc đẩy mọi người, mọi đơn vị phát triển sản xuất. Đối với hạng thấp nhất của biểu thuế, thì định suất thuế hầu như không đáng kể, nhằm hết sức khuyến khích việc mở rộng diện tích, tăng vụ. Mức thuế tính bằng thóc, lấy cây lúa làm thước đo chung cho các cây hàng năm khác là nhằm khuyến khích phát triển cơ cấu cây trồng, tăng tỷ trọng cây công nghiệp cũng như hoa màu, rau để phục vụ xuất khẩu, sản xuất và đời sống trong nước. Đối với đất trồng cây lâu năm, tuy đánh thuế theo tỷ lệ, nhưng vẫn bảo đảm tương ứng và cân đối so với đất trồng cây hàng năm.

Chính sách thuế nông nghiệp mới còn góp phần cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Điều này thể hiện rõ ở biểu thuế được xây dựng nhằm đối tượng chính là thành phần kinh tế tập thể, tức là nhằm chiếu cố quan hệ sản xuất tiến bộ đang đóng vai trò chủ đạo ở nông thôn và cũng nhằm khuyến khích, thu hút nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, góp phần thúc đẩy việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam vào năm 1985.

Chế độ động viên đối với kinh tế cá thể tuy có cao hơn so với tập thể.

nhưng trong tình hình và điều kiện hiện nay ở miền Nam, nơi mà nông dân cá thể đang chiếm tỷ trọng cao, mức độ khác biệt trong đóng viên không thể định khác hơn được và mức đóng viên đối với kinh tế cá thể như vậy là có chiều cổ đên những khó khăn và những ảnh hưởng mà sản xuất cá thể hiện đang gặp phải.

Thuế nông nghiệp là nghĩa vụ đóng góp của người nông dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. So với trước, số thuế nông nghiệp thu theo pháp lệnh mới sẽ tăng, để kết quả đóng viên bình quân cả nước sẽ đạt khoảng 10% tổng sản lượng lương thực thu hoạch hằng năm. Mức đóng viên như vậy là hợp lý, một mặt phản ánh những tiến bộ đạt được trong nông nghiệp do Nhà nước đầu tư khá lớn vào thủy lợi và thâm canh, mặt khác phản ánh yêu cầu ngày càng lớn của sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa và quốc phòng của đất nước.

Cần làm cho mọi người thấy rõ, trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, do có sự viện trợ to lớn của các nước anh em, cho nên ta đã đáp ứng được mọi nhu cầu của đất nước. Ngày nay, nguồn viện trợ đó không còn như trước, những khó khăn của bản thân nền kinh tế ngày càng bộc lộ gay gắt và nghiêm trọng. Trong tình hình đó, để bảo đảm nguồn tài chính cho nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không có con đường nào khác là Nhà nước phải dựa chủ yếu vào việc đóng viên nguồn tài chính trong nước, từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Để làm được nhiệm vụ này, khu vực kinh tế quốc doanh cần ra sức phát triển sản xuất, nâng cao tỷ lệ sử dụng công suất máy móc thiết bị, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, hạ chi phí lưu thông, kinh doanh có hiệu quả, cố gắng đóng góp tài chính nhiều hơn cho ngân sách Nhà nước; mặt khác, đối với khu vực kinh tế

tập thể và cá thể mà lâu nay chúng ta chưa động viên đúng mức, cần động viên đóng góp thích đáng hơn cho Nhà nước.

Cần phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước, bồi dưỡng tinh thần làm chủ tập thể và ý chí tự lực tự cường cho mọi người, nhất là cho nông dân, làm cho mọi người nhận rõ những khó khăn của đất nước, đặc biệt là khó khăn về tài chính quốc gia, thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế, chống lại những hiện tượng làm sai chính sách, trốn thuế, lậu thuế, miễn giảm tràn lan.

Cần giáo dục sâu sắc cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ công tác thu thuế là một bộ phận của cuộc đấu tranh gay go và phức tạp, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và trong cuộc đấu tranh này, cần chống những luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc chính sách thuế của địch và phản tũ xấu, chống những hiện tượng tiêu cực của nông dân như cổ tình dây dưa, không chấp hành chính sách. Cần nắm vững quan điểm quần chúng của Đảng trong công tác thu thuế là dựa vào quần chúng, giáo dục quần chúng và phát động quần chúng đấu tranh thực hiện pháp lệnh thuế nông nghiệp, theo đúng khẩu hiệu "mọi người phải có nghĩa vụ với Tổ quốc, có nghĩa vụ đóng góp, chia sẻ gánh nặng của đất nước một cách công bằng hợp lý".

Cần nâng cao tinh thần yêu nước và giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng để mọi người tự nguyện, vui vẻ tích cực đóng thuế nông nghiệp, coi đó là trách nhiệm, nghĩa vụ và vinh dự của mình. Nông dân nước ta có tinh thần yêu nước rất cao. Nếu được giải thích rõ về ý nghĩa chính sách thuế nông nghiệp, thì họ nhất định sẽ tự nguyện vui vẻ

(Xem tiếp trang 45)

Một số vấn đề về

VẬN DỤNG QUAN HỆ THỊ TRƯỜNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ KẾ HOẠCH HÓA

CHẾ - VIẾT - TẤN

Vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa là một nội dung đã và đang được nghiên cứu, tranh luận nhiều năm nay ở một số nước xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, đây cũng là một nội dung rất quan trọng, có ý nghĩa lớn

cả về lý luận và thực tiễn đối với toàn bộ công tác quản lý kinh tế và kế hoạch hóa, gắn rất chặt với cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

I - NỀN KINH TẾ CÓ KẾ HOẠCH VÀ VIỆC VẬN DỤNG QUAN HỆ THỊ TRƯỜNG

Chúng ta không trở lại cái thời kỳ gần như đã đi vào kỷ ức là: trong nhận thức về lý luận của một số nhà kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong chủ nghĩa xã hội sẽ không còn quan hệ hàng hóa, tiền tệ nữa.

Từ nhận thức lý luận đó đã hình thành một số quan niệm muốn có một thể chế quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa tập trung cao độ và dùng các biện pháp hành chính thông

qua Nhà nước vô sản để quản lý tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội, và gần như đi đến gạt bỏ quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa trong khi quy luật giá trị còn tác động và hoạt động trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Cùng với thời gian, trải qua thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề quan hệ thị trường trong nền kinh tế có kế hoạch đã được xem xét

một cách nghiêm túc trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đều biết, các quan hệ thị trường gắn chặt với nền sản xuất hàng hóa của mỗi chế độ xã hội khác nhau. Nước ta đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, do đó, cần làm rõ những đặc điểm của nền kinh tế nước ta và tính chất của nền kinh tế, qua việc phân tích tính chất của thị trường trong chặng đường này.

Thị trường xã hội chủ nghĩa và thị trường tư bản chủ nghĩa có những nét giống nhau và ở hai thị trường đều có hàng hóa, có tiền, có trao đổi và kiếm lãi, có sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật cung cầu. Chủ nghĩa tư bản thông qua thị trường để điều tiết sản xuất và phân phối thu nhập quốc dân xã hội có lợi cho giai cấp tư bản, vừa làm giàu cho tư bản, vừa để mở rộng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Sản xuất và phân phối dưới chế độ tư bản bị điều tiết bởi quy luật giá trị. Sự cạnh tranh trên thị trường, tính chất hấp dẫn vô cùng mãnh liệt của lợi nhuận tác động mạnh mẽ vào sản xuất và phân phối, thúc đẩy các nhà tư bản hoạt động nhanh nhạy, nâng động trên những lĩnh vực đem lại nhiều lợi nhuận, nói cách khác là chạy theo tiếng gọi của thị trường. Vì vậy, có thể gọi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là *nền kinh tế thị trường*, hoặc nói đầy đủ hơn, *nền kinh tế hàng hóa thị trường*.

Hoạt động của thị trường xã hội chủ nghĩa có những nét giống như thị trường tư bản chủ nghĩa, nhưng khác nhau về bản chất. Sản xuất của xã hội xã hội chủ nghĩa vẫn là nền sản xuất hàng hóa. Chúng ta vẫn có yêu cầu tìm ~~một~~ cách làm phong phú hơn nữa nền sản xuất hàng hóa ấy cả về số lượng và chất lượng. Thế

nhưng, hàng hóa ở thị trường xã hội chủ nghĩa do quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chi phối, (sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa là sản xuất hàng hóa tuy có một bộ phận tư liệu sản xuất vừa là hàng hóa vừa không phải là hàng hóa).

Lại ở thị trường một phần để tích lũy nhằm mở rộng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa (phần này giống như phần tích lũy để mở rộng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa), phần còn lại được phân phối theo lao động.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bị chi phối bởi quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và các quy luật kinh tế khác như quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân, quy luật phân phối theo lao động... Các quy luật này cũng thông qua nền kinh tế kế hoạch hóa, trong đó có thị trường mà phát huy vai trò điều tiết của mình.

Quy luật giá trị và quy luật cung cầu ở thị trường xã hội chủ nghĩa không có tác động chủ yếu trong việc điều tiết sản xuất và phân phối thông qua thị trường xã hội chủ nghĩa. Tính năng động ở thị trường xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là « cạnh tranh ». Ở đây sản xuất, phân phối do hoạt động các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa điều tiết và có sự *tác động của quy luật giá trị, quy luật cung cầu* còn tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa của xã hội xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, người ta gọi nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là *nền kinh tế có kế hoạch* hoặc nói đầy đủ hơn: « *nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch* ».

Tóm lại, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là *nền kinh tế hàng hóa thị trường* và nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là *nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch*; hai nền kinh tế này có những hoạt động giống nhau về hình thức

của thị trường nhưng đối lập nhau về bản chất, chúng thực hiện hai chức năng khác nhau của hai phương thức sản xuất xã hội và căn bản là đối lập nhau.

Trong giai đoạn đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đang đấu tranh trước đoạt, xóa bỏ sở hữu về tư liệu sản xuất của các giai cấp bóc lột (tư bản, phong kiến...), sản xuất được tiến hành với động lực chính là tinh thần cách mạng của quần chúng kết hợp với việc điều hành nền kinh tế theo cách chỉ huy tập trung với các biện pháp hành chính. Thị trường ở giai đoạn này vẫn có nhưng chưa nổi rõ vai trò của mình.

Đến nay, sự giao lưu trên thị trường quốc tế ngày càng mở rộng đã tác động đến thị trường nhiều nước. Tinh năng động của thị trường xã hội chủ nghĩa được nổi rõ và là yếu tố kích thích sản xuất trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Sự hình thành phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa đã thay đổi dần bản chất của thị trường trong nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch. Do đó, cần nhấn mạnh là trong nền kinh tế có kế hoạch, thị trường tuy có tính năng động nhưng vẫn nằm trong kế hoạch. Tinh năng động ở thị trường thông qua cung cầu đã chịu sự điều tiết của quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân, và tác động của quy luật giá trị ở thị trường xã hội chủ nghĩa lại phục vụ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Việc quản lý nền kinh tế có kế hoạch không chỉ được tiến hành bằng các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, mà còn bằng các chính sách, đòn bẩy, biện pháp nhằm vận dụng yếu tố thị trường trong nền kinh tế có kế hoạch. Điều đó cũng góp phần tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tăng cường vị trí của nền kinh tế có kế hoạch.

Như vậy, trong công tác kế hoạch hóa, có thể dùng phương pháp kế hoạch hóa trực tiếp với hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, và cũng có thể dùng phương pháp kế hoạch hóa gián tiếp, tức là kế hoạch hóa thông qua các chính sách, đòn bẩy, pháp luật kinh tế, mà tất cả những cái đó đều ở trong nền kinh tế có kế hoạch, đều phục vụ các yêu cầu của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, không vì sử dụng *phương pháp kế hoạch hóa trực tiếp hoặc phương pháp kế hoạch hóa gián tiếp mà cho là có các hoạt động kinh tế trong kế hoạch với các chỉ tiêu pháp lệnh và các hoạt động kinh tế ngoài kế hoạch thông qua thị trường*. Tóm lại, do thị trường và quan hệ thị trường còn tồn tại khách quan trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và có tác dụng kích thích sản xuất, phân phối, cho nên việc vận dụng quan hệ thị trường là tất yếu trong chủ nghĩa xã hội. Đó là điều chúng ta cần nghiên cứu để vận dụng quan hệ thị trường thêm sát đúng, có nguyên tắc trong chiến lược quản lý và cơ chế quản lý mới.

Trong việc vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa hiện nay ở nước ta, cần tránh hai khuynh hướng:

Một là: Khuynh hướng muốn điều hành nền kinh tế đơn thuần bằng mệnh lệnh, bằng chỉ huy, kiểm soát với hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh quá nhiều và cứng nhắc, kèm theo là các chỉ tiêu hướng dẫn với các biện pháp quá chi tiết và đôi khi can thiệp quá sâu vào tác nghiệp sản xuất ở cơ sở.

Việc sử dụng chỉ tiêu pháp lệnh tràn lan với các mệnh lệnh hành chính làm gò bó, cứng nhắc các hoạt động kinh tế đương nhiên dẫn đến kim hãm sản xuất. Dù không sát với tình hình từng nơi, từng lúc, cho nên thường buộc các đơn vị cơ sở về yêu cầu cấp thiết trước mắt phải "xé rào", làm khác kế hoạch được duyệt, báo cáo

sai sự thật với cấp trên. Cuối cùng, tính pháp lệnh của kế hoạch bị suy yếu, và đôi khi kế hoạch chỉ còn là hình thức.

Hai là, khuynh hướng dễ cao quá mức quy luật giá trị, nhấn mạnh một cách sai lệch tác dụng của thị trường, xem nhẹ kế hoạch, nhất là bộ phận pháp lệnh của kế hoạch, khuynh hướng thu hẹp, lăm giảm vai trò của kế hoạch trong quản lý và thà nổi sản xuất, phân phối của đơn vị cơ sở ra « thị trường ». Trong sản xuất thì coi nhẹ việc hoàn thành những chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, đơn thuần chạy theo những sản phẩm gọi là « ngoài kế hoạch », theo nhu cầu của thị trường để kiếm được nhiều lãi hơn. Trong phân phối lưu thông, thì không chấp hành đúng kỷ luật giao nộp sản phẩm cho Nhà nước hoặc không quyết tâm thu mua lương thực bằng hợp đồng hai chiều mà đơn thuần chạy theo giá khuyến khích. Thực chất của khuynh hướng này là để cho tính tự phát của thị trường lấn át kế hoạch, để cho thị trường không có tổ chức lấn át thị trường có tổ chức, gây rối loạn trong hoạt động kinh tế.

Cả hai khuynh hướng nói trên, ở những mức độ khác nhau, đều đang tồn tại trong hoạt động quản lý kinh tế và kế hoạch hóa của nước ta hiện nay.

Mấy năm gần đây, chúng ta đã tiến hành đổi mới hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh và thực hiện một số phương pháp nghiệp vụ kế hoạch hóa, nhưng việc đổi mới đó cũng có những khó khăn và hạn chế do cơ chế quản lý mới chưa hình thành, đồng thời nhiều chính sách kinh tế, thể chế quản lý xây dựng mấy chục năm qua nay không còn phù hợp cũng chưa được sửa đổi.

Trước tình hình đó, một số ngành, địa phương và cơ sở không chịu khoan tay và đã có nhiều sáng tạo

về cách làm ăn mới. Bên cạnh đó, cũng còn những hiện tượng trì trệ, bảo thủ chưa được xóa bỏ, đồng thời cũng có những lệch lạc mới cần được uốn nắn.

Những biểu hiện của khuynh hướng chạy theo cơ chế thị trường đã làm biến chất một phần các quan hệ kinh tế của hệ thống quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước.

Hệ thống quản lý kinh tế ở một số nơi tuy giữ được sự thống nhất bên ngoài, nhưng bị các hiện tượng tiêu cực đục ruỗng dần dần và có nơi hỗn loạn ở bên trong, tạo nên cái không thật trong kinh tế và từ đó lan sang cả các lĩnh vực khác của xã hội.

Mặt khác lại còn tồn tại khá dai dẳng sự « bảo thủ trì trệ », cố giữ những điều phi lý, lỗi thời, lạc hậu trong khi tình hình đã phát triển, muốn lập lại « trật tự cũ » của cơ chế quản lý cần được xóa bỏ, cho nên đã kìm hãm sản xuất, đồng thời cũng tạo nên những phản ứng « xé rào », tàn bạo, vô kỷ luật. Bên cạnh đó, ở nhiều cơ sở, nhiều địa phương đã xuất hiện những tiến bộ mới và nhân tố mới. Song đáng tiếc là những tiến bộ mới và những nhân tố mới chưa được phát huy và nhân lên để xây dựng thành những mô hình và thể chế hóa vì chưa xác định được cơ chế quản lý mới.

Tất cả tình hình ấy đang làm cho công việc điều khiển nền kinh tế của chúng ta kém hiệu lực. Cấu trúc của hệ thống quản lý kinh tế cũ đang bị phá vỡ mở ra một thời kỳ mới về chuyển hóa trong quản lý là : có cả tiến bộ mới xen lẫn với bảo thủ, trì trệ, tiêu cực, lệch lạc mới, những cấu trúc của hệ thống quản lý kinh tế mới chưa được hình thành hoàn chỉnh.

Kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như thực tiễn nước ta đều chứng minh rằng việc xây dựng một hệ thống quản lý kinh tế và kế hoạch hóa phù hợp với đặc điểm của mỗi nước không phải là một việc làm giản đơn. Sự chuyển hóa từ

một cơ chế quản lý kinh tế cũ sang một cơ chế quản lý kinh tế mới đòi hỏi phải có thời gian, không thể nóng. Cho nên, thời kỳ hiện nay có thể gọi là *thời kỳ chuyển hóa, thời kỳ áp ủ*, thời kỳ mà chúng ta đang tìm tòi nghiên cứu để hình thành cơ chế

quản lý kinh tế mới: lấy kế hoạch làm trung tâm và tập trung dân chủ làm nguyên tắc, gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; nắm vững giá trị sử dụng đồng thời coi trọng giá trị và quy luật giá trị.

II — Củng cố và phát huy vai trò trung tâm của kế hoạch trong cơ chế quản lý tăng cường quản lý thị trường

Phải làm gì để vận dụng tốt quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa trong điều kiện nước ta hiện nay? Có hai việc cần tiến hành đồng thời: một là củng cố và phát huy vai trò trung tâm của kế hoạch trong cơ chế quản lý và hai là tăng cường quản lý thị trường. Hai việc này chỉ làm được tốt, vững chắc trên cơ sở không ngừng tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình nước ta, phải làm tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trong quá trình không ngừng chuyển biến năm thành phần kinh tế theo hướng mở rộng khu vực kinh tế quốc doanh, khu vực kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa để lại một bộ phận kinh tế cá thể cần thiết. Việc cải tạo và làm thay đổi bản chất của thị trường, tăng cường quản lý thị trường theo hướng mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cùng với các hoạt động của ngân hàng, tài chính để nắm được hàng, nắm được tiền, loại trừ được sự chi phối thị trường của tư sản, tư thương, đưa thị trường vào nền kinh tế kế hoạch hóa. Hai việc đó có quan hệ mật thiết với nhau và tác động lẫn nhau. Củng cố vai trò trung tâm của kế hoạch chính là để tạo nên nền tảng vững chắc để vận dụng quan hệ thị trường, và ngược lại, tăng cường quản lý thị trường chính là để mở rộng phạm vi và ảnh hưởng của

thị trường xã hội chủ nghĩa, quản lý tốt thị trường không có tổ chức (thị trường "tự do"), tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng quan hệ thị trường một cách đúng hướng và có hiệu quả cao.

Để củng cố và phát huy vai trò trung tâm của kế hoạch, phải đổi mới toàn bộ công tác kế hoạch hóa. Về vấn đề này, văn kiện Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra phương hướng chung là "nhất thiết phải bảo đảm cho các cấp quản lý trung ương, địa phương, cơ sở đều thật sự làm chủ kế hoạch, nghĩa là thật sự xây dựng, cân đối, bảo vệ và thực hiện kế hoạch của mình, nhất thiết phải xây dựng kế hoạch từ cơ sở: kế hoạch phải thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa". Văn kiện Đại hội còn chỉ rõ: "Mỗi cấp làm kế hoạch phải phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt, nhạy bén, tinh thần biết buồn bán như Lê-nin nói; khắc phục tình trạng ý lại, trông chờ, thụ động; thoát khỏi cách làm ăn tự cấp tự túc trong phạm vi nhỏ hẹp. Phải mở rộng thị trường trong nước, mở rộng thị trường với nước ngoài, qua đó mà khai thác khả năng và phát huy thế mạnh của mỗi cấp, quay vòng nhanh dòng vốn, mở rộng phân công lao động, chuyên môn hóa và hiệp tác hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển".

Đó chính là chỉ thị rất cơ bản của Đại hội đề vận dụng tốt hơn nữa quan hệ thị trường trong công tác kế hoạch hóa.

Như vậy, việc cấp thiết hiện nay là tiến hành phân cấp quản lý kinh tế nhằm phân rõ trách nhiệm trong hệ điều khiển nền kinh tế quốc dân, để phát huy quyền làm chủ, nâng cao tính chủ động việc tự chịu trách nhiệm, cho địa phương, cơ sở; đồng thời bảo đảm yêu cầu quản lý tập trung của trung ương. Sửa đổi lại các chính sách và các đòn bẩy kinh tế nhất là giá, lương, tiền... và có một đường lối tài chính rõ rệt trên mặt trận phân phối lưu thông.

Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hóa nhằm hình thành một cơ chế kế hoạch hóa mới phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới.

Chúng ta khẳng định rằng, cơ chế kế hoạch hóa mới thay thế cơ chế kế hoạch hóa quan liêu bao cấp cũ phải vừa coi trọng nguyên tắc tập trung, vừa mở rộng dân chủ; vừa coi trọng hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, vừa coi trọng sử dụng các đòn bẩy kinh tế; vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở, vừa đòi hỏi cao về kỷ luật, trách nhiệm; vừa không ngừng tăng cường các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa hướng cho các cơ sở kinh tế cá thể, tư nhân, kinh tế gia đình hoạt động theo đúng quỹ đạo của kế hoạch Nhà nước; hướng dẫn cho các ngành, các cấp, các cơ sở chủ động xây dựng kế hoạch dựa trên sự cân đối vật chất từ "bốn nguồn khả năng". Nhà nước cần cố gắng hết mức trong việc cung ứng vật tư cho sản xuất, đồng thời tận dụng khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ, thông qua hợp tác, liên kết giữa các ngành, các địa phương, các cơ sở và thông qua xuất nhập khẩu.

Trong công tác kế hoạch hóa, cần xác định một cách thích đáng phạm

vi kế hoạch hóa trực tiếp và nắm cho được danh mục những sản phẩm chủ yếu, hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh có hiệu lực, các thể lệ quản lý phải bảo đảm cho ngành, địa phương, cơ sở phát huy tốt tính chủ động và trung ương chỉ phối những mặt trọng yếu của nền kinh tế, đồng thời cần tăng cường các biện pháp kế hoạch hóa gián tiếp nhằm phát huy tốt tác động gián tiếp để kích thích sản xuất, xây dựng ở cơ sở thông qua quan hệ thị trường kể cả trong nước và ngoài nước.

Quan hệ thị trường cần được vận dụng rộng rãi trong các ngành, các cấp, các đơn vị và trong các mối quan hệ về sản xuất cũng như trao đổi sản phẩm và dịch vụ, thực hiện nguyên tắc "nghĩa vụ hai chiều" giữa các bên tham gia các mối quan hệ. Đó cũng chính là vận dụng quan hệ thị trường thay cho quan hệ theo lối hành chính bao cấp. Như vậy là sản phẩm làm ra có chất lượng tốt, giá hạ, giao nộp đúng thời hạn thì được thưởng, được khuyến khích về vật chất, và ngược lại.

Đối với các đơn vị cơ sở ở khu vực kinh tế tập thể như hợp tác xã nông nghiệp, Nhà nước chỉ giao chỉ tiêu pháp lệnh về bán nông sản tương ứng với khối lượng vật tư, hàng hóa do Nhà nước cung ứng thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều. Thực tế đã chứng minh hợp đồng kinh tế hai chiều đối với kinh tế tập thể có vai trò rất quan trọng trong công tác kế hoạch hóa.

Trong việc xây dựng kế hoạch cần kết hợp chặt chẽ kế hoạch hiện vật với kế hoạch giá trị. Kế hoạch hiện vật là cốt lõi thể hiện mức độ đáp ứng nhu cầu của thị trường, còn kế hoạch giá trị là để xem xét hiệu quả của kế hoạch, so sánh kết quả thu về với chi phí bỏ ra.

Việc vận dụng quan hệ thị trường ở đây là để nắm chắc hơn nữa như

cầu của xã hội (kể cả nhu cầu cho sản xuất và nhu cầu cho tiêu dùng) làm cho sản xuất gắn chặt với tiêu dùng, bảo đảm sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng. Cần có những chế độ khuyến khích để sản phẩm thông qua thị trường mà ngày càng nâng cao chất lượng, nhất là các mặt hàng xuất khẩu.

Gắn với kế hoạch và tác động cùng chiều với phương hướng của kế hoạch để vận dụng tốt hơn nữa quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa, các chính sách, đòn bẩy đều cần được sửa đổi và thường xuyên bổ sung hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, bảo đảm kết hợp một cách đúng đắn ba lợi ích kinh tế và tăng cường hiệu lực thực tế của kế hoạch Nhà nước, vừa bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của trung ương, vừa bảo đảm mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở, địa phương và ngành, cùng với kế hoạch và các bộ phận khác trong hệ thống quản lý kinh tế tạo nên chiến lược quản lý phù hợp với tình hình và đặc điểm nước ta.

Vận dụng quan hệ thị trường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tất yếu phải gắn chặt với quản lý thị trường, nhằm từng bước xác lập và củng cố vai trò của thị trường xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng chủ đạo của thị trường có tổ chức; đó thật sự là nhân tố bổ sung cho kế hoạch trong quá trình tái sản xuất xã hội. Vấn đề này đang là vấn đề nóng bỏng, rất cấp thiết, chính vì trong điều kiện nước ta hiện nay, thị trường là nơi biểu hiện tập trung cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và đấu tranh để quản lý thị trường là một trong những biện pháp cấp bách để thiết lập trật tự mới xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, góp phần đầy mạnh

sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, chuyển biến tốt tình hình kinh tế và xã hội.

Thị trường của nước ta hiện nay đang có những đặc điểm đáng chú ý:

— Sản phẩm hàng hóa của năm thành phần kinh tế ở miền Nam và ba thành phần kinh tế ở miền Bắc đều được đưa ra trao đổi ở thị trường. Trên thực tế có sự giao lưu rất nhạy giữa các thành phần kinh tế đó trong cả nước. Song do nắm độc quyền về ngoại thương và một số nông sản hàng hóa chủ yếu, cho nên Nhà nước chỉ đạo các mối quan hệ thị trường trong nước và ngoài nước. Nhà nước đang nắm những ngành kinh tế then chốt, các cơ sở kinh tế quan trọng, các vật tư chiến lược và có khả năng nắm trong tay một khối lượng hàng hóa quan trọng đủ sức làm chủ và chi phối thị trường trong nước.

— Cung và cầu đang mất cân đối nghiêm trọng, sản xuất xã hội chưa đủ để bảo đảm những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân, của công cuộc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cũng cố quốc phòng.

— Giá cả đang còn biến động. Tiền và hàng chưa cân đối.

— Thị trường có tổ chức chưa được tăng cường, thị trường không có tổ chức đang hoạt động với một tỷ trọng tương đối lớn, lại đang bị tư sản, tư thương chi phối.

— Kẻ địch đang lợi dụng khó khăn của ta, ra sức phá hoại ta cả trên lĩnh vực sản xuất, phân phối lưu thông, nhất là trên thị trường kể cả trong nước, ngoài nước.

Do đó, việc quản lý thị trường để vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa phải được chú ý ngay từ khi xây dựng kế hoạch, bảo đảm cho thị trường có tổ chức được củng cố và phát triển, khắc phục khuynh hướng muốn hạn chế

việc phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, muốn cho thương nghiệp tư nhân «bung ra» một cách không có tổ chức đề tạo nên sự «cạnh tranh» kiểm soát nhằm kích thích sản xuất mà thực chất đó là sự đề cao quá mức tác dụng của cơ chế thị trường.

Điều rất quan trọng hiện nay là cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, mà biểu hiện tập trung nhất là trên mặt trận cải tạo kết hợp với xây dựng và tổ chức lại sản xuất và mặt trận phân phối lưu thông. Cần khắc phục tình hình trong quản lý kinh tế hiện nay là để cho thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa và kinh tế cá thể phát triển không có sự chi phối của kinh tế quốc doanh, làm hỗn loạn trật tự kinh tế—xã hội, làm suy yếu vai trò chủ đạo của kế hoạch. Việc vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa cần tránh khuynh hướng muốn quay lại cơ chế quản lý quan liêu bao cấp «cứng nhắc, gò bó», đồng thời cũng cần tránh khuynh hướng không thấu suốt quan điểm lấy kế hoạch làm khâu trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế, làm công cụ chủ yếu trong việc kết hợp phát triển kinh tế có kế hoạch với vận dụng quan hệ hàng hóa—tiền tệ, quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa; tránh khuynh hướng đề cao quá đáng quy luật giá trị, xem quy luật giá trị là quy luật điều tiết hoặc tham gia điều tiết nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chạy theo cơ chế thị trường, hạ thấp vai trò của kế hoạch. Mặt trận phân phối lưu thông đang là nơi biểu hiện tập trung những quan điểm sai trái, những cách làm lệch lạc làm cho công tác kế hoạch hóa gặp nhiều khó khăn, dẫn đến Nhà nước không nắm được hàng, không nắm vững việc lưu thông tiền tệ, không đưa việc phân phối vào kế hoạch, không làm

chủ được thị trường và giá cả. Nói cách khác, đang có xu hướng hữu khuynh, buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa.

Việc phát huy tác dụng của công tác kế hoạch hóa trong quản lý thị trường phải được thể hiện trước hết ở chỗ, bằng công cụ kế hoạch kết hợp với các công cụ khác, Nhà nước làm chủ được sản xuất đi đôi với làm chủ phân phối lưu thông, làm chủ tiêu dùng; Nhà nước phải nắm được hàng, nắm được tiền, quản lý tốt hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở lấy sản xuất làm gốc, có kế hoạch nắm vững các ngành kinh tế then chốt, phát triển mạnh kinh tế quốc doanh và tập thể xã hội chủ nghĩa với các hình thức thích hợp ở từng nơi, từng lúc sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế khác và các hình thức kinh tế đa dạng khác như: Kinh tế gia đình, dịch vụ cá thể, kinh tế vườn... để khơi lên sức trỗi dậy tổng hợp nhằm sử dụng tốt lao động, đất đai, tài nguyên trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế hoạch của các cơ sở sản xuất quốc doanh phải bảo đảm thực hiện đúng đắn chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, gắn chặt kế hoạch sản xuất với kế hoạch giao nộp sản phẩm theo đúng chính sách của nhà nước.

Đối với các cơ sở kinh tế tập thể, tư nhân và cá thể, kế hoạch phải tác động bằng các biện pháp trực tiếp và gián tiếp để Nhà nước từng bước nắm độc quyền về lương thực và những nông sản hàng hóa có giá trị cao, những mặt hàng xuất khẩu, thông qua hợp đồng hai chiều mà quản lý sản phẩm của nông dân và thợ thủ công, đưa việc sản xuất và lưu thông sản phẩm của họ vào quỹ đạo kế hoạch Nhà nước.

Kế hoạch giá cả phải là một bộ phận rất quan trọng của hệ thống kế hoạch Nhà nước, thông qua kế

hoạch hóa giá cả mà từng bước bình ổn giá cả, chống khuynh hướng chạy theo giá cả của thị trường tự do, không cho tư sản và tư thương đầu cơ, nâng giá phi pháp. Đây là một khâu lâu nay ít được chú trọng trong kế hoạch Nhà nước mà chúng ta cần quan tâm cải tiến và tăng cường, để gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cùng bằng công cụ kế hoạch là chủ yếu, nhanh chóng mở rộng và nâng cao chất lượng của hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa gắn với hoạt động của các tổ chức tập thể xã hội chủ nghĩa khác như: tập đoàn sản xuất, hợp tác xã sản xuất, hợp tác xã tín dụng v.v. để làm nòng cốt trong cuộc đấu tranh quản lý thị trường, bảo đảm vị trí của kế hoạch là trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế và vận dụng đúng đắn quan hệ thị trường.

Làm tốt các nhiệm vụ về quản lý thị trường mà trước hết là nắm hàng, nắm tiền, quản lý tốt việc mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu, chúng ta sẽ bảo đảm nhiệm vụ chăm lo đời sống của cán bộ, công nhân viên chức,

các lực lượng vũ trang và nhân dân lao động, quản triệt từng bước nguyên tắc phân phối theo lao động. Kế hoạch phải có tác dụng nâng cao trách nhiệm và mở rộng quyền chủ động của các địa phương, cơ sở trong việc cung ứng các nhu cầu phong phú, đa dạng của đời sống nhân dân mỗi địa phương, đồng thời vẫn bảo đảm tập trung nguồn vốn tích lũy cho trung ương để đầy mạnh xây dựng những công trình then chốt của sự nghiệp công nghiệp hóa, cũng như tập trung những sản phẩm chiến lược để trung ương phân phối theo kế hoạch cho nhu cầu của cả nước.

Đó chính là những vấn đề nóng bỏng trong công tác kế hoạch hóa mà các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Trung ương (khóa V) đã nhấn mạnh, và đòi hỏi làm cho tốt để bảo đảm cho kế hoạch giữ vững và phát huy vai trò trung tâm của cơ chế quản lý, bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ mới.

MÃY VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG Ở NƯỚC TA

PHAN-XUÂN-ĐỢT

RỪNG là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý báu của nước ta, là bộ phận quan trọng của môi trường sống. Rừng không chỉ cung cấp nhiều loại lâm sản, đặc sản cần thiết cho sản xuất, đời sống mà còn có tác dụng tích cực đối với môi sinh, văn hóa, xã hội và quốc phòng. Chính vì vậy, việc bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng luôn luôn được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Thông báo Hội nghị Ban bí thư Trung ương Đảng bàn về công tác lâm nghiệp ngày 23-10-1968 đã nhận định: “Rừng nước ta có tác dụng lớn trong việc chống thiên tai địch họa, ảnh hưởng đến văn đề sống còn của dân tộc ta. Tài nguyên rừng nhiệt đới rất phong phú, là một nguồn lợi lớn, lâu dài và đặc sắc của nhân dân ta. Nghề rừng là một ngành quan trọng trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa”.

Nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã chỉ rõ phương hướng phát triển lâm nghiệp ở nước ta, và đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu cấp bách

phải tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhằm hạn chế, tiến tới chấm dứt nạn phá rừng. Phong trào trồng cây, gây rừng, bảo vệ rừng trong những năm qua đã có bước phát triển tốt. Một số địa phương và cơ sở đã bước đầu gắn yêu cầu phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế với yêu cầu quản lý, bảo vệ rừng, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, gìn giữ cân bằng sinh thái. Nhiều huyện, xã, hợp tác xã ở miền núi và trung du đã bước đầu nhìn thấy thế mạnh và cách khai thác thế mạnh ấy trên cơ sở làm tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, khai thác hợp lý và xây dựng lại vốn rừng. do đó đã hạn chế được nạn phá rừng. Một số liên hiệp lâm - công nghiệp, lâm trường đã đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý nhằm gắn yêu cầu khai thác với bảo vệ và tái sinh; thật sự tác động mạnh mẽ đến các khâu có liên quan đến yêu cầu phát triển rừng bằng các biện pháp tổ chức lại rừng, tổ chức lại sản xuất và đổi mới các chính

sách. Ngành lâm nghiệp sau nhiều năm buông lỏng quản lý rừng đã bắt đầu nắm lại các khâu then chốt, tổ chức lại lực lượng, đổi mới phương thức hoạt động và quản trị sâu sắc hơn đường lối dựa vào dân để bảo vệ rừng, bước đầu thực hiện có kết quả phương châm *« Nhà nước và nhân dân cùng làm »*, *« Trung ương và địa phương cùng làm »* và *« lấy rừng phát triển rừng »* v.v. do đó tình trạng phá rừng nhìn chung đã được hạn chế một phần đáng kể.

Tuy nhiên, những kết quả và chuyển biến nói trên chưa đủ sức ngăn chặn nạn phá rừng đang diễn ra ở nhiều nơi. Tình trạng đốt rừng làm nương rẫy, nạn cháy rừng và khai thác lâm dụng, khai thác trái phép và sử dụng lãng phí lâm sản vẫn còn xảy ra khá nghiêm trọng, làm cho tài nguyên rừng vốn đã giảm sút về diện tích, số lượng, chất lượng, nay càng giảm sút thêm, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cung cấp và phòng hộ, bảo vệ môi trường. Về thực trạng vốn rừng hiện nay, nhiều tài liệu điều tra nghiên cứu đáng tin cậy cho thấy *lài nguyên rừng nước ta đã suy giảm đến mức đáng lo ngại*. Tổng diện tích rừng của cả nước chỉ còn 7,9 triệu héc ta, xấp xỉ 23,9% diện tích tự nhiên, trong đó rừng giàu và rừng trung bình chỉ còn hơn 2 triệu héc ta. Như vậy, bình quân diện tích rừng hiện có theo đầu người chỉ có 0,15 héc ta/người, trừ lượng gỗ khoảng 10m³/người, trong đó trừ lượng gỗ có thể khai thác được rất thấp. Điều đáng đặc biệt lưu ý là ở nhiều vùng đầu nguồn xung yếu, những vùng có yêu cầu bảo vệ đất, phòng hộ cho môi trường như Tây-bắc, Việt-bắc, khu 4 cũ, Trường-son, miền Đông và miền Tây Nam-Bộ, rừng đã và đang trên đà giảm sút. Tỷ lệ rừng ở Tây bắc hiện nay chỉ còn 6%, đồng bằng còn 15,6%. Trong 6 năm qua (từ 1976 — 1982) tốc độ giảm sút rừng còn nhanh hơn những năm trước đó. Chỉ riêng ở hai tỉnh Nghệ-tĩnh và

Bình-trị-thiên giảm hơn nửa triệu héc ta rừng, ở ba tỉnh Đồng-nai, Sông-bé, Tây-ninh giảm hơn 30 vạn héc ta rừng. Tài nguyên rừng giảm sút không những đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng khai thác lâm sản cung cấp cho Nhà nước và cho nhu cầu thiết yếu trong đời sống của nhân dân mà còn gây nên những biến đổi sâu sắc về đất đai, nguồn nước, môi trường, tiêu khí hậu. Diện tích đất trống, đồi trọc đã tăng lên một cách đáng kể, hiện nay có trên 13 triệu héc ta trong đó có hơn 7 triệu héc ta đất lâm nghiệp và hơn 6 triệu đồi trọc thuộc đất nông nghiệp, chưa có hướng sử dụng. Nhiều vùng đất đai ở miền núi và trung du đã bị thoái hóa nghiêm trọng do hậu quả của nạn phá rừng, cháy rừng và sử dụng theo lối quảng canh, bóc màu, chưa đi vào thâm canh bảo vệ đất.

Tình hình giảm sút tài nguyên nói trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Nguyên nhân khách quan bao trùm và nổi bật nhất là tình trạng mất cân đối lớn giữa nhu cầu của sản xuất và đời sống xã hội đối với rừng và khả năng hạn chế của nó. Tình trạng đó bắt nguồn từ tình hình kinh tế xã hội của một nước mà nền kinh tế nói chung chưa phát triển, lại vừa mới thoát khỏi chiến tranh kéo dài trong hơn 30 năm, nhu cầu sản xuất, xây dựng lại đất nước và hàn gắn những vết thương chiến tranh, cũng như những nhu cầu thiết yếu về lâm sản phục vụ cuộc sống bình thường của nhân dân đã đặt ra yêu cầu cấp bách phải khai thác rừng để lấy lâm sản, khai phá rừng để mở thêm đất đai sản xuất lương thực, cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, nghề cá v.v. Mặt khác nhu cầu cấp bách về gỗ củi của xã hội và sản xuất lương thực theo kiểu đốt rừng làm nương rẫy của đồng bào miền núi vẫn là sức ép nghiêm trọng trực tiếp dẫn đến

phá rừng, thu hẹp nhanh diện tích các loại rừng ở nước ta.

Về chủ quan, nguyên nhân quan trọng nhất là trong một thời gian khá dài, ngành lâm nghiệp đã buông lỏng quản lý rừng, chưa gắn yêu cầu bảo vệ rừng với quản lý rừng một cách cơ bản và toàn diện, chưa gắn trách nhiệm quản lý, bảo vệ với sản xuất kinh doanh trên mỗi địa bàn, chưa phân công, phân cấp quản lý, bảo vệ rừng giữa ngành và cấp, nhằm tranh thủ và phát huy quyền hạn, trách nhiệm của mỗi địa phương, đơn vị đối với từng diện tích rừng và đất rừng, do đó có nơi còn để tình trạng rừng không có người quản lý. Công tác quản lý, bảo vệ rừng tuy đã thực hiện được một số việc cụ thể như triển khai tổ chức, xây dựng lực lượng, quy hoạch rừng cấm, khoanh rừng đầu nguồn v.v, song do chưa quán triệt và vận dụng đúng đắn đường lối dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ tập thể và sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, của các ngành, nhất là lực lượng quần chúng tại chỗ có tổ chức, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy địa phương, cho nên chưa phát huy được vai trò và tác dụng nòng cốt của bộ máy chuyên trách quản lý, bảo vệ rừng. Thêm vào đó, phương thức hoạt động còn nặng về hình thức "kiềm lâm", tập trung nhiều vào các hoạt động kiểm soát lâm sản ngoài rừng, chưa chú ý đúng mức nhiệm vụ tăng cường quản lý, bảo vệ tại các cơ sở tiêu khu rừng. Những năm gần đây, Nhà nước có chủ trương giao đất giao rừng cho huyện quản lý và hợp tác xã kinh doanh, song do tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa tốt, cho nên chưa phát huy được hiệu quả và tác dụng của chính sách đó. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác bảo vệ, phòng và chữa cháy rừng, phòng và trừ sâu bệnh, dự báo, thông tin phát hiện lửa rừng nói chung còn yếu kém. Mặt khác một số địa phương, đơn vị

do chưa nhận thức đúng đắn về vị trí, ý nghĩa của rừng trong mối quan hệ hữu cơ với sự nghiệp phát triển kinh tế và bảo vệ môi sinh, đã có những quyết định tiêu cực dẫn đến phá rừng như khai hoang lấn rừng, khai thác lạm dụng sử dụng gỗ tùy tiện. Bên cạnh đó, ý thức làm chủ tập thể của nhân dân đối với việc bảo vệ rừng và chấp hành các chính sách, luật pháp về rừng ở nhiều nơi chưa được nâng cao. Tập quán phá rừng và sử dụng lãng phí lâm sản còn khá nặng nề, nhất là ở nhiều vùng thuộc miền núi và trung du.

Ngoài những nguyên nhân nói trên, chúng ta không loại trừ những nguyên nhân khác như thiên tai, địch họa cũng đã gây nên những tổn thất nặng nề đối với rừng nước ta. (Chỉ riêng ở các tỉnh miền Nam, trong thời gian chiến tranh đế quốc Mỹ đã sử dụng bom đạn và chất độc hóa học hủy diệt hơn 2 triệu héc ta rừng có giá trị).

Như trên đã nói, tình hình và hậu quả của nạn phá rừng có nguyên nhân chủ quan thuộc về nhận thức, tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện, song cũng có nguyên nhân khách quan bắt nguồn từ thực trạng của nền kinh tế-xã hội. Do đó để quản lý, bảo vệ rừng được tốt, cần phải giải quyết hàng loạt vấn đề về kinh tế, xã hội chứ không đơn thuần chỉ có biện pháp hành chính luật pháp, dành riêng các biện pháp này là hết sức quan trọng. Công tác bảo vệ rừng sẽ chưa tốt, chừng nào chúng ta chưa giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa yêu cầu khai thác, sử dụng rừng, đất rừng với việc bảo vệ, phát triển tài nguyên đó theo hướng sử dụng một cách có hiệu quả tiềm năng kinh tế tổng hợp và hiệu quả sinh thái toàn diện. Nói khác đi là chúng ta phải biết hướng việc giải quyết mọi nhu cầu của xã hội về lâm sản ngày càng to lớn và nhu cầu lương

thực cho đồng bào miền núi vào việc khai thác, sử dụng rừng đất rừng sao cho có hiệu quả nhất, với các hình thức và biện pháp hợp lý nhất.

Văn kiện Đại hội V của Đảng đã chỉ ra phương hướng quan trọng để khai thác tiềm năng và thế mạnh của rừng, đồng thời đề chấm dứt nạn phá rừng: "Các tỉnh, huyện miền núi phải khai thác tốt những thế mạnh của mình, từ nông nghiệp, lâm nghiệp mà đi lên, nhất thiết phải sử dụng đất đai theo hướng nông lâm kết hợp, tổ chức đúng đắn việc sản xuất chuyên môn hóa đi đôi với kinh doanh tổng hợp, phá thế tự cấp tự túc, mở rộng quan hệ kinh tế giữa miền núi với miền xuôi và đẩy mạnh xuất - nhập khẩu, qua đó mà giải quyết tốt vấn đề ăn, mặc và các nhu cầu đời sống của nhân dân địa phương... làm theo phương hướng phát triển trên đây sẽ hạn chế, tiến tới khắc phục nạn phá rừng và tạo điều kiện để thực hiện thật sự việc định cư, định canh" (1).

Như vậy, để hạn chế, tiến tới chấm dứt nạn phá rừng, phải đặt công tác này trong toàn bộ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và trước hết là ở miền núi và trung du; phải đặt công tác quản lý, bảo vệ rừng trong phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mà nội dung quan trọng là phát triển kinh tế lâm - nông - công nghiệp toàn diện, vừa khai thác thế mạnh của rừng vừa khai thác các thế mạnh khác về cây công nghiệp, chăn nuôi, chế biến lâm sản, nông sản, mở mang công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phá thế tự cấp tự túc, sản xuất nhiều hàng hóa có giá trị trao đổi với miền xuôi và phục vụ xuất khẩu. Sản xuất lương thực ở đây có vị trí trọng yếu, là bàn đạp để tiến lên khai thác thế mạnh về rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi, song không phải sản xuất với bất cứ hình thức và hiệu quả

nào, như kiểu phá rừng để sản xuất lương thực theo lối du canh, quảng canh. Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường-Chinh đã chỉ rõ tác hại của việc làm đó như sau: "Ai cũng biết đốt phá một ha rừng sẽ mất đi hàng trăm mét khối gỗ và nhiều lâm sản khác để thu về khoảng một tấn thóc, đó là một việc làm điên rồ" (2).

Trong nghề rừng, muốn bảo vệ tốt vốn rừng phải chú ý quy hoạch phát triển toàn diện, đồng bộ, từ trồng, tu bổ, tái sinh, chăm sóc đến khai thác, chế biến và kinh doanh tổng hợp, lấy ngắn nuôi dài, làm cho mỗi liên hiệp xí nghiệp, lâm trường, mỗi đơn vị kinh tế lâm nghiệp phát triển toàn diện, cân đối, bảo đảm ổn định địa bàn, ổn định mục tiêu, cơ cấu, loại hình, thực hiện đầu tư thâm canh, kinh doanh đạt nhiều hiệu quả. Kiên quyết thực hiện khai thác theo quy hoạch điều chế; khai thác trên cơ sở tái sinh, bảo đảm vốn rừng được bảo vệ và phát triển. Muốn bảo đảm yêu cầu đó, ngoài việc thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, các đơn vị sản xuất lâm nghiệp không thể không chú ý gắn yêu cầu phát triển nghề rừng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, thật sự phát huy vai trò nòng cốt của đơn vị kinh tế quốc doanh lâm nghiệp đối với kinh tế địa phương, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, góp phần tích cực, chủ động cùng cấp ủy và Ủy ban nhân dân tổ chức lại cuộc sống cho dân, nhất là đối với đồng bào còn sinh sống theo lối du canh du cư đốt rừng làm nương rẫy, chuyển họ sang cách làm ăn mới dựa trên cơ sở bảo vệ, khai thác và xây dựng lại rừng và các ngành kinh doanh khác.

(1) Văn kiện Đại hội V. NXB Sự thật. Hà Nội, 1982. tập I, tr 65.

(2) Trường-Chinh: "Đưa nhân dân các dân tộc ở Đắc-lắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội". Tạp chí Cộng sản số 8-1983.

Thực hiện rộng rãi phương thức sản xuất nông - lâm kết hợp, phát triển đồng thời các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, thủy điện, thủy sản, và quốc phòng... gắn với yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng ở các địa phương nhất là ở miền núi, là phương hướng quan trọng để các ngành chung sức góp phần khai thác toàn diện các tiềm năng kinh tế và các lợi ích phòng hộ của rừng. Kinh nghiệm đã chỉ rõ rằng, các hoạt động sản xuất nói trên nếu được gắn với yêu cầu bảo vệ, phát triển rừng thì rừng mới được bảo vệ tốt, môi trường không bị biến động mà sản xuất của các ngành đó cũng được phát triển thuận lợi và có hiệu quả kinh tế cao. Ngược lại, nếu tách rời hoặc đối lập với rừng, chỉ chú ý lợi ích cục bộ và trước mắt dẫn đến khai thác lạm dụng, phá hủy mất rừng thì môi trường sẽ phản ứng gay gắt, gây nên những hậu quả và tác hại lâu dài khó lường hết được. Bài học thành công của hợp tác xã Viên-sơn, huyện Văn-yên, tỉnh Hoàng-liên-sơn chính là đã thực hiện tốt phương thức kết hợp nông - lâm nghiệp, một mặt ra sức thâm canh ruộng nước, tận dụng đất đai để trồng xen cây lương thực với trồng rừng, tạo ra khả năng mới để giải quyết nhu cầu lương thực, đồng thời khai thác thể mạnh về lâm nghiệp, nhất là đã xây dựng được vốn rừng (trồng hơn 600 héc ta quế có giá trị xuất khẩu cao); đó là cơ sở vững chắc để không ngừng nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống. Điều hình định canh định cư kết hợp với bảo vệ rừng ở xã Chư-pông thuộc tỉnh

Đắc-lắc là thực tiễn sinh động tiêu biểu cho phương hướng đi lên của đồng bào dân tộc Ê-đê Tây-nguyên. Từ cuộc sống du canh du cư phá rừng làm nương rẫy, đồng bào đã chuyển sang cuộc sống định canh định cư làm ruộng nước, làm vườn, trồng cây công nghiệp và trồng rừng theo hình thức kết hợp nông - lâm nghiệp, hạn chế nạn phá rừng, bước đầu sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng và phát huy các thuận lợi khác ở đây.

Để giải quyết nhu cầu gỗ, củi và các lâm sản khác cho sản xuất và tiêu dùng của xã hội, cần phải *khai thác và sử dụng hết sức tiết kiệm vốn rừng tự nhiên hiện có, đồng thời phát dầy nhanh tốc độ trồng cây, gây rừng, cải tạo rừng nghèo kiệt, khẩn trương phủ xanh lại hàng triệu héc ta đất trống, đồi núi trọc, bãi cát, bãi lầy* để tăng nhanh vốn rừng, vốn cây, *tăng khả năng tự cân đối nhu cầu lâm sản của mỗi địa phương*, thu những khối lượng lâm sản lớn phục vụ xuất khẩu và các yêu cầu trọng điểm của Nhà nước. Đó là phương hướng chiến lược quan trọng nhất nhằm giảm nhẹ sức ép đối với rừng, tạo điều kiện thuận lợi để *vốn rừng phát triển bảo đảm phục vụ những mục tiêu to lớn và lâu dài của sự nghiệp công nghiệp hóa. Để giải quyết nhu cầu chất đốt cho nhân dân trong điều kiện còn thiếu các nguồn năng lượng khác, nên trồng rộng rãi các loại cây mọc nhanh nhằm cung cấp nguồn năng lượng sinh khối. Trong việc trồng cây để đáp ứng nhu cầu tại chỗ về gỗ củi, huyện Lý-nhân tỉnh Hà-nam-ninh đã thu được nhiều kết*

quả tốt và nêu nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc tận dụng đất đai ở đồng bằng, nơi đất hẹp người đông.

Như trên đã nêu, muốn chấm dứt nạn phá rừng cần phải giải quyết đúng đắn các nhu cầu làm sản của toàn xã hội và giải quyết tốt đời sống của hàng triệu đồng bào các dân tộc sinh sống gần rừng trên cơ sở phát triển toàn diện kinh tế nông - lâm nghiệp kết hợp, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, lao động, đất đai của từng vùng. Đó là nhiệm vụ khó khăn và lâu dài đòi hỏi phải giải quyết đồng thời nhiều mặt công tác có liên quan đến vấn đề chính trị, kinh tế, kỹ thuật, xã hội và quốc phòng v.v.

Trước mắt, cần thực hiện tốt mấy biện pháp cấp bách để quản lý, bảo vệ tốt vốn rừng như sau:

1. Khẩn trương nắm lại cho tương đối chính xác và đầy đủ số lượng, chất lượng rừng nhằm phục vụ yêu cầu tổ chức lại sản xuất nông - lâm nghiệp trên phạm vi cả nước và ở mỗi địa bàn tỉnh, huyện, xã và hợp tác xã, gắn yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ với sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, đất đai, lao động. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu kinh tế, lâm - nông - công nghiệp (hoặc lâm - nông - ngư nghiệp) đã xác định của các huyện mà quy hoạch tổ chức lại rừng, đất đai, thực hiện giao rừng cho huyện quản lý, giao đất giao rừng cho các đơn vị quốc doanh, tập thể, đơn vị quân đội và khoán cho các gia đình bảo vệ, nuôi dưỡng phù hợp với quy hoạch chung

và khả năng quản lý kinh doanh thực tế của từng đơn vị. Tiến hành điều chỉnh lại quy mô diện tích, phạm vi ranh giới cho hợp lý giữa các đơn vị sản xuất, bảo đảm liên vùng, liên khoảnh, thuận tiện cho việc quản lý, bảo vệ rừng. Từ kinh nghiệm các đợt giao đất giao rừng trước đây mà chấn chỉnh cách giao nhận, có kiểm kê, đánh giá tài sản rừng, đặc biệt chú ý thực hiện việc tổ chức lại sản xuất, bảo đảm yêu cầu *giao rừng, để bảo vệ, giao đất để trồng cây*. Những đơn vị, tập thể và hộ gia đình không có khả năng bảo vệ và trồng cây thì chưa nên giao, hoặc đã giao rồi nhưng không làm tốt thì kiểm tra, thu hồi lại và có biện pháp xử lý thích đáng theo chính sách và luật pháp.

2. Tổ chức lại rừng phù hợp với yêu cầu quản lý, bảo vệ và kinh doanh. Thực hiện phân loại: *rừng cấm, rừng phòng hộ, rừng kinh tế* phù hợp với đối tượng và mục đích quản lý, bảo vệ và kinh doanh. Đồng thời phân chia rừng, đất rừng thành từng đơn vị phân trường, tiểu khu, khoảnh, lô để quản lý, bảo vệ có hiệu quả. Đối với *rừng cấm*, có tổ chức bộ máy, lực lượng chuyên trách và có chế độ quản lý, bảo vệ đặc biệt. Đối với rừng phòng hộ thì giao cho từng huyện, xã, hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, bảo vệ. Đối với rừng kinh tế, liên hiệp xí nghiệp, lâm trường, hợp tác xã và đơn vị nào được phép kinh doanh thì chịu trách nhiệm tổ chức bảo vệ. Chấm dứt tình trạng rừng không có người làm chủ hoặc xác định trách nhiệm làm chủ không cụ thể. Thực hiện đúng nguyên tắc: mỗi

khu đất, khu rừng chỉ có một cơ quan, đơn vị quản lý và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc trồng rừng, bảo vệ và khai thác rừng.

Bộ máy chuyên trách quản lý, bảo vệ rừng phải được tổ chức lại thống nhất trong toàn ngành lâm nghiệp theo ba cấp từ Bộ đến tỉnh, huyện và cơ sở, gắn yêu cầu quản lý, bảo vệ rừng với xây dựng vốn rừng và phát triển lâm nghiệp trên từng địa bàn lãnh thổ. Đặc biệt, coi trọng cũng có và tăng cường bộ máy lâm nghiệp cấp huyện. Ban lâm nghiệp là cơ quan chuyên môn giúp cấp huyện làm tốt công tác quản lý hành chính Nhà nước về lâm nghiệp và tổ chức, chỉ đạo sản xuất kinh doanh nghề rừng trên địa bàn huyện. Theo phương châm dựa vào dân để quản lý, bảo vệ rừng, cần tổ chức lực lượng xung kích bảo vệ rừng ở những vùng tài nguyên quan trọng, phát triển mạnh các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng tại chỗ, tận dụng tới mức cao nhất các phương tiện và trang bị sẵn có ở mỗi địa phương. Mỗi địa phương có chế độ huy động nhanh mọi lực lượng tại chỗ để chủ động tổ chức cứu chữa, dập tắt kịp thời lửa rừng và dịch sâu phá hại rừng. Rừng là tài sản của Nhà nước, thuộc sở hữu toàn dân, song rừng phân bố trên từng địa bàn cụ thể, do đó *chính quyền địa phương nơi có rừng là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước về tổ chức quản lý và bảo vệ chu đáo từ nguyên rừng trên địa bàn*, có quyền kiểm tra, giám sát việc thi hành luật pháp, quy trình, quy phạm có liên quan đến việc bảo vệ rừng trong tất cả các đơn vị quốc

doanh, tập thể, đơn vị quân đội và nhân dân; và trong phạm vi quyền hạn của mình, tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế, xử lý hoặc đề nghị cấp trên có thẩm quyền xử lý những hành động gây thiệt hại đến rừng. Có như vậy tài nguyên rừng mới được quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt.

3. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là ở những vùng tài nguyên tập trung, những vùng trọng điểm để phát sinh nạn cháy, như các khu rừng cấm, các rừng phòng hộ đầu nguồn, các rừng thông Lâm-dông, Quảng-ninh, rừng khộp Tây-nguyên, rừng tràm Kiên-giang, Minh-hải v.v. Ở những nơi này cần xây dựng các công trình bảo vệ, phòng và chống cháy, như đường ranh, kênh mương cản lửa, các băng cây xanh phòng cháy, phòng, trừ sâu bệnh; tổ chức trang bị kỹ thuật dự báo, thông tin phát hiện lửa rừng, nạn dịch sâu phá hại để ứng phó kịp thời. Kinh nghiệm chỉ rõ nếu không coi trọng đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ, phòng và chống cháy thì trồng rừng sẽ không đem lại hiệu quả mà còn gây nên lãng phí nghiêm trọng.

4. Vận dụng và thực hiện tốt các chính sách đòn bẩy kinh tế nhằm khuyến khích các đơn vị, địa phương và toàn dân tích cực bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng và sử dụng tiết kiệm lâm sản; áp dụng rộng rãi cơ chế khoán trồng cây và bảo vệ rừng đến từng hộ gia đình nông dân và hộ gia đình công nhân viên chức, nhằm bảo vệ có hiệu quả từng khu

đất, từng lô rừng. Kinh nghiệm của nhiều hợp tác xã ở các huyện Đoan-hùng, *Thanh-sơn, Tam-đào (tỉnh Vĩnh-phù) chứng tỏ tổ chức lại sản xuất theo hướng kết hợp nông nghiệp và lâm nghiệp, chăn nuôi, mở mang ngành nghề... đồng thời có chế độ khoán chăm sóc bảo vệ và khoán trồng cây cụ thể, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích chính đáng của cá nhân người lao động thì rừng được bảo vệ tốt, sản phẩm rừng phát triển, đất đai được sử dụng theo hướng thâm canh và ngày càng đạt hiệu quả lớn. Chúng ta cần sớm bổ sung hoàn chỉnh các chính sách, nhằm khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa công tác bảo vệ và phát triển vốn rừng, nhất là chính sách lương thực, chính sách thu thuế nông nghiệp bằng sản phẩm rừng phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của miền núi; chính sách giá cả lâm sản, chính sách trích lợi nhuận kinh doanh rừng và quỹ nuôi rừng cho ngân sách địa phương, nhằm gắn trách nhiệm với quyền lợi của các địa phương có rừng, kể cả chế độ thưởng bằng vật chất cho bộ máy quản lý của huyện, xã đã có thành tích quản lý, bảo vệ tốt vốn

rừng. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý các nguồn vật tư lâm sản, thực hiện đầy đủ kỷ luật giao nộp, bảo đảm cung ứng đúng đối tượng và mục đích sử dụng. Hạn chế, tiến tới xóa bỏ thị trường «tự do» buôn bán trái phép lâm sản. Lập lại trật tự mới trong lĩnh vực khai thác, chế biến và lưu thông phân phối gỗ và lâm sản.

Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm-Văn-Đồng đã nói «*Phát triển nghề rừng là sự nghiệp lớn của toàn Đảng toàn dân*» (3). Muốn bảo vệ rừng, phát triển nghề rừng, trước hết cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, làm cho mọi người thấy rõ vị trí của rừng và lợi ích của việc bảo vệ rừng, trồng cây, gây rừng đối với kinh tế, quốc phòng và môi sinh, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện các chính sách và luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, từng bước xây dựng thành phong trào, nếp sống và tập quán xã hội bảo vệ, trồng cây, gây rừng trong mọi tầng lớp nhân dân, từ miền núi đến miền xuôi.

(3) Bài đăng *Tạp chí Cộng sản* số 2 - 1983.

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG NHÂN DÂN

Giáo sư NGUYỄN-NGỌC-MINH

NHÀ nước cách mạng của ta đã được 38 tuổi. Với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được thông qua tháng 12-1980 (đây là bản Hiến pháp thứ ba kể từ Cách mạng Tháng Tám 1945) với một loạt luật, pháp lệnh và hàng nghìn văn bản pháp quy khác, và vừa đây với Phần chung bộ Luật hình sự được Quốc hội thông qua sơ bộ ngày 30-6-1983, hệ thống pháp luật cách mạng của ta đã từng bước hình thành và ngày càng phát triển.

Tuy vậy, một tình hình đáng lo ngại, — như Đại hội thứ 7 của Đảng đã nhận định, — là « có những luật, pháp lệnh không được thi hành nghiêm chỉnh, thậm chí không được thi hành ».

Một trong những nguyên nhân của tình hình đó là công tác giáo dục pháp luật trong nhân dân còn kém.

Vậy phải nhận thức vấn đề như thế nào và phải làm gì để thúc đẩy công tác này tiến lên, góp phần hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn cách mạng mới ?



Chúng ta đang ở chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ. Muốn giáo

dục pháp luật có hiệu quả cần nắm chắc những đặc điểm của thời kỳ này ở nước ta, và những tác động của chúng đến ý thức pháp luật của con người.

Việt-nam vốn là một nước thuộc địa và nửa phong kiến, từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Sống trong một nước thuộc địa, nửa phong kiến, trong một thời gian dài bị pháp luật thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột thậm tệ, cho nên nhân dân ta rất ác cảm, luôn luôn có tư tưởng chống đối pháp luật. Đó là điều dễ hiểu. Bởi vì dưới chế độ cũ, pháp luật đồng nghĩa với đàn áp, với nhà tù, máy chém. Ngày nay, chính quyền đã về tay nhân dân, Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Pháp luật là do Nhà nước đó đặt ra, có sự tham gia đóng góp của nhân dân. Pháp luật không có mục đích nào khác là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhân dân, chống áp bức bóc lột. Từ thái độ ác cảm, chống đối pháp luật chuyển sang thái độ coi pháp luật là của mình, tự giác tuân thủ pháp luật và đấu tranh chống những việc làm vi phạm pháp luật, cần phải có thời

gian, cần có một sự giáo dục kiên trì.

Là những người sản xuất nhỏ từ lâu đời — chủ yếu là nông dân sản xuất nhỏ — mà tính chất của người sản xuất nhỏ là rời rạc, như « những củ khoai tây trong một tải khoai tây » theo cách nói hình ảnh của Mác; cộng thêm với tư tưởng cũ « phép vua thua lệ làng », người dân Việt-nam trong nhiều thế kỷ có thái độ thờ ơ, bàng quan với pháp luật của Nhà nước trung ương. Từ đó chuyển sang thái độ quan tâm đến pháp luật, có ý thức đúng đắn đối với pháp luật, không phải là một việc đơn giản.

Không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, có nghĩa là chưa hình dung được kỷ luật nghiêm ngặt của một nền sản xuất lớn, hiện đại, chưa thừa hưởng được những thành tựu khoa học kỹ thuật — và cũng chưa nhận thức được cái kiến trúc thượng tầng chính trị — pháp lý, Nhà nước và pháp luật, do đó chưa thấy sự khẩn thiết phải quản lý bằng pháp luật, đồng thời cũng chưa quen với trật tự pháp luật của một xã hội có tổ chức cao.

Hơn 30 năm chiến tranh liên miên đã tác động về cả hai hướng: một mặt là mọi người có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh do nhu cầu của chiến tranh; đồng thời lại có mặt khác là mọi người chưa có thói quen tính toán hiệu quả kinh tế, mà lại làm cả những việc vượt ra ngoài mọi quy định của Nhà nước, mang thói quen quản lý từ hoàn cảnh chiến tranh vào hoạt động kinh tế xã hội trong thời bình.

Hiện nay, « đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời, phải sẵn sàng đối phó với ảnh hưởng địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn » (1). Tình hình này cũng có thể

dẫn người ta đến chỗ xem thường pháp luật.

Bởi vậy, muốn giáo dục pháp luật có hiệu quả, thì việc nắm vững các đặc điểm nói trên là rất cần thiết.

Một mặt phải thấy rõ tầm quan trọng, nội dung và yêu cầu rất cao của pháp luật trong chặng đầu của thời kỳ quá độ, coi pháp luật là một công cụ sắc bén, không thể thiếu được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Không thấy rõ tính tất yếu và tác dụng to lớn của pháp luật trong thời kỳ này mà hy vọng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì sẽ rơi vào « không tưởng » như Lê-nin đã nói.

Mặt khác phải đi sâu phân tích những tàn dư của tư tưởng pháp luật cũ còn rơi rớt trong nhân dân để có biện pháp khắc phục. Những tàn dư này không giống ở các nước khác. Phải hiểu rõ tâm lý của người dân đối với pháp luật để có kế hoạch giáo dục cho sát.

Bản chất của pháp luật là mang tính cưỡng chế. Nhưng để đưa pháp luật vào cuộc sống, thì trước hết lại phải thuyết phục, tức là phải giáo dục đã. Lê-nin nói: « Trước hết phải thuyết phục và sau đó mới cưỡng bức. Dù thế nào đi nữa thì trước hết, chúng ta cũng phải thuyết phục rồi sau mới cưỡng bức » (2).



Cách đây hơn 20 năm, Nghị quyết Đại hội III của Đảng ta đã ghi rõ:

« Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm mọi quyền lợi của nhân dân, không ngừng mở rộng dân chủ, thì hành-dùng Hiến pháp và các luật lệ

(1) Văn kiện Đại hội V, tập I, tr. 42.

(2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 65.

đã ban hành, xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa và giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật; phát huy tinh thần làm chủ, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa của nhân dân » (3).

Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) (họp tháng 9-1980) đã nêu một nhiệm vụ hàng đầu phải làm sau khi Hiến pháp mới được thông qua là :

« 1— *Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về Hiến pháp và pháp luật trong cán bộ và nhân dân.*

« ... Thường xuyên phổ biến và giải thích pháp luật trong nhân dân, làm cho mọi người hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân, thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật.

« Đưa việc học tập Hiến pháp và pháp luật hiện hành của nước ta vào chương trình giảng dạy của các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, các trường của Đảng và của các đoàn thể. Sửa đổi và bổ sung chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông cho phù hợp với tinh thần và nội dung của Hiến pháp mới » (4).

Gần đây, Đại hội V của Đảng (tháng 2-1982) lại vạch rõ :

« Các cấp ủy Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể phải thường xuyên phổ biến, giải thích pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, đưa việc giáo dục về pháp luật vào các trường học, các cấp học, xây dựng ý thức sống có pháp luật và tôn trọng pháp luật » (5).

Đặt nhiệm vụ cho cấp ủy Đảng, cho cán bộ đảng viên, Đại hội nhấn mạnh :

« Các cấp ủy Đảng, các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thi hành Hiến pháp và pháp luật (tôi nhấn mạnh — N.N.M.), đi đầu trong cuộc đấu tranh tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nghiêm cấm các tổ chức Đảng tùy tiện đề ra những quy định trái với pháp luật » (6).

Chấp hành các nghị quyết của Đảng, các cơ quan Nhà nước đã có chuyển biến bước đầu : các cấp đều quan tâm giáo dục pháp luật hơn trước. Trên mặt báo chí ở trung ương cũng như ở địa phương, đã có nhiều bài nói về pháp luật, những bài phê phán những hiện tượng vi phạm pháp luật, những tranh chấp biếm, những thư bạn đọc chất vấn những hành vi làm sai pháp luật. Trên đài phát thanh, đài truyền hình, có những mục : « Trả lời thư bạn nghe đài về pháp luật », « Nói chuyện pháp luật », « Ý kiến nhân dân » v.v. Trong các trường của Nhà nước, của Đảng, của Công đoàn, đã chú ý giảng dạy pháp luật nhiều hơn trước. Khoa luật Trường đại học tổng hợp Hà-nội đã được mở rộng và tách ra thành Trường đại học pháp lý.

Tuy vậy, công tác giáo dục pháp luật vẫn còn nhiều việc phải làm : xác định chương trình giảng dạy pháp luật với những nội dung cụ thể, với những bài được in rộng rãi cho các trường, các cấp ; sử dụng những phương tiện thông tin đại chúng một cách thường xuyên vào công việc giáo dục pháp luật ; xuất bản những sách phổ cập để tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân ; dùng nhiều hình thức hấp dẫn khác để đưa pháp luật đến cho các tầng lớp nhân dân và từ đó vào cuộc sống.



Giáo dục pháp luật là công tác tư tưởng, và là một công tác chuyên môn, cho nên nó phải được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, và sự hoạt động tích cực của cơ quan dân cử và các cơ quan chuyên trách về pháp luật (tư pháp, công an, tòa án, kiểm

(3) Văn kiện Đại hội III, tập I, tr. 189.

(4) Nghị quyết 8 của BCHTWĐ (khóa IV).

(5), (6) Văn kiện Đại hội V, tập I, tr. 114 và 117.

sát...). Nó phải được tiến hành một cách có hệ thống, có chuẩn bị chu đáo: có tài liệu, có kế hoạch, có phương tiện.

Nhưng giáo dục pháp luật là một công tác quần chúng, nó liên quan đến tất cả mọi người trong xã hội. Vì vậy, nó là nhiệm vụ của tất cả các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể, ở tất cả các cấp, các ngành. Đảng về mặt Đảng mà nói, thì đây là một công tác quan trọng trong hệ thống công tác tư tưởng. Vì vậy, chỉ có sự lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên của Đảng từ trung ương đến cơ sở mới làm cho công tác giáo dục pháp luật được tiến hành đều đặn và đúng đắn, sát với nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ.

Được sự lãnh đạo của Đảng, mọi cơ quan, đoàn thể phối hợp với nhau thì mới nhanh chóng đưa lại hiệu quả. Ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, người ta thường thành lập một hội đồng gồm đầy đủ các thành phần: cơ quan chuyên trách pháp luật, cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng, xuất bản, đại biểu các đoàn thể nhân dân, do đại diện cơ quan tư pháp chủ trì, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng. Hội đồng này cần được thành lập ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Hội đồng này xác định chương trình, kế hoạch, xác định nội dung giáo dục từng đợt, với những trọng tâm, trọng điểm và phân công cho từng loại cơ quan. Theo kinh nghiệm của Liên-xô trước đây, giới luật học được giao trách nhiệm «tiêu diệt nạn dốt pháp luật» (chữ dùng của Liên-xô).

Về cách làm, theo kinh nghiệm của nước Nga xô viết trước đây, phải rất cụ thể, tỉ mỉ. Tháng 3-1949, Đại hội Đảng cộng sản (b) Nga họp thông qua Cương lĩnh của Đảng, xác định nhiệm vụ của Đảng trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng quyết định: phải lấy những người biết đọc

thông, tổ chức những buổi đọc định kỳ trong các trường học, trong hội trường các Xô viết, các phòng đọc sách ở nông thôn v.v. đọc những sắc lệnh và những quyết định của Nhà nước, và giải thích luật pháp một cách phổ thông, dễ hiểu. Những buổi đọc như vậy có kèm theo minh họa bằng chiếu bóng, đèn chiếu, bằng các tiết mục hòa nhạc, các cuộc diễn văn nghệ để thu hút đông đảo người dự.

Về phương tiện tuyên truyền, các phương tiện thông tin đại chúng có một vai trò to lớn. Ngày nay với hệ thống truyền thanh, truyền hình, báo chí rất phổ biến, việc giáo dục pháp luật lại càng có điều kiện thuận lợi. Vừa đây, Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương (tháng 6-1983) đã viết: phải «cải tiến công tác thông tin đại chúng nhằm trang bị kịp thời cho cán bộ và quần chúng những hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước» (7).

Bình thường mà nói, tòa án được Hiến pháp trao cho nhiệm vụ làm công tác xét xử (Điều 128 Hiến pháp của ta). Nhưng chính bằng công tác xét xử của mình, tòa án có thể góp phần rất có hiệu quả vào việc giáo dục pháp luật. Đảng ta chủ trương: «kiến quyết đưa ra truy tố trước pháp luật những phần tử lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân và ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng» (8). Tòa án làm đúng như vậy là có tác dụng mạnh mẽ đối với việc giáo dục pháp luật. Bởi vì trừng trị những kẻ vi phạm pháp luật cũng là để răn đe những kẻ coi thường pháp luật, giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật.

Giáo dục pháp luật khác với giáo dục đạo đức ở chỗ đó.

(7), (8) Nghị quyết của ECHTƯĐ (khóa V), tr 30 và tr. 20.

Nhận xét về công tác thông tin đại chúng, Đại hội V của Đảng đã nêu những mặt cố gắng và những thành tích của các ngành. « Song, quân chúng và sự nghiệp cách mạng đang đòi hỏi toàn bộ lĩnh vực thông tin đại chúng phải nâng cao hơn nữa về tính tư tưởng, về chất lượng và hiệu quả. Hiện nay, báo chí còn nghèo nàn về nội dung, lượng thông tin ít, hình thức kém hấp dẫn, sức thuyết phục và giáo dục chưa cao. Các buổi phát thanh không phải bao giờ cũng có sức lôi cuốn người nghe » (9).

Đây là một kinh nghiệm, đồng thời là một bài học quý báu.

Giáo dục pháp luật càng đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa về tính tư tưởng, về chất lượng và hiệu quả, về sức lôi cuốn người nghe.

Ngày nay, người ta coi giáo dục pháp luật là một công tác khoa học. Nó có cơ sở lý luận của nó, có phương pháp của nó. Và khoa học pháp lý nói chung có nhiệm vụ thúc đẩy việc nghiên cứu lý luận này.

Giáo dục pháp luật đòi hỏi phải có những kiến thức vững vàng về luật học, ngoài ra, còn phải biết kết hợp với tâm lý học, xã hội học, sự phạm học v.v.

Giáo dục pháp luật không đơn thuần chỉ là truyền đạt một cách thụ động những quy phạm pháp luật cho mọi người hiểu và chấp hành, mà còn phải xem xét tác dụng của pháp luật đối với cuộc sống, qua đó mà phát hiện, đề xuất với các cơ quan có trách nhiệm những biện pháp đề

nâng cao bản thân công tác giáo dục pháp luật, làm cho nó đưa lại những kết quả tốt hơn; đồng thời có thể phát hiện và kiến nghị những biện pháp để xây dựng pháp luật được tốt hơn.

Giáo dục pháp luật gắn với thi hành pháp luật, đồng thời gắn với xây dựng pháp luật.

Còn về *phương pháp*, thì giáo dục pháp luật đòi hỏi phải biết kết hợp sử dụng phương pháp truyền cảm, phương pháp trực quan; kết hợp sử dụng âm thanh với sử dụng hình ảnh, số liệu; kết hợp phương pháp phân tích trừu tượng với trình bày thực tế sinh động v.v.; lại còn phải theo dõi tình vi khả năng tiếp thụ của quần chúng, sự chuyển biến trong ý thức chấp hành, đồng thời theo dõi những phản ứng tích cực hoặc tiêu cực đối với các quy định của Nhà nước, để có những kiến nghị thích đáng làm cho pháp luật đáp ứng sát đúng những yêu cầu của cuộc sống

★

Xã hội xã hội chủ nghĩa càng tiến lên thì hệ thống pháp luật để điều chỉnh những quan hệ xã hội càng phát triển và đa dạng. Công tác giáo dục pháp luật cũng vì vậy mà ngày càng có nội dung phong phú. Nó thất sự trở thành một khoa học không thể thiếu đối với xã hội.

(9) Văn kiện Đại hội V, tập 1, tr. 102 - 103.

Mấy vấn đề của khoa học xã hội trên trận địa tư tưởng hiện nay

VŨ - KHIÊU

I

DẰNG ta ngay từ đầu đã coi trọng vai trò của tư tưởng và chủ ý huy động các công cụ, phương tiện trên trận địa tư tưởng để giáo dục và đấu tranh giành thắng lợi cho hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khoa học xã hội trong những năm qua đã có những đóng góp đáng kể trên trận địa tư tưởng. Ngày nay, cả nước ta đã chuyển sang một bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử. Đó là quá trình đưa đất nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, là thời kỳ xây dựng một hình thái kinh tế - xã hội hoàn toàn mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những biến đổi sâu sắc đang diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống nước ta từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, từ lối sống của cả xã hội đến phẩm chất của mỗi con người. Song muốn tạo nên những biến đổi sâu sắc

ấy, chúng ta phải trải qua cuộc đấu tranh giữa ta và địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa gay go, phức tạp, quyết liệt, phải giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong điều kiện đó, với tư cách là vũ khí quan trọng trên trận địa tư tưởng của Đảng, khoa học xã hội xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc góp phần cung cấp và làm sáng tỏ những căn cứ lý luận, cơ sở khoa học của đường lối chính sách của Đảng, phân tích đánh giá tình hình một cách khách quan, đúng đắn, đấu tranh chống những quan điểm tư tưởng tư sản và phi vô sản khác, giải đáp những vướng mắc về nhận thức tư tưởng và những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống, nhằm nâng cao sự giác ngộ chính trị và trình độ hiểu biết của toàn dân trên cơ sở khoa học.

Đối với nhân dân ở trình độ trưởng thành như nhân dân ta và đối với cả thanh niên của chúng ta nữa, tiếng nói của lý trí, của khoa học được coi

là một trong những vũ khí sắc bén nhất trên trận địa tư tưởng của chúng ta ngày nay. Khoa học xã hội thực hiện chức năng tư tưởng của mình bằng tiếng nói ấy.

Chức năng tư tưởng của khoa học xã hội thể hiện trên ba mặt nhận thức, phê phán và tổ chức.

Về mặt nhận thức, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, khoa học xã hội đặt mọi suy nghĩ và hành động của con người trên cơ sở khoa học. Khoa học xã hội đem lại cho nhân dân những nhận thức đúng đắn và thống nhất về thế giới quan và nhân sinh quan, về phương pháp suy nghĩ và cách nhìn nhận, đánh giá những vấn đề diễn biến phức tạp của đời sống xã hội, về con đường mà Đảng lãnh đạo nhân dân đi tới, về xã hội mới mà toàn dân ta đang phấn đấu xây dựng, về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc và của thời đại, về tương lai của nhân dân ta và loài người.

Về mặt phê phán, khoa học xã hội chính là một thứ vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh quyết liệt, dai dẳng giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản, cuộc đấu tranh giành giật trái tim và khối óc con người. Nó xác lập và củng cố hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn

và chống lại sự xâm nhập của mọi tư tưởng phản động, lạc hậu, xóa bỏ mọi tàn dư tư tưởng, văn hóa của xã hội cũ trong các tầng lớp nhân dân. Nó giáo dục mọi người nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng trước sự tiến công, phá hoại của kẻ địch về tư tưởng, đạo đức và lối sống.

Về mặt tổ chức, cũng như Mác nói về triết học, khoa học xã hội không chỉ "giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, mà vấn đề là cải tạo thế giới". Cổ nhiên sự cải tạo này không phải trực tiếp mà thông qua ý nghĩ và hành động của con người.

Chức năng tổ chức của khoa học xã hội là ở chỗ trên cơ sở trang bị những nhận thức lý luận khoa học, nó xây dựng lý trí và tình cảm, tạo nên những động lực tinh thần thúc giục con người hành động theo những mục tiêu chung của xã hội. Nó không chỉ đem lại nội dung khoa học cho hoạt động tư tưởng, mà còn nghiên cứu những hoạt động tư tưởng, tiến hành những cuộc điều tra về toàn bộ tình hình tư tưởng và văn hóa của nhân dân. Nó phân tích tác dụng của các phương pháp và phương tiện tư tưởng, kiến nghị những phương hướng đúng đắn và những biện pháp khoa học nhất để không ngừng nâng cao hiệu quả của hoạt động tư tưởng.

II

Trong thời gian trước mắt, nhiệm vụ đầu tiên của khoa học xã hội là nghiên cứu khẩn trương về *lý luận và thực tiễn của thời kỳ quá độ ở Việt-nam, đặc biệt là những vấn đề về chặng đường trước mắt*.

Những lệch lạc, thiếu sót của chúng ta vừa qua có một nguyên nhân quan trọng là nhận thức mơ hồ về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhất là đối

với mấy vấn đề căn đặc biệt chú ý trong đường lối chung và đường lối kinh tế do các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đề ra.

Chúng ta đều biết rằng đường lối của Đảng là tư tưởng của mọi tư tưởng. Những ý nghĩ sai lầm, hành động tiêu cực, tâm trạng bi quan, giao động, những sự giảm sút niềm tin đều bắt nguồn từ chỗ chưa nắm được cơ sở khoa học, nội dung sâu sắc,

phương hướng chính xác của đường lối của Đảng.

Do chưa nắm được bản chất và nội dung của chuyên chính vô sản, chưa thấy được điều kiện sống còn của chế độ ta là nắm vững chuyên chính vô sản, cho nên nhiều người còn mơ hồ và coi nhẹ cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch, giữa hai con đường, giữa hai hệ tư tưởng, chưa có ý thức cảnh giác cách mạng đầy đủ đối với mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của địch, chưa nghiêm chỉnh tôn trọng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, một số nơi buông lỏng chuyên chính vô sản, hậu thuẫn trong cuộc đấu tranh giai cấp.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một trong những tư tưởng bao trùm nhất trong mọi hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta, một trong những mục tiêu phấn đấu quan trọng nhất của toàn thể nhân dân, là lẽ sống cao đẹp của chúng ta. Tiếc rằng triết học và xã hội học chưa làm được bao nhiêu trong việc phân tích và giới thiệu về bản chất, nội dung và tính tất yếu của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Điều đó đã dẫn đến những hiểu biết còn hời hợt: hoặc hiểu chế độ làm chủ tập thể như một điều gì xa xôi, hoặc tầm thường hóa nó, thu hẹp nội dung của nó vào khái niệm dân chủ chính trị, hoặc tách rời quyền làm chủ với nghĩa vụ làm chủ, hoặc đối lập nó với chuyên chính vô sản, hoặc không hiểu nó theo lập trường của giai cấp công nhân.

«Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội». Với tinh thần ấy, Đảng đã nêu lên những phương châm, phương hướng của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Cho đến nay, giới kinh tế học và những giới có liên quan vẫn còn chậm chạp trong việc đi sâu nghiên cứu một loạt vấn đề như:

những nội dung cụ thể của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt, mối quan hệ giữa nó với các sự nghiệp khác, mối quan hệ cụ thể giữa ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình xây dựng một cơ cấu công nông nghiệp cho cả nước, mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa kinh tế và quốc phòng trong chặng đường trước mắt.

Đã từ lâu, Đảng ta nhấn mạnh tính chất khó khăn và phức tạp của việc đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhưng thế nào là nền sản xuất nhỏ? Đặc điểm của nền sản xuất nhỏ của xã hội Việt-nam trước đây là những gì? Hậu quả của nền sản xuất nhỏ đang tác động vào các hoạt động của chúng ta hiện nay ra sao? Những vấn đề có tính quy luật đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là gì? Giới khoa học xã hội nước ta chưa có một công trình tương đối quy mô và hoàn chỉnh để nghiên cứu những vấn đề này.

Từ góc độ những lý luận cơ bản kết hợp với những công trình điều tra cụ thể về tình hình mọi mặt của xã hội, khoa học xã hội còn phải tích cực hơn nữa góp phần vào việc làm giảm bớt và khắc phục khó khăn, nhanh chóng ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, loại trừ các biểu hiện tiêu cực, đạt những tiến bộ quan trọng trong mọi lĩnh vực, đồng thời chuẩn bị cho những bước tiến vững chắc và mạnh mẽ trong chặng đường tiếp theo.

Thông qua việc nghiên cứu và giáo dục về lịch sử, khoa học xã hội làm

tăng thêm sức mạnh to lớn đã được phát huy từ hàng nghìn năm trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đó là chủ nghĩa yêu nước, là chủ nghĩa anh hùng, là nền văn hiến Việt-nam, là lao động sáng tạo, là tình tương yêu giữa người và người, là trí thông minh của dân tộc. Từ nhiều năm nay, các ngành khoa học xã hội tuy đã cố gắng hoạt động theo hướng đó, nhưng cần có những đóng góp mới, cao hơn nhằm phát huy sức mạnh truyền thống ấy đáp ứng những yêu cầu cách mạng ngày nay.

Đề thúc đẩy cuộc cách mạng tư tưởng, văn hóa, khoa học xã hội chủ trọng hơn nữa phân tích và phê phán những tàn dư tư tưởng lạc hậu, những phong tục tập quán lỗi thời, những tác phong suy nghĩ và hành động bảo thủ, trì trệ, thiếu khoa học, những biểu hiện xấu xa của lối sống cũ. Mặt khác, khoa học xã hội sẽ tích cực khai thác và phát huy những giá trị tinh thần và truyền thống về vang của dân tộc, góp phần nâng cao lòng tự hào dân tộc trong cán bộ, nhân dân và nhất là thanh niên, làm cho mọi người xác định trách nhiệm, tư thế và vinh dự của mình, vượt qua mọi thử thách và khó khăn, xây dựng cuộc sống mới và lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta luôn luôn thống nhất chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa với

chủ nghĩa quốc tế vô sản, xây dựng đất nước gắn liền với sự hiểu biết sâu sắc về tình hình thế giới và sự phát triển của nhân loại. Khoa học xã hội cần nghiên cứu những diễn biến chủ yếu của tình hình quốc tế, những yêu cầu và ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới, một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của loài người hiện nay, làm rõ những đặc điểm và quy luật của thời đại, phục vụ cho việc xác định những quan điểm và đường lối đối ngoại của Đảng. Khoa học xã hội tích cực góp phần xây dựng những quan điểm tư tưởng và tình cảm đúng đắn nhằm củng cố khối đoàn kết vững chắc với Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đồng thời phân tích sâu sắc những hoạt động phản động của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ, đặc biệt là làm rõ bản chất và những âm mưu, thủ đoạn của chúng trong cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta hiện nay.

Trước những yêu cầu nói trên, khoa học xã hội xác định nhiệm vụ quang vinh của mình là phục vụ ngày càng có hiệu quả hơn đối với đường lối chính sách của Đảng và từ đó làm tròn chức năng tư tưởng của mình ở mặt quan trọng nhất là góp phần thống nhất nhận thức của toàn dân theo phương hướng của Đảng.

III

Tinh thần của khoa học xã hội là ở chỗ nó luôn luôn từ góc độ của khoa học, phục vụ sự nghiệp của Đảng. Đó là lý do tồn tại, là lẽ sống của khoa học xã hội.

Nhận rõ vũ khí sắc bén này, giai cấp tư sản hiện đại tìm mọi cách để đánh lạc hướng các khoa học xã hội.

Chúng luôn luôn coi tinh thần, tinh giản cấp của khoa học xã hội là dấu hiệu của chủ nghĩa chủ quan bẽ phái, chủ nghĩa tư tưởng, từ bỏ tinh khoa học.

Về thực chất, các khoa học xã hội bao giờ cũng là sự gắn thân về mặt xã hội, luôn luôn gắn với một hệ tư

tướng và phục vụ cho một giai cấp nhất định. Giai cấp tư sản hiểu rõ điều đó, cho nên chúng chỉ muốn làm cái trò giả dối là « phi tư tưởng hóa » đối với khoa học xã hội của chúng ta. Còn đối với khoa học xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa thì chúng bỏ rất nhiều tiền đề tổ chức và sử dụng nhằm phục vụ lợi ích giai cấp của chúng. Chính phủ tư sản, các đảng phái chính trị, các tổ chức tư bản độc quyền đã chi phí một cách hết sức hào phóng cho những công trình nghiên cứu có ý nghĩa tư tưởng.

Chúng ta quan niệm rằng trận địa tư tưởng là một trận địa đấu tranh rất gay gắt giữa nhân dân ta với mọi kẻ thù trong nước và ngoài nước. Cuộc đấu tranh hết sức phức tạp này chỉ đạt được thắng lợi khi chúng ta thật sự dựa vào những thành quả nghiên cứu công phu và nghiêm túc của khoa học xã hội.

Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên đất nước ta, khoa học xã hội không chỉ phân tích và phê phán mọi biểu hiện của tư tưởng tư sản, mà còn phải luôn luôn xóa bỏ những tàn dư dai dẳng của tư tưởng phong kiến. Ở nơi nào, lúc nào mà tư tưởng của giai cấp công nhân chưa thống trị tuyệt đối thì ở đó có sự nảy sinh và tác hại của các loại tư tưởng tư sản, phong kiến và tư tưởng phi vô sản khác.

Khi lập trường của giai cấp công nhân chưa được vững vàng thì những mặt tiêu cực của tư tưởng tiểu tư sản cũng sẽ gây tác hại với những biểu hiện của nó như: cục bộ, địa phương, thiên kiến, bình quân chủ nghĩa và vô chính phủ. Khi tư tưởng của giai cấp công nhân chưa thống trị thì những người sản xuất nhỏ thường chống lại hành vi vô đạo đức của giai cấp tư sản bằng quan điểm phong kiến, hoặc chống lại đạo đức nó địch của phong kiến bằng lối sống

tư sản. Phân biệt được cái đúng và cái sai, cái tốt và cái xấu qua những diễn biến phức tạp của cuộc sống hiện nay, nhằm xây dựng những tư tưởng tiến tiến cho các tầng lớp nhân dân, đó là công việc hết sức khó khăn, đòi hỏi sự tham gia tích cực và hăng hái của khoa học xã hội.

Tình hình trên đây càng phức tạp hơn khi bọn phản động quốc tế, trước hết là đế quốc Mỹ và bọn hành trưởng bá quyền Bắc-kinh lại dùng mọi cách tiến công ta trên trận địa tư tưởng. Triết học, xã hội học, tâm lý học, tôn giáo, nghệ thuật và các phương tiện truyền thống của chúng được huy động liên tục và rộng rãi để tiến công ta. Chúng muốn làm phai mờ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa ở thanh niên và nhân dân ta.

Chúng xuyên tạc chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa cộng sản. Chúng vu khống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Chúng chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, chia rẽ ba nước Đông-dương, chia rẽ Việt-nam với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Mục tiêu của chúng là « dùng trăm phương nghìn kế để hỏng phá hoại sự nghiệp cách mạng của ta, bôi đen chế độ ta, chia rẽ Đảng với quần chúng, làm hư hỏng cán bộ đảng viên, nhân viên Nhà nước, làm mờ nhạt hình ảnh đẹp đẽ của Việt-nam trong lòng nhân dân thế giới ».

Trong tình hình này, khoa học xã hội phải phát huy cao nhất khả năng của mình để vạch rõ trước nhân dân những âm mưu tàn bạo và thủ đoạn xảo quyệt của địch, đồng thời phản công lại kẻ địch ngay trên trận địa của các ngành khoa học xã hội: triết học, xã hội học, sử học, văn học, v.v.

Chúng ta biết rằng trong những năm gần đây, giai cấp tư sản hiện đại đã tung ra nhiều lý thuyết phản động, tác động mạnh mẽ vào các tầng

lớp thanh niên, tri thức và văn nghệ sĩ trên thế giới và cả trong nước ta. Với chức năng của mình, khoa học xã hội Việt-nam phải tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng rộng lớn này của thời đại. Trên lĩnh vực triết học, nhiều trào lưu, tư sản đã xuất hiện và thay thế nhau giữ vai trò chủ đạo từng nơi, từng lúc. Đó là hiện tượng luận, chủ nghĩa nhân vị, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa Tô-mát mới, chủ nghĩa thực chứng mới, chủ nghĩa hậu thực chứng, chủ nghĩa cơ cấu, chủ nghĩa duy lý phê phán, nhân bản học, v.v. Chúng ra sức xuyên tạc chủ nghĩa Mác: đối lập Mác trẻ với Mác trưởng thành, đối lập Mác với Lê-nin, gán chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Tô-mát mới, với học thuyết của Phrôt, với tri thức học của Pi-a-giê (Piaget), với phân tâm học của La-căng (Lacan). Chúng vu khống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, ra sức xuyên tạc chuyên chính vô sản, chống sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận vai trò của giai cấp công nhân.

Với thứ khoa học giả hiệu là "tương lai học", nó dự đoán xã hội

ngày mai: "Ngày mai, đành rằng không phải là chủ nghĩa tư bản của chúng tôi, nhưng cũng sẽ không phải là chủ nghĩa cộng sản của các anh". Nó tưởng tượng ra đủ kiểu xã hội: "Xã hội hậu công nghiệp", "xã hội tiêu dùng", "xã hội xã hội chủ nghĩa mới", "xã hội hậu xã hội chủ nghĩa", "xã hội cộng sinh", "xã hội của chủ thể"...

Cho đến nay, chúng ta chưa làm được bao nhiêu trong việc phân tích và phê phán những lý thuyết phản động ấy. Công việc này không phải chỉ giản đơn là so sánh tư tưởng với tư tưởng, mà phải xuất phát từ nguyên bản, từ nguồn gốc xã hội và tư tưởng của những lý thuyết đó mà phê phán chúng một cách sâu sắc trên cơ sở khoa học.

Muốn chống lại có hiệu quả những trào lưu tư tưởng trên đây, khoa học xã hội phải tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin để nó trở thành *hệ tư tưởng của toàn dân*. Đó cũng là điều kiện quan trọng bậc nhất để nâng cao phẩm chất và tư tưởng của con người mới xã hội chủ nghĩa.

IV

Cơ cấu xã hội trong thời kỳ quá độ là một cơ cấu phức tạp và luôn luôn biến động. Những thành phần giai cấp cơ bản của chủ nghĩa xã hội: giai cấp công nhân mới, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp tri thức xã hội chủ nghĩa đang hình thành nhưng còn đầy giẫy giụa những tàn dư của quá khứ. Ngoài những thành phần ấy, còn đông đảo tầng lớp tiểu thương, những người thợ thủ công; đặc biệt ở vùng mới giải phóng còn nhiều thành phần phi xã hội chủ nghĩa. Ở những tầng lớp khác nhau ấy, tư tưởng, tình cảm và hành động còn

nhiều điểm rất khác nhau. Những vũ khí tư tưởng của chúng ta chỉ tác động có hiệu quả khi chúng dựa trên cơ sở hiểu biết những đối tượng đó một cách cụ thể từ nghề nghiệp, nhận thức tư tưởng, thái độ chính trị đến đời sống, tâm tư tình cảm, quan hệ gia đình, bè bạn, quỹ thời gian và sinh hoạt hằng ngày của họ. Như Các Mác đã dạy: "Chúng ta xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực và chính là cũng xuất phát từ quá trình đời sống hiện thực của họ mà chúng ta mô tả sự phát triển của những phản ánh tư tưởng và

tiếng vang tư tưởng của quá trình đời sống ấy» (1). Có nắm được đặc điểm và nguồn gốc của tư tưởng và của tiếng vang tư tưởng ấy, chúng ta mới có thể có một kế hoạch đúng đắn để giáo dục và nâng cao trình độ tư tưởng của mọi tầng lớp nhân dân.

Điều này đòi hỏi chúng ta phải xem xét con người một cách cụ thể ở từng môi trường. Ở mỗi quá trình hoạt động của họ. Mác nói: «Cách xem xét này không phải không có tiền đề... Những tiền đề ấy là những con người, không phải những con người ở trong một tình trạng biệt lập và cố định tưởng tượng mà là những con người trong quá trình phát triển — quá trình phát triển biện thực và có thể thấy được bằng kinh nghiệm — của họ dưới những điều kiện nhất định» (2).

Ở đây, khoa học xã hội, trong đó đặc biệt là xã hội học góp phần quan trọng vào việc chấm dứt những luận điệu trống rỗng về ý thức và đem lại cho hoạt động tư tưởng những tri thức thật sự. Mác nói: «Chính nơi mà tư biện dừng lại — chính trong đời sống hiện thực — là nơi bắt đầu khoa học thực chứng, thực sự, sự miêu tả hoạt động thực tiễn, quá trình thực tiễn của sự phát triển của con người. Những luận điệu trống rỗng về ý thức sẽ chấm dứt; thay cho những luận điệu đó, phải là tri thức thực sự. Hiện thực mà được mô tả thì triết học, với tư cách là một ngành độc lập của tri thức, sẽ mất mọi trường tồn tại» (3).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ những người làm công tác tư tưởng đang đổi mới những hoạt động của mình dựa trên cơ sở điều tra, nghiên cứu và phân tích cụ thể tình hình sinh hoạt, tư tưởng ở mỗi tầng lớp nhân dân, đồng thời áp dụng những hình thức và phương tiện thích hợp với từng thời kỳ, từng đối tượng, nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Trước đây trong thời kỳ kháng chiến, cả nước đánh giặc, mỗi nhà đều có con em nơi tiền tuyến, công tác truyền tin giữ một vị trí quan trọng hàng đầu trong hệ thống công tác tư tưởng của Đảng. Một số máy bay rơi, một chiến thắng mới, một đồn địch bị hạ, bao nhiêu địch ra hàng hoặc bị bắt..., tất cả những điều đó đều được chờ mong, đều làm nức lòng người và đều được truyền đi nhanh chóng từ miệng người này đến tai người khác. Chỉ những tin tức ấy thôi cũng đã có sức mạnh to lớn thúc đẩy lao động ở địa phương và chiến đấu ngoài tiền tuyến.

Ngày nay thì trên trận địa sản xuất bản thân tin tức không còn sức mạnh ấy nữa. Tin tức về gieo mạ, cấy lúa, làm cỏ, trừ sâu ở nơi này nơi khác được bao nhiêu độc giả và thính giả quan tâm? Tinh thần và thái độ lao động của nhân dân được nâng cao không phải do ngày nào trên vô tuyến truyền hình cũng có hình ảnh người đi cấy, mà do sự giáo dục theo chiều sâu của Đảng. Hiệu quả to lớn mà công tác tư tưởng đạt được bắt nguồn từ những bài giảng có hệ thống ở trường Đảng, những bài viết trên báo chí có tính lý luận và thực tiễn, các tài liệu phổ cập, từ các loại hình nghệ thuật, những vở kịch tuy viết còn vội vàng sơ lược nhưng có tác dụng của vô tuyến truyền hình, từ việc phân tích cho nhân dân nhận thức sâu sắc về vinh dự của lao động và sự hủ bại của đời sống ăn bám, từ việc giải đáp về mặt nhận thức tư tưởng trong nhân dân những vấn đề nóng hổi và vướng mắc trong cuộc sống.

Đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, một loạt vấn đề của cuộc sống được đặt ra hết sức phức tạp và phong

(1), (2) Mác — Ăng-ghen: *Tuyên bố*, Nxb Sự thật, Hà-nội. 1980, tập I, tr. 277 và tr. 277 — 278.

(3) Mác — Ăng-ghen: *Sách đã dẫn*, tr. 278.

phủ trên mọi lĩnh vực lao động, chiến đấu và quan hệ hàng ngày, trong gia đình, tình yêu, tình bạn, nghĩa vụ quốc tế. Ở đây, công tác thông tin đơn thuần không thể có hiệu lực bằng công tác tuyên truyền theo chiều sâu thông qua các hoạt động của giáo dục, nghệ thuật và khoa học xã hội, trong đó hoạt động của khoa học xã hội hội có vai trò rất quan trọng.

Thời đại chúng ta đang đem lại những phương tiện cực kỳ phong phú và nhạy bén cho hệ thống truyền thông đại chúng (massmedia). Ở các nước tư bản, đó là phương tiện kinh doanh làm giàu của giai cấp tư sản, và cũng là phương tiện đầu độc nhân dân, phục vụ cho những thị hiếu thấp hèn. Trái lại, ở các nước xã hội chủ nghĩa, đó là phương tiện đang quý năng cao tâm hiệu biết, trình độ tư tưởng chính trị và lối sống của nhân dân. Khoa học xã hội

một mặt sử dụng và cải tiến những hình thức, phương tiện vốn có của nó, mặt khác, thông qua các phương tiện mà thời đại ngày nay đem lại, phát huy hơn nữa tác dụng của mình trên trận địa tư tưởng.

★

Nhận rõ vị trí, vai trò và nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới, khoa học xã hội dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, nhất định sẽ hoạt động có hiệu quả hơn, cùng với các ngành khác, thật sự trở thành những vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng, đấu tranh chống lại mọi thứ tư tưởng phi vô sản, giành thắng lợi cho hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin trở thành hệ tư tưởng của toàn dân ta, một sức mạnh tinh thần giúp cho mọi người hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng đề ra.

Thấu suốt và thi hành nghiêm chỉnh...

(Tiếp theo, trang 16)

đóng thuế và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc.

Thời gian qua, theo báo cáo bước đầu, nói chung tiến độ thi hành Pháp lệnh ở nhiều địa phương đang còn chậm: ở những nơi đã bắt đầu làm thi bước đi không đồng đều, không theo đúng kế hoạch Hội đồng bộ trưởng quy định. Nơi nào được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo sát sao từ khâu chuẩn bị, thi hoàn thành kiểm kê diện tích, phân hạng đất, tính thuế, lập sổ thuế nhanh, tìm ra thêm diện tích chịu thuế, phân hạng đất sát thực tế, được quần chúng đồng tình, có nơi mức thuế mới tăng 30, 40% so với năm trước, được bà con nông dân xác nhận là đúng và vui vẻ đồng thuế. Ở các nơi làm chưa tốt, biểu hiện chính là kéo tụt hạng đất để đa số diện tích tập trung vào các hạng

thấp, việc kiểm kê diện tích chưa kỹ, chưa kiểm tra đúng mức, do đó tìm không ra diện tích, thậm chí có nơi còn hụt diện tích không có lý do. Đó là những hiện tượng cần kịp thời chấn chỉnh để việc thi hành Pháp lệnh đạt kết quả.

Kinh nghiệm công tác thuế nông nghiệp nhiều năm qua cho thấy, muốn cho chính sách của Đảng được chấp hành nghiêm chỉnh, cần nắm vững và liên kết chặt chẽ 4 yếu tố sau đây:

- Sự quan tâm lãnh đạo của các cấp Đảng và chính quyền.
- Sự gương mẫu của cán bộ đảng viên.
- Sự giác ngộ về nghĩa vụ của quần chúng.
- Sự tôn trọng pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời tăng cường đúng mức bộ máy thuế nông nghiệp các cấp.

Kết quả bước đầu thực hiện cơ chế quản lý mới ở Liên hiệp lâm—công nghiệp Ea Súp

PHAN-THANH-XUÂN

LIÊN hiệp lâm—công nghiệp Ea

Súp được tổ chức và hoạt động trên địa bàn 3 huyện Ea Súp, Krông Buk, Ea H' leo thuộc tỉnh Đắc-lắc. Đây là vùng tài nguyên phong phú, diện tích tự nhiên 45 vạn héc ta với tổng trữ lượng gỗ hơn 40 triệu mét khối, trữ lượng có thể khai thác tới 20 triệu mét khối. Tiềm năng đất rừng khá lớn bao gồm 13 vạn héc ta đất ba dan và đất bồi tụ ven sông, 9 vạn héc ta đất thuộc đá mẹ gra nit và 23 vạn héc ta đất ba dan, đất phù sa đã thoái hóa, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế lâm, nông, công nghiệp toàn diện.

Tuy nhiên, điều kiện tự nhiên, kinh tế—xã hội ở đây không ít khó khăn, đó là những tác động tiêu cực của chế độ khí hậu phân mùa sâu sắc, kinh tế nông lâm nghiệp chậm phát triển và nói chung còn trong trạng thái thu hái tự nhiên, trình độ sản xuất lạc hậu, dân cư thưa thớt, nguồn sống chính của đồng bào các dân tộc ở đây chủ yếu dựa vào nương rẫy, do đó hằng năm hàng nghìn héc ta rừng bị đốt phá. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp mới

được hình thành và còn non yếu, ở nhiều buôn làng trình độ kinh tế—xã hội rất thấp. Thêm vào đó, sự hoạt động phá hoại của kẻ địch, tính khắc nghiệt của thời tiết, bệnh tật hiểm nghèo và cuộc sống khó khăn nơi núi rừng xa xôi hẻo lánh càng làm tăng thêm khó khăn, gay gắt khi triển khai xây dựng Liên hiệp.

Song, dưới ánh sáng đường lối phát triển lâm nghiệp của Đảng, cán bộ, công nhân Liên hiệp lâm—công nghiệp Ea Súp chúng tôi đã nghiên cứu, quán triệt và cố gắng vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể trên địa bàn Tây-nguyên, tìm ra hướng đi đúng, biện pháp có hiệu quả và kiên trì tổ chức thực hiện theo phương hướng đó, cho nên đã thực hiện có kết quả những nhiệm vụ sản xuất, xây dựng vốn rừng, đưa các mặt hoạt động quản lý, kinh doanh của Liên hiệp sớm đi vào nền nếp. Trong 3 năm (1980—1982), với phương châm vừa xây dựng vừa sản xuất, Liên hiệp Ea Súp đã khai thác và giao nộp 104 000 m³ gỗ, hàng chục nghìn mét khối củi, bảo đảm tái sinh và tu bổ lại rừng sau khai thác, đồng thời

trồng lại hơn 10.000 héc ta rừng, trong thời gian ngắn đã sớm định hình sản xuất, đưa năng lực khai thác gỗ từ 2 - 3 vạn m³/năm lên 9 - 10 vạn m³/năm, đưa quy mô trồng rừng từ 1.000 lên 7.000 héc ta/năm; triển khai nhanh việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, đổi mới kết cấu kinh tế thuộc cơ sở hạ tầng, thực hiện kinh doanh có lãi, phát huy nhanh hiệu quả đầu tư và đã thu hồi vốn đầu tư cho ngân sách trong thời gian tương đối ngắn. Liên hiệp đã làm chủ tài nguyên và tổ chức sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của một khu kinh tế lâm nghiệp trọng điểm, sản xuất lớn, và đã có tác động tích cực đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần hướng dẫn và tổ chức đồng bào dân tộc thiểu số còn sinh sống theo lối du canh, du cư, đốt rừng làm nương rẫy đi vào xây dựng cuộc sống mới theo hướng khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng tổng hợp về tài nguyên rừng, đất đai, lao động theo phương thức kết hợp nông - lâm nghiệp một cách hài hòa.

Liên hiệp lâm - công nghiệp Ea Súp đã mạnh dạn tháo gỡ khó khăn trong cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp, bước đầu hình thành cơ chế quản lý mới của Liên hiệp, bảo đảm sự điều hành tập trung thống nhất của Liên hiệp và phát huy vai trò chủ động sáng tạo của các xí nghiệp thành viên, giải quyết hài hòa ba lợi ích, chăm lo thỏa đáng đời sống của công nhân viên chức trên cơ sở tăng năng suất lao động và tổ chức sản xuất phụ, từ đó gắn bó người lao động với nhiệm vụ xây dựng và phát triển tài nguyên rừng trên địa bàn Liên hiệp.

Sở dĩ đạt được những kết quả nói trên là do Liên hiệp đã nắm vững nhiệm vụ trung tâm cơ bản về xây dựng vốn rừng, đã vận dụng đúng đắn các quan điểm đường lối và

phương châm phát triển nghề rừng của Đảng và đã kiên trì tổ chức thực hiện theo đường lối đó.

I — Nắm vững nhiệm vụ trung tâm là xây dựng và quản lý tốt vốn rừng.

Một trong những vấn đề đáng chú ý của nghề rừng nước ta là mở rộng khai thác đến đâu là rừng suy giảm đến đó. Tuy rằng, làm trường nào cũng đều xác định có hai nhiệm vụ cơ bản là khai thác và tái sinh rừng, song do cơ chế tổ chức, quản lý và hệ thống chính sách vốn đã bộc lộ khuynh hướng khuyến khích khai thác, xem nhẹ tái sinh rừng, trong chỉ đạo cụ thể lại càng đi lệch theo chiều hướng đó, cho nên không tránh khỏi hiện tượng phá rừng. Vì vậy, ngay từ khi mới bắt tay xây dựng Liên hiệp, chúng tôi đã ý thức được rằng phải kiên quyết bảo đảm yêu cầu tái sinh rừng, không vì mục tiêu khai thác mà làm cho vốn rừng suy thoái, trái lại phải xem việc khai thác là một trong những biện pháp làm sinh đẻ xây dựng lại tài nguyên. Tuy sản lượng gỗ khai thác hằng năm của Liên hiệp khá lớn (khoảng 9 - 10 vạn m³/năm, tương đương với quy mô khai thác của một tỉnh miền núi), song chúng tôi luôn luôn xác định nhiệm vụ trung tâm cơ bản nhất là tái sinh, xây dựng vốn rừng, làm cho tài nguyên rừng do Liên hiệp quản lý không vì khai thác với khối lượng lớn như vậy mà bị giảm sút, trái lại tài nguyên rừng ở đây phải được phát triển cả về quy mô diện tích, số lượng và chất lượng. Thực chất đây là vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu khai thác trước mắt và yêu cầu khai thác lâu dài, thực hiện nguyên tắc tái sản xuất mở rộng tài nguyên rừng.

Theo tinh thần đó, trên địa bàn 45 vạn héc ta rừng và đất rừng do Liên

hiệp quản lý, chúng tôi chỉ bố trí 1 xí nghiệp khai thác chuyên môn hóa với trang bị kỹ thuật khá đồng bộ, trong khi đó phải bố trí 10 lâm trường chuyên làm nhiệm vụ lâm sinh và xây dựng lại vốn rừng, nghĩa là cứ 1 công nhân khai thác phải có ít nhất 20 công nhân lâm sinh mới bảo đảm yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng vốn rừng.

Về kinh doanh, xây dựng rừng, chúng tôi áp dụng đồng thời cả 3 loại biện pháp: — Một là trồng rừng mới trên đất trống, đồi trọc. — Hai là tu bổ rừng nghèo, cải tạo rừng kiệt. — Ba là khai thác những khu rừng thành thực địa lấy sản phẩm phục vụ nhu cầu của nền kinh tế quốc dân, đồng thời tái sinh rừng bằng cách nâng cao số lượng và chất lượng rừng trong các chu kỳ khai thác tiếp theo.

Trong việc quản lý, bảo vệ và xây dựng vốn rừng, chúng tôi coi tổ chức lại rừng là biện pháp cơ bản hàng đầu, và đã phân chia rừng thành phân trường và tiểu khu (đã thiết kế xây dựng 80 tiểu khu rừng, mỗi tiểu khu có diện tích xấp xỉ 1000 ha), trên cơ sở đó tiến hành điều chế, tổ chức gây trồng, tu bổ hoặc giao rừng khai thác và nghiệm thu đóng rừng để lâm vệ sinh, trồng dặm v.v. Tổ chức rừng thành các đơn vị tiểu khu còn là tiền đề để thực hiện chức năng lâm chủ quản lý, bảo vệ vốn rừng một cách chắc chắn, chấm dứt tình trạng rừng hoang dã, không có người lâm chủ, đồng thời tạo cơ sở để hình thành các cụm dân cư, phát triển kinh tế xã hội tại mỗi cứ điểm lâm trường, xí nghiệp lâm nghiệp. Chính nhờ nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng của công tác xây dựng vốn rừng và tập trung sức thực hiện đúng đắn theo các yêu cầu của nhiệm vụ lâm sinh mà cả 3 mặt hoạt động: tái sinh rừng sau khai thác, tu bổ rừng và trồng rừng, mở rộng diện

tích trên đất trống, đồi trọc chúng tôi đều thực hiện có kết quả.

II — Kết hợp hài hòa nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp với yêu cầu phát triển kinh tế — xã hội trên địa bàn Liên hiệp.

Liên hiệp lâm — công nghiệp là loại hình tổ chức sản xuất mới của ngành lâm nghiệp, là hình thức liên hiệp nhiều ngành kinh tế, nhiều thành phần kinh tế hoạt động trên một địa bàn. Trong phạm vi Liên hiệp không chỉ có các lâm trường và xí nghiệp quốc doanh, bởi vì không có lâm trường nào lại không có dân sinh sống, không có Liên hiệp nào hoạt động trên địa bàn nhiều huyện lại tách rời các cơ sở kinh tế của địa phương. Các thành phần kinh tế (quốc doanh trung ương, quốc doanh địa phương, tập thể và kinh tế gia đình) có mối quan hệ hữu cơ và tác động qua lại rất biện chứng, mà trong chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp không thể không giải quyết tốt các mối quan hệ đó. Liên hiệp Ea Súp là một trong những đơn vị kinh tế mạnh của trung ương, muốn phát huy đúng vai trò của mình, không thể không thu hút sự tham gia đóng góp tích cực của chính quyền và nhân dân địa phương. Mặt khác Liên hiệp phải phát huy trách nhiệm của một đơn vị kinh tế quốc doanh trung ương trong việc giúp đỡ và thúc đẩy kinh tế địa phương, làm cho sức mạnh của kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, kinh tế của Nhà nước và của nhân dân được phát huy đầy đủ nhằm phát triển kinh tế lâm — nông — công nghiệp toàn diện trên địa bàn, thúc đẩy mọi mặt dân sinh, kinh tế, xã hội của một vùng giàu tài nguyên nhưng kinh tế chậm phát triển này, thành một trong những cứ điểm vững chắc về

kinh tế của cả nước. Chúng tôi nhận thức rằng, việc đầu tư mở mang một khu kinh tế rộng lớn như Liên hiệp Ea Súp không chỉ nhằm khai thác những sản phẩm rừng cung cấp cho yêu cầu của Nhà nước, mà còn nhằm xây dựng lại tài nguyên và thúc đẩy các ngành kinh tế địa phương phát triển, góp phần cải thiện điều kiện vật chất - văn hóa tinh thần cho hàng vạn nhân dân các dân tộc, làm cho nhân dân ở đây thật sự gắn bó với rừng, xóa bỏ tình trạng đối lập với rừng một cách tự phát như trước đây. Trên địa bàn rừng núi Tây-nghuyên này, khi mà các ngành kinh tế chưa phát triển, thì ngành kinh tế lâm-nghiệp có vị trí tiên phong, giữ vai trò là ngành kinh tế khởi động để thúc đẩy mở mang kinh tế lâm-nông-công nghiệp toàn diện ở địa phương. Do đó, trong quá trình xây dựng và triển khai hoạt động, chúng tôi không tự tách mình hoặc đối lập với kinh tế địa phương, ngược lại đã gắn bó kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, kinh tế quốc doanh, tập thể và kinh tế gia đình trong một quy hoạch thống nhất, theo các hình thức liên kết kinh tế cụ thể, trong đó kinh tế quốc doanh luôn luôn giữ vai trò nòng cốt, chủ đạo và phát huy tác dụng giúp đỡ đối với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Đây chính là thành công lớn nhất mà chúng tôi đã đạt được do nhận thức và kiên trì thực hiện trong những năm qua. Nhờ giải quyết tốt mối quan hệ kinh tế nói trên mà Liên hiệp đã đứng vững và triển khai nhiệm vụ của mình một cách thuận lợi; nạn phá rừng đã được hạn chế, kinh tế lâm nghiệp quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình đều phát triển. Ngoài thu nhập do lâm nương rẫy, đồng bào còn thu nhập thêm từ nghề rừng và làm vườn. Nhờ thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", theo công thức nguồn giống của Nhà nước, lao động của

dân, cấp ủy tổ chức và chỉ đạo, chúng tôi đã có thể mở rộng quy mô trồng rừng hằng năm lên gấp 6 - 7 lần so với năng lực thực tế của đơn vị. Liên hiệp cũng đã trích một phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản và một phần lợi nhuận xí nghiệp để đầu tư trở lại cho kinh tế địa phương, như xây dựng đập nước, ruộng cấy lúa và một số công trình phúc lợi công cộng, góp phần đổi mới bộ mặt kinh tế, văn hóa, xã hội ở các buôn làng. Đặc biệt, chúng tôi đã cùng cấp ủy và chính quyền địa phương làm tốt cuộc vận động định canh định cư mà nội dung chủ yếu là xây dựng phương hướng sản xuất hợp lý trên cơ sở phát huy tiềm năng và thế mạnh về rừng, lao động, đất đai của địa phương nhằm giải quyết cuộc sống ổn định cho nhân dân. Mô hình định canh định cư kết hợp xây dựng vùn rừng theo phương thức nông - lâm kết hợp ở xã Chư-pông đã được địa phương đánh giá cao về mọi mặt, đó là cách làm tốt nhất để mở rộng cuộc vận động định canh định cư, đưa đồng bào các dân tộc còn sống du canh đốt rừng làm nương rẫy đi vào cuộc sống mới ổn định, bằng cách sản xuất trên đồng ruộng và đất màu ổn định, bằng cách làm rừng và làm vườn. Ở đây, đồng bào đã có ruộng nước, có bãi cỏ chăn nuôi, có vườn cây công nghiệp, có rừng tự nhiên và rừng trồng, trình độ sản, xuất không ngừng được nâng lên, tập quán sản xuất lạc hậu đã được khắc phục, quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp được củng cố và phát triển. Cũng như mô hình Chư-pông, Buôn-vin, Chu-nê, chúng tôi đã cùng các huyện xúc tiến quy hoạch nông-lâm nghiệp làm tiền đề cho công tác định cư định canh tại các buôn làng.

Chúng tôi nhận thức rằng thực hiện tốt mối quan hệ kinh tế giữa trung ương và địa phương, giữa Nhà nước và nhân dân cũng chính là giải quyết tốt mối quan hệ về lợi ích kinh tế

giữa Nhà nước, tập thể và người lao động, trong đó, lợi ích Nhà nước luôn luôn được coi trọng ở vị trí hàng đầu. Ở mặt này hay mặt khác, ở thời điểm này hay thời điểm khác, chúng tôi có chủ ý khuyến khích lợi ích tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, song tựu trung cũng nhằm phục vụ lợi ích cao nhất và lâu dài của toàn xã hội. Bởi vì, nếu không thu hút sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền địa phương đối với nghề rừng trên địa bàn, không thu hút, tổ chức và giúp dân xây dựng cuộc sống mới, gắn lợi ích của đồng bào với việc bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng nơi mình sinh sống thì không thể nào quản lý, bảo vệ được rừng và mở mang toàn diện nghề rừng. Cuộc vận động định canh định cư mà chúng tôi đang cùng cấp ủy địa phương thực hiện theo các mô hình tiêu biểu cho mỗi vùng chính là để thực hiện mục tiêu kết hợp phát triển kinh tế ngành với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ. Việc tổ chức lại rừng, tổ chức sản xuất của Liên hiệp chúng tôi đều gắn với yêu cầu tổ chức lại sản xuất của các huyện, xã, hợp tác xã, thực hiện giao đất giao rừng cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ gia đình, nhằm gắn lao động với đất đai, tài nguyên, khai thác tiềm năng và thế mạnh về lâm nghiệp; kết hợp yêu cầu xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất với phục vụ dân sinh; tổ chức các phân trường, đội sản xuất lâm nghiệp xen kẽ theo các buôn làng để hình thành cụm dân cư, làng lâm nghiệp, tạo điều kiện để tổ chức lại cuộc sống cho công nhân lâm nghiệp với các điều kiện sinh hoạt tối thiểu cần thiết như cửa hàng, bệnh xá, trường học, nơi giải trí, đồng thời cũng nhằm nâng cao dân trí, đời sống vật chất và văn hóa cho đồng bào các dân tộc, xây dựng khối liên minh công nông bền chặt và quan hệ sản xuất mới ngày càng được củng

cố và hoàn thiện ở địa phương. Số vốn mà Liên hiệp đã giúp cho các huyện xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, đời sống tuy không nhiều (mỗi năm khoảng 4 - 5 triệu đồng) song rất có ý nghĩa, vì đã khích lệ được tinh thần phấn khởi và tạo được niềm tin của quần chúng đối với đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước.

III — Bước đầu cải tiến tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý ở Liên hiệp.

Do sản xuất lâm nghiệp có những nét đặc thù của nó, cho nên hình thức tổ chức liên hiệp lâm - công nghiệp không giống các liên hiệp xi nghiệp công nghiệp được tổ chức theo từng chuyên ngành hiện có trong nước. Chúng tôi cho rằng Liên hiệp lâm - công nghiệp là hình thức liên hiệp nhiều ngành kinh tế hoạt động trên một khu vực lãnh thổ nhất định, hầu hết các vùng này có tài nguyên khá phong phú, song điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển. Nhiệm vụ chủ yếu của một Liên hiệp lâm - công nghiệp là:

— Tổ chức rừng, quản lý và xây dựng lại vốn rừng, bảo đảm cung cấp lâm sản lâu dài và ổn định cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời giữ vững và phát huy tác dụng phòng hộ của rừng đối với môi trường sinh thái.

— Khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ các loại sản phẩm rừng (gỗ, lâm sản, đặc sản, dược liệu) và sản phẩm nông nghiệp, cây công nghiệp, sản phẩm chăn nuôi, nghề cá (do kết quả của phương thức sản xuất nông - lâm kết hợp) theo các quy trình công nghệ và phân công sản xuất hợp lý nhất.

— Xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất theo một quy hoạch thống nhất trên địa bàn, bảo đảm các yêu cầu phát triển toàn diện của một vùng kinh tế. Muốn thực hiện được nhiệm

vụ cơ bản nói trên, chúng tôi coi trọng trước hết công tác tổ chức lại rừng theo yêu cầu quản lý và sản xuất theo phương pháp công nghiệp. Liên hiệp đã cùng với ủy ban nhân dân các huyện thực hiện việc phân chia rừng và đất rừng theo từng đơn vị quản lý, phân rõ trách nhiệm làm chủ cụ thể cho từng đơn vị (lâm trường, nông trường, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất... trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng).

Ở Liên hiệp Ea Súp, việc khai thác và xây dựng lại vốn rừng được phân công tách bạch theo nguyên tắc chuyên môn hóa, tránh hiện tượng tùy tiện trong khai thác dẫn đến hậu quả phá rừng. Đây cũng là tiền đề để tiến tới thực hiện chế độ hạch toán bán cây đưng nhằm tăng cường hơn nữa ý thức trách nhiệm bảo vệ rừng và triệt để tiết kiệm, tận dụng gỗ trong quá trình khai thác.

Bên cạnh các cơ sở quốc doanh làm nòng cốt cho nghề rừng trên địa bàn, chúng tôi đã tổ chức cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và nhân dân các xã vùng kinh tế mới vào tham gia hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo các hình thức và mức độ khác nhau, song đều nhằm phục vụ cho mục tiêu kinh tế của Liên hiệp. Với cách tổ chức chuyên môn hóa và điều hành hiệp tác chặt chẽ, nhạy bén và kịp thời, trong 3 năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Liên hiệp đã đi dần vào hướng lấy nhiệm vụ xây dựng vốn rừng làm trung tâm, năm nào Liên hiệp cũng hoàn thành kế hoạch lâm sinh và kế hoạch công nghiệp rừng, sản phẩm giao nộp đầy đủ, đúng kế hoạch, năng suất lao động tăng, thu nhập và đời sống của người lao động ngày càng được nâng cao.

Về đời mới công tác kế hoạch, trước hết nội dung kế hoạch của một Liên hiệp lâm - công nghiệp chỉ nên gồm có các chỉ tiêu chủ yếu về xây dựng vốn rừng, sản xuất và tiêu thụ

sản phẩm, xây dựng cơ bản và sản xuất phục vụ nghề rừng. Về sản lượng sản phẩm chủ yếu làm ra trên địa bàn Liên hiệp, trước hết phải căn cứ vào năng lực thực tế của rừng và đất rừng đưa vào kinh doanh mà tính toán và xác định cho chính xác, không giao kế hoạch một cách chủ quan. Đối với nhiệm vụ trồng rừng đòi hỏi phải chuẩn bị trước một vài năm để có thời gian thu mua, thu hái giống, tổ chức vườn ươm tạo cây con đủ số lượng và chất lượng, bảo đảm trồng theo kế hoạch, chúng tôi thường giao chỉ tiêu kế hoạch và căn đối sớm các điều kiện đề cơ sở chủ động thực hiện kế hoạch. Theo phương châm « lấy rừng nuôi rừng », chúng tôi đã cố gắng chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch trồng rừng với số lượng và chất lượng ngày càng cao. Chúng tôi cho rằng cơ chế cấp phát vốn trồng rừng theo lối bao cấp như hiện nay, cũng như cách tính giá thành sản xuất một mét khối gỗ chỉ bao gồm các chi phí trực tiếp để chặt hạ, vận xuất..., không tính đến các chi phí cần thiết để tái tạo rừng, là không hợp lý vì không gắn được yêu cầu khai thác với tái sinh rừng. Kết cấu giá thành sản xuất vào đơn vị sản phẩm phải bao gồm cả các chi phí về lâm sinh, xây dựng rừng, đồng thời cần phải trích một phần đáng kể tiền chênh lệch giữa giá bán buôn vật tư và giá bán buôn công nghiệp của các sản phẩm khai thác từ rừng, để đầu tư trở lại cho công tác xây dựng lại rừng trên địa bàn. Quỹ nuôi rừng cũng phải được lập và căn đối trên địa bàn. Thực hiện cơ chế « gắn thu bù chi », nhằm khuyến khích địa phương, cơ sở thu đủ, thu đúng chính sách nhằm tăng thêm khả năng thực hiện yêu cầu xây dựng lại rừng.

Đối với việc trích lợi nhuận của Liên hiệp đóng góp vào ngân sách huyện và xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, chúng tôi chỉ mới đóng góp được một phần rất nhỏ. Nhà

nước cần có quy định chính thức về tỷ lệ đóng góp của các Liên hiệp, thật sự phát huy tác dụng tích cực của kinh tế trung ương đối với địa bàn, gần lợi ích của cấp huyện với trách nhiệm cụ thể về tổ chức, quản lý và bảo vệ tốt tài nguyên trên phạm vi lãnh thổ.

Ở Liên hiệp Ea Súp hiện có 17 xí nghiệp thành viên. Liên hiệp sản xuất chịu trách nhiệm đến sản phẩm cuối cùng, các xí nghiệp thành viên thực hiện hạch toán theo công đoạn sản xuất, toàn Liên hiệp thực hiện chế độ hạch toán chung. Như vậy vừa xóa bỏ lối quản lý hành chính quan liêu, làm cho bộ máy quản lý của Liên hiệp thật sự gần bó với sản xuất trực tiếp của xí nghiệp thành viên, đồng thời phát huy được vai trò chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của mỗi xí nghiệp, làm trường. Đương nhiên trong quá trình phát triển của các lâm trường, xí nghiệp, tùy quy mô, tính chất, năng lực quản lý cụ thể của mỗi đơn vị mà Liên hiệp mở rộng phạm vi hạch toán cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

Về chính sách cán bộ, về chế độ tiền lương, tiền thưởng, xuất phát từ nhận thức cán bộ là yếu tố quyết định nhất để thực hiện thắng lợi mọi đường lối và nhiệm vụ cách mạng, Liên hiệp đã triển khai ngay từ đầu việc quy hoạch và đào tạo cán bộ, và đến nay đã có được đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi đã áp dụng chế độ lương khoán sản phẩm gắn liền với tiền thưởng, gần lợi ích vật chất của người quản lý với thành quả sản xuất kinh doanh của mỗi xí nghiệp hoặc đơn vị phụ trách. Thông qua việc thực hiện rộng rãi chế độ lương khoán, năng suất lao động và thu nhập thực tế của công nhân trực tiếp sản xuất và cán bộ quản lý, cán bộ, nhân viên gián tiếp trong toàn Liên hiệp đã tăng lên, mọi

người yên tâm phấn khởi, các hiện tượng tiêu cực bị đẩy lùi



Công tác quản lý ở Liên hiệp lâm - công nghiệp Ea Súp đã từng bước đi vào nề nếp và đã có những tác động nhất định đối với sản xuất, song đó chỉ mới là kết quả bước đầu. Liên hiệp Ea Súp không phải không còn những mặt yếu cần nghiên cứu khắc phục. Trước hết, vấn đề tổ chức và quản lý của một Liên hiệp lâm - công nghiệp - một loại hình tổ chức sản xuất đặc thù có phạm vi rộng lớn và tính chất phức tạp - đòi hỏi chúng tôi phải suy nghĩ, tìm tòi đề vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo đường lối của Đảng và cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước cho phù hợp với đặc điểm kinh tế kỹ thuật của nghề rừng trên địa bàn Tây - nguyên; đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động định canh định cư nhằm hạn chế, tiến tới chấm dứt nạn đốt rừng làm nương rẫy, góp sức cùng cấp ủy và chính quyền địa phương tổ chức lại cuộc sống cho đồng bào các dân tộc bằng cách làm rừng, làm vườn và sản xuất nông nghiệp thâm canh, khai thác triệt để tiềm năng tổng hợp của một vùng có tài nguyên phong phú như địa bàn Ea Súp, mau chóng phát triển mọi mặt kinh tế xã hội.

Về tổ chức sản xuất, quản lý, kinh doanh của Liên hiệp, chúng tôi phải coi trọng hơn nữa khâu quản lý rừng và tổ chức sản xuất theo quy hoạch và phương án kinh tế - xã hội đã được duyệt, đẩy mạnh hơn nữa khâu chế biến nhằm tăng thêm giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm, nâng cao tỷ lệ sử dụng và tiết kiệm gỗ trong khai thác chế biến, giảm bớt khối lượng vận tải, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm cân đối giữa các khâu trong dây chuyền sản

(Xem tiếp trang 57)

ĐỘC ĐOÁN, CHUYÊN QUYỀN

KIII Đảng và Nhà nước ta giao cho cán bộ một chức vụ nào đó thì đồng thời cũng dành cho họ những quyền cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ. Chẳng hạn, đối với người phụ trách một địa phương, một đơn vị thì có quyền vạch ra và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, ban hành các quyết định, kiểm tra việc thực hiện quyết định, lựa chọn người cộng sự, đề bạt, khen thưởng, tuyền dụng hoặc xử lý kỷ luật các cán bộ, nhân viên dưới quyền theo đúng quy định chung v.v. Thiếu các quyền đó thì người phụ trách khó mà thực hiện được nhiệm vụ của mình, và rất dễ lâm vào cảnh "ngồi đờ làm vị". Trong chỉ đạo công việc, sau khi lắng nghe đầy đủ ý kiến của những người cộng sự, cân nhắc các phương án khác nhau, người phụ trách có quyền quyết đoán và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Đó là một biểu hiện cụ thể, đúng đắn của nguyên tắc tập trung dân chủ.

Như vậy là chức và quyền đi đôi với nhau, hỗ trợ nhau. Quyền giúp làm tròn chức vụ, chức vụ bảo đảm về pháp lý cho quyền. Những ý nghĩ coi thường quyền, cho quyền là một cái gì xấu, không cần thiết cho xã hội mới v.v., đều là không đúng. Quyền, với nội dung

chân chính của nó, là một thứ vũ khí của người cán bộ cách mạng. Quyền là phương tiện để bảo đảm hiệu lực công tác; giữ vững kỷ cương trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước, thể hiện sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nó là một biểu hiện cụ thể của chuyên chính vô sản. Nó giúp cho người cán bộ có cơ sở pháp lý để thực hiện nhiệm vụ, chủ động đứng mũi chịu sào để giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm công tác của mình.

Vì vậy, đối với mỗi người phụ trách, nắm vững quyền là điều cần thiết. Buông lỏng quyền được giao tức là trốn tránh trách nhiệm.

Song, đối với đội ngũ chúng ta, điều đáng nói hiện nay là không ít cán bộ các cấp lợi dụng quyền để làm những điều sai trái, dẫn đến tệ độc đoán, chuyên quyền. Độc đoán là tự mình quyết đoán mọi việc, không thêm lắng nghe ý kiến của những người chung quanh. Chuyên quyền là thâu tóm mọi quyền hành, tự cho mình có quyền muốn làm gì thì làm, bất chấp tổ chức. Độc đoán và chuyên quyền thường đi đôi với nhau như hình với bóng, cái này vừa là nhân, vừa là quả của cái kia. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội V của Đảng đã nhận định: « Trong bộ máy của Đảng và Nhà nước ta, tệ

độc đoán, chuyên quyền... còn khá nặng» (1).

Chúng ta hãy xem sự phát triển và diễn biến của tệ độc đoán, chuyên quyền.

Khi một cán bộ nào đó được giao một chức vụ mới thì thường trong thời gian đầu anh ta vẫn giữ được tính khiêm tốn, biết lắng nghe ý kiến những người chung quanh, biết tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhưng, đến một lúc nào đó, anh ta thấy rằng mình được những người chung quanh vì nể, thậm chí nịnh bót, bợ đỡ là vì mình có quyền. Anh ta lại thấy rằng có thể sử dụng quyền đó để làm những điều có lợi cho bản thân, cho gia đình. Từ đó, nếu không giữ được mình và thiếu sự kiểm tra của tập thể, anh ta bắt đầu tìm cách thu tóm quyền và kiểm soát bằng quyền. Sau những đợt làm thử bằng những việc mà sự sai trái dễ được ngụy trang như: buộc cấp dưới phải răm rắp làm theo ý mình, cô lập những kẻ tỏ ra «buông bình», «ban ơn» cho những kẻ hầu với mình, lạm dụng tiêu chuẩn về đãi ngộ vật chất v.v., thấy trượt lọt, anh ta sẽ trượt dài trên con đường sai lầm. Nhiều hành động sai trái khác, nghiêm trọng hơn sẽ xảy ra. Chẳng hạn trong việc đề ra kế hoạch sản xuất, công tác, thì chỉ xuất phát từ ý nghĩ chủ quan của mình, coi thường chủ trương, chính sách của Đảng, phớt lờ ý kiến của những người cộng sự. Trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, thì vin vào quyền chủ động sáng tạo của địa phương, coi thường sự chỉ đạo của cấp trên. Thậm chí, có lúc còn coi địa phương, đơn vị mình phụ trách như là một «giang sơn» riêng. Trong công tác thì thích dùng mệnh lệnh, cưỡng bức hơn thuyết phục, cho ý kiến của mình là chân lý tuyệt đối, coi người cộng sự như là kẻ tay sai, — dung dưỡng những kẻ nịnh hót bợ đỡ, đưa tay

chân của mình vào những cương vị công tác chủ chốt trong cơ quan, đơn vị để làm vậy cánh, dễ bề lũng đoạn tổ chức. Đồng thời tìm mọi cách để bưng bít sự thật, bao che những hành động tiêu cực, cô lập những người chính trực, trừ úm những ai có ý thức đấu tranh chống lại. Trong hưởng thụ thì đặt ra cho mình những chế độ đãi ngộ riêng, vượt xa những tiêu chuẩn do Đảng và Nhà nước quy định. Thế là anh ta đã tự biến mình thành một con người khác với mọi người, thành một thứ người mà Hồ Chủ tịch đã từng phác họa thân dung và lên án một cách nghiêm khắc: «Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hành. Đối với cấp trên thì coi thường, đối với cấp dưới độc quyền lấn áp, đối với quần chúng thì ra vẻ quan cách, làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc «ông tướng», «bà tướng» ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ...» (2).

Tệ độc đoán chuyên quyền do nhiều nguyên nhân. Có người do tự cao tự đại, đặt mình cao hơn những người chung quanh; có người do đầu óc gia trưởng, dựa vào chút công lao cũ, lên mặt cha, chủ đối với những người cộng sự; có người do những động cơ xấu, muốn lợi dụng quyền hành để thực hiện những mưu toan cá nhân v.v., mà trở thành độc đoán, chuyên quyền. Bất kỳ do nguyên nhân nào, độc đoán, chuyên quyền là một tội lớn. Trước hết nó vi phạm lý tưởng của Đảng, vi phạm lợi ích của nhân dân. Để giành được chính quyền trong cả nước, Đảng ta, nhân dân ta đã trải qua một quá trình đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh, trong đó mỗi người, mỗi gia đình đều có đóng góp. Hàng vạn, hàng triệu người thuộc nhiều thế hệ khác

(1) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập III, tr.55

(2) Hồ-Chí-Minh: Về xây dựng Đảng, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 29.

nhau đã ngã xuống. Những quyền mà mỗi cán bộ được giao hôm nay là do cả quá trình đấu tranh kiên cường đó đem lại. Quyền đó là thuộc về Đảng về vang và dân tộc anh hùng của chúng ta. Giao quyền cho mỗi cán bộ, Đảng và nhân dân đòi hỏi từng người phải biết sử dụng và chỉ được sử dụng quyền đó vào mục đích duy nhất: mang lại hiệu quả cao nhất cho công tác, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao. Độc đoán, chuyên quyền, thậm chí lợi dụng quyền để thỏa mãn những dục vọng, những mưu toan cá nhân là làm trái lý tưởng, đường lối, chính sách của Đảng, trái quyền lợi của nhân dân, là vong ân bội nghĩa đối với sự hy sinh của đồng bào, đồng chí.

Độc đoán, chuyên quyền là một tội lớn còn do ở chỗ nó gây những tác hại, những tổn thất nghiêm trọng cho bộ máy của Đảng và Nhà nước. Báo cáo về xây dựng Đảng ở Đại hội V của Đảng đã chỉ rõ thực trạng của những cơ quan, đơn vị có cán bộ phụ trách mắc tệ độc đoán, chuyên quyền: "tính chủ động, sáng tạo và năng lực của cán bộ, đảng viên và quần chúng bị kìm hãm, họ thường sợ sệt, không dám phê bình người phụ trách hoặc nể nang e dè, bỏ qua cho xong chuyện khuyết điểm của cơ quan, đơn vị, nhất là của người phụ trách. Ở đó, quyền làm chủ tập thể chỉ là hình thức, tiếng nói của những người tích cực, dám thẳng thắn đấu tranh thường bị xem là « tiêu cực ». Ở đó, thường xảy ra những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, thói nịnh hót, bợ đỡ, « gió chiều nào che chiều ấy », « kéo bè, kéo cánh », gây mất đoàn kết. Ở đó, thường không tránh khỏi hiện tượng trù dập tích cực vì hoặc trâng trợn đối với những cán bộ dám thẳng thắn đấu tranh » (3).

Những cơ quan, đơn vị như vậy là những tổ chức mang bệnh trong cơ thể. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, khi bọn bành trướng bá quyền Trung-

quốc cấu kết với đế quốc Mỹ đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta, những cơ quan, đơn vị đó là mảnh đất tốt để kẻ địch len lỏi bàn tay tội ác. Với ý nghĩa đó, có thể kết luận mà không sợ cường điệu rằng: độc đoán, chuyên quyền là tạo thêm điều kiện cho kẻ địch chống phá chúng ta.

Trong lịch sử cũng như trong kinh nghiệm hoạt động thực tế của Đảng ta, những kẻ độc đoán, chuyên quyền, dè che giấu tội lỗi của họ, thường không từ một thủ đoạn nham hiểm, xảo trá nào. Họ giữ quyền bằng cách tìm những « chiếc ô » che cho nên họ rất khéo bợ đỡ, nịnh hót cấp trên. Họ dùng quyền để giữ vững quyền, vì vậy họ ngày càng độc đoán, càng tàn nhẫn. Họ giữ quyền bằng vây cánh, do vậy họ không ngừng củng cố tổ chức. Họ còn giữ quyền bằng cách lừa bịp quần chúng, cho nên họ rất khéo mị dân v.v. Trước những thủ đoạn nhiều kiểu đó, các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng phải thật tỉnh táo, phải tăng cường công tác kiểm tra, đi sát đảng viên và quần chúng, biết lắng nghe những lời nói trung thực v.v., mới phát hiện được kịp thời những kẻ độc đoán, chuyên quyền. Đảng ta chủ trương xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Tệ độc đoán, chuyên quyền là trở ngại lớn trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Hồ Chủ tịch đã dạy: cán bộ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân. Những người độc đoán, chuyên quyền đã làm trái lời dạy đó của Hồ Chủ tịch.

Để phòng ngừa và khắc phục tệ độc đoán, chuyên quyền ở các cấp, các ngành thì có nhiều việc phải làm đồng bộ: tăng cường giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, phát huy dân chủ nội bộ, đề cao tự phê bình và phê bình.

(3) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1982, tập III, tr. 56.

đẩy mạnh công tác kiểm tra của Đảng, xử lý kịp thời và nghiêm minh những kẻ độc đoán, chuyên quyền v.v. Cùng với những công việc đó, phải cải tiến cơ chế tổ chức, xây dựng và hoàn thiện các quy chế làm việc ở các cấp, các ngành, xác định trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng tổ chức và từng cá nhân một cách rõ ràng, rành mạch. Một tổ chức, một bộ máy mạnh, hợp lý, với những quy định rõ ràng về chức trách, quyền hạn, về nguyên tắc và lễ lối làm việc sẽ có tác dụng không nhỏ trong việc kiểm chế kẻ độc đoán, chuyên quyền. Lại cần đặc biệt coi trọng phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Về điểm này, những lời dạy của Lê-nin cách

đây 62 năm đối với chúng ta ngày nay vẫn còn nhiều ý nghĩa: « đối với việc đánh giá người và gạt bỏ những kẻ « chui vào đảng », bọn « làm quan », bọn đã bị « quan liêu hóa », thì những lời chỉ dẫn của quần chúng vô sản ngoài đảng... rất là quý báu. Với một sự nhạy cảm rất tài tình, quần chúng cần lao nắm được sự khác nhau giữa những đảng viên cộng sản trung thực, tận tụy và những kẻ đang làm cho những người sinh sống bằng mồ hôi nước mắt của mình, những người không có chút đặc quyền đặc lợi, không có « đường thăng quan tiến chức », phải chán ghét » (4).

VÂN CHÀNG

(4) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va. 1978. tập 44, tr. 152.

Kết quả bước đầu thực hiện cơ chế...

(Tiếp theo trang 53)

xuất của Liên hiệp. Nghiên cứu đề nghị Bộ lâm nghiệp và Nhà nước sớm ban hành cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm của sản xuất lâm nghiệp, nhất là cơ chế kế hoạch hóa và giá thành, giá cả sản phẩm khai thác,

phân phối và điều tiết hợp lý nguồn thu quỹ nuôi rừng và lợi nhuận cho ngân sách địa phương, theo hướng khuyến khích bảo vệ rừng, đẩy mạnh trồng rừng, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả các loại lâm sản.

Chặn bàn tay hiếu chiến của đế quốc Mỹ!

MỘT trong những đặc điểm của tình hình thế giới hiện nay là *tình chất cường chiến của đế quốc Mỹ tăng lên*. Đế quốc Mỹ đang lợi dụng vụ máy bay chở khách Nam Triều-tiên xâm nhập vùng trời Liên-xô làm nhiệm vụ do thám, do chính Mỹ điều khiển, bị bộ đội phòng không Liên-xô trừng trị, đề khuấy động một chiến dịch diên cường chống Liên-xô, bao gồm cả cái gọi là những biện pháp «trừng phạt» Liên-xô trái hẳn với luật pháp quốc tế và lẽ phải thông thường. Trong bản hợp ca chống Liên-xô này, kẻ lĩnh xướng là đế quốc Mỹ, kẻ phụ họa là một số đồng minh thân cận của Mỹ, kẻ đệm đàn là bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh vốn có tâm địa làm cho thế giới «đại loạn» đề mình «đại trị» rồi tiến lên giành bá quyền trên thế giới. Đây là một vụ khiêu khích trắng trợn chứng tỏ Oa-sinh-ton sẵn sàng làm mọi việc để tiện, bất kể sinh mạng con người, đề phục vụ mưu đồ của nó. Nó bản một mũi tên mà hy vọng trúng nhiều đích: làm mất uy tín và ảnh hưởng của Liên-xô, làm lu mờ những sáng kiến hòa bình của Liên-xô đang được sự ủng hộ rộng lớn của dư luận thế giới do đó mà vô hiệu hóa cả phong trào hòa bình đang dâng lên mạnh mẽ trên cả hành tinh; làm mất hiệu quả của sự thỏa thuận mới đây ở Ma-drit

về triệu tập hội nghị bàn các biện pháp củng cố lòng tin, an ninh và giải trừ quân bị ở châu Âu; tập hợp lực lượng đồng minh và biến đồng minh thành con tin hạt nhân đề Mỹ dễ bề sai khiến; rốt cuộc là nhằm đặt cho được những tên lửa hạt nhân tầm trung bình mới của Mỹ ở Tây Âu bắt đầu từ cuối năm 1983 này, đồng thời phục vụ trực tiếp cho chuyển di thăm kích động của Ri-gan ở châu Á sắp tới và tô đậm phần nào cho bộ mặt của Ri-gan trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1984.

Nhìn rộng ra, đây là một trong cả chuỗi hành động khiêu khích mà từng thời kỳ chính quyền Ri-gan lại gây ra theo kiểu con bài domino đề làm cho tình hình thế giới luôn luôn căng thẳng, luôn luôn có «điểm nóng» nhằm thực hiện chính sách đối đầu tổng lực với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chuẩn bị chiến tranh hạt nhân bằng «tiêu diệt» chủ nghĩa xã hội, đề bệch sự trỗi dậy của các dân tộc bị áp bức và bóc lột, giành địa vị bá chủ thế giới.

Do chính sách ấy của đế quốc Mỹ mà bóng ma của chiếc nắm nguyên tử, sự đe dọa của một cuộc chiến tranh hủy diệt loài người hiện ra ngày càng rõ nét ở chân trời. Ri-gan đã tuyên bố không úp mở những kế hoạch

chiến tranh hạt nhân «hạt chẻ», «kéo dài», những dự án sử dụng vũ khí hóa học và vũ khí vi trùng, chương trình quân sự hóa vũ trụ. Ông ta đã đưa ra Quốc hội Mỹ thông qua quyết định về triển khai 100 tên lửa chiến lược mới «MX», thúc ép các đồng minh Tây Âu tăng cường chuẩn bị đặt tên lửa tầm trung bình mới của Mỹ, biến lục địa châu Âu thành kho vũ khí khổng lồ. Ngân sách quân sự của các nước đế quốc hiếu chiến ngày càng phình to — hơn 1 tỷ rưỡi đô la một ngày, gần 600 tỷ đô la một năm bị tiêu phí vào việc vũ trang. Riêng ngân sách quân sự của Mỹ năm 1984 là 181 tỷ đô la, nếu cộng cả các khoản chi phi quân sự khác, là 210 tỷ đô la.

Các cuộc chiến tranh thế giới trước đây đã giết hại hàng chục triệu người, đã gây ra vô vàn đau khổ và những thiệt hại to lớn, nhưng dù sao vẫn là có thể kiểm soát được. Còn ngày nay chiến tranh thế giới với việc sử dụng vũ khí hạt nhân đe dọa cuộc sống của cả loài người. Chiến tranh vẫn là sự kế tục chính trị bằng các phương tiện khác, nhưng nếu là chiến tranh hạt nhân thì đó sẽ là sự tận cùng của mọi thứ chính trị vì rằng ở đây không thể có người chiến thắng và kẻ chiến bại. Ngay cả những người có khả năng tránh trong các hầm ngầm kiên cố khi lên mặt đất cũng sẽ không thể tìm thấy điều kiện cho sự sống.

Cũng do chính sách hiếu chiến của đế quốc Mỹ mà những «khu vực nóng» trên thế giới vẫn tồn tại. Lò lửa Trung Đông vẫn còn cháy, lính I-xra-en đang tiếp tục hoành hành trên đất Li-băng, đế quốc Mỹ đã trực tiếp can thiệp quân sự vào Trung Đông bằng cách đưa lính thủy đánh bộ đến chiếm đóng, dùng tàu chiến bắn phá đất nước Li-băng. Bầu không khí của một cuộc chiến tranh không tuyên bố trên biên giới Ni-ca-ra-goa ngày càng căng thẳng, đế quốc Mỹ không ngừng đe dọa các nước ở

Trung Mỹ và vùng Ca-ri-bê. Bọn phản biệt chủng tộc Nam Phi hung hăng đột kích và chiếm đóng một bộ phận lãnh thổ các «nước tiên tuyến» ở miền nam châu Phi. Cuộc chiến tranh không tuyên bố chống Áp-ga-ni-xtan vẫn tiếp tục. Đế quốc Mỹ đang kích động sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản, tăng cường cái gọi là «hợp tác chiến lược» tăng cường «hợp tác quân sự» với bọn bán trưởng, bá quyền Trung-quốc và cùng với chúng cố duy trì tình hình căng thẳng ở biên giới Cam-pu-chia-Thái-lan, duy trì sự đối đầu giữa các nước ASEAN và các nước Đông-dương.

Chính quyền Rê-gan đã làm cho chính sách chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng của đế quốc Mỹ trở thành một cuộc «thập tự chinh» thật sự chống chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng trên thế giới đồng thời đẩy cả loài người đến miệng hố một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt. *Loài người phải hết sức cảnh giác, linh táo trước nguy cơ đó.*



Nếu như tính hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc Mỹ tăng lên thì *phong trào phản đối Mỹ trên thế giới cũng dâng cao*, ba dòng thác cách mạng của thời đại phát triển vững mạnh. Sự hung hăng của Rê-gan không hề đem lại «sức mạnh» cho nước Mỹ, mà chỉ đưa nước Mỹ đi sâu hơn vào cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc. Sự «phục hồi» kinh tế mà ông ta huênh hoang chỉ là sự phục hồi giả tạo dựa trên những yếu tố thâm thùng ngân sách và duy trì lãi suất cao, không hứa hẹn điều gì tốt đẹp cho xã hội Mỹ. Và cùng với Mỹ, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác ngày càng chìm sâu trong cuộc khủng hoảng mọi mặt, và do đó, càng mâu thuẫn sâu sắc với người bạn đồng minh bên kia đại dương

Và càng khủng hoảng, những giới quân phiệt hiếu chiến nhất càng liều lĩnh, sẵn sàng ném hàng triệu người vào cõi chết không thoát ra khỏi khủng hoảng, giữ vững lợi nhuận của chúng.

Tuy nhiên, quyết định tinh thể, xét cho cùng, không phải là ý muốn chủ quan của những cái đầu b óc lửa, mà là những nhân tố có tác dụng thường xuyên.

Một là, sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, mà Liên-xô là trụ cột. Dù phải chịu gánh nặng vũ trang do đế quốc áp đặt, các nước xã hội chủ nghĩa vẫn có thể vừa phát triển kinh tế, vừa bảo đảm năng lực quốc phòng cần thiết. Liên-xô đã đạt được thế cân bằng quân sự - chiến lược với Mỹ, khỏi Vác-sa-va đã ngang sức về quân sự với khối NATO. Sự cân bằng đó là nhân tố bảo đảm hòa bình thế giới và các nước xã hội chủ nghĩa quyết không để cho Mỹ và NATO phá vỡ nó. Liên-xô đã đồng đặc cảnh cáo nghiêm khắc rằng nếu phương Tây phá hoại cuộc đàm phán về vũ khí hạt nhân tầm trung bình và cứ cố đặt tên lửa mới của Mỹ ở Tây Âu thì Liên-xô và khối Vác-sa-va sẽ phải áp dụng biện pháp đáp lại có hiệu quả, và bọn đế quốc chó coi thường điều này.

Hai là, sức mạnh của phong trào cách mạng ở các nước thuộc khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh: sức mạnh ngày càng tăng của các nước theo phương hướng xã hội chủ nghĩa như Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Nam Y-c-men, Mô-dam-bích, Ăp-ga-ni-xtan; sức mạnh của các nước Trung Mỹ và vùng Ca-ri-bê đang vùng dậy chống chế độ phản động trong nước, chống sự can thiệp thô bạo của đế quốc Mỹ, biến «sân sau» của đế quốc Mỹ thành «tiền tuyến» chống Mỹ; sức mạnh của các dân tộc á-rập vùng Trung Đông và các dân tộc vùng nam châu Phi đang kiên quyết chống mọi âm

mưu của đế quốc Mỹ và bọn tay sai I-xra-en, Cộng hòa Nam Phi của chúng; sức mạnh của ba dân tộc ở Đông-dương hiện ngang đàng đầu thắng lợi với chủ nghĩa bánh trưởng, bá quyền Bắc-kinh và đang cùng nhau giương cao trên thế giới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Phong trào các nước không liên kết tập hợp các lực lượng rộng rãi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chống đế quốc, đòi độc lập dân tộc, đòi hòa bình, đòi thiết lập một trật tự thế giới mới.

Ba là, sức mạnh của phong trào công nhân và dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đang đấu tranh kiên quyết cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đảng cộng sản Pháp, Đảng cộng sản Bồ-đào-nha, Đảng cộng sản Hy-lạp... là những đảng đi đầu trong phong trào này.

Bốn là, phong trào bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân đang phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lục địa, ngày càng mang tính chất chống đế quốc, tính chất nhân dân và diễn ra với những hình thức rất phong phú. Tư tưởng của Ghê-côc-giê Đê-mi-tơ-rốp - bao vây quả địa cầu bằng một dây chuyền các pháo đài hòa bình từ Luân-đôn đến Tô-ki-ô, từ Béc-lin đến Niu Oóc - ngày nay đang được thực hiện quá sự mong đợi của Người. Như Đại hội hòa bình ở Pra-ha tháng 6-1983 đã nhận định, phong trào hòa bình là «lực lượng quan trọng, là một trong những nhân tố quyết định của tình hình thế giới có thể tác động đến chính sách thực tế của các chính phủ trong sự nghiệp giữ gìn hòa bình».

Năm là, chính sách đối ngoại của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác vừa có tính nguyên tắc vừa linh hoạt; chính sách ấy có tác dụng nêu cao chính nghĩa, lật tẩy những mưu đồ nham hiểm và những luận điệu giả dối của đế quốc Mỹ, và do

đó, tập hợp được đồng đảo các lực lượng trên thế giới, kể cả một bộ phận trong các giới cầm quyền các nước tư bản chủ nghĩa, để đấu tranh cho hòa bình, ngăn chặn bàn tay của bọn quân phiệt hiếu chiến nhất.

Sáu là, sự phân hóa ngày càng tăng trong hàng ngũ đồng minh của Mỹ. Muốn phát động chiến tranh thế giới, đế quốc Mỹ phải tập hợp được lực lượng, tranh thủ được đồng minh, nhưng trong điều kiện so sánh lực lượng trên thế giới ngày nay, Mỹ khó lòng làm được việc ấy. Trên tất cả các bộ phận chủ yếu của cuộc «thập tự chinh» chống chủ nghĩa cộng sản - chạy đua vũ trang, cấm vận kinh tế, kích động về vấn đề «nhân quyền» - không phải tất cả các đồng minh của Mỹ đều ngoan ngoãn tuân theo cái gậy chỉ huy của Mỹ. Đặc biệt là mâu thuẫn giữa Mỹ và Pháp đang ngày càng bộc lộ rõ trên hàng loạt vấn đề như vấn đề quan hệ Đông - Tây, vấn đề Li-băng, vấn đề Sét, vấn đề châu Mỹ la tinh và cả trong vụ máy bay Nam-Triều-tiên vừa qua...

Vì vậy, khả năng bảo vệ hòa bình thế giới, ngăn ngừa thảm họa hạt nhân là khả năng thực tế và ngày càng tăng.



Muốn biến khả năng nói trên thành hiện thực, nhiệm vụ trung tâm làm trước mắt của cả loài người là làm mọi việc để ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng của đế quốc Mỹ, ngăn chặn chúng bố trí tên lửa tầm trung bình mới ở Tây Âu và nếu việc đó cứ diễn ra thì bảo đảm những biện pháp để vô hiệu hóa những cái mà Mỹ hy vọng giành được bằng con đường «vũ trang đến cùng». Đạt được mục tiêu này là một bước tiến quan trọng trên con đường lâu dài đấu tranh cho

hòa bình nói riêng và cho các mục tiêu cao cả của loài người nói chung.

Chung quanh vấn đề tên lửa tầm trung bình đang diễn ra một cuộc đấu tranh chính trị, tư tưởng, tâm lý cực kỳ gay gắt. Đế quốc Mỹ tung ra cả một màn khói đối trá dày đặc để che đậy những âm mưu nham hiểm của chúng.

Chúng bịa ra cái cơ Liên-xô có ưu thế quân sự và đã hiện đại hóa tên lửa tầm trung bình của mình chia vào Tây Âu, cho nên chúng phải bố trí thêm tên lửa. Sự thật là Liên-xô không bao giờ chạy đua vũ trang trước. Tên lửa «Péc-sinh» và các tên lửa có cánh của Mỹ đã được chế tạo ở Mỹ ngay từ năm 1969, nghĩa là 8 năm trước khi Liên-xô bố trí tên lửa «SS-20», việc triển khai tên lửa tầm trung bình của Mỹ ở Tây Âu đã được NATO thảo luận từ năm 1975, nghĩa là 2 năm trước khi xuất hiện tên lửa «SS-20». Mặt khác, tên lửa của Liên-xô được bố trí để đối phó với «vũ khí tiên tiến» đã có của Mỹ - máy bay ném bom hạt nhân ở miền đông nước Anh, ở Cộng hòa liên bang Đức và các nước khác, cũng như để đối phó với vũ khí hạt nhân của Anh-Pháp. Còn những vũ khí mà chúng sắp tầm bố trí ở Tây Âu từ cuối năm 1983 - tên lửa có cánh «Tô-ma-háp» và «Péc-sinh 2» là những tên lửa hoàn toàn mới có thể đánh vào những mục tiêu nằm sâu trên phần lãnh thổ châu Âu của Liên-xô.

Chúng rêu rao rằng Liên-xô không có nhân nhượng gì trong đàm phán, núp đằng sau chiêu bài tuyên truyền đó để một mặt, phát triển chương trình vũ trang của chúng cả trên bộ, trên không, trên biển lẫn trong vũ trụ, và mặt khác, để đổ trách nhiệm cho Liên-xô về sự thất bại của cuộc đàm phán, đổ một phần trách nhiệm cho các đồng minh Anh-Pháp, trốn tránh trách nhiệm của bản thân, nhằm

thức ép đồng minh thực hiện kế hoạch bố trí các tên lửa.

Đối với những sáng kiến mới đây của Liên-xô—sẵn sàng giảm bớt số tên lửa tầm trung bình ở phần lãnh thổ châu Âu của mình cho ngang với số phương tiện hạt nhân hiện-có của Anh—Pháp, và phá bỏ số tên lửa giảm bớt đó —, chúng cho là « không đủ » ! Hơn nữa, chúng nói rằng : Liên-xô đồng ý hủy bỏ một số tên lửa như vậy có nghĩa là « Liên-xô thực tế thừa nhận có ưu thế so với Tây Âu ». Sự thật là Liên-xô đồng ý như vậy với điều kiện ký được một hiệp ước bao quát gồm mọi loại vũ khí tầm trung ở châu Âu, nghĩa là cả tên lửa lẫn máy bay mang đầu đạn hạt nhân.

Rõ ràng là đế quốc Mỹ không hề tỏ ra thiện chí ! Điều này lại được thể hiện rõ trong bài diễn văn sắc mũi hiệu chiến của Ri-gan ngày 27-9-1963 tại Đại hội đồng Liên hợp quốc. Con điều hầu Ri-gan mưu dùng phép thần thông biến hóa thành chim bồ câu, với những lời lẽ làm ly thống thiết về « cam kết hòa bình », về « tình người », về « mềm dẻo trong thương lượng ». Nhưng bên cạnh những giọng điệu công kích độc ác Liên-xô, cái gọi là « đề nghị mới » của ông ta vẫn chỉ là biến tướng của « giải pháp số không » mà ông ta đưa ra hồi tháng ba năm nay, nghĩa là đòi Liên-xô hủy bỏ tất cả tên lửa tầm trung của mình để đòi lấy việc Mỹ không triển khai tên lửa mới, còn Mỹ vẫn có quyền giữ các phương tiện hạt nhân đã đặt sẵn ở khu vực châu Âu, thậm chí còn có quyền bố trí các tên lửa ở các nơi khác nữa !

Tiểu rằng, bộ máy tuyên truyền của chúng có tác động đến một số người không am hiểu hoặc không có lập trường giai cấp vẫn cứ cho rằng Liên-xô cũng có « trách nhiệm ngang nhau » như Mỹ đối với tình hình căng thẳng trên thế giới. Đó là sự tiếp tay cho những luận điệu « sự đe dọa

quần sự của Liên-xô », « nguy cơ từ phương Đông » của bọn đế quốc và muốn hay không, là sự đồng lõa với những tội ác mà đế quốc Mỹ rắp ranh gây ra cho loài người. Những người có thiện chí trên thế giới đều thấy rõ lập trường quang minh chính đại của Liên-xô, đó là lập trường ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang nguy hiểm, từng bước giảm bớt vũ khí hạt nhân trên cơ sở bình đẳng và an ninh như nhau, cuối cùng là đi tới giải trừ quân bị toàn diện và triệt để. Bản tuyên bố hết sức quan trọng của đồng chí Iu. V. An-drô-pốp ngày 28-9 vừa qua lại một lần nữa vạch trần bộ mặt hiệu chiến của đế quốc Mỹ, nêu rõ tinh thần trách nhiệm của Liên-xô làm hết sức mình để ngăn chặn thảm họa hạt nhân, đồng thời cảnh cáo là Liên-xô có đủ lực lượng để bảo đảm được an ninh của Liên-xô, an ninh của các bạn bè và đồng minh trong bất cứ tình huống nào. Liên-xô tỏ ra hết sức mềm dẻo trong đàm phán. Nhưng sự mềm dẻo đó là có giới hạn, giới hạn đó là lợi ích an ninh sống còn của Liên-xô, của tất cả các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Bọn đế quốc chứ có hy vọng áp đặt những điều kiện vượt qua giới hạn đó !

Do sự hiệu chiến và ngoan cố của đế quốc Mỹ, tình hình còn có thể diễn biến phức tạp. Nhiệm vụ đặt ra cho tất cả những ai quan tâm đến tình hình là đấu tranh để tập hợp tất cả các lực lượng xã hội chủ nghĩa, dân chủ, hòa bình, tiến bộ, bất kể những sự khác nhau về chính kiến và tư tưởng, bất kể những sự khác nhau trong cách đánh giá tình hình căng thẳng và cách thức bảo vệ hòa bình để thực hiện những mục tiêu : phân đôi việc đặt những tên lửa mới của Mỹ ở châu Âu ; giữ nguyên, không tăng kho vũ khí hạt nhân ; giảm chạy đua vũ khí hạt nhân cũng như vũ khí thông thường ; thành lập những khu vực không có vũ khí hạt nhân ; tiến

tới giải trừ quân bị toàn diện và triệt để; xóa bỏ những lò lửa căng thẳng ở các khu vực; đàm phán chính trị, chứ không đối chọi quân sự; hòa bình, tự do, độc lập và phần vinh cho mọi dân tộc.

Những nhiệm vụ đó, nhất định nhân dân thế giới sẽ thực hiện được, cho dù từ cuối năm 1983, đế quốc Mỹ ngoan cố thực hiện kế hoạch bố trí tên lửa. Việc đó sẽ mở đầu cho một đợt chạy đua vũ trang mới nhưng *sẽ không thể thay đổi được sự cân bằng quân sự — chiến lược đã hình thành*, không thể đảo ngược được sự hòa hoãn về quân sự đã đạt được trong những năm 70, càng không thể thay đổi được so sánh lực lượng trên thế giới có lợi cho các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.



Hòa bình cũng như chiến tranh đều là không thể chia cắt. Tình trạng quốc tế hóa đời sống xã hội của loài người mà V. I. Lê-nin đã đề cập đến ít lâu sau Cách mạng Tháng Mười ngày nay đã đạt đến mức cao. Theo ý nghĩa đó, bất kể sự kiện lớn nào xảy ra ở đâu cũng vậy đều có liên quan đến toàn bộ tình hình thế giới. Bất kể cuộc đấu tranh nào ở các khu vực đều gắn liền với cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.

Cuộc đấu tranh cho hòa bình hiện nay, trước mắt là cuộc đấu tranh chống việc bố trí tên lửa tầm trung bình của Mỹ ở Tây Âu, gắn liền với

cuộc đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa, với cuộc đấu tranh chống sự thống trị của tổ hợp công nghiệp — quân sự, đòi các quyền tự do dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa, với cuộc đấu tranh cho độc lập, tự do, cho sự phát triển tiến bộ của các nước thế giới thứ ba. Ngược lại, những cuộc đấu tranh này có tác dụng quyết định đối với việc bảo vệ hòa bình — vì vậy, việc ủng hộ những cuộc đấu tranh này là nhiệm vụ quan trọng.

Đấu tranh cho hòa bình cũng là nhiệm vụ trực tiếp của nhân dân Việt-nam chúng ta. Nó gắn liền với cuộc đấu tranh địch ta và cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra trên đất nước ta. Lò lửa căng thẳng ở Đông Nam Á do bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ nhen lên vẫn âm ỉ cháy. Chúng ta làm tốt việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta, là góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới, cũng như trước đây, cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược đã là một đóng góp cực kỳ quan trọng cho bước chuyển sang hòa hoãn những năm 70.

Nhận rõ nguy cơ chiến tranh hạt nhân, chiến tranh cục bộ, vạch trần những âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh, bằng những hành động thiết thực và bằng nhiều hình thức, chúng ta quyết cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới, chặn bàn tay tội ác của bọn đế quốc và phản động.

Đài phát thanh Mát-xcơ-va phỏng vấn Chúng tôi trả lời

Vừa qua, phóng viên Đài phát thanh Mát-xcơ-va đã phỏng vấn đồng chí Hồng-Chương, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, sau đây là những câu hỏi và trả lời.

HỎI:

Xin đồng chí cho biết ý kiến của đồng chí về tình hình thế giới có liên quan đến vụ chiếc máy bay Nam Triều-tiên rơi ở Viễn Đông.

TRẢ LỜI:

Do chính sách tăng cường chạy đua vũ trang của đế quốc Mỹ và các đế quốc khác trong khối Bắc Đại-tây-dương, tình hình thế giới hiện nay rất căng thẳng. Loài người đang đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Liên-xô trước sau như một theo đuổi chính sách bảo vệ hòa bình thế giới. Liên-xô đã nhiều lần đưa ra những đề nghị hợp lý hợp tình nhằm bảo đảm hòa bình và hòa hoãn, cứu loài người khỏi thảm họa hạt nhân. Những đề nghị của đồng chí Iu. V. An-drô-pốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô gần đây thể hiện thiện chí của Liên-xô cố gắng làm giảm tình hình căng thẳng thế giới. Đáng tiếc là các đề nghị đó của Liên-xô không được các nước phương Tây đáp ứng một cách tích cực.

Gần đây, nhân vụ một chiếc máy bay Nam Triều-tiên rơi ở Viễn Đông, Mỹ và các nước phương Tây khác phát động một chiến dịch rộng lớn nhằm nói xấu Liên-xô và đầu độc bầu không khí quốc tế. Một điều hiển nhiên là bất cứ nước nào cũng có quyền dùng mọi biện pháp để bảo vệ vùng đất, vùng trời và vùng biển của mình. Đó là quyền bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng bất khả xâm phạm. Chính phủ Mỹ đã sử dụng máy bay Nam Triều-tiên tiến hành do thám các căn cứ quân sự của Liên-xô ở

Viễn Đông. Chính phủ Mỹ đã lợi dụng các hành khách trên máy bay để che đậy hành động tội ác của họ. Họ phải chịu trách nhiệm về cái chết bi thảm của các hành khách trên chiếc máy bay Nam Triều-tiên.

Trước đây, ở Việt-nam, Mỹ thường xua đàn bà trẻ em Việt-nam đi trước, lính Mỹ xách súng đi sau để bắn phá lẫn chiếm các vùng giải phóng của nhân dân Việt-nam. Họ đã lặp lại thủ đoạn đó trên vùng trời Cam-trát-ca và Xa-kha-lin để do thám các căn cứ quân sự của Liên-xô.

Việc Mỹ sử dụng máy bay Nam Triều-tiên do thám các căn cứ quân sự của Liên-xô ở Cam-trát-ca và Xa-kha-lin khiến cho mọi người nhớ lại sự kiện vịnh Bắc-bộ cách đây gần hai chục năm. Trong sự kiện này, Mỹ đã dùng hải quân khiêu khích Việt-nam dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam) nhằm lấy đó làm cái cớ để đánh phá miền Bắc Việt-nam bằng không quân và hải quân; Mỹ cũng lấy đó làm cái cớ để phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam cực kỳ tàn bạo mà kết cục như thế nào mọi người đều đã rõ. Liên tưởng đến sự kiện vịnh Bắc-bộ, loài người đang cảnh giác trước vụ khiêu khích của Mỹ chống Liên-xô trên vùng trời Cam-trát-ca và Xa-kha-lin.

HỎI:

Xin đồng chí cho biết sự đánh giá của đồng chí đối với tình hình khu vực Đông Nam Á hiện nay.

TRẢ LỜI:

Tình hình khu vực Đông Nam Á hiện nay rất phức tạp. Do chính sách bành trướng bá quyền của tập đoàn phân động trong giới cầm quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, nền hòa bình ở khu vực Đông Nam Á đang bị uy hiếp. Trung-quốc và Mỹ đang sử dụng lãnh thổ Thái-lan nuôi dưỡng và chỉ viện cho tập đoàn diệt chủng Pôn Pốt, kẻ đã giết hại nhiều triệu thường dân Cam-pu-chia, sử dụng tập đoàn này để chống lại sự hồi sinh của dân tộc Cam-pu-chia, chống lại sự nghiệp xây dựng hòa bình của nhân dân ba nước Đông-dương. Chính phủ Việt-nam, Chính phủ Lào và Chính phủ Cam-pu-chia đã nhiều lần tuyên bố chính sách của mình là chủ trương cùng tồn tại hòa bình với năm nước trong tổ chức ASEAN. Chính phủ ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia chủ trương biến khu vực Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Nếu chính phủ Trung-quốc và chính phủ Mỹ chấm dứt sự can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khu vực Đông Nam Á thì nền hòa bình ở Đông Nam Á có thể được bảo đảm.

Một vụ khiêu khích trắng trợn chống Liên-xô

VŨ - HIỀN

SỰ thật về vụ khiêu khích chống Liên-xô bằng máy bay Nam Triều-tiên do Mỹ gây ra ngày càng sáng tỏ. Liên-xô đã công bố những bằng chứng về hành vi xâm phạm vùng trời Liên-xô của chiếc máy bay này. Những bằng chứng danh thép đó cho phép đi tới kết luận: đó là chuyến bay có sự bố trí, sắp đặt tỉ mỉ để làm nhiệm vụ do thám, khiêu khích chống Liên-xô được nguy trang bằng máy bay chở khách. Đây là một vụ khiêu khích trắng trợn chống Liên-xô do đế quốc Mỹ gây ra. Chính quyền Ri-gân là kẻ chủ mưu gây ra tấn thâm kịch chết người này đã lợi dụng xác chết của nạn nhân để la lối om sòm nói xấu Liên-xô, dẫu dộc bầu không khí quốc tế.

Người ta không lạ gì sự vô nhân đạo của những kẻ ngồi trong Nhà trắng thường tự xưng là người « bảo vệ nhân quyền », và thường nhờ nước mắt cá sấu trước « sự vi phạm nhân quyền » do chính chúng gây ra. Cả thế giới đều thấy rõ những tội ác ghê tởm mà đế quốc Mỹ đã gây ra khắp năm châu bốn biển. Và bộ mặt dã man, tàn bạo của nó lại một lần nữa phơi bày qua sự kiện này. Nó trắng trợn khiêu khích Liên-xô. Nó lạnh lùng thí mạng những hành khách đi trên máy

bay. Nó lại tro trên nhân danh những xác chết để vu cáo Liên-xô.

Không thể hiểu hết nguồn gốc của vụ khiêu khích này nếu không đặt nó vào trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khi mà lực lượng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội đang ngày càng lớn mạnh, khi mà chính quyền cực kỳ hiếu chiến Ri-gân đang cố hết sức chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh hạt nhân, thực hiện chiến lược toàn cầu phân cách mạng. Trong âm mưu của bọn cầm quyền Mỹ điều khiển vụ khiêu khích đã có hai phương án. *Một là*, nếu chuyến bay trót lọt tức là cuộc do thám bằng máy bay chở khách thành công thì chúng cứ thế tiếp tục, CIA sẽ thu thập được nhiều tin tức tình báo quân sự ở vùng chiến lược quan trọng của Liên-xô. *Hai là*, nếu không trót lọt, (chúng thừa biết chiếc máy bay đã vi phạm trắng trợn vùng trời Liên-xô, lại cứ cố « cảm », cố « điếc » và cố « mù », không chịu hạ cánh xuống đất Liên-xô theo lệnh của các lực lượng phòng thủ Liên-xô thì cầm chắc không có đường về) thì chúng sẽ sử dụng « phương án 2 », tức là dùng xác chết của những hành khách trên máy bay la lối om sòm về « hành động vô nhân đạo » của Liên-xô, phát

động một đợt « chiến tranh tâm lý » chống Liên-xô, gây tình hình căng thẳng, thúc đẩy chạy đua vũ trang. Chúng muốn dùng sự kiện này để hạ thấp uy tín đang dâng lên của Liên-xô nhờ chính sách đối ngoại yêu hòa bình với hàng loạt sáng kiến đầy thiện chí. Chúng muốn dùng sự kiện này làm cái cớ để gây bế tắc trong cuộc đàm phán về tên lửa tầm trung bình ở châu Âu giữa Liên-xô và Mỹ. Ri-gân còn muốn dùng sự kiện này để làm rối thêm tình hình chính trị quốc tế, làm ô nhiễm bầu không khí của khóa họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc; Ri-gân cũng dùng sự kiện này để moi thêm những khoản tiền không lỗ cho cuộc chạy đua sản xuất vũ khí hạt nhân, để kiểm soát trong việc vận động ủng cử tổng thống Mỹ vào năm tới.

Mặc dù lúc đầu bộ máy tuyên truyền Mỹ đã lừa bịp được một số người nhẹ dạ, nhưng càng ngày trên thế giới và ở ngay nước Mỹ người ta càng thấy rõ sự thật: chính Nhà trắng và Lầu năm góc đã sử dụng chiếc máy bay Nam Triều-tiên để do thám các căn cứ quân sự Liên-xô ở Cam-trát-ca và Xa-kha-lin; họ phải chịu trách nhiệm về cái chết của các hành khách đi trên chiếc máy bay đó. Những thủ đoạn hèn hạ nhằm « trừng phạt », và chống Liên-xô, kể cả thủ đoạn cấm bầy, cấm hạ cánh đối với hãng hàng không dân dụng Liên-xô, trái với pháp luật quốc tế, đều không đem lại kết quả mà Ri-gân mong muốn. Tất cả những thủ đoạn chống Liên-xô do đế quốc Mỹ và phe lũ thi hành đều sẽ thất bại thảm hại. Bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh, nhanh nhẩu đi theo Mỹ chống Liên-xô

trong sự kiện này càng bộc lộ rõ bộ mặt phản bội của chúng.

Với sự thẳng thắn và trung thực, Liên-xô đã trình bày một cách tỉ mỉ diễn biến của sự kiện trên và nêu rõ quan điểm của mình. Cách xử trí của các đơn vị phòng không Liên-xô, của các máy bay tiêm kích, của Bộ chỉ huy miền Đông Liên-xô là cảnh giác, tỉnh táo, thận trọng, có thiện chí, tự kiểm chế và cũng rất kiên quyết, kịp thời. Việc làm của Liên-xô là hợp với luật hàng không dân dụng quốc tế ký tại Si-ca-gô mà chính Mỹ cũng tham gia. Việc làm này cũng phù hợp với luật về biên giới quốc gia của Liên-xô đã được công bố. Hành động của Liên-xô là hành động đúng đắn của một nước có chủ quyền mà bất cứ nước nào, vì trách nhiệm đối với nền an ninh của mình, cũng làm như vậy. Đó là việc thực hiện quyền tự vệ chính đáng để bảo vệ vững chắc vùng trời Liên-xô, bảo vệ an ninh cho cuộc sống của hàng trăm triệu con người trên đất nước Xô viết. Kẻ phải chịu trách nhiệm về cái chết của 269 hành khách trên chiếc máy bay Nam Triều-tiên là đế quốc Mỹ, kẻ đã thí mạng họ để tiến hành một chuyến bay do thám các căn cứ quân sự của Liên-xô.

Nhân dân Việt-nam kịch liệt lên án việc làm xấu xa này của chính quyền Ri-gân nhằm thực hiện âm mưu đen tối chống phá Liên-xô, gây thêm tình hình căng thẳng trên thế giới. Chúng ta hoan nghênh thái độ đúng đắn, thận trọng, kiên quyết và có trách nhiệm của Liên-xô. Chúng ta nhiệt liệt ủng hộ những sáng kiến hòa bình của Liên-xô và coi những sáng kiến đó là đóng góp cực kỳ quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới.

ĐẢNG CÔNG SẢN HY-LẠP

đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội

YẾN - VÂN

DẢNG công sản Hy-lạp được thành lập ngày 17-11-1918. Lúc đầu Đảng lấy tên là Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hy-lạp, hai năm sau, đổi thành Đảng công sản Hy-lạp. Đảng đã trải qua một quá trình đấu tranh anh dũng và có ảnh hưởng lớn trong nhân dân lao động Hy-lạp.

Trước tình hình kinh tế suy thoái vào đầu những năm 30 và tình trạng không ổn định trong nước, Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống chế độ tư bản độc tài. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, khi Hy-lạp bị bọn phát xít chiếm đóng, Đảng phát động phong trào chống phát xít và lãnh đạo nhân dân tiến hành chiến tranh du kích, tiến đến giành chính quyền bằng vũ lực (tháng 12-1944).

Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, đế quốc Anh đưa chính phủ Hy-lạp lưu vong ở Cai-rô về nước. Đảng công sản Hy-lạp lại một lần nữa chủ trương dùng lực lượng vũ trang giành chính quyền. Do thế lực của bọn tư

sản vẫn còn mạnh, Đảng bị thất bại và bị đàn áp hết sức dã man, phải hoạt động bí mật. Một số đảng viên của Đảng hoạt động hợp pháp trong mặt trận dân chủ cánh tả (EDA). Nhưng đến tháng 4-1947, tổ chức này cũng bị cấm hoạt động. Tình hình đó làm cho mâu thuẫn trong nội bộ Đảng trở nên sâu sắc, hoạt động của Đảng gặp nhiều khó khăn, nhiều đảng viên bị bắt, bị cấm tù.

Năm 1974, khi chế độ độc tài phát xít sụp đổ, luật cấm Đảng công sản hoạt động bị bãi bỏ, Đảng ra hoạt động công khai, có trụ sở tại thủ đô A-ten. Trong cuộc bầu cử năm 1981, Đảng thu được nhiều phiếu và trở thành đảng lớn thứ ba trong nước (sau Phong trào xã hội toàn Hy-lạp và Đảng dân chủ mới), đã gây được ảnh hưởng trong các tổ chức như: Đoàn thanh niên công sản Hy-lạp, Mặt trận yêu nước chống độc tài, Phong trào công nhân dân chủ,... ở Hy-lạp.

Đảng công sản Hy-lạp chủ trương xây dựng Đảng thành một Đảng cách

mạnh lớn mạnh, có tính chất quần chúng của giai cấp công nhân và nhân mạnh vai trò tiên phong và tác dụng quyết định của Đảng trong việc đoàn kết các lực lượng đấu tranh chống đế quốc và chống tư bản lũng đoạn ở Hy-lạp. Hiện nay, với 25 nghìn đảng viên, Đảng cộng sản Hy-lạp giữ một vị trí quan trọng trong đời sống chính trị của nước Hy-lạp.

Đảng vạch rõ: Cách mạng Hy-lạp chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn chống đế quốc, tư bản độc quyền và giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đảng coi cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và phát triển kinh tế là mục tiêu trước mắt và luôn đứng đầu trong những cuộc đấu tranh đòi có những thay đổi thật sự để mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, đòi cải thiện đời sống cho nhân dân, giảm chi phí quân sự, thay đổi chế độ thuế khóa và mở rộng những khu vực kinh tế công cộng v.v.

Đại hội thứ XI của Đảng cộng sản Hy-lạp (tháng 12-1982) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không những đối với những người cộng sản Hy-lạp mà còn đối với toàn thể nhân dân Hy-lạp. Đại hội diễn ra trong tình hình chính phủ Hy-lạp trước sự đòi hỏi của nhân dân, buộc phải thi hành một số cải cách dân chủ và hủy bỏ những đạo luật phân động thi hành từ thời kỳ nội chiến. Nhưng những cải cách đó vẫn chưa đáp ứng đòi hỏi của nhân dân là chống đế quốc, chống tư bản lũng đoạn, đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng và mở đường đi lên theo hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đại hội đã đề ra đường lối và những biện pháp cấp bách để những người cộng sản có thể tham gia có hiệu quả hơn vào việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình, đưa Hy-lạp thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và đi lên theo hướng tiến bộ.

Đại hội đánh giá cuộc khủng hoảng kinh tế mà hiện nay Hy-lạp đang trải qua là đặc biệt gay gắt và đang tiếp tục phát triển trên nền tảng cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Đảng cho rằng cuộc khủng hoảng kinh tế đó là kết quả sự thống trị của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, của sự phát triển kinh tế dựa trên sự chạy theo lợi nhuận của tư bản lũng đoạn trong nước và nước ngoài.

Trong nhiều năm nay, sản xuất ở Hy-lạp bị đình trệ, sản lượng công nghiệp giảm sút, quy mô đầu tư vào nền kinh tế bị thu hẹp, nạn lạm phát ngốn hết thu nhập của nhân dân lao động. Sở xi nghiệp bị đóng cửa ngày càng nhiều, công nhân bị thất nghiệp ngày càng đông: chiếm tới 8% lực lượng lao động của cả nước.

Do Hy-lạp là thành viên của Cộng đồng kinh tế châu Âu cho nên trên thị trường Hy-lạp, hàng hóa của các nước Tây Âu tràn ngập, chen ép ghé gớm các sản phẩm công nghiệp địa phương.

Trước tình hình đó, Đảng đòi phải có sự thay đổi sâu sắc cơ cấu trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đòi phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra và làm gay gắt thêm cuộc khủng hoảng, đó là: sự bóc lột siêu lợi nhuận của bọn đại tư bản trong nước và nước ngoài.

Để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng này, Đảng cộng sản Hy-lạp đòi Chính phủ phải có những thay đổi thật sự mà vấn đề cấp bách nhất là phải có những biện pháp chống đế quốc, chống tư bản lũng đoạn, hạn chế đặc quyền, đặc lợi của chúng, quốc hữu hóa một số ngành quan trọng, có tầm chiến lược trong nền kinh tế Hy-lạp. Đảng cũng đòi hướng việc đầu tư vào sản xuất và đổi sửa đổi chế độ thuế theo hướng có lợi cho nhân dân lao động.

Với tinh thần tích cực đấu tranh bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao

động. Đảng cộng sản Hy-lạp ủng hộ những yêu cầu chính đáng của nhân dân đòi ngăn chặn những hoạt động của bọn phản động âm mưu phá hoại những cuộc cải cách, âm mưu thủ tiêu những thành quả cách mạng mà nhân dân lao động đã giành được.

Về đối ngoại, Đảng đòi Chính phủ Hy-lạp phải rút khỏi khối NATO và khối Thị trường chung châu Âu, đòi hủy bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ tại Hy-lạp. Đảng ủng hộ đường lối đối ngoại của Liên-xô và của các nước xã hội chủ nghĩa khác, coi các nước này là lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh cho những mục tiêu hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đảng cũng phê phán những quan điểm lệch lạc, cho rằng nguy cơ đe dọa hòa bình xuất phát từ « hai cực » và do « hai siêu cường » gây ra. Đảng đánh giá những quan điểm đó là bao che tội ác của đế quốc Mỹ, là không nhận thức được sự khác nhau về bản chất giữa các khối, nhất là không thấy được sự thật hết sức rõ ràng là chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là các giới hiếu chiến ở Mỹ và phe cánh của chúng, là nguồn gốc duy nhất gây ra nguy cơ chiến tranh. Những quan điểm lệch lạc nói trên, xét về thực chất, là những quan điểm làm suy yếu mặt trận đấu tranh bảo vệ hòa bình, cản trở việc thực hiện những sáng kiến hòa bình do Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đưa ra.

Về khả năng bảo vệ hòa bình, Đảng cộng sản Hy-lạp cho rằng: hiện nay do chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, đang chạy đua vũ trang, hòa bình thế giới bị đe dọa nghiêm trọng. Nhưng chưa bao giờ lực lượng bảo vệ hòa bình lớn mạnh như ngày nay. Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình, Đảng nhấn mạnh vai trò

to lớn, quyết định của Liên-xô mà không nước nào có thể thay thế, và xem đó là lực lượng duy nhất có khả năng to lớn tập hợp các lực lượng hòa bình trên thế giới để ngăn chặn hành động gây chiến của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, củng cố an ninh và hòa dịu trên thế giới.

Xuất phát từ sự đánh giá đó, Nghị quyết Đại hội thứ 11 của Đảng cộng sản Hy-lạp ghi rõ: « lập trường của các nước trên thế giới đối với Liên-xô thật sự là tiêu chuẩn cơ bản của chủ nghĩa quốc tế vô sản ».

Nghị quyết của Đại hội cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải có sự đoàn kết nhất trí trong các nước xã hội chủ nghĩa và giữa các nước xã hội chủ nghĩa với các lực lượng yêu chuộng hòa bình trong sự nghiệp đấu tranh ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới. Nghị quyết của Đại hội nhận định: « Các nước xã hội chủ nghĩa đã thật sự tạo thành lực lượng chính trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và là cột trụ vững chắc nhất trong cuộc đấu tranh của các dân tộc, kể cả của chúng ta (tức Hy-lạp), cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ».

Đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ba nước Đông-dương chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc, Đảng cộng sản Hy-lạp luôn bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ. Đảng đánh giá cao nghị quyết của Hội nghị cấp cao ba nước Đông-dương, xem những đề nghị của Hội nghị này về việc xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, và có quan hệ láng giềng thân thiện giữa các nước trong khu vực là những đề nghị có tính chất xây dựng và thiện chí.

« ТАПЧИ КОНГШАН » № 10 — 1983 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Удовлетворять всевозрастающие культурные запросы нашего народа. **ФАМ ВАН ДОНГ** — Для нашего народа встреча с социализмом желанна и прекрасна как любое свидание. **ТЮ ТАМ ТХЫК** — Быть в курсе и строго провести новую политику в области сельскохозяйственного налога. **ТЪЕ ВЪЕТ ТАН** — Некоторые вопросы использования рыночных отношений применительно к экономическому управлению и планированию. **ФАН СУАН ДОТ** — О ведении и охране лесов в нашей стране. ★ ★ ★ — Агрессивным рукам империализма США — стоп!. ★ — Ответы интервью Московского радио. **ИЕН ВАН** — Коммунистическая партия Греции борется за мир, национальную независимость и социальный прогресс.

REVIEW OF COMMUNISM N° 10-1983

Editorial — Striving to meet our people's growing cultural needs. **PHAM-VĂN-DÔNG** — Socialism: an excellently arranged rendez-vous with our people. **CHU-TAM-THỨC** — Mastering and correctly implementing the new agricultural tax policy. **CHẾ-VIỆT-TÂN** — How to apply market relations in economic management and planning. **PHAN-XUÂN-DQT** — Some problems related to the control and protection of forests in our country. ★ ★ ★ — Stay the hands of the war-like U.S. imperialists. ★ — Interview given to Radio Moscow. **YÊN-VÂN** — The Greek Communist Party's struggle for peace, national independence and social progress.

REVUE DU COMMUNISME N° 10-1983

Editorial — Vers la satisfaction des besoins culturels grandissants de notre peuple. **PHAM-VĂN-DÔNG** — Le socialisme — bienheureuse et magnifique rencontre, presque un rendez-vous avec le peuple vietnamien. **CHU-TAM-THỨC** — Bien posséder et exécuter sérieusement la politique de nouveaux impôts agricoles. **CHẾ-VIỆT-TÂN** — Quelques problèmes relatifs à l'application des rapports du marché dans la gestion économique et la planification. **PHAN-XUÂN-DQT** — Certaines questions concernant la gestion et la protection des forêts dans notre pays. ★ ★ ★ — Barrer la main agressive de l'impérialisme américain. ★ — Réponse à l'interview accordée à la Radio de Moscou. **YÊN-VÂN** — Le Parti communiste grec lutte pour la paix, l'indépendance nationale et le progrès social.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 10-1983

Editorial — Esforzarnos por responder la demanda cultural cada día más grande de nuestro pueblo. **PHAM-VĂN-DÔNG** — Para nuestro pueblo, el socialismo es un encuentro interesante y bello como una cita prefijada. **CHU-TAM-THỨC** — Comprender a fondo y cumplir estrictamente la nueva política de impuesto agrícola. **CHẾ-VIỆT-TÂN** — Algunas cuestiones acerca de la aplicación de las relaciones de mercados en la gestión y planificación económica. **PHAN-XUÂN-DQT** — Unos problemas de la gestión y protección forestal en nuestro país. ★ ★ ★ — A detener la mano belicista del imperialismo norteamericano. ★ — Las respuestas a la entrevista de la Radio de Moscú. **YÊN-VÂN** — El Partido Comunista de Grecia lucha por la paz, la independencia nacional y el progreso social.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 10

1983

NĂM THỨ XXIX (334)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy nói: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM:**

19, Duy-Tấn, T. P. Hồ-Chí-Minh

Dãy nói: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Vươn tới đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng to lớn của nhân dân ta	1
PHẠM-VĂN-ĐỒNG — Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa xã hội là cuộc gặp gỡ hay và đẹp như cùng hẹn trước	5
CHU-TAM-THỨC — Thấu suốt và thi hành nghiêm chỉnh chính sách thuế nông nghiệp mới	11
CHÊ-VIỆT-TẤN — Một số vấn đề về vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa	17
PHAN-XUÂN-DŨT — Một số vấn đề về quản lý, bảo vệ rừng ở nước ta	26
NGUYỄN-NGỌC-MINH — Giáo dục pháp luật trong nhân dân	34
VŨ-KHIÊU — Một số vấn đề của khoa học xã hội trên trận địa tư tưởng hiện nay	39
PHAN-THANH-XUÂN — Kết quả bước đầu thực hiện cơ chế quản lý mới ở Liên hiệp lâm — công nghiệp Ea Súp	47
Sinh hoạt tư tưởng ★ VÂN-CHƯƠNG — Độc đoán, chuyên quyền	54
★★★ — Chặn bàn tay hiếu chiến của đế quốc Mỹ!	58
★ — Trả lời phỏng vấn của Đài phát thanh Mát-xcơ-va	64
VŨ-HIỀN — Một vụ khiếu khích tráng tron chống Liên-xô	66
YẾN-VÂN — Đảng cộng sản Hy-lạp đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội	68

Tim đọc

— Thực chất phản động của chủ nghĩa Mao

TRẦN-XUÂN-TRƯỜNG

— Chủ nghĩa Mao — lô gích và lịch sử của nó

O. VLA-ĐI-MI-RỐP

V. RI-A-DAN-XÉP

— Những trang tiêu sử chính trị của Mao Trạch-Dông

— Chủ nghĩa chống cộng ngày nay

★ 9/12-2

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



11

II.1983

ĐẨY MẠNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ DOANH

SAU khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta phấn đấu giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những thắng lợi đó, có những **thành tựu quan trọng** của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh. Nhà nước đã nắm và quản lý trực tiếp các ngành kinh tế then chốt, các cơ sở kinh tế quan trọng; nắm độc quyền ngoại thương, quốc hữu hóa các ngân hàng tư nhân; độc quyền phát hành tiền tệ; thống nhất quản lý các mặt hàng thiết yếu; xóa bỏ kinh tế của tư sản mọi bản, trừng trị gian thương lớn; cải tạo một bộ phận quan trọng công thương nghiệp tư bản tư doanh; đưa một bộ phận tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp vào các tổ chức làm ăn tập thể từ thấp đến cao; sắp xếp, cải tạo và sử dụng một bộ phận những người buôn bán nhỏ. Chính trên cơ sở này mà hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa đã từng bước được xây dựng, củng cố và chiễm ưu thế trong nền kinh tế quốc dân; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, bước đầu mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Đạt được những thắng lợi trên đây, chủ yếu là do đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng cũng như các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh là đúng đắn; các cấp ủy Đảng và chính quyền có nhiều cố gắng trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, động viên cán bộ, đảng viên, công nhân tích cực thực hiện, nhân dân lao động nhiệt tình ủng hộ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh đã có một số khuyết điểm như sau:

Một là, cải tạo chưa gắn với xây dựng, chưa lấy xây dựng làm đích; nặng về xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất mà chưa coi trọng đúng mức việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, xây dựng, củng cố và phát triển các lực lượng kinh tế quốc doanh và tập thể, đề trên cơ sở đó, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng phân phối lưu thông theo kế hoạch, dưới sự quản lý của Nhà nước.

Hai là, chưa phát huy được mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của công nhân và lao động trong công tác cải tạo và xây dựng, trong việc quản lý các xí nghiệp đã cải tạo, trong việc giáo dục và cải tạo người tư sản thành người lao động.

Ba là, chưa nắm vững đặc điểm của công thương nghiệp tư doanh ở miền Nam để vận dụng một cách sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, đề ra bước đi và những hình thức phương pháp cải tạo thích hợp. Có lúc đã nóng nảy, muốn làm nhanh trong khi chưa chuẩn bị kỹ các điều kiện cần thiết, nhất là cán bộ, chưa chuẩn bị tốt các phương án kinh tế - kỹ thuật.

Bốn là, chưa gắn cải tạo công thương nghiệp với cải tạo nông nghiệp. Trong công tác cải tạo, chưa kết hợp chặt chẽ ba cuộc cách mạng, ba biện pháp: kinh tế, giáo dục và hành chính.

Năm là, việc chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh thiếu liên tục. Từ năm 1979, lại buông trôi nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường trong một thời gian, để cho giai cấp tư sản phục hồi và phát triển cả ở miền Nam và miền Bắc (nhất là tư sản người Hoa ở miền Nam), thể lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động và kẻ địch lợi dụng những sơ hở ấy chống phá ta trên nhiều mặt, làm hỗn loạn trật tự kinh tế xã hội.

Sở dĩ có những khuyết điểm trong công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh là do chưa quán triệt đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng; chưa nắm vững chuyển chính vô sản, có lúc có nơi còn mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, về cuộc đấu tranh giữa ta và địch, về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; chưa nhận thức đầy đủ về sự gắn bó giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, về nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước, về 5 thành phần kinh tế, về kết hợp kế hoạch với thị trường, về cuộc đấu tranh chống cả hai khuynh hướng tự do chủ nghĩa, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật và quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ trong các hoạt động kinh tế.

Những khuyết điểm trên đã hạn chế kết quả cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Chúng ta cần lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho việc tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh cần được tiếp tục và đẩy mạnh để đưa cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công tác này càng trở nên cấp bách vì trong mấy năm gần đây, giai cấp tư sản ngóc đầu dậy và hoạt động dưới nhiều hình thức. Các nhà tư sản còn giữ nhiều vàng, tiền, hàng, làm giàu bằng hoạt động đầu cơ buôn lậu, làm và buôn bán hàng giả, nâng giá hàng lên cao vọt, trốn thuế, lậu thuế. Bằng nhiều thủ đoạn, họ đấu tranh chống phá các tổ chức kinh tế quốc doanh và các cơ quan quản lý để duy trì và phát triển cách làm ăn theo lối tư bản chủ nghĩa. Họ móc nối với hệ thống đồng đảo tiêu thương và những người sản xuất nhỏ để làm mạng lưới chân rết trong việc thu mua và tiêu thụ hàng hóa; họ còn moi được vật tư hàng hóa của Nhà nước thông qua một số phần tử thoái hóa, biến chất trong cán bộ nhân viên Nhà nước; họ còn duy trì và phát triển được đường dây buôn lậu với nước ngoài. Nếu không đẩy

manh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh, nếu không xóa bỏ giai cấp tư sản thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.



Nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế đang còn nhiều thành phần, cuộc đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » đang diễn ra gay gắt và phức tạp. Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh lại càng có tầm quan trọng đặc biệt.

Tiền hành cải tạo xã hội chủ nghĩa chính là thực hiện một bộ phận quan trọng của đường lối chung và đường lối kinh tế đã được đề ra ở Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, làm cho nước ta trở thành một nước độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa, có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc. Chúng ta làm tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa là góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhằm đánh bại kế hoạch tranh giành phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Trong nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa hiện nay đối với công thương nghiệp tư doanh thì đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam là chính, đồng thời tiếp tục cải tạo đối với tư sản mới mọc ra và số người buôn bán nhỏ đang tăng lên ở miền Bắc do sự quản lý sơ hở của ta trong thời gian qua; cũng có và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Thực hiện nhiệm vụ này cũng là thực hiện sự phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác.

Trong quá trình tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, chúng ta phải nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng.

Phải kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính. Đặc điểm lớn nhất của nước ta là từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên chúng ta lại càng phải tự giác vận dụng tốt quy luật quan hệ sản xuất thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Với đặc điểm đó, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nước ta không những chỉ giải quyết vấn đề sở hữu mà còn phải sắp xếp, tổ chức xây dựng nền kinh tế. Chúng ta phải xây dựng quan hệ sản xuất mới và cả lực lượng sản xuất mới, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tổ chức lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân, từng bước công

ng nghiệp hóa nước nhà, đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước.

Phải nhận rõ mối quan hệ biện chứng giữa cải tạo và xây dựng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính. Ngay trong khi tiến hành cải tạo đã có xây dựng, vừa cải tạo, vừa xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm các mặt sở hữu, phân phối và quản lý, trong đó việc xây dựng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí quyết định. Đồng thời, tổ chức sắp xếp lại sản xuất - kinh doanh trong phạm vi cả nước, trong từng ngành kinh tế - kỹ thuật, từng địa phương, xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch làm trung tâm, kết hợp kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện việc xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, chuyển địa vị của người công nhân lao động làm thuê bị bóc lột thành người lao động làm chủ tập thể của xã hội và xí nghiệp. Cải tạo người tư sản thành người lao động.

Việc xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phải gắn liền với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ. Người sản xuất hàng hóa nhỏ vừa là người lao động, vừa là người tư hữu. Do có lao động nên họ dễ tiếp thu con đường xã hội chủ nghĩa, đi với giai cấp công nhân lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, vì tư hữu cho nên kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ cũng hàng ngày hàng giờ tự phát đẻ ra chủ nghĩa tư bản; kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ là địa bàn sản sinh ra chủ nghĩa tư bản, như Lê-nin đã nói: "Nền tiểu sản xuất thì từng ngày, từng giờ, luôn luôn đẻ ra chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản" (1).

Giai cấp tư sản, để thu nhiều lợi nhuận, đã lôi kéo, sử dụng những người sản xuất nhỏ, những người tiểu thương vào việc thực hiện mục đích kinh doanh của họ. Trong cải tạo, Nhà nước dùng mọi biện pháp để cắt đứt mối liên hệ kinh doanh giữa giai cấp tư sản với những người sản xuất nhỏ, buôn bán nhỏ và đưa những người sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường tập thể hóa, sắp xếp lại, cải tạo những người buôn bán nhỏ, chuyển phần lớn những người buôn bán nhỏ sang sản xuất. Cho nên, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh phải đi đôi với cải tạo kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa; cải tạo giai cấp tư sản phải gắn liền với cải tạo những người sản xuất nhỏ, những người buôn bán nhỏ.

Kết hợp cải tạo và xây dựng công nghiệp với cải tạo và xây dựng nông nghiệp; gắn chặt cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực sản xuất với cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Công nghiệp được cải tạo và xây dựng, nhưng nông nghiệp lại giảm chân tại chỗ thì nền kinh tế cũng bị khập khiễng. Cho nên, đồng thời với cải tạo và xây dựng công nghiệp, phải cải tạo và phát triển nông nghiệp, để bảo đảm cho

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 7.

công nghiệp giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc dân và nông nghiệp làm cơ sở cho công nghiệp phát triển. Chúng ta phải kết hợp chặt chẽ việc cải tạo và xây dựng công nghiệp với cải tạo và xây dựng nông nghiệp để kết hợp ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp, tạo ra cơ cấu nông - công nghiệp ở từng huyện, cơ cấu công - nông nghiệp ở từng tỉnh, thành phố và trong cả nước.

Mặt khác, sản xuất, phân phối, lưu thông là những khâu của quá trình tái sản xuất của xã hội. Tuy sản xuất là gốc, là quyết định, nhưng phân phối, lưu thông tác động mạnh đến sản xuất. Nếu phân phối tổng sản phẩm xã hội, phân phối thu nhập quốc dân không hợp lý, nếu hàng hóa không thực hiện giá trị một cách trôi chảy do lưu thông bị ách tắc, thì sản xuất không phát triển và nền kinh tế bị đình trệ. Việc xây dựng lối thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có tác động rất quan trọng đến việc thúc đẩy sản xuất phát triển. Do đó, phải gắn chặt việc cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực sản xuất với cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Đồng thời, phải xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, kiện toàn tổ chức Đảng ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, xây dựng Đảng thành hạt nhân lãnh đạo trong các xí nghiệp; xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, nhất là chính quyền phường, xã, quận, huyện; xây dựng tổ chức và tăng cường hoạt động của các đoàn thể nhân dân, lựa chọn cất nhắc những công nhân ưu tú vào các vị trí chủ chốt của xí nghiệp đi đôi với tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý.

Các cấp Đảng và chính quyền, nhất là ở xí nghiệp, phường, xã, quận, huyện cần nghiên cứu hình thành những hình thức tổ chức quản lý cụ thể sát hợp, làm cho quần chúng thật sự phát huy được quyền làm chủ tập thể trong sản xuất và phân phối, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa ở cơ sở.

Phải nắm vững quan điểm của Đảng về 5 thành phần kinh tế ở miền Nam trong thời kỳ quá độ.

Trong một thời gian nhất định của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ở miền Nam còn tồn tại 5 thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế tư bản tư doanh và kinh tế cá thể.

Từ lâu, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết nói rõ quan điểm của Đảng về các thành phần kinh tế.

Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, 5 thành phần kinh tế đó luôn luôn vận động và liên tục chuyển biến theo hướng sau đây:

Thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế tập thể ngày càng được củng cố và phát triển, kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ngày càng vững chắc. Thành phần kinh tế tư bản tư doanh ngày càng bị thu hẹp và cuối cùng bị xóa bỏ. Đại bộ phận kinh tế cá thể từng bước được tổ chức lại để chuyển biến dần thành kinh tế tập thể. Đó là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh để giải quyết dứt khoát vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản và đó cũng là quy luật phát triển của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta phải nắm vững quan điểm trên đề ra sức cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới một cách tích cực, liên tục và vững chắc. Cần đề phòng và khắc phục tư tưởng hữu khuynh, chần chừ, do dự, đồng thời khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội trong khi thực hiện công tác cải tạo.

Đề dấy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, chúng ta tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách cải tạo mà Đảng và Chính phủ đã ban hành. Trong quá trình thực hiện, chú ý phân biệt rõ giữa công nghiệp với thương nghiệp, giữa tư sản với tiểu thủ, người sản xuất nhỏ, tiểu thương.

Đối với công nghiệp tư bản tư doanh, Nhà nước thực hiện chính sách chung là hạn chế, tiến đến xóa bỏ bóc lột; sử dụng một tích cực có lợi cho quốc kế dân sinh, từng bước cải tạo các cơ sở kinh tế của tư sản thành xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh hay xí nghiệp hợp tác; tiến hành giáo dục, cải tạo người tư sản thành người lao động.

Đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp của những người sản xuất nhỏ, chính sách cải tạo là giáo dục, từng bước vận động họ vào các tổ chức làm ăn tập thể với những hình thức thích hợp từ thấp đến cao, dựa trên nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Trong việc kinh doanh xuất nhập khẩu, thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương; trung ương thống nhất quản lý chính sách xuất nhập khẩu, tập trung vào trung ương những mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu và đại bộ phận ngoại tệ thu được; động viên mọi tiềm lực và khả năng của cơ sở và tạo điều kiện cho các gia đình tham gia làm hàng xuất khẩu; triệt để tiết kiệm tiêu dùng trong nước để tăng thêm hàng xuất khẩu, phục vụ công nghiệp hóa nước nhà.

Về lưu thông hàng hóa trong nước, ra sức củng cố và phát triển thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, triệt để xóa bỏ tư sản trong thương nghiệp.

Đối với tiểu thương, tùy từng ngành hàng kinh doanh, Nhà nước sắp xếp và cải tạo bằng những hình thức thích hợp, sử dụng một số tiểu thương làm ủy thác mua và đại lý bán lẻ, cho phép một số người buôn bán nhỏ kinh doanh dưới sự kiểm soát và quản lý của Nhà nước. Sử dụng một số tiểu thương có nghiệp vụ vào làm trong mạng lưới kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; chuyển dần một bộ phận không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất và dịch vụ.

Nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, làm và buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, lậu thuế, trốn thuế; đồng thời nghiêm trị những phần tử thoái hóa, biến chất trong các cơ quan Nhà nước can lợi tham ô, ăn cắp, móc ngoặc, ăn hối lộ. Đặc biệt chú trọng chống buôn lậu qua biên giới và trên biển, kết hợp với đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của địch phá hoại kinh tế ta.



Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh là thực hiện một trong những nhiệm vụ lớn của Đảng và Nhà nước nhằm bảo đảm giành thắng lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ cải tạo này lại được tiến hành trong tình hình kinh tế — xã hội có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng càng phải chặt chẽ và sự chỉ đạo của chính quyền các cấp càng phải rất tích cực, liên tục và vững chắc.

Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên thấm nhuần những quan điểm cơ bản của Đảng; đề cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc thi hành nghiêm chỉnh các luật lệ của Nhà nước về quản lý công thương nghiệp, thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng về cải tạo. Qua công tác cải tạo mà rèn luyện đảng viên về tư tưởng và lập trường của giai cấp công nhân, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở, nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước ở các cấp, đề cao vai trò của các đoàn thể trong công tác vận động quần chúng. Kiên quyết thi hành kỷ luật của Đảng và Nhà nước đối với những cán bộ, đảng viên vẫn tham gia bóc lột, không chấp hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, gây khó khăn cho việc thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ các cấp, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các lực lượng vũ trang tích cực tham gia công tác này, nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo, đồng thời nâng cao cảnh giác cách mạng, chống các âm mưu, thủ đoạn của địch và kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Thủ trưởng các ngành của trung ương và chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thật sự chỉ đạo công tác cải tạo ở ngành mình và địa phương mình, không xem nhẹ và khoán trắng cho cán bộ, cho cấp dưới.

Các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương, các bộ, tổng cục, các lĩnh, thành phố, quận, huyện kiện toàn các bộ phận chuyên trách làm công tác cải tạo của ngành và địa phương, chuẩn bị tốt về các mặt quy hoạch, kế hoạch đề tiến hành công tác cải tạo; tích cực, khẩn trương đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, phẩm chất tốt đủ sức đảm đương công tác cải tạo và điều hành các cơ sở sau cải tạo.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh là cuộc đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa xã hội chống chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự điều hành của Chính phủ, chúng ta phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy sức mạnh tổng hợp và đồng bộ của các biện pháp kinh tế, giáo dục, vận động quần chúng, tổ chức và hành chính; rút kinh nghiệm công tác cải tạo đã qua, khắc phục khuyết điểm, phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp tục đẩy mạnh cải tạo và hoàn thành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh theo kế hoạch đã định góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng.

BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân là một sự nghiệp to lớn, gắn liền với công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm qua, sự nghiệp này đã đạt được những thành tựu đáng tự hào. Chúng ta đã xây dựng được một mạng lưới y tế rộng khắp và thống nhất trong cả nước theo đúng phương hướng của một nền y tế xã hội chủ nghĩa, về căn bản đã bảo đảm được việc phòng và chống dịch, khám và chữa bệnh cho nhân dân. Đội ngũ đông đảo cán bộ y tế chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp đã cố gắng tìm mọi cách thực hiện nhiệm vụ trong hoàn cảnh khó khăn, đạt nhiều kết quả tốt trong công tác cấp cứu chiến thương, phòng và chống dịch, sản xuất thuốc, khám và chữa bệnh bằng y học hiện đại và y học dân tộc cổ truyền. Nhiều thành tựu về ngoại khoa, chăm cứu, về tổ chức y tế... của chúng ta là những đóng góp đáng kể cho y học thế giới, cho việc bảo vệ sức khỏe con người. Hoạt động y tế trong những năm qua đã phục vụ có hiệu quả sản xuất, quốc phòng và đời sống của nhân dân ta.

Tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra, đòi hỏi chúng ta suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực. Môi trường sống hiện nay, đặc biệt là ở các thành phố và các khu công nghiệp tập trung, đang bị ô nhiễm nặng nề. Tình trạng thiếu kinh phí, thiếu thuốc, thiếu vật tư thông dụng, thiếu điện, nước và phương tiện

chuyên môn đang gây trở ngại lớn cho công tác cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh. Việc khai thác các khả năng sẵn có, đặc biệt là vốn y học dân tộc cổ truyền và nguồn dược liệu phong phú trong nước có tiến bộ song còn chậm. Công tác vệ sinh phòng bệnh và cuộc vận động sinh để có kế hoạch chưa được tiến hành liên tục. Chất lượng các hoạt động y tế có phần giảm sút. Trong một số cán bộ y tế có những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại. Đời sống của cán bộ, nhân viên y tế từ trung ương đến cơ sở đang có nhiều khó khăn



Bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, vấn đề này càng được đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết. Hiện nay đời sống của nhân dân ta còn nhiều khó khăn, điều kiện ăn ở chật hẹp, thiếu thốn, hậu quả nặng nề của ba mươi năm chiến tranh (chất độc hóa học của Mỹ đã rải xuống Việt-nam, các bệnh xã hội do chế độ cũ để lại), sự phá hoại nhiều mặt của địch nhằm làm suy yếu tinh thần và sức khỏe của nhân dân v.v. tất cả những điều đó đã và đang gây ra những trở ngại lớn đối với việc bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân ta.

Muốn ổn định và nâng cao đời sống, đẩy mạnh sản xuất, củng cố quốc phòng, chúng ta không thể không coi trọng công tác giữ gìn và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Đại hội thứ V của Đảng đã coi việc bảo vệ sức khỏe của nhân dân là một phần quan trọng, cấp bách và thiết yếu nhất trong mục tiêu tổng quát thứ nhất về kinh tế và xã hội của những năm 80.

Bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân không chỉ là mục tiêu mà còn là tiền đề của sự phát triển kinh tế - xã hội; công tác y tế do đó phải *bám sát và phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng*.

Bảo vệ và làm sạch môi trường, xây dựng các công trình vệ sinh cơ bản đi đôi với việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch như tiêm chủng, vệ sinh ăn uống, các biện pháp vệ sinh lao động ở các vùng nông nghiệp rộng lớn, đồng bằng và miền núi, ở miền Nam và ở các vùng kinh tế mới, đặc biệt là ở các thành phố, các khu công nghiệp và các công trường lớn, nơi tập trung công nhân và cán bộ đang lao động trong những điều kiện hết sức khó khăn, là những công việc cần đặc biệt coi trọng, cần được chỉ đạo thực hiện một cách kiên quyết, tập trung. Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, không những những người làm công tác y tế, mà cả các cấp ủy Đảng, chính quyền, người lãnh đạo sản xuất, cũng phải đề cao cảnh giác và ý thức dự phòng, bởi vì nếu đề dịch bệnh xảy ra, không ngăn chặn kịp thời, tác hại sẽ rất lớn, có khi không lường được, cho sản xuất và sức khỏe của người lao động.

Tổ chức tốt việc cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phòng và chống các bệnh xã hội và bảo đảm thuốc men ngay từ cơ sở (xã, phường, xí nghiệp, công trường...), có sự chỉ đạo và giúp đỡ của y tế tuyến trên để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh ngay từ

khi bệnh mới chớm phát, là những phương pháp tốt nhất trong công tác chữa bệnh, giảm bớt khó khăn cho nhân dân, đỡ lãng phí cho Nhà nước, có lợi cho sản xuất. Chỉ có như vậy thì các cơ sở điều trị huyện, tỉnh và thành phố mới có thể giảm bớt cường độ công tác, tập trung sức vào việc nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh.

Sinh đẻ có kế hoạch là vấn đề có ý nghĩa chiến lược về kinh tế và xã hội: nó góp phần tích cực vào việc giải phóng lao động nữ, phát triển sản xuất và nâng cao mức sống cho mọi người. Bằng tuyên truyền giáo dục thường xuyên, liên tục, bằng những biện pháp chuyên môn thích hợp, bằng những chế độ chính sách đúng đắn, ngành y tế và các ngành khác cùng các đoàn thể quần chúng cần ra sức thực hiện tốt cuộc vận động này.

Làm tốt công tác vệ sinh phòng dịch, khám và chữa bệnh kịp thời, giữ gìn và nâng cao sức khỏe nhân dân cũng là đề tăng cường lực lượng bảo vệ Tổ quốc. Muốn phục vụ tốt nhiệm vụ quốc phòng, ngành y tế còn cần coi trọng việc quản lý sức khỏe và phòng bệnh, chữa bệnh cho thanh niên, góp phần làm cho công tác tuyển quân được chủ động và nhanh gọn, nhanh chóng kiện toàn tổ chức mạng lưới y tế ở các huyện biên giới, kết hợp chặt chẽ quân y và dân y, sẵn sàng phục vụ chiến đấu, góp phần xây dựng huyện thành pháo đài quân sự.



Phấn đấu bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân dân là quá trình lâu dài, gian khổ. Chúng ta cần ra sức *phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường*, thực hiện tốt phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « trung ương và địa phương cùng làm ». Từng tỉnh, thành phố, từng huyện.

quận, từng cơ sở, từng ngành, trước hết là ngành y tế, đều phải chủ động, cố gắng bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân đến mức cao nhất trong điều kiện cụ thể của mình.

Chúng ta cần hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế, coi trọng trước hết mạng lưới y tế phổ cập ở cả nông thôn lẫn thành phố, các khu công nghiệp, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan y tế tỉnh, thành phố và trung ương trong việc phục vụ y tế phổ cập.

Chúng ta phải ra sức phát huy những tiềm năng y tế phong phú như vốn y học dân tộc cổ truyền, nguồn dược liệu trong nước, khả năng dồi dào của đội ngũ cán bộ y tế của chúng ta. Trong tình hình hiện nay, càng cần đẩy mạnh việc khai thác vốn quý y học dân tộc cổ truyền, coi trọng những phương pháp phòng bệnh, chữa bệnh không dùng đến thuốc, như châm cứu, bấm huyệt, xoa bóp, dưỡng sinh... Các cấp lãnh đạo cần kiện toàn các cơ quan và bộ phận chuyên trách về y học dân tộc cổ truyền, đào tạo và bổ túc thêm về nghiệp vụ cho cán bộ y—dược học dân tộc cổ truyền, có chính sách khuyến khích các lương y tham gia việc khám bệnh, chữa bệnh. Nguồn dược liệu phong phú trong nước không chỉ có thể đáp ứng nhu cầu chữa bệnh của nhân dân ta mà còn là một nguồn hàng xuất khẩu quan trọng để đổi lấy những thứ thuốc mà chúng ta còn thiếu. Nguồn dược liệu đó là một thế mạnh của ta, từng địa phương cần tích cực phát huy thế mạnh đó trong những năm tới, theo hướng mỗi tỉnh, mỗi huyện chọn một số cây, con thích hợp nhất với đất đai, khí hậu và kinh nghiệm nuôi, trồng của mình để tập trung phát triển và chế biến. Chúng ta cần ra sức xây dựng công nghiệp dược phẩm và thiết bị y tế, đặc biệt là sớm xây dựng xí nghiệp thuốc kháng sinh.

Không ngừng cải tiến tổ chức và phương pháp làm việc, phương pháp quản lý để sử dụng tốt nhất, tiết kiệm nhất và có hiệu quả nhất lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật, phương tiện, máy móc, thuốc men và cơ sở y tế hiện có theo sự phân công, phân cấp và định mức hợp lý trong hoàn cảnh của ta—việc này hiện nay đang được đặt ra một cách cấp bách. Những hiện tượng sử dụng sức người, sức của không đúng chỗ, không hết khả năng và công suất, đề hư hỏng và lãng phí là trái với quan điểm phục vụ nhân dân của nền y tế xã hội chủ nghĩa.

Giữ gìn và nâng cao sức khỏe của nhân dân là một sự nghiệp của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong hoàn cảnh Nhà nước còn nhiều khó khăn, quần chúng nhân dân đã góp công, góp của xây dựng nhiều trạm y tế, nhà hộ sinh, bệnh viện huyện và bản thân từng người đã có ý thức tự lo liệu bảo vệ sức khỏe. Phát huy ý thức tốt đẹp này, chúng ta cần ra sức tuyên truyền phổ biến rộng rãi hơn nữa những kiến thức y học thông thường, phát triển sâu rộng các phong trào y tế toàn dân như phong trào vệ sinh yêu nước, phong trào thi đua làm sạch làng tốt ruộng, sạch đường đẹp phố. Đặc biệt đẩy mạnh phong trào “năm dứt điểm”, nhanh chóng xây dựng các công trình vệ sinh, phát triển việc trồng và sử dụng thuốc nam, thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch, quản lý tốt sức khỏe nhân dân và xây dựng rộng khắp mạng lưới y tế cơ sở.

Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước bạn và các tổ chức quốc tế là điều hết sức cần thiết. Chúng ta cần học hỏi và áp dụng những kinh nghiệm tiên tiến của các nước, trước hết là của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác để bổ sung vào những chỗ thiếu của ta và tăng thêm

khả năng tự lực của ngành y tế ta trong những năm tới.



Vai trò cực kỳ quan trọng trong công tác bảo vệ sức khỏe của nhân dân thuộc về *đội ngũ những người trực tiếp làm công tác y tế*. « Nhà nước và nhân dân ta quý trọng sự công hiến lớn lao của cán bộ y tế từ trung ương đến cơ sở » (1). Trong điều kiện đời sống còn khó khăn, các thầy thuốc, cán bộ và nhân viên y tế đã thay phiên nhau liên tục ngày đêm chăm lo sức khỏe của người bệnh. Nhiều bệnh viện thực hiện khẩu biếu: « Tất cả vì sức khỏe của người bệnh ». Nhiều cán bộ y tế đã tận tâm nghiên cứu, tìm ra những biện pháp chữa bệnh có hiệu quả cao, sản xuất ra những loại thuốc cần thiết, giảm bớt chi tiêu ngoại tệ của Nhà nước cho việc mua thuốc của nước ngoài. Đó là những việc làm rất đáng biểu dương. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích là cơ bản ấy, trong đội ngũ những người làm công tác y tế đã có không ít những hiện tượng tiêu cực cần được nghiêm khắc phê phán và khắc phục kịp thời.

Chúng ta không thể đề kéo dài tình trạng buông lỏng quản lý thuốc chữa bệnh, thái độ trách nhiệm của một số ít cán bộ y tế. Phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ những tư tưởng và hành động xa lạ với bản chất của người thầy thuốc xã hội chủ nghĩa, như tư tưởng ban ơn, tệ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tệ móc ngoặc và ăn hối lộ dưới nhiều hình thức.

Đảng ta đã xác định rõ: « Bảo vệ sức khỏe của nhân dân là một nhiệm vụ cách mạng cao cả » (2) đối với những người làm công tác y tế. Đảng coi trọng công tác bảo vệ sức khỏe của nhân dân, coi trọng vai trò của người cán bộ y tế. Đảng ta càng đòi hỏi người cán bộ y tế phải ra sức

rèn luyện tư tưởng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, trau dồi đạo đức cách mạng theo lời Bác Hồ dạy: « *thầy thuốc như mẹ hiền* ». Cùng với việc chăm lo nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tinh thần và thái độ phục vụ của người cán bộ y tế, các cấp Đảng và chính quyền cần tìm cách ổn định và cải thiện đời sống của cán bộ, nhân viên y tế từ trung ương đến cơ sở.



Bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân ta, trách nhiệm của các ngành, các giới, các địa phương, trước hết là của ngành y tế. Muốn tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác này, phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền, phải tổ chức tốt việc phối hợp giữa ngành y tế với các ngành, các địa phương, và bản thân ngành y tế phải có cố gắng lớn.

Trong điều kiện khó khăn chung hiện nay, nhiều cơ sở y tế đã làm tốt việc quản lý, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Ngành y tế cần kịp thời tổng kết và phổ biến sâu rộng những kinh nghiệm hay, cách làm tốt và đẩy mạnh phong trào thi đua học tập các điển hình tiên tiến. Những người cán bộ y tế, những chiến sĩ mà chức năng cao quý là chăm lo sự sống của con người, hãy nhận rõ nhiệm vụ vẻ vang của mình, nêu cao đạo đức của người cán bộ y tế xã hội chủ nghĩa, hết lòng cống hiến trí tuệ và sức lực của mình, phục vụ tốt sự nghiệp bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

(1), (2) Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đ tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 60.

BÀI NÓI CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG-CHINH

với cán bộ và đại biểu nhân dân

tỉnh Đồng-nai

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

 **L**ĂN đầu tiên đến thăm tỉnh Đồng-nai trong không khí kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và chuẩn bị Quốc khánh 2-9, tôi rất phấn khởi, vui mừng.

Nhân dân cả nước đều biết Đồng-nai trước đây là một mảnh đất kiên cường của miền Nam thành đồng Tổ quốc; một tỉnh của chiến trường miền Đông anh dũng, một căn cứ địa vững chắc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tâm gương bất khuất của chị Võ-Thị-Sáu, người con gái đất đỏ, được khắc sâu trong tâm trí thế hệ ngày nay và cả những thế hệ mai sau, như một thiên anh hùng ca bất diệt. Trong kháng chiến chống Mỹ, trên mảnh đất Đồng-nai, có biết bao khu rừng, ngọn núi, khúc sông đã trở thành tên gọi của nhiều chiến công lừng lẫy ghi vào trang sử vẻ vang của 30 năm kháng chiến, cứu nước!

Tổ quốc ghi công những cán bộ, đảng viên, những chiến sĩ và đồng

bào Đồng-nai đã dũng cảm hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Tỉnh đoàn kết keo sơn trong chiến đấu và lòng tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng và của Bác Hồ đã không ngừng được bồi dưỡng và phát huy qua biết bao thử thách, trở thành truyền thống vẻ vang rất đáng tự hào của nhân dân Đồng-nai.

Ngày nay, hòa nhịp cùng với bước phát triển của cách mạng miền Nam sau ngày giải phóng, truyền thống đoàn kết đó được nhân lên gấp bội. Đó là nhân tố bảo đảm cho đảng bộ và nhân dân Đồng-nai tiếp tục tiến lên mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên một vị trí tiên tiến, cửa ngõ của thành phố Hồ-Chí-Minh, nối liền với các tỉnh B2 cũ và miền duyên hải nam Trung-bộ.

Qua mấy buổi đi thăm một số cơ sở, gặp gỡ cán bộ, công nhân, nông dân và làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, được mắt thấy, tai nghe công việc làm ăn của các đồng chí và đồng bào có nhiều tiến bộ, tôi rất phấn khởi và có những ấn tượng rất sâu sắc.

Nhân dịp này, tôi xin gửi tới toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh lời thăm hỏi ân cần của Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn, lời thăm hỏi ân cần của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng. Tôi cũng xin chuyển tới anh chị em thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các cán bộ hoạt động lâu năm ở Đồng-nai những tình cảm thăm thiết nhất.

Dưới đây, tôi xin phát biểu ý kiến về ba vấn đề :

— Thành tích và chuyển biến bước đầu.

— Một nhiệm vụ cấp bách của đảng bộ Đồng-nai.

— Phát huy tinh chủ động và tính sáng tạo, đưa Đồng-nai vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Về những vấn đề đó, tôi chỉ nhấn mạnh một số điểm cần chú ý.

I — THÀNH TÍCH VÀ CHUYỂN BIẾN BƯỚC ĐẦU

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Từ sau ngày giải phóng, đảng bộ và nhân dân Đồng-nai đã ra sức phấn đấu, giành nhiều thắng lợi trên các mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, từng bước củng cố Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Sản xuất và đời sống của nhân dân dần dần trở lại bình thường, tình hình chung trong tỉnh có những chuyển biến ngày càng tốt đẹp, tạo điều kiện cho bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

1 — Trên mặt trận kinh tế, đảng bộ và nhân dân Đồng-nai đã đạt được những thành tựu đáng kể. Đó là việc khắc phục những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh tàn phá, là những cố gắng liên tục trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, trong đó tổng diện tích gieo trồng là 211 000 héc ta được ổn định để phát triển cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp. Nhờ đó đã bước đầu tự cân đối được lương thực và đóng góp một phần cho Nhà nước. Đời sống của nhân dân bắt đầu được cải thiện. Đó là thành tựu của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở Đồng-nai: xóa bỏ

giai cấp tư sản mại bản ở thành thị, tập trung trong tay Nhà nước hàng trăm xí nghiệp lớn nhỏ; phong trào hợp tác hóa nông nghiệp có những tiến bộ đáng kể. Đó là thành tựu của việc tăng cường năng lực sản xuất của các ngành kinh tế trong tỉnh với những cơ sở vật chất — kỹ thuật được xây dựng từng bước. Trong phân phối, lưu thông, đã cố gắng vươn lên nắm nguồn hàng, phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

Những thành tựu trên đây là niềm tự hào chính đáng của đảng bộ và nhân dân Đồng-nai trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế và đời sống bằng sự cố gắng của bản thân mình và được sự giúp đỡ của trung ương và các tỉnh bạn, mở ra triển vọng khai thác tốt hơn những tiềm năng hiện có, đưa nền kinh tế Đồng-nai vượt qua khó khăn, tiến lên vững chắc.

2 — Trên mặt trận văn hóa, đảng bộ và nhân dân Đồng-nai cũng đạt được những thành tựu nhất định. Nền giáo dục được cải tạo theo hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề đào tạo cán bộ, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, đấu tranh loại

trừ văn hóa phản động, đòi truy của Mỹ - ngụy để lại, xây dựng nền văn hóa mới v.v. đều có những tiến bộ đáng kể. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xuất hiện ngày càng nhiều những tấm gương tiêu biểu cho đạo đức xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trên mặt trận này vẫn còn những khó khăn, phức tạp. Đó là những khó khăn, phức tạp trong bước trưởng thành và có thể từng bước khắc phục được.

3 - Về trấn áp phản cách mạng, đã đạt được tiến bộ quan trọng trong việc truy quét và làm tan rã hàng trăm tổ chức phản động, phát hiện và truy bắt một số cơ sở CIA và bọn gián điệp khác, đấu tranh chống bọn phản động đội lốt tôn giáo, chống vượt biên và thâm nhập từ bên ngoài vào. Công tác trừng trị bọn tội phạm hình sự, giáo dục và cải tạo bọn lưu manh, bọn phá rối, trật tự và bọn làm nghề bất chính cũng có những kết quả nhất định. Nhờ đó, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, bảo đảm điều kiện cần thiết cho sự hoạt động bình thường của các cấp, các ngành.

4 - Cơ sở Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng

và củng cố hầu khắp các nơi trong tỉnh. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, cốt cán được chú trọng đào tạo và bồi dưỡng, cũng với một số cán bộ được tăng cường từ trung ương về, từ các nơi đến, đã phát huy truyền thống đoàn kết giúp nhau, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành trong tỉnh được nâng lên một bước.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương những thành tích của đảng bộ, chính quyền, các lực lượng vũ trang nhân dân và của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam ở tỉnh Đồng-nai trước đây đã chiến đấu kiên cường, cống hiến xuất sắc vào thắng lợi lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, và ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tích quan trọng. Tôi khen ngợi các đơn vị và cá nhân tiên tiến trong tỉnh thuộc các tổ chức do Trung ương và do địa phương quản lý, trong 8 năm qua, đã lập được những thành tích xuất sắc trên các mặt công tác, đặc biệt là trên mặt phát triển sản xuất, ổn định đời sống, củng cố an ninh và quốc phòng.

II - MẤY NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA ĐẢNG BỘ ĐỒNG-NAI

Tôi sẽ không nói tất cả những vấn đề kinh tế - xã hội mà các đồng chí phải giải quyết lâu dài, chỉ dựa trên tinh thần cơ bản của nghị quyết Đại hội lần thứ V và nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và lần thứ tư của Ban chấp hành trung ương, nêu lên mấy vấn đề cấp bách mà trước mắt các đồng chí cần tập trung sức lực giải quyết cho tốt.

1 - Phát huy các thế mạnh về kinh tế của tỉnh Đồng-nai.

Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhấn mạnh: mỗi địa phương phải tự lực vươn lên với tinh thần làm chủ, khai thác các thế mạnh của mình, đề cập đối nhu cầu của địa phương và đóng góp cho Nhà nước.

Tỉnh Đồng-nai có những thế mạnh gì về kinh tế và làm thế nào phát huy được những thế mạnh đó?

Với khoảng 7650 km² đất tự nhiên và 1 400 000 dân, Đồng-nai là một trong

những tỉnh lớn của cả nước; có đất đai và lao động là hai cái vốn quý nhất để xây dựng thành một tỉnh giàu mạnh. Ngoài rừng và biển, Đồng-nai còn có một diện tích đất đai rộng lớn và thích hợp để phát triển cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp (ngân ngày và dài ngày). Với khu công nghiệp Biên-hòa, Đồng-nai có một lực lượng cơ khí tương đối mạnh, có một đội ngũ công nhân có tay nghề khá, lại có một lực lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có truyền thống lâu đời.

Với điều kiện thuận lợi và khả năng to lớn như vậy, Đồng-nai cần phát huy bốn thế mạnh: nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, sớm xây dựng thành một tỉnh có cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý.

Muốn phát huy được các thế mạnh đó, trước hết phải giải quyết cho được vấn đề lương thực và thực phẩm: đủ dùng cho nhân dân trong tỉnh, cung cấp một phần đáng kể cho trung ương và bước đầu có dự trữ. Với 280 kg một đầu người như hiện nay, mức bình quân lương thực của Đồng-nai vẫn còn thấp. Do đó, vấn đề lương thực, thực phẩm đang còn là vấn đề nóng bỏng. Để giải quyết vấn đề kinh tế cấp bách đó, Đồng-nai cần có kế hoạch chấm dứt sớm tình trạng đất hoang hóa còn nhiều; rừng bị chặt phá bừa bãi; biển chưa được khai thác đúng mức; lực lượng lao động chưa sử dụng hết.

Phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, mở rộng phong trào làm ruộng cao sản. Tích cực mở rộng diện tích lúa bằng những công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở những nơi đã được khảo sát và quy hoạch. Thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp, trồng xen cây lương thực, cây thực phẩm trên diện tích trồng rừng và diện tích trồng cây công nghiệp dài ngày. Đồng thời, giải quyết cho được

vấn đề chế biến và tiêu thụ; đưa màu vào cơ cấu bữa ăn, bổ sung nguồn thức ăn cho gia súc và trao đổi với các tỉnh khác.

Trên cơ sở giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, Đồng-nai cần tiếp tục phát huy các thế mạnh về rừng, cây công nghiệp. Yêu cầu bức thiết là mau chóng trồng lại và phủ xanh gần 100.000 héc ta rừng bị phá và kiên quyết ngăn chặn phá rừng. Cần phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày: đậu tương, đậu xanh, lạc, mía, thuốc lá. Đối với cây công nghiệp dài ngày, phải xem cao su là cây chủ lực, đồng thời coi trọng cà phê, cọ dầu, đào lộn hột, dừa v.v.

Để phát huy các thế mạnh về nông nghiệp, lâm nghiệp, tỉnh cần coi trọng hơn nữa việc phát triển công nghiệp, tích cực xây dựng sớm cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của tỉnh và cơ cấu kinh tế hợp lý của từng huyện, bảo đảm công nghiệp gắn bó với nông nghiệp ngay trên địa bàn huyện. Công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cần phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp. Ra sức phát triển các ngành chế biến nông sản, lâm sản, trước hết chế biến màu, cao su, cà phê, mía, thuốc lá... Đồng thời, xây dựng một số ngành có điều kiện phát triển để cung cấp tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng trong tỉnh và trao đổi với các địa phương khác, như vật liệu xây dựng, đồ gỗ, đồ gốm. Cần thấu suốt phương châm: Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm để góp phần xây dựng Nhà máy thủy điện Trị-an, tăng thêm nguồn điện cho công nghiệp, nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Phải có những hình thức phối hợp, liên kết sản xuất, kinh doanh hợp lý giữa công nghiệp địa phương và công nghiệp trung ương trên địa bàn tỉnh, giữa Đồng-nai và các tỉnh bạn, để tạo

thêm nguồn hàng phục vụ tiêu dùng và nguyên liệu cho công nghiệp, tiêu, thủ công nghiệp, và đề xuất khâu.

Tóm lại, trên cơ sở khai thác các thế mạnh về kinh tế của mình, Đồng-nai phải phân đấu để sớm cân bằng được giá trị hàng hóa của tỉnh cung cấp cho trung ương với giá trị hàng hóa trung ương cung cấp cho tỉnh và tiến tới vượt giá trị hàng hóa của trung ương để góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

2 - Cần phải làm chủ trận địa phân phối, lưu thông. Trong mấy năm qua, trên mặt trận này, Đồng-nai đã có những tiến bộ đáng kể. Cuối tháng 4 vừa qua, tỉnh ủy có nghị quyết 05 về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý thị trường và cải tạo thương nghiệp tư nhân. Nghị quyết nêu lên những thành tích đã đạt được và đề ra những công việc phải làm trong thời gian tới. Đây là điều rất đáng mừng, chứng tỏ các đồng chí đã nhận rõ phân phối, lưu thông là trận địa cấp bách nhất, nóng bỏng nhất hiện nay.

Ở đây, trên mặt trận phân phối lưu thông còn nhiều khó khăn, phức tạp. Như nghị quyết của tỉnh ủy đã chỉ rõ: hiện nay ta chưa nắm được hàng, chưa nắm được tiền (lương thực chỉ mới nắm được 14% tổng sản lượng, thịt lợn 27,7%, cá biển 21,6%, lạc 14%...); một phần quan trọng hàng và tiền đáng lẽ ta phải nắm thì lại bị tuồn, bị móc ra thị trường tự do. Bón tư sản, tư thương tranh mua hàng nông sản và hàng công nghiệp với ta. Qua đầu cơ, buôn lậu, móc ngoặc, trốn thuế, họ rút được một lượng hàng khá lớn của kinh tế quốc doanh, và do có trong tay một khối lượng tiền mặt, tạo thành vòng quay của hàng và tiền ngoài sự kiểm soát của ta, gây rối và phá ta một cách ác liệt! Họ đẩy giá gạo tăng vọt, từ đó kéo các giá khác tăng theo, làm cho tiền lương thực tế của công nhân,

viên chức và lực lượng vũ trang giảm sút.

Tình hình đó ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đến quản lý, làm giảm hiệu lực và xói mòn cơ sở của kế hoạch. Rõ ràng, nếu không nắm được hàng, được tiền thì không thể nắm được khối lượng sản phẩm xã hội làm ra. Lâu nay, ta thường nhấn mạnh vào đề tăng khối lượng sản phẩm mà ít quan tâm đến vấn đề ai sẽ nắm khối lượng sản phẩm đó. Nhà nước hay tư nhân? Thực tế chứng minh rằng chúng ta đã dễ thất thoát hàng hóa, vật tư vào tay tư sản và tư thương không ít.

Là một tỉnh sản xuất ra khối lượng lớn hàng nông sản, hàng tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp. Đồng-nai cần phải có kế hoạch nắm cho được khối lượng hàng hóa đó. Mặt khác, phải nắm phần lớn sản phẩm công nghiệp do các khu vực sản xuất tập thể và tư nhân làm ra bằng nhiều biện pháp: kinh tế, hành chính, giáo dục. Phải từng bước nắm độc quyền về lương thực và những nông sản hàng hóa có giá trị cao. Phải tăng cường quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hóa của các cơ sở kinh tế quốc doanh, chấm dứt hiện tượng tuồn hàng ra ngoài, nghiêm cấm buôn bán vật tư kỹ thuật và thiết bị sản xuất ra thị trường tự do. Cần mở rộng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để tiến đến làm chủ thị trường, tích cực cải tạo và quản lý thị trường tự do, kiên quyết loại trừ tư sản thương nghiệp ra khỏi thị trường nông thôn và thành thị.

Đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang là một vấn đề cấp bách đòi hỏi đảng bộ Đồng-nai phải giải quyết nhanh và tốt. Ở đây, khâu chính ta phải đẩy mạnh sản xuất, trên cơ sở đó mà nắm được hàng, nắm được tiền, bảo đảm cung cấp đủ và đúng thời gian những mặt hàng thiết yếu theo định

lượng; ngoài ra, có thể phân phối theo giá chỉ đạo của ta những mặt hàng không theo định lượng; đồng thời, thực hiện tốt chế độ lương khoán, lương sản phẩm trong khu vực sản xuất theo đúng tinh thần kết luận của Bộ chính trị sửa đổi lại quyết định 25 CP của Hội đồng bộ trưởng.

Trên mặt trận phân phối, lưu thông, các đồng chí cần chú ý trước hết đến thành phố Biên-hòa. Đây là nơi sản xuất ra hàng công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nơi tập trung công nhân, viên chức, một thị trường tiêu thụ lớn. Đồng thời, cũng là địa bàn hoạt động, quấy rối của giai cấp tư sản, các hạng thương nhân trong thành phố, hoặc từ thành phố Hồ-Chí-Minh đến, hoặc từ các tỉnh vào. Do vậy, các ngành, các cơ sở của trung ương và của tỉnh Đồng-nai tại đây cần phải phối hợp mọi cố gắng, làm chủ cho được thị trường ở thành phố Biên-hòa, góp phần quyết định vào việc ổn định sản xuất và đời sống trong tỉnh.

Phân phối, lưu thông là trận địa đấu tranh khá gay go, phức tạp. Vì vậy, trên mặt trận này, phải có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ về chủ trương, biện pháp cũng như về hoạt động thực tiễn giữa các ngành có liên quan. Cần tập trung trí tuệ tập thể, đi sâu nghiên cứu, tìm ra giải pháp cụ thể, đúng đắn và hành động tích cực, nhằm thúc đẩy mạnh sản xuất, nắm được hàng, nắm được tiền, làm chủ thị trường, ổn định đời sống.

3 - Đi đôi với việc thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông, Đồng-nai cần đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong mấy năm qua, về cải tạo công thương nghiệp tư doanh, Đồng-nai đã đạt được những thành tựu nhất định. Đã xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, cải

tạo một bộ phận quan trọng công thương nghiệp tư bản tư doanh, đưa một bộ phận tiểu, thủ công nghiệp vào các hình thức làm ăn tập thể từ thấp đến cao; tổ chức, sắp xếp, sử dụng một bộ phận những người buôn bán nhỏ trong một số ngành hàng thiết yếu.

Trong nông nghiệp, đã đưa 19% hộ nông dân với 18% diện tích canh tác vào các hình thức làm ăn tập thể; đã có 14 hợp tác xã, 648 tập đoàn sản xuất và gần 1500 tổ đoàn kết sản xuất; trong đó hơn 60% hợp tác xã và hơn 70% tập đoàn sản xuất thực hiện khoán sản phẩm đến người lao động. Trong phong trào, đã xuất hiện nhiều hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tiên tiến.

Nhưng tỉnh ủy cũng nhận thấy rằng, vừa qua, Đồng-nai có phần coi nhẹ cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiểu, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ; phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển chậm, chưa đều và chưa thật vững chắc. Nói chung, việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất chưa thường xuyên, liên tục, nhận thức chưa rõ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, về sự gắn bó quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, về nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, nhằm mục tiêu xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xác lập quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đảng bộ Đồng-nai cần phấn đấu để đến năm 1985 hoàn thành về cơ bản cải tạo công thương nghiệp tư doanh; triệt để xóa bỏ sớm chủ nghĩa tư bản trong thương nghiệp; chuyển dần những người buôn bán nhỏ không

cần thiết trong lưu thông sản phẩm và các hoạt động dịch vụ. Phần đầu đến cuối năm 1985 thực hiện cho được nghị quyết Đại hội lần thứ ba của tỉnh đảng bộ Đồng-nai: đưa 70-80% nông dân vào làm ăn tập thể với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất và hợp tác xã; số còn lại, tổ chức thành các tổ đoàn kết sản xuất.

Cần phải kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính; cải tạo để đẩy mạnh xây dựng, xây dựng để thúc đẩy và củng cố cải tạo; trong cải tạo, phải gắn chặt xây dựng, trong xây dựng không buông lỏng cải tạo. Ngay trong khi tiến hành cải tạo đã có xây dựng, vừa cải tạo vừa xây dựng. Nội dung xây dựng là gì?

1 - Trên cơ sở xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa về cả ba mặt: chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối. Việc xác lập chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất không có nghĩa là đã có ngay quan hệ sản xuất mới. Nếu không chăm lo xây dựng, tăng cường chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối, thì quan hệ sản xuất mới không thể thúc đẩy lực lượng sản xuất được. Nghĩa là, sau khi cải tạo, xóa bỏ các quan hệ cũ mà không xây dựng cái thay thế thì quan hệ cũ sớm muộn cũng sẽ xuất hiện trở lại.

Xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phải gắn liền với việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, trong đó có việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ, vì «nền sản xuất nhỏ hằng ngày, hằng giờ, luôn luôn đẻ ra chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản» (1), vì «tư bản làm cho sản xuất nhỏ liên hợp lại, tư bản sản sinh ra từ nền sản xuất nhỏ» (2).

2 - Xây dựng và tổ chức lại sản xuất, kinh doanh trong phạm vi toàn

tỉnh, trong từng ngành kinh tế - kỹ thuật, từng địa phương và từng cơ sở. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch làm trung tâm; vận dụng đúng đắn quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; bảo đảm cho Nhà nước nắm được đại bộ phận sản phẩm hàng hóa để phân phối có kế hoạch và đáp ứng các nhu cầu hợp lý của xã hội; bảo đảm kết hợp hài hòa ba lợi ích: lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động.

Trong và sau khi tiến hành cải tạo, cần tận dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có, tích cực xây dựng và phát triển thêm lực lượng sản xuất và đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Nghĩa là, sau cải tạo, không những phải xây dựng để duy trì sản xuất, kinh doanh, mà còn phải từng bước phấn đấu đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, ổn định và cải thiện đời sống của người lao động hơn trước khi cải tạo. Có như vậy mới thể hiện được mục đích của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất là nhằm thúc đẩy sản xuất, tăng năng suất lao động, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Vì vậy, nội dung của xây dựng ở đây có cả xây dựng quan hệ sản xuất mới và xây dựng lực lượng sản xuất mới.

3 - Từng bước xây dựng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Trong đó, xây dựng Đảng thành hạt nhân lãnh đạo trong tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, nhất là chính quyền phường, xã, quận, huyện; xây dựng và tăng cường hoạt động của các đoàn thể nhân dân, ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của các đoàn thể cả

(1) V.I. Lênin: *Tổng tập*. NXB Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 7.

(2) Sách đã dẫn, tập 43, tr. 188.

trong sản xuất, phân phối, trong tổ chức đời sống vật chất và văn hóa ở cơ sở.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa là quá trình làm cho cơ cấu năm thành phần kinh tế ở Đồng-nai không ngừng chuyển biến theo hướng: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể phải được chăm lo xây dựng; củng cố và phát triển ngày càng lớn mạnh; kinh tế tư bản chủ nghĩa từng bước được cải tạo, thu hẹp lại và sẽ bị xóa bỏ; kinh tế công tư hợp doanh còn tồn tại một thời gian và được tổ chức lại. Còn về kinh tế gia đình hiện chiếm một vị trí quan trọng thì cần được coi trọng đúng mức; song kinh tế gia đình không phải là một thành phần kinh tế ngoài các thành phần kinh tế nói trên; kinh tế gia đình của xã viên hợp tác xã chẳng hạn nằm trong quỹ đạo của kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn kinh tế gia đình của người sản xuất cá thể thì thuộc về thành phần kinh tế cá thể.

Trong quá trình cải tạo, cần tỉnh táo xem xét những hiện tượng tiêu cực xảy ra trong đời sống kinh tế - xã hội bằng quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của Đảng. Khi bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn làm ăn phi pháp, bọn ăn cắp, phá hoại thị trường đang dùng mọi thủ đoạn để xâm lấn kinh tế xã hội chủ nghĩa thì các cơ sở sản xuất và kinh doanh thuộc thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa cần phải tổ chức cuộc tiến công quyết liệt, đánh bại chúng, chứ không thể bị lôi cuốn vào con lốc tự phát tư bản chủ nghĩa.

Hiện nay, do các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa được hoàn thiện và quản lý tốt, nhiều thể chế hành chính, quan liêu, bao cấp đang bị xóa bỏ, song những thể chế mới chưa được xác lập hoặc chưa hoàn chỉnh, nên kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa vươn lên làm chủ thị trường, chưa đủ sức tiến công có hiệu lực

vào khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của những người sản xuất nhỏ và khuynh hướng phục hồi chủ nghĩa tư bản của giai cấp tư sản. Đó là chưa kể hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm, chưa nói đến âm mưu thâm độc, xảo quyệt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ, tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại về nhiều mặt chống nhân dân ta.

Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa. Để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, điều có tính quyết định là phải ra sức xây dựng thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, củng cố và phát triển các khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể. Trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; các ngành công tác trên mặt trận này cần tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh đó, nhằm mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa một cách có hiệu quả.

Nắm vững đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng trong cả thời kỳ quá độ, đảng bộ Đồng-nai cần tiếp tục đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình hình chậm trễ trong việc chỉ đạo phong trào hợp tác hóa; nhưng tránh nóng vội, giản đơn, làm ồ ạt.

4— Về an ninh và quốc phòng. Đồng-nai đã có nhiều thành tích đáng phấn khởi. Nhưng Đồng-nai là một tỉnh có nhiều rừng núi, bờ biển dài và khúc khuỷu, tiếp giáp với nhiều địa bàn phức tạp. Bên trong, bọn FULLRO, bọn phản động đội lốt tôn giáo vẫn còn lên lút hoạt động. Do đó, sự thâm nhập và phá hoại của kẻ địch sẽ liên tục và cuộc đấu tranh của ta sẽ phức tạp, gay go.

Vừa qua, các đồng chí đã thực hiện tốt nghị quyết 03 của Bộ chính trị về

đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cần kết với đế quốc Mỹ. Các đồng chí cần thực hiện tốt hơn nữa nghị quyết quan trọng đó của Bộ chính trị.

Cần giáo dục rộng rãi, sâu sắc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh nhận rõ âm mưu mới của kẻ thù, luôn luôn mài sắc cảnh giác, không một chút lơ đãng đối với chúng.

Lực lượng vũ trang của tỉnh phải thường xuyên được củng cố và tăng cường. Phải làm tốt việc tuyển quân, giáo dục cho nhân dân và thanh niên ta hiểu rõ Luật nghĩa vụ quân sự để làm tròn trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ Tổ quốc.

Cần phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, của các tổ chức cơ sở trong công tác an ninh và quốc phòng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và dựa vào quần chúng, chính quyền phải làm tròn nghĩa vụ của chuyên chính vô sản.

5—Về công tác tư tưởng và tổ chức, trước mắt, đảng bộ và nhân dân Đồng-nai cần ra sức phấn đấu thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương về công tác tư tưởng và tổ chức, bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế — xã hội cấp bách nói trên.

Công tác tư tưởng và tổ chức phải thấm suốt nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là: *tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý.*

Cần giáo dục cho cán bộ và nhân dân Đồng-nai có nhận thức đúng đắn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không mơ hồ về cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và tư tưởng... để giải quyết dứt khoát vấn đề «ai thắng ai» trên địa bàn Đồng-nai.

Công tác tư tưởng và tổ chức phải bảo đảm cho Nhà nước hoàn toàn có khả năng thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông. Vấn đề quan trọng hàng đầu là trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, Nhà nước phải nắm được hàng, nắm được tiền để làm chủ phân phối, lưu thông và tiêu dùng. Phải nắm vững các ngành kinh tế then chốt, phát triển mạnh kinh tế quốc doanh, trên cơ sở đó nắm đại bộ phận sản phẩm làm ra, chống tham ô, mất mát, rò rỉ.

Yêu cầu cấp bách của công tác tư tưởng và tổ chức hiện nay là tích cực xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng và phát huy quyền làm chủ tập thể, tinh thần lao động sáng tạo, năng cao trình độ văn hóa, khoa học, làm cho hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lênin giữ vị trí thống thị trong xã hội. Những yêu cầu ấy chỉ có thể đạt được thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục bền bỉ, thường xuyên trong lao động sản xuất và trong đấu tranh cách mạng để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên mặt trận quốc phòng và an ninh, công tác tư tưởng và tổ chức cần làm cho cán bộ và nhân dân Đồng-nai nhận rõ bản chất phản động và âm mưu thâm độc của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc đối với Việt-nam và đối với cả ba nước Đông-dương. Trên cơ sở đó, thường xuyên nâng cao cảnh giác, theo dõi chặt chẽ diễn biến của tình hình chung có liên quan đến âm mưu và khả năng hành động của địch để chủ động, kịp thời có chủ trương đối phó thắng lợi.

III - PHÁT HUY TÍNH CHỦ ĐỘNG VÀ TÍNH SÁNG TẠO, ĐƯA ĐỒNG-NAI VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Cả nước ta cũng như Đồng-nai đều xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Với đặc điểm ấy, chúng ta vừa phải cải tạo cái cũ, vừa xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn. Phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới, tạo ra cơ sở kinh tế mới và kiến trúc thượng tầng mới, tạo ra đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới.

Quá trình ấy đòi hỏi lãnh đạo phải suy nghĩ sâu sắc, nắm vững đặc điểm của địa phương, phát huy sáng kiến và kinh nghiệm của quần chúng nhân dân, nghiên cứu, tìm tòi, vận dụng đúng đắn quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, phát triển sản xuất, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Phải năng động, sáng tạo, chứ không thề tri trệ, bảo thủ hoặc giáo điều, rập khuôn. Phải xuất phát từ thực tế sinh động, đứng vững trên mảnh đất của mình, thấu suốt đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể.

Phải tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết một cách khoa học. Có nghị quyết đúng là cần thiết. Nhưng sau khi có nghị quyết rồi thì vấn đề bắt tay vào hành động, *tổ chức thực hiện nghị quyết*, đóng vai trò quyết định. Do vậy, cần phải có một phương thức làm việc thật sự khoa học, sao cho từ khâu chuẩn bị nghị quyết đến khi ra nghị quyết và sau đó là thực hiện nghị quyết là một quá trình phát triển liên tục, xuất phát từ tình hình

thực tế, nắm bắt kịp thời những sáng kiến của quần chúng. Có như thế mới bảo đảm thực hiện các nghị quyết một cách đúng đắn, đồng bộ và có hiệu quả, cao. Phải biết phát hiện nhân tố mới, bồi dưỡng điển hình tốt và nhân ra thành phổ biến. Phải làm tốt *công tác kiểm tra, đôn đốc, công tác tổng kết, rút kinh nghiệm và chế độ thưởng, phạt nghiêm minh*. Bệnh quan liêu, xa thực tế, không nhạy bén với cuộc sống, bảo thủ, tri trệ hoặc tự do, tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật chẳng những không cho phép ta lãnh đạo một cách khoa học mà cũng không cho phép ta phát huy được tính năng động, tính sáng tạo của quần chúng.

Xây dựng đội ngũ cán bộ ở Đồng-nai là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Cần gấp rút đào tạo, bổ sung hàng loạt cán bộ xuất thân từ công nhân, nông dân lao động và trí thức cách mạng. Phát huy đến mức cao nhất khả năng và kinh nghiệm lãnh đạo của các cán bộ cũ đã qua nhiều thử thách trong quá trình hoạt động cách mạng; đồng thời, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ trẻ, cán bộ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý cũng như trong công tác khoa học, kỹ thuật. Chính sách cán bộ của Đảng ta là kết hợp kinh nghiệm của cán bộ lớn tuổi với sức vươn lên của cán bộ trẻ tuổi, phát huy ưu điểm của từng loại cán bộ.

Đảng bộ Đồng-nai còn có một lực lượng cán bộ bổ sung từ trung ương về, từ các tỉnh khác đến. Có nhiều đồng chí đã gắn bó với Đồng-nai từ nhiều năm nay. Các cấp bộ Đảng và các cấp chính quyền, các đoàn thể cần đánh giá đúng mức tinh thần đó, quan tâm giúp đỡ thiết thực, sử dụng hợp

(Xem tiếp trang 50)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN — CÔNG CỤ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

NGUYỄN-HỮU-THỌ

CƠ chế đã thành công thức của Đảng ta được ghi vào các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV và lần thứ V và chắc chắn sẽ còn phát huy hiệu lực cho đến khi nào đất nước ta xây dựng xong chủ nghĩa xã hội: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đó là quan điểm Mác-Lê-nin ứng dụng vào thực tiễn Việt-nam trên cơ sở tầm nhìn bao quát về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội theo các quy luật vận động của nó, có tính đến kinh nghiệm rút ra từ quá trình đi lên của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Trong cơ chế đó, các cơ quan dân cử giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi các cơ quan dân cử — theo Hiến pháp nước ta — vừa thể hiện chức năng làm chủ xã hội của nhân dân lao động, vừa trực tiếp quản lý xã hội.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phân biệt với các nền dân chủ khác ở tính giai cấp — vì lợi ích của ai — đồng thời ở đặc trưng quần chúng lao động tự mình quyết định các vấn đề lớn nhỏ của đất nước. Quyền quyết định ấy được bảo đảm thành văn trong

Hiến pháp nước ta: « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, người chủ tập thể là nhân dân lao động... » (Điều 3); « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân... » (Điều 6); « Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam... » (Điều 82); « Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và chính quyền cấp trên... » (Điều 110). Nếu Quốc hội có quyền bầu và bãi miễn các thành viên Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng thì Hội đồng nhân dân các cấp có quyền bầu và bãi miễn các thành viên của Ủy ban nhân dân các cấp, sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Ủy ban nhân dân cùng cấp, hoặc của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp...

Dân chủ là một nhu cầu khách quan của con người muốn ngày mỗi được tự do hơn, bình đẳng hơn trong quan hệ giữa người và người. Nhu cầu ấy bức xúc như nhu cầu con người muốn ngày mỗi chế ngự hiệu quả hơn sự ràng buộc của thiên nhiên để nâng cao đời sống vật chất. Đó là hai mặt của một tổng thể, là hai động cơ để phát triển của liên sử hành tinh chúng ta.

Dân chủ là một thực thể sống động; một nền dân chủ nhất định là sản phẩm của một xã hội nhất định, đồng thời với tư cách một hình thái ý thức, nó góp phần thúc đẩy bước tiến của xã hội và cũng biến đổi với bước tiến ấy.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở nước ta có nghĩa là nhân dân ta nắm trong tay những tiền đề vững chắc để xây dựng một nền dân chủ lý tưởng mà nhiều thế hệ từng mơ ước, đã có điều kiện chuyển dân chủ từ dạng nguyên vọng sang dạng pháp chế, gắn chặt nền dân chủ ấy với quá trình giải phóng sức sản xuất, sáng tạo quan hệ tương hỗ mới, bảo đảm cho đất nước và nhân dân lao động một tương lai hoàn toàn khác xưa.

Như vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phải trải qua những mức độ khác nhau trên bước đường không ngừng hoàn thiện. Mỗi mức độ phản ánh những nét đặc thù của mỗi một thời kỳ cụ thể mà nền dân chủ — với ý nghĩa là quyền lợi của nhân dân lao động — không thể không tuân thủ một cách tự giác: hoàn cảnh đời nội, đối ngoại, tình hình chính trị và an ninh, trình độ của nền kinh tế và văn hóa của đất nước... Riêng về văn hóa — tức là khả năng tiếp thụ và sử dụng quyền dân chủ của quần chúng lao động. — Lê-nin đã nói: «Chúng ta biết rất rõ ý nghĩa của tình trạng lạc hậu về văn hóa của nước Nga, nó ảnh hưởng như thế nào đến chính quyền Xô viết, chính quyền này về

nguyên tắc đã đưa lại một chế độ dân chủ vô sản cao nhất, đã đem lại một kiểu mẫu về chế độ dân chủ cho toàn thế giới; chúng ta biết rằng tình trạng lạc hậu về văn hóa ấy làm ô nhục Chính quyền Xô viết như thế nào, và khôi phục chế độ quân liêu như thế nào» (1).

Vấn đề là chấp nhận mức độ tất yếu của từng thời kỳ cụ thể đó, đồng thời không nên bao giờ nhìn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa như một cái gì cứng nhắc, đồng hóa tính tất yếu của từng thời kỳ cụ thể với cái đích mà nền dân chủ xã hội chủ nghĩa luôn luôn bắt buộc phải vươn tới. Trên tất cả, mặc dù có những quy định trong từng bước thực hiện, song yêu cầu xác lập, củng cố và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bao giờ cũng là nỗi bận tâm của những người cộng sản, xuất phát từ chỗ nhìn sự thực hiện dân chủ không phải là chuyện rộng lượng ban ơn mà là nghĩa vụ của Đảng cầm quyền phải mang đến cho quần chúng. Thành tựu của chủ nghĩa xã hội bao giờ cũng được đánh dấu bằng tiến bộ trong cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, cùng với tiến bộ trong sinh hoạt dân chủ của toàn xã hội. Dân chủ là cơ sở để thực hiện tập trung, cũng như khái niệm chuyên chính của chúng ta nhất thiết phát huy trên nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, như Lê-nin nói, «chúng ta chưa bao giờ coi hoạt động của chúng ta nói chung, và Liên pháp của chúng ta nói riêng, là một kiểu mẫu hoàn bị... Chúng ta sẽ không duy trì điều đó đến «muôn đời vạn kiếp»» (2), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi không ngừng được hoàn thiện. Các Nghị quyết của Đảng

(1) V.I. Lê-nin: *Bản về pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 287.

(2) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 86.

ta, Hiến pháp và nhiều luật lệ khác của Nhà nước ta một mặt khẳng định tinh chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa như là thuộc tính của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam, một mặt đề ra mục tiêu và bước đi cụ thể trong từng thời kỳ, và trước sau nhất quán yêu cầu thực hiện dân chủ, đưa dân chủ vào đời sống xã hội, bảo vệ và phát triển nó là một trong những nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước ta.



Theo Hiến pháp, tổ chức chính quyền nước ta chia làm bốn cấp: trung ương, tỉnh (hoặc thành phố, đặc khu), huyện (hoặc quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh), xã (hoặc phường, thị trấn).

Bài viết này phát biểu một vài suy nghĩ về vai trò của Hội đồng nhân dân — tức là cơ quan dân cử địa phương.

— Trước hết cần nói rõ điều sau đây: tổ chức quản lý 4 cấp là do chúng ta lấy quản lý lãnh thổ làm cái khung, trong điều kiện cả nước ta còn ở trình độ kinh tế — xã hội nông nghiệp chậm phát triển — nước ta là một trong khoảng vài mươi quốc gia đạt mức thu nhập bình quân tính trên đầu người thấp nhất thế giới. Sau này, khi trình độ công nghiệp của chúng ta cao hơn, khi mà cơ cấu công — nông nghiệp trở thành cái nền cho toàn bộ nền kinh tế đất nước, tình hình khách quan đó sẽ chỉ cho chúng ta phương pháp phân cấp quản lý mới, tương ứng. Không có gì cố định trong sự phân cấp này. Phân cấp quản lý lãnh thổ không có mục đích tự thân, chẳng qua đó là sự lựa chọn hình thức quản lý tối ưu trong một bối cảnh xác định. Lúc nào cách phân cấp hiện thời tỏ ra không còn tác dụng tích cực hay bắt đầu gây trở ngại cho sự phát triển

của sản xuất thì chúng ta lại sẽ xem xét và thay đổi nó.

Cho đến nay các cấp hành chính từ tỉnh đến xã trong cả nước ta đều đã có Hội đồng nhân dân do cử tri bầu theo thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Ở nhiều địa phương, tinh chất dân chủ trong bầu cử Hội đồng nhân dân được tôn trọng, do đó tạo lòng tin và phấn khởi trong quần chúng cử tri và cũng nhờ đó, Hội đồng nhân dân ở những nơi này có thể thực hiện được chức năng của mình; nhiều Hội đồng nhân dân cố gắng phản ánh nguyện vọng quần chúng cho Ủy ban nhân dân, góp ý về sự điều hành công việc của Ủy ban, giữ sinh hoạt nội bộ Hội đồng đều đặn và giữ liên hệ mật thiết với cử tri. Chúng ta có thể nhắc đến Hội đồng nhân dân thành phố Hồ-Chí-Minh, tỉnh Long-an và những nơi khác. Hội đồng nhân dân cấp thành phố có Ban liên lạc từ nhiều năm nay để theo dõi và chuẩn bị cho mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân; tại mỗi kỳ họp Ủy ban nhân dân đã báo cáo tình hình công tác và trả lời các chất vấn, ghi nhận các kiến nghị của đại biểu. Nhờ vậy, mỗi kỳ họp đã thu hút sự chú ý của quần chúng. Long-an có sáng kiến giao cho Hội đồng nhân dân (và ban chấp hành các đoàn thể) xử lý mọi mặt công tác ở những xã, ấp chưa có cơ sở Đảng hoặc cơ sở Đảng còn mỏng, yếu. Chính từ những đại biểu ưu tú trong các Hội đồng nhân dân (và ủy viên ban chấp hành các đoàn thể) này mà chi ủy, huyện ủy tuyển chọn đảng viên.

Về mặt thủ tục, tất cả Ủy ban nhân dân đều do Hội đồng nhân dân bầu ra. Hiện nay không phải ở tất cả mọi nơi sự bầu cử đều có nội dung, mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đều được tôn trọng.

Gần đây, Quốc hội đã thông qua và Hội đồng Nhà nước đã ban hành

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp — một bước tiến toàn bộ máy Nhà nước bằng cách thể chế hóa một trong những khâu then chốt trong toàn bộ hệ thống quản lý của chúng ta.



Tuy nhiên, phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân theo đúng Hiến pháp và luật pháp vẫn còn là vấn đề nóng hổi trong yêu cầu hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Nghị quyết của Đại hội lần thứ V của Đảng đã nhận xét: ... « một số cơ quan dân cử còn hoạt động một cách hình thức, chưa làm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như Hiến pháp quy định. Đó là một chỗ yếu trong sự hoạt động của bộ máy Nhà nước, cũng là một khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng... (do tôi nhấn mạnh — N.H.T.) »(3).

Để khắc phục tình trạng nói trên, sắp tới, Hội đồng nhân dân các cấp cần tập trung giải quyết các vấn đề sau đây :

1 — Hội đồng nhân dân các cấp phải gồm những đại biểu *thật sự* của nhân dân lao động, tức là những người mà cử tri biết mặt, biết tên, biết lai lịch, cùng sống và chiến đấu với họ, có quan hệ gần gũi với họ, được họ yêu mến và tin cậy. Cần chấm dứt tình trạng đại biểu chỉ tiếp xúc với cử tri trước ngày bầu cử.

2 — Do nhiệm vụ quản lý đất nước mỗi ngày mỗi đòi hỏi năng lực và đạo đức khe khắt hơn, đại biểu Hội đồng nhân dân phải là những người vừa có uy tín, vừa có trình độ chính trị, vừa có kiến thức sản xuất và quản lý kinh tế — xã hội — văn hóa.

3 — Việc chọn lựa đại biểu Hội đồng nhân dân phải đúng tinh thần dân chủ và thủ tục pháp lý, do Mặt trận Tổ quốc hiệp thương với các đoàn thể và tham khảo ý kiến quần

chúng rộng rãi mà đề cử. Tất cả việc lựa chọn phải được tiến hành công khai, rõ ràng.

Uy tín của Hội đồng nhân dân chỉ có thể đạt được khi quần chúng tự do và nghiêm túc chọn lựa đại biểu ưng ý của mình. Trong trường hợp đó, và chỉ trong trường hợp đó, Hội đồng nhân dân mới đúng là công cụ làm chủ của nhân dân lao động, mới có tiếng nói có sức nặng đại diện cho cử tri.

4 — Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương, cho nên phải tự mình nâng cao hiểu biết công việc quản lý, đề hoặc trực tiếp quản lý công việc hoặc kiểm tra và giám sát công việc quản lý của chính quyền, đủ khả năng thực hiện các chức trách được quy định trong Hiến pháp và luật pháp. Cần phân biệt Hội đồng nhân dân với Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặc dù cơ cấu Hội đồng nhân dân có thể gồm đại diện của nhiều tầng lớp, và trong hoạt động thực tiễn, Hội đồng nhân dân thể hiện chính sách đoàn kết dân tộc, nhưng Hội đồng nhân dân là một tổ chức đơn nhất, hoạt động với tư cách cơ quan Nhà nước, nắm trong tay quyền lực quản lý xã hội, trong khi Mặt trận là sự liên kết có điều kiện giữa các lực lượng xã hội khác nhau mà phương thức hoạt động chủ yếu là hiệp thương để tìm sự nhất trí.

5 — Phải bám sát các điều khoản của Hiến pháp và của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong mối quan hệ giữa Hội đồng và Ủy ban các cấp. Điều 24 của Luật tổ chức, căn cứ vào điều 115 của Hiến pháp, quy định rõ những vấn đề « nhất thiết phải được thảo luận và giải quyết trong các kỳ họp Hội đồng nhân dân »: quyết định kế

(3) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, tập I, tr. 111.

hoạch và dự toán ngân sách của địa phương, phê chuẩn việc thực hiện kế hoạch và quyết toán ngân sách đó, quyết định phương hướng và chủ trương lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; xét báo cáo về công tác của Ủy ban nhân dân... bầu và bãi miễn các thành viên của Ủy ban nhân dân, sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Ủy ban nhân dân, v.v. Thực hiện đúng điều 24 của Luật tổ chức là thực hiện phần chức năng chủ yếu nhất của Hội đồng nhân dân.

Thực hiện đúng Điều 24 có nghĩa là Hội đồng nhân dân không phải là một cơ quan lập ra cốt cho có hình thức.

6 - Để bảo đảm Hội đồng nhân dân nắm được tình hình, việc thực hiện Điều 27, 28 và 29 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có một ý nghĩa rất thực tiễn. Với các Ban chuyên trách và Ban thư ký, Hội đồng nhân dân thêm phương tiện làm việc. Vấn đề hiện nay là tạo điều kiện cụ thể cho các Ban đó hoạt động.

7 - Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến Hội đồng nhân dân về tất cả các công việc của Ủy ban, phải đáp ứng các đòi hỏi tìm hiểu tình hình của Hội đồng và phải trả lời các chất vấn của Hội đồng, cũng như thi hành các khuyến cáo, sửa đổi, thậm chí hủy bỏ của Hội đồng đối với các chủ trương của Ủy ban mà Hội đồng thấy là không thỏa đáng.

Đây là nguyên tắc trong luật định, nó không phải do "hào tâm" của Ủy ban. Cũng cần dứt khoát một quan điểm: mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là mối quan hệ thiết lập bằng cơ chế - không dính dáng đến cương vị về mặt Đảng của cá nhân những người ở hai cơ quan đó.



Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng nói rõ: « phải phấn đấu... làm cho Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động đúng với vị trí là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, quyết định những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng địa phương... » (4).

Thực chất của vấn đề, như Lê-nin nói: « Trên lời nói, thì bộ máy chính quyền xô viết là bộ máy chính quyền của tất cả quần chúng lao động; nhưng thực tế thì mọi người chúng ta không ai còn lạ rằng còn xa mới được như thế. Không phải vì pháp luật gây ra trở ngại, như trước kia dưới chế độ tư sản. Pháp luật của chúng ta, trái lại, đã tạo ra những điều kiện thuận lợi. Nhưng trong vấn đề này, nếu chỉ có pháp luật không thôi thì chưa đủ. Mà cần phải tiến hành một công tác lớn lao về giáo dục, tổ chức, văn hóa, công tác đó không thể nào dùng pháp luật mà hoàn thành nhanh chóng được, nó đòi hỏi một sự cố gắng lớn lao và lâu dài » (5).

Nhận xét của Lê-nin về tình hình nước Nga vào buổi đầu thực hiện nền dân chủ xô viết cũng là nhận xét về tình hình nước ta hiện thời.

Dương nhiên, như phần đầu bài viết này có đề cập, những mặt còn phải tiếp tục hoàn thiện trong cơ chế vốn không phải là ít, nhưng điều có ý nghĩa nhất là mỗi đảng bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của luật pháp.

Chúng ta phải chứng tỏ trong đời sống thực tế sự cần thiết của cơ chế dân chủ - và ở đây, sự cần thiết của Hội đồng nhân dân - như là một biểu hiện không thể thiếu được trên đường bồi đắp ngày mỗi vững bền nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa, một bộ phận của chế độ mới

(4) Sách đã dẫn, tr.112.

(5) V.I. Lê-nin: *Bản về pháp chế xô hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.287

CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG HÀNH ĐỘNG

TRẦN-QUỲNH

NGÀY 3 tháng 11 năm 1978, hai nước Việt-nam và Liên-xô ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác. Đánh giá ý nghĩa của Hiệp ước, đồng chí Lê-Duẩn nói: “Hiệp ước này tạo điều kiện cho hai nước không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác mọi mặt, ra sức ủng hộ lẫn nhau trong công cuộc bảo vệ hòa bình và trong sự nghiệp lao động sáng tạo”. Với việc ký Hiệp ước đó, quan hệ giữa Việt-nam và Liên-xô bước vào một giai đoạn mới hẳn về chất, giai đoạn phát triển cả về bề rộng lẫn bề sâu.

Kỷ niệm lần thứ 5 ngày ký Hiệp ước, chúng ta xiết bao vui mừng nhận thấy sức sống vĩ đại của Hiệp ước thể hiện trong 5 năm qua. Các quan hệ kinh tế, văn hóa, khoa học — kỹ thuật giữa hai nước được tăng cường và mở rộng hơn cả về quy mô, phạm vi lẫn chất lượng và hình thức. Các quan hệ chính trị và sự phối hợp hành động giữa hai nước trên trường quốc tế trở nên chặt chẽ hơn bao giờ hết vì lợi ích của hai nước cũng như của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, vì hòa bình ở khu vực này và thế giới. Đảng cộng sản, chính phủ và nhân

dân Liên-xô đã dành cho nhân dân Việt-nam sự ủng hộ tích cực, sự giúp đỡ to lớn, quý báu và đầy hiệu quả.

Thời gian ký Hiệp ước chính là thời gian nhân dân ta vừa đánh thắng xong đế quốc Mỹ, lại phải đối phó ngay với cuộc chiến tranh xâm lược hai gọng kìm của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh. Phân bội lại tình hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc Việt-nam — Trung-quốc, chúng đã cắt đứt mọi quan hệ hợp tác và giúp đỡ nhau, rút chuyên gia, bỏ dở các công trình đang xây dựng. Và khi bị thất bại trong chiến tranh xâm lược, cùng với đế quốc Mỹ, chúng vận động thi hành chính sách bao vây kinh tế triệt để đối với nước ta, đồng thời chúng tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta, hòng làm cho nước ta « chảy máu » và kiệt quệ đè ép ta nhượng bộ về chính trị, ngoại giao, hy vọng tạo thời cơ tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa hòng thôn tính nước ta, thực hiện giấc mơ lâu đời của chúng bành trướng xuống Đông Nam Á.

Nhưng mưu đồ của chúng đã bị thất bại. 5 năm qua, chúng ta đã đạt được

những thành tựu to lớn trong công cuộc phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược hai gọng kìm của Trung-quốc, đã giúp nhân dân Cam-pu-chia anh em thoát khỏi họa diệt chủng của Pôn Pốt và hồi sinh nhanh chóng, đã hợp tác có hiệu quả với nhân dân Lào anh em trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế theo chủ nghĩa xã hội. Đạt được những thành tựu ấy không phải là dễ. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự phấn đấu bền bỉ, sáng tạo của nhân dân ta là nhân tố quyết định nhất, nhưng không thể không thấy ý nghĩa vô cùng quan trọng của sự giúp đỡ hào hiệp của Liên-xô được tiếp tục và tăng cường theo tinh thần của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác.

Giữa lúc nhân dân ta đứng trước những khó khăn to lớn, là bạn đồng minh hùng mạnh và đáng tin cậy nhất của Việt-nam, Liên-xô đã kiên quyết đứng bên cạnh nhân dân Việt-nam, đáp ứng kịp thời và khảng khái những nhu cầu quốc phòng của chúng ta, đã cung cấp cho nước ta những vật tư kỹ thuật và hàng hóa thiết yếu nhất cho sản xuất và đời sống, để cho nền kinh tế của chúng ta hoạt động bình thường. Ngày nay, hầu như 100% xăng dầu, trên 70% phân bón, trên 80% sản phẩm luyện kim và nhiều loại nguyên liệu, máy móc, thiết bị khác mà nước ta nhập khẩu đều là do Liên-xô cung cấp. Về phần mình, chúng ta cũng đã có những cố gắng lớn nhằm tăng xuất khẩu sang Liên-xô; trong lĩnh vực này đã bước đầu hình thành một số mặt hàng với khối lượng ngày càng có ý nghĩa. *Kim ngạch ngoại thương* giữa nước ta và Liên-xô trong 5 năm qua đã tăng gấp đôi so với 5 năm trước.

Việc Liên-xô cung cấp cho chúng ta những vật tư kỹ thuật thiết yếu là một trong những nhân tố quyết định giúp chúng ta đạt được những tiến bộ

quan trọng trong việc tăng sản xuất để tự bảo đảm lương thực, khâu trung tâm và nóng hổi nhất của mặt trận hàng đầu của chúng ta trong chặng đường đầu tiên này của thời kỳ quá độ là phát triển nông nghiệp. Mặt khác, điều quan trọng có ý nghĩa chiến lược lâu dài là Liên-xô đã, đang và sẽ giúp ta xây dựng hàng trăm công trình bao quát phần lớn các ngành kinh tế quốc dân, kể cả các công trình hạ tầng cơ sở và công trình có quy mô tương đối lớn với trang bị kỹ thuật hiện đại. Những công trình đang xây dựng khi bước vào sản xuất sẽ phát huy tác dụng to lớn đối với mọi mặt kinh tế - xã hội của đất nước ta. Chúng là những *cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng đầu tiên* cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta nên hiểu ý nghĩa to lớn của điều này. Việc xây dựng những cơ sở này của kinh tế quốc dân đòi hỏi những vốn đầu tư lớn và chỉ sau một thời gian nhất định mới phát huy được tác dụng. Song chỉ có xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội mà chủ yếu nhất, như Lê-nin đã dạy, là nền đại công nghiệp cơ khí hóa thì mới biến nước ta từ một nước sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến, thì cuối cùng mới giải quyết được một cách vững chắc vấn đề nâng cao không ngừng mức sống của nhân dân.

Cùng với lương thực, vấn đề năng lượng là một trong những vấn đề gay gắt nhất của nền kinh tế nước ta. Năng lượng của nước ta hiện nay mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của sản xuất và đời sống. Từ năm 1978 đến nay, với sự giúp đỡ của Liên-xô, chương trình phát triển năng lượng của Việt-nam đã được đẩy mạnh một cách toàn diện và khấn trương. Nhà máy nhiệt điện Phả-lại với công suất thiết kế

610 000 ki lô oát đã hoàn thành một khối lượng công việc xây dựng hết sức to lớn. Ngày 28-10-1983 vừa rồi, tổ máy số 1 có công suất 110 000 ki lô oát đã phát điện thành công. Sau một số năm nữa, với việc lắp xong toàn bộ các tổ máy theo thiết kế, Nhà máy nhiệt điện Phả-lại sẽ cung cấp cho miền Bắc một năng lượng điện nhiều hơn toàn bộ năng lượng điện hiện có.

Một năm sau khi ký Hiệp ước, chúng ta đã khởi công xây dựng công trình thủy điện Hòa-bình với công suất gần 2 triệu ki lô oát, một công trình lớn nhất vùng Đông Nam Á. Công trình Hòa-bình không chỉ có tác dụng phát điện mà còn có tác dụng chống lũ cho đồng bằng Bắc-bộ và phát triển giao thông thủy trên sông Hồng và sông Đà. Liên-xô cũng đã thỏa thuận giúp ta xây dựng nhà máy thủy điện Trị-an ở miền Nam, một công trình năng lượng đồng thời là một công trình bổ sung nước cho nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt ở miền Đông Nam-bộ. Luận chứng kinh tế - kỹ thuật của công trình này đã được thông qua: chúng ta đang chuẩn bị khẩn trương để có thể khởi công xây dựng giữa năm 1981. Công suất phát điện của công trình này sẽ lớn hơn toàn bộ công suất phát điện của tất cả các công trình điện hiện có ở miền Nam.

Đồng thời, những đường dây chuyên tải và các trạm biến áp 110 ki lô vôn và 220 ki lô vôn đã và đang được xây dựng khẩn trương. Tổng sơ đồ phát triển điện lực của Việt-nam đã và đang được Bộ năng lượng Liên-xô giúp đỡ xây dựng.

Than là chất mang năng lượng chủ yếu của chúng ta hiện nay.

Để tăng than cung cấp cho nền kinh tế quốc dân, Liên-xô tiếp tục giúp ta xây dựng những mỏ than mới và mở rộng các mỏ than cũ, với tổng công suất 5 triệu tấn/năm. Trong đó có mỏ than Mông-dương công suất

đợt một 145 000 tấn/năm đang đi vào khai thác.

Chỉ trên giác độ năng lượng mà xét, khó mà lường hết được tầm quan trọng của việc Liên-xô giúp chúng ta thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam. Tháng 6-1981, Liên doanh dầu khí Việt - Xô ra đời. Với sự cố gắng của các ngành hữu quan của hai nước, khu dịch vụ trên bờ Vũng-tàu đã hoàn thành. Giếng khoan đầu tiên bằng tàu khoan đang được tích cực chuẩn bị để sớm triển khai. Dàn khoan cố định số 1 cũng đang được khẩn trương lắp ráp để sớm bắt đầu khoan. Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt - Xô là một bông hoa tươi thắm của sự hợp tác Việt - Xô.

Giao thông vận tải đóng vai trò rất quyết định, đồng thời đang là khâu rất yếu trong sự phát triển nền kinh tế nước ta.

Trên mặt trận này, chúng ta cũng đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô. Bằng viện trợ không hoàn lại, Liên-xô giúp ta tiếp tục xây dựng các công trình giao thông vận tải do Trung-quốc cắt bỏ viện trợ và đình chỉ xây dựng. Trong đó, cầu Thăng-long là một công trình lớn đã được các chuyên gia Liên-xô sửa lại thiết kế theo hướng hợp lý hơn và hiện đại hơn. Hiện nay, toàn bộ 15 nhịp cầu 2 tầng đã được lắp xong và chỉ trong một thời gian rất ngắn nữa, trong khi chờ đợi hoàn thành cầu vào năm 1985 cho giao thông ô tô và đường sắt, các loại ô tô dưới 13 tấn đã có thể qua lại cầu, như vậy, các luồng vận chuyển ra vào thủ đô Hà-nội qua sông Hồng sẽ được cải thiện đáng kể. Liên-xô cũng giúp ta cải tạo, mở rộng và trang bị các cảng biển, khôi phục đường sắt Thống nhất, xây dựng đầu mối giao thông Hà-nội, cung cấp cho ta những loại phương tiện vận tải lớn nhỏ.

Cơ khí là ngành kinh tế then chốt đối với một nước xã hội chủ nghĩa.

Liên-xô đã giúp ta xây dựng nhà máy đóng cơ điề đen Sông Công với công suất thiết kế 100000 sức ngựa/năm (toàn bộ dây chuyền sang năm sẽ đi vào sản xuất); nhà máy cơ khí Cẩm-phả sửa chữa, đại tu ô tô mô, sẽ khởi công xây dựng nhà máy phụ tùng ô tô 6000 tấn/năm.

Chúng ta còn có thể kể ra nhiều công trình to lớn khác đã được xây dựng toàn bộ hoặc từng phần hoặc đã được ký kết để xây dựng trước mắt hoặc lâu dài như: trạm liên lạc vệ tinh mặt đất Hoa sen; nhà máy xi măng Bim-sơn với công suất thiết kế 1 triệu 20 vạn tấn/năm (lò xi măng số 1 đã được đưa vào vận hành, và năm 1984, cả 2 lò của nhà máy sẽ hoạt động); nhà máy cầu kiện bê tông làm nhà ở Xuân-mai với công suất 100.000m² nhà ở/năm; nhà máy thiếc Quý-hợp 500 - 1000 tấn/năm (luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được hoàn thành); khôi phục và mở rộng mỏ a pa tit Lào-cai và xây dựng nhà máy làm giàu quặng với công suất 1 triệu 80 vạn tấn/năm; mở rộng nhà máy xu pe phốt phát Lâm-thao từ 10 vạn tấn/năm lên 30 vạn tấn/năm; nhà máy kính Đáp-cầu 4 vạn tấn/năm; nhà máy sản xuất máy rèn ép; nhà máy sản xuất sản phẩm đúc và rèn; nhà máy van công nghiệp; nhà máy sản xuất máy kéo; cải tạo đường sắt Lào-cai, Hải-phòng thành đường 1435; nhà máy phân đạm; nhà máy xút; nhà máy xen luy lò; nhà máy vát cô; cơ sở gang thép; các cơ sở lọc dầu và hóa dầu; tuyến thông tin vi ba Hà-nội - thành phố Hồ Chí Minh v.v. Còn phải kể đến một loạt công trình về nông nghiệp, về công nghiệp thực phẩm, về thông tin bưu điện, về văn hóa - đời sống.

5 năm qua cũng là thời kỳ mở rộng hợp tác về khoa học - kỹ thuật giữa Việt-nam và Liên-xô. Chúng ta đã vượt qua thời kỳ hợp tác trên những đề tài nhỏ; giữa hai nước đã xác định được những chương trình, những đề tài khoa học dài hạn để cùng phối

hợp nghiên cứu trong nhiều năm (27 vấn đề và 73 đề tài). Nhiều đề tài về điều tra cơ bản có ý nghĩa khoa học và thực tiễn như điều tra đề xây dựng bộ thực vật chí Việt-nam, điều tra sinh thái và hệ động vật rừng Tây-nguyên, nghiên cứu các vấn đề địa chất cơ bản và các quy luật sinh khoáng ở Việt-nam, điều tra các tài nguyên biển v.v. Với sự giúp đỡ kỹ thuật của Liên-xô, chúng ta đang khôi phục và mở rộng trung tâm hạt nhân ở Đà-lạt dùng vào việc nghiên cứu khoa học. Một trong những biểu hiện sáng ngời về hợp tác khoa học - kỹ thuật là chuyến bay vào vũ trụ của Phạm-Tuân và Gơ-rơ-bát-cô. 5 năm qua, đã có hơn 5000 chuyên gia Việt-nam theo học và nghiên cứu những thành tựu khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất ở Liên-xô. Và gần 2000 nhà khoa học và chuyên gia Liên-xô đã được cử sang công tác ở Việt-nam.

5 năm qua, những hình thức quan hệ kinh tế giữa Việt-nam và Liên-xô có tính chất phong phú và đa dạng hơn. Hai nước đã phối hợp kế hoạch kinh tế 1981 - 1985; bên cạnh quan hệ song phương, hai nước đã bước đầu tham gia hợp tác trên cơ sở nhiều bên trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Đã xuất hiện những hình thức hợp tác mới như hợp tác trên cơ sở bồi hoàn (trồng cao su) và hình thức liên doanh (dầu khí).

Sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô đối với nước ta trong 5 năm vừa qua có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Sự giúp đỡ ấy thật là vô giá. Nó biểu hiện tình thân quốc tế chủ nghĩa cao cả của Đảng cộng sản Liên-xô quang vinh, đường của Lê-nin vĩ đại đang luôn luôn giương cao ngọn cờ hòa bình và cách mạng trên thế giới, của nhân dân Liên-xô vĩ đại vốn có tình cảm sâu sắc đối với nhân dân ta, luôn luôn coi việc ủng hộ và giúp đỡ Việt-nam là sự nghiệp của lý trí và trái tim

minh. Về phần chúng ta, chúng ta đã có những cố gắng to lớn để tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của Liên-xô, bảo đảm thực hiện những điều cam kết đã thỏa thuận, đặc biệt là đối với việc xây dựng nhiều công trình trọng điểm và việc tăng kim ngạch xuất khẩu sang Liên xô.



Nước ta là một nước từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, lại vừa ra khỏi chiến tranh với những hậu quả rất nặng nề, đồng thời vẫn phải tiếp tục chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc và làm nghĩa vụ quốc tế của mình. Vì vậy chúng ta đang đứng trước rất nhiều khó khăn về kinh tế. Nền kinh tế của chúng ta còn đang có những mất cân đối nghiêm trọng. Thu nhập quốc dân của nước ta hiện nay chưa đủ đáp ứng nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng, chưa có tích lũy. Toàn bộ nhu cầu về nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu, thiết bị và phụ tùng chủ yếu, một phần quan trọng hàng tiêu dùng thiết yếu đều phải trông vào nguồn nhập khẩu từ bên ngoài. Nhiều vấn đề cấp bách đang được đặt ra trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra gay gắt.

Chúng ta hiểu rằng muốn tiến hành công nghiệp hóa nước nhà để tiến lên chủ nghĩa xã hội, muốn giải quyết những vấn đề kinh tế và xã hội của một nước nay mai sẽ có số dân 60 triệu người, không có một sự giúp đỡ quốc tế nào có thể thay thế được sự nỗ lực của bản thân. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng không thể làm được những công việc ấy nếu không có sự hợp tác và giúp đỡ quốc tế. Liên-xô là nước có khả năng và điều kiện lớn nhất giúp đỡ và hợp

tác với ta với tinh thần quốc tế chủ nghĩa cao cả.

Vì vậy, như nghị quyết Đại hội V của Đảng ta đã đề ra, « Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta ». Vì lợi ích của nhân dân hai nước, chúng ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện Việt-nam - Liên-xô. Đó là bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta cũng như cho việc củng cố độc lập dân tộc và vị trí của chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông-dương, đồng thời đó là một đóng góp tích cực vào việc củng cố và tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, tăng cường cuộc đấu tranh vì hòa bình và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Gắn bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên-xô là nguyên tắc, là chiến lược, đồng thời là tinh cảm cách mạng. Chúng ta có nhiệm vụ giáo dục nhân dân ta nắm vững nguyên tắc này, thấu suốt chiến lược này, biến thành một động lực mạnh mẽ đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta tiến lên.

Chúng ta đoàn kết và phát triển hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Triển vọng hợp tác kinh tế của nước ta với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế rất tốt đẹp. Chúng ta có nhiệm vụ phải sử dụng tốt sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước anh em khác, đề nâng cao hiệu quả nền kinh tế của nước ta, đồng thời tham gia có hiệu quả sự phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là về những sản phẩm mà nước ta có điều kiện với tư cách là một nước ở vùng nhiệt đới. Chúng ta ưu tiên dành sự hợp tác cho việc phát triển tiềm năng xuất khẩu của chúng ta. Đó là phương hướng phấn đấu cơ bản để tạo điều

kiện tiến tới hợp tác trên cơ sở cân bằng. Điều quan trọng hơn nữa, chúng ta phải khắc phục triệt để tư tưởng ý lại, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, sử dụng tốt hai cái vốn lớn nhất của ta là lao động và đất đai. Chúng ta cần nghiêm chỉnh thực hiện những hợp đồng đã ký kết. Đặc biệt, chúng ta cần nâng cao chất lượng những mặt hàng xuất khẩu.

Sự hợp tác với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác có ý nghĩa chính trị vô cùng quan trọng giữa lúc chủ nghĩa đế quốc Mỹ tỏ ra cực kỳ hiếu chiến, điên cuồng chống chủ nghĩa xã hội, giữa lúc chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Bắc-kinh tìm mọi cách gây chia rẽ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là giữa Liên-xô và Việt-nam.

Chúng rất tức tối trước sự phát triển rất tốt đẹp của quan hệ Việt - Xô, bởi vì điều đó là trở ngại lớn nhất cho giấc mộng của chúng thôn tính nước ta và bành trướng xuống Đông Nam Á. Quan hệ giữa hai nước

Việt-nam và Liên-xô là quan hệ dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, là quan hệ giữa hai đảng mác xít - lê nin nit, giữa hai nước cùng chung lý tưởng. Quan hệ ấy không nhằm đe dọa ai cả, mà chỉ phục vụ cho sự nghiệp hòa bình và cách mạng của nhân dân toàn thế giới. Chỉ có những kẻ thù của hòa bình, của tiến bộ xã hội mới chống lại quan hệ ấy.

Không gì có thể làm lung lạc tinh cảm đoàn kết, hữu nghị của nhân dân ta với Liên-xô vĩ đại. Kể từ Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười đến nay, lòng yêu nước, ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta luôn luôn gắn chặt với những tình cảm nồng thắm và sự tin cậy sâu sắc đối với Liên-xô. Phù hợp với truyền thống tốt đẹp của nước ta là uống nước nhớ nguồn, tình nghĩa thủy chung với bè bạn, được hun đúc trong hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, chúng ta quyết giữ gìn và vun trồng cho tình hữu nghị Việt - Xô đời đời xanh tươi.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỮNG MẠNH

PHẠM - THẾ - DUYỆT

SAU thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Chủ nghĩa xã hội là nguyện vọng thiết tha, là lợi ích cơ bản cao nhất của giai cấp công nhân và nhân dân ta. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bởi vì, như Lê-nin đã chỉ rõ: “Người ta không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách nào khác hơn là bằng đại công nghiệp” (1). Trong nhiệm vụ trung tâm và then chốt đó, giai cấp công nhân giữ vai trò quyết định, bởi vì nó vừa là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, vừa là người tạo ra nền đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, nền công nghiệp nước ta không ngừng phát triển. Cùng với sự phát triển của nền công nghiệp, giai cấp công nhân ta đã lớn mạnh về nhiều mặt và có đóng góp lớn vào sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội. Đội ngũ

công nhân, viên chức hiện nay có hơn 3 triệu người, trong đó 1,7 triệu là công nhân kỹ thuật. Trong số 1,7 triệu công nhân kỹ thuật có 12% là công nhân có tay nghề từ bậc 4 trở lên, và trên 50% là công nhân trẻ được đào tạo ở các trường, lớp chính quy. Tuy chỉ chiếm khoảng 6% số dân và 15% số người lao động trong xã hội, đội ngũ giai cấp công nhân ta đã làm ra hơn 50% tổng sản phẩm xã hội, gần 40% tổng thu nhập quốc dân.

Hiện nay, đất nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của mấy chục năm chiến tranh liên tiếp và tác động của cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc, nền kinh tế của ta đang có những mất cân đối nghiêm trọng và đang gặp phải những khó khăn to lớn, gay gắt về nhiều mặt. Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, nguyên liệu, năng lượng, vật tư đều thiếu, và

(1) Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 126.

nhìn chung các xí nghiệp chỉ mới sử dụng gần 50% công suất thiết bị máy móc. Năng suất lao động giảm sút. Tiêu hao vật tư nhiều, giá thành sản phẩm cao. Việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản chưa làm được mấy và thiếu đồng bộ. Nhiều công nhân không đủ việc làm, đời sống công nhân gặp nhiều khó khăn. Đây là một thử thách rất lớn đối với đội ngũ công nhân, viên chức chúng ta.

Trước tình hình ấy, đại bộ phận công nhân, viên chức ta đã giữ vững bản chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì chịu đựng gian khổ, thiếu thốn, không lùi bước trước mọi thử thách. Hằng ngày, hằng giờ, ở mọi miền của đất nước, trên mọi lĩnh vực công tác, đông đảo công nhân, viên chức ta, bằng hành động cụ thể trong sản xuất, trong tổ chức đời sống, trong đấu tranh chống tiêu cực, đã và đang chứng tỏ một cách rõ ràng, sâu sắc rằng đội ngũ công nhân, viên chức ta luôn luôn xứng đáng là lực lượng tiên tiến nhất trong xã hội ta, xứng đáng là chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước, là lực lượng quyết định sự phát triển của sức sản xuất, quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nhờ vậy, năm 1982, đã có gần 90% số cơ sở sản xuất, kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao. Các công trình xây dựng lớn, có ý nghĩa quan trọng như Nhà máy xi măng Bỉm-sơn, Nhà máy xi măng Hoàng-thạch, mỏ than Cao-sơn, Nhà máy điện Phả-lại, cầu Thăng-long v.v. đã hoặc sắp được đưa vào sản xuất, sử dụng. Những nhân tố mới xuất hiện ngày càng nhiều, như ở: Xí nghiệp liên hiệp gang thép Thái-nguyên; Xí nghiệp dệt Thành công và Xí nghiệp được phẩm 2-9 ở thành phố Hồ-Chí-Minh; Nhà máy điện cơ Thống-nhất, Nhà

máy phân lân Văn-diễn và Nhà máy y cụ ở thành phố Hà-nội; Nhà máy cơ khí Hải-phòng; Đoạn toa xe Hải-phòng; Nhà máy xu pe phốt phát Lâm-thao ở Vĩnh-phú v.v. Các nhân tố mới đó đã nêu những tấm gương về vận dụng đúng đắn và sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về thái độ lao động xã hội chủ nghĩa, về tinh thần tự chịu trách nhiệm từ cơ sở sản xuất, mở ra những hướng đi, những triển vọng mới trong những năm tới.

Hiểu rõ ý nghĩa to lớn của nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp và tầm quan trọng của công nghiệp phục vụ nông nghiệp, đông đảo công nhân, viên chức đã hăng hái tham gia các phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp như phong trào thi đua với cùm thủy nông cầu Ghề, phong trào thi đua lái máy kéo giỏi, phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp ở địa bàn huyện, phong trào xây dựng cảnh đẹp đồng công - nông cơ sở v.v. Nhiều công trình nghiên cứu của các cán bộ khoa học, kỹ thuật về giống cây, giống con, về bảo vệ thực vật, bảo vệ gia súc v.v. đã góp phần quan trọng vào việc thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, phát triển chăn nuôi. Bằng các hoạt động phong phú đó, công nhân, viên chức đã góp phần tích cực cùng giai cấp nông dân tập thể tạo nên thắng lợi to lớn trên mặt trận sản xuất nông nghiệp mấy năm qua, thắt chặt thêm khối liên minh công nông trong giai đoạn mới của cách mạng.

Tuy nhiên, trong đội ngũ giai cấp công nhân đang còn những mặt yếu kém. Một bộ phận công nhân, viên chức chưa được giáo dục tốt về vai trò tiên phong của giai cấp, về trách nhiệm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, lại thiếu ý thức tự đấu tranh, rèn luyện, cho nên trước những khó khăn chung của đất nước, đã thiếu vững vàng, có những việc làm trái với

lương tâm người thợ, xa lạ với phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân. Có những người lười biếng, thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm nghiêm trọng các quy trình sản xuất và kỷ luật lao động. Không ít người trực tiếp nắm tiền, hàng, vật tư đã tham ô, móc ngoặc, thậm chí thông đồng với bọn tư sản, gian thương, làm tổn hại lớn đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể.

Tệ mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè, vi phạm trật tự xã hội, vi phạm pháp luật Nhà nước vẫn còn trong công nhân, viên chức. Một số người đã xa rời đội ngũ, bỏ xí nghiệp, cơ quan ra làm ngoài, thậm chí buôn bán phe phẩy, sản xuất, kinh doanh trái phép; trong đó, có một số người là cán bộ có chức, có quyền.

Nhìn chung toàn đội ngũ thì sự giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức còn thấp, trình độ tay nghề chưa cao. Đồng đạo công nhân ta chưa quen với tác phong công nghiệp, còn mang nặng tư tưởng, tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ, chịu ảnh hưởng nặng nề của những tàn dư xã hội cũ.

Những khuyết điểm, nhược điểm trên đây của đội ngũ công nhân, viên chức bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Trên 70% công nhân ta xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác. Trên 60% là công nhân trẻ mới vào nghề. Từ nông thôn, từ trường học đi vào sản xuất công nghiệp, từ sản xuất nhỏ đi vào sản xuất lớn, từ người tư hữu nhỏ thành người làm chủ tập thể, thời gian để trưởng thành chưa nhiều, họ không khỏi mang những tư tưởng, tâm lý, thói quen của thành phần giai cấp xuất thân. Trước những khó khăn về sản xuất, về đời sống, một số người dễ có những biểu hiện động dao, dễ sa vào những việc làm tiêu cực.

Một nguyên nhân có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của đội

ngũ công nhân, viên chức là những thiếu sót trong công tác tổ chức, quản lý sản xuất. Ở nhiều xí nghiệp, nhà máy, kế hoạch sản xuất chưa được xây dựng từ dưới lên, hoặc có cũng chỉ là hình thức. Kế hoạch thường giao chậm, thường phải điều chỉnh; giữa chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch với việc cung ứng năng lượng, vật tư, kỹ thuật thường không cân đối, do đó dễ phá vỡ tính kỷ luật, tính pháp lệnh của kế hoạch, gây khó khăn cho công tác quản lý của xí nghiệp. Thêm vào đó, điều kiện lao động của công nhân không ổn định, có những lúc không có việc làm; những định mức kinh tế - kỹ thuật thiếu chặt chẽ, thiếu chính xác; công tác quản lý sản xuất do đó bị buông lỏng, làm nảy sinh tính tự do, tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật.

Những năm gần đây, đời sống của công nhân, viên chức có rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, có lúc rất gay gắt. Ở nhiều nơi, điều kiện sống và làm việc của người công nhân không được bảo đảm, tình trạng bất hợp lý trong cơ chế tiền lương, trong việc cung cấp hàng tiêu dùng v.v. kéo dài, chậm được khắc phục, làm cho họ phải mất không ít sức lực và thời gian để lo cuộc sống hằng ngày. Sự tác động của thị trường tự do, của các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, của những tiêu cực ngoài xã hội v.v. cũng ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm, tâm lý của họ. Trong khi đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ công nhân, viên chức có nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Ở nhiều nơi, công tác giáo dục công nhân, viên chức không được coi trọng đúng mức, thậm chí có nơi hầu như buông lỏng. Nhìn chung trong cả nước, công tác giáo dục công nhân, viên chức chậm chuyển hướng cả về nội dung và hình thức, không theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, không sát với từng đối tượng. Việc cổ vũ, động viên những nhân tố

mới, những điển hình tiên tiến, việc giáo dục, phát động quần chúng đấu tranh chống tiêu cực, chống dịch phá hoại chưa được tiến hành mạnh mẽ. Công đoàn — người chịu trách nhiệm chính trong việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ công nhân, viên chức chưa làm tốt nhiệm vụ của mình. Hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp còn thiếu thiết thực, thiếu cụ thể, còn mang nặng tính sự vụ, quan liêu, chưa đi sát sản xuất, sát công nhân, chưa tác động mạnh mẽ vào việc đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, chưa thúc đẩy đúng mức việc xây dựng người công nhân mới, xã hội chủ nghĩa.



Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh vừa là đòi hỏi cấp bách của tình hình trước mắt, vừa là đòi hỏi rất quan trọng của bước phát triển trong tương lai của cách mạng nước ta. Các mục tiêu kinh tế — xã hội, khoa học, kỹ thuật có được thực hiện hay không, phong trào thi đua lao động sản xuất có được đẩy mạnh hay không, công tác quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp có được cải tiến hay không v.v., điều đó tùy thuộc ở chất lượng của đội ngũ giai cấp công nhân.

Việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân hiện nay chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc sắp xếp lại sản xuất, sắp xếp lại lao động, bảo đảm cho công nhân có đủ việc làm ổn định, có điều kiện phát huy tốt sức lực và tài năng của mình. Như chúng ta đã biết, lao động sản xuất vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi cơ bản của người công nhân, là yếu tố chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế và là phương tiện hết sức cần thiết để giáo dục, rèn luyện người công nhân. Các Mác đã từng coi giáo dục qua lao

động sản xuất là phương pháp tốt nhất để đào tạo con người hoàn thiện.

Hiện nay, chúng ta chưa thể sớm khắc phục được những khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, vật tư để tận dụng năng lực sản xuất của các cơ sở công nghiệp, bảo đảm đủ việc làm cho công nhân. Song, thực tiễn đã chứng minh, những nơi nào có quyết tâm khai thác mọi tiềm năng, biết cách sắp xếp lại sản xuất, thì ở những nơi đó, những khó khăn nói trên giảm đi rất nhiều. Không ít xí nghiệp, nhà máy từ chỗ thiếu việc làm, do biết chuyển hướng sản xuất, mở thêm những mặt hàng mới đáp ứng đúng yêu cầu của kế hoạch Nhà nước và nhu cầu của nhân dân, đã tạo ra công ăn việc làm cho công nhân, nâng cao rõ rệt mức thu nhập của từng người.

Việc sắp xếp lại sản xuất, sắp xếp lại lao động đòi hỏi chúng ta phải chuyển kịp thời lực lượng lao động ở những nơi thừa sang nơi thiếu, bảo đảm cho sự phát triển đồng đều của các lĩnh vực sản xuất và của các vùng lãnh thổ. Đồng thời, phải có chính sách dễ kiên quyết giảm nhẹ biên chế hành chính, chuyển gộp một bộ phận từ gián tiếp sang trực tiếp sản xuất. Hiện nay, trong sự nghiệp xây dựng lại đất nước, chúng ta đang rất cần một lực lượng lao động to lớn, chúng ta có điều kiện bảo đảm việc làm cho mọi người lao động nếu chúng ta có sự tính toán khoa học và có thái độ kiên quyết trong việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động.

Xây dựng tốt phương thức quản lý, chế độ quản lý cũng là đòi hỏi tất yếu của việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân. Như chúng ta đã biết, sức mạnh của đội ngũ giai cấp công nhân nói chung, sự trưởng thành của từng công nhân, viên chức nói riêng phụ thuộc không ít vào cách quản lý. Một phương thức quản lý tốt, với những chính sách, chế độ

đúng đắn, hợp lý, kích thích được lao động sản xuất, xây dựng được những quan hệ tốt đẹp trong từng tập thể lao động, sẽ thúc đẩy đội ngũ công nhân, viên chức hoạt động một cách đồng bộ, có nhiệt tình, có kỷ luật, có sự hợp tác xã hội chủ nghĩa, đi dần vào lối làm việc chính quy hiện đại, phát huy được những mặt tốt, mặt mạnh, hạn chế đến mức thấp nhất những biểu hiện tiêu cực.

Việc giáo dục, rèn luyện về chính trị, tư tưởng có tác dụng quyết định đối với việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân. Trước mọi khó khăn, thử thách, người công nhân có giác ngộ xã hội chủ nghĩa sẽ có đủ bản lĩnh và sức sáng tạo vươn lên khắc phục mọi khó khăn. Điều quan trọng là phải đổi mới cả nội dung và phương pháp giáo dục, làm cho việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ công nhân bám sát thực tế cuộc sống, có tác dụng thiết thực. Trước mắt, cần tăng cường giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, về truyền thống cách mạng, về đạo đức và nếp sống xã hội chủ nghĩa, về ý thức tôn trọng kỷ luật lao động, tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tôn trọng pháp luật và trật tự xã hội v.v.

Đề nâng cao năng lực sản xuất và năng lực làm chủ tập thể trong sản xuất cho đội ngũ công nhân, cần trang bị cho họ những kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật và kiến thức quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp.

Công tác giáo dục công nhân, với nội dung phong phú như trên, không thể tiến hành bằng cách giảng dạy lý luận chung chung, bằng những hình thức, biện pháp giản đơn, cứng nhắc, mà phải là sự giáo dục kiên trì, tỉ mỉ hằng ngày, thông qua từng việc làm

cụ thể, từng phong trào thi đua, từng cuộc vận động cách mạng, thông qua việc không ngừng hoàn thiện và nâng cao cơ chế làm chủ tập thể ở xí nghiệp, cơ quan, qua các hoạt động thực tiễn của tổ chức công đoàn và các hoạt động văn hóa, xã hội khác...

Đi đôi với công tác giáo dục, cần hết sức *chăm lo đời sống của công nhân, viên chức*. Trước mắt cần có những biện pháp có hiệu quả nhằm giảm bớt những khó khăn trong đời sống, dần dần ổn định và từng bước cải thiện đời sống của công nhân, viên chức. Đây là một vấn đề hết sức cấp bách, là mối chăm lo chung của Đảng, Nhà nước và Công đoàn. Không giải quyết tốt vấn đề đời sống thì không thể đẩy mạnh được sản xuất, không thể khắc phục được một cách triệt để các biểu hiện tiêu cực, không thể xây dựng được đội ngũ công nhân vững mạnh. Lê-nin đã từng chỉ ra rằng: *« Trong một nước bị tàn phá, nhiệm vụ đầu tiên là phải cứu người lao động. Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động. Nếu họ còn thì chúng ta sẽ cứu vãn và khôi phục lại được tất cả... Nếu chúng ta cứu được lực lượng sản xuất chủ yếu của nhân loại, là công nhân, thì chúng ta sẽ lại có được tất cả mọi cái; nhưng chúng ta sẽ tiêu vong, nếu chúng ta không biết cứu công nhân »* (2).

Muốn vậy, cần tiến hành một cách đồng bộ và tích cực nhiều biện pháp. Trước hết, cần tạo cho người lao động có đủ việc làm, nhanh chóng cải tiến chế độ tiền lương, đẩy mạnh việc trả lương theo sản phẩm, thực hiện lương khoán, sử dụng đúng đắn các quỹ khen thưởng và phúc lợi ở cơ sở. Đồng thời, bảo đảm các mặt hàng cung cấp theo định lượng, mở rộng các mặt hàng phân phối không

(2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 38, tr. 430.

định lượng, ổn định giá cả, hướng dẫn và tổ chức tốt việc làm kinh tế phụ gia đình của công nhân, viên chức, giải quyết công ăn việc làm cho con cái họ đến tuổi lao động, tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ phục vụ công nhân, viên chức và gia đình họ.

Đĩ nhiên, muốn ổn định và cải thiện một cách vững chắc đời sống của công nhân, viên chức, thì khâu quyết định là đẩy mạnh sản xuất. Song hiện nay, đối với chúng ta, cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, cần đặc biệt coi trọng khâu phân phối, lưu thông. Có giải quyết tốt khâu này, Nhà nước mới nắm được hàng, được tiền, mới làm chủ được sản xuất và phân phối theo kế hoạch, mới làm chủ được thị trường và giá cả v.v. nghĩa là mới có những tiền đề và điều kiện để cải thiện đời sống của công nhân, viên chức.

Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân không chỉ là chăm lo đội ngũ hiện có mà còn là *chăm lo sự phát triển trong tương lai* của đội ngũ đó. Hằng năm, đội ngũ công nhân, viên chức ta được bổ sung những người mới theo quy mô, mức độ phát triển kinh tế của đất nước. Sự phát triển đội ngũ đó phải là sự phát triển toàn diện cả về số lượng và chất lượng. Muốn vậy, các cơ quan Nhà nước cần làm tốt việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng các chính sách kinh tế, chính sách sản xuất, chính sách lao động v.v. theo quan điểm có sự cân đối đúng đắn giữa kinh tế và xã hội, giữa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật với đầu tư xây dựng đội ngũ công nhân cả về đời sống vật chất và tinh thần.

Việc phát triển đội ngũ công nhân, viên chức như vậy đòi hỏi chúng ta phải quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng con người ngay từ trong hệ thống các trường phổ thông, các

trường đại học và trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề chính quy và các trường lớp kèm cấp, đào tạo ngay tại xí nghiệp. Các trường này phải làm tốt từ việc giáo dục hướng nghiệp đến việc giáo dục chính trị, tư tưởng như nâng cao giác ngộ về vai trò của giai cấp công nhân, về truyền thống giai cấp công nhân và tạo điều kiện cho học sinh làm quen dần với sản xuất công nghiệp, với đời sống công nhân.

Quá trình xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân hiện nay gắn rất chặt với quá trình đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta. Một mặt hết sức coi trọng giáo dục đội ngũ công nhân, viên chức có nhận thức rõ ràng, có thái độ dứt khoát với cuộc đấu tranh này; mặt khác đặc biệt coi trọng cải tạo, giáo dục bằng công tác tổ chức lâu dài, thận trọng tăng lớp những người tiểu sản xuất hàng hóa. Lớp người đó, như Lê-nin đã từng nhận định « họ bao quanh giai cấp vô sản về mọi phía bằng một bầu không khí tiểu tư sản, làm cho giai cấp vô sản bị tiếm nhiệm, bị hủ hóa bởi bầu không khí đó, luôn luôn làm cho giai cấp vô sản tái phạm những tính xấu cố hữu của giai cấp tiểu tư sản như: tính nhu nhược, tính tàn bạo, chủ nghĩa cá nhân, từ lạc quan chuyển sang bi quan » (3).



Là vấn đề lớn có tầm chiến lược quan trọng đối với việc thực hiện đường lối cách mạng, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đối với việc xây dựng và bảo vệ Đảng, xây dựng và bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân là công việc của toàn Đảng và của Nhà nước.

(3) V.I. Lê-nin: *Tư tưởng*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 33-34

Các cấp bộ Đảng quan tâm chăm lo lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện đội ngũ giai cấp công nhân, nắm vững tình hình tư tưởng và đời sống của các tầng lớp công nhân, viên chức, coi trọng việc phát huy vai trò, chức năng của công đoàn, lãnh đạo chặt chẽ các phong trào cách mạng của công nhân.

Các cơ quan Nhà nước xây dựng cơ chế có tính chất pháp lý, có kế hoạch, biện pháp toàn diện nhằm bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, đồng thời nhanh chóng cải tiến công tác quản lý, mà trước hết là quản lý xí nghiệp. Các cơ quan Nhà nước khắc phục mọi biểu hiện của tệ quan liêu, giải quyết nhanh và chu đáo các yêu cầu chính đáng của công nhân, phối hợp chặt chẽ với công đoàn trong việc vận động công nhân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước.

Là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, là trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, trường học chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, là cái cầu nối liền Đảng với công nhân, Công đoàn coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là giáo dục, rèn luyện đội ngũ công nhân về mọi mặt.

Phương thức giáo dục chủ yếu của Công đoàn là thông qua tổ chức vận động các phong trào cách mạng trong công nhân, viên chức, thu hút đông đảo công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp, cơ quan v.v., hướng dẫn công nhân, viên chức tự tổ chức đời sống, tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Công đoàn phải tập trung sự hoạt động của mình vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, khoa học, kỹ thuật, tổ chức và

đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm của công nhân, viên chức, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho công nhân, góp phần tích cực vào việc đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, đào tạo những cán bộ quản lý giỏi.

« Công đoàn cần tham gia đắc lực vào công việc Nhà nước, góp phần có hiệu quả cải tiến quản lý kinh tế, nhất là cải tiến quản lý xí nghiệp, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước giải quyết các vấn đề cụ thể về điều kiện sản xuất, về bảo hộ lao động và bồi dưỡng sức lao động, về ổn định và bảo đảm đời sống của công nhân, viên chức. Công đoàn phải đóng vai trò nòng cốt trong phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, nêu cao những tấm gương sáng về thái độ lao động mới, về tinh kỷ luật, về tinh thần chủ động, sáng tạo, về ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công; đồng thời phê phán, khắc phục những biểu hiện không lành mạnh trong lao động và sinh hoạt của một số công nhân, viên chức... » (4).

Những điều chỉ dẫn trên đây của Đảng là nội dung chủ yếu của Đại hội Công đoàn toàn quốc thứ V. Trên cơ sở quán triệt nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Đại hội Công đoàn toàn quốc thứ V sẽ phân đấu đê đê ra được những nhiệm vụ công tác và những biện pháp cụ thể, sát đúng cho phong trào công nhân, viên chức và hoạt động công đoàn, làm cho đội ngũ giai cấp công nhân ta phát huy được bản chất cách mạng và sức mạnh to lớn của mình, khắc phục mọi mặt yếu kém, vươn lên có những đóng góp thật xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

(4) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập 1, tr. 126 — 127.

Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động y tế

ĐẶNG-HỒI-XUÂN

NHỜ có một mạng lưới y tế rộng khắp trong cả nước, công tác bảo vệ sức khỏe cho nhân dân ta ngày càng phát triển, góp phần đáng kể vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hoạt động y tế trong những năm qua đã phục vụ có hiệu quả việc phát triển sản xuất, ổn định đời sống, củng cố lực lượng quốc phòng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích ấy, một vấn đề cơ bản đang đặt ra cần được đặc biệt quan tâm. Đó là vấn đề chất lượng của các hoạt động y tế. Do những khó khăn chung về kinh tế của cả nước và những thiếu sót của ngành chủ quản, trong những năm gần đây, chất lượng các hoạt động y tế có phần giảm sút. Cần mạnh dạn nêu thẳng vào những thiếu sót cụ thể để chúng ta thấy rõ hơn tính chất cấp bách của vấn đề đặt ra. Ở tuyến xã, cán bộ thường vắng mặt ở trạm, chế độ tiền lương tuy đã được giải quyết, nhưng cán bộ y tế xã ở nhiều nơi vẫn phải mua thóc theo giá kinh doanh thương nghiệp, cho nên đời sống chưa thật ổn định. Các phong trào vệ sinh yêu nước, phong

trào sạch làng tốt ruộng ở nông thôn, sạch đường đẹp phố ở thành thị hầu như không còn nữa.

Trong một số bệnh viện, đã có những trường hợp bệnh nhân vào nằm viện phải nấu lấy ăn, phải mua thuốc ở thị trường tự do để dùng, phải có người nhà đi theo để chăm sóc. Tình hình trật tự vệ sinh kém, nhà cửa lâu ngày không được quét vôi, sơn cửa; giường bệnh, tủ sắt dùng lâu bị han rỉ, hư hỏng khá nhiều; công trình vệ sinh không được cải tạo, bần, người nhà bệnh nhân không theo đúng nội quy vệ sinh trật tự của bệnh viện, việc quản lý bệnh viện mất hẳn nền nếp. Một số cán bộ có tinh thần thái độ phục vụ kém, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, thậm chí thoái hóa biến chất: ăn cắp thuốc, đòi hối lộ, v.v.

Tỉnh nào cũng muốn mở trường trung học, lớp cao đẳng y tế nhưng thiếu vốn đầu tư xây dựng, nên trường không ra trường, lớp không ra lớp. Đội ngũ cán bộ giảng dạy thì không đủ, nay phải mời thầy ở

trường này, mai mời thầy ở trường khác, học sinh học lý thuyết chạy, thiếu mô hình, thiếu học cụ, thiếu cả tranh vẽ, thiếu cơ sở và phương tiện cần thiết để thực hành, đội ngũ giáo viên chưa được củng cố. Một số học sinh tốt nghiệp ra trường không tuân theo sự phân công của tổ chức, thậm chí còn bỏ việc đi làm tư.

Hàng năm số lượng cán bộ được đào tạo ra trường khá lớn, nhưng số được bổ túc đề nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ rất ít. Có cán bộ ra trường 10 - 15 năm nay mà chưa được đi học bổ túc lần nào. Các cuộc kiểm tra để đánh giá trình độ của y sĩ xã cho thấy nhiều cán bộ đã quên hết những vấn đề cơ bản của giải phẫu học, sinh lý học.... Việc sử dụng thuốc của họ vẫn theo các công thức cũ từ hàng chục năm nay, vừa không hợp lý, lãng phí, vừa không an toàn cho người bệnh.

Do chất lượng về chăm sóc y tế bị giảm sút, cho nên có những vấn đề về sức khỏe, bệnh tật trước đây đã thanh toán được, nay xuất hiện trở lại như viêm màng não, lao ở trẻ em, sán giạt, vỡ tử cung ở sản phụ, uốn ván rốn ở trẻ sơ sinh, bại liệt v.v.

Một số thuốc, huyết thanh sản xuất ra không được kiểm nghiệm đầy đủ, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng theo được diên. Ở một số hiệu thuốc quốc doanh, bệnh viện có tình trạng mua bán, đổi chác thuốc men một cách trái phép, bán thuốc giá cao một cách tùy tiện.



Trước tình hình đó, việc nâng cao chất lượng các hoạt động y tế là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi cán bộ, mỗi cơ sở y tế. Chúng ta phải có ngay những biện pháp kiên quyết và có hiệu lực để ngăn chặn tình trạng sa sút và từ đó phấn đấu nâng

dần chất lượng các hoạt động y tế lên.

Làm thế nào để nâng cao chất lượng các hoạt động y tế trong tình hình khó khăn hiện nay? Khi nói đến vấn đề nâng cao chất lượng công tác, chúng ta thường chỉ nghĩ đến việc phải tăng thêm lao động, thêm kinh phí, bổ sung thêm thiết bị, đầu tư thêm vốn xây dựng cơ bản, mà ít nghĩ đến sự cố gắng chủ quan, cách thức quản lý và biện pháp hoạt động phù hợp. Việc đầu tư lao động, kinh phí, thiết bị y tế của Nhà nước trong những năm qua là rất lớn. Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, Đảng và Nhà nước ta vẫn rất quan tâm đến công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân. Ở nhiều địa phương, các cấp ủy Đảng và chính quyền đã dành vốn đầu tư để ưu tiên xây dựng cơ sở y tế, trường học, sau đó mới xây dựng trụ sở làm việc của ủy ban và của các ngành khác. Nhà nước ta cũng đã cố gắng rất lớn dành cho ngành y tế một phần vật chất trong sự trợ giúp của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như của các tổ chức quốc tế.

Nhìn vào đội ngũ cán bộ y tế hiện nay, chúng ta sẽ thấy được sự đầu tư lớn lao của Nhà nước cho công tác đào tạo lực lượng lao động trong lĩnh vực y tế. Năm 1954, khi hòa bình được lập lại trên nửa đất nước, mỗi tỉnh, thành phố ở miền Bắc chỉ có từ 3 đến 5 y sĩ, đến nay đã có hàng trăm cán bộ đại học gồm bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư; ở mỗi huyện trung bình cũng có từ 3 đến 5 bác sĩ và một dược sĩ đại học; hầu hết các xã đã có y sĩ và ở một số xã đã có bác sĩ. Hiện nay cả nước có hàng nghìn cán bộ y được có trình độ trên đại học, có nhiều giáo sư giỏi cấp 1, cấp 2 về y và dược, đạt trình độ quốc tế. Trang bị dụng cụ, máy móc cho các cơ sở y tế cũng đã được bổ sung khá nhiều, 1/3 số lượng bệnh

viện huyện đã có đầy đủ trang bị phòng mổ, xét nghiệm, máy X quang. Từ nay đến hết năm 1985 tất cả các trạm y tế xã, đội vệ sinh phòng dịch chống sốt rét huyện, trạm vệ sinh phòng dịch tỉnh sẽ được trang bị tốt. Các phòng khám bệnh đa khoa khu vực sau khi được xây dựng hoàn chỉnh, có đủ cán bộ chuyên khoa, cũng sẽ được trang bị đầy đủ các dụng cụ máy móc cần thiết.

Kinh phí cho từng mặt hoạt động được cấp tăng hơn trước, nhưng do việc cung cấp hàng hóa, vật tư phục vụ người bệnh không bảo đảm tiêu chuẩn định lượng, nhiều mặt hàng phải mua theo giá kinh doanh thương nghiệp cho nên có tình trạng ở nhiều địa phương các cơ sở y tế không đủ tiền để mua thuốc, mua xà phòng, dầu thắp đèn v.v. phục vụ người bệnh.

Rõ ràng là ngành y tế có một tiềm năng khá lớn về lao động, vật tư kỹ thuật. Nếu trong chỉ đạo thực hiện, các cấp Đảng và chính quyền phát huy được tiềm năng này thì có thể giữ được và nâng cao dần chất lượng các hoạt động y tế.

Trước hết, chúng ta phải quán triệt phương châm của Đảng đề ra cho ngành y tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là: *« Nhà nước và nhân dân cùng làm »*, *« Trung ương và địa phương cùng làm »*, *« lấy được nuôi y »*, *« thầy tại chỗ, thuốc tại chỗ »*. Khi thực hiện, phải hết sức coi trọng công tác quản lý, nghĩa là phải biết chọn ra những vấn đề ưu tiên nhất, mẫu chốt nhất, tập trung lực lượng để giải quyết trong một thời hạn nhất định, theo chương trình đã được xây dựng một cách khoa học. Điều quan trọng là biết tính toán làm sao với một số lượng lao động, vật tư, tài chính... tối thiểu, mà làm được nhiều việc tốt nhất cho sức khỏe của nhân dân, biết giải quyết những vấn đề trước mắt,

đồng thời nghĩ đến việc đầu tư vào những công việc lâu dài về sau mới phát huy tác dụng. Chúng ta cần nghiên cứu đầu tư theo chiều sâu. Các hoạt động y tế phải nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển xã hội - kinh tế. Theo hướng đó, một số hoạt động y tế cần được hạch toán để giảm bớt chi tiêu, mà vẫn có thể tăng được hiệu quả phục vụ. Điều này phù hợp với những cải tiến trong công tác phân phối lưu thông của Đảng ta hiện nay nhằm tiến tới xóa bỏ dần chế độ hành chính bao cấp trong các ngành sự nghiệp.

Nắm vững và giải quyết tốt những vấn đề ưu tiên của ngành y tế hiện nay, sẽ nâng cao được chất lượng các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Việc đề ra phong trào « năm dứt điểm » là dựa trên kinh nghiệm tổng kết được của các đơn vị tiên tiến qua nhiều năm. Đó cũng là lợi ra của ngành y tế nước ta trong giai đoạn hiện nay, cho nên cần tập trung làm tốt phong trào « năm dứt điểm »: xây dựng ba công trình vệ sinh, quản lý sức khỏe, sinh đẻ có kế hoạch, trồng và sử dụng thuốc nam, xây dựng tổ chức y tế cơ sở.

Việc khôi phục lại phong trào vệ sinh yêu nước trong nhân dân đòi hỏi làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục kiến thức về vệ sinh thông thường, để mỗi người có thể tự mình chăm lo bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình. Trong công tác này, chúng ta tận dụng các phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài ở trung ương cũng như ở địa phương. Báo *Sức khỏe*, tờ báo phổ cập những hiểu biết thông thường về y tế cần được đưa về tận trạm y tế xã để làm phương tiện giáo dục về y tế cho nhân dân. Việc tiêm chủng và cho uống các loại vắc xin phải được thực hiện đúng đối tượng, đúng thời gian, đúng kỹ thuật. Chúng ta cần cố gắng

giải quyết vấn đề cung cấp nước sạch cho nhân dân ở nông thôn; nước máy ở các thành phố phải được khử trùng để bảo đảm tiêu chuẩn về mặt vi sinh vật. Thực tế đã cho thấy: những vùng phát sinh bệnh tả, lỵ, thương hàn, thường là những nơi thiếu nước sạch. Chúng ta chỉ có thể thanh toán được các bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa bằng cách giải quyết tốt vấn đề nước.

Hiện nay, một số địa phương có khuynh hướng chờ đợi sự trợ giúp về cơ giới, về vật liệu, về hóa chất để giải quyết các vấn đề vệ sinh phòng bệnh, chống dịch. đương nhiên, những yêu cầu này là cần thiết, nhưng chúng ta không thể chỉ chờ đợi, mà cần sử dụng ngay các biện pháp dân gian như vùi đập ruồi, bẫy chuột, nuôi cá, nuôi mèo để tiêu diệt các vật trung gian truyền bệnh, sử dụng vật liệu tại chỗ để xây dựng các công trình vệ sinh, vận động quần chúng đào giếng, xây bể, làm lu, vại để chứa nước.

Trong các hoạt động y tế, công tác cấp cứu, khám bệnh và chữa bệnh giữ một vị trí rất quan trọng. Khối lượng công tác cấp cứu, khám, chữa bệnh hằng năm khá lớn; có khoảng 150 triệu lượt người khám bệnh, một triệu rưỡi người được chữa bệnh ngoại trú và bảy triệu rưỡi người được chữa bệnh nội trú. Ngành y tế cũng đã dành một tỷ lệ khá cao về lao động, trang bị, kinh phí (khoảng 60% ngân sách của ngành) để phục vụ khối lượng công tác này. Qua công tác kiểm tra ở nhiều bệnh viện, chúng ta thấy nổi lên khó khăn về kinh phí. Phần lớn các bệnh viện đều cho là định mức kinh phí theo giường bệnh hiện nay quá thấp cho nên đã ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ. Trên thực tế đã có một số bệnh viện bảo đảm tốt công tác phục vụ người bệnh với định mức chi tiêu giường bệnh đã quy định, và ngược lại có bệnh

viện được cấp kinh phí cao hơn nhưng chất lượng vẫn bị giảm sút. Như vậy, khó khăn về kinh phí không phải là nguyên nhân chủ yếu gây ra sự sút giảm về chất lượng phục vụ.

Vấn đề cơ bản ở đây là sự quan tâm của các cấp ủy Đảng: cấp ủy có quan tâm đến việc bố trí cán bộ lãnh đạo bệnh viện, có củng cố tổ chức Đảng ở bệnh viện, tổ chức bồi dưỡng tư tưởng và chính trị cho thầy thuốc và nhân viên y tế, và có giải quyết các nhu cầu cơ bản về hàng hóa, vật tư cho bệnh viện hay không? Lãnh đạo bệnh viện có đủ năng lực điều hành bệnh viện không? Đảng viên trong bệnh viện có gương mẫu không? Thực tế đã cho thấy một số bệnh viện trước đây hoạt động yếu kém, nhân dân kêu ca phàn nàn rất nhiều, nhưng sau khi cấp ủy Đảng kiên quyết đổi mới cán bộ lãnh đạo, củng cố tổ chức Đảng, tăng cường công tác quản lý gắn liền với việc rèn luyện phẩm chất chính trị của cán bộ y tế, vận động các xã trong địa phương bàn thực phẩm và một số hàng hóa thiết yếu khác theo giá ổn định... thì hoạt động của bệnh viện chuyển biến rõ rệt.

Một bài học rút ra từ thực tiễn là muốn nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh, phải giải quyết đồng bộ các biện pháp nêu trên, kiên quyết không để cho một bệnh viện nào, một lúc nào có tình trạng không có ăn, không có thuốc, không có người chăm sóc người bệnh, đùn đẩy bệnh nhân, nhân viên hống hách, cửa quyền, thiếu trách nhiệm, đồng thời tập trung thực hiện bốn nhiệm vụ sau đây:

— *Giáo dục tinh thần thái độ phục vụ* hết lòng vì người bệnh, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong các khâu công tác của bệnh viện, làm cho mỗi cán bộ y tế thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: «Thầy thuốc như mẹ hiền». Bao giờ cũng vậy, yêu cầu trước tiên của người bệnh đối với

bệnh viện là tinh thần, thái độ phục vụ tốt, ý thức trách nhiệm cao của người thầy thuốc, nhân viên y tế.

— *Giữ gìn trật tự, vệ sinh, yên tĩnh* ở từng khoa, từng phòng và trong toàn bệnh viện, làm cho bệnh viện luôn sạch đẹp. Việc làm này không đòi hỏi điều kiện vật chất gì lớn lao, chỉ cần người phụ trách quan tâm đầy đủ. Việc khôi phục lại nếp tổng vệ sinh hằng tuần, việc cán bộ lãnh đạo bệnh viện tham gia làm vệ sinh với nhân viên sẽ làm cho bệnh viện không bao giờ bẩn. Các bệnh viện cần có kế hoạch cải tạo hệ thống công trình vệ sinh, quét vôi, sơn cửa, đồ đạc, sửa chữa lại nhà cửa bị hư hỏng, dột nát, phục hồi và sửa chữa máy móc, bảo đảm có nước và ánh sáng cho các cơ sở chữa bệnh. Bệnh viện nào thiếu hộ lý, có thể thuê, khoán lao động ở ngoài vào làm các công việc vệ sinh trong bệnh viện.

Những bệnh viện thường có đông người nhà của bệnh nhân cần tổ chức chỗ ăn, chỗ nghỉ riêng, phổ biến nội quy giữ vệ sinh trật tự. Phải phần đầu bảo đảm mức ăn uống, thuốc men cần thiết và có người chăm sóc chu đáo người bệnh. Quản lý chặt chẽ người ra vào bệnh viện và thực hiện nghiêm ngặt nội quy thăm hỏi người bệnh để bảo đảm an ninh cho bệnh viện và giữ gìn sức khỏe cho người bệnh.

— *Sử dụng thuốc một cách hợp lý và an toàn* cho người bệnh. Hiện nay việc sử dụng thuốc một cách tràn lan, không hợp lý là một trong những nguyên nhân gây ra tình hình căng thẳng giả tạo về thuốc và những hậu quả lâu dài đối với sức khỏe người bệnh. Đối với thầy thuốc, điều trước tiên là phải xác định chẩn đoán rồi mới tiến hành điều trị. Nếu cần thiết phải dùng đến các loại thuốc quý, thuốc hiếm dù tốn bao nhiêu cũng phải dùng, nhưng khi chưa có chẩn đoán chính xác, tuyệt đối không được điều

trị «bao vây», cho thuốc dễ an ủi người bệnh. Phải thực hiện đầy đủ các quy chế đã đề ra trong phong trào hợp lý và an toàn về thuốc, tuyệt đối không được sử dụng thuốc để làm một loại hàng hóa đổi chác dưới bất cứ hình thức nào.

— *Bảo đảm luôn luôn có đủ các loại vật tư, thuốc men thông thường* để phục vụ người bệnh, kiên quyết chấm dứt tình trạng ghi đơn cho người nhà bệnh nhân mua thuốc, mua bột bó, chỉ phẫu thuật, phim X quang ở thị trường tự do. Nhà nước dành một tỷ lệ khá lớn về thuốc để ưu tiên cung cấp cho các cơ sở chữa bệnh, đã xây dựng định mức kinh phí về thuốc tính theo giường bệnh, vì vậy bệnh viện nào không đủ tiền mua thuốc để phục vụ người bệnh thì đó là trách nhiệm của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương.

Một biện pháp khá quan trọng nữa để nâng cao chất lượng hoạt động y tế là phải làm thật tốt công tác kiểm tra thường xuyên và đột xuất, công tác đào tạo, cũng như công tác bồi túc về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ. Các địa phương cần có sự đầu tư thích đáng để xây dựng các trường đào tạo cán bộ y tế, mua sắm các trang bị cần thiết cho việc giảng dạy, học tập, tổ chức tốt việc ăn ở cho học sinh, thực hiện đồng bộ các khâu tuyển sinh và phân phối. Từ năm học này, ở các tỉnh biên giới, Tây-nguyên và đồng bằng sông Cửu-long, sẽ thực hiện việc tuyển sinh theo địa bàn huyện và bồi túc về chuyên môn nghiệp vụ để nâng y sĩ lên bác sĩ, cho địa phương; như vậy có thể nhanh chóng đáp ứng nhu cầu về cán bộ. Chúng ta cần quan tâm đến việc giải quyết các vấn đề về chế độ, chính sách để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn đầu đàn và lớp cán bộ kế cận.

Trong kế hoạch công tác y tế những năm qua, chúng ta chỉ mới có

chỉ tiêu về đào tạo, mà chưa có chỉ tiêu về bổ túc cán bộ. Phải khắc phục tình trạng này, đồng thời có biện pháp thiết thực giúp đỡ cán bộ có điều kiện đi học bổ túc từng thời gian ngắn. Huyện có trách nhiệm bổ túc cho cán bộ xã, tỉnh có trách nhiệm bổ túc cho cán bộ huyện.

Đối với cán bộ trung học các loại, chúng ta cần đưa những người có nhiều thành tích, triển vọng đi học ở các trường, lớp đại học theo hệ thống chuyên tu. Đào tạo theo con đường này chúng ta sẽ nhanh chóng có được một đội ngũ cán bộ là người địa phương vừa có trình độ chuyên môn giỏi, vừa yên tâm phục vụ ở địa bàn huyện.

Các tỉnh, thành phố có điều kiện cần mở các lớp chuyên khoa cấp 1, cấp 2 cho cán bộ đã có trình độ đại học với sự giúp đỡ của các viện, bệnh viện, các trường đại học y, được thuộc Bộ y tế.

Đối với học sinh, cần rèn luyện tinh thần thái độ theo tiêu chuẩn người cán bộ y tế nhân dân, đồng thời cũng phải quan tâm về đời sống, có chế độ khuyến khích, khen thưởng học sinh giỏi, có đạo đức tốt bằng cách tăng học bổng.

Cán bộ y tế hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn về đời sống; tuy vậy, chủ trương của ngành y tế từ trước đến nay vẫn là không để thầy thuốc làm tư, không để được sĩ bán thuốc

tư, không tổ chức thực hiện ba lợi ích ở các cơ sở y tế. Để giảm bớt khó khăn trong đời sống cán bộ y tế, các cấp chính quyền cần thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề nghiệp, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp truyền nhiễm độc hại cho cán bộ. Chế độ của cán bộ y tế xã vẫn là chế độ dân lập trong một thời gian dài. Nhà nước đã ban hành những quyết định về chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế xã, phường. Các văn bản này đã giải quyết được những vấn đề cơ bản để ổn định đời sống cán bộ y tế ở xã, phường. Các địa phương cần có biện pháp triển khai thực hiện, để duy trì được mạng lưới y tế cơ sở.



Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, công tác y tế không thể phát triển vượt quá khả năng của nền kinh tế quốc dân. Quán triệt tinh thần nghị quyết của các hội nghị thứ 3 và thứ 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), ra sức phát huy tinh thần tự lực tự cường, tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, tìm ra những biện pháp chủ yếu, thích hợp, nhất định chúng ta sẽ giữ được và nâng cao dân chất lượng của hoạt động y tế, phục vụ có hiệu quả hơn sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

CÁCH MẠNG VÀ VĂN HÓA

I — Ước thuyết và sự thật.

40 năm trước đây, *Đề cương văn hóa Việt-nam* ra đời. Bấy giờ, chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng, dân tộc Việt-nam một cổ hai tròng: Nhật, Pháp thi nhau vơ vét, bóc lột nhân dân ta và đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Tình hình chính trị và tư tưởng trong xã hội rất phức tạp. Trí thức, văn nghệ sĩ, học sinh yêu nước chịu ảnh hưởng của Đảng, muốn đi theo cách mạng. Pháp, Nhật dùng những thủ đoạn phát xít để trói buộc và giết chết văn hóa Việt-nam. Chúng đàn áp, hăm dọa, mua chuộc các nhà văn hóa; in tài liệu và tổ chức các cơ quan, đoàn thể văn hóa để nhồi sọ, ru ngủ nhân dân ta. Văn hóa hợp pháp Việt-nam bấy giờ lâm vào tình trạng hỗn độn, phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng. Trên văn đàn công khai, đầy dẫy những thứ văn chương liêm gót giày, văn chương « không đau mà rên », văn chương bỏ sọt đất. Một phong trào « lai hóa » lan tràn trong ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, phong tục và tư tưởng (1). Có khuynh hướng dân tộc, nhưng *Thanh nghị* cải lương, *Tri tân* nệ cổ. *Hàn Thuyên* gồm những tên tở rớt xit nhận tiền của cả Pháp lẫn Nhật để xuyên tạc và chống phá cách mạng. *Tự lực văn đoàn* lúc này công khai ôm chân phát xít Nhật.

Nhiều học thuyết, tư tưởng duy tâm, phân động được đề cao. Những khuynh hướng nghệ thuật thần bí, điên loạn, truy lạc, hoài cổ được truyền bá...

Trong tình hình ấy, Hội nghị thường vụ Trung ương Đảng họp từ 25 đến 28-2-1943, khi bàn biện pháp thúc đẩy mau hơn nữa cách mạng cả nước đi tới cao trào, đã quyết định: « Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, dặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà-nội, Sài-gòn, Huế, v.v. phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai để đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức » (2).

Đề cương văn hóa Việt-nam ra đời trong bối cảnh đó tỏa sáng như một ngọn đuốc soi đường, tập hợp những người hoạt động văn hóa yêu nước Việt-nam vào Hội văn hóa cứu quốc, một thành viên của Mặt trận Việt minh.

(1) Xem Trường-Chính : *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt-nam mới lúc này* (9-1944).

(2) *Văn kiện Đảng 1930 — 1945*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1977, tr. 346.

Đề cương văn hóa Việt-nam là văn bản cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng. Nêu ra hai ức thuyết về tiền đồ văn hóa Việt-nam: «1) Nền văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và nô dịch hóa) thắng thì văn hóa dân tộc Việt-nam nghèo nàn và thấp kém, 2) Văn hóa dân tộc Việt-nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới», *Đề cương* khẳng định: «Cách mạng dân tộc Việt-nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực» (3). Lời khẳng định ấy có căn cứ. Gợi là ức thuyết nhưng không phải chỉ là ý tưởng chủ quan.

Đề khẳng định tiền đồ tươi sáng của văn hóa Việt-nam, *Đề cương* vận dụng một cách sắc sảo và có hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để nhận định và phân tích tình hình văn hóa Việt-nam, chỉ rõ nguy cơ của nó dưới ách phát xít Nhật - Pháp, và căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội Việt-nam lúc bấy giờ cùng những hoạt động văn hóa của Đảng, của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc từ trước đến đó mà chỉ ra «xu trào văn hóa mới của Việt-nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở (văn nghệ bất hợp pháp)». Một thế giới quan khoa học, một phương pháp luận biện chứng duy vật quán xuyên *Đề cương*. *Đề cương* không chỉ nêu mục tiêu mà còn chú trọng cả việc tổ chức thực hiện cụ thể, chỉ ra biện pháp, nhiệm vụ cần kíp trước mắt của cuộc vận động văn hóa mới. Cho nên không phải chờ đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mà ngay từ năm 1943, những nhà văn hóa và trí thức yêu nước Việt-nam đã tin chắc vào lời khẳng định của *Đề cương*, quyết tâm phấn đấu theo ba nguyên tắc «dân tộc hóa», «đại chúng hóa», «khoa học hóa» cho nền văn hóa Việt-nam mới thắng lợi.

Đó chính là ý nghĩa và giá trị quan trọng của *Đề cương văn hóa Việt-nam*.

II — Trong tất yếu lịch sử.

Ngày nay, 40 năm sau khi bản *Đề cương* ra đời, văn hóa mới Việt-nam do cách mạng dân tộc giải phóng Việt-nam thắng lợi dựng nên đã trở thành nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Điều này cũng đã được dự kiến trong *Đề cương*. Trong khi nhấn mạnh văn hóa mới Việt-nam, «nền văn hóa cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông-dương trong giai đoạn này» do Đảng cộng sản Đông-dương chủ trương «chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa» mà là «văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung», *Đề cương* nêu rõ: «nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông-dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa». «Phải tiến lên thực hiện cách mạng xã hội ở Đông-dương, gây dựng một nền văn hóa xã hội ở khắp Đông-dương».

Đương nhiên, lịch sử có những bước đi cụ thể của nó. Thực tiễn bao giờ cũng phong phú, đa dạng. Phải mất 30 năm, qua nhiều bước ngoặt, cách mạng giải phóng dân tộc mới hoàn thành để cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Văn hóa Việt-nam cũng phải bám sát những biến chuyển lớn đó của cách mạng Việt-nam.

Được cởi mở xiềng xích từ Cách mạng Tháng Tám, văn hóa Việt-nam tiếp tục củng cố và phát triển cơ sở lý luận của nó để trở thành «một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc thiết thực và rộng rãi» (4).

Sau năm 1954, vấn đề cách mạng văn hóa đã được đặt ra ở miền Bắc nhằm xây dựng con người mới của xã hội

(3) Từ đây, tất cả những câu trích không có chú thích đều dẫn từ *Đề cương văn hóa Việt-nam* năm 1943.

(4) Hồ-chí-Minh: «Thư gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai» (15.7.1948), *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, t. 1, tr. 441.

mới về mặt tư tưởng, trí tuệ và tình cảm. Văn học nghệ thuật, một bộ phận hợp thành quan trọng của văn hóa mới Việt-nam, từ đây ở miền Bắc phải là một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa và thực tế đã trở thành một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa; ở miền Nam thì vẫn là văn nghệ dân tộc dân chủ tuy là dân tộc dân chủ trong điều kiện mới, đã có miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Phục vụ nhiệm vụ cách mạng, văn nghệ ở mỗi miền có một tính chất riêng, nhưng Bắc Nam một nước, văn nghệ một nhà, cả hai đều chung một hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, gắn bó với nhau bởi lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đều do Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo và nhìn chung chủ yếu cũng đều là văn nghệ kháng chiến. Cho nên, Đại hội thứ IV của Đảng đã nhận định: «*Mấy chục năm qua, về cơ bản chúng ta đã xây dựng được một nền văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa (...).* Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phân ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay » (5).

Cho đến hôm nay, cách mạng tư tưởng và văn hóa đang được tiến hành đồng thời với cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học và kỹ thuật trên cả nước ta. Chúng ta đang xây dựng nền văn hóa mới «*có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản* » (6). Tư tưởng, học thuật, nghệ thuật đều phát triển. Nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam tuy còn trẻ tuổi nhưng đã bề thế, dồi dào sức sống và đầy hứa hẹn. Không còn chỉ là ở suối, ở sông mà đã thông ra biển cả. Cái tất yếu lịch sử đã tự mở lấy đường đi.

Gắn bó với cách mạng, phục vụ cách mạng, văn hóa cũng sẽ thắng lợi và phát triển cùng với sự thắng lợi và phát triển của cách mạng, từ dân tộc dân chủ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không có một sự ngăn cách nào, bởi vì ở Việt-nam, từ hơn nửa thế kỷ nay, cách mạng, văn hóa và cách mạng văn hóa đều do một Đảng cộng sản Việt-nam, đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, đảng Mác - Lê-nin chân chính lãnh đạo.

III—*Sự nhất quán của một đường lối đúng đắn.*

Từ một nền văn hóa dân tộc dân chủ chuyển sang một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa không cùng một lúc ở hai miền của đất nước và cuối cùng đang phát triển ở quy mô toàn quốc như hiện nay, trong một bối cảnh quốc tế đầy biến động, có biết bao nhiêu vấn đề mới mẻ và phức tạp cần được sự chỉ dẫn kịp thời, đúng đắn và sáng suốt của Đảng?

Sau *Đề cương văn hóa Việt-nam* là những thư và bài nói của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh về văn hóa, văn nghệ; là bản báo cáo nổi tiếng *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt-nam*; là những nghị quyết Đại hội thứ III, thứ IV và thứ V của Đảng và những thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi các Đại hội văn nghệ - toàn quốc; là những bài phát biểu của các đồng chí Lê-Duẩn, Trường-Chinh, Phạm-Văn-Dồng, Tố-Hữu và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng v.v. Cứ thế, theo yêu cầu chỉ đạo thực tiễn, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ngày càng sáng tỏ, hoàn chỉnh. Nền lý luận văn hóa, văn nghệ Việt-nam do đó ngày càng phong phú và sắc bén...

(5) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 121.

(6) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 93 - 94.

Có thể nói đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng như một cái cây ngày càng vươn cao, xanh tươi, sum suê hoa trái, nhưng cái gốc đã có từ *Đề cương văn hóa Việt-nam* năm 1943. Cái gốc là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về văn hóa vận dụng vào hoàn cảnh Việt-nam: Văn hóa « là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động »; « phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội »; văn hóa phải phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; cốt lõi tư tưởng của văn hóa phải là « thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử »; phương pháp sáng tác văn nghệ phải là « tả thực xã hội chủ nghĩa » tức chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa; văn hóa Việt-nam phải do Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam lãnh đạo. Cái gốc, nói cho cùng, là từ đường lối chính trị đúng đắn và nhất quán của Đảng.

Cho nên, cũng như đường lối chính trị, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng là đúng đắn và nhất quán. Sự đúng đắn vốn đã bao hàm nhân tố phát triển. Sự nhất quán của một đường lối đúng đắn làm cho sự phát triển được liên tục, vững chắc và như là hện trước. Một thời kỳ mới, rực rỡ của văn hóa Việt-nam đang tới cùng với sự Phục-hưng văn hóa Việt-nam khi cả nước đã hoàn toàn độc lập, thống nhất và cùng tiến lên chủ nghĩa-xã hội.

IV — Vinh dự và trách nhiệm của người chiến sĩ văn hóa.

Vinh dự dành cho những chiến sĩ văn hóa chúng ta đang phấn đấu cho một nền văn hóa Việt-nam xã hội chủ nghĩa phong phú và tươi đẹp dưới

sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, theo một đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn và nhất quán như vậy. Trách nhiệm biến đường lối ấy thành hiện thực sinh động, xây dựng và thực hiện một Cương lĩnh văn hóa xã hội chủ nghĩa phù hợp với tinh chất và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, đương nhiên cũng thuộc về chúng ta.

Ngày nay, trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầy khó khăn, gian khổ và phức tạp, « chúng ta luôn luôn hết sức phấn đấu để giảm bớt khó khăn và từng bước cải thiện đời sống vật chất. Đồng thời, chúng ta rất coi trọng đời sống văn hóa: đạo đức con người, quan hệ giữa người với người trong từng gia đình, trong từng tập thể, và trong toàn xã hội. Có thể về vật chất chúng ta chưa có mức sống cao, song về văn hóa, chúng ta phải có cuộc sống lành mạnh, tươi vui và đẹp đẽ » (7). Từ quan điểm này, nổi bật lên tầm quan trọng to lớn của cách mạng tư tưởng và văn hóa, vai trò của người chiến sĩ văn hóa.

Hiều biết và tin yêu sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đang diễn ra hằng ngày bằng cả lý trí và tình cảm, người chiến sĩ văn hóa phải thấu suốt đường lối văn hóa của Đảng trong mọi hoạt động của mình.

« Trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, bên cạnh những thành tựu mới, tài năng mới về sáng tác, biểu diễn và những tiến bộ về xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, một số văn nghệ sĩ đã nảy sinh tâm trạng hoài nghi, bi quan, xa rời đường lối của Đảng, xa rời thực tế và quần chúng lao động, có khuynh hướng « thương mại », chạy theo thị hiếu thấp kém để thu lợi, kiếm tiền, rơi vào nghệ thuật

(7) Phạm-Văn-Đông: *Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa xã hội là cuộc gặp gỡ hay vẻ đẹp như cùng hện trước*. Tạp chí Cộng sản, số 10-1953.

tư sản...» (8). Nhận định đó yêu cầu chúng ta phải soát xét lại công việc của mình.

Cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» trên mặt trận văn hóa vẫn đang diễn ra gay gắt và phức tạp. Văn hóa xã hội chủ nghĩa đã là văn hóa thống trị, ngày càng tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của nhân dân ngay cả ở những thành thị miền Nam vốn chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa đế quốc, thực dân mới. Song «nhìn chung, lối sống xã hội chủ nghĩa chưa được xây dựng thành một tập quán phổ biến trong xã hội ta» (9), còn nhiều rác rưởi của xã hội cũ chưa dọn dẹp hết, còn nhiều biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống, kẻ thù lại không ngừng phá hoại, chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo và kiên quyết.

Nhằm thực hiện đường lối văn hóa của Đảng, người chiến sĩ văn hóa phải có thể hóa đường lối ấy vào địa phương mình, vào chuyên ngành của mình (như nhiều hội nghị văn hóa

và Đại hội văn học, nghệ thuật gần đây đã làm một bước), thậm chí vào công việc của riêng mình nữa: bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng về văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cuối cùng, việc thực hiện đường lối văn hóa của Đảng yêu cầu những chiến sĩ văn hóa đoàn kết và thương yêu nhau, xây dựng tổ chức nghề nghiệp của mình vững mạnh, hăng hái, say mê phấn đấu trở thành những người cách mạng dũng cảm, giàu hiểu biết và tài năng sáng tạo.

Được Đảng đánh giá cao, được coi là một vốn quý của Đảng, đội ngũ những người làm văn hóa, văn nghệ chúng ta hãy xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng, xứng đáng với sự mạng lớn lao được giao phó. Đây là cách kỷ niệm thiết thực, có chất lượng và có hiệu quả lần thứ 40 ngày ra đời *Đề cương văn hóa Việt-nam*.

(8),(9) Nghị quyết Hội nghị thứ 4 BCH TƯ Đ (khóa V).

BÀI NÓI CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG - CHINH...

(Tiếp theo trang 21)

lý, tạo điều kiện cho anh chị em yên tâm công tác, coi Đồng-nai như quê hương thứ hai của mình.



Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Với truyền thống đoàn kết và tinh thần sáng tạo cách mạng của đảng bộ và nhân dân Đồng-nai, được nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành trung ương soi sáng, được sự giúp đỡ tích cực của các tỉnh bạn và của nhân dân cả nước, nhất định đảng bộ và nhân dân Đồng-nai sẽ phát huy những tiềm năng to lớn và những thuận lợi cơ bản của mình, khắc phục khó khăn, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đồng-nai thành một tỉnh giàu mạnh.

Chúc các đồng chí và đồng bào mạnh khỏe, hạnh phúc, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, nghị quyết Đại hội lần thứ ba của đảng bộ Đồng-nai.

Chúc các đồng chí và đồng bào đạt nhiều thành tích mới, to lớn hơn nữa trong lao động sản xuất và công tác, hoàn thành kế hoạch 1983 và chuẩn bị tốt cho kế hoạch 1984 - 1985.

Chúc các cụ phụ lão mạnh khỏe và sống lâu.

Chúc các cháu thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vui mạnh, học giỏi và hạnh kiểm tốt, luôn luôn xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

Ngày 22 tháng 8 năm 1983

ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA

ĐỘI TIỀN PHONG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA

TÔ - QUYÊN

NGÀY 28-6-1951, kể tục sự nghiệp của Đảng cộng sản Đông-dương. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia ra đời trong ngọn lửa kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Sự kiện chính trị quan trọng này đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Cam-pu-chia.

Qua hơn ba mươi năm đấu tranh gian khổ, hy sinh, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân Cam-pu-chia phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết ba nước Đông-dương, đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ phản bội Pôn Pốt - Iêng Xa-ry - Khiêu Xăm-phon, tay sai của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung-quốc. Thắng

lợi lịch sử ngày 7-1-1979 đập tan chế độ diệt chủng, làm thất bại âm mưu bành trướng và bá quyền của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, mở ra trước nhân dân Cam-pu-chia kỷ nguyên độc lập, tự do thật sự, tiến lên xây dựng cuộc sống văn minh, tiến bộ, hạnh phúc.

Tìm hiểu quá trình hoạt động của đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân Cam-pu-chia, chúng ta càng thấy tự hào về "người anh em cùng sinh ra từ Đảng cộng sản Đông-dương quang vinh trước đây, người bạn chiến đấu cùng chiến hào, người đồng chí thân thiết cùng đấu tranh dưới ngọn cờ Mác - Lê-nin bách chiến bách thắng vì lý tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội" (1).

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG MÁC — LÊ-NIN Ở CAM-PU-CHIA

Đấu tranh chống ách thống trị của bọn thực dân cướp nước và bè lũ phong kiến bán nước.

Nhân dân Cam-pu-chia vốn có truyền thống đấu tranh kiên cường,

bất khuất chống ngoại xâm và chống bọn cầm quyền phản động trong nước.

(1) Lời chào mừng của đồng chí Lê-Duân, Trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt-nam tại Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia (5-1981).

Từ thế kỷ XIII trở đi người Thái từ phương Bắc tràn xuống chiếm một bộ phận rộng lớn lãnh thổ của người Cam-pu-chia để lập ra nước Thái-lan. Từ thế kỷ XV trở đi, nước Cam-pu-chia bị suy yếu, các phe phái trong hoàng tộc tranh giành quyền bính, xâu xé, chém giết lẫn nhau. Đến giữa thế kỷ XIX bọn thực dân phương Tây tìm cách xâm nhập, thôn tính và biến Cam-pu-chia thành thuộc địa. Năm 1863, sau khi chiếm một số tỉnh miền Nam Việt-nam, thực dân Pháp uy hiếp Cam-pu-chia, triều đình Nô-rô-rôm, đại diện cho giai cấp phong kiến đốn hèn, đã bán rẻ lợi ích của dân tộc, ký kết « hiệp ước bảo hộ 11-8-1863 ». Đến năm 1867, do sự cầu kết giữa thực dân Pháp và vương quốc Xiêm, nhiều đất đai trừ phủ của Cam-pu-chia đã bị cắt nhường cho bọn phong kiến Xiêm.

Sau khi thôn tính toàn bộ Việt-nam, năm 1884, thực dân Pháp buộc triều đình Nô-rô-rôm triệt để hàng phục với bản điều ước thảo sẵn, ký giữa đêm 17-6-1884, ngay nơi vua đang ngủ. Từ Cam-pu-chia, quân Pháp tiến lên phía Bắc, phối hợp với quân Pháp từ Việt-nam tiến sang, đánh chiếm Lào (năm 1893), lập ra xứ « Đông-dương thuộc Pháp » gồm ba nước Việt-nam, Cam-pu-chia và Lào.

Với chế độ thuế khóa cực kỳ khắc nghiệt, thực dân Pháp đã bóc lột nhân dân Cam-pu-chia đến tận xương tủy. Chế độ cai trị tàn bạo của thực dân Pháp đã kìm hãm kinh tế, xã hội Cam-pu-chia trong vòng lạc hậu. Phong trào chống Pháp nổ ra trong cả nước dưới nhiều hình thức. Các cuộc đấu tranh chống thuế, chống bắt lính, bắt phu, ... dẫn đến bạo động vũ trang, đã diễn ra ở nhiều nơi như: Xtung-treng, Bát-dom-boong, Xiêm-riệp, Cam-pốt, Prây-ven, Com-puông Chơ-năng, Cro-chi-ê... Những cuộc đấu tranh này không tránh khỏi thất bại trước sự đàn áp khốc liệt của thực dân

Pháp. Tuy vậy, ý chí chiến đấu kiên cường, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia không bị lay chuyển.

Điều đáng chú ý là qua các phong trào chống Pháp, đã sớm nảy nở mối quan hệ gần bó mật thiết giữa nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Việt-nam trên tinh thần cứu mạng, đùm bọc lẫn nhau. Nhiều cuộc nổi dậy của những người yêu nước Cam-pu-chia có sự liên kết với hoạt động của các lực lượng yêu nước Việt-nam, và ngược lại. Vùng biên giới Cam-pu-chia - Việt-nam thường là căn cứ chống kẻ thù chung của hai dân tộc (2).

Tuy phong trào chống Pháp ở Cam-pu-chia diễn ra liên tục, sôi nổi, nhưng nhìn chung, chưa giải quyết được mâu thuẫn cơ bản, cũng là mâu thuẫn chủ yếu, của xã hội Cam-pu-chia. Đó là mâu thuẫn giữa dân tộc Khơ-me với bọn thực dân Pháp cướp nước. Rõ ràng là tất cả các phong trào chống Pháp do một số hoàng thân, sĩ sãi, nông dân yêu nước đứng đầu, đều bị thất bại vì chưa có đường lối đấu tranh phù hợp với thời đại mới - thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Lực lượng lãnh đạo các cuộc đấu tranh cũng chưa đủ điều kiện để lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Từ năm 1930, sau khi Đảng cộng sản Đông-dương được thành lập và gương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác-Lê-nin trên khắp ba nước Việt-nam, Cam-pu-chia, Lào, thì phong trào yêu nước giành độc lập, tự do của nhân dân Cam-pu-chia chuyển sang giai đoạn mới. Cũng từ đó, liên minh

(2) Ví dụ: các mối liên hệ giữa A-cha Xoa với Nguyễn-Hữu-Huân. Pô-cum-bô với Trương-Quyền... Một số nhà yêu nước Việt-nam trong các tổ chức « Đồng kinh nghĩa thực », « Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội », « Tân Việt cách mạng đảng », cũng có hoạt động trên đất Cam-pu-chia.

cách mạng Việt-nam — Cam-pu-chia, cũng như liên minh giữa cách mạng ba nước Việt-nam, Cam-pu-chia, Lào được hình thành và không ngừng phát triển.

Vai trò lịch sử của Đảng cộng sản Đông-dương đối với phong trào cách mạng ở Cam-pu-chia

Đầu năm 1930, trong thư gửi những người cộng sản Đông-dương, Quốc tế cộng sản khẳng định: «Nhiệm vụ quan trọng hơn hết và tuyệt đối cần kíp của tất cả những người cộng sản Đông-dương là sáng lập một đảng cách mạng của giai cấp vô sản (...) Đảng ấy phải là một đảng độc nhất, và ở Đông-dương chỉ có đảng ấy là tổ chức cộng sản mà thôi» (*).

Thực hiện nghị quyết của Quốc tế cộng sản, từ ngày 3-2-1930, các tổ chức cộng sản ở Đông-dương hợp nhất thành một đảng cộng sản duy nhất. Ban đầu Đảng lấy tên là Đảng cộng sản Việt-nam. Mấy tháng sau, theo quyết định của Quốc tế cộng sản, Đảng đổi tên là Đảng cộng sản Đông-dương. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 vạch rõ sự cần thiết phải đổi tên Đảng: «Gọi là Việt-nam cộng sản đảng thì không gồm được Cao-miên và Lào, mà đề vô sản giai cấp hai xứ ấy ra ngoài phạm vi đảng là không đúng, vì vô sản Việt-nam, Cao-miên và Lào, tuy tiếng nói, phong tục, nòi giống khác nhau nhưng về mặt chính trị và kinh tế thì cần phải liên lạc mật thiết với nhau». Truyền đơn giải thích việc đổi tên Đảng nhấn mạnh: «Vô sản giai cấp và tất cả quần chúng lao khổ bị áp bức trong ba xứ đó muốn đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, lấy lại độc lập, đánh đổ vua quan địa chủ để giải phóng cho mình thì không thể nào tranh đấu riêng lẻ được».

Lúc bấy giờ, bộ máy cai trị của thực dân ở «Đông-dương thuộc Pháp» đã được thiết lập, trùm lên cả ba nước và đặt dưới quyền cai trị của

một tên toàn quyền. Quân đội của thực dân Pháp và của bọn tay sai phong kiến đóng ở mỗi nước thường được huy động chung để trực tiếp đàn áp phong trào cách mạng ở cả ba nước. Như Thư của Trung ương Đảng gửi cho các cấp đảng bộ ngày 9-12-1930 đã chỉ rõ: «Về phương diện chính trị, ba xứ ấy đều bị một đế quốc Pháp áp bức, nằm dưới một chính phủ đế quốc thống nhất ở Đông-dương. Nếu một xứ vận động cách mạng mà hai xứ không tham gia thì không đánh đổ được chính quyền của đế quốc Pháp».

Trong thời kỳ này, các giai cấp trong xã hội Cam-pu-chia có sự phân hóa. Giai cấp phong kiến thối nát, yếu hèn hoàn toàn đầu hàng đế quốc. Giai cấp tư sản dân tộc chưa thật sự hình thành vì các ngành kinh tế nhỏ bé mới xây dựng đều do thực dân Pháp và bọn con buôn người Hoa nắm. Tầng lớp trí thức, tiểu tư sản còn ít vì Pháp không chú trọng đào tạo mà chỉ sử dụng công chức người Việt trong bộ máy cai trị. Giai cấp nông dân tuy có tinh thần đấu tranh chống áp bức, nhưng chưa dứt bỏ được sự lệ thuộc vua tôi và còn mê tín. Giai cấp công nhân và đội ngũ lao động thành thị mới hình thành ở một vài ngành như vận tải, điện nước và đồn điền cao su, nhưng số đông chưa phải là dân Cam-pu-chia.

Trước tình hình phát triển không đều của phong trào cách mạng ở Đông-dương, theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản những người cộng sản Việt-nam được giao trách nhiệm giúp đỡ cách mạng Cam-pu-chia và Lào. Nhiều cán bộ, đảng viên Việt-nam đã sang Cam-pu-chia hoạt động và xây dựng cơ sở cách mạng với tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

(*) Những câu trong ngoặc kép trong bài này đều trích trong các văn kiện, tư liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

Năm 1930, nhóm cộng sản đầu tiên được thành lập tại Trường trung học Xi-xô-vát ở Phnôm Pênh. Sau đó, vùng đồn điền cao su Com-puông Chăm cũng có một nhóm cộng sản hoạt động. Cuối năm 1931, Đảng tổ chức các cơ sở cách mạng tại Phnôm Pênh, Con-đan, Com-puông Chăm, Cra-chi-ê; một số chi bộ được thành lập và hoạt động trong hai năm 1932 - 1933. Đến năm 1934, ở Cam-pu-chia đã có Ban cán sự Đảng, khoảng 7 - 8 chi bộ với trên 30 đảng viên và hàng trăm quần chúng cảm tình Đảng.

Hoạt động của những người cộng sản ở Cam-pu-chia trong thời kỳ này gặp nhiều khó khăn. Do bị bộ máy thống trị của thực dân Pháp tại Đông-dương đàn áp, khủng bố gắt gao, các chi bộ không tồn tại được lâu, các cơ sở của Đảng mới được xây dựng đã sớm bị tan vỡ. Tuy vậy, các cuộc đấu tranh lẻ tẻ của nhân dân vẫn tự phát nổ ra ở nhiều nơi. Đặc biệt là trong những năm 1933 - 1935, đã nổ ra các cuộc đấu tranh của hai nhà sư A-cha Miết và A-cha Pơ-rinh đòi cải cách dân chủ. Các cuộc đấu tranh này rốt cuộc bị dập tắt.

Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông-dương đối với cách mạng Cam-pu-chia được thể hiện rõ trong phong trào *Mật trận dân chủ Đông-dương* vào những năm 1936 - 1939. Đầu năm 1937, Ủy ban hành động được thành lập ở Phnôm Pênh để hướng ứng phong trào Đại hội Đông-dương. Lần đầu tiên, sách báo tiến bộ, công khai của Đảng được phát hành rộng rãi ở Phnôm Pênh và các thành phố khác. Cuộc vận động này thu hút đông đảo học sinh, trí thức, viên chức có xu hướng dân chủ, và được nhân dân lao động đồng tình hưởng ứng. Hàng nghìn người tham gia biểu tình, đưa kiến nghị đòi thực hiện tự do dân chủ khi đón phái đoàn đại diện Mật trận nhân dân Pháp do G. Gô-da dẫn đầu đến Phnôm Pênh. Cũng thời gian này,

tại sở cao su Com-puông Chăm đã nổ ra cuộc bãi công của khoảng 300 công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm và đòi tự do lập nghiệp đoàn.

Nhìn chung, hoạt động của Đảng trong thời kỳ Mật trận dân chủ Đông-dương gây được ảnh hưởng khá tốt, đã cổ vũ tinh thần đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong nhân dân. Tuy vậy, cơ sở của Đảng phát triển chưa nhiều và phong trào đấu tranh không duy trì được lâu. Năm 1938, tổ chức của Đảng ở Cam-pu-chia lại bị khủng bố, các cơ sở cách mạng bị đàn áp.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Phát xít Nhật chiếm Đông-dương. Cả ba nước Đông-dương bị đặt chung dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Trước tình hình mới, Đảng cộng sản Đông-dương đã chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đánh giá vấn đề dân tộc một cách toàn diện hơn. Đảng nhấn mạnh: giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông-dương, và coi phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận không thể tách rời của phong trào cách mạng thế giới.

Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đông-dương (11-1939) nêu rõ: « không một dân tộc nào có thể giải phóng riêng rẽ, vì Đông-dương ở dưới quyền thống trị duy nhất của đế quốc và mặt chính trị, kinh tế và binh bị (...) sự liên hiệp các dân tộc Đông-dương không nhất thiết phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc Việt-nam, Cao-miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền quyết định vận mệnh mình theo ý muốn của mình... ».

Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng (5-1941) cũng nhấn mạnh: « ... Giờ đây, Trung ương đặt hẳn vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của mỗi nước Việt-nam, Cao-miên, Lào, với tinh thần là cách mạng giải phóng dân tộc của nhân

dân ba nước phải dựa vào nhau, mật thiết liên hệ với nhau, thúc đẩy nhau, giúp đỡ, nhau giành thắng lợi...». Hội nghị đã đề ra chủ trương giúp đỡ các dân tộc ở Cam-pu-chia, Lào thành lập tổ chức Cao-miền độc lập đồng minh và Ai-lao độc lập đồng minh. Hội nghị của Thường vụ Ban chấp hành trung ương họp ngày 28-2-1943 giao cho Xứ ủy Nam-kỳ trách nhiệm giúp Cam-pu-chia xúc tiến việc thành lập tổ chức nói trên. Nhưng sau thất bại của cuộc khởi nghĩa ngày 23-11-1940, bản thân Xứ ủy Nam-kỳ gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, hầu hết các tổ chức của Đảng ở Cam-pu-chia bị khủng bố từ năm 1938, đến lúc đó vẫn chưa được xây dựng lại. Do đó, các nghị quyết, chủ trương của Đảng cộng sản Đông-dương trong thời kỳ 1940 - 1945 đã không được triển khai ở Cam-pu-chia. Tuy vậy, đảng bộ ở Cam-pu-chia cũng cố gắng hoạt động, đã gây được phong trào phản đối chiến tranh khi ở biên giới Cam-pu-chia—Xiêm nổ ra cuộc xung đột vũ trang giữa Xiêm và Pháp (1940); Đảng cũng lãnh đạo cuộc đấu tranh của những người lái ô tô chống lệnh chở lính từ Cam-pu-chia vào Việt-nam đàn áp cuộc khởi nghĩa Nam-kỳ. Cũng trong thời gian này, sau khi cuộc vận động yêu nước do nhà sư A-cha Hem-Chieu phát động (1941 - 1942) bị bọn cầm quyền ở Phnôm Pênh đè bẹp bằng bạo lực, đám tay sai của phát xít Nhật do Sơn-Ngọc-Thành cầm đầu cũng ráo riết bày trò vận động chống Pháp hòng gây ảnh hưởng trong nhân dân.

Sau cuộc đảo chính của Nhật hất cẳng Pháp ngày 9-3-1945, chính phủ bù nhìn tay sai của phát xít Nhật—bàn do Sơn-Ngọc-Thành làm thủ tướng được dựng lên ở Phnôm Pênh. Xi-ha-núc, người kế vị vua Xi-xô-vát Mô-ni-vông, đã vội vã bỏ Pháp theo Nhật. Khi phát xít Nhật thua trận phải đầu hàng quân Đồng minh

(tháng 8-1945), thực dân Pháp nhân cơ hội đó, đem quân viễn chinh trở lại thôn tính Đông-dương lần thứ hai. Lúc này, nhân dân Cam-pu-chia chưa chuẩn bị điều kiện đề nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền như ở Việt-nam và Lào. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông-dương, nhân dân ba nước sát cánh bên nhau, đứng chung chiến hào chống kẻ thù xâm lược. Cách mạng Cam-pu-chia bước sang thời kỳ mới: thời kỳ kháng chiến chống Pháp từ cuối năm 1945 đến tháng 7-1954.

Cuộc kháng chiến chống Pháp và sự ra đời của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia.

Ngày 15-9-1945, quân Pháp nhảy dù xuống Phnôm Pênh. Chính phủ thân Nhật đổ nhào. Xi-ha-núc đại diện cho triều đình vương quốc Cam-pu-chia một lần nữa cúi đầu chấp nhận quyền « bảo hộ » của đế quốc Pháp với bản hiệp định tạm thời ký ngày 7-1-1946. Trong hiệp ước này, Pháp coi Cam-pu-chia là một nước « tự trị về nội bộ ».

Một số nhân sĩ yêu nước Cam-pu-chia lánh sang miền Nam Việt-nam, lập ra Ủy ban Cao-miền độc lập, chuẩn bị lực lượng trở về đánh Pháp. Một số khác chạy sang Thái-lan, được Việt kiều giúp đỡ tổ chức ra Ủy ban dân tộc giải phóng Khor-me.

Dưới sự chỉ đạo và giúp đỡ trực tiếp của các đảng bộ Đảng cộng sản Đông-dương ở Nam-bộ, Trung-bộ Việt-nam và đặc ủy Việt kiều ở Thái-lan, những người yêu nước Cam-pu-chia liên kết với cán bộ và chiến sĩ quân tình nguyện Việt-nam, đấu tranh chống Pháp dưới hình thức vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, phát động chiến tranh du kích trong nông dân Cam-pu-chia. Tại hai tỉnh Bát-dom-boong và Xiêm-riệp gần biên giới Cam-pu-chia—Thái-lan, các nhóm vũ trang Khor-me It-xa-rác

(Kơ-me tự do) cũng dựa vào vùng rừng núi để chống Pháp.

Tháng 6-1945, một chi bộ Đảng cộng sản được thành lập ở Bát-đom-boong gồm những đảng viên người Kơ-me, trong đó có Sơn-Ngọc-Minh, người đảng viên cộng sản đầu tiên của Cam-pu-chia.

Tháng 11-1946, một nhóm vũ trang Kơ-me It-xa-rắc được sự phối hợp của một đơn vị chiến đấu vũ trang của đặc ủy Việt kiều ở Thái-lan đã tiến công thị xã Xiêm-riệp, làm chủ thị xã trong mấy ngày liền, gây tiếng vang rộng lớn. Chiến thắng này cổ vũ nhân dân Cam-pu-chia đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Pháp.

Lúc bấy giờ, trên chiến trường Đông-dương, Cam-pu-chia là nơi lực lượng chiếm đóng của Pháp yếu và có nhiều sơ hở. Được sự ủng hộ của nhân dân, các lực lượng kháng chiến ở Cam-pu-chia đã mở rộng địa bàn hoạt động ở nhiều vùng trong nước.

Năm 1947, khu căn cứ kháng chiến được thành lập ở vùng Đông Nam Cam-pu-chia. Với sự tham gia lãnh đạo của các đồng chí Tu Xa-mút, Keo Ma-ni, liên quân Cam-pu-chia - Việt-nam đã giải phóng nhiều xã, ấp trong tỉnh Prây-veng. Năm 1948, vùng Đông Bắc cũng xây dựng thêm khu căn cứ. Ở phía đông Cam-pu-chia, bộ đội Cam-pu-chia mang tên Xi Vô-tha được lực lượng vũ trang Việt-nam giúp sức, đã giải phóng nhiều vùng thuộc tỉnh Xvây-riêng. Tháng 3-1948, Ủy ban dân tộc giải phóng Tây Nam Cam-pu-chia do đồng chí Sơn-Ngọc-Minh đứng đầu được thành lập. Tinh thần yêu nước, chống Pháp được thức tỉnh rộng rãi, nhanh chóng và không ngừng lên cao trong các tầng lớp nhân dân bao gồm cả tri thức, sư sãi. Đồng bào quần chúng được tập hợp dưới ngọn cờ kháng chiến cứu nước của Mặt trận Kơ-me It-xa-rắc do Đảng lãnh đạo. Cơ sở của Đảng được xây dựng và phát triển ở nhiều

vùng nông thôn và thành thị. Đến tháng 3-1949, ở hai tỉnh Xtung-treng và Cro-chi-ê mở ra được một vùng giải phóng liên hoàn, rộng hàng nghìn ki lô mét vuông. Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong vài năm, lực lượng kháng chiến ở Cam-pu-chia đã giành chính quyền bộ phận ở nhiều vùng nông thôn và một số vùng ven thành phố, thị xã. Trên đất Cam-pu-chia, từ biên giới giáp Thái-lan đến biên giới giáp Việt-nam, đã hình thành một hành lang giao thông tương đối ổn định.

Cuối năm 1949, chính quyền cách mạng Cam-pu-chia đã được thành lập ở 418 xã (trong tổng số trên 1000 xã) thuộc 40 huyện trong 10 tỉnh. Khu căn cứ và vùng giải phóng đã có 1 triệu dân. Các tổ chức cách mạng kết nạp được 107 000 hội viên. Đã có trên 80 000 dân quân du kích (mỗi xã có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội vũ trang). Đến năm 1950, tất cả các tỉnh của Cam-pu-chia đều có lực lượng kháng chiến hoạt động. Lúc này, đảng bộ Đảng cộng sản Đông-dương ở Cam-pu-chia theo chủ trương của Ban lãnh đạo đảng bộ, lấy tên là *Ban cán sự Đảng toàn quốc Cam-pu chia*.

Từ ngày 17 đến 19-4-1950, Mặt trận Kơ-me It-xa-rắc họp Đại hội đại biểu toàn quốc. Đại hội bầu ra Ủy ban Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc do đồng chí Tu Xa-mút làm Chủ tịch. Đại hội cũng cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng trung ương lâm thời (tức chính quyền kháng chiến toàn quốc) do đồng chí Sơn-Ngọc-Minh đứng đầu, vạch ra đường lối kháng chiến và thông qua quốc kỳ, quốc ca. Trong dịp này, bản Tuyên ngôn độc lập của nước Cam-pu-chia đã được công bố trước nhân dân trong nước và trên thế giới.

Những sự kiện kể trên có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó đánh dấu bước phát triển rất to lớn và vẻ vang của cách mạng Cam-pu-chia cùng

với sự thống nhất các lực lượng kháng chiến trong cả nước dưới sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất trên toàn chiến trường Cam-pu-chia. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cách mạng Cam-pu-chia được thành lập và cùng với chính quyền cách mạng Việt-nam hình thành liên minh chiến đấu thật sự giữa nhân dân hai nước chống kẻ thù chung.

Ngày 19-6-1951, các lực lượng vũ trang Cam-pu-chia hợp nhất chính thức ra mắt nhân dân trong một cuộc mít tinh lớn tại xã Com-puông Tơ-ra-pông, huyện Xơ-na-ôm-bầu, tỉnh Cam-pốt, với tên gọi là *Bộ đội It-xa-rắc*. Đó là ngày truyền thống vẻ vang của các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên của Cam-pu-chia cũng phát triển mạnh hơn trước. Năm 1949, cả nước chỉ mới có 21 đảng viên người Kơ-me, đến tháng 12-1950, đã có tới 300 đảng viên, sinh hoạt trong 27 chi bộ quân đội, 28 chi bộ xã, ấp, 4 chi bộ xí nghiệp và 1 chi bộ thành phố. Phần lớn đảng viên xuất thân từ nông dân lao động, một số thuộc tầng lớp tiểu tư sản học sinh hoặc nguyên là sư sãi yêu nước. Hầu hết đều trung thành với cách mạng, chịu đựng gian khổ, có tinh thần trách nhiệm cao và có nhận thức đúng về mối quan hệ đoàn kết Cam-pu-chia - Việt-nam. Lực lượng đó đã được đào tạo, rèn luyện, bồi dưỡng để trở thành nòng cốt trong các cấp lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia sau này.

Sự nghiệp kháng chiến càng phát triển thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường. Trước chuyển biến mới của tình hình cách mạng ở ba nước Đông-dương và trên thế giới, Đảng cộng sản Đông-dương họp Đại hội đại biểu toàn quốc thứ II (tháng 2-1951). Đại hội quyết định Đảng ra hoạt động công khai và tổ chức lại

cho thích hợp với tình hình mỗi nước.

Ở Việt-nam, Đảng lấy tên là Đảng lao động Việt-nam có sứ mệnh vừa tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ta, vừa có nghĩa vụ giúp đỡ các đảng cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia đấu tranh giành thắng lợi.

Ngày 11-3-1951, *Hội nghị liên minh Việt-nam, Kơ-me, Lào* được triệu tập, gồm đại biểu ba mặt trận dân tộc thống nhất ở ba nước: Liên Việt, Kơ-me It-xa-rắc, Lào It-xa-la. Hội nghị đã củng cố hơn nữa khối đoàn kết của nhân dân ba nước chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ, nhằm đạt mục tiêu chung là giải phóng đất nước, giành độc lập dân tộc.

Ngày 28-6-1951, những người cộng sản Cam-pu-chia đã họp Đại hội và quyết định thành lập *Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia*. Kế tục sự nghiệp của Đảng cộng sản Đông-dương, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, nhận trách nhiệm lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Cam-pu-chia. Đại hội bầu ra Ban lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là hai đồng chí Sơn-Ngọc-Minh và Tu Xa-mút.

Sự ra đời của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia - đội tiên phong của nhân dân và dân tộc Cam-pu-chia, gồm những người yêu nước và dân chủ trung thành nhất, hăng hái nhất và hy sinh nhất trong hàng ngũ kháng chiến - đã thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia phát triển mạnh mẽ. Ảnh hưởng của phong trào kháng chiến do Đảng lãnh đạo ngày càng sâu rộng trong nhân dân khiến thực dân Pháp lo lắng, buộc phải bày tỏ trao trả « độc lập » cho vương quốc Cam-pu-chia. Đồng thời, chúng vội vã dựng lên một số đảng phái chính trị khác hòng lừa gạt dư luận. Nhưng các thủ đoạn

đó không làm giảm được tinh thần chiến đấu ngoan cường của nhân dân Cam-pu-chia.

Cuộc chiến tranh của thực dân Pháp xâm lược Đông-dương ngày càng bị thất bại nặng nề và đi vào bế tắc. Phối hợp với quân và dân hai nước Việt-nam và Lào, quân và dân Cam-pu-chia đã đẩy mạnh chiến tranh du kích đều khắp trong cả nước, liên tiếp gây cho địch nhiều tổn thất lớn, góp phần vào thắng lợi oanh liệt năm 1954 của ba nước Đông-dương.

Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về lập lại hòa bình ở Đông-dương nêu rõ nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia và ghi nhận việc rút quân Pháp khỏi lãnh thổ Cam-pu-chia. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng chưa từng có của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng sau gần một trăm năm đấu tranh chống đế quốc thực dân giành giải phóng dân tộc. Đó cũng là thắng lợi của đường lối kháng chiến đúng đắn do đảng Mác-Lê-nin vạch ra và lãnh đạo thực hiện, là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu vĩ đại của nhân dân ba nước Đông-dương anh em được sự đồng tình và ủng hộ của loài người tiến bộ.

Tuy nhiên, do âm mưu và hoạt động đen tối của bè lũ đế quốc cấu kết với giới cầm quyền Trung-quốc tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 cho nên nhân dân Cam-pu-chia chưa giành được thắng lợi tương xứng với thành quả đấu tranh của mình. Sự phản bội xấu xa, bần thiêu của những người cầm quyền Trung-quốc qua giải pháp Giơ-ne-vơ đã phá hoại thành quả kháng chiến của nhân dân Cam-pu-chia khiến cho lực lượng kháng chiến Cam-pu-chia không có khu vực tập kết và buộc phải phục viên tại chỗ. Chính quyền ở Cam-pu-chia vẫn tiếp tục nằm trong tay giai cấp phong kiến và bon tư sản quan liêu. Điều

đó không phản ánh đúng so sánh lực lượng trên chiến trường lúc bấy giờ.

Rõ ràng, trước khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, sự nghiệp kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy. Gần 1/2 số dân và 2/3 đất của Cam-pu-chia đã được giải phóng. Lực lượng vũ trang cách mạng đã có tới 5 vạn dân quân, du kích, tự vệ chiến đấu và 41 trung đội bộ đội tập trung ở huyện; 63 huyện trong số 89 huyện có cơ sở cách mạng (trong đó, 36 huyện có cơ sở vững chắc, thường có các hoạt động du kích). Các đoàn thể cách mạng bao gồm tới 790000 hội viên. Đến tháng 10-1954, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia có khoảng 1800 đảng viên sinh hoạt trong 165 chi bộ, hầu hết là trong các chi bộ nông thôn; 50 trong 89 huyện đã có huyện ủy.

Sau khi hòa bình được lập lại, trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia chuyển hướng từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Đảng đã đưa hơn 1000 cán bộ, chiến sĩ trong đó có 190 đảng viên sang miền Bắc Việt-nam để học tập. Phần lớn các tổ chức của Đảng đều hoạt động bí mật. Một số cán bộ Cam-pu-chia được cử ra hoạt động công khai hợp pháp, lấy tên là nhóm Pra-chê-a-chon (Nhân dân) do đồng chí Keo Mia phụ trách.

Từ năm 1955 trở đi, nhân dân Cam-pu-chia tiếp tục đấu tranh để củng cố nền độc lập, hòa bình, trung lập chống đế quốc Mỹ can thiệp và xâm lược. Phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo trong nhiều năm liền đã bị bọn cầm quyền phản động tìm cách đàn áp, khủng bố ác liệt. Đặc biệt là trong thời kỳ này, bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry đội lốt "cách mạng" đã chui lọt vào Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, ráo riết hoạt động gây chia

rẽ, bẻ phái và thực hiện được âm mưu chiếm quyền lãnh đạo trong Đảng.

Lịch sử cách mạng Cam-pu-chia

trải qua một thời kỳ vô cùng đen tối. Lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề. Tổ chức của Đảng bị phá hoại hết sức nghiêm trọng.

II

ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA TRONG THỜI KỲ ĐẦY THỦ THÁCH VÀ BỊ TỔN THẤT NẶNG NỀ

Hoạt động của Đảng trong giai đoạn đấu tranh chính trị.

SAU khi hòa bình được lập lại ở Đông-dương (7-1954), đế quốc Mỹ phá hoại việc thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, lấn dần rồi gạt hẳn thực dân Pháp, mưu biến khu vực có vị trí chiến lược quan trọng này thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng.

Ở Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ tung mỗi «viện trợ» kinh tế và quân sự, tạo ra trong nội bộ giai cấp cầm quyền một tầng lớp tay sai làm chỗ dựa để thực hiện chính sách thực dân mới của chúng. Rõ ràng chúng đã trở thành kẻ thù nguy hiểm và trực tiếp của nhân dân Cam-pu-chia.

Xi-ha-núc đại diện cho giai cấp thống trị Cam-pu-chia ráo riết hoạt động nhằm hạn chế ảnh hưởng của các lực lượng cách mạng do Đảng lãnh đạo, đồng thời xây dựng lực lượng chính trị làm hậu thuẫn cho việc củng cố vị trí cầm quyền của y. Xi-ha-núc thể hiện tính chất hai mặt: một mặt do bản chất phản động của giai cấp thống trị, y thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; mặt khác, y cũng muốn lợi dụng thế cân bằng giữa hai thế lực chính trên thế giới để đi theo con đường hòa bình, trung lập, hy vọng tranh thủ viện trợ của cả các nước tư bản chủ nghĩa lẫn các nước xã hội chủ nghĩa để phát triển kinh tế, văn hóa.

Bước vào giai đoạn đấu tranh mới này, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia xác định nhiệm vụ tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ mà mục tiêu trước mắt là chống âm mưu nô dịch thực dân mới của đế quốc Mỹ, bảo vệ độc lập dân tộc, giữ vững hòa bình, trung lập; đấu tranh đòi thực hiện dân sinh, dân chủ, chống sự khống chế của giai cấp thống trị, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng cách mạng của quần chúng.

Đảng đã vận dụng sách lược vừa mềm dẻo vừa kiên quyết đối với chính quyền Xi-ha-núc; một mặt khuyến khích, ủng hộ và hợp tác đối với những chủ trương tích cực của chính phủ vương quốc như theo đuổi chính sách độc lập, hòa bình, trung lập; mặt khác dựa vào quần chúng và liên kết với bộ phận tiến bộ trong giới cầm quyền ngăn chặn và đẩy lùi các mặt tiêu cực như hạn chế đi đến cấm đoán tự do dân chủ, đàn áp xu hướng tiến bộ, bắt người bừa bãi.

Đường lối của Đảng thể hiện công khai qua nhóm «Nhân dân», đã được nhân dân đồng tình và hưởng ứng rộng rãi. Báo chí công khai của Đảng cũng góp phần quan trọng đưa chủ trương, chính sách của Đảng thâm nhập các tầng lớp trung gian và nhân dân lao động ở thành thị. Trong nhiều năm liền, phong trào đấu tranh chính trị do Đảng lãnh đạo thu hút đông đảo quần chúng thành thị và nông

thôn tham gia. Chủ trương của Đảng chống ách nô dịch của đế quốc Mỹ, giữ vững hòa bình, độc lập, trung lập của Cam-pu-chia có ảnh hưởng lớn trong hàng ngũ thanh niên, học sinh, trí thức. Các cuộc đấu tranh của nông dân chống bọn địa chủ và quan lại địa phương áp bức, bóc lột (3), chống phân biệt đối xử với những người kháng chiến cũ.... cũng liên tục nổ ra ở nông thôn.

Trước ảnh hưởng sâu rộng của cách mạng, chính quyền Phnôm Pênh lo ngại và tìm cách đối phó. Tháng 3-1955, Xi-ha-núc tuyên bố từ bỏ ngôi vua, lập ra *Xăng-cum Re-e-xlơ Ni-yum* (Cộng đồng xã hội bình dân) gồm nhiều đảng phái. Về thực chất, việc làm đó của Xi-ha-núc nhằm lôi kéo quần chúng, kìm hãm phong trào cách mạng và tạo thế chính trị mới cho y. Đồng thời đề ve vãn, lừa bịp nhân dân, chính quyền Phnôm Pênh cũng ban bố một số « cải cách dân chủ »

Tháng 9-1955, Vương quốc Cam-pu-chia tiến hành tổng tuyển cử bầu quốc hội. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đưa người ra ứng cử, nhưng do bị bộ máy cầm quyền khống chế trong cuộc vận động tranh cử, Đảng không giành được ghế nào trong quốc hội. Tuy vậy, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng đã làm cho giới cầm quyền không dám công khai câu kết với đế quốc Mỹ, phải chịu áp lực của quần chúng, tuyên bố theo đuổi chính sách hòa bình, trung lập tích cực (4). Tháng 7-1956, chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia đặt quan hệ ngoại giao và nhận viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Trước diễn biến tích cực ở Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ ráo riết tiến hành hàng loạt hoạt động phá hoại nền độc lập và hòa bình của Cam-pu-chia mà đỉnh cao là « kế hoạch Băng-cốc », hòng lật đổ chính quyền trung lập của Xi-ha-núc (5).

Từ năm 1956 đến năm 1962, phong trào quần chúng đấu tranh tẩy chay « viện trợ » Mỹ, đòi cắt quan hệ ngoại giao với Mỹ.... diễn ra ngày càng mạnh ở các thành phố, nổi bật là cuộc biểu tình chống Mỹ của hàng vạn học sinh, sinh viên ở Phnôm Pênh hồi tháng 10-1961.

Trước tình hình đó, chính quyền Xi-ha-núc lo lắng, đã cùng với bọn cực đoan thân Mỹ trong giai cấp thống trị tìm cách ngăn chặn và đàn áp phong trào. Chúng bắt bớ, khủng bố hàng loạt, nhất là đối với nhân dân vùng kháng chiến cũ. Nhiều trí thức bị giam giữ trái phép (6). Một số cán bộ cách mạng hoạt động công khai bị thủ tiêu.

Đại hội thứ II của Đảng nhân dân cách mạng (9-1960) và việc củng cố Đảng.

Thủ đoạn khủng bố của bọn phản động cực hữu trong chính quyền Phnôm Pênh đã làm cho một số cán bộ, đảng viên dao động. Họ không nhận rõ tính chất đúng đắn của đường lối chiến lược, sách lược đấu tranh của Đảng trong thời kỳ này. Các cấp bộ Đảng, nhất là ở cơ sở, do chưa có kinh nghiệm đấu tranh chính trị, đấu tranh hợp pháp cho nên gặp khó khăn, lúng túng trong việc giữ vững phong trào. Ở nhiều nơi, tổ chức cơ sở của Đảng bị tê liệt, rệu rã. Đối

(3) Theo số liệu chưa đầy đủ, từ năm 1960 đến năm 1968, ước tính có tới 2 000 cuộc đấu tranh của nông dân về vấn đề ruộng đất.

(4) Ngày 14-12-1955, sau khi được vào liên hợp quốc, Cam-pu-chia khẳng định đi theo con đường trung lập và thi hành chính sách hoàn toàn độc lập.

Tháng 2-1956, Cam-pu-chia tuyên bố không gia nhập khối SEATO.

(5) Kế hoạch này do ba tên tay sai của Mỹ là Sơn-Ngọc-Thành, Xam Xa-ry, Đép Chuôn tiến hành, nhưng đã bại lộ và bị đập tan vào đầu tháng 3-1959.

(6) Đầu năm 1962, 14 người trong nhóm « Nhân dân » bị bắt giữ ở Com-puông Châm và bị giam cho đến năm 1970.

ngũ đảng viên bị giảm nhanh chóng (7).

Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp trung ương cũng bị suy yếu nghiêm trọng. Cuối năm 1958 Siêu Heng, một cán bộ chủ chốt trong Ban chấp hành trung ương làm thời đầu hàng địch. Một số ủy viên trung ương khác phụ trách công tác nông thôn thì hầu như không hoạt động suốt từ năm 1955 đến năm 1958 để tránh bị lộ. Chỉ còn lại đồng chí Tu Xa-mút, phó bí thư, là còn tiếp tục chỉ đạo công tác đấu tranh chính trị ở thành thị.

Các cấp bộ Đảng ở địa phương suốt mấy năm liền mất hẳn phương hướng đấu tranh. Phong trào ở nhiều nơi bị ngưng trệ. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia bị khủng hoảng nghiêm trọng cả về tư tưởng lẫn tổ chức. Đây là thời cơ để các phần tử cơ hội, dân tộc cực đoan, khoác chiếc áo "cộng sản" từ nước ngoài về, thực hiện ý đồ đen tối: chui lọt vào Ban chấp hành trung ương, chiếm quyền lãnh đạo cách mạng.

Ngày 30-9-1960, Đại hội thứ II của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia được triệu tập, họp bí mật tại Phnôm Pênh nhằm chấn chỉnh và củng cố các cơ sở của Đảng để tăng cường hiệu lực lãnh đạo cách mạng.

Đại hội đã thông qua Cương lĩnh chính trị và Điều lệ của Đảng đã được biên soạn lại cho phù hợp với tình hình mới. Cơ cấu ban lãnh đạo của Đảng có sự thay đổi đáng chú ý. Ban chấp hành trung ương mới gồm 8 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, đứng đầu là đồng chí bí thư Tu Xa-mút. Lần này, Xa-lốt Xo (tức Pôn Pốt), ủy viên thành ủy Phnôm Pênh và cả lêng Xa-ry, cán bộ của thành ủy đều được bầu là ủy viên chính thức của Ban chấp hành trung ương; riêng Pôn Pốt có chân trong Ban thường vụ.

Điều đáng chú ý là Pôn Pốt và lêng Xa-ry đều đã từng học ở Pháp

và hoạt động trong nhóm "sinh viên cộng sản Khơ-me". Cuối năm 1953, Pôn Pốt về nước, tìm cách chui vào Đảng dân chủ (8) để hoạt động, nhưng không được. Sau đó, y tìm chỗ đứng trong Mặt trận It-xa-rắc do đồng chí Sơn-Ngọc-Minh lãnh đạo, và tham gia Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia. Trước Đại hội thứ II của Đảng, Pôn Pốt công tác tại thành ủy Phnôm Pênh, phụ trách vận động viên chức. lêng Xa-ry về nước năm 1957, hoạt động hợp pháp ở Phnôm Pênh.

Bọn cơ hội Pôn Pốt—lêng Xa-ry chiếm trọn quyền lãnh đạo Đảng.

Chẳng bao lâu, Pôn Pốt và lêng Xa-ry giành được những vị trí quan trọng trong cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Qua việc móc nối và khôi phục hoạt động của số đông cán bộ, đảng viên và tổ chức cũ của Đảng bị đứt liên lạc, Pôn Pốt khôn khéo, nhanh chóng gây ảnh hưởng và uy tín cho cá nhân y, dần dần đưa Đảng đi theo chiều hướng lệch lạc. Do Pôn Pốt gieo rắc, tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cực đoan dần dần nảy nở trong một số cán bộ, đảng viên, nhất là trong những người mới được kết nạp vào Đảng.

Sau Đại hội thứ II của Đảng, Pôn Pốt được phân công trực tiếp lãnh đạo việc học tập chính huấn, củng cố tổ chức từ trung ương đến cơ sở. Lợi dụng cơ hội đó, Pôn Pốt và lêng Xa-ry tìm mọi cách tập hợp vây cánh nhằm củng cố vị trí lãnh đạo của chúng. Trong bộ máy của Đảng ở trung ương, những phần tử cơ hội chủ nghĩa, tiểu tư sản trí thức dần

(7) Theo tài liệu của đồng chí Tu Xa-mút, hồi đó chỉ còn khoảng 1/5 đảng viên và cơ sở cách mạng hoạt động ít nhiều. Tài liệu khác cho biết: năm 1957, Đảng chỉ nắm được 850 đảng viên (so với 1398 đảng viên hoạt động ở Cam-pu-chia sau tháng 7-1954), và đến năm 1960 chỉ còn nắm được 250 người.

(8) Đảng tư sản gồm những trí thức và công chức cao cấp thành lập năm 1946.

dân chiếm giữ những vị trí lãnh đạo chủ chốt. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia bị biến chất nhanh chóng, rõ rệt. ◊

Ngoài việc từng bước loại bỏ những cán bộ, đảng viên chân chính, có năng lực và uy tín trong bộ máy lãnh đạo của Đảng ở các cấp, bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry thâm độc đã nuôi ý đồ sớm thủ tóm trọn quyền hành vào tay chúng. Trong sự kiện đồng chí bí thư Tu Xa-mút đột nhiên « mất tích » (8-1962) do chính Pôn Pốt tung ra, không loại trừ có bàn tay chủ mưu độc ác của y. Hành động cực kỳ ghê tởm đó mở đường cho Pôn Pốt đẩy nhanh quá trình phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia.

Trong thời gian này, chính quyền Cam-pu-chia do các thế lực phản động cực đoan lũng đoạn, ráo riết lũng sức, khủng bố các lực lượng cách mạng và tiến bộ. Bộ phận hoạt động công khai của Đảng không hoạt động được nữa.

Tháng 1-1963, Pôn Pốt triệu tập « đại hội đảng » (9) nhằm hợp thức hóa địa vị lãnh đạo cao nhất của y. Cuộc họp chỉ tập trung giải quyết vấn đề tổ chức, bầu bổ sung Ban chấp hành trung ương, cử bí thư và các ủy viên thường vụ. Những người không an cánh với bọn Pôn Pốt bị gạt ra ngoài, tay chân thân cận của chúng được đưa vào Ban chấp hành trung ương (10). Cũng tại « đại hội » này, Pôn Pốt thực hiện việc thay đổi tên Đảng, nhằm xóa nhòa truyền thống đấu tranh của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia mà tiền thân là đảng bộ Cam-pu-chia của Đảng cộng sản Đông-dương trước đây (việc này cũng đã được Pôn Pốt nêu ra từ đại hội thứ II của Đảng (9-1960) nhưng lúc bấy giờ không được các đại biểu có mặt đồng tình).

Bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry chiếm được quyền lãnh đạo trong Đảng

nhưng chúng không phân tích được đúng đắn tình hình chính trị — xã hội Cam-pu-chia, không thấy được đối tượng chủ yếu của cách mạng đề tập trung mũi nhọn đấu tranh, cũng không nhận rõ được lực lượng cần tranh thủ để phân hóa, cô lập kẻ thù của nhân dân, không gán việc đánh giá tình hình và vạch đường lối, nhiệm vụ cho cách mạng Cam-pu-chia với việc phân tích tính chất và xu thế chung của thời đại, của phong trào cách mạng thế giới, với thế chiến lược chung của ba nước Đông-dương. Bọn chúng trước sau vẫn chỉ là những phần tử cơ hội chủ nghĩa, tự nhận là « mác xít » nhưng thật ra lại không hiểu biết gì về học thuyết Mác — Lê-nin (11).

Bản thân Pôn Pốt có nhiều tham vọng lớn. Cuối năm 1965, y sang Trung-quốc với mục đích tìm chỗ dựa lâu dài. Bị tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh nhồi sọ, y nhanh chóng tôn thờ chủ nghĩa Mao và xem đó là « chủ nghĩa Mác — Lê-nin thời nay ».

Trở về Cam-pu-chia, Pôn Pốt cũng đồng bọn thông qua một loạt nghị quyết về đường lối đối nội, đối ngoại, về các chủ trương xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng, đấu tranh vũ trang, v.v.. nội dung chứa đựng nhiều quan điểm sai lệch theo tư tưởng và lý luận phản động của chủ nghĩa Mao.

(9) Từ đây trở đi, các « đại hội đảng » của Pôn Pốt đều được coi là không có giá trị và không được công nhận trong lịch sử đấu tranh của Đảng ở Cam-pu-chia.

(10) Trong số 12 ủy viên Ban chấp hành trung ương mới, có 1/3 là những người thuộc nhóm « sinh viên cộng sản Khor-me » ở Pháp về Lân này. lêng Xa-ry lọt vào ban thường vụ. Keo Mia, một cán bộ lãnh đạo có năng lực bị gạt ra khỏi Trung ương với lý do « sợ bị lộ » vì đã hoạt động công khai nhiều năm.

(11) Chính Pôn Pốt cũng như cộng sự của y thường cho rằng học thuyết Mác — Lê-nin « có nhiều vấn đề phức tạp », nên chưa cần học tập, và « quan trọng là dựa vào phong trào » vì « phong trào quần chúng trong từng nước cũng tổng kết được chủ nghĩa Mác — Lê-nin » (1).

Lúc này, ở trong nước Xi-ha-núc áp dụng chính sách « cân bằng lực lượng » để duy trì thể trung lập, bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, nhưng y vẫn lợi dụng thể lực cực hữu thân Mỹ do Lon Non cầm đầu để đàn áp phong trào cách mạng và hạn chế ảnh hưởng của các nước xã hội chủ nghĩa lan vào Cam-pu-chia.

Nhưng, xu thế chung của phong trào cách mạng ở Đông-dương và Đông Nam Á vẫn đòi hỏi cách mạng Cam-pu-chia tiếp tục tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ và tiến bộ để giữ vững hòa bình, độc lập, trung lập, đồng thời ủng hộ, hợp tác và thúc đẩy chính quyền Xi-ha-núc kiên trì chính sách hòa bình, trung lập tích cực, chống sự can thiệp và xâm nhập của đế quốc Mỹ. Mặt khác, Đảng cũng cần có thêm điều kiện và thời gian để phát huy ảnh hưởng của mình, xây dựng và phát triển lực lượng mọi mặt.

Tháng 3-1967, bọn Pôn Pốt họp hội nghị « Ban thường vụ trung ương » mở rộng, có những đánh giá sai lầm về tình hình cách mạng Cam-pu-chia. Chúng cho rằng Đảng đã giành ưu thế tuyệt đối so với giai cấp cầm quyền, rằng phong trào dân tộc dân chủ của Cam-pu-chia đã ở vào giai đoạn trực tiếp cách mạng và đang chuyển lên cao trào; do đó có thể phát động đấu tranh vũ trang đánh đổ chính quyền của Xi-ha-núc. Trong khi các cơ sở cách mạng chưa được xây dựng và củng cố vững chắc, bọn Pôn Pốt chủ trương thực hiện đường lối « chiến tranh nhân dân » của Mao, phát động « nội chiến cách mạng » (!)

Đầu tháng 4-1967, ở vùng Xam-lốt tỉnh Bát-đom-boong, đã nổ ra vụ nông dân nổi dậy tiến công vũ trang vào bộ máy chính quyền địa phương. Năm 1968, một cuộc bạo động vũ trang của các dân tộc thiểu số lại nổ ra ở tỉnh Rát-la-na-ki-ri, vùng đông bắc Cam-pu-chia. Các cuộc nổi dậy có

tính chất mạnh động ấy bị tổn thất nặng, hàng nghìn người bị đàn áp, đẫm máu, xóm làng bị đốt phá, cơ sở cách mạng tan vỡ, khu căn cứ bị thu hẹp, hoạt động của Đảng càng khó khăn hơn.

Rõ ràng, chủ trương của bọn Pôn Pốt phát động « nội chiến » chống chính quyền vương quốc từ năm 1967 đến cuối năm 1969 khiến thể lực cực hữu tay sai của Mỹ ở Phnôm Pênh có thêm cơ để tăng cường hoạt động, mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong bộ máy cầm quyền. Bọn phong kiến quan liêu, quân phiệt liên kết với bọn tư sản mại bản càng nắm chặt quyền lực.

Tình hình đó dẫn tới vụ đảo chính ngày 18-3-1970 của tập đoàn phản động Lon Non — Xi-ri-ch Ma-tác lật đổ Xi-ha-núc, tạo điều kiện cho quân Mỹ và quân nguy Sài-gòn xâm nhập Cam-pu-chia, gây thảm họa chiến tranh tàn khốc.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia.

Cuộc đảo chính thân Mỹ với cái quái thai « cộng hòa Khor-me » càng làm cho nội bộ giai cấp thống trị ở Cam-pu-chia mâu thuẫn gay gắt và phân hóa cao độ. Nhân dân Cam-pu-chia coi đó là thời cơ vùng lên giành chính quyền, nhanh chóng phát triển lực lượng, kịp thời xoay chuyển tình thế, đưa cách mạng tiến những bước nhảy vọt. Được sự phối hợp kịp thời và tích cực của bộ đội tình nguyện Việt-nam, các lực lượng yêu nước Cam-pu-chia đã liên tục tiến công địch, giành nhiều thắng lợi to lớn. 17 trong số 20 tỉnh, thành ở Cam-pu-chia đã nổi dậy đấu tranh vũ trang chống các thế lực phản động tay sai của Mỹ. Chưa đầy nửa tháng (từ 18-3 đến 31-3-1970) nhân dân và các đơn vị cách mạng vũ trang đã tiến công và làm chủ hơn 40 huyện lỵ, thị trấn và hàng trăm xã, ấp thuộc 10 tỉnh ở vùng

đồng bắc và tây nam Cam-pu-chia. Toàn bộ đường giao thông chiến lược nối liền thủ đô Phnôm Pênh với các tỉnh bị cắt đứt. Phần lớn nông thôn được giải phóng với hơn 4 triệu dân trong tổng số 7 triệu dân Cam-pu-chia lúc đó. Chính quyền cách mạng các cấp được thành lập ở nhiều nơi.

Ngày 23-3-1970, *Mặt trận đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia* ra đời. Bản cương lĩnh chống Mỹ, cứu nước được công bố ngày 5-5-1970, đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân Cam-pu-chia kháng chiến chống Mỹ, tên đế quốc xâm lược đầu sỏ, nguy hiểm nhất.

Lúc này, một sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đã diễn ra: *Hội nghị cấp cao của nhân dân ba nước Đông-dương* họp trong hai ngày 24 và 25-4-1970 thành công rực rỡ; tại hội nghị này đã hình thành khối đoàn kết chiến đấu và sự liên minh chiến lược giữa nhân dân ba nước Việt-nam - Cam-pu-chia - Lào, chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ phản động tay sai của chúng.

Trước tình hình đó, đế quốc Mỹ đã liều lĩnh ném 10 vạn quân Mỹ và quân ngụy Sài-gòn vào chiến trường Cam-pu-chia hòng cứu nguy cho bọn Lon Non và đè bẹp lực lượng kháng chiến. Từ năm 1970 đến năm 1974, nhân dân Cam-pu-chia đã chịu đựng nhiều cuộc đánh phá dã man của địch với lực lượng bộ binh, cơ giới và không quân rất lớn, và đã liên tiếp giáng trả chúng những đòn nặng nề. Các cuộc hành quân quy mô lớn mang tên "Thần lửa" (30-1 - 30-6-1970), "Chen-la I" (7-9 - cuối 12-1970), "Toàn thắng 1-1971" (1-2 - 3-3-1971), "Chen-la II" (20-8 - 12-1971)... rồi cuộc bị tổn thất nặng nề. Chiến lược "Khơ-me hóa chiến tranh" bị phá sản. Quân địch ngày càng bị động, rệu rã.

Chiến thắng vang dội ở đường 9 - Nam Lào (đầu năm 1971) và thắng lợi to lớn của cuộc tiến công chiến lược

ở miền Nam Việt-nam (từ tháng 3-1972), càng tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia. Bị thua to trên chiến trường Đông-dương, đế quốc Mỹ và bè lũ cuối cùng phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt-nam (27-1-1973), chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân Mỹ ra khỏi Đông-dương. Đây không những là thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân Việt-nam mà còn là thắng lợi rất to lớn của nhân dân ba nước Đông-dương cùng sát cánh bên nhau chiến đấu chống kẻ thù chung. Đây cũng là thời cơ lớn để nhân dân Cam-pu-chia tiến lên đánh bại kẻ thù.

Trong hai năm 1972 - 1973, đế quốc Mỹ tung lực lượng không quân đánh phá ác liệt Cam-pu-chia hòng ngăn chặn sự sụp đổ của ngụy quyền Lon Non (12). Nhưng sức mạnh "trên trời" của Mỹ đã không thể giải tỏa nổi vòng vây của quân và dân Cam-pu-chia ngày càng siết chặt thủ đô Phnôm Pênh và các thành phố, thị xã khác.

Đến cuối năm 1973, vùng giải phóng đã chiếm tới 90% lãnh thổ Cam-pu-chia có hơn 5 triệu dân. Đường

(12) Cuộc ném bom bằng B52 ở Cam-pu-chia bắt đầu ngày 18-3-1969, và trở thành thường xuyên. Sau khi Mỹ xâm chiếm Cam-pu-chia năm 1970, việc ném bom được tăng cường, mở rộng. Khoảng 1970 - 1971, không quân Mỹ bay mỗi tháng chừng 10 000 phi vụ ở Cam-pu-chia. Đến năm 1973, cuộc chiến tranh bằng không quân tiếp tục ác liệt: tháng 3: 24 000 tấn bom; tháng 4: 35 000 tấn và tháng 5: 36 000 tấn. Số bom ném xuống Cam-pu-chia cho đến ngày 15-8-1973 - ngày chấm dứt ném bom - là 539 129 tấn (Xem cuốn *Việt-nam Verdiet* (Lời phán quyết về Việt-nam) của Joseph Amter. Nhà xuất bản The Continuum Publishing Company, New York 1982).

Theo giáo sư Mỹ N. Chomsky, "... Mỹ ném bom Cam-pu-chia tàn khốc tới mức một tài liệu nghiên cứu của Mỹ được biên soạn sau cuộc rút lui năm 1975 đã tiên đoán rằng một triệu người sẽ chết đói và ít nhất cũng phải mất hai năm "lao động kiểu nô lệ", thì mới xây dựng lại được" (Tuần báo Mỹ *The Militant* (Người chiến sĩ) ngày 11-3-1983).

hậu cần chiến lược của ba nước được mở rộng. Viện trợ vũ khí và đồ dùng quân sự cho Cam-pu-chia từ miền Bắc Việt-nam chuyển vào tăng 10 lần so với trước. Lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân không ngừng lớn mạnh.

Cho đến mùa mưa năm 1974, mặc dù được Mỹ tăng viện trợ, ngụy quyền Phnôm Pênh vẫn không thoát khỏi tình trạng bị vây hãm, cô lập cực kỳ nghiêm trọng. Số phận của chúng hết sức mong manh.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân Việt-nam đã giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt-nam. Đối với cách mạng Cam-pu-chia, đó là thời cơ thuận lợi chưa từng có để nhân dân Cam-pu-chia giành thắng lợi hoàn toàn.

Được sự phối hợp chiến đấu của quân tình nguyện Việt-nam và sự giúp đỡ tích cực của nhân dân Lào, từ ngày 1-1-1975, quân và dân Cam-pu-chia đã mở đợt tiến công mãnh liệt vào tuyến phòng thủ của địch ở Phnôm Pênh và các thành phố khác. Sau hơn 100 ngày đêm chiến đấu, nhân dân Cam-pu-chia đã làm nên chiến thắng oanh liệt ngày 17-4-1975: giải phóng thủ đô Phnôm Pênh, giải phóng cả nước.

Sau hơn 30 năm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, nhân dân Cam-pu-chia đã vĩnh viễn xóa bỏ ách thống trị của thực dân, phong kiến trên đất nước thân yêu của mình. Cũng như thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào anh em, thắng lợi này của cách mạng Cam-pu-chia có ý nghĩa lịch sử và mang tính thời đại. Đó cũng là thắng lợi của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên thế giới.

Tuy nhiên, niềm tự hào chính đáng của nhân dân Cam-pu-chia về chiến thắng lịch sử ngày 17-4-1975 đã bị tiêu tan nhanh chóng. Ngay sau đó,

2,5 triệu dân Phnôm Pênh bị quân lính của Pôn Pốt dùng súng đạn và lưới lê cường bức phải bỏ nhà cửa và các tài sản khác, rời thành phố đến các vùng đất hoang vắng để lao động khổ sai. Từ đó, mọi tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia phải trải qua những năm tháng dọa dẫm thảm khốc chưa từng có dưới chế độ thống trị dẫm máu của tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry độc tài, hiếu chiến.

Hành động phản bội cực kỳ ghê tởm của bè lũ Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, những kẻ đội lốt « cộng sản ».

Đề biến Cam-pu-chia thành bàn đạp quân sự ở Đông-dương và Đông nam châu Á theo chiến lược bành trướng bá quyền nước lớn của Trung-quốc, tập đoàn cầm quyền phản động Phnôm Pênh, được tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh cung cấp một khối lượng rất lớn vũ khí và phương tiện chiến tranh các loại, đã khản trương xây dựng một đội quân đánh thuê khá lớn cho Trung quốc: từ 7 sư đoàn (năm 1975) lên tới 23 sư đoàn (cuối năm 1978). Năm được bạo lực phản cách mạng, bọn chúng công khai thực hiện chính sách cực kỳ phản động ở trong nước và ngoài nước.

Ở trong nước, với cuộc « cách mạng xã hội triệt để », chúng trắng trợn tước đoạt mọi quyền tự do dân chủ và mọi phương tiện sinh hoạt bình thường của nhân dân; giam cầm họ trong các trại tập trung trá hình, cưỡng bức lao động khổ sai đến kiệt sức. Chúng xóa bỏ chợ búa, tiền tệ, đóng cửa trường học, đập phá chùa miếu, chà đạp truyền thống và phong tục tốt đẹp của dân tộc. Chúng thẳng tay diệt trừ lực lượng cách mạng chân chính, ráo riết thanh trừng nội bộ, giết hại trí thức, khủng bố, tàn sát man rợ bất cứ người nào không phục tùng chúng. Trong gần 4 năm thống trị đất nước, chúng đã giết hại khoảng 3 triệu người; 4 triệu người

sống sót bị đầy đọa thảm thương. Mọi cơ cấu xã hội bị triệt hạ, đất nước điêu tàn, đồ nát, dân tộc Cam-pu-chia bị đẩy đến bờ vực thảm diệt vong (13).

Về đường lối đối ngoại, bọn Pôn Pốt—lềng Xa-ry tích cực thực hiện âm mưu thâm độc của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh, tự nguyện làm tên lính xung kích phá hoại cách mạng ba nước Đông-dương, trước hết là làm suy yếu Việt-nam, gây tình hình không ổn định ở Đông Nam châu Á, mở đường cho chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của Trung-quốc hoành hành tại khu vực này.

Đặc biệt đối với Việt-nam, người anh em chí nghĩa chí tình của nhân dân Cam-pu-chia, bè lũ Pôn Pốt—lềng Xa-ry với đầu óc dân tộc chủ nghĩa cực đoan, luôn có thái độ thù địch. Chúng xuyên tạc lịch sử, kích động « hận thù dân tộc », phủ nhận quá trình đoàn kết đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Cam-pu-chia, Việt-nam.

Lịch sử cách mạng hơn nửa thế kỷ qua đã chứng minh: tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị anh em giữa nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào đã được vun đắp và không ngừng củng cố trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng gian khổ và oanh liệt của nhân dân ba nước, là nhân tố quyết định thắng lợi của mỗi nước. Rõ ràng, sự có mặt lần thứ hai của quân tình nguyện Việt-nam trên đất Cam-pu-chia phối hợp chặt chẽ với hoạt động của quân và dân nước bạn, đã lập nên những chiến công vang dội, càng tỏ thấm truyền thống liên minh chiến đấu vốn có từ bao đời nay giữa nhân dân hai nước.

Nhưng bọn Pôn Pốt—lềng Xa-ry đã có hành động phản bội từ lâu. Ngay thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng đã thực hiện chính sách hai mặt trong mối quan hệ với

Việt-nam. Bề ngoài, chúng giả vờ đoàn kết hữu nghị vì phải dựa vào Việt-nam để được chi viện, nhất là về quân sự. Nhưng bên trong chúng gieo rắc tâm lý chống Việt-nam, coi Việt-nam là « kẻ thù truyền kiếp ». Ý đồ đó được thể hiện trong nghị quyết của hội nghị « Ban thường vụ trung ương » hồi tháng 9-1970 qua việc « đề cao lập trường độc lập tự chủ, chống tư tưởng lệ thuộc nước ngoài ». Về thực chất, hành động đó nhằm xóa bỏ tình đoàn kết gắn bó với Việt-nam trong nội bộ Đảng Cam-pu-chia.

Hộ mặt phản bội của bọn Pôn Pốt—lềng Xa-ry càng lộ rõ qua việc thanh trừng tất cả cán bộ, đảng viên Cam-pu-chia bị chúng gán cho tội « thân Việt-nam », và bằng hành động dẫm máu, chúng đã thủ tiêu dần hầu hết số cán bộ Cam-pu-chia được học tập, đào tạo ở miền Bắc Việt-nam trở về nước tham gia kháng chiến chống Mỹ (14).

Từ năm 1973, bọn Pôn Pốt—lềng Xa-ry tỏ ra rất cay cú trước thắng lợi của Việt-nam qua việc ký Hiệp

(13) Báo cáo của Ủy ban Điều tra tại ác chế độ Pôn Pốt trực thuộc Hội đồng toàn quốc Mặt trận đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Cam-pu-chia trình bày tại kỳ họp thứ năm Quốc hội nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia (8-1983) cho biết:

Theo số liệu điều tra từ 1166307 người dân sống sót ở 19 trong số 20 tỉnh và thành phố của Cam-pu-chia, thì trong gần 4 năm dưới chế độ Pôn Pốt—lềng Xa-ry—Khieu Xăm-phon, đã có 3314768 người Cam-pu-chia bị giết hại. Trong số đó có 2 746 105 người bị giết một cách tàn nhẫn. 568 663 người khác bị đưa đi mất tích. Bọn diệt chủng đã để lại ở Cam-pu-chia 141 848 người tàn tật, khoảng 200 000 trẻ mồ côi. Đất nước bị tàn phá nặng nề: 634522 ngôi nhà, 5857 trường học, 796 bệnh viện và cơ sở y tế, 1968 ngôi chùa... bị phá hủy. ☸

(14) Trong thực tế, nếu không có hơn 1000 cán bộ, đảng viên Khơ-me có năng lực từ Việt-nam trở về Cam-pu-chia ngay trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ để tăng cường đội ngũ lãnh đạo các cấp thì không thể đáp ứng được yêu cầu phát triển nhảy vọt của cách mạng Cam-pu-chia lúc đó. Vì theo số liệu của bọn Pôn Pốt, tính đến tháng 3-1970, số đảng viên chỉ còn khoảng 2000 người.

định Pa-ri. Chúng công khai chống Việt-nam như: tổ chức biểu tình đòi bỏ đội tình nguyện Việt-nam rút về nước; phục kích giết hại nhiều cán bộ, chiến sĩ Việt-nam làm nhiệm vụ giúp Cam-pu-chia đánh Mỹ, nguy; quấy rối, đánh phá các căn cứ, kho tàng, bệnh viện, cơ quan của Việt-nam tạm đóng trên đất Cam-pu-chia; thả tay đàn áp, tàn sát và trục xuất Việt kiều...

Sau khi miền Nam Việt-nam được giải phóng, bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry được Bắc-kinh xúi giục đã trắng trợn xua quân tiến đánh đảo Phú-quốc (3-5-1975), xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ Việt-nam từ Hà-tiên đến Tây-ninh (8-5-1975) và đánh đảo Thổ-chu (10-5-1975). Từ cuối năm 1975 đến đầu năm 1976, các cuộc hành quân khiêu khích và lấn chiếm đất của Việt-nam, liên tiếp diễn ra với quy mô ngày càng lớn. Và đến ngày 30-4-1977, các cuộc xung đột vũ trang do chúng gây ra được mở rộng thành cuộc chiến tranh xâm lược thật sự ở toàn tuyến biên giới phía tây nam của Việt-nam.

Nhưng cuối cùng, cuộc tiến công quy mô lớn của chúng vào biên giới Việt-nam hồi cuối tháng 12-1978 đã bị đập tan. Cuộc chiến tranh xâm lược bần thiêu đó đã làm cho đất nước Cam-pu-chia bị nhiều thiệt hại lớn về người và của.

Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng Cam-pu-chia còn phải chịu một tổn thất to lớn hơn nhiều. Do bị bọn phản bội Pôn Pốt - lêng Xa-ry phá hoại tận gốc, Đảng Cam-pu-chia lúc này không phải là đảng của giai cấp công nhân mà là một tổ chức khủng bố, độc tài, đối lập hoàn toàn với nhân dân Cam-pu-chia.

Từ cái gọi là « Ấng-ca » đây quyền lực đến « đảng cộng sản Cam-pu-chia » trá hình, tất cả chỉ là bộ máy chuyên chế đầm máu, định đoạt mạng sống của người dân Cam-pu-chia. Họ hàng, phe cánh của bọn Pôn Pốt - lêng Xa-

ry nắm toàn quyền thống trị trong đảng và trong các cơ quan Nhà nước, một chế độ độc tài gia đình trị bạo ngược chưa từng có trong lịch sử Cam-pu-chia đã được thiết lập. Hàng loạt cán bộ, đảng viên không chịu nghe và làm theo ý chúng đã bị giết hại hết sức dã man (15). Các lực lượng vũ trang do chúng nắm chặt trở thành công cụ khát máu, điên cuồng chém giết nhân dân, sát hại những người cách mạng chân chính và gây vô vàn tội ác đối với nhân dân Việt-nam.

Âm mưu thâm độc và hành động tàn bạo của bè lũ Pôn Pốt - lêng Xa-ry trước và sau khi chúng đoạt quyền lãnh đạo trong Đảng và nắm quyền thống trị đất nước, cho thấy rõ chúng là những tên giả danh « cách mạng » khoác áo « cộng sản » để phá hoại đảng, phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia. Theo lệnh của bọn hành trưởng bá quyền Trung-quốc, chúng đã thi hành chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia, biến Cam-pu-chia thành một nhà tù khổng lồ, một địa ngục trần gian.

Trước nguy cơ bị diệt chủng và trước hiểm họa đối với đất nước, nhân dân Cam-pu-chia dưới sự lãnh đạo kiên quyết của lực lượng cách mạng và yêu nước chân chính, tất yếu phải vùng lên, quật nhào chế độ thống trị đầy tội ác của bè lũ Pôn Pốt - lêng Xa-ry, tay sai của bọn hành trưởng bá quyền Trung-quốc.

(15) Theo số liệu chưa đầy đủ khai thác trong hồ sơ của bọn Pôn Pốt, bị các lực lượng cách mạng Cam-pu-chia tịch thu, những cán bộ của đảng bị giết hại gồm 4 ủy viên ban thường vụ Trung ương; 79 bí thư và ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp khu; 67 bí thư và ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh; 88 bí thư và ủy viên ban lãnh đạo các bộ, các ngành ở trung ương. Toàn ban chấp hành đảng bộ tỉnh Cô Công gồm 10 người dân tộc Thái đã bị diệt sạch ngay trong thời chống Mỹ.

Chưa kể trường hợp lãnh tụ Sơn-Ngọc-Minh trong thời gian nghỉ dưỡng sức ở Trung-quốc (năm 1972) cũng bị bọn Pôn Pốt thông đồng với Bắc-kinh ám hại.

ĐÁNH CHIẾM GRÊ-NA-ĐA, ĐỂ QUỐC MỸ ĐỀ LỘ BỘ MẶT XÂM LƯỢC HUNG ÁC CỦA NÓ

NGÀY 25-10-1983, đế quốc Mỹ đã huy động hàng chục tàu chiến, hàng chục nghìn quân đánh chiếm Grê-na-đa, một nước độc lập có chủ quyền. Đây là một hành động xâm lược trắng trợn, vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc, vi phạm các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

Lợi dụng tình hình chính trị không ổn định ở Grê-na-đa, đế quốc Mỹ đã sử dụng vũ lực can thiệp vào công việc nội bộ của Grê-na-đa, áp đặt ách thống trị thực dân mới của Mỹ lên đất nước này.

Từ ngày 13-3-1979 nhân dân Grê-na-đa đã giành được quyền làm chủ vận mệnh của mình. Việc nhân dân Grê-na-đa lựa chọn con đường phát triển tự do và độc lập, không phụ thuộc chủ nghĩa đế quốc, khiến cho đế quốc Mỹ không bằng lòng. Đế quốc Mỹ tìm mọi cách gây sức ép, buộc nhân dân Grê-na-đa từ bỏ con đường phát triển mà họ đã lựa chọn. Nhưng nhân dân Grê-na-đa anh hùng kiên quyết chống lại mọi sức ép của đế quốc Mỹ.

Một hòn đảo nhỏ chỉ vỏn vẹn 344 ki lô mét vuông, với 110 000 dân, ở ngay trước mũi của Mỹ, anh dũng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc,

là một tấm gương sáng cho các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đề tự giải phóng.

Việc nhân dân Grê-na-đa không chịu khuất phục trước sức ép của đế quốc Mỹ khiến cho đế quốc Mỹ vô cùng căm tức. Nó quyết định can thiệp vũ trang để dập tắt quá trình cách mạng ở Grê-na-đa. Mượn cớ «tình mạng của người Mỹ bị đe dọa», đế quốc Mỹ đem quân chiếm đóng Grê-na-đa. Đây không phải là lần đầu tiên Mỹ dùng luận điệu gian dối «bảo vệ tính mạng kiều dân Mỹ» để tiến hành xâm lược nước khác. Năm 1965, Mỹ đã từng dùng luận điệu gian dối đó để đem quân vào Xan-tô Đô-min-gô, ngăn cản sự phát triển của nước này theo hướng độc lập và dân chủ.

Việc Mỹ xâm lược Grê-na-đa đã làm dấy lên một làn sóng công phẫn khắp thế giới. Cả thế giới phẫn nộ lên án Mỹ xâm lược Grê-na-đa. Từ đông sang tây, khắp năm châu, ngay cả ở nước Mỹ, dư luận kịch liệt lên án hành động xâm lược của đế quốc Mỹ đối với một nước độc lập có chủ quyền. Chính phủ nhiều nước trên thế giới đã ra tuyên bố kịch liệt phản đối Mỹ xâm lược Grê-na-đa. Ở Liên

hợp quốc tuyệt đại đa số các nước lên án hành động xâm lược của Mỹ. Ngay cả đến các đồng minh chủ yếu của Mỹ cũng không dám lên tiếng ủng hộ Mỹ trong hành động bí đi xâm lược Grê-na-đa. Ngay tại nước Mỹ, nhân dân cũng phản đối hành động xâm lược của chính phủ Mỹ. Nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra ở Niu Oóc, Oa-sinh-ton, Ca-li-pho-ni-a, Ai-ô-oa,... phản đối cuộc hành quân xâm lược ở Grê-na-đa. Nhiều nghị sĩ Mỹ lên tiếng chỉ trích tổng thống Mỹ Ri-gân là « một tổng thống thích bóp cò súng », « một tổng thống có tâm lý cao bồi ». Dư luận các nước coi việc Mỹ đưa quân vào Grê-na-đa là « một điều sỉ nhục không thể tha thứ ».

Việc Mỹ đem quân xâm lược Grê-na-đa chứng tỏ rằng đi đôi với việc chạy đua vũ trang hạt nhân nhằm giành lại ưu thế chiến lược và chuẩn bị chiến tranh thế giới mới bằng vũ khí hạt nhân, đế quốc Mỹ đang ra sức can thiệp vào công việc nội bộ các nước, gây ra những cuộc chiến tranh cục bộ nhằm chống lại các nước độc lập dân tộc, trước hết là các nước đã lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Cuộc xâm lược của Mỹ ở Grê-na-đa chứng tỏ rằng đế quốc Mỹ đang ra sức phản kích chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, rằng đế quốc Mỹ đang dùng mọi hình thức can thiệp, kể cả xâm lược vũ trang, nhằm ngăn chặn xu hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội của các dân tộc đã thoát khỏi ách nô lệ thực dân ở khu vực Á, Phi, Mỹ la tinh

Cuộc xâm lăng Grê-na-đa đã bóc chiếc mặt nạ giả nhân giả nghĩa của đế quốc Mỹ khiến cho cả thế giới thấy rõ bộ mặt thật của Mỹ. Nhà cầm quyền Mỹ luôn mồm tuyên bố họ theo đuổi chính sách hòa bình. Chỉ một tháng sau khi tổng thống Mỹ Ri-gân ba hoa về hòa bình ở Đại hội đồng Liên hợp quốc, chính phủ Mỹ

đã phát động chiến tranh xâm lược Grê-na-đa. Hành động xâm lược bí đi đó chứng tỏ Mỹ là một đế quốc hiếu chiến, là kẻ thù của hòa bình. Nhà cầm quyền Mỹ rêu rao rằng họ tôn trọng độc lập và chủ quyền của các dân tộc. Việc Mỹ đem quân xâm lược Grê-na-đa là một bằng chứng hiển nhiên về việc Mỹ chà đạp thô bạo nền độc lập và chủ quyền của các dân tộc; Mỹ là kẻ thù của phong trào giải phóng dân tộc và các nước độc lập dân tộc. Nhà cầm quyền Mỹ huênh hoang tự xưng là kẻ bảo vệ nhân quyền trên thế giới. Việc quân đội Mỹ giết hại những người dân lương thiện ở Grê-na-đa, ném bom phá hoại các bệnh viện, trường học, phá hoại các cơ sở kinh tế quốc dân, làm tê liệt cuộc sống của nhân dân nước này, chứng tỏ rằng Mỹ đang dày xéo lên quyền sống của con người, chứng tỏ Mỹ là kẻ thù số một của nhân quyền.

Huy động cả hải lục không quân đánh chiếm một nước bé nhỏ mà quân đội chỉ có trên 800 người, đế quốc Mỹ vẫn không khuất phục nổi nhân dân Grê-na-đa. Những người yêu nước Grê-na-đa vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Mỹ. Nhiều người rút vào vùng rừng núi đánh du kích, một số người ở lại trong thành phố bắn tỉa bọn xâm lược Mỹ.

Cùng với việc xâm lược Grê-na-đa, Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại và chuẩn bị cuộc xâm lược vũ trang quy mô lớn chống Ni-ca-ra-goa. Mỹ uy hiếp nền an ninh của Cu-ba. Mỹ cũng đang sử dụng bọng tay sai tàn sát nhân dân En Xan-va-đo. Mỹ trắng trợn can thiệp vào công việc nội bộ các nước khác ở Trung Mỹ và Ca-ri-bê. Tổng thống Mỹ trắng trợn tuyên bố Mỹ có « quyền » thực hiện những chiến dịch bí mật chống các nước độc lập, có chủ quyền. Rõ ràng Ri-gân đang thi

hành chính sách «khủng bố Nhà nước». Từ Trung Mỹ đến Trung Đông, từ châu Phi đến châu Á, đâu đâu cũng có những tội ác do bàn tay đẫm máu của đế quốc Mỹ gây ra.

Trong khi thi hành chính sách xâm lược và can thiệp của nó, đế quốc Mỹ đã tìm thấy ở Bắc-kinh những bạn đồng hành và những tên đồng lõa. Để lừa bịp dư luận, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc giả vờ lên tiếng phản đối Mỹ xâm lược Grê-na-đa, nhưng bằng việc làm cụ thể, chúng câu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ, phối hợp hành động với đế quốc Mỹ trong việc chống phá cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Cho rằng nguyên nhân gây ra tình hình Grê-na-đa hiện nay là «sự dính liú và can thiệp của các siêu cường» (1), bọn phản bội ở Bắc-kinh tìm cách buộc Liên-xô phải chịu một phần trách nhiệm về cuộc xâm lược của Mỹ ở Grê-na-đa, tìm cách bào chữa cho tội ác của Mỹ xâm lược Grê-na-đa.

Dù cho ở Grê-na-đa hoặc ở một nơi nào đó, đế quốc Mỹ có giành được thắng lợi về mặt quân sự, thì

về mặt chính trị, nó đã bị thất bại không phương cứu chữa. Tội ác đẫm máu mà nó đã gây ra khiến cho nó bị cả loài người nguyên rủa. Chưa bao giờ đế quốc Mỹ bị cô lập trên thế giới như hiện nay. Thắng lợi quân sự mà đế quốc Mỹ hi hửng khoe khoang chỉ là tạm thời. Thời kỳ mà chủ nghĩa đế quốc làm mưa làm gió trên thế giới đã qua rồi. Thời đại ngày nay đã đổi khác. Ngày nay các dân tộc đã thức tỉnh. Chủ nghĩa xã hội đã trở thành nhân tố quyết định xu thế phát triển của xã hội loài người. Ba dòng thác cách mạng đang ở thế tiến công và tiếp tục vững bước tiến lên, dù ở nơi này hoặc nơi khác, lúc này hoặc lúc khác, có gặp trắc trở.

Sự kiện Grê-na-đa chưa phải là sự kết thúc; trái lại, đó là sự mở đầu, sự mở đầu một cuộc sa lầy mới — sau cuộc sa lầy ở Việt-nam — của đế quốc Mỹ ở Trung Mỹ và Ca-ri-bê, và có thể ở cả các nơi khác mà đế quốc Mỹ nhúng bàn tay đẫm máu của nó vào.

PHƯƠNG-SƠN

(1) « Nhân dân nhật báo », xuất bản ở Bắc-kinh, số ra ngày 6-11-1983.

« ТАПЧИ КОНГШАН » № 11 — 1983

ПЕРЕДОВАЯ — Нарастивать социалистические преобразования в частной промышленной торговле. ★ ★ ★ — Беречь здоровье народа. Выступление товарища Чыонг Тиня перед кадровыми работниками и представителями населения пров. Донгнай. **НГУЕН ХЫУ ТХО** — Народный совет — орудие осуществления права трудящихся на коллективное хозяйствование. **ЧАН КУИНЬ** — Социалистический интернационализм в действии. **ФАМ ТУЕ ЗУЕТ** — Крепить ряды рабочего класса. ★ ★ ★ — Революция и культура. **ТО КУЕН** — Народно-революционная партия Кампучии — авангард рабочего класса и всего народа. **КОММЕНТАРИЙ** ★ **ФЫОНГ ШОН** — Оккупировав Гренаду, империализм США обнажил свое лицо злостного агрессора.

REVIEW OF COMMUNISM N° 11-1983

Editorial — Stepping up Socialist Transformation of Private industry and Commerce. ★ ★ ★ — Preserving the People's Health. Comrade Truong Chinh's talk with cadres and people's delegates of Dong Nai province. **NGUYỄN-HỮU-THO** — The People's Council — The Working people's Tool for Realizing Collective Mastery. **TRẦN-QUỲNH** — Socialist Internationalism in action. **PHẠM-THẾ-DUYỆT** — Building A Strong Working Class. ★ ★ ★ — Revolution and culture. **TÔ-QUYÊN** — The Kampuchean People's Revolutionary Party — the Vanguard of the Kampuchean Working Class and People. **Commentary** ★ **PHƯƠNG-SƠN** — In attacking and invading Grenade the US imperialists have revealed their ferocious and aggressive nature.

REVUE DU COMMUNISME N° 11-1983

Editorial — Impulser les transformations socialistes dans l'industrie et le commerce privés. ★ ★ ★ — Sur la protection de la santé du peuple. Allocution du camarade Truong Chinh à l'adresse des cadres et représentants de la population de la province de Dong Nai. **NGUYỄN-HỮU-THO** — Le Conseil populaire — instrument pour l'exercice du droit de maître du peuple travailleur. **TRẦN-QUỲNH** — L'internationalisme socialiste en action. **PHẠM-THẾ-DUYỆT** — Edifier un solide contingent d'ouvriers. ★ ★ ★ — La révolution et la culture. **TÔ-QUYÊN** — Le Parti populaire révolutionnaire du Kampuchéa — détachement d'avant-garde de la classe ouvrière et du peuple kampuchéens. **Commentaire** ★ **PHƯƠNG-SƠN** — Par l'agression et l'occupation du Grenada, l'impérialisme américain lève le masque sur sa nature agressive et cruelle.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 11-1983

Editorial — Impulsar la transformación socialista de la industria y el comercio privados. ★ ★ ★ — Sobre la preservación de la salud del pueblo. Alocución del camarada Truong Chinh ante los cuadros y delegados del pueblo de la provincia de Dong Nai. **NGUYỄN-HỮU-THO** — El Consejo Popular — un instrumento del pueblo para ejercer su derecho de dueño colectivo. **TRẦN-QUỲNH** — El internacionalismo socialista en las acciones. **PHẠM-THẾ-DUYỆT** — Edificar un sólido contingente de obreros. ★ ★ ★ — Revolución y cultura. **TÔ-QUYÊN** — El Partido Popular Revolucionario de Kampuchea — la vanguardia de la clase obrera y el pueblo kampucheanos. **Comentario** ★ **PHƯƠNG-SƠN** — Con la agresión a Grenada, el imperialismo norteamericano revela su criminal rostro agresivo.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11

1983

NĂM THỨ XXIX (335)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ

TẠI MIỀN NAM :

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh	1
★ ★ ★ — Bảo vệ sức khỏe nhân dân	8
Bài nói của đồng chí Trường-Chinh với cán bộ và đại biểu nhân dân tỉnh Đồng-nai	12
NGUYỄN-HỮU-THỌ — Hội đồng nhân dân — công cụ làm chủ của nhân dân lao động	22
TRẦN-QUỲNH — Chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong hành động	27
PHẠM-THIỆ-ĐUYỆT — Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh	33
ĐẶNG-HỒI-XUÂN — Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động y tế	40
★ ★ ★ — Cách mạng và văn hóa	46
TÔ-QUYÊN — Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia — đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân Cam-pu-chia	51
Bình luận ★ PHƯƠNG-SON — Dánh chiếm Grê-na-đa, đế quốc Mỹ đề lộ bộ mặt xâm lược hung ác của nó	68

KỶ NIỆM LẦN THỨ 5 NGÀY KÝ HIỆP ƯỚC HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC VIỆT - XÔ
VÀ LẦN THỨ 66 CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

Tim đọc

- Giai đoạn mới trong quan hệ Việt-nam - Liên-xô

LÊ-ĐUẨN

- Ngọn cờ của Lê-nin và của Bác Hồ sẽ được mang đến
đích thắng lợi cuối cùng

TRƯỜNG-CHINH

- Tượng đài hùng vĩ của tình hữu nghị Việt - Xô

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

- Tình hữu nghị Việt - Xô mãi mãi xanh tươi, đời đời
bền vững

★ ★ ★

- Thắng lợi của tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện
Việt-nam - Liên-xô



IU.V. AN-ĐRÔ-PÔP

- Học thuyết C. Mác và một số vấn đề xây dựng chủ
nghĩa xã hội ở Liên-xô
- 60 năm Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



12

12.1983

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ ĐẤT NƯỚC



ON năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã lập được nhiều thành tích trong công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang, bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và bọn tay sai của chúng ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc. Phát huy tinh thần chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa cao cả, chúng ta đã giúp nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em thu được thắng lợi to lớn trong cuộc chiến đấu chống bọn đế quốc, bọn bành trướng bá quyền, các bọn phản động khác và tay sai của chúng, giành và giữ vững độc lập dân tộc. Chúng ta từng bước xây dựng quân đội nhân dân chính quy và hiện đại. Chúng ta vừa xây dựng quân đội vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại nghiêm mật của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ. Quân đội ta đã tham gia xây dựng kinh tế, lịch cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tuy vậy trong công cuộc xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng chúng ta còn có một số thiếu sót như: một số cán bộ đảng viên chưa có tinh thần cảnh giác đầy đủ đối với kẻ thù mới của nhân dân ta; công tác chính trị tư tưởng chưa được coi trọng đúng mức; quản lý quân đội thiếu chặt chẽ; thiếu kế hoạch cụ thể trong việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế; chính sách đối với cán bộ, bộ đội, chính sách hậu phương quân đội còn có những thiếu sót.

Có những thiếu sót trên đây một phần là do tình hình khách quan của đất nước ta kinh tế lạc hậu lại bị chiến tranh lâu dài và ác liệt tàn phá nặng nề; từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội chúng ta có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống; quân đội ta có kinh nghiệm về chiến đấu chống địch song thiếu kinh nghiệm về xây dựng kinh tế; những khó khăn kinh tế và các mặt tiêu cực ngoài xã hội đã ảnh hưởng vào trong quân đội. Mặt khác, về mặt chủ quan chúng ta cũng có thiếu sót như thiếu quan điểm toàn diện trong xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng; thiếu nhạy bén kịp thời trong công tác chính trị tư

tướng; các cấp, các ngành chưa thấy hết trách nhiệm của mình trong việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Hiện nay, đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Toàn Đảng và toàn dân ta có hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Do chính sách phản động và hiếu chiến của đế quốc Mỹ, tình hình thế giới hiện nay rất căng thẳng. Phát động «cuộc thập tự chinh chống cộng sản», chính-quyền Ri-gân một mặt đẩy mạnh chạy đua vũ trang hạt nhân, mặt khác can thiệp vũ trang và xâm lược nhiều nơi, gây ra những cuộc chiến tranh khu vực, chiến tranh bằng bàn tay kẻ khác, phản kích quyết liệt chống ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Đế quốc Mỹ đang tăng cường liên minh với bọn quân phiệt Nhật-bản, bọn phản động Nam Triều-tiên, câu kết với bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, đe dọa nghiêm trọng hòa bình và ổn định ở châu Á, vùng Thái-bình-dương và trên thế giới.

Bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc âm mưu bành trướng xuống Đông Nam châu Á. Ở Đông Nam châu Á hiện nay mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Đông-dương là một trong những địa bàn đấu tranh gay gắt nhất trên thế giới hiện nay.

Bọn phản động Trung-quốc coi nước Việt-nam hoàn toàn độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội là trở ngại chính trên con đường bành trướng xuống Đông Nam Á của chúng. Chúng tìm mọi cách làm suy yếu và thôn tính Việt-nam. Mặc dù bị thất bại nhục nhã trong hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc, bọn phản động Trung-quốc vẫn không chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Bị thất bại liên tiếp và gặp khó khăn chồng chất, bọn phản động Trung-quốc buộc phải thay đổi sách lược trong công tác đối ngoại đối với nhiều nước trên thế giới, nhưng đối với nước ta, chiến lược và sách lược của Trung-quốc không có gì thay đổi, trái lại càng thù địch hơn. Chính sách đối với Việt-nam, đối với Đông-dương, của bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc càng xảo quyệt hơn, nguy hiểm hơn.

Đế quốc Mỹ sau khi bị thất bại nặng nề ở Việt-nam đã buộc phải rút khỏi Đông-dương, chúng cũng đã rút quân khỏi Thái-lan; nhưng từ khi bọn phản bội ở Bắc-kinh phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ vội vã xúc tiến âm mưu trở lại Đông Nam Á, trở lại Đông-dương. Trung-quốc và Mỹ đang câu kết với nhau trong việc thực hiện âm mưu xâm lược Việt-nam và Đông-dương.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cần hiểu rõ tình hình đất nước, nắm cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ra sức củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ Tổ quốc.



Đấu tranh giành được độc lập đã khó, chiến đấu để giữ vững nền độc lập đã giành được lại càng khó hơn. Nền độc lập của một nước chỉ có giá trị khi nhân dân nước đó có đủ lực lượng để bảo vệ nền độc lập của mình. Việt-nam không những có truyền thống tốt đẹp về đấu tranh giải phóng dân tộc, Việt-nam còn có truyền thống tốt đẹp về chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nếu các bà Trưng, bà Triệu, Lý-Bôn, Lê-Lợi là những tấm gương sáng ngời về chiến tranh giải phóng dân tộc, thì Lê-Hoàn, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Quốc-Tuấn, Nguyễn-Huệ là những tấm gương oanh liệt về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục truyền thống tốt đẹp chiến đấu kiên cường bảo vệ Tổ quốc của tổ tiên, quân và dân ta đang cảnh giác xây dựng lực lượng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, giữ vững nền độc lập mà nhân dân ta đã lớn biết bao công sức và xương máu mới giành được.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải xây dựng lực lượng nhằm bảo đảm đối phó thắng lợi với mọi tình huống chiến tranh có thể xảy ra. Để làm tốt nhiệm vụ đó chúng ta cần phải chuẩn bị ngay từ bây giờ, và phải tiếp tục chuẩn bị trong thời gian dài. Chúng ta mạnh cả về quốc phòng và về kinh tế thì có khả năng giữ vững được hòa bình; và nếu kẻ thù liều lĩnh gây ra chiến tranh thì chúng ta có thể đánh thắng chúng. Báo cáo chính trị do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: «**Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc** đòi hỏi phải thường xuyên cảnh giác đối với âm mưu và hành động chiến tranh của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực đế quốc hiếu chiến, phát động viên những cố gắng cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta **kiến quyết đánh thắng** kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng, có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào».

Trong trường hợp kẻ thù liều lĩnh phát động chiến tranh xâm lược nước ta thì chúng ta phải tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa để đánh thắng chúng. Đó là chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng, mang tính toàn dân, toàn diện, hiện đại. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta dựa trên sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, của nền quốc phòng toàn dân và của các lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, an ninh, kinh tế và ngoại giao, tạo nên sức mạnh lớn để bảo vệ đất nước. Trong cuộc chiến tranh đó, chúng ta kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của khối liên minh đặc biệt ba nước Đông-dương và của ba dòng thác cách mạng của thời đại để đánh bại quân địch, giành thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ ba nước Đông-dương, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chúng ta phải luôn luôn giữ thế chủ động, làm chủ đất nước, làm chủ chiến trường để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ đất nước, làm chủ chiến trường, kết hợp sức mạnh của mỗi địa phương với sức mạnh của cả nước, sức mạnh của đơn vị, của tập thể với sức mạnh của từng người. Mỗi làng bản, mỗi hợp tác xã, mỗi xí nghiệp, mỗi quận, huyện là một pháo đài, mỗi lĩnh, thành là một chiến trường, cả ba nước Đông-dương là một chiến trường.

Ba nước Việt-nam Lào Cam-pu-chia chung núi chung sông, có quan hệ mật thiết với nhau. Lịch sử đoàn kết chống ngoại xâm đã gắn bó chặt chẽ ba dân tộc

anh em cùng sống trên bán đảo Đông-dương này. Bọn xâm lược nước ngoài, từ thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ cho đến bọn bành trướng, ba quyền Trung-quốc, mỗi lần phát động xâm lược, đều tiến hành chiến tranh trên toàn bán đảo Đông-dương, không trừ một nước nào. Trong cuộc chiến đấu chống xâm lược, nhân dân ba nước Đông-dương đoàn kết chặt chẽ với nhau. "Đông-dương là một chiến trường", đó là một quy luật. Năm vững quy luật đó, nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia đã cùng nhau giành thắng lợi trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Năm vững quy luật đó, nhân dân ba nước nhất định sẽ giành được thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Nền quốc phòng toàn dân toàn diện và hiện đại của chúng ta dựa trên cơ sở không ngừng củng cố và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt. Vì vậy, cần phải chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường sự nhất trí chính trị và tinh thần trong nhân dân, tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân theo quan điểm chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, coi quân chủ lực và quân địa phương, có cơ cấu cân đối và đồng bộ giữ lực lượng thường trực và lực lượng dự bị, có số lượng cần thiết và chất lượng ngày càng cao. Cần hết sức coi trọng xây dựng dân quân tự vệ mạnh. Các thứ quân hình thành lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ gắn bó với nhau bảo đảm làm chủ vững chắc, tiến công mạnh mẽ. Cả nước và mỗi địa phương luôn luôn được chuẩn bị sẵn sàng, có khả năng chủ động đối phó với mọi tình huống. Các lĩnh vực biên giới phía Bắc và các lĩnh vực Tây-nguyên cần được xây dựng thành những lĩnh vực phòng thủ, chính trị vững vàng, kinh tế và văn hóa phát triển, có lực lượng vũ trang nhân dân mạnh, có khả năng giải quyết hậu cần tại chỗ.

Trong xây dựng quân đội, chúng ta cần có quan điểm toàn diện: coi trọng việc xây dựng bộ đội chủ lực đồng thời coi trọng xây dựng bộ đội địa phương và dân quân; coi trọng xây dựng lực lượng thường trực đồng thời coi trọng xây dựng lực lượng dự bị. Xây dựng quân đội chính quy và hiện đại phải phù hợp với tình hình của đất nước; phải biết trân trọng những kinh nghiệm Việt-nam và vận dụng tốt những kinh nghiệm đó trong tình hình mới. Trong thời bình phải chuẩn bị đất nước cho thời chiến, phải nâng cao ý thức quốc phòng, phải xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt để bảo đảm giành thắng lợi trong chiến tranh. Hồ Chủ tịch đã dạy: "Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm chắc chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước". Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta hãy ghi lòng tạc dạ lời dạy đó của Hồ Chủ tịch để làm tốt công tác củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ Tổ quốc.



Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế là một nội dung rất quan trọng của đường lối kinh tế của Đảng ta. Đây là một công tác cực kỳ quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi cả hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta vừa phải chăm lo ổn định và cải thiện tình hình kinh tế và đời sống nhân dân, vừa phải chăm lo xây dựng lực lượng phòng thủ đất nước. Kinh tế và quốc phòng có mối thống nhất với nhau tại có mặt

khác nhau. Kinh tế mạnh là cơ sở để tạo nên sức mạnh quốc phòng; quốc phòng mạnh là bảo đảm vững chắc cho quá trình phát triển kinh tế. Song kinh tế có quy luật của kinh tế, quốc phòng có quy luật của quốc phòng. Hoạt động kinh tế không những phải tuân theo những quy luật kinh tế mà còn phải chịu sự chi phối của yêu cầu quốc phòng. Hoạt động quốc phòng phải tuân theo quy luật của quốc phòng đồng thời phải tính đến yêu cầu của phát triển kinh tế. Phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế theo một phương hướng cơ bản, lâu dài, đồng thời có dự kiến trước để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp khi xảy ra biến động bảo đảm đánh thắng quân thù. Phải có kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược.

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho chúng ta có khả năng thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Các mặt công tác phân vùng kinh tế, phân bổ lại lao động, phân bổ lại lực lượng sản xuất, xây dựng các ngành kinh tế kỹ thuật, phát triển kinh tế địa phương,... đều phải quán triệt phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, nhằm tăng cường kinh tế, chỉnh trị và quốc phòng của đất nước, tạo ra một thể thống nhất, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, thực hiện tám chủ về kinh tế và quốc phòng trên cả nước, trong từng địa phương và cơ sở. Phải từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Đó là những yêu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp của công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương đều phải bảo đảm đáp ứng đủ định lượng và kịp thời những nhu cầu thường xuyên về vật chất kỹ thuật và văn hóa của các lực lượng vũ trang, giải quyết vấn đề hậu cần tại chỗ cho công cuộc phòng thủ đất nước.

Tham gia xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của các lực lượng vũ trang. Trong khi không ngừng nâng cao sức chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu, các lực lượng vũ trang phải tổ chức cho các đơn vị có điều kiện tiến hành sản xuất để tự cung ứng một phần nhu cầu đồng thời huy động năng lực công nghiệp quốc phòng tham gia các hoạt động kinh tế thích hợp và sử dụng một bộ phận lực lượng đảm nhận xây dựng một số công trình. Khi tham gia xây dựng kinh tế, quân đội phải học tập kỹ thuật, học tập quản lý để làm có năng suất, có chất lượng và hiệu quả. Quốc phòng của ta là quốc phòng toàn dân, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của ta là chiến tranh nhân dân; bất cứ người nào, ngành nào làm kinh tế cũng không thể chỉ biết đơn thuần làm kinh tế mà phải quan tâm quốc phòng; quân đội, công nhân viên chức quốc phòng cũng không thể chỉ biết đơn thuần làm quốc phòng mà phải coi trọng phát triển kinh tế.

Dân tộc Việt-nam ta vốn có kinh nghiệm về kết hợp xây dựng kinh tế với bảo vệ đất nước. « Động vi binh, Tĩnh vi dân », lúc có chiến tranh thì làm lính chiến đấu, trong thời bình thì làm dân sản xuất, đó là kinh nghiệm quý báu của dân tộc Việt-nam, một dân tộc phải chiến đấu không ngừng chống bọn xâm lược phương Bắc dấy rộng vạ người đông hơn mình gấp bội. Phát huy truyền thống tốt đẹp đó của dân tộc, ngày nay chúng ta làm tốt cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng tốt cả hai yêu cầu kinh tế và quốc phòng, phục vụ mục tiêu làm cho cả kinh tế và quốc phòng đều mạnh.

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng được tiến hành theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý. Mọi người

làm chủ, mọi ngành làm chủ, cả nước làm chủ sự nghiệp phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa và đường lối quân sự của Đảng, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nêu cao ý chí lực lượng, thực hiện tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Người làm kinh tế hiểu sâu về kinh tế, làm chủ lao động, đất đai, tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật, đồng thời cần có những hiểu biết cần thiết về quân sự, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Người làm quân sự hiểu sâu về quân sự, đồng thời cần có những hiểu biết cần thiết về kinh tế, về quản lý kinh tế, về hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Kết hợp phân bố lao động với phân bố lực lượng chiến đấu. Kết hợp xây dựng các vùng kinh tế với xây dựng các căn cứ chiến đấu, các tuyến phòng thủ, các chiến trường. Xây dựng tỉnh vừa là một cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp, vừa là một đơn vị chiến lược của quốc phòng và chiến tranh nhân dân. Xây dựng huyện vừa là một cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, vừa là một pháo đài quân sự. Xây dựng làng, xã, hợp tác xã, xí nghiệp... vừa là một cơ sở sản xuất giỏi, vừa là một đơn vị chiến đấu mạnh. Mỗi đơn vị, mỗi địa phương, mỗi ngành, phát huy tinh thần làm chủ lập thể, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, tăng cường tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng động viên nhanh chóng mọi lực lượng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.



Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân. Đã là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam thì ai cũng có nghĩa vụ góp phần tích cực vào công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT, HỢP TÁC TOÀN DIỆN VỚI HAI NƯỚC LÀO VÀ CAM-PU-CHIA ANH EM

BÁN đảo Đông-dương có vị trí đặc biệt quan trọng về chiến lược ở Đông Nam châu Á. Trước đây, ba nước Đông-dương đã giúp nhau trong cuộc chiến đấu để giải phóng đất nước, giành độc lập tự do. Vì vậy, sự giúp đỡ nhau giữa ba nước lúc ấy chủ yếu là về mặt quân sự. Việc quân tình nguyện Việt-nam mấy lần ngược dòng sông Mê-công hoặc vượt Trường-sơn giúp bạn chống ngoại xâm là hành động chính nghĩa được dư luận tiến bộ trên thế giới đồng tình, ca ngợi. Ngày nay, nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia vẫn đang cùng nhau sát cánh đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt do bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác gây ra, đồng thời sẵn sàng đối phó với âm mưu xâm lược quy mô lớn của chúng. Sau khi giành được độc lập, ba nước Đông-dương tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; cách mạng ba nước chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn đồng thời làm hai nhiệm vụ chiến lược: vừa xây dựng đất nước vừa bảo vệ độc lập tự do. Điều này đã được xác định tại các Đại hội của Đảng cộng sản Việt-nam, Đảng nhân dân cách mạng Lào và Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia. Tình hình mới đó đã đặt ra trước

Đảng ta và nhân dân ta một nhiệm vụ mới trong quan hệ với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em. Đó tức là chuyển từ việc giúp đỡ nhau về mặt quân sự và phòng thủ là chủ yếu sang *giúp đỡ nhau toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực*. Đại hội thứ V của Đảng ta đã xác định nhiệm vụ đó như sau: "Từ thể hệ này đến thể hệ khác, nhân dân ta phải giữ gìn tình hữu nghị trong sáng và truyền thống đoàn kết giữa ba dân tộc, không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu giữa ba nước... Trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, bình đẳng và tin cậy lẫn nhau, chúng ta luôn luôn hết lòng, hết sức làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước anh em, đồng thời cùng hai nước hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ nhau về mọi mặt, để phục vụ ngày càng có hiệu quả công cuộc củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng kinh tế, văn hóa của mỗi nước" (1).

Hội nghị cấp cao đầu tiên của Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia họp ở Viêng-chăn tháng 2-1983 cũng đã nhất trí

(1) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 147.

xác định rằng "Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi nhân dân ba nước phải tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với nhau". Hội nghị cấp cao Viêng-chăn cũng đã nêu lên các nguyên tắc chỉ đạo mối quan hệ giữa ba nước từ nay về sau.



Đề bảo đảm thực hiện nhiệm vụ do Đại hội thứ V của Đảng ta đề ra và những thỏa thuận của Hội nghị cấp cao ba nước lần thứ nhất, chúng ta cần nhận thức đầy đủ và quán triệt những vấn đề quan trọng sau đây:

Trước hết, cũng như từ trước tới nay, từ nay về sau Đảng ta và nhân dân ta luôn luôn nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, coi sự nghiệp cách mạng của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em như sự nghiệp của chính mình, tự nguyện, chủ động và hết lòng, hết sức gánh vác phần trách nhiệm nặng nề của mình. Chúng ta phải quán triệt trong mọi hành động quan điểm của Đảng ta là "giúp bạn là tự cứu mình". Vì rằng trong thành quả cách mạng của chúng ta trước đây, hiện nay và mai sau, có sự đóng góp quý giá không gì có thể thay thế được của nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia anh em. Tất cả các ngành, các cấp, các địa phương phải đặt nghĩa vụ quốc tế mà mình phải làm tròn, vào vị trí ưu tiên hàng đầu, dành cho nó những điều kiện ưu đãi nhất, và phải hoàn thành với ý thức trách nhiệm cao nhất, có chất lượng tốt nhất. Trong quan hệ hợp tác quốc tế, phải tuyệt đối loại trừ tư tưởng ích kỷ. Phải nhường thuận lợi cho bạn, giành khó khăn về mình, phải lấy việc làm cụ thể thiết thực để giữ vững lòng tin. Bất cứ một việc làm nào trong quan hệ với bạn, nếu không thấm nhuần tinh thần quốc tế trong sáng, đều không tránh khỏi mang trong mình nó mầm mống của sự thất bại.

Hai là, phải phối hợp chặt chẽ về đường lối và chiến lược cách mạng giữa Đảng ta và Đảng anh em, xem đây là một trong những điều kiện cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước, là cơ sở vững chắc để tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước.

Hiện nay, Đảng cộng sản Việt-nam cũng như Đảng nhân dân cách mạng Lào và Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đều là những đảng lãnh đạo chính quyền. Ba chính đảng vô sản đó là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Sự thống nhất giữa ba chính đảng của ba nước cũng chính là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đoàn kết và hợp tác giữa ba dân tộc. Chúng ta có trách nhiệm gìn giữ cho được truyền thống đoàn kết thống nhất vốn có từ lâu giữa ba chính đảng, dù phải vượt qua nhiều khó khăn trở ngại như thế nào đi nữa. Trong bất cứ trường hợp nào trong quan hệ với bạn, chúng ta cũng phải thông qua thương lượng bình đẳng để đạt tới sự thống nhất. Đối với những người làm nghĩa vụ quốc tế, không có vinh dự nào cao hơn là được bạn yêu mến tin cậy. Hội nghị cấp cao ba nước Đông-dương tháng 2-1983 đã nêu rõ cần giáo dục cho nhân dân mỗi nước tránh khuynh hướng dân tộc nước lớn cũng như dân tộc hẹp hòi.

Ba là, trong giai đoạn mới, sự phát triển toàn diện của cách mạng đòi hỏi mỗi nước phải xây dựng được thực lực cách mạng vững mạnh về mọi mặt, trước hết là xây dựng đội tiền phong của giai cấp công nhân vững mạnh. Thành quả cách mạng hơn nữa thế kỷ qua của ba dân tộc có được giữ vững hay không, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở ba nước có được phát triển hay không, công cuộc lao động và đời sống hòa bình của nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia có được bảo vệ hay không,

mọi hiểm họa đang rình mò xuất phát từ kẻ thù lớn hơn mình gấp bội là bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc và mọi bọn phản động khu vực có được, đây lui và đập tan hay không, tất cả những điều đó đều tùy thuộc ở sự lớn mạnh về mọi mặt của cách mạng ba nước, trước hết là sự lớn mạnh của đảng lãnh đạo. Trăm công nghìn việc, đây là việc quan trọng nhất trong sự nghiệp đoàn kết hợp tác giữa ta và bạn.

Bổn là, chúng ta cần phát triển sự hợp tác toàn diện, chặt chẽ giữa ba nước trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và các mặt khác, trong đó hợp tác về kinh tế, văn hóa là lĩnh vực hết sức quan trọng, tạo nền tảng cho việc củng cố quan hệ đoàn kết mang tính chất chiến lược lâu dài giữa ba nước.

Về chính trị, chúng ta cần căn cứ vào luật pháp quốc tế và sự thỏa thuận giữa ba đảng, ba Nhà nước để duy trì sự tiếp xúc cấp cao giữa ba bên để cùng nhau thương lượng giải quyết những vấn đề to lớn có quan hệ đến sự nghiệp chung của ba nước.

Trong quan hệ trao đổi cán bộ và chuyên gia, chúng ta cần đáp ứng mọi yêu cầu với mức tốt nhất, phải cử những chuyên gia và cán bộ ưu tú, có phẩm chất tốt, có năng lực và nhiệt tình đối với sự nghiệp cách mạng của bạn.

Hiện nay quan hệ hợp tác giữa ba nước đã được thực hiện không chỉ ở trung ương mà còn phát triển đến các ngành, các địa phương, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức khác. Sự mở rộng đó là phù hợp với nhu cầu phát triển về mọi mặt của mỗi nước. Chúng ta cần tiếp tục tăng cường các quan hệ hợp tác này, nhưng cần chú trọng hiệu quả thiết thực, tránh rơi vào chủ nghĩa hình thức.

Về quốc phòng và bảo vệ an ninh, chúng ta cần căn cứ vào các hiệp ước

và sự thỏa thuận giữa ba Nhà nước mà tiếp tục hợp tác và giúp đỡ nhau về mặt phòng thủ, nhằm bảo vệ vững chắc công cuộc lao động hòa bình của nhân dân ba nước.

Căn cứ vào sự thỏa thuận giữa ta và Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia hàng năm sẽ rút một phần về nước cho đến khi rút hết, một khi không còn mối đe dọa do bọn phản động Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và bọn phản động trong giới cầm quyền Thái-lan gây nên. Từ nay, lực lượng quốc phòng và an ninh của bạn sẽ từng bước tự đảm đương nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và giữ vững an ninh. Chúng ta tuyệt đối tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, với truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất, quân đội và nhân dân Cam-pu-chia nhất định sẽ làm tốt nhiệm vụ thiêng liêng đó. Về phía mình, chúng ta sẽ làm hết sức mình để cho tiến trình nói trên diễn ra phù hợp với đòi hỏi khách quan.

Về văn hóa, trong những năm trước mắt, cần rái sức hợp tác với bạn nhằm phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng một nền văn hóa dân tộc và xã hội chủ nghĩa, có nội dung phong phú và đa dạng.

Để làm tốt nhiệm vụ hợp tác với bạn về văn hóa, giáo dục, chúng ta cần phải làm tốt việc tuyên truyền giáo dục ý thức quốc tế trong cán bộ và nhân dân ta. Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm học tập, và hiểu biết sâu sắc về đất nước, văn hóa, xã hội, con người, lịch sử, truyền thống và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia. Qua đó mà ngày càng nâng cao tình cảm hữu nghị, đoàn kết gắn bó với nhân dân hai nước anh em. Muốn vậy, chúng ta phải từng bước đưa việc học tiếng Lào, tiếng Khơ-me vào chương trình giáo dục

phổ thông và đại học, coi việc học tập tiếng của dân tộc bạn là một nhiệm vụ cấp bách. Đồng thời chúng ta còn cần tăng cường hợp tác và trao đổi với bạn về hoạt động về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch, y tế, báo chí...

Về kinh tế, chúng ta cần coi việc hợp tác về kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa ba nước là hết sức quan trọng. Ba nước Đông-dương đều là những nước đang phát triển, kinh tế lạc hậu, lại vừa trải qua chiến tranh lâu dài, đời sống nhân dân còn rất khó khăn. So với mức tiên tiến trên thế giới, ba nước Đông-dương còn yếu kém về nhiều mặt, còn cần phải được Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa và cộng đồng quốc tế giúp đỡ trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, ba nước Đông-dương có sự thống nhất cơ bản về chính trị, gần gũi nhau về địa lý, hiểu biết và thông cảm với nhau về truyền thống văn hóa và tập quán xã hội. Đó là những thuận lợi cơ bản đối với sự nghiệp hợp tác giữa ba nước. Về trình độ phát triển, tuy nói chung còn thấp, song giữa ba nước vẫn có sự chênh lệch, và mỗi nước lại có những thế mạnh riêng, cho nên cần thiết và có thể hỗ trợ, bổ sung cho nhau, cần thiết và có thể hợp tác giúp đỡ nhau phát huy những thế mạnh của mình, giúp nhau giải quyết những nhu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống. Đồng thời, qua đó có thể giúp nhau khắc phục những mặt yếu của mỗi nước, khiến cho nền kinh tế mỗi nước phát triển lành mạnh, đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Sự hợp tác kinh tế giữa ba nước Đông-dương là dựa trên phương châm hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên ưu đãi cho nhau. Nội dung hợp tác phải thiết thực, tích cực, có chất lượng và có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, làm từng bước vững chắc. Về hình thức, trước mắt

chủ yếu là hợp tác hai bên, tiến dần tới hợp tác ba bên trên những lĩnh vực cần thiết và có thể làm được. Về trình tự, từ hợp tác từng việc tiến đến phối hợp kế hoạch phát triển, từ hợp tác giữa các ngành trung ương đến hợp tác giữa các địa phương, kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng và bảo vệ trật tự an ninh. Chúng ta cũng cần hợp tác với bạn để chống dịch bao vây, phá hoại kinh tế, phá rối trị trường, tiền tệ, chống đầu cơ buôn lậu...

Việc hợp tác giữa ba nước không hề gạt bỏ và thay thế sự hợp tác của mỗi nước Đông-dương với các nước ngoài bán đảo Đông-dương, kể cả với các nước tư bản chủ nghĩa. Một nguyên tắc quan trọng của quan hệ hợp tác giữa ba nước Đông-dương là tôn trọng chủ quyền của mỗi nước trong việc xác định đường lối và kế hoạch phát triển kinh tế văn hóa, cũng như trong việc xác định quan hệ hợp tác quốc tế của mình. Xét cho cùng, việc tăng cường hợp tác mọi mặt giữa ba nước Đông-dương là tạo những điều kiện thuận lợi cho mỗi nước phát triển quan hệ hợp tác quốc tế rộng rãi của mình. Đặc biệt, sự hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông-Dương và sự hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông-Dương với Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là hai quá trình không hề mâu thuẫn nhau, ngược lại, được tiến hành song song, bổ sung và hỗ trợ cho nhau.



Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Lào và Cam-pu-chia trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết. Toàn Đảng và toàn dân ta cần nhận rõ điều đó. Tất cả các ngành, các tổ chức, các địa phương có quan hệ với bạn cần phải bảo đảm thực hiện có hiệu quả những điều đã ký kết với bạn.

Cần cải tiến và bảo đảm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, học sinh ban trên đất nước ta.

Cán bộ và chiến sĩ của ta sang làm nhiệm vụ ở nước bạn cần nhận rõ rằng đâu có đổi lấy ngàn vàng cũng không thể có vinh dự nào cao hơn là giúp đỡ nhân dân Lào và Cam-pu-chia anh em, những dân tộc đã chiến đấu xiết bao anh hùng, chịu đựng biết bao gian khổ hy sinh, cho đến nay vẫn còn phải ngày đêm canh giữ quê hương chống kẻ thù độc ác. Tất cả cán bộ, chiến sĩ Việt-nam làm nhiệm vụ trên nước bạn, phải hết sức tôn trọng chủ quyền, pháp luật, phong tục, tập quán của nước bạn, giữ vững kỷ luật của Đảng, Nhà nước và của quân đội ta. Cán bộ chiến sĩ ta còn phải biết chịu thương chịu khó, đồng cam cộng khổ với nhân dân nước bạn, luôn luôn gương mẫu trong mọi công tác và lối sống, hết sức đoàn kết và hợp tác với cán bộ và nhân dân nước bạn.

Cán bộ và chiến sĩ Việt-nam phải hiểu rằng chỉ có khiêm tốn học tập bạn mới làm tốt được việc giúp đỡ bạn. Hơn nữa, phải đặt chữ « học » lên trên chữ « giúp ». Ai không coi trọng học tập những kinh nghiệm của bạn, những truyền thống đấu tranh anh hùng của bạn, những phẩm chất cao quý của bạn.... người đó sẽ khó lòng hoàn thành nghĩa vụ quốc tế của mình.



Sau thất bại của hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, thất bại lớn nhất trong lịch sử 30 năm xâm nhập và phá hoại cách mạng Đông-dương, bọn hành trưởng và bá quyền Trung-quốc đang chuyển sang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống ba nước Đông-dương.

trong đó mũi nhọn là phá hoại kinh tế, văn hóa. Chúng đang tìm mọi cách thọc gậy vào bánh xe hợp tác giữa ba nước Đông-dương. Việc ba nước Đông-dương tăng cường hợp tác toàn diện đang làm cho bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc tức tối điên cuồng. Bọn máy chiến tranh tâm lý của chúng đang được huy động dề la lối om sòm rằng đây là một bước của Việt-nam nhằm « khống chế » Lào và Cam-pu-chia. Chúng còn trắng trợn dựng đứng lên rằng Việt-nam đang « di dân » sang Cam-pu-chia để làm thay đổi cơ cấu dân cư ở Cam-pu-chia. Mặt khác, chúng ra sức xúi giục mọi thế lực phản động khác tìm cách bao vây kinh tế ba nước Đông-dương. Chúng đưa ra những luận điệu bỉ ổi nhất để thúc đẩy cộng đồng quốc tế từ bỏ giúp đỡ việc xây dựng lại ba nước Đông-dương. Chúng sử dụng những lực lượng tay sai tại chỗ để phá hoại các cơ sở kinh tế, lũng đoạn thị trường, gây rối loạn trong đời sống kinh tế của mỗi nước. Chúng không từ một thủ đoạn nào để làm cho ba nước Đông-dương kiệt sức để dễ bề thôn tính. Trước tình hình đó, cũng như trước đây, các dân tộc trên bán đảo Đông-dương không có con đường nào khác là cùng nhau hợp tác tương trợ để tồn tại và phát triển. Một lần nữa, các dân tộc Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia lại giương cao ngọn cờ đoàn kết thống nhất, kiên quyết chặn đứng và đập tan mọi mưu đồ và thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Ba nước sẽ không bao giờ lùi bước trên con đường hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau, nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội theo đường lối và điều kiện cụ thể của mỗi nước, biến Đông-dương thành một khu vực hòa bình, ổn định, kinh tế phồn vinh, văn hóa phát triển, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc.

BÀI NÓI CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN

TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM, TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ NĂM CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT-NAM

Thưa các đồng chí thân mến,

Thưa các vị khách quý mến,

CHƠI phép tôi thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng nhiệt liệt chào mừng Đại hội lần thứ năm của Công đoàn Việt-nam.

Tôi trân trọng chào mừng đại biểu Liên hiệp Công đoàn thế giới và các đồng chí đại biểu công đoàn các nước đến dự Đại hội này, mang đến cho chúng ta tinh đoàn kết « bốn phương vô sản đều là anh em ».

Năm năm qua, cách mạng nước ta đã trải qua một chặng đường đấu tranh quyết liệt, vượt qua khó khăn, thử thách mới, giành được thắng lợi to lớn. Tôi nhiệt liệt biểu dương những cống hiến xuất sắc của giai cấp công nhân và anh chị em lao động nước ta vào sự nghiệp vẻ vang đó.

Thưa các đồng chí thân mến,

Đất nước ta đứng trước một thời kỳ cách mạng hết sức sôi

động. Đảng ta, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta đang gánh vác một sứ mệnh trọng đại, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, lấy công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm nhiệm vụ trung tâm, đó là chìa khóa mà Đảng ta và giai cấp công nhân nước ta phải nắm lấy để mở đường tiến lên, giải quyết mọi vấn đề lớn mà cách mạng nước ta đặt ra.

Làm chủ tập thể là sức mạnh dời non lấp biển. Trước đây, chúng ta đánh thắng các thế lực đế quốc hung hãn là do Đảng ta nắm vững tư tưởng tiên phong của giai cấp công nhân, có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, đã động viên được sức mạnh làm chủ của cả nước. Trong kháng chiến chống Mỹ, sức mạnh

làm chủ này tăng lên gấp bội do Đảng ta biết khơi dậy, phát huy ý thức và truyền thống cộng đồng vốn có của dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, sức mạnh của ba dòng thác cách mạng thế giới đang ở thế tiến công.

Ngày nay, cũng với những nhân tố cực kỳ quan trọng đó, nhân dân ta nhất định thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới. Bằng sức mạnh làm chủ, chất lượng cao hơn, với lực lượng lao động được tổ chức lại, với toàn bộ đất đai và cơ sở vật chất, kỹ thuật đã nằm trong tay nhân dân, chúng ta phải giải quyết và nhất định giải quyết thành công nhiệm vụ đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Là trường học của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, công đoàn có trách nhiệm rất lớn trong đấu tranh cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hóa theo chủ nghĩa xã hội, động viên sức mạnh làm chủ tập thể của công nhân, viên chức trong cả nước khai thác và sử dụng hợp lý nhất lao động, tài nguyên, cơ sở vật chất, kỹ thuật, để phát triển sản xuất, tổ chức lại phân phối lưu thông, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là con đường cơ bản để tạo nên cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao năng suất lao động xã hội.

Chúng ta tập trung nhiều cố gắng để xây dựng những công trình mới có ý nghĩa then chốt làm thay đổi bộ mặt kinh tế nước nhà. Song đừng bao giờ quên rằng, để công nghiệp hóa, chúng ta phải nâng cao tối đa năng suất lao động ngay trong những điều kiện vật chất, kỹ thuật đang có.

Năng suất, chất lượng, hiệu quả ngay từ bây giờ phải trở thành khẩu hiệu hành động hằng ngày của chúng ta, của mọi ngành, công nghiệp cũng như nông nghiệp, của mọi người lao động, công nhân cũng như nông dân.

Hiện nay, năng suất lao động của ta còn quá thấp. Công suất thiết bị, máy móc mới dùng hơn một nửa. Vật tư thiếu nhưng sử dụng còn lãng phí. Hàng làm ra chưa tốt. Phải nhanh chóng khắc phục tình hình đó. Có đạt tới một năng suất lao động cao hơn, làm ăn có chất lượng và hiệu quả hơn thì mới có tái sản xuất mở rộng, mới có đời sống được cải thiện, mới có tích lũy ban đầu cho chủ nghĩa xã hội.

Trên mặt trận công nghiệp, phải tập trung sức nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các ngành then chốt — than, điện, cơ khí, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản... — để thúc đẩy các ngành, các mặt khác chuyển động mạnh hơn nữa.

Công nghiệp phải phục vụ đắc lực nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp một bước lên sản xuất

lớn xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý ngay trong chặng đường đầu tiên này. Công nghiệp phải góp phần phân bố và tổ chức lại lao động trong phạm vi cả nước, kết hợp lao động với đất đai và ngành nghề, để ai nấy đều có việc làm, tài nguyên được khai thác tốt, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều. Giai cấp công nhân cần thấy hết vai trò của mình trong nhiệm vụ bức thiết đó.

Muốn có năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả nhiều, giai cấp công nhân phải nắm lấy khoa học kỹ thuật, làm chủ khoa học kỹ thuật. Phải không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp, năng lực quản lý. Phải làm cho đội ngũ công nhân có nhiều thợ lành nghề, nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi. Chất lượng của sản xuất, của xây dựng, hiệu quả của công nghiệp, của kinh tế được quyết định trước hết bởi đội ngũ này.

Công nhân phải yêu lao động, nêu cao kỷ luật lao động, tiêu biểu cho phong cách lao động mới. Đó là tiêu chuẩn đầu tiên của con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ tập thể. Làm việc phải theo đúng các chế độ, đúng quy trình, quy phạm, bảo đảm các tiêu chuẩn, các định mức. Khắc phục cho được các hiện tượng chây lười, vô tổ chức, tùy tiện trong lao động. Làm việc chành mánh, không đủ ngày, đủ

buổi, làm dối, làm ầu là có tội với giai cấp, với nhân dân.

Xuất khẩu là một mũi nhọn quyết định nhịp độ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy năng cao năng suất lao động xã hội ở nước ta. Phải tìm mọi cách, bằng con đường xuất khẩu, nhập khẩu ngày càng nhiều kỹ thuật mới, nhiều vật tư, nguyên liệu, để trang bị lại nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy nông nghiệp và các ngành công nghiệp phát triển, tạo ra khả năng xuất khẩu ngày càng lớn hơn; và thông qua xuất khẩu mà nâng, cao trình độ sản xuất và chất lượng sản phẩm của ta.

Nói kinh tế là nói sản xuất và tiết kiệm. Tiết kiệm thời gian, tiết kiệm vốn, vật tư, nguyên liệu. Tiết kiệm trong sản xuất và cả trong tiêu dùng, chịu khó chịu đựng công nghiệp hóa đất nước. Sử dụng hợp lý mọi yếu tố vật chất của sản xuất. Không để một giờ lao động bị bỏ phí. Không để một công cụ, một cỗ máy nằm im. Không để một tạ sắt, một cân dầu bị vung vãi. Trong khó khăn hiện nay, dù vật tư, nguyên liệu còn thiếu, vẫn có thể và cần phải làm ra nhiều của cải hơn cho Tổ quốc.

Vài năm nay, trong phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, ở một số ngành, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, đã xuất hiện những điển hình tốt về làm ăn có hiệu quả, có chất lượng. Điều đó khẳng định có thể khai thác tốt hơn năng lực kinh tế hiện có. Từng nhà máy có thể tăng nhanh sản lượng

và đạt được tiêu chuẩn về chất lượng. Từng công trường có thể bảo đảm tiến độ thi công, hoàn thành xây dựng trước thời hạn. Từng cơ sở sản xuất, kinh doanh có thể sử dụng có hiệu quả đồng vốn, chấm dứt tình trạng thua lỗ, dần dần có tích lũy cho mình và cho Nhà nước. Phải tổng kết những điển hình đó, nhân rộng ra, thúc đẩy phong trào học tập đuổi kịp và vượt điển hình tiên tiến rộng khắp ở các cơ sở, các ngành, các địa phương.

Thưa các đồng chí,

Vấn đề mà mọi người chúng ta đều quan tâm hiện nay là làm sao sớm ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang. Về mặt này, chúng ta đã có nhiều cố gắng. Nhưng kết quả đạt được còn ít; nhiều việc làm có khuyết điểm, cần được chấn chỉnh.

Phải giải quyết vấn đề một cách cơ bản. Phải đi từ gốc là đẩy mạnh sản xuất. Phải sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân, tổ chức lại sản xuất trong từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở. Đồng thời, phải tổ chức tốt phân phối, lưu thông. Phải giải quyết đồng bộ các vấn đề thương nghiệp, tài chính, giá cả, tiền lương, tiền thưởng, cải tạo và quản lý thị trường, giải quyết đúng mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động. Đây là những

vấn đề hàng đầu trong kế hoạch kinh tế — xã hội của chúng ta. Trong một số năm trước mắt, Đảng và Nhà nước nhất định sẽ thực hiện những cải cách cần thiết trong lĩnh vực quan trọng này.

Cuộc đấu tranh để lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông hiện nay là biểu hiện tập trung cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa gắn liền với cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Cuộc đấu tranh này dứt khoát phải dẫn đến thắng lợi của giai cấp công nhân và nông dân tập thể đối với giai cấp tư sản, đối với các thế lực tự phát và bọn thù địch của chủ nghĩa xã hội. Lập trường của giai cấp công nhân là cùng với Nhà nước của mình đấu tranh cho thắng lợi đó.

Phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để quản lý kinh tế, quản lý phân phối, lưu thông, bảo đảm cho Nhà nước làm chủ thị trường, nắm được hàng, nắm được tiền và phân phối công bằng, hợp lý cho các nhu cầu của xã hội. Ở từng đơn vị sản xuất, kinh doanh, công nhân, viên chức phải đấu tranh để kỷ luật giao nộp sản phẩm cho Nhà nước được thực hiện đầy đủ, đề vật tư, hàng hóa không lọt vào tay tư thương.

Các tổ chức công đoàn, nhất là công đoàn trong các ngành phân phối, lưu thông phải là người đấu

tranh kiên quyết chống tham ô, lãng phí, hối lộ, chống đầu cơ buôn lậu, phấn đấu giữ vững kỷ luật thị trường và giá cả, tăng cường các hoạt động tài chính và tiền tệ, phục vụ tốt sản xuất và đời sống. Đặc biệt, thương nghiệp cần đáp ứng cho được những mặt hàng phải cung cấp theo định lượng và làm tốt chức năng người nội trợ của toàn xã hội.

Chấn chỉnh việc phân phối trong toàn bộ xã hội cũng như trong từng đơn vị sản xuất là một nội dung quan trọng của việc cải tiến quản lý kinh tế, xây dựng cơ chế quản lý mới.

Dảng ta đã xác định những nguyên tắc cơ bản của cơ chế quản lý đó là: Lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tự chủ tài chính cho cơ sở, mở rộng quyền chủ động cho địa phương, đồng thời bảo đảm Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ kinh tế quốc dân, tập trung các nguồn tích lũy để xây dựng những công trình của cả nước, nắm tuyệt đại bộ phận sản phẩm chiến lược để phân phối theo kế hoạch.

Cơ chế quản lý đó bảo đảm làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích, luôn luôn bảo đảm lợi ích cao nhất là lợi ích toàn xã hội, chăm lo đúng mức lợi ích của tập thể, khuyến khích

nhân mẽ lợi ích chính đáng của người lao động.

Cơ chế quản lý đó kiên quyết chống tệ quan liêu bao cấp, không chú ý đến quy luật kinh tế, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế, không khơi dậy sức sáng tạo của quần chúng, không phát huy các tiềm năng, không khuyến khích tinh năng động của địa phương và cơ sở. Cơ chế quản lý đó cũng kiên quyết chống bệnh tự do buông thả, chạy theo thị trường «tự do», mở rộng tràn lan việc kinh doanh ngoài kế hoạch, dung dưỡng cho các nhân tố tư bản chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa làm xói mòn cơ sở của kế hoạch, làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa xã hội.

Hơn ai hết, các tổ chức công đoàn và công nhân, viên chức phải đấu tranh để thực hiện cơ chế quản lý đúng đắn đó.

Thưa các đồng chí,

Trong những ngày này, toàn thế giới đều thấy rõ bộ mặt hiếu chiến và liêu lĩnh của chính quyền Ri-gan. Chúng ngoan cố xúc tiến việc đặt tên lửa hạt nhân tầm trung ở châu Âu. Chúng xâm lược và chiếm đóng Grê-na-da, đẩy mạnh can thiệp vũ trang vào Ni-ca-ra-goa và Ên-xan-va-đo, gây tình hình cực kỳ nguy hiểm ở Trung Mỹ và vùng biển Ca-ri-bê. Chúng dùng I-xra-en làm công cụ chiến tranh và xâm lược, trắng trợn đưa quân vào Li-băng, làm trầm trọng thêm tình hình ở Trung Cận Đông.

Chúng ráo riết tăng cường liên minh Nhật—Mỹ—Nam Triều-tiên.

Tình hình đó làm cho các dân tộc phải tỉnh táo hơn, cảnh giác hơn trước nguy cơ chiến tranh thế giới mới đang lắng lên.

Hòa bình và cuộc sống của loài người phải được bảo vệ.

Các nước độc lập dân tộc và đang đấu tranh cho chủ quyền dân tộc phải được bảo vệ.

Liên-xô là thành trì của hòa bình và cách mạng thế giới. Chúng ta khẳng định một lần nữa rằng chúng ta hoàn toàn ủng hộ chính sách hòa bình trước sau như một của Liên-xô, ủng hộ mạnh mẽ các lời tuyên bố ngày 28-9 và 27-10 vừa qua của đồng chí lu. V. An-drô-pốp. Chúng ta đồng tình với những biện pháp giáng trả kiên quyết mà Liên-xô đang cùng Cộng hòa dân chủ Đức và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp-khắc thực hiện.

Để quốc Mỹ phải rút khỏi Grê-na-da, rút quân khỏi Li-băng. Cùng với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước không liên kết, Việt-nam kiên quyết đứng bên cạnh Cu-ba, Ni-ca-ra-goa, bên cạnh nhân dân En Xan-va-do, nhân dân a-rập Pa-le-xtín.

Đoàn kết với Cam-pu-chia và Lào, chúng ta kiên quyết đấu tranh cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Thưa các đồng chí thân mến,

Bác Hồ kính yêu và Đảng ta ngay từ khi mới thành lập, luôn

luôn chăm lo và lãnh đạo chặt chẽ phong trào công nhân và hoạt động công đoàn.

Chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Việt-nam, một đảng tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chủ nghĩa quốc tế vô sản, giai cấp công nhân Việt-nam hãy luôn luôn xứng đáng là giai cấp tiên phong, tiêu biểu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Công đoàn Việt-nam hãy hăng hái tiến lên, làm trụ cột vững chắc của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng là ngày hội của quần chúng, là nguồn hạnh phúc của chúng ta.

Các tổ chức công đoàn hãy tiến quân mạnh mẽ vào ba cuộc cách mạng, đẩy lên một phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa sôi nổi, hào hùng. Thủ đô Hà-nội, thành phố Hồ-Chí-Minh, các vùng mỏ, các trung tâm công nghiệp phải đi đầu trong phong trào thi đua đó.

Giai cấp công nhân Việt-nam là đội ngũ kiên cường của phong trào công nhân quốc tế. Công đoàn Việt-nam là thành viên tích cực của Liên hiệp công đoàn thế giới. Chúng ta nhất định cùng với anh em, bầu bạn khắp năm châu, đấu tranh giành thắng lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội!

Chúc Đại hội của các đồng chí thành công!

NGHỆ THUẬT THỜI CƠ

HOÀNG-MINH-THẢO

TRONG lĩnh vực nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, nghệ thuật thời cơ có tầm quan trọng quyết định. Nó quan hệ chặt chẽ với nghệ thuật sử dụng lực lượng, nghệ thuật tạo thế. Ba cái đó tạo thành một tổng thể: lực - thế - thời, có mối quan hệ nhân quả, biện chứng. Nghệ thuật thời cơ xét về một mặt khác có tính độc lập tương đối, chúng tôi tạm tách ra để nghiên cứu.



Trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, Đảng ta luôn nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của thời cơ, nắm vững mối quan hệ giữa « thời », « thế » và vấn đề tổ chức lực lượng. Đảng ta đã đề ra tư tưởng chỉ đạo cơ bản của nghệ thuật thời cơ là: ra sức sáng tạo thời cơ, nắm đúng thời cơ, táo bạo hành động bảo đảm cho cách mạng giành thắng lợi kịp thời nhất, nhanh nhất, đưa cách mạng tiến lên vững chắc nhất. Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ vĩ đại, nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt-nam, bằng những lời thơ giản dị, súc tích, sâu sắc, đã dạy chúng ta về nghệ thuật thời cơ.

« Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công »

Lạc nước, hai xe đánh bỏ phi,
Gặp thời, một tốt cũng thành công » (1).

Cách mạng, khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng là những quá trình phát triển theo những quy luật nhất định, và không chỉ phát triển một cách tuần tự, bởi tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp đối kháng. Muốn giành được thắng lợi từng bước để đi đến thắng lợi hoàn toàn thì cần phải có những bước nhảy vọt, đó là thời cơ. Thời cơ là cơ hội thuận lợi nhất, tốt nhất, chín mười nhất trong một thời điểm nhất định có những điều kiện nhất định có thể đưa đến thắng lợi của chiến dịch, chiến lược của cách mạng, đưa cách mạng phát triển lên một bước mới cao hơn hoặc giành thắng lợi hoàn toàn. Bởi vậy người lãnh đạo, chỉ huy có bản lĩnh phải không ngừng nỗ lực làm chuyển biến so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho cách mạng, đẩy mạnh quá trình phát triển tuần tự, kết hợp chặt chẽ việc thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trước

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật Hà-nội, 1980, tập I, tr. 340.

mất, với nhiệm vụ cơ bản lâu dài, và khi thời cơ xuất hiện, kịp thời chớp lấy, táo bạo hành động, đầy tinh thể cách mạng phát triển nhảy vọt, tiến tới giành thắng lợi.

Nghệ thuật thời cơ không phải ngày nay mới có. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, để đánh bại kẻ xâm lược, các vị anh hùng dân tộc đã nắm rất chắc và vận dụng rất tài giỏi nghệ thuật thời cơ. Nguyễn-Trãi, nhà chiến lược của khối nghĩa Lam-sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc chống quân Minh, đã nói: «Được thời có thể, thì mất biển thành còn, nhỏ hóa ra lớn; mất thời không thể, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại thành nguy; sự thay đổi ấy chỉ trong khoảng trở bàn tay» (2) và nhấn mạnh «thời sao! thời sao! thực không nên lỡ» (3).

Ngày nay, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, các nhà cách mạng vô sản đã nghiên cứu một cách sâu sắc, khoa học vấn đề thời cơ, đã nâng lên trình độ nghệ thuật và đã vận dụng một cách sáng tạo, tài tình vào sự nghiệp đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc và đã đạt được những thành quả hết sức lớn lao trong đấu tranh cách mạng, khôi phục nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng.

Lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin về nghệ thuật thời cơ đòi hỏi phải giải quyết tốt các mối quan hệ cơ bản: biến đổi về lượng, biến đổi về chất; trước mắt-lâu dài; khách quan-chủ quan. Thời cơ vừa có tính khoa học lại vừa có tính nghệ thuật; nó là sản phẩm tất yếu khách quan của quy luật vận động về so sánh lực lượng trong cuộc đấu tranh giai cấp. Thời cơ thể hiện mâu thuẫn nội tại đã phát triển đến độ chín muồi, cần được chuyển hóa. Đồng thời nó lại là sản phẩm của sự nỗ lực chủ quan. Thực tiễn Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại là một chứng minh hùng hồn về

sự vận dụng nghệ thuật thời cơ của những người bôn sê vich Nga. Đề chỉ đạo việc nắm vững thời cơ trong Cách mạng Tháng Mười, ngày 6-11-1917 Lê-nin chỉ thị: «Lịch sử sẽ không tha thứ cho những người cách mạng có thể thắng lợi hôm nay (và chắc chắn sẽ thắng lợi hôm nay) mà lại để chậm trễ; vì đề đến ngày mai, không khéo họ sẽ mất nhiều, không khéo họ sẽ mất tất cả» (4). Ý chí kiên cường và sự lãnh đạo sáng suốt của Lê-nin và Đảng bôn sê vich đã đưa cách mạng Nga đến toàn thắng vào ngày 7-11-1917, mở ra một trang sử mới huy hoàng cho giai cấp vô sản và những người bị áp-bức trên toàn thế giới. Hồ Chủ tịch đã phân tích sự kiện cách mạng này trong cuốn «Đường cách mệnh» (1917). Người viết: «Cuối tháng 10, đầu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lê-nin bảo: «Khoan đã! chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phân đôi chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự». Đến ngày 5-11, chính phủ khai hội đề ban bỏ phép luật mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công nông. Ông Lê-nin nói với đảng viên rằng: «Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm nhặt rồi. Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây chính phủ, dân cây ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phải linh ra đẹp, thì linh ủa theo thợ thuyền mà trở lại đánh chính phủ» (5).

Nói theo Cách mạng Tháng Mười Nga, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã vận

(2), (3) Nguyễn Trãi: *Tồn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội 1969, tr. 117-116.

(4) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976 tập 34, tr. 571.

(5) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 254.

dụng sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã giải quyết thành công vấn đề chỉ đạo thời cơ trong Tổng khởi nghĩa Tháng 8-1915. Rút được những bài học kinh nghiệm của Xô viết Nghệ-tĩnh - 1930 - 1931, khởi nghĩa Bắc-sơn - 9-1910, khởi nghĩa Nam-kỳ - 11-1910, Chợ Ràng (Đô-lương) - 1-1911, Hội nghị thứ 8 (1911) của Trung ương Đảng đã quyết định con đường khởi nghĩa từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Nhưng thời cơ nào thì phát động khởi nghĩa từng phần, thời cơ nào thì phát động tổng khởi nghĩa. Vấn đề chuẩn bị lực lượng đã được giải quyết, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt minh, với các tổ chức thành viên là các Hội cứu quốc, các đội tự vệ cứu quốc ở các địa phương, đội du kích Bắc-sơn đổi tên là Cứu quốc quân. Để dẫn dắt những thay đổi cơ bản về chất là phong trào quần chúng chống Pháp đuổi Nhật ngày càng phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi trong cả nước, ngày 22-12-1914 Đảng thành lập Đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân, sau đó thống nhất các đơn vị cứu quốc quân và đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt-nam giải phóng quân (15-5-1915). Đảng và Hồ Chủ tịch đã thấy trước một cách rất sáng suốt những yếu tố khách quan là Liên-xô và các nước đồng minh nhất định sẽ thắng, phát xít Nhật-Pháp ở Đông-dương sớm muộn sẽ cầu xé nhau. Ngày 12-3-1915, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị lịch sử: *Nhật-Pháp bần nhau và hành động của chúng ta*, đề ra nhiệm vụ tiến hành khởi nghĩa từng phần, lập căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang, phát động chiến tranh du kích, gấp rút chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Sau khi đã tiêu diệt phát xít Đức - Ý, ngày 8-8-1915, Liên-xô tuyên chiến với phát xít Nhật, chỉ trong vài hôm,

Quân đội Xô viết đã tiêu diệt đạo quân Quan-dông tinh nhuệ nhất của Nhật, và ngày 15-8-1915 Nhật chính thức đầu hàng Liên-xô và quân đồng minh. Đây là điều kiện quốc tế rất quan trọng, rất thuận lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa của cách mạng nước ta. Trước đó hai ngày, ngày 13-8-1915 Đảng họp Hội nghị toàn quốc ở Tân-Đào quyết định tổng khởi nghĩa với chủ trương giành lấy chính quyền từ tay Nhật, đánh đổ bọn bù nhìn tay sai, đứng ở địa vị làm chủ nước mình trước khi quân đồng minh vào Đông-dương trục vủ khi Nhật. Chớp lấy thời cơ, ngay sau khi Nhật đầu hàng, ngày 19-8-1915 cuộc Tổng khởi nghĩa đã thắng lợi ở Hà-nội, ngày 23-8-1915 ở Huế, ngày 25-8 ở Sài-gòn. Trong vòng nửa tháng, cuộc Tổng khởi nghĩa của chúng ta đã thành công trong cả nước. Điều đó nói lên sự nỗ lực chủ quan của toàn Đảng và toàn dân ta trong việc chuẩn bị cả « thế » và « lực » của cách mạng từ nhiều năm trước và nhất là trong thời gian diễn biến dồn dập cuối năm 1914 đầu năm 1915, và sự chỉ đạo tài tình của Đảng trong việc lợi dụng điều kiện khách quan thuận lợi, sáng tạo thời cơ và mau lẹ chớp lấy thời cơ lãnh đạo quần chúng vùng lên khởi nghĩa thành công.

Trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây cũng như trong sự nghiệp chống Mỹ vừa qua, Đảng ta, nhân dân ta đã phát triển nghệ thuật thời cơ trong chiến tranh cách mạng lên một đỉnh cao mới. Đảng luôn chủ động sáng tạo ra thời cơ có lợi và kịp thời chớp lấy thời cơ để tiêu diệt địch, từ thời cơ trong chiến đấu, thời cơ chiến dịch, đến thời cơ chiến lược, đã đưa chiến tranh giải phóng đất nước từng bước phát triển, tạo điều kiện giành thắng lợi cuối cùng.

Các chiến dịch Biên giới năm 1950, Hòa-bính năm 1951, Điện-biên-phủ 1953 - 1954 trong cuộc kháng chiến chống Pháp; cuộc đồng khởi ở miền

Nam Việt-nam 1959 — 1960; trận Bình-giá Ba-gia 1961 — 1965; cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968; cuộc phản công đường 9 — Nam Lào 1971; cuộc tiến công chiến lược ở miền Nam và chiến dịch chống máy bay B52 của gạc Mỹ ở miền Bắc 1972; cuộc tổng tiến công chiến lược và nổi dậy mùa xuân 1975 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là những điển hình thành công về việc sáng tạo và nắm vững thời cơ tiêu diệt địch trong nghệ thuật chiến dịch cũng như chiến lược, góp phần làm phong phú thêm nền nghệ thuật quân sự Việt-nam.



Thời cơ do nhiều yếu tố tạo nên, có thể do hoàn cảnh bên ngoài đưa lại hoặc hoàn cảnh bên ngoài cộng với thực lực cách mạng bên trong tạo ra, nhưng cơ bản là thực lực cách mạng đóng vai trò quyết định. Tổ chức lãnh đạo cách mạng không những phải biết đón lấy thời cơ, mà quan trọng hơn là phải biết sáng tạo thời cơ. Vì vậy chỉ trong điều kiện có thực lực cách mạng đủ mạnh và biết sử dụng thực lực đó một cách đúng đắn, khôn khéo thì mới đón được thời cơ và có cơ sở để sáng tạo thời cơ. Năm 1945, nhiều nước ở Đông Nam Á đã từng ở vào hoàn cảnh thuận lợi như nước ta, nhưng không đưa được cách mạng đến thắng lợi, mặc dù có chung một thời cơ khách quan có lợi như nhau do thắng lợi quyết định của Liên-xô đối với phát xít Nhật đưa lại. Có thể là một số nước đó chưa có thực lực cách mạng đủ mạnh để chớp lấy thời cơ, hoặc thời cơ đến nhưng không dám táo bạo hành động, đánh bỏ lỡ thời cơ, đó là chưa nói đến việc chưa đủ điều kiện để sáng tạo thời cơ giành thắng lợi.

Thực lực cách mạng bao gồm nhiều yếu tố hợp thành quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, mà trước hết phải kể đến một yếu tố hết sức quan trọng, hết sức quyết định là phải

có Bộ chỉ huy sáng suốt, có năng lực và bản lĩnh cách mạng cao với một đường lối đúng phù hợp với quy luật phát triển của khách quan, có tinh thần triệt để cách mạng, kiên quyết giữ vững thể tiến công, biết tổ chức và chuẩn bị mọi lực lượng — động lực cơ bản của cách mạng, và có phương pháp cách mạng đúng, kế hoạch bí mật, hành động bất ngờ, nhanh chóng, chính xác khi thời cơ đến.

Sự bùng nổ và thắng lợi của cách mạng ở trong nước thường gắn liền với những diễn biến quốc tế. Nhưng cách mạng và thời cơ cách mạng xuất hiện được trước hết và chủ yếu là do những mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến cực độ, do lực lượng kẻ thù suy yếu nghiêm trọng, do phong trào cách mạng của quần chúng lên đến đỉnh cao cộng với sự lãnh đạo tài tình của tổ chức lãnh đạo cách mạng. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba, Ăng-gô-la, Mô-dam-bích, Ê-ti-ô-pi-a, Ăp-ga-ni-xtan, v.v. là những điển hình về vận dụng thắng lợi thời cơ cách mạng.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa cách mạng từng bước đi lên. Hiệp định Pa-ri (năm 1973) được ký kết theo điều kiện của chúng ta, bước « Mỹ rút », là một thắng lợi lớn của cách mạng nước ta. Lợi dụng thời cơ mới, Đảng ta tích cực chuẩn bị lực lượng, củng cố thực lực cách mạng nhằm giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Khi nguy quyền Sài-gon trở mặt phá hoại Hiệp định Pa-ri, phá hoại hòa bình, thì trong một thời gian ngắn quân và dân ta đã « đánh cho nguy nhào ». Trong những năm 1973—1974, một mặt chúng ta ra sức đấu tranh để đánh bại kế hoạch lần chiếm của địch, mặt khác tích cực chuẩn bị lực lượng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang của chúng ta đã có những bước phát

triển vượt bậc. Các binh đoàn cơ động dự bị chiến lược thuộc Bộ tổng tư lệnh và các binh đoàn của từng mặt trận được thành lập. Chúng ta đã bố trí lực lượng trên các chiến trường hợp lý hơn, đi đôi với tổ chức thêm lực lượng và gấp rút tăng cường trang bị cho quân đội, tăng khả năng chiến đấu hiệp đồng binh chủng của quân đội trên chiến trường. Lực lượng đấu tranh chính trị cũng được củng cố và phát triển mạnh mẽ dưới nhiều hình thức phong phú. Ở đô thị đã có phong trào đòi hòa bình, dân sinh, dân chủ, độc lập dân tộc, đòi lật đổ Thiệu. Ngụy quân, ngụy quyền ngày càng suy yếu cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Mỹ ngày càng gặp nhiều khó khăn trong nước và trên thế giới. Sự cầu kết Mỹ - ngụy thực tế đã bị xói mòn nghiêm trọng. Trong khi đó nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ ngày càng mạnh mẽ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Đó chính là những yếu tố cơ bản của thời cơ chiến lược, Đảng ta hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975, 1976. Bộ chính trị còn dự kiến một phương án nữa là: « nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975 » (6). Đây là một phương hướng cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển thế chiến lược có lợi cho ta. Trong lúc địch tập trung lực lượng mạnh ở hai đầu (Trị-thiên và vùng Sài-gòn - Gia-định), yếu và sơ hở ở giữa (quân khu 2). Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn Tây-nguyên làm hướng tiến công chính và chọn Buôn-ma-thuột làm trận địa đánh then chốt, đánh mở đầu. Đó là một quyết định hết sức sáng suốt và chuẩn xác, đó là một đòn đánh hiểm, bất ngờ nhằm vào chỗ sơ hở, điểm yếu về chính trị và quân sự của địch. Thắng lợi giòn giã của quân và dân ta ở Buôn-ma-thuột làm cho kẻ địch vô cùng hoang

mang dao động. Tình hình đó đã tạo thời cơ cho quyết tâm chiến lược của Đảng ta giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thời cơ là lực lượng. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây-nguyên, chiến dịch Huế - Đà-nẵng là sự phát triển thắng lợi xuống Cực Nam Trung-bộ và đồng bằng sông Cửu-long. Vành đai phòng thủ trọng yếu của địch ở Sài-gòn - Gia-định bị quân và dân ta chặt đứt từng mắt xích. Sự diệt vong của chế độ Sài-gòn chỉ còn được tính từng ngày, từng tuần. Trước tình hình đó, ngày 31-3-1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã ra chỉ thị: « Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt địch đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc ». Bộ chính trị nhấn mạnh: « Cần nắm vững thời cơ hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4-1975 » (7).

Đó là một chuỗi các sự kiện, một chuỗi các chiến dịch diễn ra rất nhanh chóng. Thắng lợi trước tạo thời cơ cho thắng lợi sau, cuối cùng dẫn đến Đại thắng mùa xuân 1975. Đây là một trong những đỉnh cao về nghệ thuật thời cơ của Đảng ta trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng nói chung và quân sự nói riêng.



Bước sang giai đoạn cách mạng mới, chúng ta bắt tay xây dựng chủ

(6), (7) *Quân đội nhân dân Việt-nam 1945—1979*, Nxb Quân đội nhân dân Hà-nội, 1979, tr. 265.

nghĩa xã hội trong cả nước thì lại vấp phải một kẻ thù mới tìm cách phá hoại những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã mất biết bao xương máu mới giành được. Chúng mưu toan thôn tính nước ta, hành tướng cướp toàn khu vực. Đồng Nam A. Từ thực tế cách mạng, với những bài học kinh nghiệm trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc chống các đế quốc Pháp, Mỹ vừa qua, Đảng ta đã chủ động chuẩn bị đối phó với tình huống Trung-quốc có thể gây chiến tranh xâm lược từ phương Bắc và quyết tâm giáng trả địch đáng cuộc chiến tranh xâm lược mà bè lũ Pôn Pốt tiến hành ở phía tây nam theo lệnh quan thầy của chúng. Mùa xuân năm 1979, quân và dân ta đã tập trung lực lượng, giáng một đòn quyết định trên tuyến biên giới Việt-nam - Cam-pu-chia, giành thắng lợi oanh liệt, lập lại hòa bình trên biên giới tây nam của Tổ quốc. Năm vững thời cơ lớn, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, lại được nhân dân ta ủng hộ, quân và dân Cam-pu-chia đã vùng lên đập tan chính quyền phản động Pôn Pốt - lêng Xa-ri. Ngày 7-1-1979 thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Chúng ta đã làm cho địch bất ngờ. Chúng đã đối phó một cách bị động và liều lĩnh. Ngày 17-2-1979, hơn 60 vạn quân xâm lược Trung-quốc đã vượt biên giới phía bắc nước ta gây nên những tội ác vô cùng ghê tởm. Đáp lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng, giữ vững và phát

huy truyền thống anh hùng, quân và dân ta đã kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Được sự ủng hộ của Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia, các nước xã hội chủ nghĩa khác và loài người tiến bộ, qua 30 ngày đêm chiến đấu anh dũng, quân và dân ta đã chiến thắng oanh liệt, loại khỏi vòng chiến đấu hơn sáu vạn tên xâm lược, buộc bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh phải rút quân về nước.

Thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vừa qua là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn. Phát huy hơn nữa những truyền thống quý báu chống ngoại xâm của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta « kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng, có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào », quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc thân yêu nếu kẻ thù liều lĩnh xâm lược nước ta.

Thực tế lịch sử cũng như những nhiệm vụ mới của cách mạng đòi hỏi chúng ta hiểu sâu sắc hơn nữa và nắm vững nghệ thuật thời cơ. « Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ », « kiên quyết, không ngừng thế tấn công » nghĩa là cần phát huy cao độ nỗ lực chủ quan, chuẩn bị đầy đủ thực lực cách mạng, từ đó tạo được thời cơ và chớp được thời cơ, biến thời cơ thành lực lượng, biến khả năng khách quan thành thắng lợi hiện thực của cách mạng.

PHONG TRÀO BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC Ở QUẢNG-NINH

LÊ - ĐẠI

Bi thư Tỉnh ủy Quảng-ninh

ĐẢNG ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về việc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ. Các nghị quyết của Đảng nhấn mạnh phải tiếp tục xây dựng và củng cố nền an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân vững mạnh, củng cố vững-chắc các huyện, các xã biên giới, các vùng xung yếu...

Nghiên cứu các nghị quyết của Đảng về phong trào an ninh nhân dân, Tỉnh ủy chúng tôi ngày càng nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của phong trào đó, càng đi sâu phát triển phong trào đó phù hợp với đặc điểm của địa phương.



Quảng-ninh là một tỉnh có công nghiệp lớn; vùng than Quảng-ninh giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế của cả nước.

Hồ Chủ tịch trong buổi gặp mặt các đại biểu cán bộ, công nhân ngành than đã chỉ thị: phải "đẩy mạnh

ngành than trở thành một ngành gương mẫu cho các ngành kinh tế khác và tỉnh Quảng-ninh trở thành một tỉnh giàu đẹp" (1).

Ngoài công nghiệp than, Quảng-ninh còn có các ngành kinh tế phong phú và đa dạng, có khu du lịch với cảnh đẹp Hạ-long hùng vĩ, có đường biên giới tiếp giáp với Trung-quốc. Quảng-ninh còn có vị trí chiến lược về quân sự, có thương cảng giao lưu quốc tế. Quảng-ninh có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Do những đặc điểm đó, Quảng-ninh thường được coi là một tỉnh có tầm quan trọng đặc biệt về cả hai mặt: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là nơi mà xưa nay giặc ngoại xâm coi là một trong những mục tiêu đánh chiếm từ đầu đề mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta.

Thực dân Pháp, sau ngày bị Nhật đảo chính phải bỏ chạy, khi trở lại chúng đánh chiếm ngay khu mỏ, và trước khi rút khỏi Việt-nam theo Hiệp

(1) Bác Hồ nói chuyện với các đại biểu công nhân và cán bộ ngành than. Báo Nhân dân ngày 17-11-1968.

nghe Giơ-ne-vơ năm 1954, chúng đã cài lại ở khu mỏ các ô gián điệp với mục đích phá hoại kinh tế, chính trị, tư tưởng rất thâm độc.

Đế quốc Mỹ suốt thời kỳ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, đã dùng máy bay bắn phá rất ác liệt nhiều vùng trong tỉnh, đồng thời tung hàng loạt gián điệp, biệt kích vào Quảng-ninh bằng đường không và đường biển để ăn cắp hoạt động lâu dài, hoặc dùng mìn phá hoại nhà máy, kho tàng, cầu cống, tập kích cơ quan đầu não, ám hại cán bộ...

Bọn phản động Bắc-kinh đã từ lâu sử dụng bọn xâm lược số hơn 16 vạn người Hoa liên tiếp gây rối phá hoại tỉnh chúng tôi về nhiều mặt; chúng đã tạo vỏ bọc hợp pháp cho bọn tay sai chui vào nội bộ ta, nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các cấp ủy Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang để phá hoại ta từ bên trong. Có tên thay đổi lý lịch từ người Hoa chuyển thành người Nùng, người Dao... để trà trộn vào vùng dân tộc thiểu số và chuyển vào miền Nam hoạt động.

Trong những năm 60, chúng đã lợi dụng quan hệ « hữu nghị » giữa hai tỉnh Quảng-ninh và Quảng-dông, tranh thủ đưa tay sai sang ta hoạt động dưới nhiều danh nghĩa khác nhau: chuyên gia kinh tế, quân sự. Đặc điểm hoạt động nổi bật của chúng là xúi giục bọn phản động ở miền núi gây phỉ, gây bạo loạn, kích động người Hoa không thi hành nghĩa vụ công dân, cài cắm gián điệp, ngang nhiên phát động những giao viên, học sinh theo Mao làm « cách mạng văn hóa » ngay trên đất ta.

Đặc biệt là giữa năm 1978 chúng đã kích động người Hoa gây ra sự kiện « nạn kều », làm cho 16 vạn người rời bỏ nhà cửa ruộng vườn ra đi, gây nên sự xáo trộn chưa từng thấy về chính trị, kinh tế - xã hội ở tỉnh chúng tôi.

Sau khi bị thất bại nhục nhã trong chiến tranh xâm lược ở biên giới phía bắc tháng 2-1979, bọn lãnh trưởng bá quyền Trung-quốc chuyển sang thực hiện kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Ở tỉnh chúng tôi, hành động cụ thể của chúng là tung gián điệp, thám báo xâm nhập, tuyên truyền lừa bịp kết hợp dùng « hàng hóa » mua chuộc lôi kéo những người nhẹ dạ, lạc hậu trong các dân tộc thiểu số và con buôn vượt biên buôn lậu.

Hoạt động của chúng nhằm mục đích tuyển chọn người làm tay sai, diễn tra thu thập tình báo, gây chiến tranh tâm lý, hòng làm xói mòn lòng tin của dân đối với Đảng, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa quân và dân, dụ dỗ người trốn đi nước ngoài, kích động gây phỉ và bạo loạn; phá hoại kinh tế và tư tưởng, phá hoại trật tự an toàn xã hội vùng biên giới nước ta.

Quảng-ninh là một tỉnh tuyến một, nếu kẻ địch tiến công chúng có thể cùng một lúc sử dụng tổng hợp các binh chủng đánh ta nhiều hướng cả tuyến trước và phá ta ở tuyến sau.

Nếu tình huống này xảy ra thì cả tỉnh Quảng-ninh là một chiến trường. Bởi vậy, việc xây dựng phòng tuyến an ninh ở tỉnh chúng tôi không chỉ giới hạn ở các xã, huyện biên giới mà phải được tiến hành trong toàn tỉnh mà trọng điểm là ba huyện biên giới, tuyến biên đảo và ba thị xã vùng công nghiệp.

Ý thức được điều đó, trong nhiều năm qua, chúng tôi đã xây dựng và củng cố Quảng-ninh một cách toàn diện, trên cơ sở đó củng cố và phát triển mạnh mẽ phòng tuyến an ninh nhân dân.

Chúng tôi đã kịp thời tập trung máy trạm cán bộ tiến hành khảo sát đánh giá tình hình từng xã, từng ban, thôn, xí nghiệp, khu phố..., đến nay về cơ bản chúng tôi đã nắm được tình hình và có kế hoạch tiến hành từng bước

công tác bảo vệ an ninh, đặc biệt là ở các trọng điểm.

Bằng mọi phương tiện và lực lượng, chúng tôi đã mở nhiều đợt vận động giáo dục tập trung sâu rộng từ trong Đảng đến quân đội và nhân dân, làm cho mọi người nhận rõ kẻ thù, âm mưu và phương thức hoạt động của chúng, hiểu sâu sắc thêm đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; qua đó nâng cao thêm một bước tinh thần cảnh giác cách mạng, lòng căm thù giặc, niềm tin tưởng vào thắng lợi.

Chúng tôi luôn luôn xác định xây dựng, bảo vệ miền núi là sự nghiệp của bản thân nhân dân các dân tộc miền núi, đồng thời là trách nhiệm nặng nề của đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh. Vấn đề sống còn là tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, hăng hái lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ quê hương. Tiến tới trong một số năm nữa sẽ chấm dứt nạn du canh du cư ở vùng cao, phát triển nghề rừng, nông nghiệp, làm hàng xuất khẩu để dân có việc làm. Chúng tôi động viên nhân dân góp sức cùng Nhà nước sửa chữa đường giao thông, sửa chữa lại trường sở, bàn ghế, tăng số giáo viên, mở thêm lớp học ở các bản; phát triển sự nghiệp y tế, đặc biệt chú trọng vùng cao, vùng biên giới. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, chúng tôi vẫn duy trì các trường thanh niên, thiếu niên dân tộc; các trường này thường xuyên có hàng trăm cháu theo học, cung cấp cho Đảng và Nhà nước những cán bộ cốt cán người địa phương, người dân tộc. Chúng tôi làm trong sạch nội bộ, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở từng bản, cử nhiều cán bộ đến tăng cường cho vùng này, cố gắng trong một vài năm cũng cố xong các nơi còn yếu kém. Nhờ những

cố gắng đó, bản làng dần dần đổi mới, đời sống nhân dân ngày càng ổn định. Mặt khác, lực lượng quân đội, công an nhân dân, dân quân thường xuyên tuần tra kiểm soát chặt chẽ tuyến biên giới, kịp thời phát hiện và đã bắt gọn bọn thám báo xâm nhập vùng đất, vùng biên của ta. Tinh thần cảnh giác của quần chúng kết hợp với các biện pháp hành chính, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn đã làm thất bại về cơ bản âm mưu của địch dùng hàng hóa lôi kéo một số người không vững vàng của ta. Nhiều tên phản cách mạng, bọn vượt biên buôn lậu và những bọn xấu khác đã bị phát hiện, tóm gọn. Những người cần phải chuyển xa khu vực biên giới đều được chuyển vùng cư trú.

Ở nơi mặt giáp mặt với quân thù, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bên cạnh phải được tổ chức đề có đủ sức mạnh tại chỗ bảo vệ an ninh toàn diện, thực hiện sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất, theo đúng chức trách được ghi rõ trong nội quy bảo vệ an ninh. Kế hoạch của bất kỳ đơn vị nào cũng đều bao gồm phần sản xuất và phần bảo vệ sản xuất. Chế độ khen thưởng kỷ luật được áp dụng không chỉ đối với thành tích, khuyết điểm trong sản xuất mà cả đối với thành tích và khuyết điểm trong bảo vệ sản xuất. Chế độ đó được áp dụng đối với tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, hành chính và sự nghiệp, không chỉ đối với công nhân, nhân viên mà cả đối với cán bộ phụ trách. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh... qua nhiều đợt vận động sản xuất, bảo vệ sản xuất, cải tiến quản lý, đã có những tiến bộ đáng kể, đã xây dựng được nội quy, chế độ cụ thể và thích hợp. Các tổ chức Đảng có tinh thần cảnh giác cao, sử dụng các cơ quan chức năng tiến hành giáo dục, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện, kiểm tra việc bảo vệ sản xuất cũng giống như kiểm tra sản xuất, khi kiểm tra sản

xuất nhất thiết phải kiểm tra việc bảo vệ sản xuất.

Toàn bộ công tác an ninh nhân dân phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của các cấp ủy Đảng. Tổ chức Đảng dựa vào lực lượng công an làm nòng cốt, làm tham mưu, phát huy sức mạnh tại chỗ, huy động mọi lực lượng cùng làm.

Phương châm chỉ đạo của tỉnh là kết hợp giữa xây dựng phòng tuyến an ninh với xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng, kết hợp phong trào quần chúng với các biện pháp của cơ quan chuyên môn, kết hợp địa phương với các ngành. Trong chỉ đạo thực hiện, Tỉnh ủy chúng tôi tiến hành có trọng điểm, nhưng cũng có những việc phải làm đồng thời trong cả tỉnh, và cố gắng tránh tình trạng rã mảnh mảnh ảnh hưởng không tốt đến chất lượng công tác.

Trong quá trình triển khai thực hiện quyết định, các địa phương gặp trở ngại gì liên quan đến ngành nào, Tỉnh ủy đều phân công cấp ủy viên cùng các trưởng ngành xuống tận nơi xem xét giải quyết; mặt khác, chúng tôi chỉ đạo các ngành, các ban sơ kết theo chuyên đề, và tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học với các đề tài khác nhau như: làm thế nào giảm bớt được nạn thanh niên, thiếu niên phạm pháp; làm thế nào chống chiến tranh tâm lý của địch...

Chúng tôi rất quan tâm đến công tác kiểm tra, kịp thời biểu dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân có thành tích và uốn nắn những lệch lạc.



Đến nay, qua hai năm thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, công tác phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh ở Quảng-ninh đã đạt được một số

kết quả đáng kể. Qua hai năm xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, chúng tôi bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm sau đây:

Nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng, thường xuyên có sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và chặt chẽ của các cấp ủy Đảng đối với phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn liền phong trào đó với các cuộc vận động khác.

Tỉnh ủy chúng tôi rất coi trọng việc tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng về tinh thần các nghị quyết của Bộ chính trị và Ban bí thư Trung ương Đảng, làm cho mọi người nhận rõ tầm quan trọng và vị trí chiến lược của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp là bọn bán nước, bá quyền Trung-quốc và kẻ thù cơ bản là đế quốc Mỹ, thấy rõ các âm mưu, các phương thức hoạt động, các thủ đoạn phá hoại nhiều mặt của chúng. Chúng tôi chăm lo giáo dục cán bộ chủ chốt các cấp các ngành, khiến họ nắm vững các quan điểm cơ bản về sự lãnh đạo tập trung thống nhất toàn diện của cấp ủy Đảng, về việc phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, về tinh thần chủ động tiến công, tiến công liên tục bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác. Quan triệt sâu sắc phương châm kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với bảo vệ kinh tế, kết hợp công tác chính trị, tư tưởng với việc củng cố tổ chức, chống tiêu cực trong nội bộ cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và ngoài xã-hội.

Chúng tôi đã quy chế hóa nhiệm vụ chỉ đạo công tác an ninh của các chi bộ, đảng bộ thành bản Quy định gồm 12 điều. Trong đó nêu rõ những nội dung công tác bảo vệ an ninh mà tổ chức cơ sở Đảng cần nắm để chỉ đạo, một số nguyên tắc và chế độ

trách nhiệm lãnh đạo chỉ đạo của các đảng ủy cơ sở và trách nhiệm của đảng viên đối với công tác này.

Quy định trên đây đã được phổ biến đến các chi bộ. Qua việc tổ chức học tập các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết và quy định của Tỉnh ủy, chúng tôi đã tạo nên sự nhất trí cao về sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác an ninh của toàn đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở, khắc phục dần những biểu hiện lệch lạc trong một bộ phận cấp ủy Đảng xưa nay thường khoán trang công tác an ninh cho lực lượng công an, tạo được sức mạnh tại chỗ ngày càng to lớn góp phần quyết định giành thắng lợi trong việc bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương.

Trong quá trình thi hành nghị quyết, một bộ phận thường trực được chỉ định giúp Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổng hợp tình hình, mở các hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm theo yêu cầu từng thời gian.

Những chi bộ, đảng bộ và những người có thành tích xuất sắc đều được thưởng vụ Tỉnh ủy khen thưởng động viên và tặng quà lưu niệm. Đồng thời, những biểu hiện mặt cảnh giác, buông lỏng công tác an ninh, trật tự đều bị phê phán, uốn nắn kịp thời.

Sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy đã có tác động mạnh mẽ từ trong các cơ quan Đảng đến bộ máy chính quyền và đoàn thể, từ phường, xã, xí nghiệp đến các lực lượng vũ trang, tạo thành khí thế thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc nhất thiết phải được tiến hành trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản.

Quan triệt nguyên tắc cơ bản đó vào sự lãnh đạo chỉ đạo phong trào ở địa phương, Tỉnh ủy chúng tôi xác định: mọi thành quả của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của

Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và sức mạnh của lực lượng quần chúng đông đảo. Và đây mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh. Các cấp ủy Đảng trực tiếp nắm và chỉ đạo chặt chẽ phong trào: Ủy ban nhân dân các cấp là người chỉ đạo thực hiện. Tỉnh ủy chúng tôi thông qua đảng ủy và Ủy ban nhân dân các cấp để chỉ đạo hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng ở từng địa phương và trong toàn tỉnh.

Độc có quy định và phân công cụ thể của Tỉnh ủy, nhiều cấp, nhiều ngành trong tỉnh đã có chương trình kế hoạch hợp đồng chặt chẽ với nhau, chủ động sáng tạo nên nhiều hình thức và biện pháp phong phú có hiệu quả thiết thực trên từng lĩnh vực công tác khác nhau, tạo nên sự phát triển tương đối đồng đều về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, hành chính, kinh tế và pháp luật, kết hợp chặt chẽ chức năng tổ chức xây dựng với chức năng trấn áp bằng bạo lực của chuyên chính vô sản.

Thực tiễn ở Quảng-ninh cho thấy nếu các cấp, ngành tự giác quán triệt và vận dụng có sáng tạo nguyên tắc phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản thì phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc nhất định ngày càng thu hút được đông đảo các lực lượng tham gia.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trên lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chỉ có trên cơ sở đó mới tạo được phòng tuyến bảo vệ an ninh vững chắc từ cơ sở.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, bảo vệ an ninh là một bộ phận của công tác cách mạng cho nên cũng là sự nghiệp của quần chúng. Trong

quá trình tiến hành cách mạng, khi cuộc đấu tranh giai cấp còn tiếp diễn gay go quyết liệt, nếu lực lượng quần chúng không được huy động để đấu tranh trực tiếp chống bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác để bảo vệ cách mạng, bảo vệ chế độ thì chắc chắn không thể có sự yên ổn bền vững về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Hồ Chủ tịch đã dạy: « Phải làm sao có hàng chục triệu đôi bàn tay, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được. Muốn như vậy phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn » (2). Thực hiện lời căn dặn của Người, nhiều năm qua Tỉnh ủy Quảng-ninh đã quan tâm đến công tác giáo dục, phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tỉnh ủy đã mở nhiều cuộc vận động, mà gần đây là cuộc vận động « Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Quảng-ninh xây dựng vùng mới giàu đẹp, an toàn ».

Nội dung cuộc vận động nhằm xây dựng phường, xã, huyện, thị xã, đơn vị vũ trang và cơ quan, xí nghiệp trở thành phòng tuyến « vững chắc về chính trị; mạnh mẽ về quốc phòng; phồn vinh về kinh tế; yên ổn về trật tự an ninh; tiến bộ về văn hóa xã hội ».

Các mục tiêu trên đã được vận dụng phù hợp dần với đặc điểm, yêu cầu từng vùng: biên giới, dân tộc, hải đảo và khu công nghiệp, phù hợp với đặc điểm từng ngành và từng tổ chức quần chúng.

Hiện nay phong trào đang phát triển theo hai chiều: theo địa phương và theo ngành hoặc liên ngành.

Nội dung đoàn kết, cảnh giác chiến đấu bảo vệ dần dần được gắn liền với xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, phát triển kinh tế và văn hóa xã

hội. Các mặt đó quyện vào nhau, hình thành nhiệm vụ chính trị chung của từng địa phương, đơn vị.

Đề duy trì phong trào chung và duy trì sức mạnh đoàn kết của ba lực lượng công an, quân đội và thanh niên địa phương, chúng tôi đang cố gắng làm cho phong trào ngày càng phong phú thêm về nội dung hoạt động. Chúng tôi quan tâm chỉ đạo việc kết hợp phát động quần chúng bảo vệ an ninh chung với vận động bảo vệ an ninh trong các ngành và đoàn thể, sơ kết kịp thời theo các chuyên đề; nội dung công tác bảo vệ an ninh ở ngành nào do ngành đó chủ trì chuẩn bị, có kết hợp với lực lượng công an và được thường trực các cấp ủy Đảng duyệt và quyết định.

Ngoài ra hàng năm hoặc vài năm một lần từ cơ sở đến toàn tỉnh mở hội nghị tổng kết phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc gồm đông đủ các thành phần đại biểu Đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang tham dự để rút kinh nghiệm, học tập các điển hình tiên tiến, biểu dương, khen thưởng, cổ vũ các tầng lớp nhân dân hàng hải tham gia phong trào, đồng thời chỉ ra những mặt còn yếu, kém của các ngành, các địa phương để khắc phục.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh để đủ sức làm nòng cốt phục vụ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và trực tiếp chiến đấu đánh bại kẻ thù chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của các cấp ủy Đảng.

Trên lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố và tăng cường phòng tuyến an ninh nhân dân, lực lượng công an nhân dân là người tham mưu đặc lực của Đảng. Đảng ta đã xác định rằng công an nhân

(2) Bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch tại Trường công an trung cấp, khóa II, năm 1951.

dân là công cụ bạo lực trọng yếu của chuyên chính vô sản..., rằng phải lấy sức mạnh quần chúng làm cơ sở, lấy lực lượng công an và quân đội hỗ trợ đắc lực trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của nhân dân.

Nhận thức được vai trò của công an nhân dân, từ trước đến nay nhất là từ khi Ban bí thư ra chỉ thị số 92 về xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, Tỉnh ủy chúng tôi trước hết chăm lo xây dựng đảng bộ công an nhân dân trong sạch vững mạnh, kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác Đảng trong lực lượng công an, đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt của công an từ tỉnh đến huyện, thị xã...; xây dựng và củng cố Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các chi hội phụ nữ trong lực lượng công an của tỉnh.

Tỉnh ủy trực tiếp chăm lo việc bồi dưỡng cho số đông cán bộ công an về lý luận và chính trị qua các trường Đảng cao cấp, trung cấp và cơ sở, bồi dưỡng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và khoa học quản lý qua các lớp đại học tại chức, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ qua các trường đại học, trung học và sơ cấp an ninh. Mạnh dạn đào tạo và giao việc cho cán bộ trẻ, có triển vọng đã qua học tập có hệ thống, và thực hiện đúng chính sách đối với những cán bộ cũ

chậm phát triển hay cao tuổi hiện đang công tác hoặc đã về hưu. Lãnh đạo chặt chẽ công tác thuần khiết nội bộ, kiên quyết đưa những người không có đủ tiêu chuẩn chính trị và phẩm chất ra khỏi bộ máy và cương vị lãnh đạo của lực lượng công an.

Trong một chừng mực nhất định, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chúng tôi đã tạo cho lực lượng công an có thêm điều kiện vật chất để tăng cường khả năng chiến đấu và công tác.

Sau khi tổng kết việc thi hành chỉ thị số 92 của Ban bí thư Trung ương Đảng trong hai năm qua, Tỉnh ủy chúng tôi đang lãnh đạo lực lượng công an tiến hành tốt cuộc vận động thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân, nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.



Không thỏa mãn với những thành tích đã đạt được, Tỉnh chúng tôi nâng cao tinh thần cảnh giác, đang chăm chú theo dõi âm mưu thủ đoạn của địch, có kế hoạch chu đáo, tổ chức động viên toàn đảng bộ, các lực lượng vũ trang và toàn thể nhân dân Quảng-ninh đầy mạnh sự nghiệp bảo vệ an ninh để trở thành một tỉnh vững vàng về quốc phòng, giàu đẹp về kinh tế và đời sống.

BƯỚC TIẾN MỚI CỦA THÁI-BÌNH trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng

THIỆN - NHÂN

THÁI-BÌNH là một tỉnh đồng bằng nằm trên tuyến biên phòng biển ở giữa hai thành phố Hải-phong và Nam-định, có nhiều đường giao thông thủy bộ quan trọng, có bờ biển dài khoảng 50 km; là một tỉnh duy nhất ở miền Bắc không có đồi núi, nhưng lại có nhiều làng mạc với lũy tre bao bọc, tạo thành từng tuyến và cụm khá dày, đông người, nhiều cửa, có những mục tiêu kinh tế và quốc phòng trọng yếu. Toàn tỉnh đã hoàn thành hợp tác hóa với quy mô toàn xã. Các hợp tác xã ngày càng được củng cố, ổn định và phát triển với năng suất lúa bình quân trên dưới 6 tấn/một ha, hằng năm đóng góp cho Nhà nước từ 1 đến 1,5 tấn/một ha. Công nghiệp địa phương tuy còn nhỏ, nhưng có bước tiến đáng kể, các ngành nghề thủ công phát triển khá. Đời sống nhân dân tương đối ổn định và có những mặt được cải thiện.

Thái-bình còn là một tỉnh có truyền thống cách mạng lâu năm, có ý thức tự lực tự cường, đạt được nhiều thành tích nổi bật trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Thái-bình có

kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc. Thái-bình trong kháng chiến chống Pháp đã có kinh nghiệm về « chiến đấu giữ làng » và chiến đấu liên hoàn của nhiều làng xã, bảo vệ thành công các căn cứ du kích lớn trên tả ngạn sông Hồng. Trong kháng chiến chống Mỹ, tỉnh đã động viên sức người chi viện cho miền Nam cao nhất miền Bắc so với tỷ lệ dân số, tự bảo vệ được các mục tiêu then chốt trên địa bàn tỉnh và vừa sản xuất vừa chiến đấu, đã đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 ha đầu tiên ở miền Bắc trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại ác liệt của giặc Mỹ, có đại đội dân quân giải an hùng huyện Tiên-hải đến nay vẫn còn là một đơn vị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương.

Trong thời gian qua, dựa vào những đặc điểm của tỉnh và phát huy những thành tích của mình, nhân dân Thái-bình đã phấn đấu đạt những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế và củng cố quốc

phòng ở địa phương, đáp ứng những đòi hỏi của cuộc chiến tranh bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc. Một trong những tiến bộ đáng kể ấy là đã giải quyết có kết quả việc kết hợp kinh tế với quốc phòng ở địa phương.



Cụ thể hóa đường lối, nhiệm vụ chung của Đảng thành nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng của địa phương, giáo dục nhân dân thấm nhuần nhiệm vụ mới.

Dựa trên những nhận thức đúng đắn về tình hình cơ bản của đất nước ta, về hai nhiệm vụ chiến lược, về hai phương thức chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nắm vững hai tính chất của tỉnh vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương, hai nhiệm vụ quân sự trọng yếu là kiên quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược quy mô lớn, và căn cứ vào những điều kiện cụ thể của địa phương, Thái-bình đã xác định nhiệm vụ cơ bản của mình về mặt này là :

1 - Kết hợp chặt chẽ việc xây dựng tỉnh có cơ cấu công - nông nghiệp, xây dựng huyện có cơ cấu nông - công nghiệp với việc xây dựng tỉnh thành đơn vị chiến lược của nền quốc phòng toàn dân, đơn vị tác chiến có ý nghĩa chiến dịch nằm trong đội hình tác chiến chiến dịch rộng lớn của quân khu, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, đơn vị quốc phòng cơ bản và tác chiến cơ bản của chiến tranh nhân dân địa phương trên địa bàn tỉnh, xây dựng xã và cụm xã thành những điểm tựa chiến đấu vững chắc đối với cả quốc phòng và an ninh.

2 - Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có sức mạnh chiến đấu làm nòng cốt cho toàn dân đủ

sức bảo vệ địa phương và cùng với bộ đội chủ lực đánh bại mọi âm mưu xâm lược của địch. Chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên với quy mô lớn, được tổ chức quản lý chặt chẽ và huấn luyện tốt, bảo đảm chi viện lớn và kịp thời cho bộ đội chủ lực khi chiến tranh xảy ra.

3 - Tiếp tục củng cố các cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng nền nếp quốc phòng trong toàn dân, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

4 - Lực lượng vũ trang địa phương tích cực tham gia sản xuất, phát triển kinh tế, góp phần xây dựng địa phương, giảm nhẹ chi phí của Nhà nước và cải thiện đời sống của mình.

Thái bình đã xây dựng những phương án tác chiến và quyết tâm phòng thủ cơ bản sát hợp với tình hình và nhiệm vụ của địa phương. Đó là những phương án phòng và đánh bại chiến tranh tâm lý, các hoạt động gián điệp, biệt kích, các vụ xâm phạm an ninh trên biên, các cuộc tập kích phá hoại các cơ sở kinh tế, quốc phòng của ta ở ven biên, bảo vệ vững chắc các cơ sở ấy; chuẩn bị mọi mặt đánh bại các cuộc tiến công quy mô lớn của địch.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ và phương án nói trên, tỉnh ủy đã có nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh và một số ngành, có liên quan hàng năm đã định ra kế hoạch kinh tế kết hợp với quốc phòng. Kế hoạch này nằm trong kế hoạch tổng thể của địa phương, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, của toàn dân, bảo đảm ý đồ chiến lược chung của cả tỉnh. Kế hoạch đó được thực hiện theo ba cách; những công việc thống nhất chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng như phát triển kinh tế biên thì làm mạnh; những công việc thống nhất về cơ bản giữa kinh tế và quốc phòng như làm cầu đường vì, điều kiện kinh

tổ hán thì làm từng bước; những công việc thống nhất về lâu dài, nhưng trước mắt chủ yếu do nhu cầu quốc phòng, như làm một số công trình quân sự, thì cần nhắc kỹ giữa lợi ích kinh tế và lợi ích quốc phòng, làm có trọng điểm và có kế hoạch, sẵn sàng hoàn thành toàn bộ khi cần thiết. Do đó có việc, có nơi phải làm khẩn trương, có việc, có nơi phải làm từng bước, không làm tràn lan gây lãng phí.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị cuộc chiến tranh nhân dân địa phương để bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc là một nhiệm vụ lớn. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã quan tâm giáo dục cán bộ đảng viên, các lực lượng vũ trang và nhân dân thông qua các hình thức thông tin tuyên truyền, báo chí, các cuộc hội nghị, tập huấn, các tài liệu giảng dạy trong trường Đảng các cấp, nhằm làm cho mọi người nắm vững những quan điểm cơ bản về xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, làm giàu và đánh thắng, những yêu cầu khác nhau giữa chiến tranh giải phóng với chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, hiểu rõ những âm mưu, thủ đoạn hoạt động của địch, nhất là chiến tranh phá hoại của chúng trong hoàn cảnh của địa phương, khả năng và sức mạnh mới của lực lượng vũ trang địa phương, nhiệm vụ và kế hoạch công tác cụ thể của địa phương mình.

Tổ chức thực hiện theo những hình thức thích hợp nhiệm vụ và kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng ở từng nơi.

Trong tổ chức thực hiện, tỉnh ủy đã xác định những tư tưởng chỉ đạo cơ bản:

— Trên mọi mặt công tác xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, từ

việc xây dựng các cơ sở vật chất—kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, các vùng kinh tế đến việc xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, đều phải biết kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, giữa tổ chức lại sản xuất với tổ chức chiến đấu, giải quyết đúng đắn, kịp thời những vướng mắc trong sự kết hợp, nhằm vừa bảo đảm tập trung sức xây dựng kinh tế, vừa thật sự củng cố quốc phòng, làm cho kinh tế và quốc phòng thúc đẩy lẫn nhau phát triển, chủ động hoàn thành cả hai nhiệm vụ chiến lược, cả nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài ở địa phương.

— Trong điều kiện hiện nay, sức mạnh quốc phòng, tiềm lực chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, của lực lượng dự bị động viên nằm trong nhân dân, trong các ngành kinh tế. Dựa vào những quy hoạch, kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, việc tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành cần được thể chế hóa, nhằm phát huy sức mạnh to lớn của cả hệ thống chuyên chính vô sản, vai trò làm chủ tập thể của nhân dân và tác dụng tham mưu đặc lực của cơ quan quân sự địa phương.

Thấm nhuần những tư tưởng chỉ đạo đó, quân và dân Thái-bình trong mấy năm qua đã làm có kết quả mấy việc sau đây:

1 — Tạo thể trận trên địa bàn toàn tỉnh, tập trung sức xây dựng tuyến phòng thủ của các huyện ven biển, bảo đảm củng cố quốc phòng và phát triển kinh tế.

Tỉnh đã và đang kết hợp chặt chẽ việc khôi phục nghề lộng với việc xây dựng, củng cố các lực lượng tự vệ mặt nước, từng bước hình thành thể trận chiến tranh nhân dân trên biển gần, trên các cửa sông lớn. Toàn tỉnh đã xây dựng, củng cố được 11 đơn vị tự vệ mặt nước, nhằm bảo vệ toàn tuyến ven biển. Các đơn vị này

đã được huấn luyện tác chiến trên biển và rà phá thủy lôi, bước đầu phát huy tác dụng trong công tác trị an trên biển, kết hợp với làm nhiệm vụ kinh tế quai đê lấn biển, trồng sú vẹt, tre mây, cây lấy gỗ; cùng với nhân dân, phát triển kinh tế biển và cải tạo địa hình, tạo nên những đầm dân cư mới, làng xã mới ở các nơi xung yếu. Nhờ vậy, đã trồng được 300 ha cối sặt của sông Trà-Lý, 200 ha ở cồn Vành cửa sông Hồng. Tỉnh đã tổ chức đội tàu thuyền của lực lượng thường trực làm nông cấy cho chiến tranh nhân dân địa phương trên biển gần, vừa làm nhiệm vụ trị an, sẵn sàng chiến đấu, vừa làm nhiệm vụ sản xuất đánh bắt tôm cá, mỗi năm từ 15 đến 20 tấn. Tỉnh còn bố trí lực lượng bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng ở cửa sông lớn, vừa xây dựng nơi đây thành đầm tựa chiến đấu then chốt, vừa làm nơi sản xuất, trồng cây, chăn nuôi dê, bò, phát triển kinh tế biển.

Ở các xã, đã chú ý kết hợp việc tổ chức lại sản xuất với việc tổ chức lại lực lượng chiến đấu cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, nhằm chủ động bảo đảm cả nhiệm vụ sản xuất và nhiệm vụ trị an, chống chiến tranh phá hoại của địch, sẵn sàng chiến đấu. Mỗi xã có những đại đội du kích chiến đấu tại chỗ và chiến đấu cơ động. Trong tất cả các xã đã tổ chức hàng trăm trung đội an ninh quốc phòng gắn liền với các đội sản xuất, thích hợp với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng trong tình hình hiện nay.

Các cấp Đảng và chính quyền đã động viên nhân dân ở tuyến trước cũng như ở tuyến sau trồng tre mây khép kín ven biển, tạo điều kiện xây dựng các cụm xã chiến đấu trên quy mô toàn tỉnh mà trước mắt là xây dựng 15 cụm trọng điểm. Việc trồng tre mây đang được đặt thành một ngành sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, góp phần xây dựng kinh tế vườn, kinh

tế gia đình và làng xóm mới. Hiện nay toàn tỉnh đã trồng được 40 vạn mống tre, và từ nay đến 1985 sẽ trồng thêm trên một triệu cây tre và hàng chục triệu cây mây nhằm nhanh chóng tạo nguồn kinh tế mới của địa phương phục vụ cho dân sinh, xuất khẩu và quốc phòng lâu dài. Tỉnh còn chú trọng xây dựng các công trình lâu bền và công sự dã chiến ở tuyến trước. Những công sự đó được đắp nổi, chằng chịt, phủ cỏ, trồng tre mây, và trong thời gian tương đối dài vẫn sử dụng được.

2 - Chú trọng xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương nhằm đáp ứng những yêu cầu mới trong chiến đấu, cơ gắn với sản xuất.

Lực lượng vũ trang địa phương bao gồm bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ. Trong điều kiện chiến tranh bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc hiện nay, vị trí và tầm quan trọng chiến lược của mỗi lực lượng có khác trước. Bộ đội địa phương tuy vẫn giữ vai trò trụ cột nhưng vì lực lượng này không thể tổ chức nhiều, cho nên trong phòng ngự cũng như trong phản kích, phản công, nó chỉ làm nông cấy và được sử dụng có trọng điểm. Dân quân, tự vệ mới là lực lượng chiến đấu cơ bản có sức mạnh chiến đấu lớn nhất của địa phương, thực hiện cả hai nhiệm vụ phòng ngự tại chỗ, phản kích và phản công. Khác với hồi chiến tranh giải phóng, về nhiệm vụ, tổ chức xây dựng lực lượng, chỉ huy, huấn luyện, cách đánh của dân quân tự vệ đều có những đòi hỏi mới. Do đó, trong thời gian qua, cùng với việc tổ chức xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, Thái-bình đã tập trung sức tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

Nhiệm vụ chiến đấu của dân quân tự vệ ngày nay không phải chỉ là đánh lẻ tẻ, từng người, từng tổ, xã nào đánh ở xã ấy, mà là đánh tập

trung, hiệp đồng binh chủng với quy mô cụm xã, huyện và toàn tỉnh ngay từ đầu, các huyện phía sau phải chỉ viện cho phía trước. Tuy vậy, việc tổ chức lực lượng vẫn lấy xã làm đơn vị cơ sở, còn huyện là đơn vị phòng thủ tác chiến cơ bản của chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh. Ở các đơn vị cơ sở, các đại đội du kích chiến đấu tại chỗ thường được hình thành từ những tiểu đội, trung đội ở nhiều đội sản xuất ghép lại, còn các đại đội du kích cơ động được tổ chức gắn với một hoặc hai đội sản xuất, thường là đội sản xuất chuyên khẩu. Nó vừa là đội sản xuất, vừa là tổ chức chiến đấu, có chi bộ hoặc tổ Đảng riêng, chi đoàn thanh niên riêng, người chỉ huy sản xuất cũng là người chỉ huy chiến đấu. Trong đó, quân nhân xuất ngũ chiếm 20 - 30%, nam thanh niên chiếm 60% trở lên. Ở những xã có số quân tương đối đông thì tổ chức các binh chủng chuyên môn như pháo cối, cao xạ, công binh, thông tin, hóa học và y tế với quy mô phổ biến là tiểu đội hoặc trung đội. Ở các xã sát mép nước, thành lập các trung đội hoặc đại đội dân quân trực chiến vừa sản xuất tự túc, vừa canh gác suốt ngày đêm, sẵn sàng chiến đấu, không ăn công điểm của hợp tác xã. Do được tổ chức chặt chẽ, lực lượng trẻ khỏe, cán bộ vừa có trình độ quản lý sản xuất, vừa có năng lực chỉ huy quân sự, cho nên hầu hết các đơn vị du kích cơ động, các đơn vị du kích chuyên làm công tác an ninh quốc phòng, các đơn vị trực chiến đều là các đơn vị sản xuất khá, có năng suất cao, vừa đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, vừa là nơi giáo dục, rèn luyện thanh niên tốt.

Để bảo đảm yêu cầu chiến đấu cao, đánh tập trung, hiệp đồng với quy mô cụm xã và các tiểu đoàn cơ động của huyện, tỉnh, đồng thời bảo đảm yêu cầu phát triển sản xuất, một mặt tỉnh đã đưa các quân nhân phục viên, nhất là sĩ quan vào các cương

vị chỉ huy các lực lượng dân quân du kích, coi trọng việc huấn luyện quân sự, tổ chức diễn tập hiệp đồng chiến đấu với quy mô cụm xã, trên địa bàn huyện và lực lượng phía sau chỉ viện cho phía trước với mức tiểu đoàn. Mặt khác đã quy định, đối với lực lượng dân quân du kích thuộc các đơn vị phía sau thì thời gian huấn luyện ngắn ngày hơn so với lực lượng dân quân du kích thuộc các huyện ven biển. Trong số thời gian huấn luyện thì một nửa là không thoát ly sản xuất. Hàng năm, tỉnh và ty lao động đã có kế hoạch điều hành lao động cho cấp huyện hàng chục vạn ngày công để huấn luyện và làm công trình quốc phòng.

Tỉnh cũng từng bước đề ra và chuẩn bị điều kiện thực hiện cách đánh trong phạm vi tỉnh, huyện và xã. Tỉnh và huyện đều tổ chức chiến đấu theo lãnh thổ, huyện được coi là đơn vị cơ bản tổ chức các tuyến phòng thủ hoặc phòng ngự có chiều sâu, và bảo đảm hậu cần tại chỗ. Nó là trận địa của tuyến phòng ngự, có lực lượng tác chiến tại chỗ theo lãnh thổ, đồng thời là địa bàn chuẩn bị sẵn sàng, phối hợp tác chiến với các binh đoàn chủ lực. Dưới huyện là các cụm xã chiến đấu, đó là những tổ chức chiến đấu cơ bản của pháo đài quân sự huyện. Trong các cụm này, các điểm tựa chiến đấu là các làng xã, và cụm không phải là một cấp hành chính tuy có sự chỉ đạo sản xuất và chiến đấu trên một số mặt. Các binh chủng trong dân quân tự vệ được bố trí kết hợp chặt chẽ giữa phân tán và tập trung.

Bộ đội địa phương từng bước được kiện toàn, tùy tình hình mà có thể làm nhiệm vụ phòng ngự trực tiếp, hoặc nhiệm vụ cơ động, hoặc nhiệm vụ bảo vệ hậu phương, bảo đảm chiến đấu. Bộ đội biên phòng được quan tâm chỉ đạo đúng đắn ngay từ khi mới thống nhất vào các lực lượng

vũ trang sẵn sàng. Nó được sử dụng chủ yếu trên mặt trận giữ vững an ninh của địa phương, khi địch tiến công quy mô lớn thì tiến chiến trong địa hình quen và thuận địa.

Hề bao đảm những công việc nói trên được thực hiện tốt. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể, tạo nên sự nhất trí cao và sự phối hợp khá đồng bộ trong các cấp, các ngành, có phân công, phân nhiệm rõ ràng trong một kế hoạch thống nhất, đặc biệt là đã phát huy được vai trò rất quan trọng của bộ phận thường trực Ủy ban, của một số ngành chủ yếu và các đoàn thể quần chúng. Tỉnh ủy còn quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, kể cả cán bộ quân sự về trình độ hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện việc kết hợp kinh tế với quốc phòng.



Trong tình hình hiện nay, kết hợp kinh tế với quốc phòng không phải là dễ dàng. Công việc đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt đường lối kinh tế và đường lối quân sự của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, biết khai thác những kinh nghiệm đã có, tìm ra những hình thức và biện pháp sát hợp, có hiệu quả. Thái-bình đã có nhiều cố gắng trong suy nghĩ và hành động nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đó. Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những khó khăn, thiếu sót, nhân dân Thái-bình đang phấn đấu vươn lên trở thành một tỉnh vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, có đời sống văn hóa, tinh thần tốt đẹp, đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

TIẾP TỤC ĐẦY MẠNH CUỘC VẬN ĐỘNG « PHÁT HUY BẢN CHẤT TỐT ĐẸP, NÂNG CAO SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU » CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

NHỮNG tiến bộ mới quan trọng về chất lượng và việc hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao của các lực lượng vũ trang nhân dân ta trong 4 năm qua đã khẳng định ý nghĩa chiến lược to lớn của cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu » do Ban bí thư Trung ương Đảng phát động ngày 8-12-1978. Trong quá trình của cuộc vận động, các lực lượng vũ trang ta đã cùng toàn dân đánh thắng chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc; nâng cao được một bước quan trọng chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của mình, có nhiều tiến bộ trên con đường tiến lên chính quy, hiện đại; làm tốt nhiệm vụ quốc tế đối với Cam-pu-chia và Lào; củng cố một bước nền quốc phòng toàn dân, tăng cường cả thể và lực phòng thủ đất nước; có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế; rèn luyện tốt, có đủ sức mạnh đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt hiện nay của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược quy mô lớn nếu chúng liều lĩnh gây ra. Có thể nói, đại bộ phận các đơn vị trong toàn quân đều có tiến bộ, một số đơn

vị tiến bộ nhanh, một số ít, đơn vị yếu kém cũng có chuyển biến tốt về một số mặt.

Cuộc vận động đã đem lại những kinh nghiệm tốt về giáo dục, nâng cao phẩm chất và năng lực của các lực lượng vũ trang nhân dân, về chỉ đạo phong trào thi đua của quân đội.

Tuy nhiên, để phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những mặt còn yếu kém, thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cuộc vận động, làm cho quân đội ta trở thành « quân đội nhân dân cách mạng có ý chí quyết thắng sắt đá, có kỷ luật chặt chẽ, có tác phong nghiêm túc, có trình độ chính quy, hiện đại ngày càng cao, trình độ sẵn sàng chiến đấu không ngừng hoàn thiện, luôn luôn làm tròn mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc giao phó » (1), Ban bí thư Trung ương Đảng đã quyết định quân đội ta tiếp tục thực hiện cuộc vận động đó trong 3 năm 1983-1985.

Hiện nay, nhiệm vụ chính trị trung tâm của các lực lượng vũ trang nhân dân là không ngừng hoàn thiện thể trận phòng thủ thật vững chắc của đất nước, làm tốt công tác chuẩn bị

(1) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập 1, tr. 45.

và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, nâng cao chất lượng tổng hợp, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của quốc phòng, đồng thời làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế và nhiệm vụ quốc tế. Đó là trách nhiệm rất nặng nề của các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Muốn bảo đảm thực hiện được những nhiệm vụ đó, cuộc vận động vẫn tiếp tục theo 5 yêu cầu đã đề ra, nhưng cần tập trung giải quyết cho được các vấn đề chủ yếu sau đây:

1 - Nâng cao ý chí cách mạng và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các cấp, trước hết là cán bộ cao cấp và trung cấp; làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình chấp hành pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của quân đội; xây dựng thật tốt mối quan hệ đoàn kết nội bộ, nhất là quan hệ giữa cán bộ với chiến sĩ; củng cố vững chắc mối quan hệ ruột thịt giữa quân đội và nhân dân.

2 - Quản lý, giữ gìn thật tốt và sử dụng có hiệu quả cao các loại vũ khí, xe, máy, vật tư, nhiên liệu và các loại tài sản khác của quân đội, không để xảy ra tình trạng vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa trong quân đội.

3 - Tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần, văn hóa của cán bộ, chiến sĩ, nhất là những đơn vị ở tuyến trước, đầy mạnh tang gia sản xuất và thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, giữ vững và nâng cao chất lượng bữa ăn hằng ngày, bảo đảm các tiêu chuẩn phân phối của chiến sĩ.

Những vấn đề nói trên là những vấn đề then chốt, đồng thời là những vấn đề thiết thực, cấp bách của cuộc vận động. Đó cũng là những vấn đề cơ bản trước mắt để phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Đối với một quân đội cách mạng, quân đội của nhân dân, thì ý chí

mạnh, trách nhiệm cao, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt bao giờ cũng được coi là những yếu tố cơ bản hàng đầu, có ý nghĩa quyết định nhất trong bản chất và sức mạnh chiến đấu của nó. Những yếu tố đó phải luôn luôn được giữ vững và nâng cao trong bất cứ hoàn cảnh nào. Cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy phải làm nòng cốt trong việc bảo đảm giữ vững và phát huy những yếu tố đó trong các lực lượng vũ trang. Nội dung cơ bản của ý chí và trách nhiệm lúc này là quyết tâm vượt mọi khó khăn, gian khổ, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, đồng thời củng cố nhân dân hăng hái làm tốt nhiệm vụ kinh tế. Ý chí và trách nhiệm ấy gắn liền với ý thức kỷ luật nghiêm minh và tinh thần đoàn kết gắn bó vững chắc trong nội bộ các lực lượng vũ trang và trong quan hệ quân dân, tạo nên sức mạnh tuyệt đối về chính trị, tinh thần của quân đội ta trong tình hình hiện nay. Bản chất tốt đẹp ấy là cái nền để phát huy tác dụng của các yếu tố sức mạnh vật chất.

Đảng ta rất coi trọng xây dựng, bồi dưỡng và tăng cường sức mạnh tinh thần, đồng thời cũng rất coi trọng tăng cường và phát huy sức mạnh vật chất của quân đội. Những tài sản xã hội chủ nghĩa trong quân đội chính là nguồn sức mạnh vật chất ấy. Những tài sản đó có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, phải được coi là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Toàn quân, toàn dân ta có nghĩa vụ bảo vệ những tài sản đó. Song các cán bộ và chiến sĩ trong quân đội là những người được Đảng và nhân dân giao cho trách nhiệm trực tiếp giữ gìn và sử dụng tốt những tài sản đó. Quân

đội ta phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và nâng cao năng lực quản lý những tài sản xã hội chủ nghĩa trong quân đội, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngày càng cao.

Sức mạnh vật chất của quân đội còn bắt nguồn từ trong cuộc sống vật chất và văn hóa, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Đời sống vật chất và sinh hoạt văn hóa, tinh thần của anh em được bảo đảm là những điều kiện quan trọng để phát huy sức mạnh và nâng cao chất lượng tổng hợp của quân đội. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, công tác tổ chức đời sống có vai trò rất lớn. Trước hết nó thuộc về chức trách của người chỉ huy, của công tác Đảng, công tác chính trị, chứ không chỉ là trách nhiệm của bộ phận hậu cần. Đồng thời cần phát huy vai trò làm chủ tập thể, tinh năng động, sáng tạo của mọi người để tìm ra những biện pháp thích hợp, đúng đắn, tạo nên cuộc sống dễ chịu hơn cả về vật chất lẫn tinh thần, văn hóa ở từng đơn vị và mọi nơi.



Kinh nghiệm thực tế bốn năm qua chúng tôi, muốn tiến hành cuộc vận động đạt những yêu cầu ngày càng cao, điều có ý nghĩa quyết định nhất là phải hết sức coi trọng việc xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh làm đầu tàu cho việc nâng cao sức mạnh chiến đấu của từng đơn vị. Nơi nào có cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh thì nơi đó có chỗ dựa vững chắc cho toàn đơn vị phấn đấu đạt các mục tiêu của cuộc vận động thông qua các phong trào thi đua quyết thắng. Nơi có cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh thì trong hoàn cảnh khó khăn, phức tạp vẫn quán triệt tốt nhiệm vụ chính trị cụ thể, đề ra được những mục tiêu phấn đấu ngày càng cao trong phong trào thi đua. Những cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh đã thường xuyên chăm lo

bồi dưỡng cho cán bộ đảng viên quán triệt đường lối, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự của Đảng, nhận rõ ranh giới địch ta, ranh giới giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, kết hợp với bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng, gìn giữ lối sống trong sạch; quan tâm củng cố đoàn kết nội bộ, giữ vững những nguyên tắc sinh hoạt Đảng; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy có phẩm chất và năng lực, gương mẫu về mọi mặt, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và luôn cầu tiến bộ, thật sự là lực lượng dẫn đầu của phong trào. Các cơ sở Đảng ấy còn chú trọng lãnh đạo, phát huy vai trò xung kích của tổ chức Đoàn thanh niên trong đơn vị.

Lấy tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh làm nòng cốt, tất cả các loại đơn vị cơ sở trong quân đội đều cần nắm vững yêu cầu của cuộc vận động và định ra những hình thức, biện pháp sát hợp để thực hiện. Song trong tình hình hiện nay, muốn giải quyết tốt những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và cấp bách nhất đối với chất lượng tổng hợp của quân đội ta, muốn có phong trào phát triển đồng bộ, vững chắc, thì trước hết cần chú ý đến những cơ sở làm nhiệm vụ chiến đấu, cơ sở tập trung nhiều cán bộ trung cấp, cao cấp và cơ sở quản lý nhiều tài sản, vật tư, trang bị kỹ thuật của quân đội. Mỗi loại cơ sở đều có vị trí quan trọng của nó. Nhưng nếu chỉ chú trọng xây dựng những cơ sở làm nhiệm vụ chiến đấu thì chưa thể có phong trào vững chắc.

Người chỉ huy các cấp nhất thiết phải là người trực tiếp chỉ đạo và điều hành cuộc vận động ở đơn vị, địa phương mình, vì là người trực tiếp nắm ý định, yêu cầu của cấp trên, ra mệnh lệnh, chỉ thị cho cấp dưới, điều khiển được mọi cơ quan, đơn vị hoạt động theo kế hoạch

chung. Người chỉ huy cũng phải trực tiếp đánh giá thực chất của đơn vị điềm để chỉ đạo nó và nhân viên hình tốt.

Các Hội đồng thi đua các cấp cần được kiện toàn về tổ chức và thật sự phát huy vai trò của mình trong việc thực hiện chế độ kiểm tra, sơ kết, tổng kết và phổ biến rộng rãi kinh nghiệm, kịp thời phát huy những nhân tố mới, biểu dương khen thưởng xứng đáng, phát huy tác dụng của các điển hình tốt, đồng thời kiến nghị xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật của quân đội và pháp luật của Nhà nước.

Để cuộc vận động đi sâu vào từng cán bộ, từng chiến sĩ, công nhân và nhân viên quốc phòng, việc tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng bằng những hình thức sinh động, sát hợp với từng loại đơn vị cơ sở trong toàn quân là hết sức cần thiết. Yêu cầu cơ bản của việc giáo dục này là làm cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân và nhân viên quốc phòng thấu suốt mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước; hiểu rõ tình hình, nhiệm vụ của cách mạng và của các lực lượng vũ trang; nhận thức ngày càng sâu sắc bản chất và âm mưu của bọn phản động Trung-quốc và đế quốc Mỹ, thấy rõ chính sách của Trung-quốc đối với Việt-nam và ba nước Đông-dương chưa hề có gì thay đổi, mà càng thù địch với ta hơn. Đó là cơ sở tư tưởng để nâng cao ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm.

Muốn cho cuộc vận động đạt được kết quả ngày càng cao, đương nhiên bản thân các lực lượng vũ trang phải cố gắng phấn đấu liên tục. Song trong tình hình hiện nay, sự lãnh

đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sát sao, giúp đỡ nhiệt tình của chính quyền và nhân dân càng có vai trò to lớn. Với tinh thần toàn Đảng, toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, các ngành, các đoàn thể, các địa phương cần kết hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang, đặc biệt, các cấp ủy Đảng cần quan tâm lãnh đạo và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản để thực hiện tốt cuộc vận động này. Vì thế, một yêu cầu quan trọng hàng đầu của công tác tổ chức chỉ đạo là phải biết kết hợp cuộc vận động này với các phong trào cách mạng ở địa phương, nhằm thúc đẩy lẫn nhau phát triển.



Nhận rõ tầm quan trọng và ý nghĩa của cuộc vận động, dựa vào những kinh nghiệm đã được tổng kết, hướng vào những mục tiêu phấn đấu từ nay đến năm 1985, gắn với những ngày kỷ niệm lớn như kỷ niệm ngày thành lập Đảng, thành lập nước, thành lập quân đội, chiến thắng Điện-biên-phủ, giải phóng miền Nam, đánh thắng quân Trung-quốc xâm lược..., toàn thể cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân nêu cao quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt cuộc vận động, nhằm đạt những yêu cầu cao và đầy đủ. Các cấp, các ngành tùy theo chức trách và nhiệm vụ của mình, tích cực góp phần vào thắng lợi của cuộc vận động. Thắng lợi đó chắc chắn sẽ càng tạo cơ sở thuận lợi để quân đội ta tiến lên chính quy, hiện đại, làm tròn nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Phấn đấu cho một thời kỳ phát triển mới của báo chí ta

BÁO chí ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là một nền báo chí cách mạng ưu tú. Hơn nửa thế kỷ qua, báo chí ta đã có những thành tựu xuất sắc và đã góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Báo chí ta xứng đáng là một trong những nền báo chí tiên tiến nhất trên thế giới ngày nay.

Tám năm qua sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, báo chí ta đã « có những cố gắng lớn trong việc phổ biến những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, những tư tưởng tiến bộ, những kiến thức khoa học và kỹ thuật, những thành tựu văn hóa và nghệ thuật của dân tộc và của loài người » (1). Trong sự nghiệp thống nhất nước nhà, xác lập nền chuyên chính vô sản trên phạm vi cả nước, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, cũng như trong chiến đấu chống bọn xâm lược Trung-quốc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng, báo chí ta đều đã phát huy được vai trò của mình là người cổ động, tuyên truyền và tổ chức tập thể. Nghiệp vụ báo chí được nâng cao thêm một bước. Quan hệ giữa báo chí và quần

chúng được cải tiến. Hệ thống thông tin đại chúng được củng cố và phát triển tương đối hoàn chỉnh: cả nước hiện có hơn 200 tờ báo, tạp chí, tạp san và hàng trăm bản tin, nội san xuất bản định kỳ. Thông tấn xã Việt-nam mở rộng hoạt động, có cơ sở vật chất kỹ thuật đáng kể. Ngoài Đài phát thanh Tiếng nói Việt-nam còn có 40 đài phát thanh của các tỉnh, thành, hơn 400 đài truyền thanh huyện, thị và 4000 trạm truyền thanh cơ sở. Ngoài Đài truyền hình trung ương, còn có Đài truyền hình thành phố Hồ-Chí-Minh, 7 đài ở các địa phương khác và 6 trạm chuyển tiếp sóng hình. Tất cả bổ sung cho nhau, tạo thành một sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền. Đội ngũ nhà báo bao gồm 4 thế hệ đã lên tới gần 6000 người, trong đó 65% dưới 40 tuổi đời và 42% có trình độ từ đại học trở lên, gần 3000 người là thành viên của Hội nhà báo Việt-nam. Đây là một đội ngũ đáng tin cậy, trải qua bao thử thách vẫn một mực trung thành với cách mạng, với Đảng tiên phong. Bên cạnh đó, còn có một đội ngũ cộng tác viên đông đảo — những nhà báo không chuyên — ở tất cả các ngành và các địa phương của đất nước, một đội ngũ công nhân và kỹ thuật viên, cán bộ phát hành báo chí giàu kinh nghiệm.

(1) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 102.

Tuy đã có những cố gắng lớn, những thanh tựu đáng kể và về cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng so với yêu cầu của cách mạng, báo chí ta trong những năm vừa qua vẫn còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm. Nghệ thuật thông tin chưa cao, lượng tin còn ít; bình luận thiếu nhanh nhạy, sắc bén. Chưa có nhiều bài giàu sức thuyết phục, cũng như còn ít bài từ những hiện tượng cụ thể rút ra những vấn đề có tính lý luận, có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn. Các loại hình phản ánh như ghi chép, phóng sự, điều tra v.v. chưa lối cuốn được đông đảo người đọc, người nghe, người xem. Nhìn chung, nội dung báo chí còn nghèo so với sự phong phú của thực tiễn cách mạng và tri tuệ của Đảng; hình thức kém hấp dẫn; trình độ kỹ thuật và nghệ thuật biểu hiện ít cải tiến; tính tư tưởng, chất lượng và hiệu quả của báo chí ta do đó còn bị hạn chế. Ở đây có thể có nhiều nguyên nhân, như cách mạng chuyển giai đoạn, công chúng đổi mới, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo, v.v. nhưng điều quan trọng là đội ngũ những người làm báo chúng ta chưa được chuẩn bị tốt - về chính trị, tư tưởng, kiến thức và nghiệp vụ - để tiến vào giai đoạn cách mạng mới. Do đó tính tư tưởng, tính thực tiễn, tính chân thật, tính chiến đấu, tính quần chúng của báo chí ta chưa cao. "Báo chí là một vũ khí cách mạng, một công việc đòi hỏi khoa học và nghệ thuật" (2). Nhà báo là chiến sĩ trong đội quân xung kích trên mặt trận tư tưởng phải nắm được cả khoa học và nghệ thuật báo chí.



Chỉ rõ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam trong tình hình mới là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, Đại hội thứ V của

Đảng đã một lần nữa khẳng định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội thứ IV của Đảng vạch ra là đúng đắn. Đại hội đã cụ thể hóa một bước đường lối chung và đường lối kinh tế ấy vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, xác định những mục tiêu kinh tế - xã hội tổng quát của những năm 80. Theo tinh thần ấy, các hội-nghị thứ 3, thứ 4 và thứ 5 của Trung ương Đảng đã nêu ra những nhiệm vụ kinh tế và xã hội trước mắt cùng những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ ấy.

Cương lĩnh của Đảng là phương hướng, mục tiêu và nội dung cơ bản chỉ đạo mọi hoạt động của báo chí ta.

Báo chí ta trong giai đoạn mới của cách mạng « phải tuyên truyền đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đảng vạch ra, tiếp tục giáo dục truyền thống chiến đấu về vang của dân tộc, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các lĩnh vực, lấy đó làm động lực thúc đẩy thực hiện thắng lợi ba cuộc cách mạng, bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa » (3). Nếu trước đây chủ đề trung tâm của báo chí ta là ý chí quyết chiến quyết thắng vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, thì ngày nay, đó là ý thức tự lực tự cường, quyết tâm xây dựng đất nước phồn vinh trong chủ nghĩa xã hội, đồng thời ra sức củng cố quốc phòng, sẵn sàng đánh thắng mọi kiểu chiến tranh của địch. Báo chí ta, do đó, phải làm cho mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi có được nhận thức sâu

(2) Lê-Duẩn: Bài nói với các tổng biên tập báo địa phương ngày 24-10-1983, *Nhân dân*, ngày 27-10-1983.

(3) Bài đã dẫn.

sắc về chủ nghĩa xã hội khoa học cụ thể ở Việt-nam, có được cái nhìn sáng tỏ về cục diện đất nước, có được những kiến thức cơ bản về khoa học — kỹ thuật và quản lý kinh tế — xã hội phục vụ trực tiếp sản xuất và đời sống, có được nhiệt tình, ý chí và năng lực của người làm chủ tập thể nước nhà để thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bằng luận cứ khoa học và thực tế sinh động, báo chí ta tích cực góp phần làm cho toàn Đảng, toàn dân thấu suốt những quan điểm cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, trước hết là của cán bộ, nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Báo chí ta cần giúp cho mọi người hiểu rõ cục diện cách mạng nước ta, khẳng định mạnh mẽ những thắng lợi, cái đúng, cái hay, cái mới để ai nấy phấn khởi tự hào, đồng thời chỉ rõ và phân tích đúng nguyên nhân của những mặt khó khăn, yếu kém, phê phán những khuyết hướng lệch lạc, những quan điểm sai lầm, khác phục tư tưởng hoài nghi, dao động trong quá trình thực hiện đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Báo chí ta tiếp tục làm cho mọi người thấy rõ kẻ thù cơ bản của nhân dân ta là đế quốc Mỹ, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm là bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn Trung-quốc đang ôm ấp mưu đồ thôn tính Việt-nam và Đông-dương để mở đường thôn tính cả Đông Nam Á. Cần vạch rõ rằng tuy đã bị thất bại nhiều lần, bọn phản động Trung-quốc vẫn không hề thay đổi chiến lược và sách lược mà càng tỏ ra thù địch với ta hơn, từ đó giáo dục mọi người nâng cao cảnh giác trước những âm mưu và thủ

đoạn nham hiểm của kẻ thù, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng đối với nước ta, động viên mọi người sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa — nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội — đang diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống. Báo chí ta có trách nhiệm làm cho mọi người nhận thức rõ tình chất gay gắt, phức tạp và lâu dài của cuộc đấu tranh này trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, đập tan những âm mưu ngóc đầu dậy, những hành động chống phá cách mạng của bọn phản động. Làm sáng tỏ việc kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, chúng ta hãy tác động mạnh mẽ đến công cuộc cải tạo nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh, xây dựng và quản lý kinh tế tập thể, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần vào việc cải tiến cơ chế quản lý kinh tế và các chính sách kinh tế cụ thể. Trước mắt, báo chí ta phải tích cực và chủ động tham gia việc lập lại trật tự trên mọi lĩnh vực của đời sống, trước hết là trên mặt trận phân phối lưu thông, nghiêm khắc lên án bọn hóc lột, dơ bẩn, buôn lậu, làm ăn phi pháp, ăn cắp của công...

Giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới là nhiệm vụ thường xuyên của báo chí ta; lúc này nhiệm vụ đó càng tỏ ra quan trọng và cấp bách. Nếu báo chí ta trong thời kỳ trước chủ yếu là báo chí kháng chiến, tập trung biểu dương chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đấu tranh vũ trang thì ngày nay chủ đề nổi bật thường xuyên của báo chí ta là lao động, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, lao

động vì mọi người và vì mình. Người lao động giỏi là nhân vật trung tâm của báo chí ta trong giai đoạn cách mạng mới. Nêu cao vai trò của người lao động, phong cách lao động xã hội chủ nghĩa cũng tức là nêu cao đặc trưng cơ bản nhất của con người mới phát triển toàn diện, của lối sống mới, xã hội chủ nghĩa. Báo chí ta có vai trò quan trọng trong việc « bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về lối sống » (4), kiên quyết đấu tranh chống lại lối sống hủ lậu, ăn bám, lười biếng, ích kỷ, sa đọa; tẩy trừ những nọc độc của văn hóa thực dân cũ và mới; xóa bỏ ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, phong kiến; khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong một số không ít cán bộ hiện nay là hủu khuynh, mất cảnh giác, quan liêu, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, hoài nghi, bi quan; nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng « mình vì mọi người ».

Báo chí ta cũng là một phương tiện đắc lực để phổ cập, bồi dưỡng kiến thức kinh tế và khoa học kỹ thuật cho đông đảo cán bộ và nhân dân ta.

Báo chí ta trong giai đoạn mới của cách mạng càng phải phát huy vai trò của mình là một bộ phận của báo chí xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Nó có nhiệm vụ làm cho tiếng nói của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam vang xa trên trường quốc tế, làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ thực tế đất nước ta, hiểu rõ đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của ta, qua đó mà giành lấy sự đồng tình và ủng hộ ngày càng rộng rãi của loài người tiến bộ. Mặt khác, nó phải góp phần đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, làm sáng tỏ lập trường, quan điểm của Đảng ta và Nhà nước ta về những vấn đề lớn của thời đại; chúng ta đoàn kết với các nước Đông-dương,

đoàn kết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; chúng ta ủng hộ phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới; chúng ta tích cực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình và sự sống, chống chạy đua vũ trang, chống Mỹ chuẩn bị chiến tranh hạt nhân đe dọa cả loài người. Bằng cách ấy, báo chí ta giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản và qua đó tham gia thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng ta.



Nhiệm vụ của báo chí ta, những vấn đề mà hiện nay nó phải nêu lên và góp phần giải quyết rõ ràng là khác trước và mở rộng hơn nhiều. Ngày nay, cách mạng đòi hỏi báo chí ta phải đi sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống, xây dựng xã hội mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới, những quan hệ mới.

Tình hình mặt trận báo chí cũng đã có những đổi mới quan trọng. Cuộc cách mạng kỹ thuật trong lĩnh vực truyền thông hiện nay trên thế giới đòi hỏi chúng ta phải biết khai thác những khả năng hiện có, hiện đại hóa kiến thức và cải tiến cách làm việc của mình. Sự giao lưu giữa nước ta và các nước khác ngày một mở rộng, nhưng chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế khác lại tăng cường sử dụng bộ máy truyền thông đại chúng khổng lồ của chúng để chống phá chủ nghĩa xã hội, chống phá ba đồng thức cách mạng của thời đại. Bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn Trung-quốc tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Đặc biệt là đối tượng phục vụ của báo chí ta đã tăng nhanh về lượng và đổi mới về chất. Báo chí ta đang đứng trước một công chúng đông đảo và đa dạng, tiến bộ vượt bậc về chính

(4) Văn kiện đại hội, tr. 93.

trị và văn hóa, trong đó số đông là thanh niên, thiếu niên có trình độ văn hóa khá, khao khát đi vào khoa học kỹ thuật, có nhu cầu thông tin to lớn, chất lượng cao, mới và nhiều về.

“Quần chúng và sự nghiệp cách mạng đang đòi hỏi toàn bộ lĩnh vực thông tin đại chúng phải nâng cao hơn nữa về tính tư tưởng, về chất lượng và hiệu quả... nâng cao về tính thực tiễn, tính chân thực, tính chiến đấu, trình độ kỹ thuật và nghệ thuật biểu hiện, diễn đạt” (5). Báo chí ta nhất định sẽ đáp ứng được những đòi hỏi ấy.

Chúng ta hãy thông tin tốt nhất và nhiều nhất. Tin tức kịp thời, chính xác, tiêu biểu, có phương hướng, có quan điểm rõ ràng, có giá trị phát hiện, phản ánh được các quá trình hành động cách mạng của quần chúng đã tạo ra những thành tựu, những kết quả của các sự kiện. Bình luận có sức khái quát cao, phân tích thực chất của vấn đề, tổng kết từ những hành động thực tiễn của quần chúng, rút ra những kinh nghiệm có tính lý luận để chỉ đạo quần chúng. Các thể tài khác cũng vươn lên theo phương hướng này. Có như vậy báo chí ta mới có tính tư tưởng cao, có tác dụng giáo dục và chỉ đạo sâu sắc. Kinh nghiệm thành công của báo chí ta mấy năm gần đây, đặc biệt là trong tuyên truyền kinh tế, đã chứng tỏ điều đó.

Bám sát cuộc sống sinh động, kịp thời phát hiện những nhân tố mới, chỉ ra chiều hướng phát triển đúng quy luật của những mầm non mới nẩy, xây dựng thành hình, mẫu rồi mở rộng ra thành phong trào, cổ vũ từng xã, phường, từng quận, huyện, từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, từng đơn vị công tác tiến lên, giành những thắng lợi cụ thể hằng ngày theo mục tiêu đã định, đó chính là phương hướng nâng cao tính thực tiễn của báo chí ta

Phản ánh trung thực tình hình cơ bản của cách mạng, đi thẳng vào hiện thực bề bộn, vào những vấn đề gai góc, chỉ rõ những thành tựu to lớn và những khuyết điểm sai lầm, những thuận lợi cơ bản và những khó khăn cần vượt qua, con đường tiến lên của cách mạng — tính chân thật của báo chí ta như vậy gắn liền với tính đảng.

Tính chiến đấu của báo chí ta đòi hỏi tiến công và đập lại nhanh nhạy và đích đáng những luận điệu phá hoại của kẻ thù, và “song song với việc biểu dương « người tốt, việc tốt », phát hiện và giới thiệu những điển hình tiên tiến, cần phê phán nghiêm khắc những khuyết điểm, lệch lạc trong Đảng và trong xã hội, tạo thành dư luận quần chúng rộng rãi ủng hộ những cái đúng, đấu tranh không khoan nhượng chống những cái sai” (6). Nghiêm chỉnh thực hiện phê bình và tự phê bình có tính quần chúng trên báo chí phải trở thành một nền nếp lành mạnh. Từ lâu, Đảng ta đã chỉ thị: « Tất cả các báo ở trung ương và địa phương (...) trên cơ sở nắm vững nhiệm vụ chung và những nhiệm vụ cụ thể từng thời gian, thường xuyên phê bình và tự phê bình có tính quần chúng đối với những hoạt động của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, ngành chuyên môn, cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị — coi đó là biểu hiện quan trọng về tính chiến đấu của mỗi tờ báo » (7). Phê bình và tự phê bình công khai có tính quần chúng đúng đắn trên báo chí ta là một hình thức sinh hoạt dân chủ, một phương thức phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân nhằm bảo đảm cho quan điểm, đường lối của

(5) Văn kiện đại hội, tr. 103.

(6) Nghị quyết Hội nghị 4 BCH TƯ Đ (khóa V), tr. 31.

(7) Chỉ thị 197. CT — TƯ ngày 13-3-1972 của Bộ chính trị BCH TƯ Đ « Về việc mở rộng phê bình trên báo chí ».

Đảng và pháp chế xã hội chủ nghĩa được thấm suốt trong mọi lĩnh vực công tác và đời sống.

Thất chặt hơn nữa mối quan hệ với quần chúng, báo chí ta không chỉ đề cập những vấn đề quần chúng quan tâm mà còn là diễn đàn làm chủ tập thể của quần chúng, là chiếc cầu nối liền quần chúng với Đảng.

Cuối cùng, cần luôn luôn cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật và nghệ thuật biểu hiện, diễn đạt của báo chí ta, hết sức tránh lối làm báo sự vụ, công thức, sáo mòn, dễ dãi, viết dài, hình ảnh nhiều nhưng hiệu quả ít.

Dương nhiên, muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả của báo chí, khâu then chốt hiện nay là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ những người làm báo. Đội ngũ những người làm báo chúng ta hiện nay có ưu điểm nổi bật là trung thành, tận tụy với sự nghiệp cách mạng, song có nhược điểm rất lớn là trình độ nói chung còn thấp, còn bị hạn chế nhiều về lý luận, về văn hóa và về nghiệp vụ. Số nhà báo giỏi, nổi tiếng còn ít. Chúng ta không phải là những người sùng bái thiên tài và coi nhẹ tính quần chúng của báo chí ta. Nhưng báo chí là vũ khí sắc bén của chuyên chính vô sản, phải có đội ngũ nhà báo chuyên nghiệp và nhà báo ta cần có đủ cả hai tiêu chuẩn: một là trung thành tận tụy, hai là có trình độ cao về lý luận, chính trị, về văn hóa, về nghiệp vụ. Không có trình độ ấy thì làm sao có thể vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, và đường lối, chính sách của Đảng để nhận thức tốt và tổng kết tốt thực tiễn; làm sao có thể đưa được những tin tức « có sức mạnh của cả một đoàn quân »; viết được những bình luận giải quyết nổi những vấn đề tư tưởng phức tạp, làm được những phóng sự điều tra có giá trị phát

hiện, có sức lay động lòng người? Cho nên, điều quan trọng đối với chúng ta lúc này là: có một đội ngũ nhà báo trung thành tận tụy và có năng lực dồi dào; đặc biệt chú ý phát hiện những người có năng khiếu để bồi dưỡng họ thành những nhà báo giỏi — vấn đề này đang đặt ra cấp bách để có được những lớp người kế tục xứng đáng.

★

Báo chí ta là báo chí vô sản, do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đặt nền móng và đi đầu, do Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam lãnh đạo. Nó đã có một lịch sử rất anh hùng, rất đáng tự hào vì lãnh tụ cách mạng và những nhà lãnh đạo cách mạng Việt-nam cũng đồng thời là những nhà báo vô sản đầu tiên và xuất sắc nhất của Việt-nam. Nó đã hoàn thành sứ mạng vẻ vang của mình trong thời kỳ thành lập Đảng, giành chính quyền (1923 — 1945) và thời kỳ chiến tranh cách mạng hoàn thành giải phóng dân tộc (1945 — 1975). Bước sang thời kỳ lớn, thứ ba của cách mạng Việt-nam, phát huy truyền thống tốt đẹp và những thành tựu mới nhất của tám năm qua, nâng cao hơn nữa nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm, báo chí ta trong những điều kiện mới, nhất định cũng sẽ xứng đáng là báo chí xã hội chủ nghĩa của nước Việt-nam anh hùng.

Vì Tờ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân, những người làm báo Việt-nam chúng ta quyết vươn lên ngang tầm nhiệm vụ mới, cống hiến cao nhất vào việc biến Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng thành hiện thực sinh động, trước mắt là bảo đảm thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra gay gắt, phức tạp, tạo ra một thời kỳ phát triển mới của báo chí Việt-nam.

BƯỚC ĐI CỦA TỈNH ĐẮC-LẮC

Y NGÔNG NIÊK ĐAM

Bí thư Tỉnh ủy Đắc-lắc

ĐẮC-LẮC là một tỉnh trung tâm của Tây-nguyên có độ cao từ 350 đến 2000 mét, với diện tích 1,9 triệu héc ta đất canh tác, trong đó có 1,1 triệu héc ta rừng và đất rừng với trữ lượng gỗ khá lớn. Ở đây có nhiều đất đỏ ba dạn màu mỡ đặc biệt thuận lợi để phát triển rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc có sừng, trên cơ sở đó, phát triển công nghiệp chế biến nông sản và lâm sản, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, khối lượng lớn.

Chưa kể những khoáng sản đang được thăm dò, chỉ tính riêng đất và rừng của tỉnh, nếu được khai thác tốt thì không những bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân trong tỉnh mà còn có phần đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế của cả nước.

Trên cơ sở nắm vững đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi, từ sau ngày giải phóng, đảng bộ và nhân dân Đắc-lắc đã không ngừng phấn đấu, đạt được những thành tích và tiến bộ trên các mặt cải tạo và phát triển kinh tế, củng cố an

ninh và quốc phòng, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, y tế, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể, đưa tới những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Sản xuất nông nghiệp đạt được những kết quả đáng phấn khởi, diện tích trồng lúa tăng nhanh, diện tích cấy lúa nước từ chỗ chỉ có 900 héc ta gieo trồng năm 1975 tăng lên 21000 héc ta năm 1982; các loại đậu từ 9300 héc ta năm 1976 tăng lên 16500 héc ta năm 1982; diện tích trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày như mía, thuốc lá, cà phê, cao su... cũng tăng nhanh, tạo ra nguồn nguyên liệu lớn cho công nghiệp chế biến phát triển; chăn nuôi trong những năm qua đã có bước tiến đáng kể, năm 1982 đàn trâu tăng 2,5 lần, đàn bò tăng 2 lần, đàn lợn tăng 3 lần so với năm 1975. Nhờ mở rộng diện tích, gắn liền với thực hiện các biện pháp thâm canh, năng suất và sản lượng các loại cây trồng đều tăng, riêng sản lượng lương thực trong 3 năm 1980 - 1982 tăng và ổn định ở mức 116 000 - 157 000 tấn, gấp 2,5 lần so với năm 1975; bình quân lương thực đầu người từ 211 kg

năm 1975 lên 300 kg năm 1982 (mặc dù dân số năm 1982 tăng gấp 1,5 lần so với năm 1975). Từ chỗ thiếu lương thực gay gắt, hằng năm trung ương phải viện trợ trên dưới 5000 tấn gạo, đến nay tỉnh chúng tôi đã cơ bản tự túc được lương thực, khắc phục nạn đói kinh niên trong đồng bào các dân tộc. Kết quả trên đây tuy mới là bước đầu song đã tạo cơ sở cho việc tiếp tục giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, làm bàn đạp phát huy thế mạnh về kinh tế của tỉnh, thu hút thêm nhiều lao động ở các tỉnh miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới.

Về phát triển lâm nghiệp: chúng tôi đã có nhiều biện pháp quan trọng kết hợp giữa trồng, tu bổ, khai thác và bảo vệ rừng. Nhờ đó trong 7 năm qua toàn tỉnh đã trồng được 7.250 héc ta rừng, khai thác 565.000 mét khối gỗ. Đáng chú ý là trong quá trình chỉ đạo, tỉnh chúng tôi đã tạo ra được một số điển hình tốt, trong đó nổi bật nhất là Liên hiệp xí nghiệp lâm - công nghiệp Ea Súp. Những điển hình đó đã góp phần làm sống tỏ bước đi của tỉnh trong việc thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp, vận động định canh, định cư gắn liền với xây dựng kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình trong đồng bào các dân tộc.

Mặc dù phải tập trung sức (nhất là vào những năm đầu) giải quyết vấn đề lương thực, tỉnh chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong việc khai thác tiềm năng, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Trong vòng 7 năm (1975 - 1982) tỉnh chúng tôi đã giao nộp cho Nhà nước 22.000 tấn cà phê và 19.000 mét khối gỗ ván sàn, giá trị xuất khẩu tính bình quân mỗi năm đạt 120 đồng/người.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, Đảng bộ tỉnh chúng tôi đã có những chủ trương và biện pháp tích cực nhằm tăng cường quản lý thị trường, chống những biểu hiện tiêu cực như đầu cơ buôn lậu, nâng giá, làm hàng giả...

đồng thời phát triển mạnh mẽ hệ thống tổ chức quản lý phân phối lưu thông từ tỉnh xuống huyện, xã và đơn vị cơ sở, nhờ đó đã hạn chế bớt những mặt tiêu cực trên lĩnh vực này.

Đi đôi với việc phát triển kinh tế, công tác an ninh chính trị trong tỉnh cũng đạt được những kết quả đáng kể. Chúng tôi đã phá vỡ một phần quan trọng tổ chức của bọn phản động FULRO, ngăn chặn có hiệu quả những hoạt động phá hoại của chúng, xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, các lực lượng quân đội và dân quân tự vệ, các đoàn thể quần chúng v.v.

Qua 7 năm lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng kinh tế - xã hội, Đảng bộ Đắk-lắc đã không ngừng phát triển và trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ cán bộ đảng viên được đào tạo từ các dân tộc trong tỉnh ngày càng nhiều, cùng với những cán bộ đảng viên từ các nơi khác đến bổ sung cho tỉnh đoàn kết thương yêu tôn trọng nhau, tạo thành sức mạnh lãnh đạo đồng bào các dân tộc trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao phó.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tỉnh chúng tôi còn có những khó khăn thiếu sót. Trước hết, về kinh tế, còn mất cân đối giữa nhu cầu về vốn và vật tư với khả năng cung cấp có hạn của Nhà nước cho các đơn vị sản xuất trong tỉnh: sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và lâm nghiệp v.v. phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu và chưa cân xứng với khả năng hiện có. Cơ chế quản lý còn mang nặng tính chất hành chính quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ, kìm hãm sản xuất, kìm hãm tinh thần chủ động sáng tạo của các ngành các cấp và của đồng bào các dân tộc trong việc khai thác tiềm năng và phát huy thế mạnh của tỉnh. Nhiều mặt tiêu cực trong xã hội, nhất

là trên lĩnh vực phân phối lưu thông, còn kéo dài, chậm được khắc phục.

Bộ máy chính quyền và cơ quan chỉ đạo kinh tế còn yếu và kém hiệu lực; đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, cán bộ khoa học kỹ thuật trong tỉnh, tuy đã được tăng cường một bước, nhưng nhìn chung còn thiếu và yếu, nhất là bộ máy quản lý của cấp huyện và cơ sở. Công tác tư tưởng và tổ chức còn yếu. Tình hình đó đã ảnh hưởng không ít đến việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh.

Trong quá trình phấn đấu vươn lên, tuy còn có những mặt yếu, tình chúng tôi đã tạo ra được những nhân tố mới, tích cực, làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội vào những năm sau.

Cũng như nhiều tỉnh miền núi khác, thế mạnh về kinh tế của tỉnh Đắc-lắc là rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn. Song muốn khai thác thế mạnh đó, phải định canh, định cư và tiếp nhận thêm lao động từ nơi khác đến. Và như vậy, tỉnh phải giải quyết vấn đề lương thực. Điều quan trọng đặt ra cho tỉnh chúng tôi là phân đấu tự giải quyết vấn đề lương thực hay trông chờ vào sự viện trợ của trung ương. Việc lựa chọn chính xác một trong hai cách làm này có ý nghĩa quyết định toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn vào điều kiện kinh tế tự nhiên và khả năng lao động, tỉnh Đắc-lắc hoàn toàn có thể tự túc về lương thực. Tự túc lương thực đối với tỉnh chúng tôi còn là vấn đề vừa có ý nghĩa về mặt kinh tế, vừa có ý nghĩa về mặt chính trị. Tự giải quyết được vấn đề lương thực mới ổn định được đời sống nhân dân, củng cố lòng tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, với chế độ mới, đồng thời tạo tiền đề cơ bản cho việc mở mang ngành nghề, khai thác tiềm năng và

phát huy thế mạnh của tỉnh miền núi, tổ chức sản xuất theo cơ cấu kinh tế công - nông - lâm nghiệp.

Để giải quyết vấn đề lương thực, trước hết phải đẩy mạnh công tác thủy lợi, thực hiện định canh và thâm canh, xây dựng đồng ruộng, mở rộng diện tích cây lúa nước. Trong điều kiện của tỉnh chúng tôi, việc đất thủy lợi là biện pháp hàng đầu không chỉ có ý nghĩa coi trọng biện pháp kỹ thuật, thâm canh quan trọng mà còn có ý nghĩa thay đổi tập quán, tâm lý cũ kỹ của đồng bào các dân tộc và cải tạo môi sinh trên địa bàn lãnh thổ.

Từ bao đời nay người dân Đắc-lắc chưa hề làm thủy lợi, do đó họ chưa tin có thể làm được thủy lợi trên đất ba dân thâm nước mạnh này. Ở tỉnh Đắc-lắc mùa khô kéo dài 5 - 6 tháng liền (không có mưa), việc giải quyết vấn đề nước vào mùa này chẳng những tạo ra những cánh đồng lúa nước rộng lớn mà còn tác động trực tiếp đến sinh hoạt của đồng bào các dân tộc miền núi. Ngay từ đầu tỉnh chúng tôi đã chủ trương hướng công tác thủy lợi vào việc giữ nước và tạo ra nguồn nước. Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, xây dựng nhiều công trình thủy lợi vừa và nhỏ, đồng thời xây dựng một số công trình thủy lợi lớn ở những nơi có điều kiện. Chỉ tính trong vòng 5 năm (1976 - 1980) nhân dân Đắc-lắc đã làm được 117 công trình thủy lợi nhỏ, 40 công trình loại vừa, có năng lực tưới nước cho 2 vạn héc ta lúa đồng xuân, và đã xây dựng thành công các hồ chứa nước có đập cao hàng chục mét, đào nhiều kênh dẫn nước, dài hàng chục ki lô mét.

Kết quả việc làm thủy lợi tuy mới là bước đầu, song đã góp phần quan trọng giải quyết vấn đề lương thực và làm thay đổi bộ mặt nông thôn, thay đổi tập quán làm ăn cũ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc định

canh, định cư, mở mang vùng kinh tế mới, tăng cường đoàn kết dân tộc, thúc đẩy quan hệ sản xuất mới phát triển.

Nhờ làm tốt công tác thủy lợi mà diện tích cây lúa nước tăng nhanh, lúa rẫy giảm dần. Tuy vậy đến nay toàn tỉnh vẫn còn trên dưới 3 vạn héc ta lúa rẫy, chiếm 3/5 diện tích và 2/5 sản lượng lúa của toàn tỉnh. Tình trạng đốt rừng làm nương rẫy vẫn còn diễn ra rất nghiêm trọng. Đến nay toàn tỉnh có trên 40 vạn héc ta đồi trọc, đất bị xói mòn, nguồn nước bị giảm, khí hậu đã có những biến động bất thường gây tác hại nghiêm trọng đến môi trường sống. Chính lúc này đang bộ tỉnh chúng tôi đang đặt ra cho mình nhiệm vụ làm thế nào để có thể chấm dứt nạn phá rừng bừa bãi mà vẫn tiếp tục giải quyết vững chắc vấn đề lương thực.

Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: "Các tỉnh, huyện miền núi phải khai thác những thế mạnh của mình, từ nông nghiệp, lâm nghiệp mà đi lên, nhất thiết phải sử dụng đất đai theo hướng nông — lâm kết hợp". Để thực hiện phương hướng trên đây, trước hết cần phải đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, tăng vụ trên diện tích lúa nước, lúa trồng cạn và hoa màu hiện có; mở rộng diện tích lúa nước bằng những công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở những nơi đã được khảo sát và quy hoạch; gán việc phủ xanh đồi trọc và cải tạo rừng cây hết khả năng tái sinh với việc trồng xen các loại cây lương thực và thực phẩm theo phương thức nông — lâm kết hợp.

Tỉnh chúng tôi có nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như cây lấy gỗ, cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê...), cây công nghiệp ngắn ngày, cây lương thực, thực phẩm v.v. Vấn đề quan trọng là làm sao sắp xếp và bố trí một cơ cấu cây trồng hợp lý trên từng loại đất theo phương thức

nông — lâm kết hợp nhằm bảo đảm vừa xây dựng vốn rừng, phát triển cây công nghiệp, vừa tiếp tục giải quyết vững chắc vấn đề lương thực. Trong những năm qua tình chúng tôi đã có một số điển hình tốt về thực hiện phương thức nông — lâm kết hợp, định canh, định cư bằng phát triển kinh tế vườn và mở rộng diện tích cây lúa nước; giao đất, giao rừng cho tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Làm theo hướng đó, tỉnh chúng tôi hoàn toàn có khả năng vượt qua mọi khó khăn, chặn đứng nạn phá rừng, tự túc được và có phần dự trữ về lương thực, nhanh chóng phát huy thế mạnh về rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn. Và từ đó có thể thúc đẩy các ngành công nghiệp (như thủy điện, giao thông vận tải, vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa, công nghiệp thực phẩm v.v.), tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong tỉnh phát triển, góp phần nhanh chóng hình thành cơ cấu kinh tế công — nông — lâm nghiệp tỉnh.

Cũng như các dân tộc thiểu số ở Tây-nguyên, các dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắc-lắc đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện còn chịu ảnh hưởng nặng nề tàn dư của chế độ thị tộc với quan hệ phân phối theo lối bình quân, tồn tại trên cơ sở du canh, đốt rừng làm rẫy, với công cụ sản xuất rất thô sơ và kỹ thuật canh tác rất lạc hậu.

Nhằm cải biến tình hình kinh tế — xã hội, đảng bộ tỉnh chúng tôi chủ trương tiến hành đồng thời việc giảm phóng lực lượng sản xuất với xác lập quan hệ sản xuất mới. Để giải phóng lực lượng sản xuất, vấn đề quan trọng có ý nghĩa then chốt trước mắt là phải làm tốt công tác định canh, định cư. Vì có định canh, định cư thì mới chấm dứt được nạn phá rừng, mới có điều kiện cải tạo.

bồi dưỡng, khai thác rừng và đất rừng một cách hợp lý và áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, góp phần cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc.

Ở tỉnh chúng tôi, việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác bình thường như: làm thủy lợi, đắp bờ, giữ nước, dùng phân bón, trồng rừng và bảo vệ rừng v.v. cũng như việc sử dụng trâu, bò cây kéo và các công cụ thông thường như của nông dân ở những nơi khác là một cuộc cách mạng nhằm cải biến tập quán canh tác lạc hậu đã tồn tại hàng nghìn năm nay trong đồng bào các dân tộc.

Định canh, định cư và áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác để phát triển sản xuất phải gắn liền với cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới. Đây là một trong những vấn đề cơ bản quyết định quá trình đi lên của tỉnh chúng tôi.

Điều quan trọng đặt ra cho đảng bộ tỉnh chúng tôi là làm sao xác định được những hình thức và bước đi thích hợp nhằm nhanh chóng phát huy tiềm năng và thế mạnh của một tỉnh miền núi.

Đặc điểm nổi bật trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh chúng tôi là sản xuất theo phương thức du canh và du cư, do đó, chế độ chiếm hữu tư nhân về đất đai chưa hình thành rõ nét. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để tỉnh chúng tôi xác định hình thức cải tạo quan hệ sản xuất, đưa đồng bào các dân tộc đi nhanh lên chủ nghĩa xã hội.

Với việc định canh, định cư trên cơ sở thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp, gần kinh tế vườn với mở rộng diện tích cấy lúa nước, có thể xây dựng ngay hợp tác xã quy mô thích hợp. Lâm theo hướng đó, đến nay tỉnh chúng tôi đã có trên 93% số hộ đã định canh định cư vào hợp tác xã. Tuy nhiên trình độ tổ chức

quản lý của hợp tác xã nói chung còn yếu, kém, nhiều nơi phân phối vẫn còn mang tính chất bình quân, có nơi quay lại làm ăn theo lối du canh, đốt rừng làm rẫy... Tình hình đó đặt ra cho đảng bộ chúng tôi nhiệm vụ đẩy mạnh hơn nữa việc củng cố và tăng cường các tổ chức kinh tế tập thể theo hướng: thực hiện tốt công tác định canh, định cư, đổi mới phương thức canh tác và kỹ thuật sản xuất, cải tiến công cụ, quản lý sản xuất theo kế hoạch, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Đi đôi với việc mở rộng phong trào hợp tác hóa để thu hút đồng bào các dân tộc vào hợp tác xã, đảng bộ chúng tôi chủ trương mạnh dạn đưa đồng bào các dân tộc vào làm công nhân trong các nông trường, lâm trường và xí nghiệp quốc doanh ở những nơi có điều kiện. Đây là cách làm tốt và là bước đi ngắn nhất, tạo nên bước tiến nhảy vọt trong đồng bào các dân tộc mà Liên hiệp xi nghiệp lâm - công nghiệp Ea Súp và một số đơn vị kinh tế khác đã làm.

Trên cơ sở thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp, định canh, định cư và giao đất, giao rừng cho từng hộ để làm vườn, làm nhà ở riêng trên vườn đó, làm thủy lợi, cấy lúa nước để giải quyết lương thực, các liên hiệp xi nghiệp đã thu hút hàng nghìn hộ vào làm trường, nông trường và sử dụng một cách có hiệu quả sức lao động tại chỗ có kinh nghiệm của đồng bào các dân tộc vào việc trồng cao su, cà phê, cây rừng và bảo vệ chúng v.v. Việc làm này chẳng những có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa về chính trị: đào tạo được đội ngũ công nhân từ đồng bào các dân tộc thiểu số, nâng cao được trình độ giác ngộ, trình độ hiểu biết về khoa học kỹ thuật, củng cố lòng tin của họ đối với Đảng, với chế độ mới. Thực tế đó đã mở ra cho tỉnh chúng tôi những khả năng mới về

định canh, định cư cho 23 vạn đồng bào các dân tộc còn sống du canh, du cư. Đây là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách vì có định canh, định cư mới có điều kiện thay đổi phương thức canh tác, cải tiến kỹ thuật và xác lập quan hệ sản xuất mới.

Phát triển lực lượng sản xuất và xác lập quan hệ sản xuất mới phải gắn liền với nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ văn hóa cho đồng bào các dân tộc. Như đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn đã nói: « Song song với cuộc cách mạng về kinh tế, phải đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, coi đây là một động lực mạnh mẽ, một phương tiện cực kỳ quan trọng để đưa Đắc-lắc tiến lên chủ nghĩa xã hội » (1)

Theo tinh thần đó, đảng bộ chúng tôi đã thường xuyên coi trọng việc giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong đồng bào các dân tộc. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục không ngừng phát triển, năm học 1982 - 1983 toàn tỉnh đã có 3 800 lớp học phổ thông với 128 000 em học sinh, bình quân cứ 4 người dân có một người đi học. Công tác bồi túc văn hóa và phong trào tiếp tục xóa nạn mù chữ được đẩy mạnh; toàn tỉnh hiện có 33 000 người học tại chức và học bồi túc văn hóa ban đêm. Tỉnh đã có các trường trung học chuyên nghiệp và trường đại học của trung ương đóng tại địa phương cũng các trường chuyên nghiệp, chuyên ngành của tỉnh hằng năm đào tạo và cung cấp cho tỉnh hàng nghìn cán bộ. Chúng tôi đã áp dụng nhiều biện pháp và nhiều hình thức thích hợp để giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ văn hóa, trình độ kỹ thuật cho đồng bào các dân tộc, dập tan luận điệu phân tuyên truyền của địch, nhất là bọn phản động FULRO, khắc phục tệ mê tín dị

đoan, đồng thời tôn trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh chúng tôi đã có tác dụng tích cực đối với cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật.

Tuy nhiên, vấn đề giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ văn hóa và xây dựng nếp sống văn hóa mới trong đồng bào các dân tộc ở tỉnh chúng tôi còn nhiều khó khăn phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, tích cực mới có thể xóa bỏ tận gốc tàn dư tư tưởng, nếp sống và tập quán lạc hậu do chế độ cũ để lại, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đưa đồng bào các dân tộc tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên đây, vấn đề quan trọng là phải xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực từ tỉnh đến cơ sở. Trước hết là cán bộ cơ sở, buôn, hợp tác xã, xí nghiệp, nông trường, lâm trường và huyện, vì đây là nơi trực tiếp thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng và là nơi hằng ngày, hằng giờ diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Đó cũng chính là nơi trực tiếp thể hiện thắng lợi đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước. Chúng tôi cố gắng đào tạo cán bộ bằng nhiều hình thức như mở rộng hệ thống các trường vừa học vừa làm, các trường tại chức, chính quy, ngắn hạn và dài hạn với nội dung phù hợp và phong phú, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh.

(1) Lê-Duẩn: *Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, tr. 103

HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP TỈNH NGHĨA-BÌNH

TÔ - ĐÌNH - CỜ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa-bình

I— TIẾN HÀNH NHANH VÀ LÀNH MẠNH

Nghĩa-bình là tỉnh thuộc duyên hải miền Trung; bình quân ruộng đất canh tác tính theo đầu người thấp, ruộng đất còng nhiều; địa chủ và phú nông không lớn lắm; nông dân sử dụng máy móc còn ít; sản xuất nông nghiệp chủ yếu là dựa tự túc, tự cấp. Sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, 2/3 số xã trong tỉnh bị địch tàn phá nặng nề: nhiều xóm làng bị địch hủy diệt hoàn toàn, dân cư bị xúc tạt và xáo trộn rất lớn, đồng ruộng bị hoang hóa nhiều, trâu bò cày kéo bị cướp và bị giết nghiêm trọng...

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Nghĩa-bình đã thi hành khẩn trương và triệt để chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ nhằm xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất ở nông thôn, bảo đảm người cày có ruộng.

Việc xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất ở nông thôn được tiến hành bằng cách tịch thu những ruộng đất của

địa chủ có nợ máu đối với nông dân, của bọn tư sản mại bản và bọn ác ôn trong nguy quân, nguy quyền cũ, vận động hiến ruộng đối với địa chủ thường và phú nông, cả trung nông lớp trên có ít ruộng đất phát canh thu tô, hoặc làm không hết phải thuê người làm, đem chia cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất. Ở những nơi mà ruộng đất thu hồi của bọn bóc lột không đủ chia cho nông dân, thì vận động điều chỉnh trong nội bộ nông dân theo tinh thần "lá lành đùm lá rách".

Việc giải quyết ruộng đất cho nông dân theo chính sách của Đảng và Nhà nước ở Nghĩa-bình được làm gọn và triệt để trong năm 1976. Sau khi điển chỉnh ruộng đất, bình quân ruộng đất giữa các hộ nông dân ở Nghĩa-bình xấp xỉ ngang nhau, chênh lệch ít, số ruộng đất cao hơn mức bình quân đầu người không quá 125m²...

Như vậy, Nghĩa-bình đã xóa bỏ bóc lột phong kiến và bóc lột tư bản ở

nông thôn, thực hiện người cày có ruộng, kẻ cày giảm bớt sự chênh lệch về ruộng đất trong nội bộ nông dân, trên cơ sở đó, mở đường cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển thuận lợi từ thấp đến cao.

Cùng với việc giải quyết tốt vấn đề ruộng đất, bảo đảm cho mọi người nông dân đều có ruộng, kẻ thừa kinh nghiệm làm ăn tập thể từ hồi kháng chiến, Người ta hình đã tích cực vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể dưới nhiều hình thức khác nhau. Nông dân khắp nơi trong tỉnh đều hưởng ứng và tích cực tham gia các hình thức làm ăn tập thể, vì họ tự thấy từng người hay từng gia đình lao động riêng lẻ thì gặp rất nhiều khó khăn trong việc khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi... và càng khó khăn trong việc tổ chức đời sống, xây dựng lại nhà cửa, xóm làng, quê hương bị phá hủy nghiêm trọng trong chiến tranh. Làm ăn tập thể đã nhanh chóng trở thành yêu cầu cấp bách của đông đảo quần chúng nông dân. Phong trào làm ăn tập thể dưới các hình thức tổ chức (ở đồng bằng) và tổ, đội hợp tác lao động (ở miền núi) phát triển rộng khắp trong tỉnh. Các tổ chức làm ăn tập thể đó, tuy có nhiều hình thức phong phú và tên gọi khác nhau, song xét về nội dung hoạt động thì cũng chỉ có hai loại. Loại thứ nhất là *tổ đời công* được tổ chức trên cơ sở lao động tập thể, nhưng tư liệu sản xuất vẫn thuộc sở hữu cá nhân. Trong tổ đời công (cũng gọi là tổ văn công, đội công hay tổ đoàn kết sản xuất) có loại hoàn toàn chỉ đời công cho nhau, một số có định mức khoán việc; có loại vừa đời công (trên phần ruộng đất riêng) vừa hợp công (sản xuất và phân phối tập thể trên phần ruộng đất được chia cấp tập thể hoặc mới cùng nhau khai hoang phục hóa). Loại thứ hai là *tập đoàn sản xuất* hay là tổ, đội hợp tác lao động được tổ chức trên cơ sở lao động tập thể và một phần quan trọng hay toàn bộ tư liệu

sản xuất đã tập thể hóa. Trong đó, có dạng tập đoàn sản xuất đã tập thể hóa ruộng đất, trâu bò, máy móc, hoặc mới tập thể hóa ruộng đất, còn trâu bò và máy móc thì còn thuộc sở hữu tư nhân đưa vào sử dụng chung, tiến hành lao động tập thể và phân phối theo lao động; còn dạng khác thì mới tập thể hóa ruộng đất công, còn ruộng đất tư vẫn làm đời công.

Phong trào làm ăn tập thể dưới các hình thức đó đã có tác dụng to lớn trong việc tháo gỡ bom mìn, san lấp hố bom, khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống trong những năm đầu giải phóng và có ý nghĩa thiết thực tập dượt đi lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, phong trào đời công và tập đoàn sản xuất đã bộc lộ ngay từ đầu những mâu thuẫn vốn có của nó. Những mâu thuẫn trong tổ đời công (như: mâu thuẫn về thu nhập giữa người có nhiều tư liệu sản xuất và người có ít tư liệu sản xuất, mâu thuẫn về phân phối không công bằng giữa người lao động nhiều và lao động giỏi với người lao động ít và lao động kém; không có điều kiện đề trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng kinh doanh sản xuất và tăng năng suất lao động...) đều bắt nguồn ở chỗ lao động đã mang tính chất tập thể, còn tư liệu sản xuất lại thuộc sở hữu tư nhân. Đối với tập đoàn sản xuất tuy đã có tính chất xã hội chủ nghĩa, nhưng vẫn còn ở trình độ hiệp tác giản đơn cho nên chưa thực hiện được hoàn toàn nguyên tắc phân phối theo lao động, quỹ mỏ nhỏ bé không đủ sức đầu tư vốn, không đủ điều kiện mở rộng kinh doanh ngành nghề và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, không thể thực hiện được sự phân công lao động mới theo hướng vừa chuyên môn hóa vừa hiệp tác hóa, khó kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với chế biến...

cho nên không tạo ra được năng suất lao động cao và thu nhập nhiều cho các thành viên của tập đoàn.

Sớm nắm bắt tình hình như trên, ngay khi phong trào đổi công và xây dựng tập đoàn sản xuất đang phát triển rộng khắp ở nông thôn, Nghĩa-bình đã bắt tay vào xây dựng thử hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để rút kinh nghiệm ngay từ đầu năm 1976. Tỉnh trực tiếp xây dựng thử một hợp tác xã ở xã Phước-thắng (huyện Tuy-phước). Đến mùa thu năm 1976, tỉnh sơ kết rút kinh nghiệm và sang đầu năm 1977 mở rộng cho một số huyện đại diện cho các vùng sản xuất khác nhau trong tỉnh làm thử, nhằm xây dựng những mẫu hình hợp tác xã cho các vùng và rút kinh nghiệm về lãnh đạo cho cán bộ cấp tỉnh, huyện và xã. Đồng thời Nghĩa-bình đã khẩn trương đào tạo và bồi dưỡng hàng loạt cán bộ hợp tác xã. Tỉnh đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản trị cho hợp tác xã thời gian từ 3 đến 4 tháng. Huyện tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tập đoàn sản xuất và đội sản xuất thời gian từ 10 ngày đến 1 tháng. Đến cuối năm 1978, Nghĩa-bình đã đào tạo được 30 191 cán bộ các loại cho phong trào hợp tác hóa ở nông thôn.

Đi đôi với việc chuẩn bị điều kiện về cán bộ và trang bị kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng hợp tác xã cho cán bộ tỉnh, huyện và xã, ấp, Nghĩa-bình

đã sớm xây dựng quy hoạch và phân vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho huyện lập quy hoạch tổng thể (bầu đầu) để khi xây dựng hợp tác xã, các cơ sở này tiếp thụ và xây dựng phương hướng sản xuất ăn khớp với quy hoạch và vùng sản xuất của tỉnh và huyện. Trên cơ sở đó, Nghĩa-bình mới bắt tay mở rộng việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và bố trí làm theo từng đợt tập trung ăn khớp với thời vụ sản xuất, tạo thành phong trào hợp tác hóa sôi động và rộng khắp ở nông thôn. Nhờ vậy, đến mùa thu năm 1980 (sau ba năm tiến hành hợp tác hóa) Nghĩa-bình đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp bằng hai hình thức bao gồm 423 hợp tác xã bậc cao và 415 tập đoàn sản xuất, thu hút 97% số gia đình nông dân và 98% ruộng đất canh tác vào làm ăn tập thể.

Từ đây, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và sức lao động tập thể của nông dân thật sự được thiết lập, giải cấp nông dân tập thể ra đời ở nông thôn Nghĩa-bình. Đây là một sự biến đổi cách mạng có ý nghĩa lịch sử to lớn và sâu sắc, chẳng những xóa bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột ở nông thôn mà còn tạo ra cơ sở về kinh tế và xã hội cho sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động.

II — NGUYÊN NHÂN THÀNH CÔNG CỦA PHONG TRÀO

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Nghĩa-bình phát triển nhanh và cơ bản là tốt, do có những thuận lợi khách quan, nhưng chủ yếu là do sự nỗ lực chủ quan của các đảng bộ địa phương biết đón lấy thời cơ thuận lợi sau ngày giải phóng thực hiện triệt để điều chỉnh ruộng đất, đồng

thời đi ngay vào chuẩn bị và tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp từ thấp đến cao một cách tập trung, liên tục và dứt điểm.

Tỉnh ủy, huyện ủy và các tổ chức Đảng ở cơ sở cũng như các ngành và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh đã nắm vững và có quyết tâm cao

Thực hiện chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp của Trung ương Đảng ở các tỉnh miền Nam. Đại hội đảng bộ và các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến huyện đều có nghị quyết về công tác hợp tác hóa nông nghiệp, đặt thành công tác trọng tâm thường xuyên, có mức phần dẫu cụ thể và biện pháp thực hiện dứt điểm trong từng thời gian. Phần lớn các đồng chí bí thư đảng bộ các cấp từ tỉnh đến huyện, xã đều trực tiếp nắm và chỉ đạo phong trào hợp tác hóa ở địa phương mình. Cán bộ và đảng viên ở các cấp, các ngành trong tỉnh đều nhất trí và ủng hộ việc hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp. Hầu hết đảng viên ở nông thôn đều gương mẫu đi đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã ở quê hương. Sự nhất trí cao và quyết tâm thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp từ trong Đảng đã lôi cuốn đông đảo quần chúng nông dân tích cực tham gia. Đây là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Nghĩa-bình. Cũng có đôi nơi, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiến triển chậm chạp, xét đến cùng là do cấp ủy Đảng và cán bộ, đảng viên ở nơi đó chưa có sự nhất trí và quyết tâm cao thực hiện chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng.

Nghĩa-bình đã cố gắng nghiên cứu nắm vững và vận dụng sáng tạo các phương châm và chính sách hợp tác hóa nông nghiệp của trung ương vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của địa phương.

Thực hiện phương châm đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn. Nghĩa-bình đã thực hiện tương đối tốt bước tập dượt cho quần chúng và cán bộ bằng nhiều hình thức tổ chức với nội dung phong phú phù hợp với đặc điểm và yêu cầu cụ thể của từng nơi, nhưng đều nhắm một hướng là chuẩn bị đi lên hợp tác xã. Các hợp tác xã sau này đều được thành lập trên cơ sở các tổ chức tập dượt từ tổ đổi công.

tổ đoàn kết sản xuất lên tập đoàn sản xuất rồi lên hợp tác xã, hoặc từ tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất lên thẳng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Việc chuyển các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã có những điểm giống như việc hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã có quy mô lớn hơn. Trong việc chuyển và hợp nhất đó, Nghĩa-bình có kinh nghiệm giải quyết thỏa đáng một tình hình khá phổ biến là sự chênh lệch về kinh tế giữa các tập đoàn. Nếu không có chính sách đúng và không làm tốt việc giáo dục tư tưởng thì sẽ xảy ra tình trạng phân tán tài sản (như chia quỹ, bán chạy trâu bò, giết lợn, tát cá, thu hoạch non, v.v.) trước khi chuyển lên hợp tác xã, làm cho hợp tác xã mới hợp nhất gặp rất nhiều khó khăn về tài sản, vốn liếng và sinh mất đoàn kết nội bộ...

Nào định quy mô hợp tác xã ban đầu là một trong những vấn đề quan trọng về vận dụng phương châm hợp tác hóa nông nghiệp của trung ương. Qua một thời gian xây dựng thử hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Nghĩa-bình đi đến kết luận: chuẩn bị tốt vấn đề cán bộ thì có thể tổ chức hợp tác xã với quy mô phổ biến từ 300 đến 350 héc ta. Với quy mô này, hợp tác xã có điều kiện tổ chức sản xuất và phân công lao động mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với hợp tác xã có quy mô nhỏ hơn. Đồng thời, quy mô này không vượt quá khả năng quản lý của đội ngũ cán bộ hiện có sau khi được bồi dưỡng về nghiệp vụ một thời gian. Thực tế phong trào hợp tác hóa ở Nghĩa-bình hiện nay đã chứng minh kết luận trên là phù hợp.

Nghĩa-bình đã chỉ đạo các hợp tác xã một mặt chấp hành đúng các nguyên tắc về hợp tác hóa do trung ương quy định, mặt khác vận dụng linh hoạt một số chính sách cho phù

hợp với tình hình địa phương. Ví dụ: việc trả hoa lợi ruộng đất, phần lớn các hợp tác xã chỉ trả cho phần ruộng đất trên mức bình quân (không bao gồm việc trả hoa lợi ruộng đất nhằm bảo đảm đời sống cho các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng và những hộ neo đơn, già cỗi, tàn tật, cô quả không nơi nương tựa). Việc hóa giá trâu bò, công cụ và tư liệu sản xuất khác đưa vào tập thể theo thỏa thuận không thấp hơn giá thị trường quá 15%, do đó tránh được khuynh hướng bán chạy trâu bò và máy móc khi tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Mỗi hợp tác xã khi mới thành lập được tỉnh cung cấp một số vật tư (xi măng, gỗ, than nung gạch...) để xây dựng cơ sở vật chất ban đầu như: nhà kho, sân phơi, bể ngâm ủ giống, và các công trình phục vụ sản xuất khác. Chủ trương này phù hợp với nguyên tắc hợp tác hóa mà Lê-nin đã chỉ ra: "Mỗi chế độ xã hội chỉ nảy sinh ra nếu được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính" (1), "sự ủng hộ mà Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta mang lại cho nguyên tắc tổ chức mới của dân cư là như vậy" (2).

Một động lực thúc đẩy phong trào hợp tác hóa ở Nghĩa-bình phát triển nhanh và tốt là các cấp tỉnh và huyện đã rút được nhiều kinh nghiệm thiết thực về lãnh đạo và chỉ đạo, khảo nghiệm các vấn đề về giáo dục quần chúng, vận dụng chính sách, tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, xác định quy mô hợp tác xã... thông qua việc xây dựng thử hợp tác xã. Bản thân cán bộ, đảng viên và quần chúng ở địa phương đều tự làm, tính và huyện chỉ đạo, hướng dẫn, không làm thay, không «dễ tiền dễ của» vào hợp tác xã, không gây tư tưởng ỷ lại vào cấp trên cho cán bộ và quần chúng ở cơ sở.

Cũng như mọi phong trào cách mạng khác, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển nhanh hay chậm, chất lượng cao hay thấp là do vấn đề cán bộ quyết định. Yêu cầu về cán bộ để mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp rất lớn, gồm nhiều loại cán bộ, trong đó cán bộ quản lý là quan trọng hơn cả. Nghĩa-bình đã giải quyết nhu cầu về cán bộ lúc mới thành lập hợp tác xã bằng nhiều nguồn: chọn một số cán bộ tập kết ở miền Bắc về có hiểu biết về xây dựng hợp tác xã đưa xuống cho cơ sở; xin trung ương và các tỉnh miền Bắc cử cán bộ vào giúp; lựa chọn tại chỗ những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng đưa đi đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và đưa đi nghiên cứu học tập kinh nghiệm thực tế (kể cả ra học hỏi các hợp tác xã tiên tiến ở miền Bắc). Số cán bộ do cấp trên tăng cường về giúp cho cơ sở tuy còn ít nhưng có nhiều hiểu biết và kinh nghiệm về xây dựng hợp tác xã ở miền Bắc, kết hợp với đông đảo cán bộ tại chỗ đã tạo thành đội ngũ cán bộ ban đầu có thể xây dựng và quản lý được hợp tác xã mới xây dựng. Dương nhiên muốn quản lý tốt hợp tác xã theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, còn phải đào tạo thêm nhiều cán bộ có nghiệp vụ quản lý giỏi và nâng cao hơn nữa trình độ của số cán bộ hiện có trong các hợp tác xã.

Điều đáng chú ý là tỉnh, huyện và hợp tác xã ở đây đã rất chú trọng tìm hiểu bằng nhiều cách để vận dụng có chọn lọc những kinh nghiệm hay của phong trào hợp tác hóa ở miền Bắc, tránh được những sai sót, không phải đi đường vòng.

(1), (2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập, bản tiếng Việt*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 423, 425.

III— SỨC SỐNG CỦA NÔNG THÔN HỢP TÁC HÓA

Công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở Nghĩa-binh tiến hành từ năm 1978, đến năm 1980 đã hoàn thành và bắt đầu phát huy tác dụng từ đó, ngày càng thể hiện tinh hơn hẳn của nền nông nghiệp hợp tác hóa.

Sự xuất hiện nền nông nghiệp hợp tác hóa thúc đẩy việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh trong từng hợp tác xã, trên địa bàn huyện và địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó liên kết với các tỉnh láng giềng tạo thành các vùng chuyên canh khu vực lớn. Vùng trọng điểm lúa của tỉnh (kể cả diện tích cao sản) chiếm 30000 héc ta; vùng lúa + màu 48 000 héc ta; vùng cây công nghiệp + màu 46 000 héc ta; vùng nông - lâm kết hợp (chưa kể rừng và đất rừng) 17 000 héc ta. Các huyện phía bắc tỉnh có vùng trồng mía tập trung 5 600 héc ta, cung cấp mía cây cho Nhà máy đường trung ương ở thị xã Quảng-ngãi; phía nam tỉnh có vùng mía tập trung 3 000 héc ta cung cấp mía cây cho nhà máy đường của tỉnh. Ba huyện phía bắc tỉnh trồng rau quả xuất khẩu, liên kết với tỉnh Quảng-nam - Đà-nẵng, qua cảng Đà-nẵng, xuất khẩu rau quả sang Liên-xô; các huyện phía nam tỉnh sản xuất rau quả để xuất khẩu qua cảng Quy-nhon. Quế trồng tập trung ở Trà-bồng cùng với quế của Trà-mi thuộc tỉnh Quảng-nam - Đà-nẵng liên kết thành vùng quế khu vực liên tỉnh. Cây dừa đã và đang được tiếp tục trồng từ Đức-phổ trở vào qua 5 huyện ven đường số 1A nối liền với vùng dừa tỉnh Phú-khánh tạo thành liên mảng dừa tập trung tạo điều kiện xây dựng liên hợp công - nông nghiệp sản xuất chế biến dừa...

Công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp đã thúc đẩy quá trình phân công lại lao động ở nông thôn: trong từng hợp tác xã đều có tổ chức các tổ, đội lao động chuyên như: trồng trọt, chăn

nuôi tập thể, cơ khí, giống, thủy lợi, vận chuyển, làm đất, bảo vệ thực vật... Trên địa bàn huyện và tỉnh, việc phân bổ lao động theo hai hướng: Một là, lên vùng đồi núi hoặc ra ven biển lập cơ sở II. Sau hai năm hợp tác hóa đã có 6 600 hộ đi xây dựng cơ sở II và đã khai hoang được 26 000 héc ta. Hai là, ra ngoài tỉnh, đã có 19 228 hộ đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Với sự giúp đỡ một phần của Nhà nước, phát huy tinh thần tự lực tự cường, các hợp tác xã đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất ở cơ sở và trên địa bàn huyện. Các công trình thủy lợi loại lớn và vừa còn ít, nhưng loại nhỏ do nhân dân tự làm phát triển rộng khắp, bao gồm hàng loạt những con xe nước dọc hai bờ của bốn con sông lớn chảy qua tỉnh, nhiều đập dâng nước để lấy nước bơm và tát vào đồng ruộng. Các cơ sở xử lý giống được tổ chức trong các hợp tác xã với các đội chuyên làm giống; ở huyện có vùng giống và các trạm giống cây, con. Hệ thống tổ, đội và trạm thú y được tổ chức ở hợp tác xã và trên địa bàn huyện. Mỗi hợp tác xã đều có đội cơ khí; ở huyện có xí nghiệp cơ khí làm nhiệm vụ sản xuất công cụ và sửa chữa máy móc nông nghiệp. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của từng hợp tác xã gắn với các cụm kinh tế kỹ thuật do huyện điều hành... Đến nay, bình quân mỗi hợp tác xã nông nghiệp ở Nghĩa-binh có 1 117 000 đồng về giá trị tài sản cố định, và mỗi héc ta canh tác được trang bị 3 354 đồng về cơ sở vật chất kỹ thuật.

Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất theo vùng tập trung và chuyên canh, phân bổ và sử dụng lao động hợp lý, hình thành hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật ở cơ sở và trên địa bàn huyện như đã nêu trên, nền nông nghiệp

hợp tác hóa Nghĩa-bình trong mấy năm qua đã có bước phát triển tốt về mặt sản xuất lương thực, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và hàng nông sản cho xuất khẩu.

Tuy còn lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên (hạn hán nặng, lũ lụt lớn, sâu bọ nhiều) nhưng nhờ có sức lao động tập thể của nông thôn hợp tác hóa, nông nghiệp Nghĩa-bình đã bảo đảm sản xuất lương thực mỗi năm một tăng. Lúc còn làm ăn cá thể (1976), sản lượng lương thực quý thóc của

cả tỉnh chỉ có 426 000 tấn. Năm đầu hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp (1981), đạt 520 000 tấn. Sang năm 1983, tăng lên 540 000 tấn. Vẫn là một tỉnh thiếu ăn, Trung ương thường phải trợ cấp, nhưng từ khi có nền nông nghiệp hợp tác hóa, Nghĩa-bình đã tự trang trải được nhu cầu lương thực trong tỉnh. Không còn huyện nào bị đói như trước, một số nơi bắt đầu có đôi chút dự trữ lương thực. Mức huy động lương thực trên địa bàn tỉnh mỗi năm một nhiều, phân điều cho Trung ương mỗi năm một tăng.

DIỄN GIẢI	Đơn vị tỉnh	1980	1981	1982
Lương thực huy động	tấn	49 000	75 400	80 000
Chỉ số	%	100	153,2	163,3
Lương thực điều lên trung ương	tấn	3 000	18 500	33 622
Chỉ số	%	100	610	1 140

Sau hai năm hợp tác hóa nông nghiệp, cây công nghiệp và cây xuất khẩu đều phát triển. Năm 1982 trồng được 10 490 héc ta mía và thu được 400 000 tấn mía cây (tăng 60% so với năm 1980). Đậu tương đạt sản lượng gần 1000 tấn hạt (tăng 208% so với năm 1980). Đậu tằm, đã trồng được 700 héc ta và sẽ tăng lên 2 000 héc ta. Thuộc lá, đã trồng 1000 héc ta, sẽ tăng lên 2 000 héc ta. Lạc, đã trồng được 4000 héc ta. Quế, đã trồng được 40 triệu cây, hằng năm khai thác trên 400 tấn vỏ. Dừa, đã có 1,5 triệu cây, sẽ tăng lên 5 triệu cây. Đào lộn hột đang phát triển mạnh ở tất cả các hợp tác xã có nhiều đồi trọc và đất cát ven biển...

Những sản phẩm cây công nghiệp và cây xuất khẩu đã có và sẽ phát triển mỗi năm một nhiều thêm, bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các xí nghiệp hiện có và sẽ xây dựng thêm (của cả trung ương và địa phương trên đất Nghĩa-bình) và cho xuất khẩu. Đồng thời, cũng từ nguồn

nguyên liệu nông sản này, đã và sẽ xuất hiện nhiều xí nghiệp và hợp tác xã chế biến nông sản, mở ra thế phát triển kinh tế gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến từ cơ sở, trên địa bàn huyện và liên kết nhiều huyện.

Sức sống đang lên của nông thôn hợp tác hóa Nghĩa-bình không chỉ được thể hiện ở sự phát triển có kết quả của nền kinh tế nông nghiệp trong tỉnh, mà còn được thể hiện trên lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa, xã hội và nông thôn mới. Tốc độ xây dựng cơ bản ở nông thôn Nghĩa-bình trong hai năm hợp tác hóa vừa qua khá cao. Hợp tác xã nào cũng có đội xây dựng cơ bản và phần lớn đều có tổ chức sản xuất gạch, ngói. Do đó, đến nay đã có 50% số nhà ở của nhân dân trong thôn xóm được xây cất bằng gạch ngói khang trang, đẹp đẽ. 80 - 90% số trường học, bệnh viện, bệnh xá, nhà trẻ, nhà mẫu giáo và các cơ sở phúc lợi khác, cũng đều làm bằng

(Xem tiếp trang 83)

XÓA BỎ BÓC LỘT BẰNG RUỘNG ĐẤT

HỮU - HẠNH

I — Bài học về xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất.

Xã An-hòa (ở huyện Trảng-bàng, tỉnh Tây-ninh) là một xã hoàn toàn bị chiếm trong suốt cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tuy nhiên trong kháng chiến chống Pháp, vào những năm 1947 — 1948 chính quyền cách mạng đã đấu tranh truy thu ruộng đất của địa chủ việt gian, của bọn tề ngụy có nợ máu, lấy đất công điền, công thổ đem tạm cấp cho nông dân nghèo không có ruộng được khoảng 600 héc ta. Song, đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bọn ngụy quyền Diệm-Thiệu lại cướp hết số ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã chia cho nông dân. Ruộng đất ở An-hòa do đó phần lớn lại rơi vào tay địa chủ và phú nông. Nông dân nghèo đã thiếu ruộng lại ngày càng bị mất thêm ruộng, phải đi làm thuê và chịu sự bóc lột nặng nề của địa chủ và phú nông.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ở An-hòa chỉ mới giải quyết vấn đề ruộng đất của bọn việt gian cũ và công điền, công thổ. Cán bộ và đảng viên ở An-hòa (cũng như nhiều cán bộ, đảng viên ở tỉnh và huyện) đều quan niệm làm như vậy là vấn đề ruộng đất và bóc lột bằng ruộng đất ở nông thôn đã căn bản được giải quyết!

Thực tế không phải như vậy. Vấn đề chênh lệch về ruộng đất kéo theo tình trạng bóc lột bằng ruộng đất ở An-hòa vẫn còn nguyên như trước ngày giải phóng.

Bình quân ruộng đất tính theo đầu người ở xã An-hòa là $1300m^2$ (thuộc loại xã có bình quân ruộng đất thấp ở huyện Trảng-bàng). Nhưng tình hình chiếm hữu ruộng đất giữa các hộ trong các thôn ấp lại chênh lệch nhau quá lớn. Bình quân ruộng đất tính theo đầu người của 26 hộ có nhiều ruộng đất chuyên kinh doanh ruộng đất bằng phát canh thu tô và thuê mướn người làm là $20000m^2$. Bình quân ruộng đất tính theo đầu người của 68 hộ trung nông lớp trên là trên $4400m^2$. Còn bình quân ruộng đất tính theo đầu người của những hộ nông dân thiếu ruộng chỉ có $120m^2$. Số hộ không có ruộng đất (trong đó có 57 gia đình thương binh liệt sĩ, 32 gia đình cán bộ và bộ đội) trong toàn xã là 260.

Do tình trạng chênh lệch về ruộng đất ở nông thôn như vậy, cho nên phong trào xây dựng tổ đoàn kết sản xuất và tập đoàn sản xuất trong 6—7 năm qua (tính từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng) ở xã An-hòa vẫn lạch. Việc xây dựng ấp, xã toàn diện không sao thực hiện được. Ngược lại, các hình thức bóc lột bằng ruộng đất và các tệ nạn bóc

lột phong kiến khác vẫn tiếp tục và hoành hành khắp thôn ấp. Kẻ địch chống phá cách mạng thừa cơ ra mặt mua chuộc, hủ hóa, làm hư hỏng cán bộ chủ chốt (3 bị thư chi bộ vào trong của địch sinh thoái hóa, đã bị loại bỏ) hoặc đe dọa, dùng vũ lực khống chế cán bộ (ba vụ dùng lựu đạn và súng bắn bị thương cán bộ xã, ấp)...

Đến năm 1981, cán bộ và đảng viên ở xã An-hòa mới thấy thấm thía về tác hại của sự mơ hồ trong nhiều năm qua về đấu tranh xóa bỏ bóc lột ruộng đất và nguồn gốc sinh ra bóc lột ở nông thôn.

II - Kiên quyết điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn.

Phải truy cho ra nguồn gốc bóc lột ở nông thôn, từ đó mới có biện pháp đúng đắn thực hiện có hiệu quả việc điều chỉnh ruộng đất trong nông dân. Xuất phát từ cách đặt vấn đề như vậy, đầu năm 1981, xã An-hòa thành lập ban điều tra và điều chỉnh ruộng đất của xã, tổ chức cho mọi người học tập đề nắm vững và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về điều tra, điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn.

Sau khi học tập xong, việc kê khai ruộng đất và các tư liệu sản xuất nông nghiệp khác được tiến hành trước tiên trong chi bộ Đảng, đến các ban, ngành, đoàn thể xã, ấp. Trước hết, từng đảng viên làm bản tự kê khai ruộng đất (bao gồm ruộng đất tự canh, ruộng đất phát canh, ruộng đất lĩnh canh của địa chủ và phú nông, ruộng đất xâm canh, ruộng đất công, chiếm đoạt trái phép...) và các tư liệu sản xuất khác của gia đình, đưa ra chỉ bộ phân tích và bổ sung. Kế đến cán bộ các ban, ngành, đoàn thể ấp, xã cũng kê khai tương tự như vậy. Bản kê khai ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của đảng viên và của cán bộ các ban, ngành, đoàn thể xã, ấp được đưa ra Hội

đồng nhân dân xã xem xét trước, rồi mới đưa ra cho toàn dân thảo luận, góp ý kiến và bổ sung, làm sáng tỏ tình hình cụ thể về chiếm hữu và sử dụng ruộng đất, công cụ sản xuất của từng đảng viên và cán bộ trong xã, ấp.

Cán bộ, đảng viên gương mẫu làm trước, cho nên khi triển khai việc kê khai ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác, quần chúng nông dân hết sức đồng tình và ủng hộ, đóng góp được nhiều ý kiến về tình hình cụ thể có lợi cho việc điều tra và điều chỉnh ruộng đất.

Quần chúng đã đấu tranh và phát hiện chính xác số ruộng đất chiếm hữu, ruộng đất xâm canh, ruộng đất phân tán, phát canh thu tô, ruộng đất bán chạy trái phép, và ruộng đất giấu giếm không kê khai... của địa chủ. Do đó, các gia đình địa chủ phải kê khai đúng và xin hiến số ruộng đất dùng để bóc lột, chỉ xin giữ lại số ruộng đất cho gia đình tự sản xuất theo mức bình quân chung của các hộ nông dân lao động khác trong xã.

Làm xong và làm gọn việc điều tra và điều chỉnh ruộng đất ở các hộ địa chủ, mới chuyển tiếp sang làm ở các hộ nông dân khác có thừa nhiều ruộng đất. Phong trào quần chúng tham gia điều tra, điều chỉnh ruộng đất lên mạnh, các gia đình phú nông và trung nông lớp trên có ruộng đất thuê người làm thấy không thể giấu giếm được, cho nên đã tự nguyện kê khai đủ số ruộng đất (kể cả những ruộng đất đã bán chạy trái phép) và xin hiến số ruộng đất gia đình làm không hết phải thuê người làm, để điều chỉnh cho những gia đình nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất.

Cuộc đấu tranh điều tra và điều chỉnh ruộng đất ở xã An-hòa được tiến hành không phải bằng phương pháp hành chính cưỡng bức hoặc đấu đá căng thẳng, mà bằng cách thuyết phục có lý có tình, song rất kiên quyết và triệt để, cho nên đã thu

hồi được trên 759 héc ta ruộng đất đem chia cấp cho 741 hộ nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất. Ngoài ra, trong đợt điều tra, điều chỉnh ruộng đất này, quần chúng nông dân đã đấu tranh truy thu được 1920kg thóc tô và 33400 đồng tiền bán ruộng đất trái phép.

Mọi người nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng đất ở An-hòa bây giờ đều được chia cấp đủ ruộng đất để sản xuất. Những gia đình có kinh doanh nông nghiệp, bóc lột bằng ruộng đất nay chuyển làm người lao động nông nghiệp chân chính làm ăn sinh sống bằng chính sức lao động của mình. Việc bóc lột bằng ruộng đất ở nông thôn bây giờ mới thật sự được xóa bỏ. Đó là tiền đề quan trọng hàng đầu, tạo điều kiện để từng bước tổ chức nông dân An-hòa đi vào con đường làm ăn tập thể từ thấp đến cao, xây dựng nông thôn mới, văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

III — Không dừng lại ở làm ăn cá thể.

Điều tra và điều chỉnh ruộng đất xong ở ấp nào, An-hòa chủ trương tổ chức cho nông dân đi ngay vào làm ăn tập thể, không dừng ở làm ăn cá thể. Vì rằng, những gia đình được chia cấp ruộng đất đều là những nông dân nghèo, thiếu công cụ sản xuất, không có đủ giống má, nhất là không có vốn đầu tư cho sản xuất và thâm canh tăng năng suất. Làm ăn riêng lẻ, và ngay cả làm ăn trong tổ đoàn kết sản xuất (thu nhập phụ thuộc vào điều kiện có nhiều hay ít ruộng đất, máy móc, công cụ, trâu bò cày kéo và vốn liếng cho sản xuất...), họ đều gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống. Sau mấy tháng đầu thực hiện xong việc điều chỉnh ruộng đất, thấy một số nông dân nghèo gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống, hai hộ vốn là phú nông đã tìm cách cho vay mượn, mua bán để lấy lại 11 héc ta

ruộng đất đã chia cấp cho nông dân. Lợi dụng hoàn cảnh lúc đầu chưa kịp tổ chức làm ăn tập thể, một số trung nông có thừa ruộng đất phải đưa ra điều chỉnh đã lần lượt chưa chịu giao số ruộng đất đó (một trường hợp 2 héc ta ruộng và một trường hợp 9,5 héc ta đất trồng mía).

Ngay từ khi đang tiến hành điều tra ruộng đất, An-hòa đã đề nghị và được huyện chấp thuận giúp đỡ đào tạo cán bộ tại chỗ, phục vụ cho phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất sâu khi đã tiến hành xong việc điều chỉnh ruộng đất. Đến nay An-hòa đã có 359 cán bộ tập đoàn sản xuất được đào tạo từ các trường của trung ương, của tỉnh, huyện và xã, chuẩn bị cho phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất trong xã.

Chi bộ xã An-hòa chọn ấp An-thời làm điểm và ấp An-phủ làm diện (có cán bộ của huyện, xã trực tiếp chỉ đạo), còn 5 ấp khác do cán bộ các ấp đó tự lực tiến hành xây dựng tập đoàn sản xuất trong ấp mình theo kế hoạch đã định của xã.

Việc học tập để nắm vững mục đích, yêu cầu, nguyên tắc và nội dung xây dựng tập đoàn sản xuất được tiến hành trước trong cán bộ các ban, ngành của xã, ấp. Sau đó, cán bộ xã, ấp và cả cán bộ huyện về giúp, chia nhau thành nhóm xuống các tổ đoàn kết sản xuất, phát động quần chúng học tập xây dựng tập đoàn sản xuất. Quần chúng được chia theo khu vực dự kiến sẽ đưa lên tập đoàn sản xuất để cùng nhau học tập.

Hiểu rõ và tán thành, quần chúng tự nguyện làm đơn xin vào tập đoàn sản xuất. Phong trào quần chúng tham gia tập đoàn sản xuất sôi nổi không chỉ ở ấp điểm và diện mà đã phát triển rộng khắp ở cả 5 ấp khác của xã An-hòa. Kể cả một số tập đoàn sản xuất xây dựng từ trước còn hoạt động (qua đợt điều chỉnh ruộng đất lần này

(Xem-tiếp trang 67)

Thắng lợi trong sản xuất nông nghiệp của nhân dân Lào anh em

THANH - SƠN



ƯỚC Lào có khoảng 1,3 triệu lao động nông nghiệp trong tổng số 3,5 triệu dân. Diện tích đất canh tác khoảng 3,5 - 4 triệu ha, trong đó diện tích đất trồng lúa, màu, cây công nghiệp chiếm khoảng 1,5 - 2 triệu ha; phần còn lại là đồng cỏ và ao hồ. Dọc sông Mê-công có những đồng bằng rộng, được xem là những vựa thóc lớn của Lào. Đó là các đồng bằng: Viêng-chăn (rộng 40 vạn ha), đồng bằng Xa-va-na-khệt (90 vạn ha), đồng bằng Châm-pa-xắc (50 vạn ha), đồng bằng Khăm-muộn (36 vạn ha).... Các cao nguyên như: cao nguyên Cánh đồng Chum (Xiêng-khoảng), Nacay (Khăm-muộn), Bô-lô-ven (Hạ Lào).... là những cao nguyên rộng, đất màu mỡ, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp và chăn nuôi. Riêng cao nguyên Bô-lô-ven rộng khoảng 1 triệu ha, phần lớn là đất đỏ ba dạn, rất thích hợp để trồng cà phê, chè và nhiều loại cây ăn quả. Khí hậu, thời tiết nói chung rất thuận lợi cho trồng trọt và chăn nuôi.

Nhưng, dưới chế độ phong kiến và thực dân, sức bóc lột của bọn thực

dân, nền nông nghiệp Lào bị kìm hãm trong tình trạng hết sức lạc hậu, hoàn toàn lệ thuộc thiên nhiên. Đất đai bị khai thác mà không được chăm bón, cải tạo cho nên nhanh chóng bạc màu. Nạn phá rừng làm rẫy diễn ra phổ biến trong cả nước, nhất là ở Bắc Lào, khiến mỗi năm hàng chục vạn héc-ta rừng biến thành đồi trọc, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo vệ môi trường sống, nhất là bảo vệ nguồn nước để phát triển nông nghiệp. Chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ hầu như không có một biện pháp nào để phát triển nông nghiệp. Vùng đế quốc Mỹ và bọn tay sai quyền Viêng-chăn kiểm soát bao gồm hầu hết những đồng bằng rộng lớn của cả nước; số dân chỉ có khoảng 2 triệu người, mà hàng năm phải nhập từ 8 đến 10 vạn tấn gạo. Năng suất lúa bình quân chỉ đạt khoảng 1,3 - 1,4 tấn/ha. Nạn đói thường xảy ra ở vùng cao khi giáp hạt và ở mức độ rất nghiêm trọng trong những năm bị thiên tai.

Sau khi đất nước được giải phóng, Đảng và Nhà nước Lào rất coi trọng việc cải tạo và phát triển nông nghiệp.

Xuất phát từ đặc điểm của nước mình, Đảng nhân dân cách mạng Lào khẳng định đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Lào trong giai đoạn cách mạng mới là: «...Khai thác và phát huy cao nhất mọi tiềm năng của đất nước, từ nông nghiệp và lâm nghiệp đi lên, lấy phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp làm cơ sở cho phát triển công nghiệp, cải tạo nền kinh tế tự nhiên, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa từng bước, có trọng điểm... » (1). Về phát triển nông nghiệp, Đảng xác định: «Trước mắt, chúng ta phải phấn đấu phát triển nông nghiệp toàn diện, phát huy thế mạnh của nông nghiệp, lâm nghiệp là cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nhưng trọng tâm là phải phấn đấu tự giải quyết về lương thực, thực phẩm một cách vững chắc... Nông nghiệp, lâm nghiệp phải vươn lên đáp ứng nhu cầu về ăn, mặc, làm hàng xuất khẩu... » (2). Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, Đảng và Nhà nước Lào chủ trương: «Vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể dưới hình thức hợp tác xã nông nghiệp, biến chế độ sở hữu cá thể thành chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng ba cuộc cách mạng ở nông thôn, góp phần cải tạo nền kinh tế tự nhiên tự cấp, tự túc, xóa bỏ chế độ bóc lột ở nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa... » (3).

Từ tháng 5 năm 1978, Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào đã ra nghị quyết về việc mở cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp theo ba nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, đặc biệt là tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nông dân, kết hợp hài hòa ba lợi ích, chiếu cố tâm lý chính trị, xã hội, nhất là đối với

nhân dân vùng bộ tộc thiểu số, không được ép buộc họ dưới bất cứ hình thức nào. Phương châm của cuộc vận động là: tích cực lãnh đạo, tiến bước vững chắc, làm từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó...

Thực hiện đường lối đúng đắn nói trên, mặc dù gặp nhiều khó khăn do phải đi lên từ một nền nông nghiệp lạc hậu và do hậu quả chiến tranh còn nặng nề, lại liên tiếp bị thiên tai (nghiêm trọng nhất là năm 1977, bị hạn nặng chưa từng có; năm 1978 lại bị lụt lớn nhất trong 100 năm qua, năm 1983 hạn đầu vụ kéo dài ba tháng liền), nhưng nông dân Lào với bản chất cần cù và với truyền thống yêu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, đã vượt qua mọi thử thách, giành được những thắng lợi to lớn trong sản xuất nông nghiệp.

Trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, ngoài những khó khăn kể trên, nông dân Lào còn phải đối phó quyết liệt với những âm mưu và thủ đoạn phá hoại hết sức thâm độc của mọi loại kẻ thù, nhất là bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc. Bọn này đã dùng nhiều luận điệu và thủ đoạn nhằm xuyên tạc và phá hoại phong trào hợp tác hóa của Lào. Chúng réu rao: Trung-quốc có cơ sở vật chất - kỹ thuật và trình độ mọi mặt cao hơn Lào rất nhiều, thế mà sau hơn 30 năm đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, nay lại phải giải tán công và nhân dân. Từ kinh nghiệm đó, nông dân Lào còn chui vào hợp tác xã làm gì? Mặt khác, để phá hoại mối quan hệ giữa Lào với Việt-nam và Liên-xô, chúng nói: Lào chỉ có hơn ba triệu dân mà thiếu đói là vì đi theo Việt-nam, đi theo Liên-xô. Nếu biết đoàn kết, hữu nghị với Trung-quốc

(1) Đại hội III Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1983, tr. 35.

(2), (3) Sách đã dẫn tr. 44, 45.

thì không bao giờ đổi. Một tỷ dân Trung-quốc chỉ cần bót ăn một bữa cũng đủ nuôi dân Lào cả năm! Chúng còn cho tay sai giết hại dã man một số cán bộ nông cốt của hợp tác xã, đe dọa những người tích cực tham gia phong trào hợp tác hóa, đốt kho và phá hoại nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã, v.v.

Nhưng, vượt qua mọi khó khăn thử thách, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được đông đảo nông dân lao động Lào hưởng ứng, vẫn tiếp tục phát triển và từng bước phát huy tính ưu việt của phương thức làm ăn tập thể. Đầu năm 1978, cả nước chỉ có 269 hợp tác xã nông nghiệp. Đến nay 100% số tỉnh, 80% số huyện, 64% số xã đã có hợp tác xã, với tổng số 2114 cái; (chưa kể hàng nghìn tổ đoàn kết sản xuất, một hình thức tập dượt nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể). Bốn tỉnh: Hủa Phăn, Phong-xa-lỳ, U-dôm-xây, Xiêng-khoảng đã cơ bản hoàn thành việc thành lập các hợp tác xã nông nghiệp. Chăm-pa-xắc, tỉnh trọng điểm lúa của Lào, mới được giải phóng hồi năm 1975, nay đã có 40% số nông hộ vào hợp tác xã. Các tỉnh đều có những hợp tác điển hình tiên tiến (4).

Các hợp tác xã đã đi đầu trong phong trào làm ruộng chiêm, làm thủy lợi, làm phân bón, thâm canh, khai hoang phục hóa và từng bước áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp. 1/3 số hợp tác xã gico cấy hai vụ, 85% diện tích ruộng thâm canh là do hợp tác xã chủ trì. Năng suất ruộng thâm canh thường đạt khoảng 3 tấn/ha/vụ, cá biệt có nơi đạt 4 tấn/ha/vụ. Trong khi khâu phân lương thực bình quân cả nước chỉ khoảng 300 kg thóc thì một số hợp tác xã đạt 400 kg, cá biệt có nơi đạt 600 - 800 kg thóc.

Một số hợp tác xã vùng làm rẫy đã từng bước vận động và giúp đỡ xã viên chuyển sang làm ruộng, làm

nuôi con, làm rẫy luân canh, làm ruộng bậc thang, trồng cây công nghiệp, khai thác lâm sản, thổ sản và hạn chế việc phá rừng làm rẫy. Nhiều nơi đã khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống đi đôi với phát triển kinh tế gia đình xã viên.

Do sản xuất phát triển, thu nhập tăng, xã viên hăng hái thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Mức đóng góp của xã viên cao gần gấp đôi mức đóng góp của nông dân cá thể; có hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ, đóng đến 3,9 tạ thóc bình quân một đầu người.

Phong trào hợp tác hóa phát triển thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới. Ở nhiều nơi đã có hợp tác xã mua bán, các lớp mẫu giáo, bệnh xá, trường học. Ở nông thôn cũng có phong trào vệ sinh phòng bệnh; các lớp bồi túc văn hóa được thành lập đang đẩy mạnh việc xóa nạn mù chữ. Công tác bảo vệ trị an được tăng cường. Tinh đoàn kết trong nông thôn, đoàn kết giữa nông dân các bộ tộc được củng cố.

Đi đôi với vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, Nhà nước đã đầu tư xây dựng hơn 30 nông trường quốc doanh. Hầu hết các nông trường được xây dựng ở những vùng có điều kiện phát triển với quy mô lớn, kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Mặc dù ít vốn, thiếu phương tiện, vật tư, Đảng và Nhà nước Lào vẫn

(4) Nổi bật là các hợp tác xã: Xiêng Phay, Bản Hây (ở Phong-xa-lỳ), Bản Thìn, Bềng Khăm (ở U-dôm-xây) Hết Pang, Phu Mọc (ở Luông-pha-bang) Xôm Xà Ván, Xi Bùn Hương (ở Xay-nha-bu-rí), Bản Nghiêu, Na khăm (ở Hủa-phăn), Đông Phò Xi, Đon Đu, Thà Muồng, Cầu Liêu & Viêng-chăn, Phôn Xà Ván, Khăng Viêng & Xiêng-khoảng, 7 hợp tác xã & xã Xoàng Mường tỉnh Khăm-muôn, Nông Bua Thà, Na Hạng Nội (ở Xà-văn-na-khệt) Pa Ấy, Na Thang Có (Xà-rà-văn), Úp Pa Lạt, Phu Oi, Bản Hây, Khi Ly, Hìn Xiu, Khộc Xà Vàng của Chăm-pa-xắc v.v.

rất quan tâm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, xem đây là nhân tố quan trọng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp. Trong những năm qua, Nhà nước Lào đã dành trên 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho nông nghiệp, chưa kể hàng triệu ngày công được huy động vào công tác thủy lợi và xây dựng các công trình phục vụ nông nghiệp. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, mạng lưới thủy lợi ở Lào đã từng bước được mở rộng. Hiện nay diện tích được tưới nước tăng gấp ba lần so với năm 1976. Hàng nghìn máy kéo, máy bơm nước, hàng trăm xe ô tô và các loại máy khác đã được đưa vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, khiến tổng số máy nông nghiệp tăng gấp 5 lần so với năm 1976. Hàng chục trạm, trại thí nghiệm, chọn giống và nhân giống, các cơ sở chế biến thuốc thú y, thức ăn gia súc, cơ sở sản xuất và sửa chữa cơ khí nông nghiệp... đã được xây dựng thêm. Hệ thống trường, lớp kỹ thuật sơ cấp và trung cấp nông nghiệp được tổ chức ở thủ đô và ở một số tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật nông nghiệp. Từ năm 1976 đến nay, số cán bộ khoa học kỹ thuật trung cấp và cao cấp tăng gấp hai lần.

Diện tích gieo trồng được mở rộng. Đến năm 1982, tổng diện tích gieo trồng đạt gần 800000 ha, tăng 10% so với năm 1976. Việc làm chiêm đã trở thành phong trào quần chúng ở nhiều địa phương. Diện tích ruộng chiêm năm 1983 tăng 1,5 lần so với năm 1976. Diện tích trồng màu và các loại cây công nghiệp đều được mở rộng: năm 1982 tăng 3,5 lần so với năm 1976; riêng cà phê tăng 1,6 lần, thuốc lá: 3 lần, ngô: 2,6 lần, lạc: 1,4 lần, v.v.

Năng suất các loại cây trồng đều tăng, năng suất lúa mùa năm 1981 và 1982 đạt bình quân 16 — 18 tạ ha/vụ

(năm 1976 chỉ đạt 14 — 15 tạ). Tổng sản lượng thóc năm 1976 đạt 693000 tấn, năm 1979: 1061000 tấn; năm 1980: 1100000 tấn; năm 1981: 1151000 tấn; năm 1982 đạt xấp xỉ năm 1981. Bình quân số thóc tính theo đầu người năm 1976 là 203 kg, năm 1980 là 320 kg, năm 1981 là 335 kg, trong khi tỷ lệ dân số tăng trung bình là 2,4%/năm. Bắt đầu từ năm 1980, Lào đã cơ bản tự túc được lương thực.

Sản lượng cây công nghiệp và màu cũng tăng nhanh: năm 1982 so với năm 1976, cà phê tăng 75%, thuốc lá tăng gần 3 lần, lạc tăng 144%, đỗ tương tăng 100%, bông tăng 110% v.v

Dân gia súc bị thiệt hại nặng trong chiến tranh. Vì vậy, khi hòa bình được lập lại (1975) sức kéo thiếu nghiêm trọng. Ở Xiêng-khoảng, người phải kéo cày thay trâu. Nhưng mấy năm gần đây dân gia súc đã được phục hồi và phát triển. Đàn trâu tăng 50%, bò: 100%, lợn: 130%, gia cầm: 58%.

Do sản xuất phát triển, thu nhập tăng, đời sống nông dân được cải thiện. Lòng tin đối với chế độ mới được củng cố. Nông dân tích cực làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Số thóc thu mua và thu thuế trong năm 1982 tăng hai lần so với năm 1978.

Thực hiện đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, và từ những đặc điểm của nền nông nghiệp Lào, kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội 5 năm thứ nhất (1981 — 1985) của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào thông qua (tháng 4-1982) đã khẳng định: đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ kinh tế hàng đầu, đặc biệt coi trọng sản xuất lương thực, thực phẩm, nhằm tự lực giải quyết nhu cầu lương thực, thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công

ng nghiệp và hàng hóa cho xuất khẩu. Sản phẩm đến năm 1985 đạt 1,6 triệu tấn lương thực, trong đó có 1,4 triệu tấn thóc. Từ năm 1985 trở đi, phải đạt 350 kg/thóc/đầu người và Nhà nước phải có dự trữ ít nhất 6 tháng. Về chăn nuôi, sản phẩm tăng nhanh tốc độ phát triển đàn gia súc, gia cầm, riêng đàn trâu bò sẽ đưa lên 2 triệu con vào cuối những năm 80. Lào cũng có kế hoạch bảo vệ và phát triển đàn voi nhà ở những địa phương có điều kiện. Để đạt chỉ tiêu trên đây, Nhà nước sẽ tập trung đầu tư và chỉ đạo vào 6 tỉnh và 28 huyện trọng điểm lúa trong cả nước. Lấy thâm canh làm biện pháp chủ yếu, đẩy mạnh công tác thủy lợi theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, có kế hoạch hạn chế từng bước việc phát rừng làm rẫy.

Về công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, Đại hội đề ra mức phấn đấu là: đến cuối năm 1985 sẽ hoàn thành về cơ bản việc

xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở vùng làm ruộng. Nhà nước có kế hoạch đầu tư vào việc đào tạo cán bộ nông nghiệp, giúp hợp tác xã về tài chính, vật tư, kỹ thuật, phát huy tính hơn hẳn của phương thức làm ăn tập thể. Đi đôi với việc phát triển, củng cố kinh tế tập thể, Đảng và Nhà nước Lào rất coi trọng và giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình xã viên.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nông dân các bộ tộc Lào đang tiến lên giành thắng lợi lớn và vững chắc hơn nữa trong công cuộc cải tạo và phát triển nông nghiệp, góp phần vào sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Lào, góp phần thiết thực vào sự nghiệp hợp tác lâu dài, toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân ba nước Đông-dương anh em vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ độc lập, tự do của mỗi nước.

Xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất

(Tiếp theo trang 62)

được củng cố và phát triển tốt) và những tập đoàn sản xuất mới xây dựng, tính đến ngày 30-6-1983, xã An-hòa đã có 46 tập đoàn sản xuất, thu hút 2 206 trong tổng số 2 319 hộ nông dân trong xã, với 1 355 héc ta ruộng đất (bằng gần hết số ruộng đất của xã trực tiếp sản xuất trên địa bàn của mình). Còn lại một số ít hộ nông dân chưa có điều kiện tổ chức tập đoàn sản xuất đều làm ăn trong tổ đoàn kết sản xuất.

Sản xuất của các tập đoàn sản xuất phát triển khá tốt, năng suất lúa bình quân đạt 30 tạ/ha, tăng 12 tạ/ha so với khi còn làm ăn trong tổ đoàn kết sản xuất. Tính chung trong cả xã An-hòa năng suất lúa trong các năm còn làm

ăn cá thể chỉ đạt 15 tạ/ha, nay đã nâng lên 21 tạ/ha. Một số tập đoàn sản xuất ở ấp An-quới còn góp vốn xây dựng nhà kho, sản phẩm bằng gạch ngói, chung sức đào đắp mương mành thủy lợi... chuẩn bị điều kiện vật chất để chuyển các tập đoàn sản xuất này lên hợp tác xã. Và đến nay, hợp tác xã An-quới là hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đầu tiên ra đời ở đất An-hòa. Các tổ đoàn kết sản xuất cũng lần lượt chuyển lên tập đoàn sản xuất. Như vậy, trong năm 1983, xã An-hòa nhất định hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp với hai hình thức chủ yếu là tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đến đây, nguồn gốc sinh ra bóc lột bằng ruộng đất ở nông thôn An-hòa mới thật sự được xóa bỏ.

ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA, ĐỘI TIÊN PHONG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA*

TÔ-QUYÊN

III

**ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA VÀ CUỘC NỔI DẬY
CỦA NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA ĐẬP TAN CHẾ ĐỘ DIỆT CHỦNG
PÔN PỐT — IÊNG XA-RY**

Cuộc đấu tranh của nhân dân và sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia.

Đến năm 1973, những chủ trương bạo ngược của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry thực hiện ở khu căn cứ Đông Bắc Cam-pu-chia đã bị đồng bào cán bộ, đảng viên và nhân dân vùng này chống lại quyết liệt. Mở đầu là việc chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Vưon-xai (tỉnh Rát-ta-na-ki-ri) ly khai bọn Pôn Pốt, lập căn cứ cách mạng riêng ở vùng giáp ba biên giới Cam-pu-chia — Việt-nam — Lào (16). Sau này, lực lượng đó trở thành bộ phận quan trọng trong Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, góp

phần to lớn vào việc đập tan chế độ diệt chủng của bọn Pôn Pốt.

Năm 1974 lại nổ ra cuộc nổi dậy vũ trang của nhân dân tỉnh Cô Công chống chính sách khủng bố của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry (17). Cuộc đấu tranh ấy kéo dài đến cuối tháng 5-1975, sau đó lực lượng cách mạng làm

* Tiếp theo phần đã đăng trong Tạp chí cộng sản số 11-1983.

(16) Cuộc nổi dậy này do Bun Mi, phó bí thư vùng 3 : Bu Thoang, chỉ huy trong Ban chỉ huy quân sự tỉnh Rát-ta-na-ki-ri, trong bộ tham mưu Quân khu Đông Bắc và Xoi Keo, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn chủ lực 703 trực tiếp lãnh đạo.

(17) Cuộc nổi dậy do Xai Phu Thoang lãnh đạo. Đây là một cán bộ cấp tỉnh duy nhất còn lại sau khi toàn bộ ban chấp hành tỉnh đảng bộ Cô Công về họp ở trung ương bị bọn Pôn Pốt diệt sạch.

thời rút vào hoạt động bí mật ở vùng biên giới Thái-lan và đến giữa tháng 1-1979, tiến vào giải phóng Cô Công.

Sau khi tập đoàn Pôn Pốt - lêng Xa-ry chiếm được quyền kiểm soát lãnh thổ Cam-pu-chia (tháng 4-1975), chế độ khủng bố trắng lập tức trùm lên khắp đất nước. Nhân dân thuộc mọi xu hướng chính trị, tôn giáo và dân tộc đều trở thành nạn nhân của chế độ «âng-ca» khát máu. Một số dân ở vùng biên giới trốn sang các nước láng giềng. Một số khác thì che giấu lai lịch, hoặc lánh vào rừng để mong sống sót. Trong các trại tập trung khủng khiếp, bất cứ ai làm điều gì trái ý bọn chỉ huy, hoặc có biểu hiện không triệt để phục tùng chúng, đều bị đập vỡ sọ. Đời sống nhân dân trong các đội lao động khổ sai cơ cực chưa từng thấy (18).

Chính sách cai trị dẫm máu đó đã gây sự bất bình sâu rộng trong cán bộ và đảng viên chân chính. Để đối phó với sự phản ứng ngày càng lan rộng, bọn độc tài Pôn Pốt - lêng Xa-ry dùng chiêu bài «trong sạch hóa hàng ngũ», thẳng tay đàn áp và loại trừ tất cả những người cách mạng chân chính. Hàng loạt cán bộ, chiến sĩ có công trong hai cuộc kháng chiến bị liệt vào «thành phần phản bội» và bị chém giết thẳng tay. Vì vậy từ tháng 9-1975 đến đầu năm 1976, nhiều cuộc đấu tranh chống chế độ thống trị khắc nghiệt của bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry đã nổ ra ở nhiều nơi như: Bát-đôm-boong, Xiêm-riệp, Ôt-đo Miên-chây, Com-puông Thom, Cro-chi-ê, Mon-dun-ki-ri, Xtung-treng, Cô Công... Có nơi, lực lượng vũ trang đã đứng về phía những người chống đối. Đến đầu năm 1977, một cuộc nổi dậy quy mô lớn đã nổ ra ở các tỉnh phía bắc Cam-pu-chia, phối hợp với một bộ phận lực lượng bảo vệ Phnôm Pênh nhằm lật đổ chế độ độc tài gia đình trị của Pôn Pốt - lêng Xa-ry.

Tuy vậy, các cuộc nổi dậy đều bị thất bại. Bọn cầm quyền phản động ở Phnôm Pênh đàn áp khốc liệt các cuộc nổi dậy, thiêu sống những người bị kết tội căm thù phản nghịch, hành quyết hàng loạt nhân dân vô tội vì họ «dâm» yêu cầu giảm lao động nặng nhọc và xin được ăn cơm đủ no (19).

Mặc dù bọn cầm quyền đánh giá các cuộc đàn áp dẫm máu đó là «đại thắng lợi», và cho rằng «đã căn bản tiêu diệt được bọn phản bội», nhưng chúng vẫn đánh, tiếng là «dịch còn ẩn trong nội bộ». Do đó, chúng mở đợt «tiên công truy quét dịch» kéo dài ba tháng liền (từ tháng 4 đến tháng 6-1977), quyết «làm sạch» toàn bộ khu 108 (tức khu bắc). Bản thân Pôn Pốt trực tiếp phụ trách chỉ đạo các cuộc khủng bố, tàn sát quy mô lớn ở các tỉnh Prét Vi-hia, Mon-dun-ki-ri, Cro-chi-ê và một số nơi ở các khu bắc và tây bắc.

Đối với quân đội, chúng chưa tin tưởng, nhận xét là «chưa được trong sạch», do đó «nhất thiết phải thanh trừng thành phần nguy hại», tay chân

(18) Theo báo cáo của bọn Pôn Pốt về tình hình sức khỏe của nhân dân huyện Com-puông Rô (tỉnh Xvây-riêng) trong 6 tháng đầu năm 1977, thì nhiều bệnh như: dịch tả, kiết lỵ, sốt rét ác tính, đau mùa, phù thũng, lao phổi v.v. lan tràn khắp huyện. Số người mắc bệnh trong thời gian này lên đến 29'692 người.

Kiểm điểm tình hình Cam-pu-chia 6 tháng đầu năm 1978, bọn Pôn Pốt buộc phải thừa nhận có «20 — 30% nhân dân bị thiếu ăn». Ở nhiều vùng thuộc khu đông, đời sống ngày càng bị đói. Phụ nữ ở các huyện Pra-xôt Chan-tria, Com-puông Rô không có áo mặc, váy xam-pốt thì chia nhau mặc (...), ở huyện Tro-mung cũng vậy. Nhân dân ốm yếu rất nhiều, còn trẻ em thì 100% trên trường. Huyện Chơ-lông và huyện Cróc Chơ-ma không có gạo ăn...»

(19) Sau ngày giải phóng 7-1-1979, hầu như trên khắp đất nước Cam-pu-chia, ở đâu cũng phát hiện những hố chôn người tập thể. Nạn nhân gồm già, trẻ, gái, trai bị hành quyết bằng đủ loại đao, búa, chày, vồ. Diền hình là vụ tàn sát 20000 người và chôn tại xã Am-leng, huyện Tho-pong, tỉnh Com-puông Xpu.

của địch ». Chúng mở đợt theo dõi, nắm lại toàn bộ lý lịch của cán bộ chỉ huy các cấp và binh lính; 6 tháng cuối năm 1977, chúng tiến hành nhiều cuộc bắt bớ, giết hại trong nhiều đơn vị từ đại đội đến sư đoàn và đến cả cấp quân khu (20).

Hàng triệu người bị giết không có hồ sơ xét xử. Những « can phạm quan trọng » (gồm cán bộ lãnh đạo cao cấp trong đảng, chính quyền và quân đội) bị bọn Pôn Pốt giết hại từ năm 1976 đến tháng 4-1978 được thống kê là 242 người; trong đó số người bị giết năm 1977 nhiều nhất. Điều này chứng tỏ, qua gần ba năm thiết lập chế độ độc tài phát xít, tập đoàn Pôn Pốt - lêng Xa-ry vẫn không dập tắt được sự chống đối của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là những người giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền của chúng.

Ngày 25-5-1978, quân khu 203 ở miền Đông Cam-pu-chia bị khủng bố hết sức ác liệt. Xô Phim (tức Xu-van-na), ủy viên thường vụ « Trung ương Đảng », phó chủ tịch thứ nhất, vừa là bí thư khu ủy kiêm tư lệnh quân khu, bị kết tội « phản bội », vì ông không tán thành các chủ trương, biện pháp độc đoán và hiếu chiến của Pôn Pốt - lêng Xa-ry. Chính tay Pôn Pốt đã ký quyết định ngày 24-5-1978 giết Xô Phim và ra lệnh « làm cỏ » cả miền Đông Cam-pu-chia gồm 1,5 triệu dân phần lớn là dân « loại một » (tức những người tham gia kháng chiến cũ). Nhiều nơi cả xã, cả dòng họ bị giết không sót người nào.

Lúc này, cuộc chiến tranh chống Việt-nam do bọn Pôn Pốt gây ra bị thất bại liên tiếp. Nhiều binh sĩ Cam-pu-chia không cam chịu để cho Pôn Pốt đẩy vào cõi chết trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Tinh thần phản đối trong quân đội Pôn Pốt lên cao. Nhân dân Cam-pu-chia có điều kiện thuận lợi hơn để vùng dậy phối

hợp với cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ của nhân dân Việt-nam. Ở nhiều nơi, truyền đơn của các lực lượng cách mạng chân chính Cam-pu-chia xuất hiện, kêu gọi quân đội và thanh niên đứng lên giết nhân dân mình, đừng đi đánh Việt-nam, hãy quay súng bắn vào đầu bọn phản bội Pôn Pốt - lêng Xa-ry.

Tháng 11-1978, lực lượng nổi dậy ở miền Đông Cam-pu-chia được sự giúp đỡ của nhân dân địa phương, đã tiêu diệt một căn cứ lớn của Pôn Pốt đóng ở tây bắc huyện Đạm-he (tỉnh Com-puông Chăm). Ở các huyện Cam-chor-ri-ch và Tô-năng Khơ-mun, lực lượng nổi dậy cũng đầy mạnh hoạt động dưới hình thức đấu tranh vũ trang kết hợp với tuyên truyền chính trị trong nhân dân và vận động binh lính trong quân đội Pôn Pốt. Các vụ binh biến đã nổ ra trong một số đơn vị quân đội của Pôn Pốt.

Phong trào nổi dậy nhanh chóng lan rộng ở vùng đồng bằng, tại các tỉnh: Xtung-treng, Rát-ta-na-ki-ri, Ôt-đo Miên-chay, Prết Vi-hia, Xiêm-riệp, v.v... Các căn cứ du kích được thành lập. Nhiều tên cầm quyền ác ôn ở địa phương bị trừng trị. Lính thực chính quyền tự quản của nhân dân bắt đầu xuất hiện ở một số vùng nông thôn đồng bằng. Nhiều người yêu nước chân chính trong chính quyền và quân đội của Pôn Pốt - lêng Xa-ry đã ly khai chúng, đứng vào hàng ngũ nhân dân. Một số đơn vị quân đội của Pôn Pốt chuyển thành những đơn vị của lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia.

Ngày 2-12-1978, tại một địa điểm trong vùng giải phóng, hơn 200 đại biểu các tầng lớp nhân dân ở khắp

(20) Trong số 23 sư đoàn quân của Pôn Pốt có 20 sư đoàn bị thanh trừng từ một đến hai lần. 4 sư đoàn của quân khu 203 bị thanh trừng đến xóa mất phiên hiệu. Quân số mới bổ sung, phần lớn là trẻ em chưa quá 15 tuổi.

các vùng trong nước và ở nước ngoài về, cùng với đại biểu các lực lượng nổi dậy ly khai chính quyền và quân đội Pôn Pốt - lêng Xa-ry, đã họp Đại hội thành lập *Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia*. Đại hội đã nhất trí thông qua bản tuyên bố của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia về nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng, gồm 11 điểm, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân đoàn kết đấu tranh lật đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt - lêng Xa-ry, xây dựng một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lá cờ của Mặt trận có nền đỏ, ở giữa là hình năm ngọn tháp màu vàng. Ủy ban trung ương Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia gồm 14 vị, do ông Heng Xom-rin, nguyên ủy viên ban chấp hành đảng bộ khu đông, nguyên chính ủy kiêm sư đoàn trưởng sư đoàn 4, làm Chủ tịch. Cơ quan thông tấn của Mặt trận gọi tắt là SPK và đài phát thanh *Tiếng nói nhân dân Cam-pu-chia* cũng được thành lập.

Sự ra đời của Mặt trận đã đáp ứng đúng lúc yêu cầu phát triển của sự nghiệp cách mạng Cam-pu-chia, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của nhân dân đoàn kết thống nhất thành một lực lượng đấu tranh có đường lối lãnh đạo đúng đắn, đề cứu dân tộc khỏi họa diệt chủng, cứu đất nước khỏi nguy cơ thôn tính của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận, các cuộc nổi dậy tự phát của nhân dân đã chuyển thành một phong trào đấu tranh cách mạng rộng lớn trong cả nước và liên tiếp giành thắng lợi. Chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng vũ trang cách mạng vừa được xây dựng đã nhanh chóng tăng cường sức chiến đấu, liên tục tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng.

Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đề ra Cương lĩnh chính trị mới và các biện pháp xây dựng lại Đảng.

Trong cao trào nổi dậy của toàn dân Cam-pu-chia, những đảng viên chân chính ly khai khỏi bộ máy khủng bố của Pôn Pốt đã tập hợp lại và triệu tập hội nghị đại biểu có tính chất Đại hội toàn quốc của Đảng (21). Đại hội họp trong 4 ngày vào đầu tháng 1-1979, có 66 đại biểu tham dự. Cương lĩnh chính trị mới và các biện pháp xây dựng lại Đảng đã được nhất trí thông qua. Đại hội này đánh dấu sự chuyển biến cơ bản trong việc xây dựng lại đội tiên phong cách mạng Cam-pu-chia.

Cương lĩnh chính trị của Đảng khái quát tình hình thế giới và tình hình xã hội Cam-pu-chia, vạch rõ kẻ thù nguy hiểm hiện nay của cách mạng Cam-pu-chia là tập đoàn phản động Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác. Cương lĩnh điều chỉnh lại hành động đầy tội ác của bè lũ Pôn Pốt - lêng Xa-ry trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; phân tích âm mưu, thủ đoạn cực kỳ thâm độc của bọn phản bội phá hoại Đảng. Đồng thời Cương lĩnh cũng nhận định: sau khi Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước được thành lập, tình hình cách mạng của Cam-pu-chia đã và đang phát triển rất thuận lợi.

Cương lĩnh xác định rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Cam-pu-chia, đối tượng đấu tranh của cách mạng, lực lượng và động lực cách mạng, vai trò lãnh đạo cách mạng, v.v. Cương lĩnh đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Cam-pu-chia là đánh

(21) Kể từ tháng 9-1960, sau khi Pôn Pốt chiếm đoạt quyền lãnh đạo và ra sức phá hoại Đảng, cuộc hội nghị này mới được công nhận là Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia.

đồ chế độ thống trị của bọn Pôn Pốt—lông Xa-ry, tay sai của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc, giành quyền làm chủ đất nước thật sự vào tay nhân dân, thiết lập chế độ dân chủ, xây dựng một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước Cam-pu-chia sống hòa bình và hữu nghị với các nước láng giềng anh em, có quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và với tất cả các nước khác, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội.

Đại hội đã thảo luận những chính sách cơ bản của Đảng trong tình hình mới như: xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, thành lập Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và các đoàn thể quần chúng cách mạng; xây dựng quân đội nhân dân cách mạng; khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục; đề ra chính sách dân tộc và chính sách đối ngoại....

Vấn đề xây dựng lại Đảng giữ vị trí rất quan trọng trong cương lĩnh chính trị. Cương lĩnh khẳng định: Đảng là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Cam-pu-chia. Đảng gồm những người giác ngộ nhất, gương mẫu, dũng cảm và hy sinh nhất trong giai cấp công nhân, nông dân và trí thức cách mạng, tự nguyện đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đảng coi việc xây dựng, rèn luyện để thành một đảng mác xít—lê nin nít chân chính ngày càng vững mạnh là điều có ý nghĩa quyết định nhất.

Về tư tưởng, Đảng đấu tranh không khoan nhượng chống quan điểm, lập trường dân tộc tư sản, nền tảng lý luận của bọn Pôn Pốt—lông Xa-ry; chống chủ nghĩa giáo điều và mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh về thuyết đấu tranh giai cấp chống mọi luận điệu xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ quá trình đấu tranh của Đảng và

chia rẽ nội bộ Đảng; chống mọi biểu hiện độc tài, độc đoán và cá nhân chủ nghĩa trong Đảng.

Việc gột rửa tư tưởng dân tộc hẹp hòi phi vô sản là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất trong công tác xây dựng Đảng. Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cách mạng nặng nề hiện nay, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia chú trọng tăng cường hơn bao giờ hết tinh đoàn kết chiến đấu giữa Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia với Đảng cộng sản Việt-nam, Đảng nhân dân cách mạng Lào cũng như với các đảng mác xít—lê nin nít chân chính khác, trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, cùng nhau trao đổi kinh nghiệm cách mạng và giúp đỡ nhau.

Về tổ chức, Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển. Đảng đề cao kỷ luật tự giác, bảo đảm đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái, cục bộ địa phương, kèn cựa, địa vị và chống mọi hành động độc tài, độc đoán, quan liêu, ức hiếp trong Đảng.

Ban xây dựng Đảng toàn quốc Cam-pu-chia được thành lập, xúc tiến việc xây dựng lại tổ chức của Đảng về mọi mặt. Về công tác phát triển Đảng và xây dựng hệ thống tổ chức mới, Cương lĩnh chính trị nêu rõ: phương hướng lựa chọn đảng viên và cán bộ phải nhằm vào những người ưu tú xuất thân từ giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức cách mạng, không trực tiếp có nọ máu với nhân dân. Những đảng viên cũ, nếu không phạm tội ác và tán thành Cương lĩnh mới của Đảng thì được xét và công nhận là đảng viên chính thức.

Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia thành công tốt đẹp giữa lúc thế và lực của cách mạng không ngừng lớn mạnh trong cả nước. Giờ đây, cách mạng

Cam-pu-chia đã có đội tiên phong đưa đường chỉ lối, nhanh chóng tiến lên giành thắng lợi vẻ vang.

Chiến thắng lịch sử ngày 7-1-1979 và việc thành lập nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Từ cuối tháng 12-1978 đến đầu tháng 1-1979, cách mạng Cam-pu-chia đứng trước thời cơ thuận lợi chưa từng có.

Giữa lúc quân chủ lực của bọn Pôn Pốt—lềng Xa-ry liên tiếp bị tiêu diệt nặng trong cuộc chiến tranh biên giới chống Việt-nam thì lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia cùng nhân dân, tranh thủ thời cơ địch bị suy yếu và sơ hở trong nội địa, đã nổi dậy và tiến công mạnh mẽ vào các căn cứ của chúng làm cho chúng phải đối phó bị động, lúng túng. Ngày 27-12, ba sư đoàn mạnh nhất còn lại của Pôn Pốt—lềng Xa-ry sau bốn ngày liên lĩnh thọc sâu vào lãnh thổ Việt-nam (với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây-ninh) đã bị tiêu diệt gần hết ở khu vực Bến-sỏi. Các sư đoàn khác xâm nhập tuyến biên giới từ Hà-tiên đến Phlây-cu cũng bị đánh trả mạnh mẽ, phần lớn bị tiêu diệt và tan rã tại chỗ. Cuộc tiến công quy mô lớn của Pôn Pốt—lềng Xa-ry, có bản tay đạo diễn của Trung-quốc, vào biên giới phía tây nam của Việt-nam đã bị đập tan. Thừa thắng, quân đội Việt-nam phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia, xốc tới, truy quét bại binh địch, gây thêm cho chúng nhiều tổn thất nặng nề. Khí thế tiến công và nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia bốc cao trên khắp đất nước.

Kịp thời chớp thời cơ ngàn năm có một đó, Bộ chỉ huy quân sự cách mạng của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia ra lệnh mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt.

Mở màn thắng lợi, ngày 30-12-1978 lực lượng vũ trang cách mạng Cam-

pu-chia cùng nhân dân địa phương đã tiến công và nổi dậy giải phóng thị xã Lom-phát (tỉnh Rát-ta-na-ki-ri) và thị xã Cro-chi-ê; diệt và bắt sống hàng trăm tên địch; bắn rơi 3 máy bay T28 của Pôn Pốt đến ứng cứu đồng bọn.

Ngày 31-12 thị trấn Vưon-xai (tỉnh Xtung-treng) và Tòn-lê-bét (tỉnh Cam-puông Châm) cũng lọt vào tay quân cách mạng.

Đến ngày 1-1-1979, vùng giải phóng miền Đông Bắc mở rộng đến sát bờ sông Mê-công, và ngày 4-1-1979 các lực lượng cách mạng Cam-pu-chia hoàn toàn làm chủ hai thị xã Xtung-treng và Xvây-riêng.

Ngày 5-1, thị trấn Niềc-lương, cửa ngõ quan trọng của thủ đô Phnôm Pênh nằm trên đường số 1 cùng với tỉnh Prây-veng được giải phóng.

Ngày 6-1, thành phố Com-puông Châm sạch bóng quân địch chúng.

Các cuộc tiến công ào ạt của các lực lượng vũ trang cách mạng tiếp tục phát triển, làm chấn động cả các tỉnh phía bắc Cam-pu-chia. Tuyến phòng thủ vòng ngoài của Phnôm Pênh bị đập tan. Sân bay Pò-chen-tông bị uy hiếp. Vì các sư đoàn quân chủ lực tinh nhuệ của Pôn Pốt đã bị tiêu diệt ở Tây-ninh trong cuộc tiến công xâm lược Việt-nam, bọn Pôn Pốt không còn lực lượng để giữ Phnôm Pênh. Chúng vội vã bỏ thủ đô Phnôm Pênh, hốt hoảng tháo chạy cùng bọn cố vấn Trung-quốc, lánh sang đất Thái-lan.

Quân đội cách mạng phối hợp với nhân dân, từ các hướng tiến vào thủ đô, 12 giờ 30 phút trưa ngày 7-1-1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng hoàn toàn. Trên nóc các dinh thự, đền đài của thủ đô phấp phới tung bay lá cờ đỏ thắm mang hình năm ngọn tháp vàng của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia.

Cũng trong ngày 7-1, thành phố Cảng Com-puông Xôm và thị xã Ta-keo

được giải phóng. Từ ngày 9 đến ngày 12-1 các thị xã Cam-pốt, Com-puông Thom, Xiêm-riệp, Com-puông Chơ-năng và thành phố Bát-dom-boong lần lượt được giải phóng. Tàn quân Pôn Pốt trong mấy thị xã còn lại như Nam-rông, Puốc-xát, Cồ Công, cuối cùng cũng bị quét sạch trong mấy ngày từ 14 đến 17-1. Chế độ thống trị độc tài, quân phiệt của bè lũ Pôn Pốt — lèng Xa-ry được tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc nuôi dưỡng trên đất nước Cam-pu-chia trong gần 1 năm, đã bị quét nhào. Cuộc nổi dậy để cứu nước và tự cứu mình của nhân dân Cam-pu-chia đã hoàn toàn thắng lợi. Phối hợp với nhân dân Việt-nam anh em chiến đấu chống kẻ thù chung, nhân dân Cam-pu-chia đã anh dũng vùng lên thoát khỏi vực thẳm của họa diệt chủng.

Ngày 8-1-1979, Thông tấn xã SPK thông báo trước toàn thế giới: *Nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ra đời. Hội đồng nhân dân cách mạng*, người đại diện chân chính và hợp pháp duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia do đồng chí Heng Xom-rin làm Chủ tịch, đã được thành lập, đang quản lý toàn bộ đất nước, lãnh đạo nhân dân thực hiện Cương lĩnh sáng ngời chính nghĩa của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia. Đó là sự kiện lịch sử trọng đại trong đời sống chính trị của nhân dân Cam-pu-chia.

Tuyên ngôn ngày 10-1-1979 của Hội đồng nhân dân cách mạng nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia nhấn mạnh: "Nhân dân Cam-pu-chia đã phải trả giá bằng biết bao sinh mạng

của những người con ưu tú của dân tộc để giành độc lập, tự do, và ngày nay thật sự đã trở thành người chủ chân chính của đất nước. Bằng mọi giá, toàn dân Cam-pu-chia quyết bảo vệ những thành quả cách mạng của mình và ra sức xây dựng lại đất nước bị bọn Pôn Pốt — lèng Xa-ry tàn phá ».

Thắng lợi lịch sử ngày 7-1-1979 đã mở ra một kỷ nguyên mới trên đất nước Cam-pu-chia, kỷ nguyên độc lập, tự do thật sự, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó đồng thời cũng là thắng lợi chung của nhân dân ba nước Đông-dương, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa ba nước Cam-pu-chia — Việt-nam — Lào cũng như với các nước khác ở Đông Nam châu Á, góp phần tích cực vào việc gìn giữ hòa bình và ổn định ở khu vực này và trên thế giới.

Thắng lợi ngày 7-1-1979 đã dập tắt ý đồ nham hiểm của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh dùng bọn tay sai hiếu chiến Cam-pu-chia phá hoại cách mạng Việt-nam. Âm mưu của bọn phản động Trung-quốc thôn tính Cam-pu-chia, dùng Cam-pu-chia làm bàn đạp thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn trên toàn Đông-dương đã bị thất bại nhục nhã.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và Hội đồng nhân dân cách mạng, nhân dân Cam-pu-chia không ngừng vươn lên mạnh mẽ, giành nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

IV

ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA ĐOÀN KẾT BẢO VỆ ĐỘC LẬP, XÂY DỰNG LẠI TÒ QUỐC, TỪNG BƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đấu tranh xây dựng lại đất nước, giữ vững và củng cố chính quyền.

Sau khi bọn Pôn Pốt — lèng Xa-ry bị đánh đổ, nhân dân Cam-pu-chia

khẩn trương thực hiện những nhiệm vụ trước mắt do Hội đồng nhân dân cách mạng đề ra. Vấn đề được đặt lên hàng đầu là kiên quyết đập tan mọi mưu toan của kẻ thù hòng phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân; tiếp tục truy quét bọn phản động ngoan cố chống chính quyền cách mạng.

Tuy chế độ diệt chủng đã bị sụp đổ, nhưng bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, vẫn cố gắng nuôi dưỡng và tiếp tay cho bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry, hòng duy trì bọn này để tiếp tục chống phá cách mạng Cam-pu-chia. Bọn phản động dần số ra sức thu thập tàn quân, gom góp vũ khí, lương thực, dồn ép hàng chục vạn dân vào vùng rừng núi hiểm trở giáp Thái-lan lập căn cứ, hòng chiếm lại vai địa bàn quan trọng, thực hiện «chiến tranh du kích» lâu dài. Trong bước đường cùng, chúng vẫn tiếp tục gây nhiều tội ác, giết hại hoặc bỏ chết đói, chết bệnh hàng nghìn dân trong rừng sâu.

Được nhân dân ủng hộ và được quân tình nguyện Việt-nam giúp sức, lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia trong sáu tháng đầu năm 1979 đã dồn dập tiến công và tiêu diệt tất cả các sào huyệt của địch (22), loại khỏi vòng chiến đấu 42.000 tên, thu nhiều vũ khí mang nhãn hiệu Trung-quốc. Ngoài ra, hàng vạn tấn thóc, hàng trăm tấn muối địch cướp của dân cũng được thu hồi để phân phát cho số người bị đói vừa thoát khỏi tay địch.

Lực lượng quân sự của bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry bị đánh tan tác, trở thành những toán thổ phỉ nhỏ, sống dựa vào sự tiếp tế của bọn phản động quốc tế và lương thực cướp được của dân. Chúng phối hợp với các nhóm phản động bán nước khác, lên lút hoạt động ở vùng rừng núi hẻo lánh và vùng biên giới phía tây Cam-

pu-chia, phá rối cuộc sống lao động hòa bình của nhân dân. Nhưng ở khắp nơi, nhân dân đã nhanh chóng tổ chức lực lượng du kích, lùng bắt bọn tàn quân địch, đồng thời giáo dục và thuyết phục binh lính địch trở về với cách mạng, phá các kho tàng giấu cất lương thực và vũ khí của địch.

Để xây dựng lại đất nước, Đảng và Chính phủ Cam-pu-chia đã phải đương đầu với những khó khăn chưa từng có trong lịch sử: nhanh chóng giải quyết đời sống của 4 triệu dân, đưa nhân dân ra khỏi tình trạng cùng cực — hậu quả hết sức nặng nề của chế độ diệt chủng (23).

Có thể nói công cuộc xây dựng lại đất nước Cam-pu-chia bắt đầu từ con số không. Nhưng chỉ trong thời gian không lâu, từ chết chóc, đổ nát và hoang tàn, nhân dân Cam-pu-chia với sức sống phi thường đã vươn lên mạnh mẽ và hồi sinh nhanh chóng.

Khắp nước sôi nổi diễn ra phong trào nhân dân trở về quê cũ sau bao năm phải lìa bỏ xóm làng sống đầy đau trong các trại tập trung. Ra sức khắc phục mọi khó khăn, nhân dân bắt tay vào lao động, khôi phục nền kinh tế bị tàn phá nặng nề. Chính quyền các cấp kịp thời giúp dân lương thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men, công cụ sản xuất và đồ

(22) Cái gọi là «Bộ tổng tham mưu» của địch ở Am-leng (Com-puông Xpu), căn cứ chỉ huy đầu não của Pôn Pốt — lêng Xa-ry ở Tà-xanh (Bát-dam-boong) bị đánh tan; sở chỉ huy quân khu tây ở vùng núi tỉnh Ta-keo và tỉnh Cam-pốt bị phá vỡ; lực lượng hải quân của địch lần trốn trong sông ngòi ở tỉnh Cô Công bị tiêu diệt; hàng ở lớn cuối cùng của địch ở khu vực Lếch. Cro-vanh (Puốt-xát) cũng bị đập tan.

Tàn quân địch lần trốn trong vùng rừng núi phía bắc và đông bắc bị truy lùng ráo riết phải lần lượt ra hàng.

(23) Trước khi bị đánh bại, bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã ra lệnh cướp phá toàn bộ các kho lương thực, phá hủy các cơ sở kinh tế, phương tiện giao thông vận tải, giết hại trâu bò, nhiều nhất là ở các tỉnh giáp biên giới Việt-nam và tỉnh Bát-dam-boong ở biên giới phía tây.

dùng gia đình để bước đầu ổn định đời sống. Hàng nghìn tấn thóc giồng của nhân dân Việt-nam gửi tặng cũng đến đúng lúc, giúp nhân dân Cam-pu-chia sớm khôi phục sản xuất nông nghiệp.

Các tổ đoàn kết sản xuất do nhân dân tự nguyện thành lập, giúp nhau xây lại nhà ở, điều hòa lương thực, hạt giống, nông cụ, sức kéo, v.v. Nhờ lao động cần cù, họ đã dần dần biến các vùng đất hoang thành đồng lúa, rẫy màu. Màu xanh của rau, quả đã sớm trở về trên mảnh vườn của mỗi gia đình. Nạn đói bị đẩy lùi từng bước.

Sau bao năm ly tán, gia đình, làng mạc lại sum họp; chợ búa lại nhóm họp đông vui. Mạng lưới giao thông vận tải với nhiều tuyến đường bộ, đường thủy và đường sắt hoạt động trở lại. Các cơ sở công nghiệp: điện, nước, dệt, in, v.v. bắt đầu vang lên tiếng máy. Ngành bưu điện trước đây bị xóa bỏ hoàn toàn, nay được khôi phục ở nhiều địa phương.

Nhiều bệnh viện tỉnh và thành phố được sửa chữa, kịp đón nhận và giành lại cuộc sống cho biết bao người từng bị đầy đọa, ốm đau, thương tật. Các trạm y tế, nhà hộ sinh và các đội y tế lưu động được thành lập ở khắp các huyện, xã để chăm sóc sức khỏe cho dân. Nhiều mái trường mới đã mọc lên ngày ngày vang vui tiếng trẻ. Ở một số địa phương, trường học cho học sinh các dân tộc thiểu số và trường nội trú cho trẻ em mồ côi cũng được xây dựng.

Đời sống văn hóa được khôi phục. Tin ngưỡng được tôn trọng. Phong trào nghệ thuật quần chúng và những phong tục, truyền thống tốt đẹp được phát huy. Khắp xóm làng, tiếng hát, điệu múa rộn ràng vang lên trong nhiều lứa tuổi.

Chỉ trong vòng một năm, nhân dân Cam-pu-chia đã đạt được nhiều thành tích trong hàn gắn vết thương chiến

tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định đời sống.

Từ đồng tro tàn của họa diệt chủng, đất nước Cam-pu-chia đã và đang hồi sinh một cách diệu kỳ. Hệ thống chính quyền cách mạng các cấp từ trung ương đến cơ sở ngày càng được củng cố và phát huy hiệu lực của mình. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, công đoàn v.v. được xây dựng và phát triển ở các địa phương, trong các cơ quan, xí nghiệp. Hoạt động của các ban, ngành ở các cấp dần dần đi vào nề nếp.

Nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia trẻ tuổi với chính sách đối ngoại độc lập, hòa bình, hữu nghị và không liên kết đã mở rộng hoạt động và thiết lập quan hệ hữu nghị với nhiều nước trên thế giới. Vị trí và uy tín quốc tế của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia không ngừng được nâng cao (24).

Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác Việt-nam — Cam-pu-chia ký ngày 18-2-1979 tại Phnôm Pênh đánh dấu bước phát triển đặc biệt quan trọng của tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác hữu nghị giữa hai nước. "Hiệp ước đó là nhân tố quan trọng bảo đảm sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, làm thất bại mọi âm mưu và hành động can thiệp và xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, bọn đế quốc và các thế lực phản động khác" (25).

Qua cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

(24) Đến cuối năm 1979, hơn 30 nước và phong trào dân tộc trên thế giới đã công nhận Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Nhiều nước đại quan hệ ngoại giao và mở đại sứ quán tại Phnôm Pênh. Hàng trăm đoàn đại biểu các nước và các tổ chức quốc tế đã tới thăm Cam-pu-chia.

(25) Tuyên bố chung nhân cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam của Đoàn đại biểu nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ngày 25-8-1979.

Việt-nam của Đoàn đại biểu nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia do Chủ tịch Heng Xom-rin dẫn đầu ngày 25-8-1979, hai bên đã khẳng định: sự có mặt của quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước, phù hợp với những nguyên tắc của phong trào không liên kết và của Hiến chương Liên hợp quốc. Khi bọn bành trướng Bắc-kinh và các thế lực đế quốc và phản động không đe dọa độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và cuộc sống yên lành của nhân dân Cam-pu-chia nữa, thì với sự thỏa thuận của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt-nam sẽ rút về nước.

Ngày 22-3-1979, Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia được ký kết tại thủ đô Phnôm Pênh, đánh dấu một bước phát triển hết sức quan trọng trong lịch sử quan hệ giữa hai nước.

Rõ ràng, "tình đoàn kết chiến đấu và sự ủng hộ lẫn nhau trên cơ sở độc lập, tự chủ của mỗi nước giữa nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Việt-nam được xây đắp trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản là một truyền thống tốt đẹp, là nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi cách mạng của mỗi nước Lào, Cam-pu-chia và Việt-nam" (26).

Tháng 8-1979, Tòa án nhân dân cách mạng Cam-pu-chia họp tại Phnôm Pênh trong năm ngày (từ 15 đến 19-8-1979) đã xét xử tội trạng của bọn phản bội Pôn Pốt - lêng Xa-ry, thủ phạm cuộc diệt chủng, đồng thời vạch mặt chỉ tên kẻ chủ mưu tội ác là bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc. Quyết định của Tòa án xử tử hình hai tên tội phạm ghê tởm đó là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Cam-pu-chia và dư luận công bằng

nhân đạo trên thế giới. Đó cũng là biểu hiện sự vững mạnh của chế độ mới ở Cam-pu-chia.

Những thắng lợi to lớn và toàn diện nói trên chứng minh hùng hồn rằng tình hình Cam-pu-chia là không thể đảo ngược, vận mệnh của Cam-pu-chia hoàn toàn do nhân dân Cam-pu-chia quyết định. Thắng lợi đó tạo thêm thuận lợi mới để toàn dân Cam-pu-chia tiếp tục vươn lên mạnh mẽ vì sự nghiệp bảo vệ và xây dựng lại đất nước.

Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia ngày càng được các lực lượng dân tộc, dân chủ, yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới đồng tình và ủng hộ. Ngày 20-5-1980, Hội đồng quốc tế đoàn kết với nhân dân Cam-pu-chia được tổ chức theo sáng kiến của Hội đồng hòa bình thế giới, đã họp tại thủ đô Phnôm Pênh. Hơn 80 đại biểu thuộc các tổ chức quốc tế và các nước đã nhất trí kêu gọi thế giới "Hãy dành cho nhân dân Cam-pu-chia sự giúp đỡ cao nhất về tinh thần và vật chất: hãy sớm công nhận Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia; hãy đuổi cổ ngay bọn diệt chủng Pôn Pốt - lêng Xa-ry ra khỏi Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác; hãy khôi phục địa vị chính đáng của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia tại các tổ chức này".

Năm 1981 cũng đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Ngày 1-6-1981, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đã được tiến hành. 97,82% cử tri của 20 tỉnh và thành phố nô nức đi bỏ phiếu ở 8.000 khu vực, bầu 117 đại biểu Quốc hội (27) (trong số 118 người

(26) Tuyên bố chung giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ngày 22-3-1979.

(27) Trong đó có 96 nam và 21 nữ đại diện cho mọi tầng lớp xã hội, dân tộc và tôn giáo.

(ứng cử). Với sự quan sát tại chỗ của nhiều đại biểu quốc tế, cuộc bầu cử đã diễn ra trong trật tự, an ninh, bảo đảm nguyên tắc tự do, dân chủ, phổ thông và bỏ phiếu kín.

Cũng như trong các cuộc sinh hoạt chính trị khác của nhân dân (như: thảo luận dự thảo Hiến pháp, bầu cử Ủy ban nhân dân xã và khu phố...), cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chứng tỏ sự tin tưởng mạnh mẽ, vững chắc của nhân dân Cam-pu-chia đối với chế độ mới, đối với Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, đồng thời chứng tỏ trước thế giới rằng, chính nhân dân Cam-pu-chia là người chủ thật sự của đất nước Cam-pu-chia.

Cũng trong những ngày đầu tháng 5 năm 1981, *Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Cam-pu-chia*, do Tổ chức đoàn kết nhân dân Á - Phi triệu tập, đã họp tại Phnôm Pênh.

Hội nghị đã lên án tội ác diệt chủng đã man rợ chưa từng có trong lịch sử của bè lũ Pôn Pốt - Iêng Xa-ry - Khiêu Nam-phon, đánh giá cao sự giúp đỡ toàn diện, vô tư của Việt-nam đối với Cam-pu-chia; kêu gọi tất cả các chính phủ và nhân dân thế giới ủng hộ và giúp đỡ nhiều mặt cho nhân dân Cam-pu-chia trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị cũng vạch mặt kẻ thù của nhân dân Cam-pu-chia là bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác can thiệp và phá hoại Cam-pu-chia, gây tình hình càng thẳng và không ổn định ở Đông-dương và Đông Nam-châu Á. Đồng thời Hội nghị cũng lên án việc triệu tập cái gọi là "Hội nghị quốc tế về Cam-pu-chia" coi đó là âm mưu can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Tháng 6-1981, Quốc hội Cam-pu-chia khóa I đã họp kỳ thứ nhất, thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, Bản Hiến pháp dân

chủ, tiến bộ đầu tiên này nêu rõ mục tiêu xây dựng một nước Cam-pu-chia độc lập, hòa bình, tự do, dân chủ không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chính phủ mới do Quốc hội bầu ra là người đại diện hợp pháp chân chính duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia. Cũng trong thời gian này, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia đổi tên là Mặt trận đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Cam-pu-chia.

Đại hội thứ IV của Đảng (5-1981) và nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Cam-pu-chia trong giai đoạn mới.

Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia tiến hành từ ngày 26 đến ngày 29-5-1981 tại Phnôm Pênh, gồm 162 đại biểu của các đảng bộ hai thành phố Phnôm Pênh và Com-pông Xom và 18 tỉnh trong cả nước (trong đó có 8 đại biểu nữ, 16 đại biểu thuộc các dân tộc thiểu số, 34 đại biểu các lực lượng vũ trang cách mạng).

11 đoàn đại biểu của các đảng anh em đã đến dự Đại hội.

Đại hội đã đề ra đường lối chính trị, mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng trước mắt của nhân dân Cam-pu-chia trong tình hình mới; củng cố sự lãnh đạo của Đảng; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong và ngoài Đảng; tăng cường đoàn kết quốc tế; động viên nhân dân thực hiện nghị quyết do Đại hội đề ra; bầu Ban chấp hành trung ương mới đề lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu cách mạng, bảo vệ độc lập dân tộc, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Cam-pu-chia thành nước độc lập, hòa bình, tự do và thịnh vượng.

Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội nêu rõ quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ giành độc lập, tự do của nhân dân Cam-pu-chia; cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng lại đất

nước trong hai năm qua của nhân dân Cam-pu-chia sau khi chế độ diệt chủng bị đánh đổ; công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhiệm vụ và phương hướng trước mắt của cách mạng Cam-pu-chia; nhiệm vụ xây dựng đảng mác xít — lê nin nit chân chính.

Báo cáo về công tác Đảng nêu lên sự trưởng thành và thành tích to lớn của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia trong quá trình đấu tranh cách mạng, đề ra nhiệm vụ phát triển và củng cố Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Cam-pu-chia tiếp tục giành thắng lợi mới.

Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia gồm bốn phần.

1) Thắng lợi lịch sử ngày 7-1-1979 là thắng lợi của đoàn kết dân tộc kết hợp với đoàn kết quốc tế.

2) Nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện nay.

3) Chính sách đối ngoại.

4) Nhiệm vụ xây dựng đảng Mácxít — Lê-nin vững mạnh.

Nghị quyết vạch rõ nhiệm vụ hiện nay của cách mạng Cam-pu-chia là: *bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, xây dựng Tổ quốc từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.*

Đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay gồm mấy vấn đề cơ bản:

— *Giương cao ngọn cờ yên nước và yên dân của đoàn kết quốc tế vô sản.*

— *Bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ hàng đầu, rất thiêng liêng của toàn dân.*

— *Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.*

— *Đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của nhân dân để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.*

Về đường lối đối ngoại, Nghị quyết nêu rõ: Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia là một nước độc lập, có chủ quyền. Cam-pu-chia ở trong đại gia đình các nước xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường đoàn kết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mácxít — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Cam-pu-chia mãi mãi tăng cường tình hữu nghị anh em và tình đoàn kết chiến đấu với Việt-nam và Lào, coi đó là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu về mặt đối ngoại trước mắt cũng như lâu dài của Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia.

Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh: *Xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay là nhiệm vụ chiến lược cấp bách hàng đầu của cách mạng Cam-pu-chia.*

Nghị quyết vạch rõ: « Đảng lấy tư tưởng của giai cấp công nhân, tức chủ nghĩa Mácxít — Lê-nin làm cơ sở tư tưởng của mình (...) Đảng đặt lên hàng đầu nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mácxít — Lê-nin và đường lối của Đảng trong nhân dân, trước hết là trong đảng viên và cán bộ. Phải kiên quyết xóa bỏ những ảnh hưởng của chủ nghĩa Mao mà hiện thân của nó ở Cam-pu-chia là chủ nghĩa xã hội giả hiện và chủ nghĩa dân tộc cực đoan phản động của Pôn Pốt. »

« Đảng luôn luôn kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yên nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, giữ cao ngọn cờ yên nước và đoàn kết quốc tế, đoàn kết Cam-pu-chia — Việt-nam, đoàn kết ba nước Đông-dương, đoàn kết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và phong trào cách mạng thế giới; kiên quyết loại trừ những nọc

độc của chủ nghĩa dân tộc cực đoan
phân động của Pôn Pốt và khắc phục
những tàn dư tư tưởng không vô sản
khác ».

Đại hội cũng nhấn mạnh việc xây
dựng Đảng phải gắn chặt với phong
trào cách mạng của quần chúng;
không ngừng thắt chặt mối liên hệ
ruột thịt giữa Đảng với nhân dân.
Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh
đạo tốt vừa là người hết lòng phục
vụ nhân dân; chống tệ quan liêu, ức
hiếp quần chúng, xâm phạm quyền
dân chủ của dân. Phải chăm lo củng
cố khối đoàn kết thống nhất của Đảng
về chính trị, tư tưởng và tổ chức;
kiên quyết chống mọi tư tưởng và
hành động chia rẽ, bè phái trong Đảng.

Đại hội đã thông qua Điều lệ (sửa
đổi) của Đảng; bầu Ban chấp hành
trung ương mới gồm 21 ủy viên.

Ban chấp hành trung ương Đảng
khóa IV đã bầu Bộ chính trị gồm
8 ủy viên và Ban bí thư gồm 7 ủy
viên.

Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân
cách mạng Cam-pu-chia có ý nghĩa
hết sức trọng đại, đánh dấu bước
ngột liệt sử của cách mạng Cam-
pu-chia. Sau bao năm đấu tranh gian
khô và oanh liệt, cách mạng Cam-pu-
chia đã trải qua nhiều thử thách và
đã giành được thắng lợi vẻ vang.
Đại hội lần này của Đảng là Đại hội
thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp giải
phóng dân tộc của nhân dân Cam-pu-
chia.

Đại hội đã nêu bật ý nghĩa rất
quan trọng của việc củng cố tổ chức,
nâng cao chất lượng cán bộ, đảng
viên. Đại hội nhắc nhở mỗi đảng
viên, cán bộ lãnh đạo — vốn quý của
dân tộc — phải luôn luôn phấn đấu,
tự luyện bản thân, mãi mãi trung
thành với sự nghiệp cách mạng, kiên
quyết với kẻ thù, dân chủ và khiêm
tôn với nhân dân, sống trong sáng và
giản dị, đoàn kết và ra sức học tập,
công tác để không ngừng tiến bộ.

Thắng lợi của Đại hội góp phần
quan trọng vào thắng lợi của khối
liên minh ba nước Cam-pu-chia —
Việt-nam—Lào anh em, vào thắng lợi
chung của các nước xã hội chủ nghĩa,
của phong trào giải phóng dân tộc
và các nước độc lập dân tộc. Thắng
lợi của Đại hội cũng là một thất bại
của chủ nghĩa bành trướng đại dân
tộc, bá quyền nước lớn Trung-quốc
câu kết với đế quốc Mỹ và các thế
lực phân động quốc tế khác.

Sự có mặt đầy tình nghĩa của các
đoàn đại biểu các đảng anh em tại
Đại hội này đã góp phần nâng cao vị
trí quốc tế của Đảng nhân dân cách
mạng Cam-pu-chia.

**Cách mạng Cam-pu-chia ôn
định và vững bước tiến lên.**

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và
sáng suốt của Đảng nhân dân cách
mạng Cam-pu-chia, nhân dân Cam-
pu-chia vững vàng trước mọi thử
thách, đã đem hết tài năng và trí tuệ
ra sức lao động sáng tạo và chiến
đấu dũng cảm, giành được nhiều
thành tựu to lớn, rất đáng tự hào.

Chính quyền nhân dân được xây
dựng khắp đất nước Cam-pu-chia.
Các lực lượng vũ trang cách mạng
Cam-pu-chia trưởng thành và phát
triển nhanh chóng cả về số lượng và
chất lượng, thực hiện tốt nhiệm vụ
truy quét tàn quân Pôn Pốt và các
bọn thổ phi Khơ-me khác, bảo vệ
vững chắc các thành quả cách mạng
và cuộc sống lao động hòa bình của
nhân dân.

Sự nỗ lực của nhân dân Cam-pu-
chia được thể hiện nổi bật trên mặt
trận kinh tế. Với sự cố gắng phi
thường, nhân dân đã chặn đứng được
nạn đói. Nhờ lao động cần cù, họ đã
dần dần biến các vùng đất bị bỏ
hoang hóa dưới thời Pôn Pốt thành
đồng ruộng. Diện tích canh tác từ 80
vạn héc ta năm 1979 đã tăng lên đến
1,5 triệu héc ta năm 1980 và 1,6 triệu
héc ta năm 1982. Tổng diện tích gieo

trồng đạt 1,86 triệu héc ta trong năm 1982, tăng 10% so với năm 1981 (28).

Từ năm 1980 trở đi, mức thu hoạch lương thực đạt trên 1,5 triệu tấn. Năm 1982, kế hoạch sản xuất nông nghiệp và thu mua lương thực được thực hiện vượt mức.

Ngành chăn nuôi cũng phát triển. Trước giải phóng, đàn trâu bò chỉ có 70 vạn con, nay lên gần 1,5 triệu. Đàn lợn cũng tăng 20% so với năm 1981.

Sản lượng cá đánh bắt được cũng ngày càng tăng: năm 1979 — 1980: hơn 2 vạn tấn; năm 1980 — 1981: 5 vạn tấn; năm 1981 — 1982: 7,2 vạn tấn (29).

Chỉ trong thời gian ngắn (1979 — 1980), 95.000 tổ đoàn kết sản xuất đã được thành lập, thu hút 90% nông dân tham gia. Bà con đã tìm ra nhiều hình thức hợp tác, tương trợ sinh động và khuyến khích lao động.

Nhân dân đã khôi phục hàng nghìn ki lô mét kênh, mương, hàng trăm đê, đập; tu bổ một số hệ thống công trình thủy lợi lớn (30).

Công nghiệp hầu như bắt đầu từ con số không, đến nay đã có 71 cơ sở hoạt động, trong đó có 57 nhà máy. Ngành thủ công nghiệp đã có 1500 cơ sở với 5000 thợ thủ công. Các tuyến đường bộ, đường sắt và đường thủy đã được sửa chữa và hoạt động trở lại bảo đảm yêu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa. Cảng biển Cam-pu-chia và cảng sông Phnôm Pênh đã được khai thông. Các đường bay quốc tế đến một số nước anh em đã được thiết lập. Ngành bưu điện được khôi phục, bảo đảm thông tin liên lạc ở trong nước và với nước ngoài. Thương nghiệp được thành lập, phục vụ có hiệu quả đời sống nhân dân. Đồng riền được phát hành hồi tháng 3-1980 vẫn giữ được giá trị và có ý nghĩa to lớn trong sự khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, y tế, nhân dân Cam-pu-chia cũng đạt được nhiều thành tựu.

Dưới chế độ mới, nền văn hóa và nghệ thuật dân tộc được phát huy. Ba đoàn nghệ thuật quốc gia, 18 đội văn nghệ tỉnh được thành lập, phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Các ngành thông tin, báo chí, đài phát thanh, xuất bản,... cũng như các hoạt động nghệ thuật, điện ảnh, đều được đẩy mạnh. Những công trình lịch sử, trong đó có khu đền Ang-co cổ kính, các tác phẩm nghệ thuật lâu đời,... được Nhà nước quan tâm gìn giữ.

Hệ thống giáo dục được xây dựng rộng khắp đến tận thôn xã. Năm học đầu tiên (1979 — 1980), chính quyền cách mạng đã mở 2417 trường cấp I với 13733 giáo viên và 760.000 học sinh. Năm học 1982 — 1983, đã có hơn 3200 trường học; cả nước có hơn 1,6 triệu học sinh từ mẫu giáo đến đại học (31). Đội ngũ giáo viên phát triển đến trên 6 vạn người, chất lượng dạy và học được nâng cao. Tổng số người thoát nạn mù chữ từ sau ngày giải phóng là trên 1 triệu người.

Mạng lưới y tế phát triển nhanh chóng với 25 bệnh viện; riêng ở Phnôm Pênh có 8 bệnh viện, 100% số xã đã có trạm y tế. Ngành y tế xây

(28) Năm 1981 là năm bị thiên tai lớn, nhưng đất canh tác vẫn giữ được 1,47 triệu héc ta và tổng thu hoạch là 1,6 triệu tấn lương thực.

(29) Dưới thời Pôn Pốt, năm đánh bắt cá được nhiều nhất cũng chỉ đạt từ 1,5 vạn đến 3 vạn tấn.

(30) Ví dụ: hệ thống thủy lợi tại Kra-xanh Chơ-nít ở Cam-pu-chia trên một vùng rộng 25.000 héc ta.

(31) Hiện nay, Cam-pu-chia đã mở cửa lại Trường đại học sư phạm, Trường đại học y được, Viện kỹ thuật cao đẳng Cam-pu-chia — Liền-xô; xây dựng thêm trường đào tạo công nhân kỹ thuật và hàng chục trường chuyên nghiệp của các ngành. Riêng Trường đại học y được Phnôm Pênh từ ngụy mở lại (1979) đến nay đã đào tạo được 114 bác sĩ y khoa và 141 bác sĩ được khoa.

đựng được một đội ngũ cán bộ, nhân viên gồm 11 000 người (trong đó có 160 bác sĩ và dược sĩ). Nhân dân được khám và chữa bệnh không mất tiền.

Rõ ràng, hệ thống chính quyền cách mạng từ trung ương đến cơ sở đã và đang điều hành và quản lý toàn bộ công việc của đất nước có hiệu quả.

Về mặt đối ngoại, những sáng kiến hòa bình rất quan trọng do ba nước Cam-pu-chia, Lào và Việt-nam cùng đưa ra trong thời gian qua được sự đồng tình và ủng hộ của dư luận rộng rãi ở Đông Nam châu Á và trên thế giới. Mỗi quan hệ đoàn kết chiến đấu và hợp tác giữa ba nước anh em trên bán đảo Đông-dương ngày càng phát triển và bền vững. Quan hệ hữu nghị giữa Cam-pu-chia và Liên-xô cũng như giữa Cam-pu-chia và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngày càng được tăng cường.

Nhưng cách mạng Cam-pu-chia càng phát triển thì các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh càng cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác điên cuồng chống phá Cam-pu-chia. Chúng tiến hành một cuộc «thập tự chinh» phản cách mạng chống ba nước Đông-dương, nặn ra cái gọi là «chính phủ liên hợp Cam-pu-chia dân chủ» do con rối Xi-ha-núc đại diện, hòng che giấu bộ mặt ghê tởm của bè lũ diệt chủng Pôn Pốt — Iêng xa-ry — Khiêu Năm-phon; tích cực viện trợ kinh tế, quân sự cho bọn tàn quân «Khơ-me đỏ» và các bọn thổ phỉ Khơ-me lưu vong khác chống lại công cuộc xây dựng đất nước Cam-pu-chia. Chúng không từ một thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt nào để ngăn trở nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia trong việc thực hiện quyền đại diện hợp pháp của mình ở Liên hợp quốc.

Nhưng, những âm mưu và thủ đoạn xấu xa của chúng không tránh

khỏi thất bại. Trong khi cách mạng Cam-pu-chia không ngừng tiến lên thì bọn phản động thù địch với Cam-pu-chia tiếp tục suy yếu, lực lượng đi đến tan rã.

Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia được toàn dân Cam-pu-chia háng háng biến thành hành động thực tế và đã đạt được những thành quả hết sức tốt đẹp. Thắng lợi của cách mạng Cam-pu-chia càng củng cố thể trận cách mạng trên bán đảo Đông-dương, càng làm cho quan hệ đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia ngày càng bền chặt. Như đồng chí Tổng bí thư Heng Xom-rin đã từng nhấn mạnh:

« Đối với toàn Đảng và toàn dân chúng tôi, hai chữ «Việt-nam» rất thiêng liêng: Việt-nam là chủ nghĩa anh hùng cách mạng; Việt-nam đồng nghĩa với chủ nghĩa quốc tế vô sản; Việt-nam là tâm hồn trong sáng, là tình nghĩa thủy chung, là đoàn kết gắn bó, là hy sinh cao cả. Công ơn này sẽ mãi mãi khắc sâu trong trái tim của mỗi người dân Cam-pu-chia yêu nước đời này cũng như muôn đời con cháu mai sau ».

« Toàn Đảng, toàn dân Cam-pu-chia nguyện gìn giữ mối tình đoàn kết hữu nghị gắn bó và hợp tác toàn diện với nhân dân Việt-nam anh em như giữ gìn con người của mắt mình và luôn luôn nâng cao cảnh giác, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chia rẽ ba nước Đông-dương, chia rẽ Cam-pu-chia với Việt-nam, với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác » (32).

Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-

(32) Trích lời chào mừng của đồng chí Heng Xom-rin, Trưởng đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia tại Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam (ngày 28-3-1982).

chia cũng ghi rõ: « Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Việt-nam, Lào là tư tưởng chiến lược của Đảng, là yêu cầu tất yếu khách quan của lịch sử, là vấn đề quyết định vận mệnh tương lai của Cam-pu-chia, là tinh cảm cách mạng trong sáng, là lập trường thể diện của con người mới Cam-pu-chia »



Cách mạng Cam-pu-chia đang ở vào thời kỳ phát triển vượt bậc. Thế và lực của cách mạng Cam-pu-chia đã mạnh lên gấp nhiều lần. Triển vọng của đất nước Ang-co rất tươi sáng. Không gì có thể đảo ngược thể diện lên của cách mạng Cam-pu-chia.

Như đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ trong lời chào mừng Đại hội thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, « thắng lợi rực rỡ của cách mạng Cam-pu-chia là thiên anh hùng ca về lòng yêu nước nồng nàn và ý chí quyết chiến, quyết thắng của một dân tộc muốn thật sự tự mình làm chủ vận mệnh của mình. Đó là thắng lợi của đường lối đúng đắn của một

đảng Mác-Lê-nin chân chính, không ngừng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp sức mạnh bản thân với sức mạnh chiến đấu của ba nước Đông-dương và của ba đồng minh cách mạng của thời đại, trước hết là của cộng đồng xã hội chủ nghĩa mà Liên-xô là trụ cột vững chắc, là chỗ dựa mạnh mẽ.

« Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam vô cùng tự hào có người đồng chí kiên cường, người bạn chiến đấu chung thủy là Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia » (33).

Trên chặng đường đi tới, nhân dân Cam-pu-chia giương cao ngọn cờ yêu nước chân chính và ngọn cờ đoàn kết quốc tế, nhất định sẽ thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, bảo vệ và xây dựng một nước Cam-pu-chia độc lập, có chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hòa bình, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

(33) Trích lời chào mừng của đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn, Trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt-nam tại Đại hội thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia (ngày 27-5-1961)

HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 59)

gạch ngói. Binh quân cứ 3 người dân có 1 người đang đi học ở các trường lớp xây dựng ở địa phương. Cứ 1 vạn dân có 25 giường bệnh. Hệ thống truyền thanh, thông tin nông thôn phát triển nhanh. Có 50% số hợp tác xã có hệ thống truyền thanh, đội sản xuất có loa, một số xã đã có loa mắc vào từng gia đình. Nhiều hợp tác xã có đội văn nghệ không chuyên nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn nghiệp vụ. Nhiều hợp tác xã có thư viện, tủ

sách, nhà văn hóa... Sự hoạt động truyền thanh, thông tin, văn hóa, văn nghệ trong các hợp tác xã đã có tác dụng đẩy lùi tập tục lạc hậu, phát triển nếp sống mới trong thôn xóm. Lực lượng lao động sản xuất trong các hợp tác xã được tổ chức lại đã gắn với công tác bảo vệ sản xuất và giữ gìn trật tự an ninh trong thôn xóm, làm cho nhân dân yên tâm sản xuất.

Tóm lại, phong trào hợp tác hóa ở Nghĩa-bình đã mở ra nhiều triển vọng tốt đẹp và thực tế đã đạt được những kết quả khá quan.

Tai họa mới đang giáng lên đầu nhân dân Trung-quốc

LÊ - TỊNH

DƯỚI danh nghĩa «chính đảng», một chiến dịch thanh trừng rộng lớn đang diễn ra ở Trung-quốc. Văn kiện chính thức của nhà cầm quyền Trung-quốc cho biết mục đích của chiến dịch này là nhằm «thống nhất tư tưởng, chỉnh đốn tác phong, tăng cường kỷ luật, làm trong sạch tổ chức» (1). Để đạt mục đích này, người ta thanh trừng «ba loại người». Loại người thứ nhất là «những kẻ nhỏ tạo phản ngoi lên trong cách mạng văn hóa». Loại thứ hai là «những người có tư tưởng bẻ phái nghiêm trọng, những người trong cách mạng văn hóa đã ra sức tuyên truyền tư tưởng phản động của tập đoàn phản cách mạng Lâm-Bưu - Giang-Thanh». Loại người thứ ba là «những phần tử đánh người, phá phách, cướp bóc; là những kẻ trong cách mạng văn hóa đã hãm hại cán bộ, quần chúng, dùng cực hình tra tấn để buộc họ cung khai, làm cho người khác bị tàn phế».

«Ba loại người» được vạch mặt chỉ trần trên đây chính là các lực lượng mà Mao Trạch Đông đã sử dụng để lật đổ Lưu-Thiếu-Kỳ - Đặng-

Tiêu-Binh trong «cách mạng văn hóa». Phát động chiến dịch nhằm thanh toán «ba loại người» này, Đặng-Tiêu-Binh tỏ rõ quyết tâm trả thù những kẻ đã lật đổ ông ta trong cách mạng văn hóa. «Ba loại người» này là phe cánh đối lập một mặt một cón với phe cánh Đặng-Tiêu-Binh. Sự tồn tại phổ biến của «ba loại người» này chứng tỏ hậu quả của «cách mạng văn hóa» là hết sức nghiêm trọng. Cuộc đấu đá quyết liệt giữa phe cánh Đặng-Tiêu-Binh và «ba loại người» chứng tỏ rằng Đảng cộng sản Trung-quốc chưa chấp những loại người luôn luôn sát phạt lẫn nhau để tranh giành quyền lợi, địa vị. Điều đó chứng tỏ Mao đã tạo lập nên cả một tầng lớp xã hội đặc quyền đặc lợi làm chỗ dựa cho chế độ thống trị của ông ta. Di sản đó của Mao để lại cho Trung-quốc thật là nặng nề và tai hại.

Sự tồn tại của «ba loại người» chứng tỏ các biện pháp thanh trừng

(1) Trong bài này những câu và chữ trong ngoặc kép là trích từ thông báo của Hội nghị thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc khóa 12, ngày 12-10-1983.

mà phe cánh Đặng-Tiêu-Binh đã thực hiện từ trước đến nay không có kết quả. Kể từ khi trở lại cầm quyền, Đặng đã ra sức thanh lọc đối phương bằng nhiều chiến dịch. Trước tiên là việc xét xử bệ lũ bôn tèn. Tiếp đó là danh đồ phái «hai phạm là» (2). Sau đó là chiến dịch «bốn hóa» trong đó «trẻ hóa» là chính. Cái gọi là «trẻ hóa» là cốt đẩy phe cánh đối lập vào hầu trường được gọi là «tuyên hai», hoặc cho họ về vườn. Lại còn chiến dịch «cải cách cơ cấu hành chính», «chân chỉnh bộ máy các cấp». Gần đây nhất là chiến dịch học tập «Đặng tuyên», nhằm nhào nặn đất nước Trung-quốc theo tư tưởng của Đặng khiến cho tư tưởng của Đặng «thật sự đóng vai trò thông soái trong lĩnh vực tư tưởng». Cái gọi là tư tưởng của Đặng chỉ là một mô hỗn tạp những tư tưởng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, nhất là tư tưởng số vanh đại Hán, bôn lữ trường bá quyền, chủ nghĩa chống Liên-xô, chống Việt-nam và cách mạng thế giới. Mục đích của Đặng là nhằm tạo cơ sở tư tưởng và tổ chức cho việc thực hiện các chính sách phản động của Đặng. Tuy nhiên, dù có dùng mọi thủ đoạn ma mãnh, phe cánh Đặng-Tiêu-Binh chỉ mới nắm được đa số ở cấp trung ương. Mọi chủ trương biện pháp của Đặng chỉ được thông qua trót lọt ở bên trên, còn khi đưa xuống dưới thì bị cản trở, tác nghẽn. Trước tình hình đó, tập đoàn Đặng-Tiêu-Binh quyết định mở chiến dịch «chỉnh đàng một cách toàn diện và có hệ thống» kéo dài trong ba năm kể từ mùa thu năm 1983. Vì sao Đặng-Tiêu-Binh lại phải phát động chiến dịch thanh trừng mới? Đó là vì việc thực hiện các chính sách của Đặng vấp phải sự chống đối mạnh mẽ. Đặng-Tiêu-Binh phải huy động lực lượng để bẹp các thế lực chống đối để thực hiện cho kỳ được các chính sách của ông ta.

Trong Đảng cộng sản Trung-quốc và trong xã hội Trung-quốc, ngoài

phe cánh «cách mạng văn hóa» đối lập với phe cánh Đặng-Tiêu-Binh, còn có các lực lượng khác chống lại đường lối của Đặng. Trước hết đó là những người cộng sản chân chính và đông đảo nhân dân lao động Trung-quốc. Họ muốn đưa Trung-quốc đi theo con đường cách mạng chân chính. Họ bị Đặng-Tiêu-Binh chụp cho cái mũ «bê phái» để lấy cớ đàn áp. Biết rõ nhân dân đã chán ghét bọn tạo phản trong cách mạng văn hóa, Đặng-Tiêu-Binh đã khôn khéo hùa họ vào cùng một bị với bọn này để thanh trừng. Đặng-Tiêu-Binh cũng gán cho họ đủ mọi thứ tội, nào là «ngoan cố chống lại đường lối» của Đặng, nào là «ngghi ngờ và phủ nhận hoặc cố tình xuyên tạc bốn nguyên tắc cơ bản» (do Đặng nêu ra), nào là «đi ngược lại đường lối, phương châm và những chính sách cơ bản» của Đặng, nào là «công khai phản đối hoặc ngấm ngấm chống lại» quan điểm tư tưởng của Đặng. Quả đúng là trong Đảng cộng sản Trung-quốc và trong nhân dân Trung-quốc đang ngày càng có nhiều người tỏ rõ sự bất bình đối với các chính sách đối nội và đối ngoại của Đặng-Tiêu-Binh. Những người Trung-quốc có hiểu biết không thể chịu nổi trước chính sách của Đặng đang đề cho chủ nghĩa tư bản trời dấy, kinh tế tư nhân phát triển, nạn bóc lột tràn lan, kẻ giàu càng giàu thêm và sống phê phồn trong khi hàng chục triệu người lao động Trung-quốc bị thất nghiệp hoặc nai lưng làm việc cật lực mà kiếm chẳng đủ ăn. Những người Trung-quốc có lòng yêu nước đau xót thấy Đặng đề cho tư bản phương Tây thâm nhập, vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động, chu

(2) Chỉ phái Hoa-Quốc-Phong do câu sáo này của Hoa-Quốc-Phong: «Phạm là những quyết sách do Mao chủ tịch đề ra, chúng ta đều kiên quyết bảo vệ. Phạm là những chỉ thị của Mao chủ tịch đề ra, trước sau như một chúng ta luôn luôn tuân theo».

đạp độc lập và chủ quyền đất nước Trung-hoa. Những người cách mạng chân chính Trung-quốc phản uất trước chính sách của tập đoàn Đàng-Tiểu-Binh bắt tay với đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế để chống Liên-xô, xâm lược Việt-nam, và chống phá cách mạng thế giới. Họ xót xa thấy tập đoàn Đàng-Tiểu-Binh đang biến Trung-quốc thành một xã hội rạp khuôn phương Tây, tràn ngập những "làn sóng không lành mạnh và đồi trụy". Chính sách "mở cửa" sang phương Tây của Đàng đã khiến cho xã hội Trung-quốc vốn mang thương tích đầy mình, không phương cứu chữa, do « cách mạng văn hóa » gây ra, lại thêm bị « đục ruỗng », lở loét, bệnh hoạn, đầy dẫy « ung nhọt ». Trước cảnh đau lòng đó, những người cộng sản chân chính, những người yêu nước ở Trung-quốc không thể đứng đưng. Họ kiên quyết phản đối các chính sách phản động về đối nội và đối ngoại của Đàng-Tiểu-Binh. Đàng-Tiểu-Binh coi lực lượng chống đối này là đối tượng thanh trừng và quyết đề bẹp cho kỳ được.

Cuộc thanh trừng mang danh « chỉnh đàng » hiện nay ở Trung-quốc của Đàng-Tiểu-Binh có hai mặt. Một mặt, đây là cuộc sát phạt nội bộ, cuộc vật lộn sống mái nhằm giành giật đặc quyền đặc lợi giữa các phe phái trong giới cầm quyền Trung-quốc. Hiện tượng này lặp đi lặp lại như là một quy luật ở đất nước Trung-hoa của chủ nghĩa Mao. Tuy là đấu đá nội bộ, nhưng nó không chỉ gây đảo lộn, đổ vỡ trong Đàng cộng sản Trung-quốc, mà tác động sâu sắc và rộng lớn đến toàn bộ đời sống xã hội Trung-quốc. Mặt khác đây là cuộc đàn áp những người cộng sản chân chính, những người yêu nước Trung-quốc, là chiến dịch khủng bố nhân dân Trung-quốc, kẻ cả thanh niên, trí thức, văn nghệ sĩ, giới nghiên cứu khoa học xã hội,

khoa học tự nhiên, cho đến cả công nhân, nông dân và quân đội Trung-quốc... Nghĩa là tất cả những ai không làm theo chính sách của Đàng đều không thoát khỏi ngọn đòn trừng trị dưới mọi hình thức của tập đoàn Đàng-Tiểu-Binh.

Mục tiêu của Đàng lần này là quyết nhổ tận gốc tróc tận rễ phe phái đối lập và đàn áp thẳng tay quân chúng nhân dân Trung-quốc để áp đặt cho được « tư tưởng Đàng-Tiểu-Binh » tức chủ nghĩa sô vanh đại Hán, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, chủ nghĩa chống Liên-xô và chống cộng sản điên cuồng. Đó cũng là thứ chủ nghĩa cơ hội và thực dụng vô liêm sỉ, hạ mình trước đồ la và kỹ thuật của Mỹ và phương Tây để hiện đại hóa, trước hết là hiện đại hóa quân sự, nhằm nhanh chóng vươn lên địa vị siêu cường, làm bá chủ thiên hạ, trước hết là thôn tính Việt-nam, Đông-dương và Đông Nam châu Á.

Dư luận thế giới những ngày gần đây rất chú ý những gì đang diễn ra ở Trung-quốc. Nhiều người nhất trí cho rằng Đàng đang tìm cách gạt bỏ mọi trở ngại để dọn đường cho chính sách thân Mỹ và phương Tây của ông ta. Nhiều người tỏ ra không đồng tình với những biện pháp đàn áp dã man kiểu trung cổ mà tập đoàn Đàng-Tiểu-Binh đang thực hành để đạt tới mưu đồ của họ. Chỉ riêng đế quốc Mỹ cũng như bọn diệt chủng Pôn Pốt và hết thảy bọn phản động cùng loại trên thế giới vỗ tay chúc mừng và mong cho Đàng thành công. Vì rõ ràng là số phận của Đàng đang gắn liền với lợi ích của bọn này.

Với bản chất phản động, chống nhân dân, tập đoàn Đàng-Tiểu-Binh không thể thành công trong mưu đồ của họ. Nhân dân Trung-quốc đã từng được rèn luyện trong quá trình cách mạng lâu dài nhất định không cam

(Xem tiếp trang 88)

PHÁI TẢ NĂM CHÍNH QUYỀN HAY LÀ CHÍNH QUYỀN NĂM PHÁI TẢ ?

Kể từ ngày ông Mi-tơ-ran, lãnh tụ Đảng xã hội Pháp, vào điện Ê-li-xê đến nay đã được hơn hai năm. Hai năm qua, ông Mi-tơ-ran và Đảng xã hội Pháp đã thực hiện chủ nghĩa xã hội ở nước Pháp như thế nào ?

Trong thời gian đầu, Đảng xã hội Pháp, đảng cầm quyền ở nước Pháp với sự tham gia của vài đại diện Đảng cộng sản trong chính phủ, đã thực hiện những cuộc cải cách kinh tế xã hội quan trọng như: quốc hữu hóa các ngân hàng tư nhân, đưa công nhân tham gia quản lý các xí nghiệp, đem lại một số quyền lợi cho những người lao động, chăm sóc những người già, tăng quyền cho các địa phương và bớt tập trung quan liêu vào chính phủ trung ương, v.v. Những cải cách đó có lợi cho nhân dân lao động. Có được những cải cách đó là do đòi hỏi của dòng đạo quan chúng lao động: do sự thúc đẩy của Đảng cộng sản Pháp, một đảng tham gia liên minh cầm quyền; do Đảng xã hội Pháp chưa quên những lời hứa hẹn trong thời gian vận động bầu cử và muốn đền đáp công ơn những người đã đưa họ lên cầm quyền.

Nhưng sau đó chẳng bao lâu những người cầm đầu Đảng xã hội Pháp và

những đại diện của đảng đó trong Chính phủ đã quên những lời hứa hẹn của họ trước đây với cử tri. Họ cũng chẳng lắng nghe ý kiến của những đại diện của Đảng cộng sản Pháp là những đồng minh của họ trong chính phủ. Càng ngày họ càng lui bước trước sức ép của các lực lượng cánh hữu ở trong nước và ở ngoài nước. Các cuộc cải cách có tính chất tiến bộ ngừng lại. Từng bước, từng bước, Chính phủ do Đảng xã hội nắm ưu thế tuyệt đối, xa rời chương trình mà đảng đó đã công bố trong cuộc vận động bầu cử năm 1981 để hứa hẹn với cử tri. ☼

Tháng 3-1983, chính phủ phải tả do Đảng xã hội lũng đoạn công bố « kế hoạch Đơ-loóc » (Delors), kế hoạch mang tên bộ trưởng kinh tế và tài chính đảng viên Đảng xã hội Pháp, thi hành chính sách « tiết kiệm ngặt nghèo ». Đây là một đòn mạnh giáng vào đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp. Trong lúc giá các mặt hàng thiết yếu đời với đời sống tăng vùn vụt, chính phủ vẫn chủ trương giữ nguyên tiền lương không tăng.

Nước Pháp ngày càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng nhưng ông Mi-tơ-ran không có một chương trình thiết

thực nào để đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng đó. Vấn đề xã hội nghiêm trọng nhất là vấn đề công ăn việc làm. Hiện nay ở nước Pháp có trên hai triệu người thất nghiệp. Ông Mi-to-ran không có cách nào tìm việc làm cho họ để họ có thể kiếm sống và nuôi gia đình.

Về các chính sách đối ngoại, ông Mi-to-ran còn thiên hữu hơn cả người tiền nhiệm của ông ta. Dưới sự lãnh đạo của ông, nước Pháp theo đuổi Mỹ trên nhiều vấn đề quốc tế. Ông tán thành việc đặt tên lửa mới của Mỹ ở châu Âu. Ông qua Anh để cùng bà nữ thủ tướng nước này ủng hộ Mỹ trong việc đặt các tên lửa có cảnh của Mỹ ở châu Âu. Ông ủng hộ các kế hoạch của Mỹ nhằm phá vỡ thế cân bằng lực lượng hạt nhân hiện tại ở châu Âu giữa hai khối. Ông trục xuất các nhà ngoại giao Liên-xô ở Pháp.

Trong chính sách đối với các nước ngày trước đã từng ở trong cái gọi là "nước Pháp ở hải ngoại" ông Mi-to-ran cũng tỏ ra là đã vượt cả người tiền nhiệm của ông ta. Ông đã gửi 4000 quân sang nước Sét ở châu Phi, dùng vũ trang can thiệp vào công việc nội bộ của nước này. Ông cũng đã gửi quân sang Li-băng và dùng máy bay ném bom "trừng phạt" những người yêu nước của nước này.

Tóm lại, về các chính sách đối nội cũng như về các chính sách đối ngoại, nước Pháp dưới quyền của một ông tổng thống "xã hội" cũng chẳng khác gì nước Pháp dưới quyền của một ông tổng thống tư bản, trái lại, còn có phần thiên hữu hơn.

Sau hơn hai năm Đảng xã hội chấp chính, nước Pháp vẫn là nước pháp tư bản, nước Pháp đế quốc.

Cách đây hơn hai năm, khi ông Mi-to-ran vào điện Ê-li-dê, người Pháp reo mừng «phái tả đã nắm được chính quyền». Ngày nay, người Pháp mới vỡ lẽ rằng «chính quyền (tư sản) đã nắm được phái tả (xã hội)».

Tình hình nước Pháp, một lần nữa, chứng minh rằng quan điểm sau đây của những người theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin là hoàn toàn đúng đắn: «Chủ nghĩa xã hội dân chủ (quốc tế thứ hai) là kẻ giữ nhà cho Tư bản».

PHƯƠNG-SƠN

Tai họa mới...

(Tiếp theo trang 86)

chịu làm nô lệ cho Đặng-Tiêu-Binh. Rốt cuộc, cuộc xâu xé nội bộ và những biện pháp đàn áp nhân dân của tập đoàn Đặng-Tiêu-Binh lại gieo tai họa lên đất nước Trung-hoa. Chúng ta thông cảm sâu sắc với nhân dân Trung-quốc đang đau khổ dưới bàn tay đàn áp tàn khốc của tập đoàn Đặng-Tiêu-Binh. Chúng ta tin chắc rằng nhân dân Trung-quốc anh em cuối cùng sẽ đưa đất nước mình trở lại con đường xã hội chủ nghĩa chọn chính, con đường duy nhất có khả năng đem lại hòa bình, tự do và hạnh phúc cho nhân dân Trung-quốc.

«ТАПЧН КОНГШАН» № 12 — 1983

ПЕРЕДОВАЯ — Крепить обороноспособность страны. ★ ★ ★ — Крепить солидарность и всестороннее сотрудничество с братскими Лаосом и Кампучией. — Речь тов. Ле Зуана на V съезде вьетнамских профсоюзов. **ХОАНГ МИНЬ ТХАО** — Искусство пользоваться сложившейся ситуацией. ★ ★ ★ — Парализовать движение соревнования в частях вооруженных сил. Умножать боевые традиции народной армии, поднять ее боеспособность. ★ ★ ★ — Дать новый толчок развитию вьетнамской прессы. **ТХАНЬ ШОН** — Достижения сельского хозяйства братского народа. **ЛНДР. ЛЕ ТИНЬ** — Новые бедствия обрушиваются на китайский народ. **ФЫОНГ ШОН** — Левые и администрация — кто кем управляет?

REVIEW OF COMMUNISM № 12-1983

Editorial — Building up National Defence Forces. ★ ★ ★ — Strengthening the Solidarity and All-Sided Cooperation with Fraternal Laos and Kampuchea. — Comrade Le Duan's Speech Presented at the 5th National Congress of the Vietnamese Trade Unions. **HOANG-MINH-THAO** — The Art of Seizing Opportunity. ★ ★ ★ — Giving Impetus to the Movement of «Bringing into Full Play the Good Nature and Enhancing the Combative Strength» of the People's Armed Forces. ★ ★ ★ — Striving for a New Stage in the Development of our Press. **THANH-SON** — Achievements in Agricultural Production of the Lao People. **LE-TINH** — Another Disaster Befalls the Chinese People. **PHUONG-SON** — Left-Wing Forces Control the Administration or the Administration Gets Left-Wing Forces under Control?

REVUE DU COMMUNISME № 12-1983

Editorial — Edifier les forces de défense nationale. ★ ★ ★ — Renforcer la solidarité et la coopération multiforme avec le Laos et le Kampuchéa frères. — Allocution du secrétaire général du PCV Le Duan au Ve Congrès de la Fédération des syndicats du Vietnam. **HOANG-MINH-THAO** — L'art de savoir saisir le moment opportun. ★ ★ ★ — Donner une nouvelle impulsion au mouvement «Faire valoir la bonne qualité, élever la combativité» des forces armées populaires. ★ ★ ★ — Pour une nouvelle étape de développement de notre presse. **THANH-SON** — Succès dans la production agricole du peuple Lao frère. **LE-TINH** — Nouvelle catastrophe pour le peuple chinois. **PHUONG-SON** — La gauche au pouvoir ou le pouvoir tient la gauche?

REVISTA DEL COMUNISMO № 12-1983

Editorial — Edificar las fuerzas de defensa nacional. ★ ★ ★ — Intensificar la solidaridad y cooperación multifacéticas con los dos países hermanos Laos y Kampuchea. — Alocución del camarada Le Duan en el V Congreso Nacional de los Sindicatos de Vietnam. **HOANG-MINH-THAO** — El arte de aprovechar la oportunidad. ★ ★ ★ — Seguir dando impulso al movimiento de «poner en alto la naturaleza buena y elevar la fuerza combativa» de las Fuerzas Armadas Populares. ★ ★ ★ — Esforzarse por un nuevo periodo de desarrollo de nuestros periódicos. **THANH-SON** — Los éxitos logrados en la producción agrícola del pueblo hermano de Laos. **LE-TINH** — Un nuevo desastre del pueblo chino. **PHUONG-SON** — ¿Toman los izquierdistas el poder o domina el poder a los izquierdistas?

MỤC LỤC

Xã luận - Xây dựng lực lượng phòng thủ đất nước	1
★ ★ ★ - Tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em	7
Bài nói của đồng chí Lê-Duẩn tại Đại hội lần thứ năm của Công đoàn Việt-nam	12
HOÀNG-MINH-THẢO - Nghệ thuật thời cơ	18
LÊ-DẠI - Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ở Quảng-ninh	24
THIÊN-NHÂN - Bước tiến mới của Thái-bình trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng	31
★ ★ ★ - Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân	37
★ ★ ★ - Phân đấu cho một thời kỳ phát triển mới của báo chí ta	41
Y NGÔNG NIEK DAM - Bước đi của tỉnh Đắc-lắc	47
TÔ-DÌNH-CƠ - Hợp tác hoa nông nghiệp tỉnh Nghĩa-bình	53
Điều tra ★ HỮU-HANH - Xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất	60
THANH-SƠN - Thắng lợi trong sản xuất nông nghiệp của nhân dân Lào anh em	65
TÔ-QUYỀN - Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân Cam-pu-chia (tiếp theo)	68
LÊ-TỊNH - Tai họa mới đang giáng lên đầu nhân dân Trung-quốc	84
PHƯƠNG-SƠN - Phải tả năm chính quyền hay chính quyền năm phải tả?	87

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CÔNG SẢN

NĂM 1983

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I — Những vấn đề chung về đường lối, chính sách của Đảng		
Ba sức thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng	<i>Xã luận</i>	1
Bổng chí Lê-Đức-Thọ trả lời phỏng vấn của Thông tấn xã APN (Liên-xô)	<i>Lê-Đức-Thọ</i>	1
Nâng cao tính tổ chức và kỷ luật của cán bộ, đảng viên	<i>Xã luận</i>	2
Phát triển nghề rừng là sự nghiệp lớn của toàn Đảng, toàn dân	<i>Phạm-Văn-Dũng</i>	2
Tạo một chuyển biến mạnh mẽ về ý chí và hành động	<i>Xã luận</i>	3
Đổi mới sự phân cấp trong quản lý kinh tế	<i>Tổ-Hữu</i>	3
Hoàn kết là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của ba nước Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam	<i>Xã luận</i>	4
Xây dựng Hà-nội xứng đáng là thủ đô anh hùng của nước ta	<i>Xã luận</i>	6
Thực hiện tốt việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp	<i>Đỗ-Mười</i>	6
Thấu suốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế-xã hội	<i>Xã luận</i>	7
Phân đấu tạo ra những tiến bộ mới trong sự nghiệp xây dựng thủ đô	<i>Lê-Duẩn</i>	7
Tổ chức sắp xếp lại công tác giao thông vận tải từ địa bàn huyện	<i>Đồng-Sỹ-Nguyên</i>	7
Tăng cường công tác tư tưởng và công tác tổ chức	<i>Xã luận</i>	8
Đưa nhân dân các dân tộc Đak-lắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội	<i>Trương-Chinh</i>	8
Mấy ý kiến góp phần quán triệt nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương	<i>Hoàng-Tùng</i>	8
Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động	<i>Xã luận</i>	9
Vươn tới đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng to lớn của nhân dân ta	<i>Xã luận</i>	10

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
— Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa xã hội là cuộc gặp gỡ hay và đẹp như cùng hẹn trước	Phạm-Văn-Đồng	10
— Đây mạnh cái tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh	Xã luận	11
— Bài nói của đồng chí Trường-Chinh với cán bộ và đại biểu nhân dân tỉnh Đồng-nai	Trường-Chinh	11
— Xây dựng lực lượng phòng thủ đất nước	Xã luận	12
— Bài nói của đồng chí Lê-Duẩn tại Đại hội lần thứ năm của Công đoàn Việt-nam		12
II — Kinh tế		
— Mấy vấn đề cần giải quyết để đưa nền công nghiệp nước ta tiến lên	Trường-Sơn	1
— Đổi mới quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh	Lê-Thanh-Nghị	1
— “Khoản mới” và hoàn thiện cơ chế khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	Vũ-Hữu-Ngoan	1
— Một số vấn đề về xây dựng huyện	Vũ-Oanh	2
— Mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh	Vân-Tùng	2
— Phát triển sản xuất nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long	Nguyễn-Đàng	3
— Thâu suốt tư tưởng của Hồ Chủ tịch về tiết kiệm	Nguyễn-Ngọc-Nam	3
— Về các quy luật kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Trần-Hồ	3
— Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp	Đường-Hồng-Đật	4
— Bảo đảm quyền tập trung thống nhất của Nhà nước về tài chính, tiền tệ	Lê-Như-Bách	4
— Long-phú — một huyện mạnh	Nguyễn-Kiến-Phước	4
— Mấy vấn đề về phân cấp quản lý kinh tế trong tình hình hiện nay	Nguyễn-Văn-Trần	6
— Đổi mới công tác kế hoạch hóa và phân cấp quản lý kinh tế	Chế-Việt-Tấn	6
— Hiệu quả sản xuất trên địa bàn huyện Hoàng-hóa	Hữu-Hạnh	6
— Về nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế	Nguyễn-Duy-Trinh	7
— Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đây mạnh cái tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ	★★★	7
— Thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh thuế công thương nghiệp	Chu-Tam-Thức	7
— Kinh tế gia đình	Trường-Sơn	7
— Kinh tế xuất khẩu trên địa bàn huyện	Hữu-Hạnh	8

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
· Làm tốt công tác thu mua năm nguồn hàng ·	<i>Lê-Hữu-Dũng</i>	9
· Xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện Điện-Bàn	<i>Lê-Văn-Phong</i>	9
· Một số vấn đề về vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa	<i>Chế-Viết-Tấn</i>	10
· Kết quả bước đầu thực hiện cơ chế quản lý mới ở Liên hiệp lâm - công nghiệp Ea Súp	<i>Phan-Thanh-Xuân</i>	10
· Thấu suốt và thi hành nghiêm chỉnh chính sách thuế nông nghiệp mới	<i>Chu-Tam-Thức</i>	10
· Một số vấn đề về quản lý, bảo vệ rừng ở nước ta	<i>Phan-Xuân-Đợt</i>	10
· Bước đi của tỉnh Đắk-lắc	<i>Y Ngóng Niêk Đam</i>	12
· Hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh Nghĩa-bình	<i>Tô-Dinh-Cơ</i>	12
· Xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất	<i>Hữu-Hạnh</i>	12
 III- Chính trị - Triết học - Quân sự 		
· Đoàn kết quân dân trên chiến trường Tây-nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	<i>Hoàng-Minh-Thảo</i>	3
· Thực hiện tốt quy chế về đại biểu Quốc hội	<i>Phan-Trung-Lý</i>	3
· Bản chất của luật hình sự xã hội chủ nghĩa	<i>Nguyễn-Ngọc-Minh</i>	4
· Đại đoàn kết, đại thành công	★★★	7
· Bồi dưỡng và phát huy ý chí quyết chiến quyết thắng của các lực lượng vũ trang nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	<i>Đặng-Vũ-Hiệp</i>	7
· Một kinh nghiệm về xây dựng huyện thành pháo đài quân sự	<i>Nguyễn-Quyết</i>	8
· Giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường hiện nay ở nước ta	<i>Nguyễn-Vĩnh</i>	9
· Giáo dục pháp luật trong nhân dân	<i>Nguyễn-Ngọc-Minh</i>	10
· Một số vấn đề của khoa học xã hội trên trận địa tư tưởng hiện nay	<i>Vũ-Khiêu</i>	10
· Hội đồng nhân dân - công cụ làm chủ của nhân dân lao động	<i>Nguyễn-Hữu-Thọ</i>	11
· Nghệ thuật thời cơ	<i>Hoàng-Minh-Thảo</i>	12
· Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ở Quảng-ninh	<i>Lê-Đạt</i>	12
· Bước tiến mới của Thái-bình trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng	<i>Thiện-Nhân</i>	12

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân	★★★	1
IV - Văn hóa - giáo dục		
- Trao đổi ý kiến: Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam	Vũ-Kiêu, Phạm-Huy-Thống, Tương-Lai, Lê-Anh-Trà, Hữu-Ngọc, Hoàng-Chương, Hồng-Chương	1
- Phú-lợi-thượng chăm lo xây dựng nông thôn mới, cuộc sống mới	Trúc-Giang	3
- Xây dựng quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa người với người	Phong-Châu	2
- Thực hiện cho được giáo dục môi trường ngoài nhà trường	Đào-Văn-Tiến	4
- Tạo một chuyển biến mạnh mẽ trong sáng tạo văn học nghệ thuật	★★★	6
- Công tác lý luận, phê bình văn nghệ mấy năm qua	Phan-Cự-Đệ	6
- Nghệ thuật đấu phải là hàng hóa?	Lê-Xuân-Vũ	6
- Mấy vấn đề lý luận văn học, nghệ thuật tại miền Nam hiện nay	Trần-Trọng-Đặng-Dân	6
- Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở	Nguyễn-Văn-Hiến	7
- Hiện thực chiến tranh và sáng tạo văn học	Đinh-Xuân-Dũng	9
- Về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch	Nguyễn-Đình-Quản	9
- Bảo vệ sức khỏe nhân dân	★★★	11
- Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động y tế	Đặng-Hồi-Xuân	11
- Phân đấu cho một thời kỳ phát triển mới của báo chí ta	★★★	12
- Cách mạng và văn hóa	★★★	11
V - Đảng - Các tổ chức quần chúng		
- Xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh	Chính-Trực	2
- Về Đồng-dương cộng sản liên đoàn	Trần-Hữu-Chương	2
- Nhìn lại chặng đường đấu tranh của Đảng chống bọn tồ rồit kít	Thế-Tập	2
- Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác vận động thanh niên	Vũ-Mèo	2
- Quốc tế cộng sản và cách mạng Đồng-dương	Nguyễn-Thành	2
- Tạp chí Cộng sản	Hồng Chương	3
- Nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu lịch sử Đảng	Hương-Son	4
- Nâng lực tổ chức và việc rèn luyện năng lực tổ chức	Nguyễn-Hải-Khoát	4

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh	<i>Thế-Tập</i>	6
Lựa chọn cán bộ	<i>Phạm-Quần</i>	6
Nhớ lại những ngày đi dự Đại hội thứ sáu của Quốc tế cộng sản	<i>Nguyễn-Văn-Tạo</i>	7
Phẩm chất đảng viên	<i>(Thế Tậ p, ghi)</i>	8
Nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin	★★★	8
Xây dựng đội ngũ công nhân mới xã hội chủ nghĩa ở thành phố Hồ-Chi-Minh	<i>Lê-Xuân-Lưu</i>	8
Một tấm gương tự phê bình và phê bình: Hội nghị thành lập Đảng	<i>Anh-Thống</i>	8
Tư tưởng, tổ chức và kinh tế	<i>Hồng-Chương</i>	8
Tổ chức khoa học các hệ thống tài liệu, văn kiện, phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý	<i>Nguyễn-Đức-Bình</i>	9
Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh	<i>Nguyễn-Văn-Thâm</i>	9
	<i>Phạm-Thế-Duyệt</i>	11
VI - Sinh hoạt chính trị - tư tưởng		
Dám nghĩ, dám làm	<i>Chinh-Trực</i>	5
“Ê kíp” và “cánh hầu”	<i>Nguyễn-Trung-Thực</i>	8
Thư bạn đọc: Ý kiến của đảng viên	<i>Huỳnh-Tân-Xã</i>	8
Phát hiện tài năng mới	<i>Chu-Mộng</i>	9
Độc đoán, chuyên quyền	<i>Vân-Chàng</i>	10
VII - Kỷ niệm lần thứ 165 Ngày sinh và . lần thứ 100 Ngày mất của Các Mác		
Chủ nghĩa Mác - vũ khí tư tưởng của chúng ta	<i>Xã luận</i>	5
Học thuyết kinh tế của Các Mác và thực tiễn xây dựng kinh tế ở nước ta	<i>Đào-Văn-Tập</i>	5
Con đường dẫn Bắc Hồ đến chủ nghĩa Mác	<i>Hồng-Quảng</i>	5
Học thuyết của Các Mác và một số vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô	<i>Lư. V. An-đrô-pốp</i>	5
Các Mác và thời đại chúng ta	<i>Nguyễn-Vinh</i>	5
Con đường dẫn Các Mác đến chủ nghĩa cộng sản	<i>Nguyễn-Văn-Phùng</i>	5
Các Mác và vấn đề thuộc địa	<i>Nguyễn-Thành</i>	5
Ý luận quản sự của Mác và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay	<i>Phạm-Hồng-Sơn</i>	6
Bài học về lao động khoa học của C. Mác	<i>Phạm-Như-Cương</i>	6
VIII - Quốc tế		
Nhìn qua thế giới năm 1982	★★★	1
Chúng ta xuyên tạc trắng trợn lịch sử dân tộc Việt-nam	<i>Văn-Tân</i>	2
Nền nông nghiệp hiện đại của Liên-xô	<i>Nguyễn-Ngọc-Fuân</i>	4

TÊN BÀI	TÁC GIẢ
— Những bài học không sao tìm thấy — Một bước tiến mới của phong trào không liên kết — Cuộc tiến công khàn trường và rộng lớn cho hòa bình — Tám mươi năm đấu tranh anh dũng và thắng lợi vẻ vang — Kỷ niệm lần thứ 80 Đại hội thứ II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga — Thắng lợi trên mặt trận sản xuất và bảo vệ an ninh của nhân dân Cam-pu-chia — Thắng lợi quan trọng của phong trào hòa bình — Bước leo thang nguy hiểm về chiến lược quân sự của Ri-gan: từ "thanh kiếm và lá chắn" đến "hai thanh kiếm" — Chủ nghĩa bành trướng đại Hán trong lịch sử — Đảng cộng sản Lào-đào-nha vững bước tiến lên — Chặn bàn tay hiếu chiến của đế quốc Mỹ — Trả lời phỏng vấn của Đại phát thanh Mát-xcơ-va — Một vụ khiêu khích trắng trợn chống Liên-xô — Đảng cộng sản Hy-lạp đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội — Chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong hành động — Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia - đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân Cam-pu-chia — Đánh chiếm Grê-na-đa, đế quốc Mỹ để lộ bộ mặt xâm lược hung ác của nó — Tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em — Thắng lợi trong sản xuất nông nghiệp của nhân dân Lào anh em — Tai họa mới đang giáng lên đầu nhân dân Trung-quốc — Phải tả năm chính quyền hay là chính quyền năm phải tả?	<i>Thanh-Tin</i> <i>Vũ-Hiền</i> <i>Thanh-Tin</i> <i>Vũ-Tiền</i> <i>I-van Ca-pi-lô-nốp</i> <i>Hồng-Cảnh</i> <i>Vũ-Hiền</i> <i>Nhuận-Vũ</i> <i>Vân-Duy</i> <i>Lê-Tĩnh</i> ★★★ ★ <i>Vũ-Hiền</i> <i>Yến-Vân</i> <i>Trần-Quỳnh</i> <i>Tô-Quyen</i> <i>Phượng-Sơn</i> ★★★ <i>Thanh-Sơn</i> <i>Lê-Tĩnh</i> <i>Phượng-Sơn</i>
IX - Đọc sách báo	
— Bọn đế quốc và phản động không thể đảo ngược được tình thế — "Mấy vấn đề về đảng cầm quyền" - một tác phẩm mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc — Một cuốn sách quý về thanh niên	<i>Phạm-Xuyến</i> <i>Tiến-Hải</i> <i>Tiến-Hải</i>
X - Văn kiện - Tư liệu	
— Thư chúc mừng năm mới của Chủ tịch Trường-Chinh — Tuyên bố của Hội nghị cấp cao Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam — Tuyên bố về quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia — Một tư liệu lịch sử	<i>Dinh-Xuân-Fâm</i>

Tìm đọc :

C. MÁC – PH. ĂNG - GHEN

- Toàn tập (tập 2)
- Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (tái bản)

V. I. LÊ - NIN

Về công tác tuyên truyền và cổ động

HỒ - CHÍ - MINH

- Về phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm
- Về tư cách người đảng viên cộng sản

TỐ - HỮU

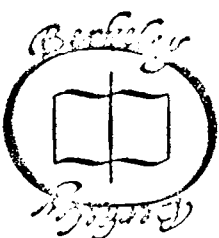
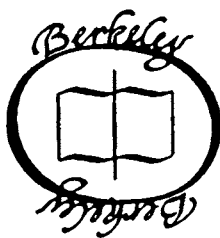
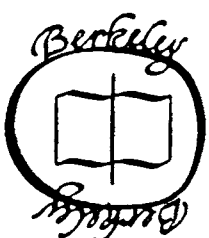
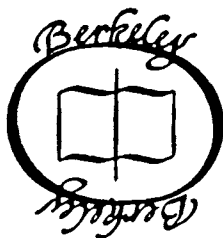
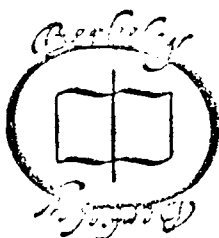
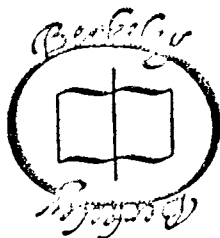
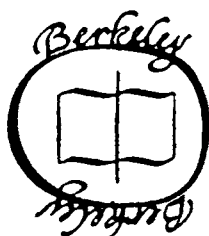
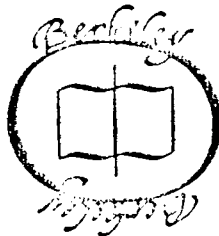
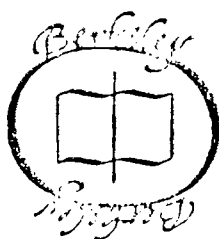
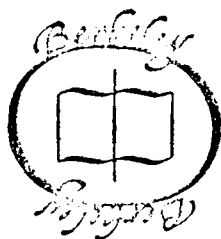
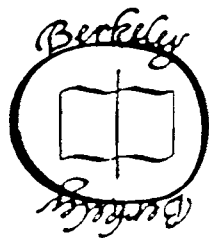
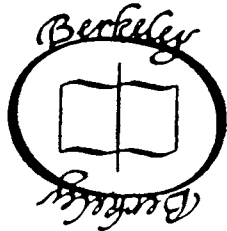
Một số vấn đề cần nắm vững khi thực hiện Nghị quyết
Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương

★ ★ ★

Việt-nam – đất nước giàu đẹp (tập 2)



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT





8000290510

